



MẠC NGÔN
tập văn

Người tỉnh,
nói chuyện mộng du



LIÊN KẾT XUẤT BẢN:
CÔNG TY VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

MẠC NGÔN

*Người tỉnh,
nói chuyện mộng du*

Tuyển tập tản văn
TRẦN TRUNG HỖ dịch

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

“会唱歌的墙”越南文版由中国莫言作家授权方南文化公司出版

DỊCH THEO BẢN TIẾNG TRUNG “BỨC TƯỜNG BIẾT HÁT”

NXB NHÂN DÂN NHẬT BÁO, 2004

SÁCH ĐƯỢC NHÀ VĂN TRUNG QUỐC MẠC NGÔN

CHUYỂN GIAO BẢN QUYỀN CHO

CÔNG TY VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Vì sao tôi in tuyển tập này

(Thay lời tựa)

Đây là tập “tản văn - tùy bút” đầu tiên của tôi, nhưng cũng thành thực mà thừa nhận rằng, đây là một “mâm lòng dê” hổ lốn, bởi tôi không thể phân định một cách chính xác những bài viết trong này suy cho cùng là tản văn hay tạp văn, tùy bút hay là một cái gì khác nữa. Không ngờ rằng mười mấy năm nay, ngoài tiểu thuyết và kịch bản, tôi còn viết lung tung nhiều đến như vậy. Mấy năm trước, khi mà tùy bút và tản văn đang hồi ăn khách, có mười mấy nhà xuất bản động viên tôi đem những bài lung tung ấy biên tập thành tuyển tập, tôi cảm thấy không mấy hứng thú, nói chính xác hơn là không dám. Tôi vẫn thường nghĩ rằng, người viết tiểu thuyết lúc nào cũng cố ý giả trang, bôi phấn bôi kem lờ lợt khiến độc giả khó mà hình dung được gương mặt thật của tác giả trong tiểu thuyết, nhưng trong những bài tản văn (cũng có thể gọi là tùy bút, cũng có thể gọi là tạp văn đại loại như vậy), tác giả thường quên hóa trang

khi viết, do vậy bộ mặt thật của họ dễ dàng chường ra trước mắt độc giả. Nếu diện mạo “đẹp tựa Phan An” mà chường ra, thôi thì cũng được xem là một điều hạnh phúc; nếu dung mạo mà “đẹp tựa Mạc Ngôn” mà chường ra, há không phải là đang tự mang phiền phức lại cho mình, cho người sao? Con người đáng quý ở chỗ tự biết mình là ai, tôi nghĩ rằng mình là một người “tự biết”. Nghe người ta thường nói, viết tản văn, viết tùy bút cần phải có những suy nghĩ, những tư tưởng độc đáo. Nhưng tôi thì chẳng có gì độc đáo cả, cái mà tôi có chẳng qua là những suy tư vụn vặt và loạn xạ bất nháo. Cũng nghe nói, viết tản văn tùy bút cần phải có học vấn, tôi lại không hề có học vấn, cái mà tôi có là những điều học lóm được của cuộc đời mà suy cho cùng chúng cũng chỉ là những lời lẽ quê mùa ở nơi thôn dã. Lại nghe nói, viết tản văn tùy bút cần phải có một tâm hồn cao thượng và một lý tưởng tốt đẹp, nhưng quả thật cả hai cái này tôi đều không có, cái mà tôi có chẳng qua là tính cách của một kẻ thảo dân và một kiểu cảm thụ cuộc sống có tính chất sinh lý... Chính vì những lẽ đó mà tôi không dám cho phép mình dễ dãi biên tập những bài viết linh tinh đã có thành tập.

Thế tại sao lại có cuốn sách này?

Bởi tôi nghĩ rằng, đang trong lúc trăm loài hoa quý đua nở thì cũng nên để cho một bông hoa đuôi chó ăn theo nở cùng; đang trong lúc muôn chim đang hót thì cứ để cho con quạ đen cất tiếng hòa vào tiếng hót của muôn chim. Cũng giống như chuyện xuất hiện và tồn tại của tôi bao lâu nay trên văn đàn khiến cho tất cả nam tác gia Trung Quốc đều trở thành Phan An, tập “tản văn tùy bút” này của tôi ra mắt tất nhiên sẽ làm cho tất cả những tập tản văn tùy bút chính hiệu vốn đã thâm sâu lại càng trở nên thâm sâu hơn, vốn đã cao thượng càng trở

nên cao thượng hơn, vốn đã tốt đẹp càng trở nên tốt đẹp hơn, vốn đã uyên bác lại càng trở nên uyên bác hơn.

Nhưng chẳng qua tất cả đều là mộng tưởng của tôi, thực ra trong thời đại này, có thêm một cuốn sách hay bớt đi một cuốn sách, cũng giống như trong chợ rau nhiều, thêm một bó rau hoặc ít đi một bó rau, thậm chí là chưa chắc đã được như vậy.

Ghi chép tản mạn ở nước Nga

1. Thảo nguyên

Tháng 7 năm 1993.

Tôi đang ghé thăm một thành phố biên giới ở Mãn Châu Lý và trong cái tên Vương Gia Bảo, tôi nối gót một đoàn du khách vượt qua biên giới đặt chân lên nước Nga trong vòng hai tư tiếng đồng hồ.

Những thành phố của nước Nga chưa bao giờ là nơi hấp dẫn đối với tôi, cũng chưa bao giờ nghĩ là mình đến thành phố Nga để mua sắm gì; mục đích của tôi theo chân đoàn du khách vào đất Nga cốt là để ngắm thảo nguyên. Quê hương tôi cũng có thảo nguyên nhưng nó không hoàn

toàn giống như trong trí tưởng tượng của tôi. Trong tưởng tượng của tôi, thảo nguyên là phải ngút ngàn tầm mắt, phải có cỏ mọc xanh mướt, phải có bờ cỏ dề thấp thoáng xa gần, phải có những đóa hoa đại tươi tắn điểm xuyết trong màu xanh rợn ngợp của cỏ, phải có những cánh chim chao liệng và hót vang giữa mây ngàn và bên dưới là những dòng sông quanh co uốn khúc. Nhưng những thảo nguyên quê tôi lúc nào cũng hiện ra trước mắt tôi với một màu vàng úa, đây đó lại có những ngọn đồi trọc chẳng khác những chiếc đầu hói nhấp nhô. Không có gió lùa qua kẽ lá, không có những làn sóng cỏ xôn xao, nhưng bờ dề lại rất nhiều, hết đàn nọ nối đàn kia. Một thảo nguyên khô cằn, những cọng cỏ lơ thơ gầy yếu, làm sao có thể cung cấp đủ lượng thức ăn cho những đàn bò đàn dê kia? Cũng không có những đóa hoa, lớn thì to bằng nắm tay, nhỏ thì như những hạt thóc điểm xuyết trong biển cỏ xanh rờn vươn đến tận chân trời như trong trí tưởng tượng của tôi. Cũng có những con sông, nhưng đa phần chúng đều cạn khô đến trơ đáy, họa hoằn mới có những khúc sông còn nước nhưng là một thứ nước đục ngầu những bùn. Cũng có chim nhưng cũng chỉ đếm được trên đầu ngón tay và tôi nghĩ, những con chim này cô độc ghê gớm, có con đang lững thững những bước chân nặng nề trên đường, có con chấp chới trên trời và buông những tiếng kêu buồn da diết. Không may làm sao, con đường rải nhựa rộng thênh thang lại xẻ vùng thảo nguyên vốn chẳng rộng rãi cho lắm ra làm hai nửa, hai bên đường thì thoáng cũng có một vài quán rượu tồi tàn với những chiếc đầu dê máu thịt bày nhầy vắt lẫn lóc trên sạp hàng trước quán, vẫy gọi những đàn ruồi bay vù vù như ong vỡ tổ. Tìm ở đâu cho ra một thảo nguyên như trong mộng tưởng của tôi? Người bạn Mãn Châu

Lý nói: Đi qua phía bên kia mà xem, thảo nguyên bên ấy có lẽ sẽ làm anh hài lòng!

Vượt qua biên giới, chiếc xe khách nghiêng nghiêng vẹo vẹo chạy trên con đường đất gồ ghề tiến thẳng vào địa phận nước Nga. Hai bên đường, thảm cỏ xanh ngắt, hoa dại đua chen rực rỡ khoe sắc. Trên vùng thảo nguyên ngút ngàn tầm mắt, không có bóng dáng một gia súc nào và tất nhiên cũng chẳng có bóng dáng một con người. Đem qua có lẽ đã có một trận mưa lớn ập xuống nên trên con đường đất, những vũng nước ngẫu dục một màu vàng, con mương hai bên đường nước ngập tràn bờ, không màu và trong suốt. Ở bên phía chúng tôi thường không có mưa, trên thảo nguyên thường là khói bụi mù mịt. Chỉ cách nhau một tuyến biên giới mà cả trời lẫn đất đều có những khác biệt dị thường, đây là điều làm tôi kinh ngạc nhất. Tôi hỏi người bạn Mẫn Châu Lý ngồi bên: Việc này là thế nào? Anh bạn trả lời: Thảo nguyên của chúng tôi bên ấy chăn thả gia súc quá nhiều nên quá tải, nó đã biến thành một kiểu thảo nguyên già nua mỏi mệt. Ở bên này, trên thảo nguyên không quá nhiều gia súc cho nên cỏ bởi bởi xanh ngắt ngất và nhìn toàn cảnh là một thảo nguyên tươi trẻ, khỏe mạnh và đầy sức sống. Tôi lại hỏi: Thế tại sao chúng ta lại không nuôi ít gia súc? Anh bạn cười: Lẽ nào tôi lại phải trả lời anh câu hỏi này? Đúng rồi, câu hỏi này kể ra cũng chẳng cần phải có câu trả lời nữa.

Càng tiến sâu vào trong đất Nga, hơi thở của cuộc sống càng trở nên nhạt nhòa, hình bóng con người càng trở nên thưa thớt. Cỏ dại mọc lan ra đến tận giữa đường, lòng đường càng lúc càng trở nên hẹp và rất khó phân định đâu là đường đi, đâu là bãi cỏ. Thảo nguyên mênh mông vượt ra

khỏi tầm nhìn. Cả đất trời này chỉ có mỗi chiếc xe của chúng tôi hiu quạnh bò trên con đường hiu quạnh. Thở hoang và chuột thi thoảng chạy băng ngang qua đường, con nào cũng to tướng và mập mạp, ung dung và dạn dĩ, chẳng tỏ vẻ gì sợ hãi. Trên đầu chúng tôi, không biết cơ man nào là chim đang chao liệng trong ánh nắng rực rỡ, có con bay vòng, có con bay thẳng, có con hạ cánh xuống, có con bay vút lên... Tôi vẫn nghe được tiếng chim riu rít như những em nhỏ vừa nghe chuông tan lớp trong tiếng gầm rú của chiếc xe cà tàng. Xa xa là những dãy núi nhấp nhô cùng một màu với thảo nguyên, chứng tỏ rằng những bãi cỏ bằng phẳng cũng đang phủ dày trên những sườn núi thoải thoải. Dãy núi nhấp nhô khiến tôi liên tưởng đến một thiếu nữ mỡ màng đang nằm ngửa, những ngọn núi trông như những khuôn ngực đầy đà. Tôi đã cảm nhận được hơi thở của thảo nguyên Nga, hình bóng của những nhà văn Nga vĩ đại như Dosxtoiepxki, Tu-ocghenhiev, Solokhov... cũng hiện ra trước mắt tôi một cách rõ ràng. Bởi tôi đã từng đọc sách của những con người nổi tiếng ấy, đã từng bị họ mê hoặc bởi những trang viết về thảo nguyên Nga của họ, nên lòng tôi cũng sản sinh những cảm giác rất đặc biệt, cho dù những thảo nguyên dưới ngòi bút của họ chưa chắc đã là vùng thảo nguyên đang ở dưới chân tôi bây giờ, mặc dù tôi thầm ao ước điều này. Đúng rồi, đây phải là thảo nguyên của họ, mà thảo nguyên của họ cũng chính là thảo nguyên của toàn nhân loại.

Đến gần trưa thì xe dừng. Chúng tôi cúi khom người bước xuống xe, đàn ông đàn bà chia ra hai bên đường và bắt đầu tưới thêm một chút dinh dưỡng cho thảo nguyên Nga. Xong rồi thì vươn vai cúi người khom lưng và tranh thủ hít

thở cái không khí hoang sơ ngát mùi hoa cỏ, tinh thần thư thái vô cùng. Ai cũng nhìn gần nhìn xa, ai cũng cúi đầu xem hoa cỏ và ngẩng đầu nhìn trời cao. Quá đẹp, quá tự nhiên, nhưng quá đáng tiếc vì đây không phải là tổ quốc, là quê hương mình. Lại nghĩ đến Mặt trăng, sao Hỏa, sao Kim, sao Mộc hoang lương hiu hắt... Trong cũi vũ trụ mệnh mang này có một địa cầu nho nhỏ xanh xanh màu ngọc thạch, trên đó có những vùng đất xinh đẹp như thế này và trong đó có tôi, với tư cách là một con người, vốn được kết hợp một cách ngẫu nhiên bởi những nguyên tố đồng, sắt, bạc, vàng..., có thể hít thở, có thể tư duy, đúng là một hạnh vận. Thảo nào con người đã từng cảm thán: Sống là tất cả, sinh mệnh là đáng quý; cỏ là một kỳ tích, cây là một kỳ tích, hoa là một kỳ tích còn tôi đây chính là kỳ tích trong tất cả những kỳ tích. Nghĩ được như vậy, chuyện tiếc nuối sẽ không còn tiếc nuối, chuyện cảm khái không còn cảm khái nữa. Nếu tất cả mọi người đều nghĩ như vậy, tôi nghĩ, nước này nước kia không còn biên giới nữa, không còn dân nước này nước kia nữa, không còn vua này vua kia nữa, không còn bầy tôi này bầy tôi kia nữa... Đến ngày ấy, thế giới này sẽ không còn cách xa với tư tưởng Cộng sản chủ nghĩa của Các Mác lắm đâu... Người hướng dẫn gọi to: Nào, lên xe thôi!

Chiếc xe không nổ được nữa. Người lái xe lâm bầm chửi, vất chiếc mũ lưỡi trai xuống ghế rồi nhảy xuống đất: - Đồ chó chết, chạy mết rồi à, nhưng đây đâu phải là chỗ để mày nghỉ ngơi! Anh ta mở nắp thùng máy, vươn đầu và tay vào trong không biết sờ mó chỗ nào. Mọi người chờ đợi mấy phút, có ai đó đã sốt ruột cất tiếng than phiền. Người hướng dẫn xuống khỏi xe cúi gặp người bên cạnh lái xe, dùng tiếng

địa phương hỏi một câu gì đó biểu thị sự quan tâm nhưng lái xe không thèm trả lời. Đã nửa tiếng trôi qua, mọi người đã tỏ ra lo lắng và bàn tán xôn xao, có những lời phát biểu rất khó lọt lỗ tai. Mặt mày lái xe đầy mồ hôi, cầm và cổ lăm lem dầu mỡ, tức giận trừng mắt nói: Nói thế mà nghe được à? Ai muốn nó hỏng giữa đường thế này. Chiếc xe chết tiệt này đáng ra phải về hưu lâu rồi nhưng nó cũng như cán bộ nhà nước vậy, lần khẩn mãi có chịu về hưu đâu. Nhưng cũng không phải nó không muốn nghỉ hưu mà là sếp của chúng tôi không muốn cho nó nghỉ hưu đấy thôi. Cục trưởng của chúng tôi là người vắt cổ chày ra nước, các người có bức tức gì thì cứ đi tìm lão ấy mà nói, nói với tôi phỏng có ích gì? Lại có một người nào đó buông một câu rất khó nghe nữa, lái xe cáu tiết: Muốn chờ thì cứ chờ, không chờ được thì xuống mà đi bộ vậy! Nói xong thì vung quyền đấm mạnh vào thùng xe. Rầm! Mọi người trên xe giật mình. Đưa mắt nhìn thảo nguyên mênh mông với con đường hun hút, phía trước không thấy người Nga, phía sau không thấy đồng bào mình; đây quả là hoàn cảnh như người xưa nói: Trước không thấy làng, sau không thấy quán, hướng hồ hoàn cảnh chúng tôi là ở trên đất của một quốc gia, một dân tộc khác. Mọi người đều đã nhận ra thực tế đáng sợ này nên những tiếng than thở chửi bới dần dần lắng xuống, ai cũng cố gắng ngậm miệng, trong lòng như lửa đốt nhưng về mặt cố tình làm ra vẻ nhàn nhả ung dung chờ đợi. Có người huýt sáo mờm, có người tựa đầu vào ghế nhắm mắt, có người đưa điều thuốc mời lái xe, động viên: Cứ bình tĩnh mà chữa, chúng tôi chờ, đừng vội. Có người xuống xe và tôi cũng là một trong những người xuống xe ấy.

Chúng tôi không dám đi xa bởi sợ tay lái xe cục cằn này mà sửa được sẽ phóng chạy, bỏ chúng tôi lại giữa mênh mông thảo nguyên này. Nhưng đến ba giờ chiều, chiếc xe vẫn là một đồng sắt bất động. Người hướng dẫn chửi nhau một trận với lái xe, gương mặt trắng bệch gườm gườm nhìn lái xe. Lái xe cũng giận dữ chẳng kém, tay cầm mỏ lết đập mạnh vào thùng xe, vung chân đá vào bánh xe, chửi một câu rất tục rất bẩn rồi ngồi bệt xuống đất phì phèo hút thuốc. Tôi cố thu hết can đảm đến bên anh ta, hỏi: Ông anh ơi, chừng nào thì chữa xong? Anh ta trừng mắt nhìn tôi, gắt: Ông hỏi tôi, tôi hỏi ai đây?

Thế là tôi yên tâm sai bước đi sâu vào trong lòng thảo nguyên.

Những lá cỏ non mềm cọ vào quần tôi kêu lên lạo xạo, tay tôi thì thoáng lại vung ra ngắt những đóa hoa dại to bằng nắm tay màu đỏ sậm. Một cảm giác mềm mềm, lạnh lạnh từ những cánh hoa truyền vào lòng bàn tay khiến cho đầu óc tôi dấy lên một nhục cảm không lạnh mạnh. Tôi nghĩ đến Natasa, nghĩ đến Acxinhia... Tôi nghĩ đến cái đêm cắt cỏ khó quên ấy, đêm cắt cỏ của Grigori và Acxinhia. Tôi dự cảm rằng, đêm nay chúng tôi sẽ ngủ trên thảo nguyên này. Trời rất cao và lại rất trong nên ánh nắng trên thảo nguyên vô cùng gay gắt, những luồng hơi nóng từ dưới mặt đất bốc lên. Trong không khí ẩm thấp đậm đặc mùi cỏ, mùi hoa, mùi bùn... và còn có cả mùi văn học. Buổi chiều tà trên thảo nguyên như một chiếc nôi hấp vĩ đại, may mắn lắm mới có những làn gió nhẹ từ nơi xa xăm thổi về khiến những cảm giác bức bối được giải tỏa. Gió thổi lướt qua, những làn sóng cỏ cuộn cuộn đuổi theo nhau lúc nhô lên lúc thụp xuống,

những cánh hoa rung rinh uốn mình trong gió để khiến người ta sinh lòng cảm thương, một lòng cảm thương không rõ ngọn nguồn nhưng rất ngọt ngào, rất êm dịu và không thể xác định được đó là lòng cảm thương trong hạnh phúc hay khổ đau. Tôi đứng lặng người rất lâu, đôi mắt dõi về nơi xa xăm nhưng kỳ thực là chẳng trông thấy gì. Đôi mắt tôi đang hướng vào lòng mình để nhìn nhận một dân tộc Nga vĩ đại với những tính cách buồn mà không thảm, phóng túng mà không điên cuồng.

Hoàng hôn đã buông xuống, mặt trời đỏ rực đã chìm sau dãy núi như người thiếu nữ nằm ngửa xa xa, cảnh sắc trên thảo nguyên trông như trong những bức tranh sơn dầu của trường phái ấn tượng, sắc màu đậm đặc đến độ không thể phân định được. Chim chóc đang ào ào hạ cánh xuống những lùm cây tìm chốn ngủ, bóng những con diều hâu đen mờ vút như điện xẹt trên không trung. Đến lúc này, thảo nguyên đã bắt đầu se lạnh. Bình thường, trong cảnh sắc thiên nhiên này cảm giác cơ bản của con người là thư thái, nhưng tất cả mọi người đang bức bối vì sự trở chứng của chiếc xe khiến họ bị giam cầm nơi thảo nguyên hoang vu không có bóng người, không có một sợi khói chiều nào, con đường phía trước mông lung, lạnh dữ thế nào mấy ai đã biết trước. Thế cho nên, cho dù cảnh sắc có hấp dẫn mấy đi chăng nữa cũng liệu có mấy ai quan tâm ngắm nhìn? Có mấy người đang vây lấy người hướng dẫn yêu cầu anh ta nghĩ cách gì đó để giải quyết. Anh ta lắc đầu cười khổ, đưa mắt nhìn lái xe. Lái xe nói: Chớ có nhìn tôi, nhìn tôi chẳng được gì đâu! Chiếc xe này ruột gan đã nát bét rồi, đừng nói là tôi chữa không được, ngay cả Thượng đế xuống đây cũng phải bó tay. Các người nhìn tôi làm gì?

Muốn ăn tươi nuốt sống tôi à? Lẽ nào tôi không muốn lúc này mình đã có mặt tại thành phố Hồng Thạch, uống một ly rượu mạnh rồi chui vào tấm chăn trắng tinh, thú vị biết chừng nào? Anh bạn tôi ngắt lời anh ta: Anh bạn, anh nói ít thôi, nói nhiều phí lời, nên để cái đầu nghĩ cách gì đó đi! Lái xe nói: Tôi đã nói rồi, cách tốt nhất là cứ đợi, đợi đến khi có chiếc xe nào đó chạy qua đây, tôi sẽ nhờ nó kéo xe của chúng ta đi! Một cô gái khó đoán tuổi tác nói: Bác tài à, trên thảo nguyên này có chó sói không? Lái xe nói: Yên tâm đi! Nếu có cũng chẳng phải lo lắng gì vì cỏ hoang trên thảo nguyên nhiều vô số, sói ăn đã căng bụng rồi. Chị có tự nguyện đến trước mặt sói, nó cũng chẳng thèm há miệng ra đâu! Mọi người đều dờ khóc dở cười. Cô gái vừa bỏ đi, lái xe đã hạ giọng nói: Thịt của cô liệu sói có thèm ăn hay không? Người bạn nói với tôi: Anh bạn, oan uống cho anh quá! Tôi nói: Rất tốt, đúng là rất tốt! Có thể qua đêm trên thảo nguyên Nga là cơ hội ngàn năm có một. Người bạn nói: Rất mong đây là những lời xuất phát từ đáy lòng của anh!

Mặt trời vừa lặn thì ánh trăng đã buông xuống trên thảo nguyên, ban đầu có chút đùng đục nhưng một lát sau đã trong veo. Trăng vàng rực rỡ lấp loáng như thủy ngân rót xuống mặt đất. Thảm cỏ im lìm, không gian yên ắng trong một thoáng rồi tiếng côn trùng bắt đầu vang lên chung quanh chúng tôi. Ban đêm, thảo nguyên vẫn không nghỉ ngơi, thậm chí còn biểu hiện một sức sống sinh động hơn cả ban ngày. Ai đó có chút tâm hồn lãng mạn nhặt một ít cỏ khô chất lại thành đồng nhỏ và châm lửa. Trong ánh trăng vàng vạc, đồng lửa trở nên yếu ớt bạc nhược và dường như chẳng có độ nóng nào, giống hệt một dải lụa hồng đang

phất phơ. Cơn trùng kéo thành đàn lao vào ngọn lửa, bị đốt cháy bốc mùi khét lẹt. Nhưng đồng lửa đã lụi tàn, chỉ còn lại một đồng tro âm ỉ khói. Độ ẩm trên thảo nguyên quá lớn, cỏ khô khó cháy, vả lại ai nấy cũng đều trĩu nặng ưu tư nên chút lãng mạn trong tâm hồn cũng không thể kéo dài. Thảo nguyên mênh mông và thoáng đãng, chỉ cần có một chiếc xe chạy trên đường với khoảng cách mười cây số là chúng tôi đã có thể nhận biết. Mọi người đưa mắt trông ngóng về phía hai đầu con đường, chỉ thấy ánh trăng mênh mang, thắm cỏ mông lung, chẳng thấy xe thấy người. Đã đến thời điểm này chắc có lẽ không còn chiếc xe nào lưu thông trên đường. Mọi người đã tuyệt vọng, người lăm bắm văng tục, người chửi vu vơ, có người trèo lên xe cố dỗ giấc ngủ để qua cái đêm dài dằng dặc này nhưng tôi biết tất cả đều ở trong trạng thái mơ mơ hồ hồ mà thôi.

Tôi kéo tay anh bạn đi sâu vào trong lòng thảo nguyên. Chúng tôi rẽ cỏ mà đi và có cảm tưởng như chúng tôi đang rẽ ánh trăng mà đi, chính xác hơn là tôi như đang bơi trong dòng sông trăng. Tôi mở lòng bàn tay ra và nắm lại, có cảm giác là mình đã nắm đầy ánh trăng trong lòng bàn tay còm cộm, thậm chí là cảm nhận được tiếng vỡ của trăng. Cứ thế chúng tôi đi, ban đầu còn tỉnh táo, tiếp theo dần dần bước vào trạng thái mộng du tê liệt nhưng tràn trề hạnh phúc. Người bạn của tôi không thể đi nổi nữa rồi, anh ta bảo: Ông bạn à, đừng đi nữa, đi nữa là chúng ta sẽ đến Matxcova mất thôi! Tôi không để ý đến anh ta nữa, tiếp tục bước đi. Tôi biết anh ta đã cảm thấy buồn chán, đi như mộng du dưới trăng thảo nguyên, chân bị sương đêm làm cho ướt đầm, tay và mặt bị muỗi đốt cho ngứa ngáy khó chịu; người đi bên cạnh là một gã đàn ông

thô lỗ mà không phải là một thiếu nữ đa tình, cho nên chuyện buồn chán của anh ta thật dễ hiểu. Mọi chuyện cứ lặp đi lặp lại: Cỏ quẩn vào chân chúng tôi, côn trùng kêu rí rả và muỗi đốt lên mặt chúng tôi, trăng vẫn chiếu lên người chúng tôi... Nhưng những hứng thú của tôi chính là ở sự lặp đi lặp lại này, hạnh phúc của tôi cũng chính là ở sự lặp đi lặp lại này.

Cuối cùng thì chúng tôi cũng dừng chân ở một triền đồi thoải thoải. Tôi đưa mắt nhìn bốn phía và phát hiện từ một nơi rất xa có những vầng sáng nhạt nhòa hắt lên trời. Anh bạn bảo: Đó chính là thành phố Hồng Thạch, chỉ có thể nhìn mà không thể đến! Tôi nói: Lão huynh à, tôi đã vô cùng thỏa mãn. Cảm ơn người lái xe, cảm ơn chiếc xe cà tàng. Anh ta nói: Tôi có quen biết với một nhà văn, để chứng minh sự khác biệt của mình với những người bình thường, người ta nói thối thì anh ta nhất định phải nói là thơm; người ta nói thơm thì nhất định anh ta bảo thối. Tôi nói đó là chính tôi. Anh ta cười lên ha ha. Cỏ trên triền đồi không ướt lấm, chúng tôi ngồi xuống, hút một điếu thuốc rồi nằm ngửa ra. Những con côn trùng nho nhỏ đã bò lên bắp chân tôi nhưng tôi chẳng thèm quan tâm. Tôi ngửa mặt nhìn trời. Đây là lần đầu tiên tôi biết bầu trời đêm rực rỡ đến nhường ấy. Trong bản hòa âm đủ giọng điệu và đủ cung bậc tạo nên một sự yên tĩnh lạ kỳ của thảo nguyên, tôi cố gắng lắng nghe tiếng nói của các vì sao trên cao tít tắp kia. Sao đêm lấp lóa chao đảo như đang muốn rơi xuống. Sao băng như những ngọn lửa vạch ngang vòm trời. Người già Trung Quốc nói với thế hệ con cháu: Dưới mặt đất có một người chết đi thì trên trời rụng một vì sao. Người già Nga nói với thế hệ con cháu: Trên trời rụng một vì sao thì dưới đất có một người chết đi. Chúng ta cùng

có chung một bầu trời trên đầu và khi chúng ta ngẩng đầu lên nhìn nó, ý thức về biên giới quốc gia lại trở nên mơ hồ mờ lung. Nhưng chúng ta không thể ngẩng đầu mãi mãi, chủ yếu là chúng ta cúi đầu. Khi cúi đầu là chúng ta đối diện với hiện thực tàn khốc. Con người đang tràn ngập trên lãnh thổ Trung Quốc nhưng trên đất nước Nga này, con người thưa thớt vô cùng. Trên các thảo nguyên Trung Quốc có quá nhiều gia súc nên chúng trở nên già cỗi mỗi mẹt; những cánh rừng già trên lãnh thổ Trung Quốc ngày càng ít đi, diện tích gieo trồng ngày càng thu hẹp... Cho dù là như vậy, thị trường của chúng ta ngày càng phồn vinh, vật giá ổn định. Còn Nga thì sao? Anh có những thảo nguyên mênh mông, anh có những cánh rừng rậm bát ngát, anh có những cánh đồng màu mỡ... nhưng tại sao anh vẫn còn nghèo đến như vậy? Người Nga muốn đưa kinh tế gia đình trở thành thường thường bậc trung thực tế là chẳng khó khăn gì. Những thử nghiệm về nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô trước đây đã thất bại một cách tương đối triệt để, còn nền kinh tế lúc này vẫn còn đang ở trong trạng thái mơ mơ màng màng sau cú sốc lớn. Nhưng điều kiện tự nhiên của Nga quá ưu việt, đất đai mênh mông, tài nguyên phong phú, nhân khẩu không nhiều, nếu người Nga muốn giàu lên chắc chắn là sẽ dễ dàng hơn người Trung Quốc chúng ta nhiều. Lúc này tôi đã nghĩ: Họ chẳng bao giờ nghèo khổ mãi đâu. Chúng tôi muốn dùng sự nghèo khổ tạm thời của người Nga để chứng minh một suy nghĩ thực sự rất ấu trĩ: Tư bản chủ nghĩa không bằng xã hội chủ nghĩa. Và cũng với cái lý ấy, nếu mấy năm sau người Nga giàu mạnh lên, chúng ta cũng không thể dùng điều ấy để chứng minh là tư bản chủ nghĩa hơn hẳn xã hội chủ nghĩa. Nhân dân, cho dù sống trong bất cứ chế độ xã hội nào cũng đều cần cù, cũng

đều dũng cảm, là quần thể đầy sáng tạo. Chỉ cần nói lỏng những ngón tay đang siết chặt cổ họ, để họ có đủ không khí để thở; chỉ cần mở xiềng tay cùm chân cho họ, để có đủ sự tự do để lao động, họ có thể sáng tạo nên những thành tựu văn hóa và kinh tế huy hoàng, nếu không, sẽ không thể nào lý giải được thế giới trong quá khứ, cũng chẳng thể nào lý giải được thế giới trong hiện tại.

Sáng hôm sau, một chiếc xe du lịch xuất phát từ thành phố Mãn Châu Lý đã dừng lại ở phía sau xe chúng tôi. Mọi người rùng rùng chen lên xe như người thân lâu ngày gặp lại. Lái chiếc xe này là người quen với lái xe của chúng tôi. Anh ta hỏi: Ông bạn, bị làm sao thế? Lái xe chúng tôi trả lời: Đừng hỏi nữa, một lời không nói hết đâu! Có dây thừng để kéo chúng tôi không? Làm sao kéo nổi? Để tôi xem nó hỏng ở chỗ nào! - Nói xong, anh ta leo lên xe mày mò trong mấy phút, tiếng động cơ lại gầm lên - Có gì đâu, ông làm cái quái quỷ gì thế? Lái xe của chúng tôi có vẻ buồn phiền, lẩm bẩm: Đúng là quỷ quái, quỷ quái! Hành khách trên xe diên tiết, rất nhiều lời tục tằn kèm theo những tiếng chửi phun ra tới tấp, tất cả như muốn trút cơn giận dữ xuống đầu lái xe. Anh ta há mồm định thanh minh gì đó nhưng cuối cùng cầm bật, cái đầu kiêu ngạo cúi xuống lặng lẽ.

Hộ chiếu của chúng tôi là loại hộ chiếu du lịch tập thể hai ngày, do vậy đành phải cúi đầu buồn bã quay về Tổ quốc.

2. Thành phố biên giới

Mùa hè năm sau tôi lại đến Mãn Châu Lý, vẫn hóa thành Vương Gia Bảo theo chân một đoàn du lịch tiến vào biên giới nước Nga. Cũng vẫn là tour du lịch hai ngày, mục tiêu vẫn là hướng về Hồng Thạch, thành phố Nga gần Trung Quốc nhất. Lần này, lái xe là một cô gái có đôi tay trông thật điêu luyện, dáng đi nhún nhảy chẳng khác khiêu vũ, nói năng như hát. Không hiểu vì sao người ta gọi tên cô ta là Lão Long. Xem ra cô gái này chỉ khoảng hai mươi tuổi, nước da trắng nõn, lông mày rất đen, đôi môi rất hồng, đôi mắt rất to, trên mép có một hàng lông tơ rậm rạp, nếu không sợ mịch lòng thì có thể gọi đó là hàng ria mép cũng không quá đáng. Anh bạn năm ngoái lại tiếp tục dẫn tôi đi, anh ta có vẻ rất thân với Lão Long, trước mặt tất cả du khách trên xe mà anh ta vẫn liếc mắt đưa tình với cô ta. Phải công nhận là miệng mồm của Lão Long rất nhanh nhẹn, dí dỏm khiến cả xe luôn luôn chật ních tiếng cười đùa. Bấy giờ sáng chúng tôi lên xe xuất phát, một giờ chiều là đến thành phố Hồng Thạch.

Xe dừng trước một khách sạn nhỏ. Cô hướng dẫn đoàn đi vào trong làm thủ tục ăn ở, còn chúng tôi ngồi tản mát trên những viên đá trước khách sạn chờ đợi. Có hai cô gái Nga đang ngồi trên bãi cỏ đối diện với khách sạn, một cô thả mái tóc vàng óng xuống đến ngang lưng, cô còn lại có mái tóc màu hạt dẻ cắt ngắn như con trai. Cả hai cô đều chăm chú nhìn chúng tôi, trên môi điểm nụ cười vô cùng thân thiết, không nói năng gì, yên lặng hút thuốc. Tôi cũng móc gói thuốc ra đưa cho anh bạn Mãn Châu Lý một điếu rồi cũng đốt cho mình một điếu. Cô lái xe liếc xéo về phía chúng tôi. Tôi linh cảm rằng cô ta cũng biết hút thuốc nên vội vàng đưa gói thuốc ra mời. Cô ta lắc lắc đầu, nói: Cái tà quy chính rồi! Anh bạn nói: Vờ vịt làm gì, hút đi, thầy giáo Vương Gia Bảo cũng không phải người lạ lắm đâu! Cô ta nói: Không phải vấn đề ở thầy giáo Vương mà là ở ông xã nhà tôi. Ông ấy rất ghét mùi thuốc lá trên miệng vợ, thời gian gần đây ông ấy cứ tránh né mỗi khi tôi muốn hôn! Anh bạn nói: Lão Long! Hồng, hồng tất cả rồi! Cô ta tròn mắt: Sao thế? Hồng cái gì? Anh bạn nói: Căn cứ vào kinh nghiệm của tôi, một thằng đàn ông không bao giờ từ chối những nụ hôn vì trên miệng vợ có mùi thuốc lá. Tôi nghĩ, đó là điềm báo ông ấy muốn làm loạn rồi! Lão Long nói: Cứ mong ông ấy làm loạn đi! Tôi cũng đang muốn làm loạn đây! Tôi chen vào: Ngay cả chồng muốn làm loạn mà chẳng sợ, lẽ nào lại sợ hút một điếu thuốc sao? Cô ta nói: Vương Gia Bảo nói rất đúng, thôi thì tôi sẽ làm theo lời Vương Gia Bảo vậy! Cô ta tiếp lấy điếu thuốc và anh bạn tôi đánh lửa giúp cô ta. Rất điệu nghệ, cô ta rít một hơi thuốc dài, nuốt khói thật sâu và thật lâu mới để cho hai luồng khói trắng tuôn ra từ hai lỗ mũi.

Cô hướng dẫn viên đã làm xong thủ tục vẫy tay gọi chúng tôi tiến vào khách sạn. Phòng ngủ lớn nhỏ không đều, trông chẳng ra quy phạm nào cả nhưng có một điểm thống nhất chung là rất thoáng vì đã lợi dụng được không gian kiến trúc, những chiếc giường được kê sát bên cạnh cửa sổ. Cho dù phòng ngủ có hơi chật một tí nhưng tôi cảm thấy vô cùng hài lòng bởi tất cả các vật dụng trên giường đều một màu trắng tinh, drap trải giường màu trắng, chăn màu trắng, vỏ gối cũng màu trắng. Tất cả đều thoang thoang một mùi xà phòng thơm hấp dẫn, tinh khiết. Chiếc gối rất to nhưng rất mềm khiến tôi thoáng nhớ đến Natasa, Anna Karenina... Trên những chiếc giường của các cô gái Nga đặc biệt này chắc chắn cũng có những chiếc gối to dùng thế này và bên trong có lẽ là độn lông ngỗng. Chúng tôi rửa mặt và định nằm xuống chiếc giường tinh khiết ấy tận hưởng một vài phút thoải mái thì người hướng dẫn đã gọi tập trung ăn cơm. Nhắc đến cơm, chúng tôi mới cảm thấy đói nên rất nhanh chóng đi theo anh ta xuống lầu.

Chúng tôi đi bộ đến gần hai cây số mới tìm ra được một quán ăn. Vì đi quá xa nên có một vài tiếng cầu nhau nổi lên trong đoàn, hướng dẫn viên nói: Toàn thành phố có mười mấy quán ăn nhưng đây là quán gần nhất. Trước khi đi tôi đã thông báo với các vị rồi, tốt nhất là mang theo lương khô nhưng các vị có tin tôi đâu, như vậy trách nhiệm không phải là ở tôi nữa!

Chúng tôi bước vào quán. Quán rộng thênh thang nhưng chỉ có mỗi đoàn chúng tôi. Một người đàn ông mặt đỏ au lười nhác tiến về phía chúng tôi, đôi mắt chẳng mấy thân thiện nhìn khắp một lượt mặt tất cả mọi người rồi nói

gì đó với hướng dẫn viên. Cô lái xe có biết một ít tiếng Nga, nói lại cho chúng tôi biết rằng, gã đàn ông này cho rằng đoàn chúng ta quá đông, không muốn phục vụ. Tôi cảm thấy chán nản và có một chút lạ lùng - Mở quán ăn mà lại ngại khách đến quá đông, trên đời này có cái đạo lý này hay sao? Đây có lẽ là cửa hàng ăn quốc doanh chẳng? Cô lái xe nói: Anh ta lười. Nói chung người Nga rất lười! Tôi cảm thấy lời giải thích của cô ta chưa hẳn là đúng. Gã mặt đỏ đưa cho hướng dẫn viên một tờ thực đơn, hướng dẫn viên nhìn chúng tôi nói: Chẳng có món gì ngon, chỉ có canh rau đỏ, lap xưởng và bánh mì. Mọi người đồng thanh nói: Thế cũng được, bảo anh ta nhanh nhanh lên một tí! Hướng dẫn viên cười nói: Mỗi người một phần, một nghìn rúp. Nhanh thì hơi khó đấy, mong là mọi người chịu khó chờ một tí. Thế là chúng tôi đành phải ngồi chờ, không dưới một tiếng đồng hồ sau mà vẫn chưa thấy nhà bếp có động tĩnh gì, ngay cả gã mặt đỏ cũng không hề thấy tăm dạng nữa. Mất tôi nhân nhả phóng ra ngoài cửa sổ dõi nhìn con đường rộng rãi ngay trước quán. Xe cộ thưa thớt, chỉ có một vài thanh niên phóng xe mô tô gầm rú vụt qua. Có người bực dọc vì chờ đợi, bảo hướng dẫn viên đến gặp chủ quán giục làm nhanh. Hướng dẫn viên cười khổ: Giục cũng chẳng được tích sự gì đâu! Nhưng cô ta cũng đứng dậy đi vào nhà bếp, nhưng ngay lập tức đã quay trở lại, nói: Ngay cả một bóng ma trong nhà bếp cũng không có! Lấy làm lạ và rất bất mãn, mọi người rầm rộ đứng dậy đi vào nhà bếp. Quả nhiên không có một bóng người, chỉ thấy ruồi bay vù vù, trên bàn có vết lỏng chỏng mấy quả ớt đỏ, trong góc phòng có một nhúm củ hành tây. Cô lái xe chụp lấy con dao chém thật mạnh xuống chiếc thớt trên bàn, gào to: Vaxili! Vaxili! Ông chạy đi đằng nào rồi?

Một tiếng kêu trả lời rồi gã mặt đỏ xuất hiện đằng sau một cánh cửa nhỏ, phía sau anh ta là một người đàn bà to béo. Cô lái xe vung vung con dao trong tay, dùng một thứ tiếng Nga không mấy thuần thực nói xì xồ gì đó. Tròng mắt của gã đàn ông cứ chuyển theo cánh tay cầm con dao vung lên hạ xuống của cô lái xe, miệng xở ra một tràng hình như là nhằm giải thích. Chúng tôi hỏi hướng dẫn viên: Hấn nói gì vậy? Hướng dẫn viên cười khổ: Hấn bảo là hấn đã quên chuyện ăn cơm của chúng ta mất!

Chúng tôi đành phải ra ngoài ngồi chờ. Tôi hỏi Lão Long vì sao cô ta biết gã đàn ông ấy tên là Vaxili, cô ta bảo: Tôi gọi anh ta là Vaxili thật à? Khoảng nửa tiếng đồng hồ sau, canh rau đỏ đã được mang lên, mỗi người mỗi bát, màu sắc không đỏ không đen, nhiệt độ không nóng không lạnh, mùi vị không nhạt không mặn, dùng thìa múc húp thử vài ngụm bèn đẩy sang một bên. Lại chờ thêm nửa tiếng nữa, món ăn chính cuối cùng cũng đã được mang ra. Mỗi người một đoạn lạp xưởng, hai miếng bánh mì màu xám xịt. Lạp xưởng rất tanh, bánh mì thì nhơn nhớt, bụng thì muốn ăn nhưng miệng nhét không vô, tôi thất vọng vô cùng. Tôi đã từng hy vọng rằng sẽ được thưởng thức những củ khoai lang nướng đến bỏng tay, những chiếc bánh mì nướng thơm phức, những miếng thịt bò nấu như thơm và ngọt lịm... toàn là những đặc sản mà tôi đã từng tiếp xúc trong tác phẩm văn học. Không ngờ là phải gặm những cửa chết tiệt này! Đọc không biết bao nhiêu là tiểu thuyết Nga, bị những gì được các ông nhà văn miêu tả trong ấy làm cho tiết nước bọt, hy vọng quá lớn nên thất vọng càng ê chề. Đối với tôi, ấn tượng về một quốc gia hay một vùng đất nói chung bao giờ cũng ở chỗ các món ăn

ngon hay dở. Món ăn Nga quá kém, do vậy mà ấn tượng của tôi về nước Nga theo đó mà nhạt dần.

Ăn xong bữa cơm đọ đày, chúng tôi rảo bước trên những đường phố chính. Đã xế chiều, hướng dẫn viên bảo đã đến thời gian sinh hoạt tự do, chúng tôi tụm năm tụm ba thành một đội và bắt đầu tách đoàn. Tôi và anh bạn Mãn Châu Lý cùng cô lái xe kết thành một nhóm. Cô lái xe này vốn rất muốn quay về khách sạn ngủ vì mọi góc ngách xó xỉnh của cái thành phố nhỏ này đã có dấu chân của cô ta. Anh bạn Mãn Châu Lý nói: Lão Long! Thầy Vương Gia Bảo là khách quý từ phương xa đến, cô mà từ chối lời mời là không hiếu khách, là thiếu tế nhị đấy! Cô ta đưa mắt nhìn tôi, nói: Tôi nghĩ thầy Vương là người chân thật, thôi thì tôi phục vụ ông ấy một lần vậy. Nếu chỉ có mình anh, tôi quyết không thể mạo hiểm đâu! Anh bạn cười: Cô nghĩ mình là một cô gái dài các khuê môn sao? Cô không mở to mắt mà nhìn đi, đây đường là những thiếu nữ Nga mỹ miều, tôi mà muốn cợt nhả thì việc gì mà tôi chẳng tìm đến họ nào? Cô lái xe nói: Một con quý họ lao như anh mà dám cợt nhả với các cô gái Nga hay sao? Tôi khẳng định là khi đi thì anh đi một cách bình thường, khi trở về là anh phải bò về thôi! Đúng là trên đường có rất nhiều thiếu nữ Nga, tất cả đều ăn mặc rất thời trang, thư thái ung dung tự tại, ánh mắt lúng liếng sáng ngời, miệng hé nụ cười để lộ những hàm răng trắng đều tăm tắp. Tôi hỏi Lão Long: Lão Long, những cô gái này ở nhà ăn những thứ gì? Có phải là họ cũng ăn những thứ như chúng ta vừa thưởng thức ở quán? Lão Long nói: Thầy Vương! Câu hỏi của thầy làm tôi cứng miệng mất thôi. Làm sao tôi biết ở nhà họ ăn những thứ gì? Hay là chúng ta hỏi cho biết nhé? Tôi nói: Như

thế không hay, người ta sẽ nghĩ là người Trung Quốc chúng ta không biết văn minh lịch sự là gì!

Chúng tôi thông thả đặt chân lên quảng trường trung tâm thành phố. Một thành phố nhỏ mà có quảng trường rộng thế này sao? Một nửa quảng trường được lát bởi những viên gạch xi măng hình bát giác, còn lại là những thảm cỏ đại xanh rì và hoang sơ, hình như chưa bao giờ được cắt xén thì phải. Trung tâm quảng trường có một chiếc xe tăng, phía sau xe tăng có một tấm bia kỷ niệm. Cô lái xe nói, tất cả các quảng trường trên toàn nước Nga đều có một chiếc xe tăng, có thể đó là một cách giáo dục truyền thống. Có mấy đứa nhỏ đang đá bóng trên quảng trường, một số bé gái đang hát say sưa. Một thiếu phụ dung mạo vô cùng xinh đẹp đang đẩy một chiếc xe nôi trẻ em màu sắc rực rỡ nhàn nhã dạo trên những con đường lát gạch bát giác. Xiêm y của người thiếu phụ bay phất phơ trong gió, thoạt nhìn cũng biết ngay nó được may bằng những loại vải đắt tiền. Thằng cu nằm ngửa trong xe nôi, miệng ngậm đầu vú nhựa mút chùn chụt. Tôi nói, người thiếu phụ này nếu không phải là con dâu của một nhà quyền quý nào đó thì cũng là vợ một đại phú thương! Anh bạn Mãn Châu Lý nói: Anh không hiểu gì hết. Đàn bà Nga sau khi sinh con tất cả đều như vậy! Cô lái xe nói: Hai anh cá cược đi! Anh bạn hỏi: Cá cược cái gì? Tôi nói: Anh bảo cá cái gì chúng tôi cá cái này! Anh bạn nói: Thế thì một tút thuốc Hồng Trung Hoa vậy, quay về bên ấy mua! Cô lái xe bước thẳng về phía trước, lấp bắp một câu tiếng Nga, người thiếu phụ cũng nói một câu ngắn. Họ nói với nhau những gì, chúng tôi không thể hiểu nổi. Cô lái xe nói: Thầy Vương Gia Bảo, thầy thắng rồi! Người phụ nữ này tên Dania, là con gái của thị trưởng thành phố này!

Đối diện với quảng trường là một tòa nhà rất đường bệ màu xám - hình như tất cả các kiến trúc trong thành phố này đều là màu xám. Cô lái xe nói: Đây là hội trường trung tâm thành phố. Chúng tôi đi đến cổng, trên trụ cổng có dán một tờ gì đó trông giống như thông báo hoặc quảng cáo gì đại loại. Cô lái xe chăm chú đọc giấy lâu rồi nói hình như tối nay ở đây có biểu diễn, tôi hỏi biểu diễn gì, cô ta bảo diễn ca kịch. Tôi bảo chúng ta mua vé đi, ở đây mà được xem một vở ca kịch Nga là rất có ý nghĩa, không uổng phí một lần đến Nga. Cô lái xe nói: Tôi cũng không dám chắc là ca kịch. Tôi nói: Quan tâm làm gì, cứ mua vé rồi hãy nói. Cô lái xe bước vào bên trong mua ba tấm vé. Chúng tôi tiếp tục đi dạo, đến thời gian ghi trên vé, chúng tôi quay lại và xuất trình vé vào hội trường. Trên sân khấu rộng mênh mông có treo một tấm màn bạc lấp lánh không to lắm. Té ra không phải ca kịch gì cả mà là chiếu phim. Tôi bảo xem phim cũng tốt, được xem một bộ phim trên đất Nga thì về nước có điều kiện để bốc phét. Không ngờ người xem lại đông đến như thế, chủ yếu là thanh niên nam nữ khoác vai ôm eo đi vào hội trường. Đèn trên tường phụt tắt, buổi chiếu phim bắt đầu. Đầu đề của phim hiện ra, bất giác chúng tôi không nín được cười. Té ra là họ đang chiếu bộ phim rất nổi tiếng của Trung Quốc "Cuộc chiến dưới địa đạo". Tôi nghĩ mãi mà vẫn không ra là tại sao một thành phố nhỏ của Nga mà lại chiếu một bộ phim như thế này. Anh bạn Mãn Châu Lý nói, năm nay là năm thế giới kỷ niệm năm mươi năm cuộc chiến tranh chống phát xít thắng lợi. Chiến tranh chống Nhật của Trung Quốc là một bộ phận hợp thành của chiến tranh chống phát xít trên toàn thế giới.

Đêm đó, nằm trên chiếc giường vô cùng thoải mái, tôi muốn ngủ một tí nhưng vừa chợp được mắt thì lại nghe có tiếng hát bên ngoài cửa sổ. Mở mắt nhìn, bắt gặp ngay một ánh trăng sáng ngời lọt qua khe hở của rèm cửa chiếu vào phòng. Lắng nghe kỹ, người hát là đàn ông, không hiểu được ca từ những làn điệu của các bài hát rất quen thuộc. Đó là những bài "Chiều ngoại ô Matxcova", "Kachiusa"... Hết bài này thì nối tiếp bài khác. Tôi đi đến bên cửa sổ, vén rèm nhìn ra. Trong ánh trăng vàng vạc, một cậu thanh niên đang đứng tựa lưng vào gốc cây hướng mặt về một cánh cửa sổ hát say sưa. Đương nhiên, cánh cửa sổ ấy không thể là của phòng tôi mà là phòng của cô lái xe và các cô gái trong đoàn. Tôi hỏi anh bạn Mẫn Châu Lý, có lẽ nào trong đoàn của chúng ta lại có cô nào tính chuyện yêu đương với chàng trai Nga? Anh bạn nói rằng, trong cái thế giới này bất kỳ chuyện gì cũng có thể xảy ra. Tôi hỏi, thế theo anh cô nào trong đoàn chúng ta đủ sức hấp dẫn để chàng trai Nga đến bên cửa sổ hát như thế? Lẽ nào lại là Lão Long? Anh bạn nói, biết đâu đó lại là Lão Long. Cô ấy lái xe cho tuyến du lịch này đã mấy năm nay nên làm quen được với các chàng trai Nga là chuyện không có gì đáng ngạc nhiên cả. Tôi bảo, thế Lão Long không phải đã kết hôn rồi sao? Anh bạn nói, thầy Vương nói như vậy chứng tỏ thầy không phải là người sống trong các thành phố lớn rồi, kết hôn rồi thì đã sao nào, kết hôn rồi vẫn tìm tình yêu khác là chuyện thường tình thôi. Chúng tôi đang bàn tán những câu không đầu vào đầu như thế thì bỗng nhiên cửa sổ căn phòng ấy bật mở. Một cô gái thò nửa thân hình ra ngoài cửa sổ và cất tiếng hát. Tôi giật mình kêu lên: Lão Long, đúng là cô ta rồi! Tiếng hát của Lão Long rất trong trẻo và mềm mại như một

tấm vải nhung cao cấp. Tiếng nam tiếng nữ đan quện vào nhau, hòa lẫn trong nhau, tuy không đạt đến độ trùng khít nhưng rất tròn trịa khiến lòng tôi bồi hồi rung động. Một bài ca chấm dứt, Lão Long đóng cửa sổ lại, không hề xuất hiện nữa. Chàng trai hát tiếp mấy bài nữa rồi buồn bã bỏ đi. Yên lặng bao trùm không gian, hình như những gì diễn ra vừa rồi đều là mộng ảo. Ánh trăng như nước, cảnh đêm sao mà thanh bình. Đây chính là lúc ngủ ngon nhất nhưng tôi không hề cảm thấy buồn ngủ tí nào.

Sáng hôm sau, chúng tôi theo đoàn đi tham quan trụ sở Ủy ban thành phố. Khi chúng tôi đến nơi, nhân viên trong trụ sở vẫn chưa đi làm. Chúng tôi đi dạo bên ngoài, vừa dạo vừa ngắm nhìn toàn cảnh ngôi nhà. Ngôi nhà rất đồ sộ nhưng hình như các bức tường đều xiêu xiêu vẹo vẹo, thi thoảng lại có những viên gạch lồi lõm trên tường. Những ngôi nhà như thế này không thể tồn tại ở Trung Quốc, ngay cả những đội thợ xây hạng tồi nhất ở vùng nông thôn cũng không thể xây nên những sản phẩm như thế này, huống hồ đây lại là một trụ sở Ủy ban thành phố. Cổng chính đi vào tòa nhà càng thô thiển và nặng nề, cánh cổng không hề được sơn, những phụ kiện bằng sắt đã hoen rỉ. Tôi nghĩ thầm, phi thuyền vũ trụ tại sao lại được sản xuất ở Nga, và nếu có sản xuất được thì làm sao chúng có thể bay được nhỉ?

Tham quan Tòa thị chính xong, chúng tôi được đưa về các cửa hàng để mua đồ. Những loại hàng nặng nề là đáng để ý nhất trong các cửa hàng, ngoài ra chẳng có gì đáng xem và đáng mua. Có ai đó đề nghị đến chợ trời nhưng ở đó chủ yếu lại là hàng Trung Quốc, do vậy cũng chẳng có gì để mua, chúng tôi đành đứng tựa lưng vào những bức tường

lặng lẽ hút thuốc. Đúng lúc ấy, một ông già ăn mặc xộc xệch tiến đến, dùng một thứ khẩu âm không mấy chuẩn nhưng rất lưu loát tỏ ý muốn mua bán một loại hàng nào đó. Anh bạn hỏi ông ta có những loại hàng gì, ông ta nói: Loại hàng gì cũng có, các anh muốn những thứ gì? Anh bạn nói: Ông nói đi, có loại hàng gì? Ông ta bèn nói tên những mặt hàng: Hàng gang thép có cần không? Anh bạn nói: Không cần! Ông ta nói: Đồ gỗ? Không cần! Thế phân hóa học? Cũng không cần! Thế chất Uranium 235? Tôi kinh hoàng, hỏi: Ông nói cái gì? Ông ta nói: Chất Uranium 235! Có lẽ nào đó là loại hóa chất 235 có thể chế tạo bom nguyên tử? Đúng, đó là loại hóa chất 235 để chế tạo bom nguyên tử! Anh bạn hỏi: Ông có bao nhiêu? Không nhiều, chỉ khoảng một tấn! Anh bạn nói: Chúng tôi phải suy nghĩ một tí, nhưng làm sao để chuyển qua biên giới? Ông ta nói: Nếu các ông cần thật sự, chuyện vận chuyển để chúng tôi lo! Tôi nói: Chất uranium 235 thì tôi không cần, nhưng nếu ông có bom nguyên tử thì chúng tôi mua ngay một quả! Ông ta cực kỳ hưng phấn, nói: Có thật không? Tôi có thể giúp các ông tìm được, có điều các ông phải ứng trước ba mươi phần trăm đặt cọc! Tự nãy giờ không hề mở miệng, cô lái xe lúc này mới nói: Cút đi, ông đứng ở đây làm phiền người ta nữa! Ông ta lắc đầu, nói: Đúng là các người chẳng có một chút thành ý nào... Nói xong, với dáng vẻ cực kỳ thất vọng, ông ta chầm chậm bỏ đi.

Không ăn cơm trưa, chúng tôi leo lên xe hướng về Tổ quốc, trên đường đi vẫn cứ trông thấy những thảo nguyên mênh mông và xanh thẳm như năm ngoái đã từng thấy cùng với những đàn bò sữa đang nhàn nhả gặm cỏ trên những

thảm cỏ xanh mướt, thi thoảng cũng có những cô thiếu nữ Nga xách thùng đựng sữa đi trên đường. Tâm hồn tôi trở nên bình lặng, không hoàn toàn hài lòng nhưng cũng không hẳn là thất vọng. Tất cả không hoàn toàn giống như trong trí tưởng tượng của tôi nhưng tất cả đều nằm trong trí tưởng tượng của tôi.

Tháng 7- 1997

Tạp cảm về chó

1. Lời ai điều cho chó

Mối quan hệ giữa con người và chó vốn đã hình thành từ rất lâu đời. Khi con người còn ở trong hang động đốt lửa để sưởi ấm, để xua đuổi thú dữ thì có lẽ chó đã vây quanh đồng lửa mà sủa, không hề có ý định biến con người thành mồi ngon của chúng tuy những tiếng sủa của chúng vẫn còn đầy dã tính. Khi xã hội loài người đã phát triển đến một trình độ văn minh nhất định, chó đã được con người thuần hóa, vẫn nằm bên bếp lửa mà sủa song tiếng sủa bên bếp lửa ấy đã chuyển từ dã tính sang gia tính, từ chỗ là địch thủ, chó đã trở thành trợ thủ của con người. Hãy suy nghĩ một cách nghiêm túc xem, điều này là sự tiến hóa hay là sự thoái hóa của chó? Là hạnh phúc hay bi kịch của chó? Loài thú tuy không có cái oai hùng phong độ của hổ báo hay sư tử trong rừng sâu nhưng vẫn là loài thú dữ này từ đó trở

nên thoái hóa hay văn minh? Dẫu sao thì loài chó cũng đã ở với con người, từ bỏ rừng sâu mà bước chân vào xã hội loài người.

Từ xưa đến nay, những chuyện có liên quan đến chó là cả một kho tàng mà không thể nào kể ra hết được. Nào là chuyện chó cứu chủ, nào là chó dắt chủ đi chơi, nào là chó báo thù, nào là chó trông nhà giữ cửa, nào là chó giúp chủ săn mồi, nào là chó đánh nhau với sói - đồng loại của chúng, nào là chó phục hồi dã tính quay về với sơn lâm... Rồi trải qua không biết bao nhiêu lần phối giống để biến chó thành một loài tạp nham chó không ra chó: chó Cáp Ba, chó sư tử, chó bướm, chó ong mật, chó Quý Phi, chó Tây Thi... Những loài này trở thành những con vật yêu của quý bà quý cô với những giá tiền cao ngất ngưỡng, nhiều khi đến cả chục vạn đồng một con với rất nhiều tên gọi chủng loại khác nhau, nếu biên tập lại thành một cuốn đại từ điển về chó e rằng chỉ ít cuốn từ điển này cũng phải dày như viên gạch xây nhà. Nhưng loài được gọi là chó này đúng là rất đáng yêu, nhất là lúc tôi đã ăn no xong. Tôi vốn không hề phản đối chuyện nuôi chó, đôi khi còn có những câu tán tụng - cốt để cho chủ nhân vui lòng. Ví dụ: Ôi, sao mà đáng yêu thế! Nhưng bảo tôi hãy nuôi một sủng vật chó, đó là điều tuyệt đối không thể xảy ra. Nghe đâu rằng, khẩu phần của những “danh cầu” thường do những đầu bếp danh tiếng chế biến, mỗi loài “danh cầu” đều có một kiểu “chăm sóc viên” chuyên nghiệp riêng, ấy là chưa kể “vú em” riêng. Tiêu chuẩn để tuyển chọn “vú em” cho những sủng vật này nghe đâu còn nghiêm khắc hơn cả tuyển chọn vú nuôi cho những đại quý tử thuộc thế giới loài người! Vú nuôi của những đại quý tử thuộc thế giới

loài người chẳng qua là những người trẻ, không có bệnh tật gì, nguồn sữa dồi dào và nhiều chất là đạt yêu cầu. Còn “vú em” của “danh cầu” ngoài những điều kiện như con người đã kể trên còn phải mây thanh mắt sáng, khí độ cao nhã - Đây là những điều mà một người bạn có tên là Cầu Tam Thương nói với tôi, không biết thực hư thế nào, nhưng những vật sủng này cực kỳ khó nuôi là điều mà ai cũng biết. Phu nhân của vị lãnh đạo cơ quan tôi nuôi một con chó hồ điệp, mỗi tuần cậu công vụ phải tắm nước nóng cho nó ba lần, dầu tắm phải là thứ dầu nhập khẩu đắt tiền, tắm xong còn phải dùng máy sấy để làm cho khô lông, cuối cùng là xịt vào lông nó một loại nước hoa Pháp hảo hạng. Những đãi ngộ của con người đối với nó khiến tôi thêm muốn, đời nó sao mà hạnh phúc lắm vậy? Dân Trảng An - Bắc Kinh, theo tôi thì chưa đến một nửa được tắm bằng thứ sữa tắm cao cấp nhập khẩu cũng như được tắm ba lần nước nóng trong một tuần, tắm xong được sấy khô rồi xịt nước hoa Paris hảo hạng thì lại càng ít. Điều đó cho thấy, mức sống của chó thành phố cao hơn mức sống chung của người Trung Quốc nhiều. Bao giờ mức sống của nhân dân Trung Quốc ngang bằng với chó thành phố như bây giờ, ngày ấy chúng ta có quyền tuyên bố là xã hội Trung Quốc đã đạt được trình độ “đại khang” - tức xã hội có đời sống kinh tế phát triển tốt đỉnh mà không phải là “trung khang”, tất nhiên càng không phải là “tiểu khang” - loại xã hội có nền kinh tế thường thường bậc trung. Những lời này có vẻ lạ lùng khó nghe, tựa như tôi đang có ý châm chọc gì đó, nhưng quả thực là tôi chẳng có ý châm chọc bất kỳ ai, châm chọc cái gì cả, chẳng qua lời nói thật thì dễ nói nhưng lại khó nghe, thế thôi.

Giống như xã hội loài người phân chia thành năm bảy hạng, chó cũng được phân chia thành năm bảy hạng. Tôi vừa nói đến những loại chó “sủng vật”, tất nhiên được xếp vào loại một, loại thứ hai có thể kể đến loại chó cảnh sát của công an, của bộ đội biên phòng. Loài chó này có vẻ ngoài oai phong hung dữ, mới nhìn là đã phát khiếp, trên thực tế là chúng cũng thật sự ghê gớm. Tôi đã từng gặp một người chuyên huấn luyện chó cảnh sát mới hay rằng việc chọn giống cho chúng là vô cùng nghiêm ngặt, giá cả một con chó thuần chủng dễ dàng làm một người có thu nhập bình thường dễ bị đứng tim. Giá cả đã cao, việc nuôi dưỡng và huấn luyện chúng càng không hề dễ dàng gì. Trước đây người ta thường kháo với nhau rằng, nuôi được một phi công cho quân đội Quốc dân đảng thì vàng phải chồng hàng đống, còn bây giờ thì nói nuôi được một con chó cảnh sát phải tốn cả đống nhân dân tệ cao ngất ngưởng. Những con chó cảnh sát lập được công trạng mà hy sinh đã được con người truy phong cấp bậc và làm lễ truy điệu vô cùng long trọng. Chuyện này tôi đã đọc được rất nhiều trong tác phẩm văn học Liên Xô trước đây, liệu ở Trung Quốc có chuyện này không?

Năm ấy tôi có đọc “Rừng thẳm tuyết dày”, đọc đến chỗ con chó dũng cảm có tên “Trại Hồ” của Khương Thanh Sơn, em họ Lý Dững Kỳ đã chế ngự được hai tên thổ phỉ với đầy đủ trang bị vũ khí, tôi nghĩ rằng đấy chẳng qua là trí tưởng tượng quá đà của người viết tiểu thuyết nhằm ca tụng Khương Thanh Sơn - một con người có nhiều kinh nghiệm núi rừng, những kỹ năng trượt tuyết cao siêu, múa đao như thần trông chẳng khác những hiệp khách giang hồ trong truyện kiếm hiệp mà thôi. Còn trong hiện thực, một con chó

làm gì có khả năng chế ngự hai con người khỏe mạnh, huống hồ đó lại là hai tên thổ phỉ có trang bị vũ khí? Sau đó tôi có đọc truyện “Tiếng gọi nơi hoang dã” của nhà văn Mỹ Jack London, con chó có tên là Puck càng lợi hại hơn gấp nhiều lần, chỉ trong một loáng là đã cắn chết cả một đám người có súng ống hăn hoi, chuyện này càng khiến tôi khó tin. Tôi cho rằng trên quả đất này không thể có loài chó như thế tồn tại, Puck chẳng qua là một con chó thần thoại giống như con Hao Thiên khuyển của Dương Tiễn mà thôi.

Nhưng đến lúc này thì tôi đã tin vào những điều mà các nhà văn đã miêu tả. Chó, đích xác là lợi hại hơn con người nhiều. Vì sao những nhận thức của tôi về chó lại thay đổi như vậy? Bởi vì, mới cách đây mấy ngày thôi, tôi bị con chó gây đến độ gĩa cả xương nuôi trong nhà dộp cho mấy miếng. Qua một lớp quần bông, rồi đến một lớp quần lông; một lớp áo sơ mi, hai chiếc áo lông mà trên người tôi vẫn bị ba vết thương tóe máu, một vết xanh tím bởi những chiếc răng chó rồi, tôi nghĩ, nếu không chết, lòng ruột chắc cũng phải lòi ra ngoài khỏi da bụng thôi. Quả thật là chó rất đáng sợ, chó mà sắp phát điên, con người rất khó chế ngự. Đây là lần đầu tiên trong cuộc đời, tôi bị chó cắn, tâm hồn tôi có những nhận thức sâu sắc như vừa được học một lớp về giáo dục giai cấp sâu sắc cho nên tôi mới viết bài có liên quan đến chó và răng chó này.

Nghe nói tôi bị chó cắn, bố tôi lật đật đi từ quê lên thăm. Tôi nói: Một con chó ghê, không ngờ lại lợi hại đến như thế! Bố tôi bảo: Kể ra con chó này cũng chưa có gì là ghê gớm, những con chó của bọn quý Nhật Bản mới đáng được gọi là lợi hại! Tất cả đều là những con chó sói thuần chủng,

răng trắng nhòn, mắt xanh lè, tai đen dựng đứng, lưỡi đỏ thè ra ngoài, ăn thịt người đến độ lông da láng mượt, to lớn chẳng khác một con trâu nghé, tiếng sủa đinh tai nhức óc... Tại sao Trung Quốc lại có nhiều Hán gian và tay sai đến như thế?... Một nửa là bị bọn quỷ Nhật Bản đánh chết, một nửa là bị chó Nhật Bản cắn chết! Trời ạ, thì ra là như thế!

Ở nông thôn người ta cũng nuôi chó. Trong thời kỳ Cách mạng văn hóa, lương thực không đủ nuôi sống con người, bốn vách nhà của người nông dân trống trơn, chẳng có gì đáng để ăn trộm - quan trọng hơn là quá đói nên người ta rất ít nuôi chó. Trong thời kỳ Cách mạng văn hóa “nằm gai nếm mật” ấy, người ta nâng chuyện ít nuôi chó chính là một trong những tiêu chuẩn quan trọng để khẳng định xã hội mới tốt hơn xã hội cũ nhiều. Mấy năm trở lại đây, lương thực đã trở nên dồi dào, tài sản trong nhà cũng khá hơn nên phong trào nuôi chó lại trở nên rầm rộ. Trộm đạo ở nông thôn nổi lên như rươi, không có con chó trong nhà là không được. Tôi nghĩ, có lẽ trong lịch sử Trung Quốc, đây là thời gian chó xuất hiện nhiều nhất ở nông thôn, việc nuôi chó nhất định không phải là để thưởng ngoạn mà là để phòng ngừa bọn trộm cắp. Nhưng bọn chó này hầu hết là giống chó cỏ bản địa, bé gan lại thiếu trí, nếu có bọn trộm vật mò vào nhà, chúng chỉ sủa lên mấy tiếng gọi là cho có mà thôi. Do vậy, cho dù đã nuôi chó nhưng của cải vẫn cứ mất như thường. Huống hồ bọn trộm đạo hiện đại đều là những kẻ đa mưu túc trí, tinh thông “cầu học” nên đã nghiên cứu được đến mười mấy phương pháp đối phó với chó. Nghe đâu phương pháp hữu hiệu nhất vẫn là nướng một củ cải ném cho chó, bọn chúng đùa nào cũng nghĩ là bánh bao bọc nhân thịt dê nên há miệng đón lấy

khiến hàm răng rụng cả, đánh mất bản năng cắn người và bọn trộm đạo cứ thế mà đường hoàng dĩnh đạc đi vào nhà. Cho dù không dùng củ cải, chỉ cần ném một cục thịt thơm lừng, miệng chúng cũng sẽ bị bịt kín, mắt nhắm mắt mở và trở thành những kẻ đồng lõa với bọn trộm đạo. Chẳng qua là bọn ăn trộm không đành lòng vất miếng thịt nên chủ yếu là dùng cách ném củ cải. Chó ở nông thôn nói chung là đói, sống kham khổ quá lâu nên dễ dàng bị mua chuộc cũng là chuyện thường tình; còn chó thành phố ăn còn chê không tinh, uống còn chê không chất, gà quay bơ vàng ươm đặt trước mặt cũng chẳng thèm ngước đầu liếc mắt, nên mua chuộc được chúng không hề là chuyện đơn giản.

Năm năm trước, vợ và con gái tôi được chuyển lên sống trên phố huyện. Để tạo an toàn và cũng là để có chút sinh động trong nhà, tôi xin một con chó bé xiu vừa mới sinh ra chưa được bao lâu của một người bạn về. Mẹ nó là một con chó béc giê lai tạp lung tung, nhìn kỹ mới nhận ra tổ tông béc giê phảng phất trên người nó nhưng không phải đó là nhân tố quyết định vẻ khôn lanh nhanh nhạy của nó. Khi tôi ôm nó trong lòng về nhà, trông nó đáng yêu vô cùng, lông xù thẳng đuột, bước đi còn xiêu xiêu vẹo vẹo. Trán nó rất cao, thoạt trông thì biết ngay là loài chó có trí tuệ. Không phải nói đến sự khoái chí của con bé nhà tôi, nó tình nguyện nhường một phần sữa theo tiêu chuẩn hàng ngày cho con chó. Khi tôi quay về Bắc Kinh, con bé viết thư thường xuyên báo cho tôi về chuyện con chó mỗi ngày mỗi lớn, nhưng càng lớn nó càng mất đi vẻ đáng yêu. Nó rất hung dữ, cộng thêm cái tật chỉ thích ăn những thức ăn ngon và cao quý nên những con gà vợ tôi nuôi để cải thiện chui vào bụng nó không ít. Để đảm

bảo an toàn cho gà, vợ tôi đành phải trông cho nó một chiếc vòng cổ và một sợi xích sắt, từ đó nó mất đi sự tự do. Đúng là số nó khổ, nếu nó không bất hạnh đến độ lọt vào nhà tôi mà rơi vào nhà một cán bộ lãnh đạo hay một chủ xí nghiệp nông thôn nào đó, rất có nhiều khả năng nó sẽ to đùng như một con bê. Bất hạnh thay, khi về với tôi, ban đầu nó còn ăn được mấy bữa no, sau đó thì đói liên tục. Nó gầy đến độ xương lòi cả ra ngoài, thân xác chưa kịp trưởng thành đã vội vàng thoái hóa. Ngay cả làm cho nó một cái ổ cũng chẳng được chúng tôi quan tâm, một năm bốn mùa gió mưa bão tuyết nằm chồng queo trong một góc tường. Có một ngày mưa bão thâu đêm suốt sáng, nó điên cuồng quay vòng tròn, mồm cố chup lấy đuôi mà cắn, đôi mắt đỏ kè khiến tôi nghĩ là nó bị điên. Sau đó thì nó không thể chạy nhảy được nữa, sữa cũng không thành tiếng nữa, suốt ngày nằm cuộn tròn mặc cho nước mưa xối xả trên người, trông nó chẳng khác một lão ăn mày chỉ còn sức để rên lên ư ử, mỗi lần trông thấy người nhà là kêu lên những tiếng như khóc, nước mắt lã chã, đáng thương vô cùng. Nhưng nhất định không thể để cho nó vào nhà bởi vì toàn thân nó đầy bùn đất, mùi hôi thối xông lên nồng nặc, chưa kể là chảy rận bâu kín thân thể. Tôi và vợ đội mưa làm cho nó một cái chuồng nhỏ nhưng nó chẳng hiểu gì cả, chẳng chịu chui vào trong để tránh mưa tránh gió. Đêm ấy, tôi không thể nào ngủ yên vì những tiếng rên rỉ ai oán của nó. Quả là nó sống dai, mặt trời vừa lên là nó đã đứng dậy, lắc mình thật mạnh để cho nước mưa bắn tứ tung rồi chạy nhảy lông lộn điên cuồng. Tôi phải ghi nhận một điều là ý thức trách nhiệm của nó thật đáng nể, tuy sống kham khổ như vậy nhưng mỗi khi ngoài đường có những tiếng động bất thường là nó đã quên ngay những nỗi thống khổ mà mình phải gánh

chịu, nhảy chồm lên như muốn bứt khỏi chiếc dây xích và sủa lên oang oang nhằm thị uy với chủ của mình.

Nó ở với chúng tôi quá khổ, tôi nhận ra điều ấy và tự cảm thấy xấu hổ về mình. Khi sửa nhà, chúng tôi đã nhân thể làm cho nó một căn nhà nhỏ, từ đó, những ngày dài nắng dầm mưa của nó cũng kết thúc. Cũng từ đó, hình như nó càng tận tâm tận lực hơn trong việc trông nhà trông cửa để đền đáp hảo tâm của chủ. Xe đi trên đường, nó nhảy lên sủa; bọn học sinh đi ngang qua cổng, nó nhảy lên sủa; vợ chồng hàng xóm chửi nhau, nó nhảy lên sủa; nếu có ai đó đụng vào ổ khóa cổng nhà tôi, nó nhảy dựng lên cao đến cả thước; nếu có ai tự ý mở cổng bước vào sân, nó quên bằng là cổ nó được nối với sợi xích sắt, dững mánh lao tới, thân hình đang lơ lửng trong không gian thì bị dây xích kéo lại, rơi đánh bịch xuống đất lăn lộn mấy vòng, bò dậy lại tiếp tục lao về phía trước, cứ thế cho đến khi khách vào hẳn trong nhà mới thôi, hai mép sùi đầy bọt vì bị vòng cổ siết cho nghẹt thở.

Tất cả những ai đã từng ghé qua nhà tôi đều ca cẩm rằng, đây là một trong số ít những con chó hung tợn nhất mà họ đã gặp trong đời, cũng có cùng một điểm chung khi cho rằng rất may mắn là nó còn nhom, nếu nó mập hơn một tí nữa thì không biết là sự hung tợn sẽ đạt đến mức độ nào. Bố tôi lại bảo: Ưng béo không bắt thỏ, chó mập không giữ nhà - Tất cả những ai muốn vào nhà tôi đều khép nép đi một bên tường nhưng sự sợ hãi vẫn không hề giấu giếm trên mặt và lẫn nào cũng thế, tôi phải chào hỏi thật lớn rồi chạy ra nghênh đón vì vẫn nơm nớp lo con chó sẽ đứt xích. Trước sau nó đã làm đứt ba sợi xích sắt to khiến tôi và vợ phải dạo quanh chợ bán xích rất nhiều lần mà vẫn chưa tìm ra sợi thứ tư vừa ý,

cuối cùng mới tìm ra được một sợi khả dĩ trong chỗ bán đồ sắt đồng nát. Đó là một sợi dây xích vốn là để kéo xe tải hạng nặng, rất giống với sợi xích cùm dưới đôi chân của Lý Ngọc và Phó Hinh Trường trong bộ phim “Hồng Đăng ký”, dài hơn ba mét, nặng gần mười ký. Trông thấy sợi dây xích này, chúng tôi mừng còn hơn bắt được vàng và tất nhiên là chớp ngay tức khắc. Lão chủ bán đồng nát nghe tôi nói là dùng nó để xích chó thì trợn mắt kêu lên: Trời ạ, nhà hai vị nuôi loại chó gì thế? Đương nhiên tôi không hề có nhiệm vụ phải báo cáo với lão ta về việc nhà tôi nuôi con chó như thế nào. Về đến nhà, chúng tôi chặt vật lăm mới trông được sợi xích vào cổ nó, nó cúi đầu đứng lặng, trông đáng điều biết ngay là nó chưa quen được với dây xích quá nặng này. Nhưng chẳng bao lâu, sợi xích không còn là chương ngại của nó nữa và nó lại tiếp tục tấn công khách, sợi xích bị nó lôi kêu rồn rảng trên nền sân xi măng. Việc này làm tăng thêm tính bi tráng cho số phận không may của nó, mỗi khi thấy nó kéo lê sợi xích sắt to tướng trên nền xi măng, ai ai cũng dễ dàng sản sinh một sự liên tưởng có tính chất bi tráng có liên quan đến con người. Lông cổ nó dựng đứng lên, đôi hàm răng nhọn sắc như khoe ra toàn bộ và cái nhìn rõ ràng là chất chứa một nỗi oán hận vô bờ đối với khách, trong cái nhìn ấy biểu hiện một năng lực, một khát vọng đấu tranh đến tận cùng. Cứ cách vài ngày, không tôi thì vợ tôi lại phải kiểm tra sợi dây xích buộc cổ và vòng cổ của nó, chỉ sợ một nỗi khi nó đã chớp được một phút giây tự do thì sẽ tranh thủ gây tổn thương đến tính mệnh của quần chúng nhân dân. Vẫn còn nhớ ba năm trước, lúc nó chưa hoàn toàn trưởng thành đã có một lần bứt đứt dây xích và nhả vào cậu nhân viên trong đội tuyên truyền của huyện đến nhà tôi đưa giấy tờ mà cần. Khi cậu ta đưa mọi thứ cho

tôi xong và đang trao đổi vài câu thì một chiếc bóng nhanh như điện xẹt lao đến dưới ánh sao mờ mờ. Và chỉ trong một cái chớp mắt mở mắt, cậu ta đã bị nó đớp một miếng thật sâu vào bụng chân. Cậu ta đứng lạng trong một giây rồi cúi với một cú nhảy, cậu ta đã ngồi gọn lỏn trên xà ngang cao dễ đến ba mét trong nhà tôi, bó gối chờ vợ tôi xích lại con chó và mang thang đến mới lò dò run rẩy bò xuống và đến lúc này mới mở miệng: Trời ạ, làm sao mà tôi phóng được lên ấy chứ? Từ đó trở về sau, mỗi lần đến nhà tôi đưa giấy tờ là cậu nhân viên ấy chỉ đứng nép ngoài bức tường bao quanh sân ném tất cả vào trong rồi kêu lớn: Em không vào nhà đâu, thưa thầy Mạc!

Bây giờ thì nó đã lớn, tuy gầy còm nhưng ý thức chiến đấu dường như được củng cố thêm theo thời gian, nếu thoát khỏi dây xích, hậu quả thực sự khó lường. Đặc biệt là khi con gái tôi dẫn bạn bè nó về nhà học tổ học nhóm, đứa nào cũng là bảo vật vô giá của bố mẹ chúng, vạn nhất bị chó dữ cắn thì không biết kết cục sẽ đi đến đâu, nào là bồi thường kinh phí tiêm thuốc ngừa dại, nào là lo lắng hậu quả thiếu năng. Điều đó mà xảy ra thì gia đình tôi không có cách gì bồi đắp được cho người bị hại. Do vậy mà tôi sống ở Bắc Kinh nhưng hôn tôi thì để ở nhà, tất nhiên không phải lo lắng và nhớ thương gì vợ con đến độ như vậy, tất cả là tập trung ở con chó, mỗi lần viết thư và gọi điện đều không dám quên câu nói cuối cùng: Hãy xích chặt con chó lại, nhớ chưa!

Theo lời của con gái tôi thì, có rất nhiều lần vòng cổ của con chó bị tuột ra và những lúc ấy, nó và ông nội trốn tiệt trong nhà không dám bước ra sân, chờ đến khi mẹ nó đi làm về. Nói ra thì hơi kỳ lạ nhưng quả thực là thế này, con

chó sủa sảng nhe nanh và lao vào bất kỳ ai, nhưng với vợ tôi thì nó thuần phục không điều kiện, mỗi khi trông thấy cô ấy là nó vẫy đuôi cúi đầu cụp tai nằm bẹp xuống đất, đáng vẻ cung cung kính kính đến độ tội nghiệp trông chẳng khác nào thái giám đứng trước mặt hoàng hậu. Cho dù cô ấy có chửi, có đánh, có đập..., nó vẫn không hề nhe răng, thậm chí không hề dám mở to mắt, dường như nó đã biến thành một con mèo hiền lành thùy mị. Vợ tôi mở cổng, nó nhận ra đấy chính là tiếng mở cổng của vợ tôi, hầu như không nhắm mắt nào. Bố tôi nói, không phải là nó nghe tiếng động mà nó ngửi mùi; tôi cũng đã từng đọc thấy trong một cuốn sách nào đó bảo rằng, mũi của loài chó thính gấp mười mấy vạn lần mũi người. Mỗi năm tôi có mặt ở nhà chỉ vài tháng, nhưng nó vẫn nhận ra tôi. Có lúc tôi cố làm ra vẻ gan dạ cho nó ăn, nó còn vẫy đuôi biểu hiện lòng cảm tạ, có khi còn chụp lấy chân tôi mà nhay nhay rất thân thiện. Nhưng quả thật là tôi sợ nên quyết tâm không đến gần nó, bởi tôi biết giữa tôi và nó có tồn tại một khoảng cách nhất định. Nhưng chuyện nó cắn cả tôi thì chưa bao giờ có trong trí tưởng tượng của tôi, không chỉ cắn mà thậm chí cắn đến độ chẳng có chút lưu tình nào.

Ngày ấy, tôi tiễn một cậu thợ điện đến ghi số điện dùng trong tháng của nhà tôi ra cổng, nó vùng vẫy dữ dội và vòng cổ tuột ra khỏi cổ nó cùng với dây xích nằm uốn lượn trên sân. Con gái tôi chỉ kịp kêu lên: Bố! Chó! Thì nó đã đến sát cạnh tôi, thân thể nó ép sát dưới mặt đất. Tôi đã nhìn quen hình ảnh nó gắn chặt với chiếc vòng cổ bằng da to tướng và sợi xích sắt đen sì nên lúc này tôi cảm thấy nó rất lạ lùng, hình như đó không phải là chó của tôi mà là một con chó hoang nào đó. Vận động viên thể dục đeo bao cát để

luyện tập, đến một ngày vất bao cát đi sẽ biến thành một mũi tên rời khỏi cánh cung; con chó nhà tôi cả đời gắn liền với sợi xích sắt nặng nề, đến một ngày vất đi sợi xích nên tốc độ của nó còn nhanh hơn so với mũi tên rời khỏi cánh cung. Tôi đứng im, đẩy cậu thợ điện ra phía sau lưng mình, đưa một tay quơ qua quơ lại trước mặt nó, mồm quát: Chó! Chó! Chỉ cần một cú dớp là nó đã ngậm chặt lên chân phải tôi. May mà tôi đang mặc quần bông, bên trong quần bông lại còn có cả quần lông, cho nên nó ngoạm vào chân mình vị tất rằng nó đã xâm phạm đến da thịt tôi. Cứ nghĩ rằng nó ngoạm một miếng cho vui rồi thôi, không ngờ rằng nó tiếp tục tấn công, nhả chân phải tôi ra nó quay sang tấn công chân trái rồi tung người lên dớp một cú cực kỳ ác hiểm vào bụng tôi. Đến lúc ấy tôi mới thực sự thấy nó đáng sợ như thế nào, cũng đến lúc ấy tôi mới hiểu vì sao cậu tuyên truyền viên kia lại có khả năng nhảy lên chiếc xà nhà có độ cao hơn ba mét. Những vết thương nhức nhối vô cùng, tôi quơ tay và thật vừa vặn, tôi quơ ngay vào miệng nó và chẳng việc gì phải khách khí, nó dớp vào bàn tay tôi một miếng. Rất may là tôi vừa rời khỏi cửa chỉ được một bước nên tôi giãy thật mạnh thoát khỏi miệng nó, đẩy cậu thợ điện vào nhà và cùng con gái đóng cửa lại, sợ đến độ ba hồn mất đi hai hồn rười. Cởi quần áo ra xem, ba chỗ tóe máu, một chỗ xanh tím tái, vết cắn ở bụng là nặng nhất, nguyên do là áo lông không dày bằng áo bông. Nếu tôi chỉ mặc áo sơ mi quần cộc, nếu là mùa hè..., nếu nó không cắn tôi mà cắn cậu thợ điện... Tôi nghĩ, đây chính là cái may mắn vô cùng trong cái bất hạnh của tôi!

Lúc này cổng không hề khóa, nếu nó chạy ra đường và gặp ai cắn nấy thì làm thế nào? Kể từ khi về với nhà tôi,

chưa bao giờ nó bước ra khỏi cánh cổng sắt này. Nó có thể nghe thấy tiếng kêu tiếng sủa của những con chó nhà hàng xóm nhưng chưa hề gặp mặt, nó có thể nhận ra đồng loại của mình không?

Cuối cùng thì vợ tôi cũng đã đi làm về, nó vẫy đuôi chào mừng bà chủ, và rất ngoan ngoãn để cô ấy trông vòng cổ lại như cũ.

Buổi chiều tôi đến trạm phòng đại mua thuốc rồi đến trạm y tế tiêm một mũi. Bác sĩ bảo phải tiêm liên tục năm mũi, cấm rượu bia, cấm trà trong một tháng.

Chỉ vì nhất thời không làm chủ được bản năng mà cắn chủ nên ngày tàn của nó đã đến.

Tôi bảo vợ đi thăm dò xem thử có ai đồng ý nuôi con chó này không. Khi trở về vợ tôi bảo: Ai cũng nói là ngay cả chủ nhân mà nó còn cắn thì có ai dám tiếp nhận nó. Nhưng có mấy tay quý nhậu ở trong xưởng cô ấy tình nguyện ăn thịt nó.

Tình cảm của tôi tự nhiên yếu mềm hẳn đi. Con chó này rất đổi trung thành, nhất là với nữ chủ nhân. Lại nghĩ, con chó này mà nuôi trong hoàn cảnh trật tự trị an không tốt nhất định sẽ mang lại sự an toàn cho vợ và con gái tôi. Con gái tôi đã nghe được ở trường rất nhiều chuyện làm người ta phải giật mình kinh sợ nên ban đêm thường ngủ không yên giấc. Vợ tôi trấn an nó: Đừng sợ, nhà ta có chó! Nó cắn tôi chắc cũng là do sự hồ đồ nhất thời? Thế là tôi quyết định vẫn giữ nó lại nuôi, thêm vào cổ nó một chiếc vòng nữa, nếu tuột cái này thì vẫn còn cái kia. Nhưng hai gã tửu đồ đã đến, vợ tôi suy nghĩ một lát rồi khẳng định: Không nuôi nữa!

Hai gã đàn ông trung niên này đều mang giày nhựa cao đến đầu gối, mỗi người xách trên tay một chiếc dây thừng. Họ vừa bước vào cổng thì con chó đã nhảy dựng lên xông thẳng vào, gào rú kinh hoàng. Tôi sợ họ hành sự ngay trước mắt mình nhưng họ khẳng định là không. Họ chỉ nhờ vợ tôi trông hai sợi dây thừng vào cổ nó để họ lôi đến xường mới ra tay.

Con gái tôi rất đau lòng. Ngồi trước bàn nghe ca nhạc trên đài phát thanh, tôi vặn volume to hết cỡ để tiếng nhạc át đi tiếng kêu cứu tuyệt vọng của con chó. Con gái tôi ngồi gục mặt xuống bàn, hai tay bưng lấy mặt lặng lẽ khóc.

Quả thật tôi cũng cảm thấy đau lòng vô cùng nhưng vẫn cố gắng kiềm chế để khuyên giải con gái, nói dối rằng người ta dẫn nó đi về nhà ăn để nuôi, ngày nào cũng được ăn thịt ăn cá, nó ra đi lần này là tìm về với cõi phúc. Nó vẫn cứ khóc, tôi cảm thấy phiền phức, nói: Thế bố mày quan trọng hay con chó quan trọng?

Con gái tôi chạy về giường, kéo chăn trùm kín đầu, không chịu ăn cơm. Tôi dỗ dành, tôi quát nạt nhưng chẳng hề tác động gì đến nó. Vợ tôi thì thầm vào tai tôi rằng, khi con chó rời khỏi cổng, nó quỳ mọp hai chân trước xuống đất và ngước mắt lên nhìn chủ, đôi mắt nó khó diễn tả lắm nhưng đầy nước mắt và khiến người ta muốn khóc.

Sáng hôm sau từ xường trở về, cô ấy nói, hai gã đàn ông lôi nó đi, nó sống chết cũng không chịu đi, do vậy mà họ đã đập chết nó ngay trên đường. Tôi hỏi, nó có phản kháng gì không, vợ tôi bảo không có, hoàn toàn không có.

Tôi đã hứa với con gái rằng, tôi sẽ mua về cho nó một con chó hiền lành, xinh đẹp hơn nhưng quả thật là tôi hơi do

dự. Ai đã nuôi chó thì phải nuôi nó đến ngày cuối cùng, cho dù nó có cắn anh, anh có thể đánh chết nó nhưng phải đánh chết trong trạng thái đau khổ, đó mới chính là tình cảm chân chính của người nuôi chó!

Bây giờ, thân xác con chó của tôi đã sớm biến thành phân bón ruộng, những yếu tố vật chất tạo thành nó đã quay về với bản nguyên đại tự nhiên, và chắc chắn những dạng vật chất ban đầu ấy không còn cơ hội để kết hợp lại với nhau để tạo thành một con chó mới nữa, nhưng cuộc sống ngắn ngủi của nó đã gắn liền với một giai đoạn trong lịch sử tồn tại và phát triển của gia đình tôi. Những miếng cắn của nó trên thân thể tôi có khi lại biến thành những câu chuyện mà sau này con gái tôi sẽ kể cho con cháu của nó nghe, có thể lắm chứ!

2. Nỗi oan của chó

Thực ra thì không chỉ có chó mới oan uổng, phạm là bất kỳ loài động vật nào đã bị con người thuần hóa đều oan uổng, trong đó có thể nói chó là oan uổng nhất. Chẳng hạn như trâu, vì con người mà kéo cày, vì con người mà cho sữa, vì con người mà cung cấp thịt xương lông da, ngay cả phân cũng hiến cho con người làm phân bón ruộng hoặc sưởi ấm, oan uổng thật đấy nhưng những cống hiến vô tư cùng với công lao của nó được con người tán thưởng và xem đó là một phẩm chất đạo đức cao đẹp, thậm chí con người còn dùng phẩm chất ấy để tuyên dương những người chịu thương chịu khó, cần cù kham khổ.

Khi còn đang tại ngũ tôi đã nhận ra được rằng, trong bộ đội là dễ vào Đảng nhất, dễ thăng tiến nhất miễn là anh được yêu mến, cho dù trình độ văn hóa không cao nhưng phải là

một “trâu vàng”, “trâu vàng cách mạng” có năng lực đặc biệt về trồng rau quai búa, về chăn trâu và cả “dọn dẹp nhà xí”. Thế có loại trâu vàng không cách mạng không? Ai mà biết được! Nếu anh tốt nghiệp phổ thông trung học, miệng anh biết nói lời hay, bút anh biết viết những câu văn tốt thì việc kiếm sống của anh khó khăn hơn nhiều so với những “trâu vàng”, lại không được nhận những lời bình phẩm tốt đẹp gì, trong tổng kết cuối năm chắc chắn người ta sẽ chụp lên đầu anh cái mũ “kiêu ngạo tự mãn, thiếu tinh thần cầu tiến”. Những chuyện ấy tự thân tôi đã trải nghiệm mà chất chứa oán hận trong lòng. Rất nhiều năm gần đây, suy cho cùng thì đã có bao nhiêu “trâu vàng” được đề bạt làm quan trong quân đội, ai có thể thống kê được nhưng có thể khẳng định là số lượng không hề ít. Một ngày nào đó, những “trâu vàng” được đề bạt làm quan quan, một nửa phẩm chất “trâu” biến mất và quá trình đến với trụ lạc hủ hóa kể ra còn nhanh hơn nhiều so với giai cấp tư sản. Hành vi của bọn chúng chẳng khác nào bọn đánh bạc cố đắm ăn xôi để vớt vát lại một ít vốn mình đã bỏ ra, nếu có điều kiện thì còn kiếm được cả lãi. Sau một thời gian đào thải, hơn một nửa những “trâu vàng” này đã giải giáp về vườn, nhưng cũng có một số lại tiếp tục bò lên những vị trí cao hơn, dựa vào việc học như ăn tươi nuốt sống được vài trăm chữ Hán, dựa vào những khái niệm và những câu nhai đi nhai lại một cách vô nghĩa về “công tác chính trị tư tưởng” cho bộ đội để thống trị một địa hạt riêng của mình. Những con hổ từ “trâu vàng” biến thành này hể mở miệng ra là “giác ngộ”, “tỉnh đảng”, “nguyên tắc tổ chức”, “tác phong kỷ luật”, “quan tâm bồi dưỡng”, kỳ thực anh ta cũng không thể hiểu hết ý nghĩa chân chính của những từ này, chỉ là con vẹt học nói mà thôi. Về thực chất mà nói, trong đầu óc của

anh ta chỉ có tư duy của gã tiểu quan dẫn vợ đến để phục vụ món văn thần cho Tuần Vũ đại nhân trong “Quan trường hiện hình ký” mà thôi. Anh ta quát nạt cấp dưới, cười trợn như mớ với kẻ ngang cấp, còn với thượng cấp thì sao? Đó là một con chó Cáp Ba chính hiệu - Trông kìa, oan uổng đã xuất hiện rồi đó!

Người ta thường thích dùng trâu để tán dương người, dùng chó để chửi người. Có lẽ nào chó cống hiến cho nhân loại ít hơn so với trâu? Không! Không ít hơn tí nào cả. Căn cứ vào ý kiến của một chuyên gia về động vật, chó là loài đã thú được con người thuần hóa sớm nhất, có nghĩa là, chó có lịch sử bán mình cho con người sớm nhất so với tất cả các loài gia súc khác. Nghìn vạn năm qua, có bao nhiêu con chó đã bắt được bao nhiêu loài thú hoang về dâng cho chủ? Có bao nhiêu con chó đã săn đuổi những con vật đã bị bắn bị thương nhưng không chết về nộp trước mặt chủ, đổi lại là được thưởng một chiếc dầu chim hoặc một khúc xương thú? Có bao nhiêu con chó đã theo chủ quản lý dê cừu và đã bao nhiêu lần chó đuổi dồn những con vật cố tình lạc bầy về lại với chủ? Có bao nhiêu con chó đã vì chủ mà nằm canh ở chuồng vịt lồng gà không cho bọn sói và những con chồn tới ăn trộm vật, đã có bao nhiêu cuộc chiến đấu một mất một còn xảy ra giữa chó và bọn này? Đã có bao nhiêu con chó trung thành đã nằm dưới móng vuốt của bọn sói hoang, vì lợi ích của chủ mà hy sinh cái sinh mệnh đáng quý của mình? Đã có bao nhiêu chó và bao nhiêu lần chó bị trọng thương vì chủ, da thịt nát bươm mà chủ nhân không hề thuốc thang gì, chỉ còn cách tự mình thè lưỡi liếm vết thương, có ông chủ còn bảo chân chó không bao giờ gãy, trên lưỡi của chó có sấm, trong nước bọt của chó có

chất tiết trùng kháng viêm? Đã có bao nhiêu chó vì con người mà vượt qua không biết bao nguy nan để đưa tin cứu được sinh mệnh của chủ? Đã có bao nhiêu chó theo chân con người để phát hiện ra bao nhiêu vùng đất mới? Đã có bao nhiêu chó kéo xe trượt tuyết chạy không mệt mỏi trên những vùng băng tuyết vĩnh viễn ở Bắc cực Nam cực, ban đêm ngủ trong hố tuyết, ban ngày chỉ được cho một vài chú cá con? Đã có bao nhiêu chó dựa vào chiếc mũi rất thính của mình để giúp đỡ cảnh sát điều tra phá án? Đã có bao nhiêu chó dựa vào hàm răng sắc, và đôi móng vuốt khỏe mạnh cũng như sự nhanh nhẹn của thân thể để khống chế những tên tội phạm, trừng trị kẻ ác, bảo vệ chính nghĩa? Có bao nhiêu chó suốt đời tận tụy với chức trách giữ nhà canh cổng vì tài sản của chủ, trấn tĩnh những trái tim yếu đuối và an ủi cô nhi quả phụ trong cuộc sống mỗi mòn? Có bao nhiêu chó với đáng vẻ đáng yêu, xinh đẹp hoặc quái dị đã làm vui lòng không biết bao nhiêu thiếu nữ thanh xuân, ông già bà cả, trẻ mồ côi, quý tộc bình dân, làm phong phú hơn đời sống tẻ ngắt của những linh hồn chán chường tuyệt vọng? Có bao nhiêu chó đã hiến bộ lông bóng mượt của mình để làm ấm lòng những kẻ lưu lạc giang hồ, giúp họ vượt qua những đêm dài tê cóng? Có bao nhiêu chó đã hiến thịt xương của mình cho những cái miệng thèm ăn của những bọm rượu để biến thành máu thịt, thành tế bào của chính họ? Có bao nhiêu bộ lông chó xinh đẹp đã biến thành những chiếc mũ nằm trên đầu của bao nhiêu người để giúp họ chống chọi với gió tuyết bão bùng? Có bao nhiêu tấm lông chó đã làm ấm thêm chiếc giường của bao nhiêu người trong đêm đông? Có bao nhiêu bộ xương chó đã được con người nấu thành “cao hổ cốt” để lừa người khác?... Thế thì, chó ơi! Những cống hiến của mày rõ ràng không hề ít hơn so với

trâu, lại càng không ít hơn so với ngựa, nhưng không hề có một câu tán dương nào dành cho mày. Khi người ta chửi một ai đó, họ ngoác mồm lên và câu đầu tiên văng ra là: Đồ chó! Đồ chó Cáp Ba! Đồ chó ghê! Đồ chó đẻ! Đồ cứt chó!... Cống hiến của mèo cho con người làm sao dọ được với mày nhưng khi chửi người khác, có ai chửi là “đồ mèo đẻ”, “đồ mèo”... đâu! Hiện tượng bất bình đẳng này bắt đầu từ bao giờ và bắt đầu như thế nào? Ai có thể trả lời cho tôi đây?

Chó nghĩ: Con người quả đúng là một loài động vật thật đáng sợ, các người quả thật là khó đối đãi. Chỉ cần chúng tao hung bạo một tí là các người sẵn sàng ra tay giết chết, nhưng chúng tao quá hiền thì các người lại chê là đồ vô dụng và cũng chẳng ngần ngại gì mà cho một dao, rồi biến thành một thứ thức ăn ngon vớ béo chính mình. Ngày nào chúng tao cũng nghe các người than thở rằng làm người sao mà khó, nhưng liệu các người có biết là làm chó còn khó gấp trăm nghìn lần không? Lúc mới bắt đầu sáng tạo nên vạn vật, Thượng đế đều đã cho chó và con người một cái đuôi, dựa vào cái gì mà con người thống trị chó mà tại sao lại không phải là chó thống trị con người? Chúng tao không phản kháng được chẳng qua là vì chúng tao đánh không lại các người, các người phát minh ra cung tên, súng và không biết bao nhiêu là vũ khí khác, chúng tao chỉ còn nước cúi đầu xưng thần trước các người thôi. Những ai trong số chúng tao giác ngộ triệt để một tí thì bị các người gọi là “chó điên”, nhưng kỳ thực là chúng tao cực kỳ bình thường, chúng tao đang muốn khôi phục những vinh quang có từ thời xa xưa của loài chó và số ít bị xem là “điên” ấy xứng đáng được xem là những liệt sĩ “sát thân thành nhân”. Liệt sĩ của chúng tao

hễ thấy người là cắn bởi vì họ đã nhận chân ra một vấn đề mang tính bản chất: Con người đích thị là kẻ thù của loài chó! Mỗi một đồng loại “chó điên” của chúng tao bị các người hại chết đều đã biến thành một tượng đài nguy nga đồ sộ tồn tại mãi mãi trong thế giới loài chó của chúng tao. Con người ơi! Các người chớ có đắc ý quá sớm như thế! Đương nhiên chúng tao cũng không thể phủ nhận là trong giống loài của mình cũng có những kẻ bại hoại về đạo đức, chẳng hạn như chuyện vi phạm nguyên tắc sáng tạo vạn vật, công khai giao cấu với nữ chủ nhân của mình, chuyện này có thể thấy được trong sách “Liêu trai chí dị” của Bồ Tùng Linh người tỉnh Sơn Đông. Nhưng suy cho cùng, căn nguyên để dẫn đến chuyện này không phải từ chó mà là từ nữ chủ nhân của chó... Bên ngoài hình như có tiếng động gì đó? Có phải là bọn trộm đạo đang cạy cửa nhà chủ? Có phải bọn chồn sóc đang ăn trộm dưa của chủ? Gâu gâu gâu! Mặc dù đang đắm chìm trong những bọn bê suy nghĩ nhưng tôi không thể quên nhiệm vụ của chó đâu! Gâu gâu gâu gâu gâu gâu...

Nếu không thâm nhập vào tâm linh chó, có nằm mơ tôi cũng không thể tượng tượng được chó lại có những nỗi đau sâu sắc và những suy nghĩ phức tạp đến như thế. Chuyện gì chó cũng biết nhưng chẳng bao giờ thổ lộ tâm hồn một cách hời hợt. Chuyện gì chó cũng biết nhưng chúng giả vờ ngu độn đấy thôi. Ngay cả trong những tiếng gâu gâu kia cũng ẩn tàng không biết bao nhiêu là mâu thuẫn nội tâm mà không hề đơn thuần là những lời cảnh báo giản đơn cho chủ đâu!

Chuyện đã đến hồi kết thúc: vẫn cứ là Lỗ Tấn sâu sắc, vẫn cứ là Lỗ Tấn biện chứng. Tiên sinh cũng đã từng chửi “bọn chó hoang táng gia giai cấp tư sản”, cũng đã từng gior

cao ngọn cờ “đánh chết bọn chó rơi xuống nước”, nhưng tiên sinh lại kể rằng, sau khi bị thương, tiên sinh không kêu lấy một tiếng, nấp vào trong cỏ rậm và tự liếm vết thương của mình. Trong tất cả các loài động vật, chó là một trong số ít biết tự liếm để trị thương, do vậy mà thấy, mặc dù tiên sinh không hề bàn luận gì về chó nhưng đối với tính lương thiện của chó hay nói khác đi là hai loại chó, tiên sinh đã phân biệt đối đãi. Loại trước là loại tiên sinh rất hận, loại sau là loại tiên sinh bất chước. Cho nên, tôi nghĩ, gọi người khác là chó ở thời kỳ đầu vốn không có ý chê bai và nhục mạ nhưng rồi sau đó, cách gọi này đã phát sinh biến hóa và trở thành danh từ chuyên dụng để chửi người.

Nhưng những người thầy trong cuộc đời tôi, kể cả chính cuộc sống này đã dạy tôi rằng, cái gọi là thuần túy chỉ là nói một cách tương đối, khó tìm được vàng mười, khó có người hoàn thiện, tất nhiên cũng khó có chó hoàn mỹ. Gọi người khác là chó nói chung trong mọi hoàn cảnh đều bao hàm sự ác ý, nhưng nhiều ông bố bà mẹ lại gọi con cái mình là “chó con”. Gọi “chó con”, “cún con” nhưng không hề ác ý, ngược lại là biểu hiện của sự thương yêu. Nghe đâu có bà vợ lại gọi đức lang quân là “cẩu cẩu” - Không đâu xa, trong sách “Lục hóa thụ” của Trương Hiền Lượng, nhân vật Mã Anh Hoa gọi Chương Vĩnh Lân là “cẩu cẩu” - Đây là cách gọi suông sã gần gũi, là một kiểu biểu hiện tình sâu nghĩa nặng. Hiện tượng này tôi nghĩ là thường phát sinh ở những người đàn bà có mẫu tính mạnh mẽ, nhưng sự thật đã chứng minh rằng, những người đàn ông mặt sắt cần nhất có lẽ chính là những người đàn bà biết diễn xuất đúng vai trò làm mẹ nhưng đồng thời cũng làm tròn vai diễn tình nhân. Khi bắt tay vào viết

kịch bản “Hán Sở tranh hùng” cho một đạo diễn danh tiếng, tôi phát hiện ra ở nhân vật anh hùng cái thế, khí lực trùm trời Hạng Vũ có loại tính cách này. Chuyện người anh hùng này và Ngu Cơ bịn rịn luyện lưu ở Ô Giang rất có khả năng là do Hạng Vũ là một “lão ngoan đông”, còn Ngu Cơ là một điển hình cho hình mẫu “mẹ - tỉnh nhân”!

Cho dù tôi có biện luận thế nào thì chó vẫn cứ là chó, người vẫn cứ là người, chó vẫn cứ bị con người nô dịch như thường, chó vẫn cứ biến thành những phù hiệu để chỉ loại người bại hoại về phẩm chất. Văn chương chính hiệu ngàn năm nay không thể làm thay đổi những thiên kiến, hướng hồ là loại văn chương cứt chó như tôi đang viết ra đây!

Ta ôm ấp người, ta nuôi người lớn, người lại đớp ta ba miếng, ta tìm người đánh chết người, cả nhà ta bỏ công vì người nhiều quá! Ta dùng hai bài văn này để giải tỏa những gì còn chất chứa trong đôi mắt người, người yên nghỉ nhé!

3. Vu vơ với chó

Năm nay là năm con gà, nhưng tôi lại quá thiên về chó, lại cả gan viết mấy bài về chó nữa khiến tôi có cảm giác là mình đang sống trong năm chó. May mà thời gian trôi qua nhanh như bóng câu qua cửa sổ, chỉ trong chớp mắt mà “năm chó” đã lùi vào quá khứ và từ nơi xa xăm nó đang hướng về tôi sủa vang lên. Đầu năm con gà, tôi bị chính chó của mình cắn cho như tử, tiêm chích thuốc phòng dại hơn một trăm ngày, ngoài việc lưu lại trên người mấy vết thương đỏ hồng mỗi khi trái gió trở trời phát ngứa râm ran ra, tôi không còn chút cảm giác nào khác. Nghe đâu rằng độc tố chó dại có khả năng tiềm ẩn, nhưng trăm ngày đi qua mà chẳng thấy mình có dấu hiệu gì khác thường tôi mới tin rằng khả năng phát bệnh của mình là rất nhỏ. Nếu mắc phải độc tố chó dại mà chết thì cũng chẳng bỏ là mình đã nhận một cái chết độc đáo, để có thể trở thành đề tài đàm luận của anh em bạn bè.

Sau khi xử lý con chó hung dữ đã cắn mình, tôi cầu khẩn bố mình tìm cho con gái tôi một con chó nhỏ. Trước yêu cầu của đứa cháu nội nhỏ nhất, bố tôi sẵn sàng đáp ứng, không những đáp ứng mà còn đáp ứng một cách rất nhiệt tình nghiêm túc. Chỉ cần ông phát ra hiệu lệnh là bạn bè thân thích nháo nhào hưởng ứng phân công nhau đi tìm, nhanh chóng tìm đến mười mấy hộ có chó mẹ đang mang thai, ai cũng bảo chờ đến khi đẻ xong thì đến lựa chọn tùy thích. Trước yêu cầu của cháu gái, chị tôi mặt dạn mày dày tìm đến một gia đình mà trước đó có quan hệ không mấy hữu hảo - con chó nhà này trước đây đã cắn con gái của chị. Nhà này đáp ứng vô cùng nhiệt tình, nói không có vấn đề gì, đến ngày chó đẻ nhất định sẽ để dành cho chị tôi con đẹp nhất.

Trong lúc cả họ đang tất bật về chuyện ấy thì con gái tôi không biết tha từ đâu về một con chó nhỏ. Con chó vô cùng đáng yêu, lông trắng nhõ và mượt như nhung. Con gái tôi kiên quyết khẳng định đó là một con chó đực. Thế thì là chó đực vậy, chỉ cần nó thích, chó cái mà nói thành chó đực thì có vấn đề gì đâu!

Vừa mới bước chân vào nhà, con chó đã làm cho không khí trong gia đình nhộn nhịp hẳn lên. Con bé ôm nó đi đi lại lại trong sân, líu lo cười nói không dứt. Mỗi lần trước khi đi học, nó "bắt tay" từ biệt con chó; từ trường quay về, việc đầu tiên của nó vẫn là "bắt tay" con chó và hàn huyên. Mỗi khi nhìn thấy cảnh ấy, tôi rất vui trong lòng. Thời niên thiếu của tôi trôi qua trong gian khổ thiếu thốn nhưng lúc ấy tôi vẫn không cảm thấy quá khổ, những lúc chạnh nhớ cũng chỉ thấy một màu bàng bạc thôi, nhưng tôi sợ con gái mình khổ. Chỉ cần nó vui là tôi vui. Tương lai của thế giới này như thế nào,

đến thời ấy con gái tôi liệu có phải chịu khổ như bố mẹ chúng một thời chịu khổ không, có ai nói trước được đâu? Chuyện của tương lai lo lắng cũng bằng thừa, chuyện của trước mắt lo nghĩ nhiều một chút là đúng đắn nhất. Chó đem lại niềm vui sướng cho con tôi, chó là vạn tuế! Viết đến đây, những bất mãn đối với chó đô thị của tôi cũng giảm đi phần nhiều. Người ta dùng sữa cao cấp tắm cho chó, dùng nước hoa cao cấp xịt cho chó... là tiền của người ta, là phúc phận của chó, có quan hệ gì đến tôi nào?

Mấy ngày trước đây, trong một cuộc hội nghị tôi đã gặp Đặng Cang. Anh ta bảo rằng mấy năm nay anh ta “treo chức” ở Nga, tắm nhìn đã mở mang vô cùng. Anh ta kể một lô một lốc những chuyện thú vị xảy ra ở Nga cho tôi nghe, trong đó có kể đến chó Nga. Anh ta bảo rằng, chó Nga có rất nhiều chủng loại, có loại nhìn đi nhìn lại vẫn nghĩ rằng đó là một con dê hoặc một con cừu nhưng vẫn cứ là chó. Anh ta còn bảo là có rất nhiều lái chó đáo qua đáo lại giữa hai thủ đô Bắc Kinh và Matxcova, lái chó bỗng nhiên phát tài lớn, không chỉ phát tài mà còn trở thành chuyên gia chó, thuộc lòng những đặc điểm của chó trong lòng bàn tay. Lão Đặng còn bảo rằng anh ta đã từng nuôi một con chó tại Matxcova có tên là “Năm Đấm”, dung mạo của nó trông như gương mặt của một ai đó đang nghênh đón năm đấm của một võ sĩ quyền Anh hạng nặng, còn tướng tượng ra nó như thế nào thì tùy ý ông! Theo lời anh ta thì phụ nữ Nga không chỉ có kỹ thuật nuôi chó rất tốt mà còn có cảm tình đặc biệt với chó. Vú đàn bà Nga thường to, khe hở giữa hai “ngọn núi vú” có thể chứa được vài chú chó con, những chú chó ấy đều đội mũ nhưng be bé trông chẳng khác nào những đứa bé đang vục đầu vào ngực mẹ bú sữa,

nhưng tất nhiên là chó không phải đang bú sữa phụ nữ Nga. Phụ nữ Nga thường giắt những bình sữa bên hông, lợi dụng nhiệt độ thân thể để giữ ấm cho sữa trong bình. Trên những chuyến tàu quốc tế Matxcova - Bắc Kinh, phụ nữ Nga chuyên buôn chó lôi chiếc bình sữa bên hông ra nhét vào miệng mấy con chó đầu đội mũ nhưng đang ẩn thân trong "khe núi" ấy, và bọn nhóc vô cùng khoan khoái tận hưởng những hương vị ngọt ngào của sữa được thân nhiệt con người sưởi ấm. Cảnh tượng sinh động vô cùng trong lời kể của Đặng Cang như hiển hiện bằng xương bằng thịt trước mắt khiến lòng tôi ấm áp vô cùng. Thế giới này vô cùng đáng yêu, đàn bà Nga lại càng đáng yêu hơn! Tôi tưởng tượng ra nàng Acxinhia trong "Sông Đông êm đềm" của Solokhov - Chỉ có những người đàn bà mà trong "khe núi vú" có thể nhét được chó mới đẻ ra được những Acxinhia, mà cũng chỉ có những hậu duệ của Acxinhia mới có thể giấu được chó giữa "khe núi vú"!

Vó ngựa

Lời bàn: Tôi cho rằng các thể loại văn chương cũng giống như một chiếc lồng sắt đang nhốt từng đàn chim ngó ngẩn “tác gia” hoặc “thi nhân”. Tất cả mọi người đều đang bay ở trong chiếc lồng ấy và đang thi đua với nhau xem thử ai bay biến hóa nhất, lẽ có ai đó đâm thẳng vào lưới sắt tất yếu sẽ gặp phải sự chửi bới, trào lộng. Có một ngày, một con chim chín đầu đâm thẳng vào lưới sắt và làm cho không gian trong lồng trở nên rộng hơn, thoáng đãng hơn, tất cả những con chim còn lại bay được thỏa sức hơn. Rồi lại có một ngày, một bầy chim chín đầu húc vỡ toang chiếc lồng, nhưng chúng không thể bay thẳng lên chín tầng mây xanh mà cuối cùng lại chui vào một chiếc lồng mới mà thôi. Thơ tứ ngôn, thơ ngũ ngôn, thơ thất ngôn, thơ tự do, truyền kỳ đời Đường, thoại bản đời Tống, tiểu thuyết Minh Thanh... Một thể loại văn học mới hình thành không phải là một sớm một chiều nên sau khi đã hình thành cần phải có một thời gian ổn định, cần phải có một quy phạm thẩm mỹ - chiếc lồng. Những con chim chín

đầu không ngừng húc vào đó để nở rộng thêm, nhưng trước khi húc nát chiếc lồng, nó phải có một thời gian để bay trong ấy. Bên trong ấy có lẽ là có chút ít ý vị triết học Mác!

Những con chim một đầu như chúng tôi, nhờ vào những đại sự phụ chín đầu nở rộng không gian trong lồng, gắng gượng chao đôi cánh mỗi mét mà tự cảm thấy “tri túc”.

Khi chúng tôi từ nhà hàng ăn uống “Không nói ngoa” trong vùng du lịch sinh thái tận sơn lâm cùng cốc vừa mới khai trương bước ra thì đã giữa trưa. Trong khe núi, mây mù đặc quánh ùn ùn xông lên, những lối đi trên đá gập ghềnh trải đầy một thứ ánh sáng vàng vàng. Không biết mặt trời ở nơi nào, chỉ thấy những chỗ da thịt dễ lộ ra ngoài như bị muôn ngàn mũi kim châm vào, mồ hôi dâm dấp nhưng không thể chảy thành dòng, toàn thân như bị phủ một lớp keo đặc quánh. Khi gặp nhau vào năm ngoái, anh trai tôi bảo khí hậu Hồ Nam rất nóng, miệng tôi nói huyền thuyên không hề hấn gì và trong lòng cứ nghĩ là anh trai quan trọng hóa vấn đề. Nhờ bản tin dự báo thời tiết trên ti vi mà tôi biết nhiệt độ ở Trường Sa không hơn ở Bắc Kinh bao nhiêu (mà ở Bắc Kinh chưa bao giờ tôi cảm thấy khó chịu về nhiệt độ cao cả), bây giờ tôi mới thấm thía, thấm thía ngay trong buổi sáng đầu tiên đặt chân lên thành phố Trường Sa. Những người buôn bán nhỏ trên các đường phố Trường Sa ai ai cũng như những con cua say nắng, người đi đường lặng lẽ cúi đầu lè bước, không đủ sức ngắm nhìn quang cảnh phố phường. Ngồi trên chiếc xe khách cà tàng đi về Thường Đức, khi xe chạy ngang qua chiếc cầu lớn bắc ngang Tương Giang, tôi ngăn người nhìn dòng nước sông đục như nước đậu xanh nấu nhừ, chỉ có vài chiếc thuyền bé xíu đen ngòm đứng im lìm như chết trên mặt

nước. Mặt nước sông bàng bạc một màu vàng đục đặc quánh, tìm đâu ra cảnh nước trong thấy cá lội tung tăng dưới đáy nước, cũng như cảm xúc nghe tiếng cây lá rì rào trong gió mà tiểu ngạo thiên hạ nhỏ bé như trong lòng bàn tay trong bài từ “Tầm viên xuân” của Mao Trạch Đông mà tôi đã thuộc lòng từ nhỏ? Hay là thời điểm tôi đến đây không trùng hợp với thời điểm Mao Trạch Đông sáng tác bài từ này? Những khoảnh đất trống quít uốn lượn trông như một người thiếu nữ không chịu nổi cái nóng thiêu đốt nên đã trút bỏ xiêm y nằm bên bờ sông, thân thể đầm đìa mồ hôi, chờ cho đến mùa thu se sắt, nàng sẽ khoác xiêm y vào và trở mình ngồi dậy. Tôi đang cố gắng tìm tòi và chờ đợi cơ hội đến Hồ Nam trong mùa thu.

Bà chủ quán ăn “Không nói ngoa” đã bỏ ít nhất gần nửa lạng ớt vào trong bát miến hai lạng của tôi, cay xé lưỡi, vừa ném vào là lưỡi tôi đã co giật như ném phải thuốc độc. Rời khỏi quán ăn rồi mà tôi vẫn còn cảm giác lục phủ ngũ tạng của mình như đang bị đốt trong lò, những giọt mồ hôi rịn ra có cảm giác đỏ một cách rõ ràng, mỗi lỗ chân lông đều đang phát nhiệt. Đất mới khai phá, đường sá cheo leo, muốn lên được xe chúng tôi phải đi bộ hơn năm cây số, may mà con đường dang dặc ấy xuyên qua một khe núi, phong cảnh trong khe ly kỳ hiếm quái chẳng khác nào trên thiên đường. Chỉ một tiếng gọi “Đi!” là mọi người nhất tể xông lên, tiến thẳng vào khe núi vài trăm mét mới quay đầu vọng về quán “Không nói ngoa”, nhìn tấm vải bố đỏ như lửa trông chẳng khác nào một tấm da bò treo bên thềm mà chạnh nhớ những tấm bảng quảng cáo, nào là những loại thuốc như “Diệu thủ hồi xuân”, “Hoa Đà tái thế”... mà lòng bỗng thấy mênh mang.

Đã từng vượt qua ba con sông tỉnh Hồ Nam, chân đã lê trên những con đường của ba thành phố tỉnh Hồ Nam, trèo lên mấy ngọn núi của tỉnh Hồ Nam, trên những chiếc xe khách lấm láp bụi đường phóng mắt ngắm nhìn đôi núi nhấp nhô hòa với cỏ cây thành một khối, thiên biến vạn hóa, trầm mặc ngạo nghễ chẳng khác những mảnh hổ đang lim dim mơ màng. Thiên nhiên Hồ Nam có những nét rất riêng, chất riêng ấy lặng lẽ như những đồ gốm cổ thô ráp nặng nề dẫm dập máu huyết người xưa, xán lạn huy hoàng pha mùi man dã. Nghĩ nhiều về bao bậc phong lưu anh kiệt ra đi từ vùng Tam Tương này để đến với đời, hú gió gọi mây, đời non lấp bể, dưới đôi chân đất bằng nổi sóng, mà trong lòng không thể chế ngự được nỗi buồn phiền, không biết bây giờ các bậc ấy đi về nơi đâu?

Khi đặt chân trên “Thập lý họa lang”, có vài cơn gió hiu hắt thổi đến, những lỗ chân lông trên toàn thân như muốn nở bung ra. Nghe đâu trong “hành lang được trang trí bằng tranh mười dặm” này có sông nhưng đi mãi mà chẳng thấy sông đâu, có chăng là con mương nông choèn bên phải, chen dày dưới đáy sông là những viên đá hình trứng ngỗng, bề mặt phủ một lớp vôi trắng. Có lẽ đây chính là sông. Bên trái là vách đá sừng sững, những giọt nước treo trên lá cỏ như những giọt nước mắt tí tách rơi xuống, một vài bạn đồng hành đưa những chiếc lưới hồng hồng ra đón lấy những giọt lệ đá ấy. Tôi bắt chước làm theo. Nước có vị mằn mặn và chất chứa bao nỗi buồn đau của núi rừng. Ban đầu, chúng tôi phải dò dẫm từng bước khó khăn trên những viên đá nằm ghép bên nhau chẳng theo một quy luật nào nên khi giẫm chân trên đường bằng phẳng, dáng đi của chúng tôi vẫn chưa kịp trở lại bình

thường, nhìn dáng đi của người phía trước mà nhận ra dáng đi của chính mình, không nín được đành cười lên thành tiếng, cổ họng khô khốc nên tiếng cười phát ra cũng chẳng tròn trịa gì. Quả thật là phong cảnh trong khe núi đẹp vô cùng, những đỉnh núi đột ngột nhô cao với đủ các hình thù kỳ dị, có lẽ ngôn ngữ con người sẽ bất lực khi muốn miêu tả chúng. Người có trí tưởng tượng đưa tay chỉ Đông chỉ Tây tha hồ ví von, nào là ngọn này nên gọi là Chó biển, nào là ngọn kia xứng hiệu Tây Thi... Tôi nhìn theo ngón tay họ mà phản đối thầm. Núi cuối cùng vẫn cứ là núi, gọi tên cho nó chỉ có ý nghĩa phù hiệu, vì một cái tên mà cố nặn ra một chuyện truyền kỳ để gán cho nó chính là một sự miệt thị đối với tự nhiên.

Càng đi càng lạc vào cõi thâm u. Tán cây từ trên hai bên vách núi trùm xuống. Trong rậm rạp những là cây, tôi chỉ nhận ra chỉ mỗi một loại cây tùng, còn lại toàn là những loài cây chưa hề thấy qua. Những cây tùng đáng thương như đang chăm chú nhìn tôi, còn những loài cây tôi không quen biết thì đang nhắm mắt dưỡng thần, hình như đang biểu thị một thái độ "khinh miệt lớn lao" đối với tôi. Tôi đang bị thái độ khinh miệt ấy làm cho cong gập người, tiếng thở cũng trở nên hỗn hển. Thi thoảng tiếng ve lại nổi râm ran trên cây - thực ra thì tôi không chắc đó là tiếng ve. Cô gái vóc người nhỏ thó mang giá vẽ trên lưng khẳng định đó là tiếng ve - Tiếng ve kêu cũng như tiếng ếch nhái kêu ở bờ ao phương Bắc, ướt át mượt mà, có độ vang rất lớn. Nếu đó là tiếng ve - tôi nghĩ - nó cũng là một loại thanh âm trầm hùng ngạo nghễ. Núi sông Hồ Nam trầm hùng ngạo nghễ tất nhiên cũng sẽ sản sinh một loại tiếng ve mang chất trầm hùng ngạo nghễ. Loại ve có tiếng kêu như ếch nhái phương Bắc này có thể ăn cả bộ ngựa - tôi nghĩ. Tôi

lại nghĩ, loài bọ ngựa ở đây lẽ nào lại không trăm hùng ngạo nghễ sao? Chúng có thể dùng càng cắt phăng đầu chim sẻ đấy chứ! Còn chim sẻ ở đây thì sao? Giả sử có loại chim sẻ... Thật không dám tưởng tượng nữa, nhưng nếu không có một dạng thiên nhiên thô ráp như đồ sành sứ giản đơn thắm đậm máu huyết bao thế hệ, thì làm gì có một nền văn hóa Sở huy hoàng tráng lệ đến thế. Hàn Thiếu Công, một nhà văn Hồ Nam trong sách “Gốc rễ của văn học” trong khi khảo sát hướng di chuyển của văn hóa Sở, vị này đã nghe một nhà thơ nói rằng, văn hóa Sở đã di chuyển lên phía Tây sông Tương. Tôi thiết nghĩ, nếu Tương Tây không phải là một vùng “bế quan tỏa cảng”, nếu Tương Tây lâu cao gác tía mọc lên như nấm rừng, đường ngang ngõ dọc chằng chịt, nông dân nhà nhà có xe hơi, có dương cầm, đại phổ cập văn hóa, đời sống kinh tế nâng cao... văn hóa Sở còn có chỗ để dung thân tại đấy không? Chỉ nghĩ đến đó, lòng tôi đã dấy lên một nỗi sợ hãi. Té ra muốn bảo tồn văn hóa truyền thống thì con người phải lấy lạc hậu, ngu muội làm tiền đề sao? Các tập tục truyền thống lâu đời sau những biến động mới về kinh tế chính trị cũng như những thay đổi về môi trường tự nhiên, đại bộ phận đều đã mất đi cái vẻ trang nghiêm huy hoàng vốn có, biến thành một dạng thức có xác nhưng vô hồn. Chẳng hạn như những cuộc đua thuyền rồng tháng năm mà người tham gia đua thuyền lại đeo đồng hồ điện tử trên tay, thử ngẫm xem, nó là một hoạt động quái quỷ gì? Giả sử chuyện ấy đã và sẽ xảy ra, thế thì hồng bét. Vùng Tương Tây tất nhiên không cam tâm chịu lạc hậu, không cứ phải “bế quan tỏa cảng” mãi, rồi sẽ có một ngày nó trở thành một vùng đất mở, lẽ nào văn hóa Sở tuyệt mệnh hay sao? May thay, tôi vẫn cho rằng văn hóa Sở là một khái niệm có nội hàm vô cùng thâm uyên, một bộ phận của nó đích xác

là vẫn bảo tồn ở một số “vùng trũng” của Tương Tây mà biểu hiện cụ thể là ở một số phong tục tập quán cổ xưa, ở tục sùng bái totem; một bộ phận khác như những sáng tác của Khuất Nguyên tất nhiên đã hòa nhập vào trong dòng chảy cuộn cuộn văn hóa chung, bồi dưỡng nên không biết bao nhiêu thế hệ người Trung Quốc, thậm chí nó đã biến thành một nhân tố có tính di truyền, muốn trốn tránh cũng không trốn tránh được.

Lúc ấy có tiếng vó ngựa rầm rập vang lên từ phía sau, vội vàng ngoái đầu nhìn lại, tôi trông thấy bảy tám con ngựa rực rỡ đủ sắc màu, trên lưng mỗi con là một kỵ mã. Mọi người tránh giat về hai bên đường, nhất thời quên phắt chuyện nóng nực, đưa mắt kinh hãi nhìn đội người ngựa. Có ngựa vàng, có ngựa đen, có ngựa đỏ bầm, không có ngựa trắng. Đột nhiên tôi nhớ đến thuyết “ngựa trắng không phải là ngựa” của Công Tôn Long. Trong sách giáo khoa triết học, Công Tôn Long biến thành kẻ nguy biện và tất nhiên “ngựa trắng không phải là ngựa” chẳng có giá trị gì. Đằng sau những lời nhận định của sách giáo khoa, tôi lại nhìn thấy một Công Tôn Long ngẩng đầu nhìn trời cao bằng đôi mắt ngạo ngược, kiểu ngồi cũng ngạo ngược, ngay cả trời sập và những tảng đá đổ xuống ào ào trước mặt vẫn không hề nháy mắt. “Ngựa trắng không phải là ngựa” chính là “ngựa trắng không phải là ngựa”, quan tâm làm chi đến chuyện tiên sinh nhầm lẫn logic như thế nào, chỉ một cái mệnh đề rất “oách” này đã khiến tiên sinh trở nên vĩ đại rồi! Mấy mươi năm nay, thực ra là chúng ta đang sử dụng một phương pháp biện chứng quá đơn giản để giải thích thế giới, những kết luận đưa ra tự cho là đầy đủ nhưng thực ra là đầy rẫy những yếu tố nguy biện. Công thức hóa văn học, giản đơn hóa văn học lẽ nào

không có liên quan gì đến vấn đề trên sao? Tôi cho rằng, mỗi một tác gia đều phải có tinh thần “ngựa trắng không phải là ngựa”. Dám lập ngôn là điều tốt, Hàn Thiếu Công bảo văn hóa Sở đã chuyển về Tương Tây thì cứ để nó về Tương Tây! Ông ấy có lý lẽ riêng của mình ẩn tàng trong những con chữ do ông ấy viết ra, người ngoài cuộc khó lòng lý giải thấu đáo, vung bút viết mấy câu bình luận phủ nhận một cách tự biện là không nên. Những ai phê phán logic hình thức của người khác, người ấy có chút ngốc nghếch - kỳ thực là tất cả chúng ta đều có thể cất giấu những suy nghĩ riêng trong lòng - thế mới gọi là người có “võ”.

Đang nghĩ đến “võ” của riêng mình, tôi đưa mắt nhìn những con ngựa. Những khoe miệng sùi đầy bọt trắng, toàn thân mồ hôi lấp lánh, vó giẫm xuống đá viên hình trứng ngỗng, tiếng vó khô khốc vang lên. Trông chúng chạy rất nhẹ và nhanh nhẹn nhưng tôi phát hiện từ bên trong, xương cốt chúng đang biểu lộ sự bất bình, chúng gượng gạo, thẳng đuột và rõ ràng, chúng đã mất đi sự tự do, “cưỡi ngựa mà không phải cưỡi ngựa vậy”. Trang Chu đã từng viết trong thiên “Mã đề” như sau: “ Ngựa, vó có thể đạp sương tuyết, lông có thể chế ngự gió lạnh, gặm cỏ uống nước, ghech chân mà đứng trên đất; đó là chân tính của ngựa vậy. Dẫu có dài cao, cung đẹp, nó đâu cần dùng. Bá Nhạc nói: “Ta trị ngựa rất giỏi. Rồi đốt lông cắt bờm, xẻo móng, buộc đầu, mang yên cương cho nó, giam nó vào máng cỏ, thế là ngựa mười phần chết đến hai ba phần. Bỏ nó đói, bắt nó khát, buộc nó chạy, đánh nó quằn; đằng trước có cái nặng mang hàm thiếc, đằng sau có cái uy của roi vọt. Thế là ngựa chết hơn một nửa”. Ngựa vốn tiêu dao giữa cõi đất trời, đói ăn cỏ non, khát uống nước ngọt,

ăn sương nằm tuyết mà hưởng trọn niềm sung sướng; không bị trói buộc, không bị quản thúc mới đáng được gọi là “chân mã”, không đánh mất bản tướng của ngựa, thế mới có cái khí độ của rồng của hổ. Dưới ngòi bút của Từ Bi Hồng, ngựa không bao giờ đeo hàm thiếc buộc yên cương, có lẽ là do đạo lý ấy mà ra. Nhưng con người lại nhét hàm thiếc vào miệng nó, buộc yên cương trên lưng nó, lúc giận thì đòn roi tới tấp, lúc thương thì thưởng đậu thưởng đường, ân nghĩa và quyền uy đồng thời giáng xuống mình ngựa, cương nhu đồng thời thi thố trên mình ngựa, cho nên ngựa có thể mập mạp cường tráng nhưng làm sao đọ được với hình hài mẫn tiệp sẵn chắc ban đầu. Con người là loài tàn nhẫn, bá đạo nhất trên địa cầu này... Và bỗng nhiên, tôi cảm thấy căm ghét những kỵ mã đang ngồi trên lưng ngựa kia vô cùng. Nhưng, ngay lập tức tôi đã phải phủ định chính mình. Thiếu ăn thì sẽ thêm ăn vô cùng, đó là một quy luật của giới tự nhiên, thế giới loài người cũng không là một ngoại lệ. Tôi vẫn thường nghe người ta nói: “Trong xã hội cũ... con người phải chịu một cuộc sống không phải là con người”. Con người mà phải chịu bất kỳ một sự quản thúc của một người khác thì không phải là con người. Như thế thì “ngựa bị người cưỡi không phải là ngựa” có lẽ cũng không phải là một logic sai. Dem ngựa so với người, có lẽ là một sự so sánh khắp khiêng về mặt “loại”, nhưng không phải là ngày nào chúng ta cũng đang so sánh như thế sao? Khổng Phu Tử khi nghe Tử Lộ bị muôn ngàn vết thương mà chết, ngài bèn bảo đầu bếp vất bỏ toàn bộ thịt băm trong bếp (thời kỳ phê Khổng đầu Nho đã từng cho chuyện này là bịa đặt); trong tác phẩm văn học những năm gần đây, không phải đã có những sinh linh bé nhỏ được các nhà văn vĩ đại ký thác tinh thần nhân đạo cao cả sao?

Nói ngoài miệng thì dễ nhưng thực hành thì khó vô cùng. Tôi hận bọn kỵ mã vì thực ra là tôi không có ngựa để cưỡi, do vậy mà Khổng Phu Tử vất vả khiến tôi cảm thấy tiếc. Trong số những tác gia nhỏ bé hiện nay liệu có mấy người là hòa thượng? Nói một đường nhưng làm một nẻo chính là thiên tính của loài người.

Khi đội người ngựa đến trước mặt chúng tôi, có lẽ để hỏi đường, cũng có lẽ là do đường đi bên mép nước quá nguy hiểm nên tất cả đều đã xuống ngựa. Tất cả đều trọc đầu, tất cả đều mặt đen, tất cả hoặc là phanh ngực hoặc trên mình chỉ có tấm áo may ô trống hoác, mang giày cỏ hoặc ủng cao cổ, trên lưng áo đều có một mảnh vải trắng trông như một vầng trăng tròn, trên đó dùng mực đen viết một chữ “dũng” to bằng nắm tay. Có hai người trên lưng đeo cung tên, hai người đeo dao bên hông. Tất cả ngựa đều đóng yên cương, dưới yên treo toong teng một khẩu súng trường buộc vải đỏ, một thanh đao to bản và một vài hành lý khác, giọng nói khác với người Hồ Nam, không biết nhóm thổ phỉ nào đang xuống núi đây?

Cưỡi trên con ngựa màu tía là tay thanh niên có dáng vẻ đầu mục, thân thể cao gầy, trông rất tuấn tú. Toàn thân con ngựa tía được phủ rất nhiều dây tua, trên cổ lại đeo một chiếc lục lạc, những tiếng kêu leng keng vui tai vang lên không ngớt. Tay trái dắt ngựa, tay phải đè lên chuôi dao giắt trên thắt lưng, với những bước đi như hổ báo, hấn đi đến trước mặt tôi. Tôi đang lúng túng không biết ứng phó như thế nào thì hấn đã nở một nụ cười để lộ đôi hàm răng vàng khè hỏi tôi: Đồng chí, về nhà khách có phải đi lối này không? Tôi đáp bừa là đúng. Gã mặt sẹo dắt con ngựa đen nói: Đại Văn, còn thuốc lá không? Cho vay một điếu, thêm quá! - Vay

gì, chỉ thấy vay mà không thấy trả! Nói thế nhưng gã dắt con ngựa tía cũng rời bàn tay khỏi chuôi dao, mò vào trong túi áo lấy ra hai liều thuốc, đưa lên miệng mình một liều, gã vay thuốc đánh lửa châm thuốc cho mình và cho người cho vay thuốc. Từ trong lỗ mũi của cả hai, bốn luồng khói màu lam đậm đặc bay ra khiến những con ngựa khịt khịt những tiếng khô khốc, đập mạnh vó xuống đường, đuôi phất mạnh đuổi ruồi, mặt nghiêng về phía bờ sông. Dòng sông xanh một màu phỉ thúy đột ngột xuất hiện từ trong khe núi kèm theo là những cơn gió mát mẻ dễ chịu vô cùng. Gã dắt con ngựa tía nói: Các anh em, đi một lát nữa, ráo mồ hôi rồi cho ngựa uống nước! Rồi gã mời tôi hút thuốc, tôi bảo mình không hút. Gã nhìn chăm chú vào chiếc huy hiệu tôi đeo trước ngực rồi không nói năng gì nữa, dắt ngựa đi nhanh về phía trước. Tuy trong khe núi đã có sông như người ta nói và phong cảnh có thể nói là tuyệt mỹ song chúng tôi cũng chẳng có tâm trí đâu mà thưởng thức, mọi người cắm cúi đi theo đội người ngựa và trong những lời bàn tán vu vơ mới biết hãng phim Tiều Tương quay bộ phim "Thiên quốc ân cứu ký" tại đây. Họ chính là những quần chúng được thuê từ Hà Nam đến đóng vai quân Tương Tây của Tăng Quốc Phiên đánh nhau một trận kinh thiên động địa với quân Thái Bình ở Tây Hải, quân Tương Tây thương vong gần hết, nhưng cũng có một vị đại tướng của quân Thái Bình đang ngồi trên mình ngựa với tư thế hiên ngang vô cùng nhưng lưng ta lưng túng rơi xuống ngựa gây một cánh tay. Chuyện khôi hài quá khiến mọi người đồng loạt cười vang lên. Thấy mọi người hưởng ứng, người kể chuyện - chính là gã thanh niên dắt con ngựa tía càng hăng tiết, bảo rằng hãng phim trả thù lao quá bèo, đi từ Hà Nam đến Hồ Nam trên lưng con ngựa vốn là ngựa kéo cày của gia

đình, người ngựa mệt muốn đứt hơi, xương cốt muốn rã rời, nếu không vì muốn kiếm ít tiền nhân lúc nông nhàn thì ngay cả quỹ cũng chẳng thèm tham gia vào bộ phim, vả lại cũng có thể đi đây đó mở rộng tầm mắt. Gã còn nói, vừa khoác lên mình bộ quân phục và trèo lên lưng chiến mã là đã có cảm giác chẳng sợ trời cũng chẳng sợ đất nữa, gặp cả những "quan lớn" ngồi trong xe "ba ba đất" - tức xe tăng - cũng không cảm thấy run tí nào, chả bù cho lúc còn ở quê nhà, ngay cả thôn trưởng quát một tiếng là đã muốn sụm gối quỳ xuống đất, bây giờ nghĩ lại, tại sao lại phải sợ ông ta nhỉ? Thân phận con người suy cho cùng đâu phải được quyết định bởi anh khoác cái gì bên ngoài, chỉ có cái mộng rồng tuếch mà bước chân vào chốn phồn hoa đô hội thì cho dầu có làm đại quan cũng không thể thể hiện cái oai phong của mình ra được. Anh thấy tôi nói có đúng không? - Gã hỏi, tôi trả lời là quá đúng. Gã nói tiếp, thật tiếc là chúng tôi phải đóng vai quân Tương Tây, toàn bị người ta "giết", phải chi được đóng vai quân Thái Bình mới đã nghiệm. Kêu lớn một tiếng: Anh em! Xung phong! Thế là chém giết sướng tay...

Gã cùng với đồng bọn dắt ngựa xuống mép sông cho uống nước. Nước lạnh đến độ bọn ngựa ngoác mõm lên trời. Ngựa uống nước xong, tất cả nhảy tốt lên mình ngựa, uốn ngực ngẩng đầu, đội mũ rộng vành lên đầu rồi bắt chước cách chào hỏi trong phim cổ, chấp tay vái chúng tôi nói lời cáo biệt rồi quát to một tiếng, hai đầu gối thúc mạnh vào hông ngựa. Những chú ngựa lồng lên, chạy đi. Đường đá gồ ghề lởm chởm nên bọn ngựa chạy một cách thận trọng, nhưng dù sao vẫn cứ nhanh hơn người đi bộ nhiều, chúng tôi chỉ có thể đưa mắt nhìn theo.

Khi khoảng cách giữa chúng tôi và đội kỵ mã đã vừa một tầm tên bay, chúng tôi trông thấy con ngựa màu tía bỗng nhiên lao đảo rồi ngã vật xuống đường, hất gã thanh niên trên lưng lăn mấy vòng đến tận lùm cây ven đường và mất hút. Những kỵ mã khác đồng loạt nháy xuống ngựa, gã cưỡi con ngựa màu tía đang lom khom bò ra khỏi lùm cây, bộ dạng trông thật thê thảm chẳng khác nào một binh sĩ thất trận. Chúng tôi cũng vội vàng chạy đến. Những kỵ mã đang đứng chung quanh con ngựa màu tía, gương mặt ai cũng biểu lộ vẻ buồn thảm. Gã cưỡi con ngựa màu tía đang ngồi dưới đất, hai tay ôm lấy đầu, không trông thấy nét mặt gã như thế nào. Con ngựa tía đang gượng đứng dậy, nhưng hình như nó không còn chút sức lực nào nữa, một chân của nó lọt xuống khe hẹp giữa hai viên đá và đã gãy lìa, máu đang tuôn xối xả. Bỗng nhiên tôi chợt nhớ đến năm 1976, khi đang tại ngũ tại huyện Hoàng, tôi cùng với tiểu đội trưởng cũng dắt một con ngựa màu tía vận chuyển than từ mỏ về, trên đường đi khi đạp lên một đồng giá đỡ bằng sắt phế thải, một thanh sắt đã đập mạnh vào chân trước của nó. Mặc dù chiếc chân đã gãy lìa nhưng con ngựa của chúng tôi vẫn đứng yên, đoạn chân gãy nằm chơ vơ trên mặt đất như một khúc gỗ. Lúc ấy, tiểu đội trưởng của tôi đã òa lên khóc nức nở. Đoạn chân của con ngựa hằn sâu trong tâm trí tôi và từ đó, tôi hạ quyết tâm là sẽ viết một truyện vừa về nó, đầu đề sẽ là “Vó ngựa”.

Tháng 9-1985

Chó, chim và ngựa

1. Mười năm trước, tôi đã từng theo chân một đoàn đại biểu nhà văn đến thăm Cộng hòa Liên bang Đức. Trong ký ức của tôi, ấn tượng sâu đậm nhất vẫn là trong các thành phố hoa lệ của đất nước này, bất kỳ lúc nào và bất kỳ ở đâu chúng ta cũng có thể dễ dàng nhìn thấy những thanh niên nam nữ áo quần lộng lẫy dắt chó đi thong dong trên các đường phố. Từ bắc chí nam qua rất nhiều thành phố, tôi chưa hề thấy một con chó vô chủ nào. Quả thực là ở đây có quá nhiều loài chó, có loài ngốc nghếch như một con trâu, có loài nhỏ bé xinh xắn như một con thỏ, có loài lông dài phất phơ như những phụ nữ xinh đẹp thướt tha, có loài mặt nhân môi lem trông như quý sứ... nhưng hầu như bất kỳ con chó nào cũng có mang một sợi xích trông rất chắc chắn trên cổ. Thi thoảng tôi cũng bắt gặp một vài con chó không đeo xích sắt nhưng thay vào đó là

một vòng cổ bằng da. Những sợi xích sắt ấy được chủ nhân của chúng đi phía sau giữ chặt và bất cứ lúc nào cũng có thể buộc chúng lại mỗi khi cần thiết. Những con chó không phải mang xích sắt hầu hết đều ngoan ngoãn dễ thương như một đứa trẻ chạy lon ton quần chặt lấy chân chủ, chủ đi nhanh thì nó chạy nhanh, chủ đi chậm thì nó đi chậm, do vậy mà dù không có xích nhưng khác nào có xích. Trông thấy những cảnh ấy, đoàn đại biểu nhà văn của chúng tôi ai cũng mở miệng trầm trồ thán phục.

Tại thành phố Munich, chúng tôi trông thấy một con vật trông giống như chó, nhưng hình như cũng không phải là chó, đang ngật ngưỡng theo sát phía sau lưng một cô gái rất đẹp có mái tóc vàng rực. Cô gái mặc áo hở ngực hở lưng, chiếc đầu kiêu ngạo ngẩng cao, con quái vật ấy theo sau đằng đằng sát khí với những bước đi như hổ báo uy nghi lắm liệt. Tôi rùng mình sợ hãi vì chưa hề tưởng tượng ra rằng trên thế giới này lại tồn tại một loài quái vật khủng khiếp đến như thế. Lẽ nào nó là một loài tạp chủng, là kết quả giao phối hỗn tạp giữa hổ và cừu? Đường như đã phát hiện ra tôi đang chăm chú nhìn mình, con quái vật ấy cũng nghiêng đầu liếc xéo về phía tôi, đôi mắt ẩn sau những lớp lông dày phát ra một màu xanh lục hung dữ và đe dọa, những bộ móng vuốt có lẽ to hơn nắm tay của tôi nện xuống mặt đường nhựa kêu lên ken két rộn người, chiếc đuôi quét xuống đất trông chẳng khác một chiếc chổi chà. Loài quái vật này nếu xuất hiện ở vùng thâm sơn cùng cốc, nhất định sẽ là đại vương của muôn thú nhưng lúc này nó đang lò dò theo sau một cô gái, trên cổ nó lại là một dây xích sắt, rõ ràng nó chỉ là một con chó không hơn không kém.

Trong một tiệm ăn nhỏ nằm sát bên con đường cao tốc, tôi quan sát một đôi nam nữ trung niên ăn mặc rất hợp thời trang đang dùng một chiếc đĩa bằng bạc đựng sữa để cho một con chó nhỏ nặng chỉ khoảng một ký uống sữa. Nhìn những động tác và những biểu hiện trên nét mặt dễ dàng nhận ra vẻ yêu mến của cả hai đối với con chó nhỏ, dường như đang nằm trong lòng họ không phải là một con chó mà là một đứa con bé bỏng mới sinh. Con chó đẹp một cách kiêu sa và e lệ khiến tôi ngẫm so sánh nó với những người đàn bà đẹp trong lịch sử cổ đại Trung Quốc. Nó dùng chiếc lưỡi xinh xinh hồng hồng liếm sữa một cách lưỡi biếng rồi lắc đầu, người đàn bà nói thì thầm một vài câu tiếng Đức, tất nhiên là tôi không thể hiểu bà ta nói gì nhưng tôi dễ dàng đoán được ý bà ta. Lẽ nào không phải là những câu đại loại như: Bé yêu, con không ăn à? Con ăn ít như vậy sao được? Con chó nhỏ tiếp tục lắc đầu. Người đàn ông lấy ra một chiếc xúc xích đưa đến tận mõm con chó. Tôi cũng đã từng ăn xúc xích, có những loại xúc xích chui vào miệng tôi không được thơm lắm nhưng chiếc xúc xích mà người đàn ông đang đưa cho con chó kia quả thật là rất thơm ngon. Nhưng nó chỉ ngửi, không ăn khiến lòng tôi bỗng dưng dâng lên một cơn giận dữ vô cớ. Mười năm trước, tư tưởng của chúng ta không cởi mở như bây giờ, cuộc sống cũng không thể so sánh với hiện tại. Tôi nói như thế với mục đích là muốn thừa nhận chiếc xúc xích kia đang khêu gợi ý thức thèm ăn của tôi. Mười năm trước không đủ dũng khí để thừa nhận điều này, mười năm sau tôi thừa nhận nó một cách thần nhiên, kỳ thực là tất cả đều thuộc cái gọi là “danh phận”. Khi tạo ra muôn loài, Thượng đế không hề quy định loại nào dành cho người ăn, loại nào dành cho chó ăn, con chó Đức kia không chịu ăn chiếc xúc

xích thơm lừng và điều đó đã khêu gợi ý thức ham ăn của tôi là một điều hoàn toàn bình thường, chính đáng. Nếu là bây giờ, tôi đã yêu cầu người đàn ông Đức kia cho tôi một chiếc xúc xích, cho hay không là quyền của hắn. Hắn cẩn thận dùng giấy bọc chiếc xúc xích lại rồi vứt vào thùng rác. Tôi thấy đau nhói trong lòng. Hắn tiếp tục dùng chiếc khăn mùi xoa trắng tinh lau mồm con chó thật cẩn thận rồi mới ngồi xuống ăn uống cùng với người đàn bà của hắn.

Còn có một lần, chúng tôi đang ngồi trên xe Mercedes chạy bon bon trên đường cao tốc. Rất nhiều những chiếc xe sang trọng vùn vụt lao qua lao lại hai bên xe của chúng tôi. Bỗng nhiên tôi trông thấy, ngồi ở băng ghế sau của một chiếc xe vừa vượt qua mặt xe tôi là một chú "sư tử chó". Con quái vật này còn hướng về xe chúng tôi sủa oang oang, hình như đang biểu thị sự khinh miệt vì xe chúng tôi chạy quá chậm. Tôi tức tối vô cùng, muốn dùng tận lực đá vào chiếc mồm xấu xí ấy một cú thật mạnh. Nhưng nó vẫn ngao nghễ vọt đi rồi mất hút trước mắt tôi. Tôi nghĩ: Liệu con chó này có say xe hay không? Nếu có say, nó có thể nôn ọe như con người hay không? Và nếu có nôn, liệu những thứ nó nôn ra ấy có làm bẩn chiếc xe sang trọng ấy hay không?

Lại có một lần, tôi không nhớ rõ là ở thành phố nào, bên cạnh một giáo đường có một ông già lang thang râu tóc đỏ quạch đang nằm, năm con chó như năm đứa con nằm bên cạnh ông ta. Năm con chó đều rất xinh đẹp, không hề có vết bẩn nào trên lông, thậm chí là bộ lông nào cũng được chải chuốt rất mượt mà. Không thể nhận ra chúng là những con chó không hề được ăn ngon và no, nhìn lại chủ nhân của chúng, mặt vàng bụng lép. Trước mặt ông già và năm con

chó có một chiếc khay, trong đó có mấy xu tiền lẻ. Mỗi khi có ai đó đi ngang qua trước mặt, ông già lang thang mở miệng nói mấy câu gì đó, âm thanh khàn đục. Chờ cho ông già nói xong, năm con chó đồng loạt sủa vang lên, âm thanh cũng rất khàn đục. Nói chung, cả chủ lẫn chó đều biểu hiện một thái độ hết sức khiêm nhường và an phận trong cái xã hội phồn hoa này.

Tôi hỏi người phiên dịch: Họ đang nói gì?

Phiên dịch nói: Ông già nói, xin ông bà hãy thương lấy năm con chó vô gia cư rất đáng thương này!

Tôi hỏi: Thế những con chó nói gì?

Phiên dịch cười nói: Tôi không hiểu ngôn ngữ của loài chó!

Tôi nói: Anh không hiểu nhưng tôi thì hiểu. Nhất định chúng đã nói, xin ông bà hãy thương lấy năm con chó vô gia cư rất đáng thương này!

Đây là hành động đẹp để để biểu thị tình thân ái giữa người và vật, giữa người với người, là biểu thị một cách chân chính sự quan tâm lẫn nhau, yêu thương nhau: Cho dù nhà văn Trung Quốc rất nghèo nhưng tất cả mọi người trong đoàn đều lục túi áo túi quần tìm những đồng lẻ thả vào chiếc khay trước mặt ông già và năm con chó. Ông già cúi đầu nói một câu gì đó mà tôi có thể khẳng định đó là lời cảm ơn xuất phát tận đáy lòng, năm con chó cũng đồng loạt sủa vang, tôi cũng khẳng định đó là những lời biểu thị sự cảm tạ. Đột nhiên tôi thoáng nghĩ: Liệu chó Trung Quốc có thể hiểu tiếng nói của chó Đức?

Tôi đã bắt gặp không biết bao nhiêu là loài chó hình thù quái dị ở Đức, do vậy mà tôi nghĩ đến những con chó cũng như không biết bao nhiêu cố sự về chó xảy ra ở quê mình. Tôi có một thói quen vô cùng tệ hại là, khi đi đến bất kỳ một nơi nào đó và bắt gặp một chuyện gì đó thì thường rất thích thú đem ra so sánh với những sự việc đồng loại ở quê mình, so sánh xong thì buột miệng nói những điều đáng ra là không nên nói, do vậy mà tôi đã từng đắc tội với rất nhiều người, từ nay về sau phải cải tà quy chính thôi! Ở quê tôi, chó rất hiếm khi có vòng cổ, xích sắt lại càng hiếm, và tất nhiên chó ở quê tôi tìm đâu ra sữa để uống, xúc xích để ăn, nhưng có một điều mà chó Đức không thể có được, đó là tự do. Sữa và xúc xích tất nhiên là rất ngon, nhưng tự do mới là cái vô giá. Bọn chó quê tôi suốt ngày chạy nhảy trên đồng ruộng mênh mông, ban đêm nằm lăn trên những thảm cỏ xanh rì, muốn giữ nhà cho chủ thì sủa lên mấy tiếng, không muốn thì chạy ra ngoài đùa vui với bạn bè. Rõ ràng chó quê tôi có cuộc sống phong phú hơn chó Đức nhiều.

Giữa những năm bảy mươi, tôi đã từng làm một chân bảo vệ ở trại chăn nuôi lợn của công xã, đêm nào cũng đánh nhau với bọn chó đến bắt trộm lợn. Tôi ôm một khẩu súng kíp tự tạo ngổ mai phục trong những góc tường đất. Trong ánh trăng bàng bạc, tôi chăm chú theo dõi bọn chúng rón rén đến gần. Những đôi mắt chó xanh lè dưới trăng trông chẳng khác những đốm lửa ma trời. Chờ cho bọn chúng đến gần hơn nữa, tôi phát hỏa. Một tiếng nổ chấn động không gian yên tĩnh về đêm, bọn chó kêu lên thê thảm và hoảng loạn bỏ chạy. Không phải là trình độ bắn súng của tôi kém mà vì tôi không dám bắn chết chúng, bởi

tất cả chúng đều là chó trong thôn, bắn chết chúng rất khó ăn nói với mọi người.

Những hoạt động về văn hóa tinh thần ở quê hương tôi là rất hiếm, vả lại trình độ nhận thức cũng còn khá ấu trĩ nên mỗi lần nhìn thấy hai con chó một đực một cái “dính” vào nhau là chúng tôi vui như tết, chờ cho chúng “dính” thật chặt vào nhau là chúng tôi hè nhau, đùa thì gậy, kẻ thì gạch đá nhất tề xông đến. Cái cách mà chúng tôi đối xử với những đôi chó lúc ấy chẳng khác gì năm xưa trên bãi biển cha ông chúng tôi đã từng ủa ra vây bắt quân địch nhảy dù từ trên trời xuống. Ở quê tôi có một câu đố: “Bốn tai vênh lên trời, tám chân đạp xuống đất, chính giữa có một trục xoay, hai chiếc đầu thờ phì phò” là gì? Câu trả lời là một đôi chó đang hành sự! Hai con dính liền với nhau và đang cố sức rướn về hai phía và tất nhiên là bị bọn trẻ chúng tôi đánh hoặc ném đá đến độ ngửa mặt lên trời kêu khổ. Mà cũng không phải là chỉ có bọn nhóc chúng tôi làm việc này, nhiều khi cả người lớn cũng tham gia vào trò vui tàn khốc ấy. Lúc ấy chúng tôi nào có biết đó là một chuyện “đại nghịch bất đạo”, bởi từ lâu người quê tôi đã cho rằng, chó mà “dính” vào nhau, không đánh thì không thể rời nhau ra được nữa, mà một ngày không dứt ra được thì chó cái sẽ chết, hai ngày sau chó đực cũng chết nốt. Với nhận thức ấy, chúng tôi đánh chó sau khi chúng hành sự xong lại được cho là một công việc “tích đức hành thiện”. Sau này lên thành phố, được học hành tôi mới biết đó chỉ là những quan niệm vô cùng ấu trĩ và tàn bạo.

Bây giờ nghĩ lại mới thấy, chó Đức hình như không thích kêu, nếu có kêu chẳng nữa cũng kêu rất nhỏ. Đường như chúng sợ phải làm kinh động người khác. Chúng tôi đã

đến Đức, tất nhiên chúng tôi là người nước ngoài nhưng hầu như không có con chó Đức nào quan tâm đến chúng tôi. Tôi nhớ rằng khi chúng tôi sắp hàng một bước vào nhà thăm một nhà văn Đức ở ngoại ô thành phố Munich, con chó to lớn như một con trâu nghé nằm trong góc nhà lưỡi nhấc đến độ chẳng thèm ngẩng đầu, thậm chí một cái liếc mắt nhìn những người khác trong đoàn là ai cũng chẳng có, nhưng khi trông thấy tôi đi ở cuối đoàn thì lông tóc nó xù lên và sủa vang nhà. Có một ông bạn đồng hành nói: Ngay cả chó cũng nhận ra ông không phải là người tốt! Vì câu nói này mà tôi dương dương đắc ý đến mấy ngày. Lý do để tôi dương dương đắc ý là: Trừ tôi ra, tất cả những người còn lại trong đoàn không còn gì đáng để ý, ngay cả một con chó cũng nhận ra điều đó!

Mấy năm trước đây, một nhà văn Đức đã ghé về thăm quê tôi, bọn chó trong thôn truyền tin cho nhau rất nhanh, một truyền mười, mười truyền trăm và tất cả bọn chó trong thôn đã tề tựu đông đủ ở ngoài sân phơi lương thực của hợp tác xã, đồng thanh ca một khúc ca muôn đời của loài chó khiến cho vị khách Đức này mặt như đổ chàm, sợ đến độ chân muốn sụm xuống. Tôi nói với ông ta: Đừng sợ, bọn chúng đang ca hát để đón mừng ngài đã đến với chúng tôi!

Có lẽ xuất phát từ một niềm “thiên ái”, cho nên tôi vẫn cho rằng chó ở quê tôi tốt hơn chó Đức. Chó Đức quá ngạo mạn, chó quê tôi nhiệt tình; chó Đức là vật yêu của người Đức, chó ở quê tôi là bạn của chúng tôi. Chó quê tôi có thể chạy nhảy, sủa rống tùy thích, thích nói gì thì nói nấy, khác với kiểu dáng thâm trầm của loài chó Đức. Đương nhiên chó ở quê tôi cũng có thể vẫy đuôi cụp tai cụp mắt trước chủ

nhân, nhưng chuyện chó nịnh nọt chủ nhân tất nhiên là hợp đạo lý hơn hẳn chuyện chủ nhân nịnh nọt chó. Đương nhiên chó quê tôi cũng không hẳn là chó chân chính, chó chân chính phải là loài sói trong thế giới hoang dã.

Năm mươi phần trăm chó Đức không có đuôi. Lấy làm kỳ tôi bèn đem đi hỏi thì mới hay là đuôi của chó đã bị con người cắt phăng. Tôi hỏi các vị đồng hành: Quý ngài có biết vì sao cắt đuôi chó đi không? Có người nói không biết, có người nói là vì cái đẹp... Tôi nói: Các ngài đều nói không đúng. Ở quê tôi có một câu yết hậu: "Chó không đuôi trèo tường... nhanh", như vậy cắt đuôi chó là để chúng... trèo tường một cách thuận lợi mà thôi!

2. Nước Đức có dòng sông Rhine. Những năm tháng miệt mài học tập những trước tác của chủ nghĩa Mác, tôi mới biết ở Đức có một dòng sông mang tên ấy. Trong tưởng tượng của tôi, nước của dòng sông ấy rất trong, nhưng thực ra là đã có một số người Đức từng la ó rùm trời với chính quyền rằng, nước của dòng sông này ô nhiễm nghiêm trọng. Cũng giống như bất kỳ một dòng sông lớn nào trên thế giới, hai bên bờ sông Rhine cũng có rất nhiều thành phố lớn. Có một thành phố tên là Born, vốn là thủ đô của Cộng hòa Liên bang Đức, thành phố rất đông người và cũng rất nhiều chim, nhưng chim không hề sợ người.

Tôi ngồi trên bờ sông và quan sát dòng nước lượn lờ. Một chú vịt hoang nhẹ nhàng bơi qua trước mặt tôi, ngược dòng mắt đen láy nhìn tôi rồi kêu lên cạc cạc. Tiếp theo đó có cả một bầy bơi qua, tất cả đều nhướn đôi mắt hiếu kỳ lên nhìn tôi. Chỉ cần vươn tay là tôi đã có thể vuốt ve được đầu chúng, lúc ấy tôi bỗng nảy ra ý định tóm lấy một con đem về nuôi nhưng chỉ ngại một nỗi là người ta bắt được

thì mất mặt người Trung Quốc. Tôi đã từng viết một tiểu thuyết ngắn về một người dân ông nghèo chuyên đi săn vịt trời. Anh ta ẩn mình trong một lùm cao lương rậm rạp ngắm nhìn mặt trời chìm xuống sau rặng núi xa xa, ngắm nhìn từng đàn vịt trời đáp xuống bờ đầm trước mặt. Vì muốn bắn được nhiều con một lúc, anh ta nhét thuốc thật đầy vào nòng súng. Kết quả cuối cùng không hoàn toàn như anh ta mong muốn, vì lòng tham quá lớn nên nhồi thuốc quá nhiều, nòng khẩu súng sẵn bị vỡ toác, vịt trời chẳng chết con nào mà người đi săn vịt trời lại thế cái mạng nghèo của mình vào đó.

Mấy năm gần đây, ý thức bảo vệ môi trường sống của người Trung Quốc ngày càng được nâng cao, Nhà nước cũng đã ban hành những quy định về luật bảo vệ môi trường nhưng chuyện săn bắn động vật quý hiếm vẫn cứ thường xuyên tiếp diễn. Săn bắn vịt trời chỉ là chuyện nhỏ, có người còn săn cả gấu để lấy bao tử, lấy mật, còn lại thịt thì đem làm nhân bánh bao. Xem ra phá luật không có tác dụng gì. Nếu bá tánh không có mỡ trong bụng, chẳng có luật pháp nào có thể ngăn cấm được những cái miệng quý lúc nào cũng cảm thấy đói ăn. Ăn no mới nghĩ đến chuyện sống có văn minh, bụng căng đầy mới nghĩ đến chuyện học văn hóa. Tôi không tin rằng, trong khi bụng của người Đức trống rỗng mà họ vẫn quan tâm đến chuyện bảo vệ động vật hoang dã. Có thể bảo vệ được thiên nga nhưng liệu những con vịt hoang này, ai thêm quan tâm bảo vệ?

Đương nhiên cũng không nên quy kết toàn bộ mọi chuyện vào việc ăn no hay không no. Trong khi tham gia quân đội đóng dưới chân núi Lang Nha, cuộc sống của anh

em bộ đội rất tốt, bữa cơm nào cũng có mỡ có thịt, nhưng trong cơ quan bộ vẫn có một tay cán sự ngày nào cũng xách súng đi bắn chim. Vàng anh, đỗ quyên, hỉ thước, quạ đen, gõ kiến... chẳng con chim nào thoát khỏi họng súng của anh ta. Kể ra thì trình độ xạ kích của anh ta rất khá, bách phát bách trúng cho dù mục tiêu lớn nhỏ xa gần khác nhau. Mỗi ngày phải đến vài chục con chim trở thành oan hồn dưới bàn tay của anh ta. Lúc ấy tôi mới biết là chim gõ kiến sau khi chết thì lưỡi thè ra khỏi miệng giống như người treo cổ vậy, đầu lưỡi như một cái mũi dài bằng thịt. Anh ta giết chết không biết bao nhiêu là chim nhưng rất ít khi ăn, vất lặn lội ở khắp nơi cho kiến ăn, tôi đã từng khuyên anh ta là không nên bắn chim nữa nhưng anh ta không nghe, thế là tôi lẳng lặng tố cáo việc làm của anh ta lên cấp trên, cuối cùng là bị kiểm điểm một trận ra trò.

Con người là một loại động vật cực kỳ phức tạp. Con người là lương thiện nhất nhưng cũng tàn bạo nhất; nhu nhược nhất nhưng cũng bá đạo nhất. Có lẽ rồi sẽ có một ngày, con người sẽ rời bỏ vai trò bá chủ trên địa cầu này, nhưng chờ đến lúc ấy xương thịt của tôi đã chuyển hóa thành một dạng vật chất khác; có thể đã biến thành một đóa hoa, cũng có thể biến thành một đồng cốt chó, nhưng tôi vẫn cứ hy vọng là mình sẽ biến thành một con chim, có thể là một con vịt hoang bơi lội trên dòng sông Rhine cũng được.

Không ngờ là trong thành phố Born cũng có rất nhiều chim sẻ, hình dáng không khác mấy so với chim sẻ Trung Quốc. Có một tổ chim sẻ nằm đường hoàng đỉnh đặc trên bảng hiệu của một quán cà phê, rất thấp, chỉ cần vươn tay là

sờ được. Nghe loáng thoáng người ta đọc tên bằng hiệu, tôi mới biết chữ viết trên đó là Betthoven. Chim sẻ đẻ con, mái là trên đầu Betthoven, quá hay!

Ở Trung Quốc, chim sẻ đang gặp đại nạn. Chỉ cần một mệnh lệnh thiếu suy nghĩ là súng nổ lưới giăng, thanh la trống thiếc vang lên dồn dập như muốn tiêu diệt sự tồn tại của chúng trên quả đất này. Một quốc gia rộng lớn với hàng tỉ con người đang hợp sức với nhau để đối phó với một trong những loài chim nhỏ bé nhất trong tổng số các loài chim, hành vi này quả thật vừa hoang đường vừa vui vẻ và có lẽ là vô tiền khoáng hậu trong lịch sử tồn tại của loài người. Tôi đã đọc một số tài liệu chép rằng đã từng có một số nhà khoa học cùng viết chung một kiến nghị gửi đến Mao Trạch Đông về việc giải cứu cho chim sẻ mới biết rằng việc này không hề là đơn giản. Không có cái gọi là “diệt trừ bốn nguồn hại” vào những năm năm mươi - trong đó có diệt trừ chim sẻ - đại khái sẽ không có cái gọi là “đả phá bốn cái cũ” trong cao trào đại cách mạng văn hóa những năm sáu mươi, cũng rất có thể sẽ không có chuyện tiêu diệt “tứ nhân bang”. Nghĩ lại, chuyện nghiền nát “tứ nhân bang” quả thực là đáng sợ, cho dù tất cả đều là những kẻ xấu. Tôi đã đọc một cuốn truyện ngụ ngôn của một tác giả rất nổi tiếng viết về một gia đình chim sẻ, hai chim sẻ già và hai chim sẻ non trong đại nạn tiêu diệt “bốn nguồn hại” “gặp” lại nhau trong nước mắt. Hai con chim non, một con thì bị tên bắn chết, một con bay chưa thuần thục nên rơi xuống đất và bị bắt sống. Chim sẻ bố hết hoảng bay nên đập vào đường dây điện cao áp, chết tươi; chỉ còn lại chim sẻ mẹ không dễ dàng gì mà quay về được với tổ của

mình. Ban đêm, nó nằm trong tổ mà khóc nhưng rồi một luồng ánh sáng cực mạnh chiếu đến, cuối cùng nó cũng bị một đứa trẻ con giết chết. Vị nhà văn viết truyện này với mục đích là nhằm tuyên truyền cho cuộc vận động của con người, nhưng ông ta không hề hiểu ý nghĩa chân chính của cuộc vận động này là gì.

3. Ngựa ở nước Đức cũng giống như chó ở nước Đức, rừng mình biến hóa từ tư liệu sản xuất sang loài động vật yêu từ rất sớm, nói cách khác, thời kỳ huy hoàng của ngựa Đức đã kết thúc - kỳ thực ngựa Trung Quốc cũng sắp sửa rơi vào tình trạng này. Đây là một chuyện không thể nào tránh được. Lịch sử văn minh nhân loại trộn lẫn không biết cơ man nào là phân ngựa và phân chó. Ngựa đã từng là trợ thủ đắc lực nhất, trọng yếu nhất trong lịch sử phát triển của loài người, nhưng trong thời hiện đại này, vai trò của chúng đã hoàn toàn trở nên thứ yếu. Lúc nào tôi cũng nghĩ về cách miêu tả vô cùng tinh luyện về ngựa của Solokhov trong "Sông Đông êm đềm". Ông ấy viết về con ngựa mà Acxinhia đã cưỡi trước khi chết, con ngựa này có tật xấu là thường cúi xuống cắn vào đầu gối người cưỡi nó. Rõ ràng đây là một tính cách "rất ngựa"! Tôi cũng rất hay nghĩ về một cuốn sách bán rất chạy là "Mã ngữ giả", nhưng chỉ cần đọc qua là tôi biết ngay đây là một người không hề hiểu gì về ngựa viết ra, và tôi đã từng viết một bài để trao đổi về cuốn sách này, trong bài viết đó có một câu làm

tôi thỏa mãn vô cùng: “Kỳ thực, từ trước đến nay con người chưa hề dám nhìn thẳng vào đôi mắt màu lam của ngựa”.

Ở nước Đức, tôi đã từng đến một trại nuôi ngựa ở ngoại ô một thành phố nhỏ. Chủ nhân của trại nuôi ngựa là một gã đại Hán mặt đỏ, toàn thân toát ra mùi vị thân thiết của phân ngựa. Nghe nói rằng, anh ta rất hiểu ngựa, lại cưỡi ngựa rất giỏi, đã từng giết giải quán quân trong một cuộc đua ngựa quốc tế. Anh ta có một cô vợ nhỏ nhắn xinh đẹp, mặc quần bò, dáng vẻ cực kỳ nhanh nhẹn, không cần tìm hiểu cũng biết là một kỵ sĩ thực thụ. Đứa con trai nhỏ của anh ta đang gửi trong nhà trẻ thành phố, đứa con gái nhỏ rất bụ bẫm lon ton chạy sau lưng mẹ. Mẹ anh ta hãy còn tráng kiện lắm, lúc nào cũng có vẻ tất bật. Nói tóm lại, đây là một gia đình hạnh phúc.

Chúng tôi bước vào trại nuôi ngựa của gã mặt đỏ. Có khoảng mười con ngựa cao lớn mập mạp đến độ lông trơn mượt như được bôi một lớp dầu mỡ, ngoài ra còn có một chú ngựa non khiến chúng tôi giật mình. Nó không to hơn con cừu là mấy, nhưng rõ ràng nó không phải là một con ngựa bình thường. Người phiên dịch của chúng tôi bảo rằng, đây là loài ngựa quý hiếm, chỉ lớn có chừng ấy thôi. Đây lại là ngựa sao? Loài “ngựa” này là kết quả của đời sống văn minh của con người mang lại đấy sao? Trong lòng tôi đầy những câu hỏi đau đớn sẵn sàng tuôn ra bất cứ lúc nào.

Gã chủ trại ngựa nhờ người vào thành phố đón con trai về để nó biểu diễn kỹ thuật cưỡi ngựa cho chúng tôi xem. Thăng bé mặc bộ quần áo đi ngựa vào người, dắt con ngựa quý hiếm trông giống như con cừu ấy ra và rất thành thực móc yên cương vào. Đứa con gái mới biết đi lẫm chẫm chụp

lấy chiếc đuôi của con ngựa, việc này khiến chúng tôi rất lấy làm lạ nhưng bố mẹ nó hình như chẳng thêm quan tâm. Khi con ngựa nhỏ đã được dắt ra bãi tập, con bé đuổi theo sau đuôi khóc thét lên, lúc này mẹ nó mới bỗng nó vất lên lưng ngựa và nụ cười đã nở trên gương mặt mუმ mუმ.

Cho phép tôi kể về đứa bé gái trước. Nó mặc một chiếc quần ngắn bằng da màu đỏ, một đôi giày da đỏ, một chiếc áo pull cũng màu đỏ, mái tóc màu bạch kim được bện thành hai chiếc bím. Da thịt nó nõn nà trông chẳng khác nào một giọt sữa, đôi mắt xanh biêng biếc như mặt nước hồ, đôi môi đỏ chẳng khác hoa đào. Nó đẹp như một thiên thần!

Thằng bé bắt đầu thúc ngựa chạy vòng tròn trong bãi tập, ban đầu còn chậm nhưng mỗi lúc một nhanh. Bốn chiếc vó ngựa loang loáng khiến tôi liên tưởng đến những ngón tay siêu tốc khi đếm tiền của những cô nhân viên ở các quầy giao dịch trong những ngân hàng lớn. Con ngựa nhỏ vượt qua những chướng ngại trên đường chạy như bay lên không, có lúc bụng của nó như cạ vào các thanh gỗ nằm ngang khiến chúng tôi giật mình. Nhưng không có chuyện gì xảy ra cả, chúng tôi vỗ tay..., rồi lại vỗ tay.

Khi ở trên nước Đức, tôi luôn luôn thường trực một cảm giác: Giả mà giống như thật, thật mà giống như giả! Chẳng hạn, trong chợ rau quả, đủ các sắc màu tươi thắm, bao bì sạch sẽ tinh tươm khiến người mua nghi ngại - Đây là do nhựa hay sáp chế thành? Hoặc như một bình hoa đang đặt trên bàn, tuy biết đó là đồ giả nhưng anh không thể dần lòng được mà phải đưa mũi vào sát cánh hoa để ngửi mùi hương của nó. Ngựa Đức cũng chẳng khác nào ngựa giả, quá sạch sẽ, quá thuần thực, quá bóng mượt và tất nhiên là không thể tìm đâu ra

được cái chất phóng túng hoang dã vốn là bản chất của ngựa trên thân thể của chúng.

Tôi lại nghĩ về ngựa ở quê hương mình. Khi băng tuyết đã lấp kín mặt đất, ngựa được thả ra ngoài đồng để kiếm tìm một ít mầm lúa mạch ngọn cỏ. Một vầng mặt trời đỏ to tướng treo lửng lơ, cánh đồng hoang sơ trắng xóa lấp loáng một màu đỏ, những mầm lúa mạch mới nhú cũng đeo những giọt sương băng màu đỏ. Con ngựa màu tía của nhà tôi toàn thân túa mồ hôi, lặng lẽ dùng mõm ngắt những mầm lúa mạch mới nhú, chiếc đuôi phe phẩy lười biếng nhẹ nhàng. Đôi mắt ngựa sáng trưng như một viên thủy tinh màu lam. Tôi rét lắm, hai vành tai đỏ lựng đứng trên bờ dê, cao giọng gọi: Ngựa, quay lại, về thôi!... Từ đằng xa, con ngựa nhà tôi ngẩng đầu lên, lắc lắc bờm lông trên cổ, chạy như bay về phía tôi. Và dưới sự dẫn đầu của nó, mấy chục con ngựa tung vó trên cánh đồng hoang sơ như một dòng sông nhiều màu sắc đang âm âm nổi sóng...

Ngưỡng vọng trời sao

Năm ngoái, sau khi cuốn “Tuệ mộc tương chàng” làm ồn ào dư luận một thời gian đã gợi cho tôi nhiều cảm xúc, do vậy mà tôi bắt chước giọng điệu của nhà văn danh tiếng nọ viết một bài tạm gọi là “tùy bút” có tên là “Ngưỡng vọng trời sao” phát hành nội bộ để tặng cho anh em bạn bè thân thuộc ở quê. Viết đã xong nhưng vẫn cảm thấy có cái gì đó mà mình chưa kịp nói hết, hôm nay gỡ ra, đem nguyên văn nhuận sắc lại và thêm vào cho nó một “đoạn đuôi”, phun hết những gì “tùy cảm” chất chứa trong lòng mình. Nguyên văn như sau:

Trước đây không lâu, một mảnh vỡ của sao Chổi (to khoảng vài cây số vuông) đã đâm thẳng vào sao Mộc. Trên khối tinh cầu thần bí ấy, một chuyện “kinh thiên động địa” đã phát sinh. Nếu ở trên ấy có loài sinh vật nào đó đang

sống, nhất định sinh mệnh của nó phải nhận lấy một kết quả thê thảm. Ngày phát sinh chuyện “Chổi Mộc đâm vào nhau” ấy, hàng triệu đôi mắt ở dưới địa cầu đã chăm chăm nhìn lên vì sao có quan hệ rất mật thiết với trái đất. Nghe đâu là các đài truyền hình ở các nước phương Tây liên tục phát sóng hăm bốn trên hăm bốn những tin tức về sự kiện trọng đại này, nhưng ở đất nước mình, những phương tiện thông tin vẫn thờ ơ và yên lặng tuyệt đối. Chỉ có một vài phương tiện truyền tin thô sơ chẳng khác nào hình thức truyền miệng đã mò mẫm đâu ra những tài liệu từ nước ngoài truyền về và rỉ tai cho nhau nghe là chính. Hình như đối với người Trung Quốc chúng ta. Chuyện sao Chổi và sao Mộc va vào nhau chẳng qua cũng giống như ở một quốc đảo xa xôi nào đó ở tận ngoài khơi Thái Bình Dương xuất hiện một trận bão mà thôi.

Trong những ngày ấy, lúc nào tôi cũng cứ nghĩ, nếu như có một ngày nào đó, số phận tương tự lại giáng xuống trái đất, loài người sẽ ứng phó thế nào đây? Ngày xưa, chuyện “người nước Khởi lo trời sập ăn ngũ không yên” là để nhằm phóng thích những người thích lo lắng chuyện hão huyền nhưng con người hiện đại có cần thiết phải học hỏi nỗi lo sợ trời sập của người nước Khởi không nhỉ? Mảnh vỡ của sao Chổi đã “hôn” vào sao Mộc, ai dám đảm bảo là một ngày nào đó nó sẽ không “hôn” vào trái đất? “Nụ hôn” này sẽ làm băng tan núi lở, đất trời đảo lộn chứ chẳng phải là nụ hôn thân thiết gì đâu!

Có một tác giả tên là Vương Hồng Kỳ đã viết cuốn sách tuyệt vời “Chuyện vui văn hóa về bí mật của các vì sao”, trong ngày sao Chổi va vào sao Mộc, cuốn sách này cùng tôi

đi vào những giấc ngủ chập chờn và đã dạy cho tôi rất nhiều điều bổ ích. Vương Hồng Kỳ cho rằng, thời xa xưa, một mảnh vỡ của một hành tinh nhỏ, cũng có thể là mảnh vỡ của sao Chổi đã từng va đập vào trái đất và gần như hủy diệt sự sống ở đây. Vương còn bảo, những thần thoại cổ xưa nhất và nổi tiếng nhất của Trung Quốc chúng ta như *Nữ Oa đội đá vá trời*, *Hậu Nghệ bắn mặt trời*, *Thường Nga lên cung trăng*, *Khoa Phụ đuổi mặt trời*... đều có liên quan mật thiết đến những sự kiện trọng đại trên lĩnh vực thiên văn học.

Chuyện *Hậu Nghệ bắn mặt trời* có thể lý giải như sau: Có một thiên thể to lớn đang vận động nhằm thẳng về phía trái đất. Khi nó lọt vào trong tầng khí quyển, lực ma sát quá lớn khiến nó phát ra ánh sáng, kèm theo là những âm thanh khó có thể hình dung và sau đó vỡ tung ra thành nhiều mảnh (thể mới có mười mặt trời trong truyện này), sau đó là thiên hôn địa ám, đất rung núi lở, núi gào biển réo... Những khái niệm tôi vừa nhắc trên có lẽ là những từ nhằm mục đích tả thực lúc ấy, sau này chúng mới biến thành những tính từ. Sự kiện này đã làm người thời viễn cổ chấn động, bất giác đưa mắt nhìn lên và ngưỡng vọng không gian, tâm trí con người được khai phá, ý thức về lịch sử sản sinh, triết học từ đó mà hình thành.

Sách “Hoài Nam Tử - Thiên văn huấn” viết: “Ngày xưa Cung Công cùng với Chuyên Húc tranh nhau làm đế, nổi giận dùng đầu húc vào núi Bất Chu, cột chống trời gãy, dây buộc đất đứt, trời nghiêng về hướng tây bắc, từ đó mà mặt trời mặt trăng và các vì tinh tú mới rời nhau ra, đất lệch về phía đông nam...”. Núi Bất Chu - nơi đánh nhau kịch liệt thuở ấy chính là Vãn thạch khanh. Vương Hồng Kỳ giải

thích, “Bất Chu” là vòng tròn không hoàn chỉnh. Có thể thiên thạch ấy có góc cạnh rất sắc? Sau sự kiện ấy, kết quả đáng sợ là “đất nghiêng về tây bắc, mặt trời mặt trăng và các vì tinh tú mới rời nhau ra. Học giả người Anh gốc Hán nổi tiếng Lý Ước Sắt rất sinh động chỉ ra rằng, đây chính là những tri thức sơ khai nhất có liên quan đến sự vận động của bề mặt trái đất của văn hóa Trung Quốc, đương nhiên cũng là những tri thức sớm nhất về thiên văn học của văn hóa nhân loại. Vương Hồng Kỳ còn cho rằng, nếu người viễn cổ không tự thân kinh lịch qua chuyện này, nhất quyết không thể sáng tạo nên những mẫu thần thoại như thế theo trí tưởng tượng được. Do trái đất biến hóa tự chuyển tự nghiêng cùng với khối bụi sau trận đánh kinh thiên động địa ấy (Hoàng Đế và Xuy Vưu đánh nhau ở đồng hoang Trác Lộc, Xuy Vưu làm khối bao phủ mù mịt cả ba tháng liền); cũng phải kể đến khả năng thiên thạch nóng bỏng rơi xuống biển khiến cho biển gầm gào (Phía đông Phù Tang có một hòn đá, rộng bốn ngàn dặm, nước biển bao phủ không hết), vắn thạch rơi xuống đất tạo nên những đám cháy lớn... mà hoàn cảnh sinh tồn của người viễn cổ phát sinh những biến động lớn. Trong những trận đại hồng thủy, những đám cháy lớn và kể cả khí hậu khắc nghiệt phát sinh trong quá trình ấy, một bộ phận lớn người viễn cổ đã bị tiêu diệt, những người còn lại chính là những người thắng lợi trong quá trình đấu tranh kiên cường với đại tự nhiên. Do vậy, những thần thoại truyền thuyết về thời kỳ viễn cổ chính là những ghi chép về những đại nạn trong lịch sử nhân loại, cũng chính là những ghi chép về quá trình đấu tranh sinh tồn vô cùng dũng cảm với tự nhiên của tổ tiên chúng ta.

Thiết nghĩ, những Bàn Cổ, Nữ Oa, Hậu Nghệ, Thường Nga, Khoa Phụ, Tinh Vệ... xứng đáng là những đại diện cho quần thể anh hùng của tổ tiên chúng ta thời viễn cổ, hoặc cũng có thể là những anh hùng được sáng tạo từ trong tâm hồn người viễn cổ. Bàn Cổ khai thiên lập địa là hành vi tập thể, Nữ Oa luyện đá vá trời, Hậu Nghệ bắn mặt trời, Khoa Phụ cầm gậy đuổi mặt trời, Tinh Vệ ngậm đá lấp biển... đều có thể lý giải theo cách nhìn nhận ấy. Còn Thường Nga thì được Vương Hồng Kỳ lý giải là một sự hiến tế đối với mặt trăng (là một thiên thể phát ra ánh sáng). Cách lý giải này khiến tôi liên tưởng đến cuốn tiểu thuyết nổi tiếng "Người đàn bà cười ngựa đi ra" của văn học Anh, việc người Indian dùng đàn bà để tế mặt trăng trong truyện này có phải là tàn tích của những tập tục thời viễn cổ? Đương nhiên, những truyền thuyết cực kỳ tinh diệu này khẳng định là xuất hiện sau khi sự kiện trọng đại ấy đã phát sinh, cũng là lúc một môi trường đại tự nhiên mới đã hình thành, con người đã quay lại với cuộc sống an cư lạc nghiệp. Trận đại nạn ấy thông qua truyền thuyết của thời đại này nối tiếp thời đại khác, thậm chí hình thành nên một thứ tiềm thức di truyền cho đời sau để người ta thần thoại hóa những sự kiện lịch sử cho đến khi văn tự xuất hiện mới được ghi chép lại trong "Sơn hải kinh" và những tác phẩm cùng loại khác. Tôi nghĩ, những người sáng tác và lưu truyền những loại kỳ thư kiểu "Sơn hải kinh" - sách trời - đáng để cho người ta phải khom người khâm phục.

Tất cả các dân tộc trên thế giới đều có kho tàng thần thoại riêng nhưng chúng lại giống nhau đến độ đáng kinh ngạc, đều có chuyện khai thiên lập địa, đều có chuyện mười

mặt trời mọc cùng một lúc, đều có những trận đại hồng thủy ngập đến tận trời... Không thể quy kết vào sự ngẫu nhiên được. Suy cho cùng, trái đất này nhỏ lắm, hậu quả của sự kiện thiên văn trọng đại không chỉ ảnh hưởng đến bộ tộc của Nữ Oa, Hậu Nghệ, Thường Nga... Lúc ấy, không thể xác định là nhân loại đã phân chia ranh giới rạch ròi cho những chủng tộc bộ lạc hay chưa, nhân loại liệu có phải là do một loài vượn người tiến hóa mà thành hay không cũng không thể đoán chắc. Tôi nghĩ, khái niệm “thần thoại truyền thuyết viễn cổ” là cực kỳ phức tạp, thần thoại và truyền thuyết vốn không phải là một, cho dù truyền thuyết càng xa xưa thì càng mang sắc thái thần thoại. Chuyện này không phải là một hiện tượng sản sinh vì tổ tiên của chúng ta chưa có đủ những tri thức khoa học để lý giải chúng một cách rạch ròi. Bản thân truyền thuyết là một quá trình thêm dầu tra mỡ, nếu có một văn nhân nào đó bỏ sức gia công là ngay lập tức nó đã biến thái, tam sao thất bổn. Ngay cả Tư Mã Thiên cũng không là một ngoại lệ. Căn cứ vào những phát hiện khảo cổ học, người thời Hán có thân hình nhỏ bé hơn bây giờ nhiều nhưng nhân vật Hạng Vũ dưới ngòi bút của Tư Mã Thiên đã biến thành một người to lớn thế nào chắc ai cũng biết. Thần thoại có lẽ là sản vật xuất hiện muộn hơn, là sản phẩm mang tính lý tưởng, là sự phản chiếu hiện thực, chẳng hạn như chuyện *Ngưu Lang Chức Nữ*, còn truyền thuyết, cho dù là truyền thần nhưng nội dung vẫn là phản ánh một sự kiện chân thực. Do vậy, xem ra *Nữ Oa bổ thiên*, *Thường Nga bôn nguyệt*, *Hậu Nghệ xạ nhật*... vẫn có giá trị lớn về mặt lịch sử; còn *Ngưu Lang Chức Nữ*, *Tiên nữ hạ phàm*... vẫn cứ thiên về giá trị văn học và luân lý học.

Sự kiện sao Chổi và sao Mộc va vào nhau (đã quan trắc được) với những chuyện ghi chép trong “Sơn hải kinh”, “Hoài Nam tử” có chỗ giống nhau đến lạ lùng, như: loại ánh sáng này không thể dùng ngôn ngữ để miêu tả, một cột khói cao đến mấy nghìn cây số phá vỡ tầng khí quyển dày của sao Mộc. Thể tích của sao Mộc lớn hơn địa cầu đến hơn 1.300 lần nhưng sau cú va đập, nó cũng chao đảo nghiêng ngả. (Bất giác nghĩ đến câu thơ đầy khí phách hùng tráng của người đời nay: *Công nhân dầu khí lên tiếng quát, Địa cầu run rẩy đứng không yên!* Tôi không thể không buông một tiếng thở dài thê thiết). Theo ý kiến của Vương Hồng Kỳ, những năm gần đây người ta đã phát hiện trên trái đất có mấy hố vụn thạch rất to (Thái Hồ cuộn cuộn khói sóng trên đất nước ta nghĩ là hố vụn thạch). Từ những suy đoán trên, trái đất đã từng chịu kiếp nạn tương tự như sao Chổi và sao Mộc đâm vào nhau, điều này chứng minh, trái đất hoàn toàn không an toàn, do vậy mà người nước Khôi lo trời sập là có lý và có lẽ thời đại của người Khôi lo trời sập cũng đã bắt đầu trở lại.

Kiếp nạn từ thời viễn cổ có thể xem là điểm chuyển tiếp của lịch sử loài người, thế thì sao Chổi và sao Mộc đâm sầm vào nhau có thể được xem là một điểm chuyển tiếp mới hay không? Đây chính là “cảnh báo của trời cao”. Tôi nghĩ, loài người cần phải nhận thức được rằng: Trái đất vốn đã rất nhỏ, cương vực giữa quốc gia này với quốc gia khác, sự khác biệt về chế độ xã hội, đấu tranh giai cấp... nếu so với chuyện Chổi - Mộc như đã nói thì chẳng thấm vào đâu, thậm chí là hoang đường, đáng tức cười. Giả sử có một ngày nào đó, có một hành tinh nhỏ nào đó trên bước đường phiêu lãng của

mình muốn tiếp cận với trái đất và nó “hôn” vào New York thì chần chẫn Thượng Hải cũng chẳng dễ chịu gì. Con người nên phóng khoáng một tí, nên đại độ một tí. Thêm một tí phóng khoáng đại độ, giảm một tí bụng dạ hẹp hòi kiểu ruột gà; thêm một tí vô tư thanh thản, giảm một tí âm mưu quỷ kế; thêm một tí đường đường chính chính, giảm một tí lòng lang dạ sói... Thiết nghĩ, năm ấy người Mỹ đứng trên cung trăng, chắc họ không chỉ là đại biểu cho “người Mỹ đế quốc” đâu. Giả sử có một ngày, người Trung Quốc có thể làm thay đổi quỹ tích bay của một tiểu hành tinh đang nhắm thẳng vào Bắc Kinh khiến nó chỉ có thể phóng vút qua và chỉ ghé mắt nhìn trái đất, những người được chúng ta cứu chắc chắn không chỉ là người Bắc Kinh và thủ đô Trung Quốc. Do vậy tôi nghĩ, những bá tánh bình thường như chúng ta cũng phải nghĩ thoáng một tí. Cho dù có một loại đá cực quý trong tay như đá ruby thì cuối cùng nó cũng chỉ là đá, trong sa mạc giá trị của nó không bằng một miếng vỏ dưa. Tranh quyền đoạt lợi, dẫu cơ cơ hội mà lên lút tổ cáo bạn bè, vì chiếc mũ sa trên đầu mà nịnh trên nạt dưới, bán bạn cầu vinh... càng không có ý nghĩa gì hết.

Dương nhiên, nói gì thì nói chúng ta vẫn phải cứ nhìn nhận lại mình. Những quan sát và nghiên cứu về sự kiện Chối - Mộc khiến tôi phải buột miệng cảm thán về sự vĩ đại của con người, đồng thời cũng khiến tôi than thở là con người đã hết thuốc chữa trị. Giả sử ngày mai có một vị khách từ bên ngoài vũ trụ “ghé thăm” trái đất, lúa gạo của Nhật Bản cũng không thể mang qua cho không Triều Tiên, biên giới của nước Mỹ cũng không thể mở rộng ra toàn thế giới. Giờ đây, cuộc sống của bá tánh nói chung đã tốt lên một tí, nhưng kỳ

thực người ta đối đãi với nhau vẫn cứ giống như suy nghĩ của những nhân vật trong “Câu chuyện nội bộ ban biên tập”, ai cũng muốn ăn thêm một hộp cơm, thế thôi - gì thì gì chứ chuyện chiếu cố cái bụng của chính mình vẫn là ưu tiên số một! Ngay cả các nhà lãnh đạo các nước sẽ làm gì khi chuyện ấy xảy ra, thật khó có thể tưởng tượng ra được. Theo phân tích của một người bạn thì họ sẽ kéo nhau lên một chiếc hỏa tiễn rồi nhắm thẳng mặt trăng mà phóng lên để kết bạn với Thường Nga! Tôi thì không nghĩ như vậy. Địa cầu không còn nữa, bay lên cung trăng thì được tích sự gì? Cho dù đã chuẩn bị đầy đủ dưỡng khí, thực phẩm và nước, nhưng mấy mươi tổng thống ở với nhau thì có ý nghĩa gì đâu. Do vậy mà tôi tin tưởng rằng họ phải tìm ra trăm phương nghìn kế để: Thứ nhất: Phóng tỏa mọi tin tức để bách tính không biết gì cả. Thứ hai: Phóng đầu đạn vũ trụ để chặn đường đi của tiểu hành tinh nọ.

Viết đến đây tôi đột nhiên nghĩ đến Loan Lai Tông và người cháu của ông ta là Loan Cự Khánh ở thôn Hoa Đồng thị trấn Song Dương thuộc thành phố Duy Phường cách quê chúng tôi không xa. Ông cháu nhà họ Loan đã mắc bệnh “cuồng tinh”, dùng hết tinh lực của cả mấy thế hệ để nghiên cứu quỹ tích vận động của năm hành tinh lớn trong thái dương hệ và khí hậu trên địa cầu, công bố hai chuyên khảo “Hành tinh và dự báo khí hậu dài ngày”, “Sự vận động của các vì sao và dự báo khí hậu, động đất” gây được chú ý trong những năm gần đây. Hai người nông dân chất phác, ăn khoai khô uống nước lã mà lại có tầm nhìn xa cũng như trí tuệ tuyệt vời đến như thế quả là một điều kỳ diệu. Chỉ dựa vào “ngộ tính” mà họ đã lẫn xả vào trong một lĩnh vực khoa học cực

kỳ cao siêu và thu được những tri thức khó tưởng tượng như thế, đúng là phải khiến các nhà khoa học mặc áo gấm ăn sơn hào hải vị phải cúi đầu nể phục. Trong thời đại của người ông - Loan Lai Tông, thành phố Duy Phường đã cung cấp cho đất nước rất nhiều cử nhân tiến sĩ, nhưng đứng ở góc độ cống hiến cho nhân loại mà nói, cộng tất cả lại vẫn chưa là gì so với cống hiến của Loan Lai Tông, bởi đôi mắt của họ chỉ ngưỡng vọng về vàng bạc châu báu và những chiếc mũ ô sa, còn đôi mắt của Loan Lai Tông chỉ ngược lên nhìn cao mà “ngưỡng vọng trời sao”.

28 - 4 - 1994

Thời điểm viết xong những trang trên chỉ cách đây hơn một năm nhưng sự kiện Chối - Mộc đã bị tôi nhét vào một xó của ký ức và đã bắt đầu quên. Một năm trở lại đây, những gì cần ăn tôi đã ăn, cần ngủ tôi đã ngủ, cần xem tôi đã xem... nhưng cũng chưa có gì phóng khoáng hơn so với ngày xưa. Từ đó mới thấy, văn chương chỉ là ghi lại một trạng thái tình cảm nhất thời, tác giả mà như tôi đây thật ra cũng chỉ là một loại người sáo rỗng, hư ngụy mà thôi. Người đã như vậy, còn trái đất này thì sao? Giống như vào thế kỷ thứ X, nhà vật lý Galile khi đứng trước tòa án chịu sự phán quyết của giáo hội đã vô cùng tự tin tuyên bố: "Nó vẫn cứ đang quay". Tiếc thay, khi tôn giáo chuẩn bị cho ông lên giàn hỏa thiêu, Galile đã nhũn. Ông ta sợ bị thiêu cháy thành tro nên đã tuyên bố, trái đất không chuyển động nữa, cho dù trong thâm tâm, ông vẫn biết một cách rõ ràng rằng, trái đất vẫn đang quay! Có lúc tôi đã nghĩ, mềm yếu vốn là đặc tính bình thường của con người, có thể tha thứ cho ông ta thôi!

10 giờ 56 phút ngày 20 tháng 7 năm 1969 (theo giờ địa phương nước Mỹ), phi thuyền vũ trụ Apollo đường hoàng đi vào lịch sử. Phi hành gia đặt bàn chân trái đầu tiên lên mặt trăng, để lại vết chân đầu tiên của con người trên mặt trăng, tiếp theo anh ta nói một câu vĩnh viễn tồn tại trong lịch sử: “Đây là một bước chân thật ngắn của một cá nhân nhưng là một bước cực dài của nhân loại!”.

Hàng triệu người trên trái đất này đều đã nhìn thấy những bước chân khó quên của phi hành gia qua ti vi, từ trên đài phát thanh có thể nghe thấy tiếng nói của ông ta, người xem và người nghe đông vô tiền khoáng hậu. Ngày ấy, tôi vẫn còn chưa biết ti vi có hình thù như thế nào, đài phát thanh đã có, một chiếc loa sắt cực lớn móc trên cành cây cao dây nhợ lòng thông, ngày nào cũng kêu oang oang, thi thoảng cũng có một vài đoạn kịch nhưng mở đầu bao giờ cũng là “Đông phương hồng”, kết thúc bao giờ cũng là “Quốc tế ca”. “Mặt trời lên, đông phương hồng, Trung Quốc có Mao Trạch Đông. Ông là đại cứu tinh của nhân dân”. Lại là một hiện tượng thiên văn, một người ở dưới thế gian đại diện cho một vì sao. Trong “Tam Quốc diễn nghĩa”, hiện tượng này nhan nhản. Phượng Sở tiên sinh chết trận tại gò Lạc Phượng, Gia Cát Khổng Minh ở Kinh Châu vẫn trông thấy vì sao của tiên sinh rụng xuống: “Chỉ thấy phía chính tây có một vì sao to như cái đầu từ trên trời rơi xuống, ánh sáng tỏa khắp bốn phương”. Gia Cát Khổng Minh không chỉ có thể nhìn thấy sao của người khác mà còn có thể xem được sao của chính mình. Tại Ngũ Trượng Nguyên, tiên sinh bị Tư Mã Ý giở chiêu bài cố thủ làm cho tâm trí buồn bực, vô kế khả thi, nửa đêm rời khỏi màn trướng, ngẩng đầu nhìn trời

cao, nói: “Trong ba vì sao Tam Thai, sao khách sáng rõ, sao chủ tối tăm, dựa vào nhau mà sáng nhưng ánh sáng hôn ám. Mệnh trời đã vậy, mệnh ta tự biết!”. Khương Duy khuyên tiên sinh dương sao. Tiên sinh có tài biến ngựa chết thành ngựa sống nên đăng đàn tác pháp, đáng tiếc là bị Ngụy Diên quấy rối, cuối cùng không thể cãi lại mệnh trời. Đối thủ của tiên sinh là Tư Mã Ý cũng là một cao thủ về thiên văn - Vị đại nguyên soái này không thèm đánh nhau mà đêm đêm rời màn trướng ra “ngưỡng vọng trời sao” - “Bỗng một đêm đang ngẩng đầu trông lên trời cao, cả mừng, nói với Hạ Hầu Bá rằng: Ta thấy một vì sao sắp rơi, Khổng Minh đang lâm bệnh nặng, không lâu nữa thì chết”. Gia Cát Lượng tính toán như thần, trước lúc chết dặn Dương Nghi đem thi thể mình đặt lên xe ngôi cho thật vững, trong miệng ngậm bảy hạt gạo - loại gạo Thiêm Tây - dưới chân để một cây đèn thấp lên cho sáng, cứ như thế không cho ngôi sao của mình rơi xuống. Phân phó thỏa đáng xong, “đêm ấy Khổng Minh mệnh lệnh cho mọi người dỡ dẫy đi ra ngoài, ngưỡng vọng trời sao, chỉ một ngôi sao xa, nói: Đó là vì sao của ta. Mọi người đều nhìn, thấy ngôi sao ấy màu sắc u ám, rung rung muốn rơi. Khổng Minh vung kiếm chỉ thẳng vào nó, miệng lầm thầm niệm chú. Niệm xong, vội vã quay vào trướng phủ”. Đúng là trình độ tưởng tượng đã đạt đến cực đại. “Lại nói về Tư Mã Ý, đêm ấy xem thiên văn thấy một vì sao cực lớn màu đỏ, ánh sáng lu mờ chuyển từ hướng đông bắc sang tây nam, rơi vào doanh trại quân Thục rồi lại phóng vụt lên đến ba lần, Ý cả mừng, nói: Khổng Minh chết thật rồi!”. Những chuyện tương tự về quan hệ giữa người và sao trong truyền thuyết và văn học nhiều không kể hết được, nói rằng đó hoàn toàn là sự mê tín cũng không hẳn là chính xác, mà đó chính là một loại “sản phẩm phụ” của hành vi “ngưỡng

vọng trời sao” có nhiều ý nghĩa khoa học trong lịch sử nhân loại. Ngưng thần ngưỡng vọng bầu trời xán lạn chính là bước đánh dấu sự ra đời của lịch sử khoa học. Dem Mao Trạch Đông so sánh với mặt trời, với tinh tú, về mặt tình cảm có thể lý giải, nhưng nếu chuyên tâm nghiên cứu một cách sâu sắc, ở đây có một chút ý vị trào phúng. Nghe đâu rằng, nguyên soái Bành Đức Hoài, con người cương trực như Trương Phi đã từng đem chuyện này phê phán mấy câu - hậu quả sau đó thế nào ai cũng biết, ông không thể tránh được vận đen. Nếu dùng cảm kiên trì với lập trường chủ nghĩa duy vật biện chứng đến cùng mà nói thì, lúc phi hành gia người Mỹ để lại những bước chân đầu tiên trên mặt trăng cũng là lúc ở Trung Quốc, chủ nghĩa duy tâm đang hoành hành một cách khốc liệt nhất. Chiếc loa sắt to thùng và cổ lỗ ở quê tôi ngày nào cũng giáng những cái tát tá hỏa vào mặt tất cả mọi người: Bắt đầu là “Đông phương hồng”, vẫn là điệp khúc “đại cứu tinh”; kết thúc xướng “Quốc tế ca”, “từ xưa đến nay chẳng có đáng cứu thế nào hết, cũng không dựa vào thần tiên Thượng đế, muốn sáng tạo hạnh phúc cho nhân loại, chỉ có thể dựa vào chính chúng ta”. Chiếc loa sắt cổ lỗ như thế tất nhiên không thể nào thông báo được cho mọi người tin tức về người Mỹ đã đặt chân lên mặt trăng, chuyện này đến tận mười năm sau chúng tôi mới biết. Sau này chúng tôi cũng biết, lúc ấy ở Bắc Kinh đã có đài truyền hình, người Bắc Kinh đã có ti vi tuy số lượng không nhiều. Tôi cả gan tưởng tượng: Chủ tịch Mao Trạch Đông cùng với những chiến hữu của ông đang ngồi trước máy thu hình xem người Mỹ lên mặt trăng... Trên mặt họ lúc ấy có biểu hiện gì không nhỉ? Trong lòng họ lúc ấy có suy nghĩ gì không nhỉ? Lúc ấy, hàng triệu người Trung Quốc

đang ôm cái bụng đói meo để tổ chức “đấu phê cái”, Lưu Thiếu Kỳ ở trong ngục Khai Phong chờ chết, hàng trăm vạn Giải phóng quân nhân dân đang tập kết ở biên giới Trung Quốc - Liên Xô chuẩn bị đánh nhau với “tân Sa hoàng”!

Hai nhà du hành vũ trụ của Mỹ đã đặt một tấm bia trên bề mặt hoang vắng của mặt trăng, trên đó viết:

Tháng 7 năm 1969 sau Công nguyên

Loài người trên trái đất lần đầu tiên đặt chân lên mặt trăng

Chúng tôi đại diện cho nền hòa bình toàn nhân loại mà đến đây!

Sau đó có người phê bình rằng, người Mỹ lưu bút tích trên mặt trăng là một việc làm hoang đường, nhưng riêng tôi thì nghĩ, việc làm của hai nhà du hành vũ trụ ấy không hề hoang đường, bởi trái đất rộn ràng bề bộn với những sầu hận bi hoan ly hợp trăm nghìn mối đang treo lơ lửng trên không trung, trên đầu họ, yên lặng và trầm mặc như một thiếu phụ khoác bộ cánh màu lam với trăm mối tơ lòng.

Năm 1965, khi Chủ tịch Mao Trạch Đông lên núi Tĩnh Cang đã viết những câu từ vô cùng hùng tráng: “*Leo lên trời cao lăm nguyệt, Cúi xuống biển cả đùa ngư*”. Lên trời cao để gặp chị Hằng, chuyện kinh thiên động địa này người Mỹ thực hiện đầu tiên, chỉ còn lại một việc chưa làm, đó là xuống biển đùa với cá kình. Hãy suy tưởng về trạng thái tâm lý của một bậc vĩ nhân! Những năm năm mươi, Mao Trạch Đông đã viết những câu thơ tuyệt vời: “*Thường Nga cô đơn buồn lơ lửng váy áo, Vạn lý trời cao hồn trung thần nhảy múa*”... Cảm tình của ông đối với trăng quả có chỗ độc đáo riêng. Khi hai nhà du hành vũ trụ chuẩn bị bước vào không gian, người truyền tin đã thì

thăm qua điện thoại: Có một truyền thuyết cổ xưa kể rằng, có một người con gái Trung Quốc xinh đẹp tuyệt trần đã ở trên mặt trăng bốn nghìn năm nay... Nếu không ngại, các anh cứ tìm cô ấy mà thăm hỏi. Ngoài ra, trên mặt trăng còn có một con thỏ Trung Quốc rất to, chắc là tìm không khó bởi chân trước của nó đang giơ lên cao đứng bên cạnh một gốc quế. Được rồi - một phi hành gia nói - Chúng tôi nhất định sẽ tìm ra cô gái và con thỏ ấy!

Hãy suy nghĩ những ý vị từ những câu thơ bộc lộ tâm trạng của Chủ tịch Mao Trạch Đông!

Rất nhanh sau đó, chiếc cầu nối Trung - Mỹ đã được bắc, quà tặng của Nixon cho Mao Trạch Đông lại là đất và nham thạch trên mặt trăng mà các nhà du hành vũ trụ đã mang về.

Tôi đã đi càng lúc càng xa trên con đường sai lầm của cổ nhân và vĩ nhân mà bình luận lung tung rồi, phải dừng lại thôi để tránh những lời phạm húy. Nhưng lại có một vĩ nhân xuất hiện ngay trước mắt: Người ấy toàn thân bị tê liệt, chỉ có mấy ngón tay là có thể cử động được. Ông ta dùng mấy ngón tay ấy để điều khiển chiếc ghế điện chạy chậm chậm trong khuôn viên trường đại học Cambridge, những người gặp ông ta đều thể hiện sự cung kính một cách tự nhiên. Ông ta chính là người được toàn thế giới tôn là truyền nhân xuất sắc nhất của Einstein, là nhà vật lý xuất sắc nhất của thế kỷ XX - Giáo sư Stephan Howkin. Những nghiên cứu của Howkin có liên quan đến hiện tượng thần bí nhất của vũ trụ - những ngôi sao đã tắt. Những ngôi sao đã tắt cũng là sao. Những ngôi sao sáng nhất thì nhìn không thấy, bởi dẫn lực của những vì sao này quá lớn. Tôi đã xem danh tác của Howkin "Thời

gian giản sử”, xem mà không hiểu gì cả, xem hiểu được sách này thì ai còn làm văn học nữa! Một học trò của Howkin kể, có một năm, cả nhà Howkin đưa anh ta về biệt thự của gia đình. Biệt thự này nằm trên núi, có một con đường rất phẳng dẫn đến tận nhà. Khi đi lên, chiếc ghế điện của ông chạy trước anh ta một đoạn không xa, một lúc sau ông rẽ ngoặt vào nhà, nhưng chiếc ghế lại đột ngột dừng lại, chạy lui rồi lật ngửa ra phía sau. Anh ta vội vàng chạy lại định đỡ lấy nhưng không kịp nữa. Howkin bị ngã ngửa ra sau và lăn vào lùm cây. Trông thấy vị đại sư chuyên nghiên cứu về dẫn lực lại bị lực hấp dẫn yếu ớt của trái đất chinh phục khiến anh ta cảm thấy hoảng sợ vô cùng. Trông thấy cảnh ấy, ai mà chẳng hoảng kinh? Howkin bị ngã ngửa, điều này chứng minh rằng, cho dù đầu óc con người có vĩ đại đến đâu cũng không thể thoát khỏi những ước chế của quy luật khách quan. Tất cả mọi người đều phải thần phục trước khoa học và chân lý (ngay cả Giáo hoàng cũng đã đầu hàng, Howkin cũng phải ngã ngửa), bởi chân lý và khoa học là những quy luật khách quan trung thực nhất.

Lúc này mới nghĩ ra, do sao Chối và sao Mộc đâm vào nhau mới cổ súy mọi người quan tâm đến trời là không được. Con người vừa là nô lệ, vừa là chủ nhân của tự nhiên. “Trong vũ trụ điều không thể lý giải chính là vũ trụ có thể lý giải” (lời Einstein). Đại tự nhiên muốn nhận thức chính mình nên đã đem nhiệm vụ vinh quang ấy giao phó cho con người. Khoa học và kỹ thuật mới là chiếc cầu duy nhất dẫn đến chủ nghĩa cộng sản. Trên một ý nghĩa nào đó mà nói, người Mỹ lập một tấm bia kỷ niệm trên mặt trăng chính là đặt một viên đá tảng chủ nghĩa cộng sản, nó đã làm cho trái đất trở nên thu

nhỏ lại, nó khai thông tầm nhìn của nhân loại, nó khiến nhân loại một lần nữa “ngưỡng vọng trời sao”, nó kêu gọi cảm giác làm người của con người. Tôi tự tin là mình không xa rời nguyên lý của chủ nghĩa Mác Lênin, ngay cả tư bản lũng đoạn cũng là cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội khoa học thôi!

Ngày 18 tháng 10 năm 1989, phi thuyền vũ trụ Atlantic đã bắn một trạm quan trắc giá trị hàng tỉ đô la Mỹ vào không gian. Theo quỹ tích dự định, đến năm 1995 nó sẽ bay đến sát sao Mộc để chúng ta lại một lần nữa “ngưỡng vọng trời sao” để quan sát diện mạo xinh đẹp của một trong những vệ tinh của mặt trời, để xem mảnh vỡ của sao Chổi chính là Chu sơn hay Bất Chu sơn, để xem những hiện tượng thần kỳ mà cho đến ngày nay chúng ta vẫn chưa thể lý giải được. Mỗi thành quả nghiên cứu về vũ trụ đều phải là niềm kiêu hãnh của toàn thể nhân loại. Chúng ta có thể trở thành một con người quả là một niềm vinh quang vô bờ bến. Chúng ta nhỏ bé đến độ đáng thương, chúng ta vĩ đại đến khôn cùng. Nghìn vạn năm sau, khi mà con cháu của chúng ta được sống trên những vì tinh tú khác nhau, liệu chúng sẽ mong lung hỏi nhau như thế này không:

- Nghe nói chúng ta đến đây từ trái đất, nhưng trái đất ở đâu nhỉ?

Do đó, chúng ta đã có thể kẻ vai thích cánh với những Bàn Cổ, Nữ Oa, Hậu Nghệ, Khoa Phụ... để biến thành những anh hùng!

Tháng 8 - 1995

Tường hát

Phía Nam vùng Đông Bắc Cao Mật có một làng nhỏ, đó chính là nơi tôi sinh ra. Mười nóc nhà cột gỗ tường cỏ với những mái lá đơn sơ trong làng được dòng Giảo Hà ôm gọn trong lòng. Xóm làng tuy nhỏ nhưng giữa làng có một con đường đất cát vàng rất rộng, hai bên đường là những loài cây hòe, liễu, bạch, thu... hỗn tạp, ngoài ra còn có một vài cây mà người trong thôn không thể gọi được tên, cứ đến độ thâm thu là toàn thân khoác một màu vàng ươm của lá. Có cây sừng sững chọc thẳng lên trời, có cây gầy guộc như một sợi dây thừng... Nhưng theo sự hiểu biết của tôi, trong vòng mấy chục năm trở lại đây hầu như chưa có một ai chặt cây hai bên con đường đất này.

Men theo con đường đất đầy cây tạp này đi thẳng về phía đông khoảng ba dặm là đã rời khỏi làng. Một cánh

đồng mệnh mộng ngủt ngàn trái dài theo hướng đông nam, cảnh vật đột nhiên thay đổi khiến người ta cảm thấy lạ lùng. Con đường cát vàng đã bị bỏ lại phía sau, con đường dưới chân rừng mình biến thành một con đường đất đen, nhỏ hẹp, quanh co bò theo hướng đông nam. Đi đến đây, người ta không dần lòng được đành phải quay đầu nhìn lại phía sau. Khi quay đầu lại, anh sẽ trông thấy chiếc thập tự trên nóc tòa giáo đường Thiên Chúa giáo với kiến trúc đã hoàn toàn Trung Quốc hóa. Chiếc thập tự cao cao đã bị quạ đen bám đầy nên đã biến thành một điểm đen ẩn hiện trong bóng hoàng hôn hoặc mờ mờ trong sương sớm. Có khi anh ngoài đầu nhìn lại đúng vào lúc tiếng chuông giáo đường đang ngân lên buồn bã từ lâu chuông, nhất định tâm hồn anh sẽ cảm thấy bồi hồi cảm động. Bóng hai hàng cây mờ mờ tỏ tỏ lượn vòng theo con đường cát vàng, nếu là mùa thu có lẽ sẽ trông thấy được kỳ quan của lá rụng: Không có một sợi gió nào nhưng vô số lá cây bởi bởi rơi xuống va vào nhau và những âm thanh xào xạc vang lên, những chó những gà lang thang trên đường hốt hoảng chạy cong đuôi vì tưởng lá sẽ rơi xuống làm đau chúng bị thương!

Nếu anh đến đây vào hè, anh không thể không men theo con đường đất nhỏ màu đen đi về hướng đông nam. Đất đen vào mùa hè trơn trơn, anh hãy cởi giày và giẫm chân trần lên những con đường đất đen ấy, anh sẽ bắt gặp một cảm giác rất tuyệt vời. Trên con đường ngoằn ngoèo, bàn chân anh sẽ để lại những dấu vết rõ ràng, thậm chí có thể nhìn thấy cả những đường vân dưới lòng bàn chân. Anh đừng vội coi thường loại đất này, nếu anh bốc một nắm lên nắm trong lòng bàn tay, dùng sức bóp mạnh, ngay lập tức anh sẽ cảm nhận

được sự quý giá của nó. Mỗi lần tôi cầm nắm đất đen trong tay, tôi luôn có cảm giác là mình như đang cầm những chú chim, con thỏ bằng các loại vật liệu rất đắt tiền được bày bán trong các cửa hàng. Nó mịn đến độ giống như một loại bột đậu được nhào nhuyễn đến chín mươi chín lần. Tổ tiên chúng tôi đã dùng chày gỗ nện rất nhiều lần lên những tảng đất đen này rồi bằng những bàn tay điêu luyện của mình, nặn ra không biết bao nhiêu là vật dụng khác nhau, kể cả đóng gạch đóng ngói, đốt lên và chúng đã trở thành những đồ gốm đồ sứ trong cuộc sống hàng ngày của người quê tôi.

Anh hãy tiếp tục đi về phía trước, nếu là mùa xuân, hai bên đường là những thảm cỏ trải dài tít tắp, mịn và êm như những tấm thảm nhung. Điểm tuyết trên đấy là những nụ hoa linh lung đủ màu đủ sắc làm hoa văn cho tấm thảm thiên nhiên. Tít tắp trên cao là tiếng chim khoan nhặt, trời xanh đến độ lóa mắt. Những chú chim có bộ lông vằn trên lưng và nhúm lông đỏ trước ngực như chim cút chạy vun vút trên đường; cũng có khi đằng sau lưng anh có mấy con chim non lon ton chạy theo; có khi phía trước mặt anh, những con thỏ hoang màu vàng sậm băng vút qua đường, đuổi theo chúng vài bước cho vui thì anh nên làm, còn nghĩ đến chuyện đuổi theo để bắt chúng chỉ là điều hoang tưởng. Chỉ có những con chó có sức khỏe mới nghĩ đến chuyện này nhưng phải vào mùa đông, lúc mà tuyết đã lấp kín mặt đất trên đồng khiến những bước chạy của thỏ hoang không còn lạnh lẽo nữa.

Phía trước mặt anh lúc này là một chiếc ao, gọi là ao nhưng kỳ thực chỉ là một chiếc hồ trũng nhỏ, ngay cả việc vì sao nó trũng xuống, đất chỗ này đã được chuyển đi đâu,

không ai quan tâm lý giải. Trên đồng có hàng hà sa số những chiếc “ao” như thế này, có to có nhỏ. Mùa hè, nước trong “ao” cạn veo, chỉ còn một ít vàng vàng đọng dưới đáy. Không kể to nhỏ, những chiếc “ao” này đều tròn vành vạnh khiến người ta cảm thấy lạ lùng, lý giải không được cho nên trí tưởng tượng hoang đường mặc sức thi triển. Mùa hè hai năm trước, tôi có đưa một người bạn về đây và đến quan sát những chiếc ao này. Vừa có một trận mưa lớn nên có những giọt nước còn đọng trên lá cỏ đã làm quần áo chúng tôi ướt mềm, nước trong ao đục ngầu, những luống bong bóng từ dưới đáy nổi lên và vỡ trên mặt nước, một mùi tanh nồng xông lên. Trên một số ao, bèo nổi đầy không nhìn thấy mặt nước; cũng có một số ao chỉ có mấy cọng sen với những chiếc lá to dày vươn lên khỏi mặt nước, thoạt trông cứ tưởng người ta nhặt những cành sen bằng nhựa ở đâu đó đem về găm trên mặt nước, nhưng rõ ràng nó không hề là hoa nhựa. Trong những đêm trăng, đứng trên bờ ao ngắm nhìn những đóa sen như tạc bằng ngọc ấy; chung quanh yên tĩnh, ánh trăng như gương, tiếng côn trùng rí rả khiến lòng người dễ sinh những tình cảm sâu lắng, phảng phất nhớ câu thơ Haiku Nhật Bản: *Tiếng ve sầu thấm đá núi ngàn năm*. Âm thanh là một loại lực hay là một dạng vật chất? Nó có thể “thấm thấu” vào trong băng đĩa, như vậy nó cũng có thể “thấm” vào trong đá núi. Những âm thanh của đồng hoang cũng “thấm” vào trong tâm hồn tôi và nó có thể ngấm lên bất kỳ lúc nào. Tôi đứng trên bờ ao lắng nghe tiếng côn trùng, miên man trong ảo ảnh một mái tóc của người đàn bà đẹp lấp lánh ánh sáng và mùi mật ong toát lên từ thân thể của nàng. Đột nhiên, một bản hợp xướng của loài ếch nhái vang lên từ một chiếc ao gần đó, ánh trăng càng trở nên mờ lung, mùi vị lạnh lạnh của ếch nhái như đang bám

trên da thịt tôi. Hình như toàn bộ ếch nhái của vùng Đông Bắc Cao Mật đang tập trung cả về đây, trong chiếc ao rộng nửa mẫu này. Tôi không nhìn thấy mặt nước nữa mà chỉ thấy dưới trăng, tầng tầng lớp lớp ếch nhái đang chuyển động và những nước bọt màu trắng bám đầy hai bên mép chúng. Ánh trăng và ếch nhái dung hợp trong nhau, âm thanh vốn là nhất thể - tự nhiên là tự nhiên của con người, con người là một bộ phận của tự nhiên. Con người tụ tập ở Thiên An Môn, ếch nhái tập trung dưới ao để tổ chức lễ cưới tập thể.

Thôi thì hãy quay lên con đường cũ vậy. Con đường cát vàng đã bị chúng ta bỏ lại phía sau, hai bên con đường nhỏ đất đen dính dính trước mặt là những loài cây tạp và từ con đường nhỏ này, vô số những bờ ruộng chạy ngoằn ngoèo như những con rắn khổng lồ bị mù mắt lạng lẹ trườn trên đồng. Anh không cần phải chọn bờ ruộng nào để đặt chân lên, bởi tất cả chúng đều được nối tiếp với nhau và đều hướng anh về với những cảnh đẹp hoang sơ. Bờ ao là những cảnh đẹp hoang sơ: bờ ao của ếch và nhái, bờ ao của rắn, bờ ao của cua đồng, bờ ao của chim phỉ thúy, bờ ao của những đóa sen tinh khiết, bờ ao của lau lách, bờ ao của rau hẹ, bờ ao của những chiếc bong bóng, bờ ao của truyền thuyết và kể cả bờ ao không phải của truyền thuyết...

Truyền thuyết kể rằng, vào thời Gia Tĩnh triều Minh, có một cậu bé chăn trâu cho nhà phú hộ ngồi nghỉ trên bờ ao nhỏ cỏ cây rậm rạp. Cậu nghe thấy có hai người đang nói chuyện rì rầm với nhau ở phía bên kia ao. Cậu lắng nghe và loáng thoáng biết được rằng, chính giữa chiếc ao này là một vùng đất tốt về phong thủy, đúng vào nửa đêm sẽ có một đóa hoa sen cực to nở giữa ao, chờ cho đến khi nó nở

bung ra thì ai đó đem tro tàn của tổ tiên rắc lên nhụy hoa, nhất định con cháu của người ấy sẽ đổ trạng nguyên. Cậu bé chăn trâu rất thông minh, biết ngay đó là hai người rất giỏi thuật phong thủy đến từ phương Nam, trong lòng thầm nghĩ: Nếu con mình sau này mà đổ trạng nguyên, há không phải là chuyện tốt lành hay sao? Cho dù bây giờ ta chưa có vợ, nhưng rồi ta sẽ có thôi. Nghĩ thế, cậu bé chăn trâu vội vàng chạy về đào mộ bố lên lượm xương đốt thành tro rồi bỏ vào trong một chiếc hộp, chờ cho đến một đêm trăng sáng tỏ ngồi chờ trên bờ ao. Đúng vào canh ba, quả nhiên có một đóa sen to hơn cả đầu một con trâu trắng tinh từ từ nhô lên giữa ao rồi từ từ nở ra, những cánh sen to tướng trắng tinh được ánh trăng chiếu rọi đẹp như thế nào thì anh cứ tưởng tượng. Khi đóa hoa nở bung ra thì nó đã bằng thớt cối xay, hương sen nức nồng khiến cho cỏ cây bên bờ ao say sưa nghiêng ngả. Cậu bé chăn trâu đầu hoa chân nhũn bò dậy, hai tay nâng chiếc hộp đựng tro hất mạnh vào giữa đóa hoa, hương thơm lập tức biến mất, những cánh hoa cũng từ từ khép lại như lúc mới trỗi lên khỏi mặt nước và từ từ chìm xuống. Cậu bé đứng trên bờ ao nhưng có cảm giác là mình đang chu du trong mộng, trên trời cao trăng vẫn vằng vặc soi, mặt nước ao như một tấm gương, chung quanh yên lặng đến rợn người, tiếng chó sủa từ xa xầm vẳng lại. Từ đó về sau, cậu bé vẫn cứ chăn trâu, tất cả dần dần đi vào quên lãng. Rồi có một ngày, hai người đàn ông phương Nam lại xuất hiện bên bờ ao, một người cất tiếng than: Muộn mất rồi, đã bị người khác hốt tay trên mất rồi! Than xong thì quay về. Chẳng bao lâu sau họ trở lại với hai người con gái phương Nam đẹp như hoa như ngọc, chẳng đòi hỏi gì hết mà tặng cho chàng trai chăn trâu làm vợ, chàng trai đành phải tiếp nhận hai người

cùng một lúc. Vài năm trôi qua, khi hai người con gái này đều mang thai, hai người đàn ông bí mật nọ lại đến và thừa lúc chàng trai không có nhà đã đưa hai người con gái đi mất. Chàng trai quay về không thấy vợ đâu bèn đi tìm, cuối cùng cũng đuổi theo kịp. Hai bên cãi vã om sòm làm kinh động đến nhiều người, hai người đàn ông phương Nam chẳng còn cách nào hơn đành phải thỏa hiệp với chàng trai: Trong hai người đàn bà, chàng trai hãy chọn giữ lại một người, một người theo họ về Nam. Sau đó, cả hai người con gái đều sinh con trai, từ nhỏ đã thông minh dĩnh ngộ, đọc sách thuộc lâu lâu dễ như uống nước ăn cơm, mười mấy năm sau cùng lên đường lên kinh ứng thí tiến sĩ. Trên chiếc thuyền của chàng trai phương Nam có treo một lá cờ có thêu mấy chữ: "Đồng Mai Tán quyết giạt trạng nguyên, chỉ ngại mỗi anh trai Tiểu Lam Điền Cao Mật!". Khi chấm bài thi, quan chánh chủ khảo không thể phân định hai anh em ai cao ai thấp, đành phải dùng cách "cưỡi ngựa xem bảng", "đáy nước mò bia" để quyết định ai đỗ trạng nguyên. Đồng Mai Tán khi mò bia dưới đáy nước đã gặp trò ma mãnh, do vậy trở thành trạng nguyên, Tiểu Lam Điền đành yên phận bảng nhãn... Truyền thuyết này còn có rất nhiều dị bản nhưng nhìn chung tình tiết và cốt truyện là giống nhau.

Nếu anh muốn rời bỏ con đường, cho dù dưới chân anh là thảm cỏ mềm hay là phân trâu bò, đừng ngại phải giẫm vỡ những trứng chim dưới cỏ, cũng đừng sợ lông của những con nhím đâm vào bàn chân, đừng ngại phấn hoa vương vào quần áo, đừng quan tâm đến mùi cỏ mục có thể làm cho anh cay mắt, chúng ta sẽ cùng nhau đi thẳng về ngọn đồi cô độc xinh đẹp ở phía Đông Nam. Mấy tiếng đồng hồ sau, anh đã

đặt chân lên con đê cao cỏ cây rậm rạp bên dòng Mặc Thủy và truyền thuyết về chàng chăn trâu ngày xưa đã bị bỏ lại phía sau lưng để ngắm nhìn những đứa trẻ chăn dê đang đưa đôi mắt tò mò quan sát chúng ta. Nếu trong số ấy mà có đứa nào một chân thì anh đừng bao giờ dây dưa vào nó. Nó là cháu nội độc nhất của tay thổ phỉ khét tiếng nhất vùng Đông Bắc Cao Mật - Hứa Bàn Tay To. Hứa Bàn Tay To đã cùng với vị tướng lĩnh Bát Lộ quân từng tung hoành mười sáu năm ròng ở Giao Đông - Hứa Thế Hữu - tỉ thí võ nghệ và đấu súng. “Chúng ta đều họ Hứa, nhưng một chiếc bút không thể viết lên cùng lúc hai chữ Hứa!”, câu nói đầy mùi giang hồ này không biết phát ra từ miệng vị họ Hứa nào. Cho đến bây giờ, ở vùng Đông Bắc Cao Mật vẫn còn lưu truyền những câu chuyện tỉ thí võ nghệ giữa hai người và trong quá trình lưu truyền, chúng đã biến thành truyền kỳ. Thăng bé một chân cô độc đang đứng trên bờ đê vung chiếc roi trong tay đánh vun vút xuống cỏ, mỗi ngọn roi giáng xuống là một mảng cỏ bật gốc, dất ló ra. Vành môi thằng bé này mỏng như một lưỡi dao, sống mũi rất cao, cằm không có thịt, mắt không có lòng trắng. Mấy nghìn năm trước, Khương Tử Nha ngồi câu cá bên bờ Vị Thủy, bây giờ đang ngồi bên bờ Mặc Thủy, đầu đội nón lá, mình khoác áo toại, bên mình có một chiếc giỏ liêu, trước mặt là dòng sông phẳng lì; vệt trời đang tha thần kiếm ăn bên mép nước; những con diệc chân cao giấu mỏ nhọn trong cánh, lặng lẽ đứng giữa bầy vịt trời. Một tia chớp sáng lòe run rẩy ngoằn ngoèo, một trăng sấm âm âm rung động, những đụn mây đen trên đầu đang rùng rùng bay và chẳng mấy chốc đã che lấp cả bầu trời, những giọt mưa nặng trĩu xóa ào ào rơi xuống làm mặt sông nổi lên trăm ngàn nếp nhăn như gương mặt của một lão già. Một

con cá ẩn hình dạng giống lưới cày đã lọt vào trong giỏ của Khương Thái Công. Dưới sông có loại cá gì nào? Cá nheo, cá hắc, cá chép, cá cò, cá ẩn... Cá chạch chưa hẳn là cá, chúng tôi bắt về chỉ cho mèo, ngay cả mèo cũng chê không thèm ăn. Ba ba là loài có thể thành tinh, đặc biệt là ba ba năm ngón thì không ai dám động đến. Loài thủy tộc nhiều nhất dưới dòng Mặc Thủy là cua, sau đó là loài tôm xanh. Mặc Thủy và Giao Hà là hai dòng sông Mẹ của chúng tôi, Giao Hà ở phía Bắc, Mặc Thủy ở phía Nam; cả hai đều chảy về hướng đông bắc khoảng bốn mươi dặm và hợp lưu đổ thẳng về Bột Hải mệnh mông. Có sông tất có cầu, cầu được bắc từ những năm đầu Dân Quốc, đến nay đã liêu xiêu muốn sụp, đá xây cầu đã từng nhuộm không biết bao nhiêu máu. Một cô gái áo đỏ đang ngồi trên cầu, đôi chân đen đen bóng loáng buông xuống đến sát mặt nước. Đôi mắt cô ta như đang xướng những bài ca dao hàng trăm năm cũ, đôi môi mím chặt. Cô ta chính là một trong số rất nhiều những cô gái cầm xinh đẹp của gia tộc họ Tôn vang bóng một thời. Những cô con gái của gia tộc này có nét chung là rất trầm mặc, vĩnh viễn mím chặt đôi môi dài và mỏng khi gặp người lạ. Năm ấy, chín cô gái cầm của gia tộc này kết thành một chiếc bảo tháp, trên đỉnh tháp là cậu em trai - một viên dạ minh châu của dòng họ. Cậu quý tử đứng trên đầu của các chị mình cất tiếng hát: *Hoa sen trắng trắng như dòng sữa...* Tiếng hát của cậu em như thấm vào trong mắt của chín người chị, mỗi lần tôi nhìn vào những đôi mắt lạnh lẽo nhưng rất đẹp của chị em nhà họ Tôn, là bên tai tôi văng vẳng lời ca trong treo của cậu bé út. Tiếng ca ấy còn thấm vào trong những khuôn ngực căng tròn của những cô chị và biến thành những giọt sữa thanh khiết để dưỡng dục cho những chàng thanh niên mặt trắng.

Những câu chuyện có liên quan đến chiếc cầu ọp ẹp bắc ngang qua dòng Mặc Thủy nhiều như lông trên mình trâu. Sách trên thế gian này được viết trên giấy hoặc từ thẻ tre, nhưng có một bộ sách viết về vùng Đông Bắc Cao Mật lại được thăm vào trong đá. Tôi đang muốn nói về chiếc cầu này.

Đi qua cầu, anh lại bước chân lên một con đê, cũng là một con đê cỏ xanh hoa đỏ tốt tươi rậm rạp. Đứng trên con đê vọng về phía nam, sắc màu của đất đai bỗng nhiên thay đổi: Phía bờ bắc là một cánh đồng màu đen, bờ nam là một vùng đất màu vàng. Nếu là mùa thu, hàng vạn mẫu cao lương ở bờ nam đã chín rộ, đỏ như máu, rục rở như lửa, vô vàn chim chóc bay liệng trên không và mời chào nhau tranh thủ ăn cao lương, tiếng kêu như tiếng khóc thê thiết của đàn bà. Nhưng lúc này đã là mùa đông lạnh lẽo, đất đai đang ngủ mê mệt dưới lớp tuyết dày, mặt trời vừa mới lên chiếu rọi, trước mặt anh sẽ là một mặt gương vàng rục kéo dài đến vô tận. Rất nhiều người đang bận rộn trên tuyết, hình như họ vừa chui từ dưới tuyết lên. Đây chính là “Chợ tuyết” của vùng Đông Bắc Cao Mật. “Chợ tuyết” tức là chợ phiên trên tuyết, mua bán trên tuyết, tổ chức lễ hội trên tuyết, ở đây mọi người phải ém chặt lời nói trong lòng, mở miệng là gặp ngay tai họa. Nghìn vạn con người ở vùng Đông Bắc Cao Mật hễ đến mùa đông là mong chờ phiên “Chợ tuyết” đặc biệt này. Khi tuyết đã phủ một màu trắng cho đất trời thì người ta rời khỏi những căn nhà ấm cúng, tập trung về một khoảnh đất cao ráo rộng khoảng năm trăm mẫu bên dòng Mặc Thủy, nghe đâu mấy trăm năm trước là đất thuộc gia tộc họ Tôn, lúc này đương nhiên đã là đất công, đang bị lãnh đạo chính quyền địa phương đóng cọc giăng rào để biến thành một khu kinh

tế mở. Dự tính ngu xuân này đang bị nhân dân Đông Bắc Cao Mật phê phán mạnh mẽ, những chiếc cọc gỗ được đóng xuống vào lúc ban ngày, ngay lập tức bị nhổ lên đến mấy mươi lần vào ban đêm.

Tôi vẫn nhớ mãi lần đầu tiên theo ông nội tham dự “Chợ tuyết”. Chỉ có thể dùng mắt ngắm nhìn, dùng tay ra hiệu, vận dụng toàn bộ tâm tư để lý giải người khác và để người khác lý giải mình, tuyệt đối không được mở miệng. Mở miệng nói sẽ chịu hậu quả như thế nào? Suy trong lòng tất biết, không cần phải nói. Trong chợ thứ gì cũng có, nhưng nhiều nhất vẫn là giày bện cỏ bồ và các loại thức ăn, bao trùm không gian chợ là những mùi thơm: mùi thơm của bánh bao, mùi thơm của bánh quẩy, mùi thơm của thịt chiên, mùi thơm của thỏ nướng... Những người đàn bà thường xòe vạt áo bông che lấy miệng, thoạt trông cứ tưởng là đang cố gắng chống chọi với những cơn gió lạnh ùa vào cổ họng, nhưng tôi thì cho rằng họ đang bịt miệng mình để tránh những câu nói sẵn sàng thoát ra bất cứ lúc nào. Chúng tôi tuân thủ những quy định truyền thống một cách tự giác, không bao giờ mở miệng. Đây là con người tự chế ngự hay tự khiêu chiến với chính mình? Nhân vật chính trong tiểu thuyết “Thép đã tôi thế đấy” của Liên Xô - Paven Coocsơghin - bảo không hút thuốc là không hút thuốc, người Đông Bắc Cao Mật bảo không nói là không nói. Biết hút thuốc mà không hút thuốc là một đau khổ, biết nói mà không nói lại là một kiểu lạc thú. Năm ấy, tôi chứng kiến tận mắt điều thần kỳ ở tất cả mọi người khi tiến hành trao đổi mua bán mà không hề mở miệng như thế nào, tất cả những ánh mắt nhìn, những động tác bằng tay đều được

biểu hiện một cách hết sức rõ ràng khiến tôi nghĩ chín mươi phần trăm lời nói của loài người đã trở nên vô dụng. Ngậm chặt miệng lại đi, tiết kiệm năng lượng và trau dồi tư duy, không nói khiến anh cảm thụ được nhiều ý tưởng hơn về màu sắc, về mùi vị, về hình thể. Không có ngôn ngữ là điều kiện tốt nhất để anh hòa nhập vào trong không gian “dĩ tâm truyền tâm”; không có ngôn ngữ khiến con người tránh được sự chán ngán và cũng tránh được sự đấu tranh; không có ngôn ngữ khiến giữa người và người có một tấm màn che trong suốt và nhờ có tấm màn che này mà người này và người kia càng nhớ kỹ dung mạo của nhau hơn. Không có tiếng nói càng khiến anh cảm thụ được nhiều loại âm thanh đẹp của thế gian này; không cần ngôn ngữ khiến nụ cười của mỹ nhân càng mê hồn hơn. Nếu anh muốn nói cũng không ai cấm anh nói, nhưng mỗi khi anh mở miệng là không biết bao nhiêu ánh mắt sẽ đổ dồn vào anh và tất nhiên sẽ là những ánh mắt khó chịu và anh cũng chẳng thấy thoải mái gì. Tất cả mọi người đang nói mà không nói, không nói mà nói, hà cớ gì anh phải bật lên tiếng nói? Yên lặng mới là điều đáng sợ! Khi người ta bắt đầu lên tiếng loạn xạ bát nháo, anh hãy yên tâm là xã hội hãy còn phương để cứu chữa; khi người ta ngậm tâm đưa mắt nhìn thờ ơ, ngay cả một tiếng chửi cũng không có, e rằng xã hội ấy đã đến ngày cuối cùng! Đường nhiên, chuyện không nói trong “Chợ tuyết” là chuyện riêng của vùng Đông Bắc Cao Mật, nghe đâu rằng có một người ngoại lai đến với “Chợ tuyết”, buồn rầu nói: Thật tội nghiệp, mọi người ở đây câm cả rồi à? Hắn đã phải nhận những đòn trừng phạt nào, anh cứ tự mình tưởng tượng nhé!

Không nên dừng quá lâu ở đây, về cái “Chợ tuyết” này tôi sẽ tiếp tục kể trong một bộ tiểu thuyết đồ sộ hơn. Bắt đầu từ đây, mời các đồng chí của tôi chú ý đến một con chó - một con chó mù đang đuổi thỏ hoang trên tuyết. Rất nhiều lần tôi đã từng gán cho con chó này một tính cách: Lỗ mãng và cục cằn. Lỗ mãng vì nó bị mù, cục cằn vì nó bị mù, và cũng chính vì bị mù nên mới sinh ra lỗ mãng cục cằn. Nó đuổi theo thỏ hoang trên tuyết chỉ dựa vào mùi vị và âm thanh nhưng cuối cùng những con thỏ cũng khó lòng thoát khỏi đôi hàm răng sắc nhọn của nó. Tôi nhớ trong bộ tiểu thuyết “Nước thơm” của văn học Đức có kể về một quái nhân chỉ cảm nhận cuộc đời thông qua lỗ mũi, nhưng độ chính xác cao hơn nhiều so với những người cảm nhận đời qua đôi mắt bình thường. Nhạc sĩ mù Cung Thành Đạo Hùng của Nhật Bản viết: “Sau khi ánh sáng tắt, trước mặt tôi lại xuất hiện một thế giới âm thanh vô tận và phức tạp. Chúng phá vỡ sự cô tịch trong lòng khi tôi tiếp xúc được với màu sắc và đường nét”. Thiên tài âm nhạc này còn có thể nghe thấy màu sắc của âm thanh, bảo rằng âm thanh và màu sắc hòa quyện trong nhau, có âm thanh trắng, có âm thanh đen, có âm thanh đỏ, có âm thanh vàng... Có lẽ rồi sẽ còn có một thiên tài nào nữa có thể ngửi thấy mùi vị của âm thanh chăng?

Thôi thì chúng ta không cần phải rảo bước đến vùng đầm lầy ở phía Tây Nam, cũng không cần phải đến chỗ dòng sông đổ ra biển ở phía Đông Bắc nữa. Ở trên vùng cát ấy có những vườn nho đang trĩu quả. Chúng ta cũng chẳng cần phải đi qua hết tất cả những xóm làng của vùng Đông Bắc Cao Mật nữa. Ở những nơi ấy đã từng có những lò nấu rượu cực lớn, có những lò nhuộm, có những lò hấp trứng, có những ông già

huấn luyện chim ưng, có những cô gái ngồi bên khung cửi, có những người thợ da... đã trầm tích trong những tầng văn hóa - lịch sử. Chúng ta đi không hết đâu. Xem kia, con chó mù đã ngoạm được con thỏ hoang trong miệng nó, ngậm chặt và mang đến dâng hiến cho chủ mình - một ông già tuổi đã cao lắm rồi. Căn nhà cô đơn của ông ta nằm ở ngoài rìa làng phía nam. Trước cửa nhà ông ta, chỉ có mấy bước chân là một bức tường rất kỳ quái, bên này bức tường là thế giới của chúng tôi, bên kia bức tường là lãnh địa của người khác.

Ông già họ Môn này thân thể cao lớn, tuổi cao lắm rồi, không tính được nữa. Chuyện về ông ta kể hoài không hết, tôi chỉ thích nhất một câu chuyện gần như là bịa đặt - chuyện ông ta bắt ma. Chuyện kể rằng ông già gặp một con ma. Con ma yêu cầu ông ta công nó. Thế là ông ta công nó về đến nhà và đặt xuống, té ra đó là... Là cái gì? Tôi cũng không biết nữa. Ông già cô độc này đã từng là người đánh xe ngựa cho một nhân vật lỗi lạc, nghe đâu ông già cũng đã từng là một đảng viên. Kể từ khi tôi bắt đầu hiểu mọi chuyện thì tôi đã thấy ông ấy xa lánh mọi người, dọn ra ở ngoài rìa làng, tuy vậy tôi vẫn thường được ông ấy sai người mang đến cho tôi rất nhiều thịt thỏ hoặc thịt chim. Ông ấy thường dùng một cọng cỏ màu đỏ xâu thịt lại mà luộc, mùi vị tươi ngon và hình như trong thịt có những âm thanh réo rất vui tai, cho đến bây giờ vẫn cứ vương vấn trên đầu lưỡi, bên tai tôi. Ngoài ông ấy ra, không ai tìm thấy được loại cỏ này. Mấy năm trước tôi có nghe người trong thôn kháo với nhau rằng: Ông già họ Môn đã đi khắp nơi để thu gom vỏ chai rượu, lấy làm kỳ người ta bèn hỏi ông làm chuyện đó để làm gì, ông ấy không trả lời. Cuối cùng người ta mới phát hiện ra rằng, ông dùng những vỏ chai rượu

ấy để đắp nên một bức tường phân cách giữa vùng Đông Bắc Cao Mật và ngoại địa. Bức tường vươn được khoảng hai mươi mét thì ông già gục chết dưới chân tường.

Bức tường do mấy vạn chiếc vỏ chai đắp thành, tất cả các miệng chai đều hướng về phía Bắc, chỉ cần gió thổi, bức tường đồng loạt vang lên muôn vàn âm thanh khác nhau, tụ hội lại với nhau và trở thành một loại âm nhạc chưa từng có trong lịch sử âm nhạc của loài người. Trong những đêm bắc phong gầm gào, chúng tôi nằm trong giường vẫn nghe được những âm thanh biến hóa khôn lường, du dương, có mùi, có vị, có hương, có sắc vang lên từ hướng Đông Nam, những giọt nước mắt ngân ngấn lăn trên đôi gò má chúng tôi và bao nhiêu nỗi niềm sùng kính đối với tổ tiên, nỗi sợ hãi trước thiên nhiên vĩ đại, những mơ ước về ngày mai, sự cảm kích đối với thánh thần... trở dậy trong lòng.

Anh có thể quên bất cứ điều gì nhưng đừng bao giờ quên những âm thanh phát ra từ bức tường kỳ lạ này, bởi nó là âm thanh của đại tự nhiên, là bản hợp xướng của quỷ thần.

Ngày hôm qua, bức tường biết hát đã đổ sụp, nghìn vạn mảnh thủy tinh lấp lóa trong mưa và vẫn tiếp tục ngân lên những âm thanh bất tuyệt, nhưng nếu trước đây là những âm thanh vút cao thì bây giờ là những nốt nhạc trầm. Nhưng vẫn may sao, tất cả những âm thanh vút cao hay những cung trầm đục của bức tường đều đã thấm nhuần trong tâm hồn chúng tôi và sẽ tiếp tục lưu truyền mãi mãi cho con cháu sau này.

Ba bài tập cảm về chuyện ăn

1. Nỗi nhọc về chuyện ăn

Chuyện ăn thì ai cũng đã rõ, chẳng có chuyện gì để nói nhưng cũng có rất nhiều điều đáng nói. Ý tôi muốn nói ở đây là, nếu ăn của người một chiếc củ cải mà nhận lấy điều sỉ nhục thì cho dù anh có dùng nhân sâm ngàn năm để rửa, e rằng cũng rửa không hết đâu.

Sau khi lê đôi chân như một kẻ gốc gác của mình vào thủ đô Bắc Kinh, tôi cứ ân hận mãi là không gặp được một loài động vật nào để có thể nhe đôi hàm răng của mình ra biểu thị tình hữu hảo. Tôi đã biết, trình độ hung dữ của các loài động vật ở Bắc Kinh là số một trên trái đất này, ngay

cả những con chó hoang xác xơ bùn đất cũng có vẻ có thần có khí hơn gấp nhiều lần nếu so với những chó hoang tỉnh lẻ khác, trong tiếng sủa oang oang của nó cũng có mùi vị hoàng thành không thềm che giấu. Mấy năm trước, tôi bước chân vào một quán bán miến lạnh vừa bán thủ vừa tời tàn do một người thuần chủng Bắc Kinh làm chủ, ruồi bay tứ tung, bà chủ quán phì nộn mỡ màng, con chó già mắt đầy ghèn nằm phục ở trong góc quây nhìn tôi. Tôi rất thực lòng cầm một miếng thịt vất cho nó, ý của tôi là: “Chó ơi, đừng nhìn tao thù địch như vậy. Tao biết Bắc Kinh là Bắc Kinh của chúng mày, mày đang căm ghét những kẻ ngoại lai như chúng tao làm hoen ố và hỗn tạp thành phố sang trọng của chúng mày. Ăn miếng thịt này đi và chớ có nhìn tao bằng ánh mắt ấy nữa, tao chỉ tạm thời dừng chân ở đây thôi và có thể sẽ ra đi bất cứ lúc nào”. Con chó sủa oang oang, làm như tôi ném đến trước mặt nó một quả lựu đạn không bằng. Bà chủ quán điên tiết: “Anh làm cái gì thế, ăn no rồi rùng mỡ à? Con vịt ngu ngốc kém phẩm hạnh kia?”. Trong lòng tôi nghĩ, lời nói của người dân bà đặc sệt Bắc Kinh này tại sao lại xuất phát từ dưới đũng quần thế nhỉ? Người Bắc Kinh tại sao lại ngạo ngược thế nhỉ? Người Bắc Kinh tại sao lại không kể gì đến đạo lý như thời liên quân tám nước thế nhỉ? Tôi cho con chó của bà ta miếng thịt là để biểu thị tình hữu hảo thôi mà! Đúng lúc ấy, một gã đại Hán - loại người điển hình cho những kẻ thống trị trong các ngõ ngách của thành phố Bắc Kinh từ nhà trong đi ra, giọng Bắc Kinh - loại giọng có mối liên hệ vô cùng mật thiết giữa cái miệng ở trên và đũng quần ở dưới nổ liên tục như ngô rang: Nào là “vị” chó này là nhập từ Pháp về, là thuần chủng, là danh chủng, ít nhất cũng đáng giá một trăm nghìn nhân dân tệ. “Vị” chó này không thể cho ăn một cách tùy tiện

mà phải có các phương pháp điều chế thức ăn đặc biệt, những chất có chứa nhiều vitamin, nhiều protein phải đúng số lượng, nhiều một chút không xong, ít một chút không được. Anh cho nó ăn thịt cẩu thả như vậy chắc chắn sẽ làm đường ruột nó rối loạn mất! Đây là một “vị” chó sao? Tôi cảm thấy ruột gan mình tan nát. Con chó có bộ dạng như thế mà được nhập từ Pháp về sao? Những con chó suốt ngày bởi những đồng rác đồng phân ở quê tôi xem ra còn đẹp mã hơn hẳn. Nghĩ thế, tôi đâm liều: “Đừng có mà dọa nạt, đừng có mà lèo những người nhà quê như tôi. Chẳng qua nó cũng chỉ là một tấm da rách!”. Ai da! Mẹ ơi! Lời của tôi vừa tuôn ra khỏi miệng, ngay lập tức đôi mắt của gã đại hán lóe lên nóng như thiêu đốt, còn nóng hơn cả người ta dùng móc sắt hơ nóng dí vào mông hổ; còn người đàn bà thì lắc lư đôi mông núng nính hét lên the thé: “Giải Phóng! Ông đem thằng oắt này vào nhà trong xin tí tiết giúp tôi!”.

Toàn thân tôi rét run, tôi quá sức sợ hãi. Căn cứ vào trật tự của công việc đồ tể, sau khi cắt tiết con vật là nhúng vào nước sôi rồi nhổ lông cánh, sau đó là chặt đầu chặt chân, mổ bụng lôi hết ruột gan phèo phổi ra ngoài, cuối cùng là treo lên trên móc để chờ người ta đến mua. Có lẽ đến sáng mai, cũng có thể là trưa mai, cũng có thể là chiều mai, trong những chiếc chảo dầu, trên những bếp lò than, trong những xiên thịt dê thịt cừu có lẫn lộn một phần rất nhỏ thịt của tôi và tất nhiên nó sẽ chui vào dạ dày của người Bắc Kinh. Nghĩ đến đây, xương sống tôi ớn lạnh, chẳng còn tâm trí đâu mà ăn miếng lạnh nữa, tôi vội vàng đứng dậy, áp lưng vào tường, cúi đầu khom lưng chân nọ đạp lên chân kia vọt ra khỏi quán.

Quay về ký túc xá, càng nghĩ càng cảm thấy nhục và uất ức, hai hàng nước mắt trông chẳng khác nước đái chó trào ra khỏi hốc mắt tôi. Oán ai? Oán chính mình thôi. Ai bảo mày đi ăn miến lạnh? Cứ nấp trong phòng ăn bánh bao hoặc gói mì ăn liền là được rồi. Nếu không muốn làm phiền cô nhân viên bán mì ăn liền người gốc Bắc Kinh, mỗi lần đến cửa hàng mày có thể mua bốn năm mươi gói, cái tội dám quấy nhiễu người khác sẽ giảm đi được bốn năm mươi lần là được chứ gì? Đang nghĩ đến đây thì một người bạn bước vào, hỏi anh khóc cái nỗi gì? Bắc Kinh đang thiếu nước, nước mắt tuy ít nhưng cũng là nguồn nước tự nhiên, không nên phí phạm. Tôi nghĩ lời anh ta có lý, chúng tôi là dân tỉnh lẻ đến Bắc Kinh, mọi chuyện cần phải tính toán cẩn thận, muốn khóc thì về Sơn Đông mà khóc, khóc ở Bắc Kinh cũng được nhưng không được khóc vì uống phải nước “tự nhiên” của người Bắc Kinh!

Anh bạn mời tôi ăn cơm. Một đĩa củ cải xào, một bát miến và một bát thịt gì đó, tôi quên mất rồi. Ăn xong, cảm thấy mình đã hoàn toàn sung sức, chạnh nghĩ, ăn của người một miếng cơm, cả đời sẽ không bao giờ quên.

Sau đó mấy ngày, trong khi tụ tập với bạn bè, tôi đã vô tình nói một câu gì đó xúc phạm đến người đã mời tôi ăn cơm. Anh ta ngẩn ngơ nói: “Cậu hãy đem chút lương tâm còn lại của mình vất cho chó ăn đi! Mấy ngày trước, tôi đến cửa hàng San Kalina mua củ cải Tây Ban Nha, đến siêu thị Trường Thành mua thịt bit tết Mỹ, còn dùng bột cá trước đây bố tôi di Liên Xô mang về để mời cậu ăn. Cậu đã ngốn đến độ miệng mồm bết bết dầu mỡ, chỉ chớp mắt mà cậu đã quên sao? Những miếng thịt bò vẫn chưa kịp tiêu hóa kia mà?

Tôi cảm thấy toàn thân mình lạnh toát, hối hận quá đỗi. Tôi hận mình tại sao không dùng keo dán kín cái miệng thêm ăn của mình lại. Ngày trước mày ăn gì mà mày vẫn sống và trưởng thành? Mày ăn củ cải Tây Ban Nha, thịt bò Mỹ, bột cá Liên Xô của người làm gì? Nếu quá thèm ăn, mày cứ đi mua củ cải Tây Ban Nha, thịt bò Mỹ về mà ăn, quá lắm cũng chỉ hai mươi đồng! Mày ăn chút thức ăn của người, mày buộc lòng phải nuốt cái nổi nhục do người mang lại này thôi!

Cái tật xấu nhất của thằng tôi là rất mau quên, giống như loài chó, chỉ nhớ đến chuyện ăn mà không nhớ chuyện bị đánh. Nghiến răng nuốt hận cho qua chuyện ấy, mấy ngày sau tôi đã quên. Lại có một người bạn khác mời tôi ăn cơm, một chiếc nồi đặt trên bếp gas, trong nồi là mười mấy con tôm, một ít rau cải trắng, lại còn có mấy miếng thịt gì đó tôi cũng quên rồi. Ăn, ăn và ăn. Đáng vẻ ăn rất hưng tơn của tôi cuối cùng đã lại bực lộ. Anh bạn cảm khái: “Ồi dào, lại phần đầu quên mình rồi!”.

Chỉ một câu cảm thán thôi nhưng đã làm cho toàn thân tôi lạnh loát, những chuyện nhục nhã vì ăn của người ùn ùn quay lại trong tâm trí tôi. Sao mày lại hạ đẳng đến như vậy? Sao tôi lại chẳng có chút lòng tự tôn nào hết cả vậy? Sao tôi lại không tự mình dẫn xác đến một quán ăn nào đó, quá lắm cũng chỉ mười mấy đồng đã có một bữa ăn ngon lành hơn nhiều, lại thích ăn gì thì cứ ăn nấy, muốn ăn hùng hổ như thế nào thì cứ như thế mà hùng hổ; cho dù mày ăn hết thịt rồi bê đĩa lên mà liếm cũng chẳng có ai chê bai gì. Mày thường quên mất thân phận của chính mày, mày quên mất rằng mày là một thằng cùng đinh ở nông thôn, dưới mắt những người ấy căn bản mày chưa hoàn toàn là một con người, thì thoảng

tìm đến mày chơi cũng chẳng khác nào thiên nga muốn tìm hiểu vịt nhà vậy thôi. Tôi tự thể với lòng là từ nay về sau thà chết đói còn hơn ăn thức ăn của người khác. Tôi tự thể là từ nay có tụ tập ăn uống với bạn bè, tôi phải là người đứng ra thanh toán tiền, lúc ấy cho dù tôi ăn có nhiều và có hùng hổ đi chăng nữa, các người cũng không có cơ gì để nhạo báng tôi nữa phải không?

Có một lần chúng tôi đi ăn vịt quay Bắc Kinh. Bàn ăn chỉ mới với một nửa, tôi vội vàng đứng dậy thanh toán tiền. Sau khi dạ dày của chúng tôi đã lèn đầy những thức ăn ngon, nhìn thấy trên bàn vẫn còn thừa lại rất nhiều, bản chất nông dân thứ cấp lại nổi lên trong lòng, tiếc quá đi mất. Nào là thịt vịt, nào là bánh cuốn, nào là nước tương, nào là hành tỏi... thôi thì gắng ăn thêm một tí vậy, tôi bèn cố sức nhét vào cái dạ dày đã căng của mình. Lúc ấy, một trong số những người được tôi mời ăn nói: "Nhìn anh Mạc Ngôn kia, không ăn hết số tiền đã bỏ ra là không được rồi!". Tôi thấy mặt mình nóng lên như vừa bị giáng một bạt tai trí mạng. Người ấy còn nói thêm: "Các ông nói đi, sức ăn của Mạc Ngôn ghê gớm đến mức nào? Anh ấy sao lại có thể ăn nhiều đến thế nhỉ? Nếu tất cả người Trung Quốc đều ăn như anh ấy, Trung Quốc sớm đã bị chìm trong đáy sâu của chủ nghĩa tư bản rồi!".

Đến lúc ấy tôi mới rõ: Mọi chuyện trên thế giới sớm đã được an bài, những ai phải nhận sự khinh bỉ từ người khác cho dù có đội kim khôi trên đầu cũng không tránh được!

Trong chuyến về quê ăn tết năm trước, tôi đem những chuyện mình bị sỉ nhục ở Bắc Kinh ra kể cho bố mẹ nghe. Mẹ nói: "Con người ta sống chủ yếu phải có chí khí của riêng mình. Mẹ không tin rằng nếu lần sau anh đi ăn tiệc, trước khi

đi anh ăn bốn năm chiếc bánh bao, húp thêm vài bát cháo to, khi ngồi trong bàn tiệc anh vẫn cứ cầm cúi ăn như quỳ đống như thế!”.

Sau khi trở lại Bắc Kinh, tôi làm theo lời mẹ dặn, quả nhiên tôi không còn ăn vồ ăn vập nữa mà thái độ ăn của tôi điềm đạm hơn, lịch sự hơn. Ăn xong, như một người đầu bếp người Anh, tôi chờ đợi những lời khen tặng, nhưng có một người lại nói: “Xem cái kiểu làm bộ làm tịch của Mạc Ngôn kia! Hình như anh ấy cho rằng chỉ dùng mấy chiếc răng cửa để ăn cơm là đã có thể biến thành Giả Bảo Ngọc vậy!”.

Mọi người cười rộ lên. Người ấy lại tiếp tục nói: “Là người thì phải tạo cho mình một chút bản sắc chứ! Ngay cả Lâm Đại Ngọc còn phải ngồi trong bồ đại tiện kia mà!”.

“Mẹ ơi! Con hết đường để đối đãi với người ta rồi!”.
- Tôi kêu với mẹ.

Mẹ tôi bảo: “Con trai ơi! Chấp nhận mệnh vậy thôi! Mệnh bắt phải như thế nào thì phải chấp nhận như thế thôi!”.

Tôi tiếp tục kêu: “Mẹ ơi! Cả nhà ta tại sao chỉ có mình con phải chịu nhục nhã như thế này? Nửa đời người rồi mà cái kiếp chịu nhục vẫn chưa đổi thay sao?”.

Mẹ nói: “Con trai ơi! Con chịu thế đã có thấm gì? Trong những năm sáu mươi, mẹ lấy trộm thức ăn cho ngựa của đội sản xuất nên đã bị lão Lý thủ kho treo lên mà đánh. Lúc ấy mẹ nghĩ, nếu được thả xuống thì đâm đầu vào gốc cây mà chết, thế là xong. Nhưng đến khi được thả xuống thì lại bò mà trở về nhà. Bác gái anh đi xin cơm ở thôn Tây, đi đến nhà của một gia đình mắc bệnh hủi, thấy trên bàn vẫn còn một

chiếc bát, trong đó còn lại nửa bát miến đang ăn dở. Thức ăn thừa của người hủi có đáng sợ không hả anh? Nhưng bác gái lại nhào đến, dùng tay bốc lấy bốc để mà nhét vào mồm, vừa nuốt vừa sợ người ta trông thấy thì chửi cho! Anh gặp những chuyện đó kể ra cũng có gì là quá nhục nào? Mẹ thấy anh càng ngày càng mập lên rồi đó, không hưởng phúc, sao lại mập được? Con trai ơi, anh đang hưởng phúc, đừng nên trong phúc mà không biết đó là phúc!”.

Tôi suy nghĩ rất lâu về những lời của mẹ và dần dần bình tâm trở lại. Đúng rồi, những gì gọi là tự tôn, là thể diện đều là chuyện sau khi ăn no. Đối với một người sắp chết thì bát miến thừa của người mắc bệnh hủi lại là thứ quý giá nhất, đương nhiên cũng có người thà chết còn hơn ăn miến của người Mỹ, nhưng họ là những con người vĩ đại. Còn như tôi đây cũng giống như một loài động vật (chó hoặc lợn chẳng hạn) thì những gì gọi là tự tôn, thể diện cắt chó ấy chỉ đem lại phiền phức cho chính mình mà thôi!

2. Dáng ăn hùng hổ

Trong suy nghĩ của tôi, khi mà tôi đang cần nhiều chất dinh dưỡng nhất cũng chính là lúc tuyệt đại đa số người Trung Quốc đang đói đến độ sống dở chết dở. Tôi thường nói với bạn bè rằng, nếu không vì cái đói, tôi có thể sẽ thông minh hơn tôi bây giờ nhiều, tất nhiên cũng chưa hẳn là như vậy. Cũng chỉ vì vừa mới mở mắt chào đời đã chịu đói cho nên trong ký ức tôi, những ấn tượng về cái ăn là sâu đậm nhất. Ngày ấy, nhà tôi có đến mười mấy miệng ăn, mỗi khi ăn cơm là tôi khóc một trận. Lúc tôi khoảng bốn năm tuổi gì đó, tôi và con gái của chú tôi - lớn hơn tôi mấy tháng tuổi, bữa ăn nào cũng được bà nội cho mỗi đứa một củ khoai khô khốc. Lúc nào tôi cũng nghĩ là bà nội thiên vị nên chụp lấy củ khoai phần cho cô em và ném phần của tôi về phía con bé. Giật được rồi, lại cảm thấy phần của mình lại có phần to hơn nên lại vội vàng giật lại đến đôi ba lần. Gương mặt của thím

tôi đỏ rần lên, em gái cũng khóc thét lên, tất nhiên nước mắt của tôi cũng đã rơi lã chã. Mẹ thở dài bất lực, bà nội thì phàn nàn tôi là thằng tham ăn tục uống, mẹ liên tiếp phụ họa biểu lộ sự đồng tình, lại còn oán cái bụng của tôi sao mà to! Mẹ lại còn nói, biết thế này bà chẳng bao giờ để tôi ra làm gì.

Ăn xong củ khoai khô khốc, những gì còn lại trong mâm chỉ là những sợi rau dai nhách. Những sợi rau đen sì nhét vào mồm nhưng không thể nuốt nổi, nhưng dù sao thì cũng phải nuốt, do vậy mà vừa nuốt vừa khóc. Vậy thì dựa vào chất gì để tôi trưởng thành? Làm sao tôi biết được. Lúc ấy tôi chỉ nghĩ: Đến lúc nào thì tôi được ăn một bữa khoai no nê nhỉ? Chỉ cần ăn khoai no, thế là tôi đã thỏa mãn lắm rồi!

Mùa xuân năm 1960 là thời kỳ ảm đạm nhất trong lịch sử tồn tại của đời tôi. Những cái gì có thể ăn được đều không còn, rễ cỏ, vỏ cây, cỏ ở hiên nhà cũng đã hết. Trong làng ngày nào cũng có người chết, tất cả đều là chết đói. Ban đầu, thân nhân của người chết còn khóc vài tiếng và khiêng xác ra mảnh đất đầu thôn chôn cất đàng hoàng, sau đó thì không còn sức để khóc nữa, chỉ làm mỗi công việc mang ra ngoài đồng, đào cái hố nông choèn mà vùi cho có lệ. Rất nhiều những con chó mất đồ chơi là đứng chờ sẵn một bên, người vừa quay lưng là chó đã lôi được xác lên khỏi mặt đất. Nghe đồn rằng lão Mã Tứ đã từng cất thối đùi của người vợ đã chết mà nướng ăn, chuyện này có hay không rất khó xác minh, bởi cũng chỉ mấy ngày sau là lão ta đã chết. Lương thực đi về đâu nhỉ? Lương thực chui vào mồm ai hết cả rồi? Người quê tôi vốn hiền lành chân thực, cho dù có chết đói cũng không hề dám tha phương cầu thực. Sau đó người ta

kháo nhau rằng, có một loại đất trắng ở vùng trung phía Nam có thể ăn được, bèn đổ xô nhau đi đào về mà ăn, ăn vào không lấy ra được, chết thêm một số nữa, do vậy mà hết dám ăn đất. Lúc ấy tôi đã đi học. Mùa đông, trường kéo về một xe than đá sáng lấp lánh, đúng là loại than đá tốt. Có một bạn học mắc bệnh lao họ Đỗ bảo tôi rằng, than đá rất thơm, càng nhai càng thơm, thế là chúng tôi cùng nhau ra bốc than đá mà ăn, quả nhiên càng nhai càng thấy thơm. Lúc lên lớp, cô giáo viết trên bảng, chúng tôi ngồi dưới nhai than, tiếng nhai rạo rạo vang lên khắp phòng. Cô hỏi các em đang ăn gì vậy, khi nhìn thấy mồm đứa nào cũng đen nhẻm, cô bèn phê bình: Than đá sao lại có thể ăn được? Chúng tôi cãi: Thơm cực kỳ, nếu cô không tin cứ thử một miếng thì biết. Cô giáo họ Du, cũng đang rất đói, gương mặt vàng vố khiến chúng tôi có cảm giác râu cô sẽ mọc ra tua tủa, đói có thể biến cô thành đàn ông lắm chứ? Cô giáo nghi ngờ hỏi lại, sao lại ăn than đá được nhỉ? Một bạn gái mở cặp lấy ra một thỏi đưa cho cô giáo, cô đưa lên miệng cắn một chút nhỏ, nhắm nháp, cuối cùng cũng đưa lên mồm cắn một miếng to và bắt đầu nhai ngon lành. Cô giáo nói: Thơm lắm! Chuyện này nghe có vẻ hoang đường quá, ngay cả lúc này tôi cũng có cảm giác là nó không hề trung thực, nhưng năm ngoái tôi đã nghe ông Vương kể chuyện. Ông Vương kể rằng: Khi mà những chiếc mồm của chúng mày đang ngáp ngáp chờ chết thì may sao, Nhà nước lại có một đợt cứu tế: Bánh đậu, mỗi người nửa cân, sữa đóng bánh mỗi người được phân một thỏi to bằng hạt hạnh nhân, ngậm trong miệng không nỡ nuốt nhưng hình như nó tự biến mất trong cổ họng. Ông Tôn, người hàng xóm tôi đã ăn hai cân bánh đậu liền, ghen, uống nước vào, bánh đậu nở ra, bao tử chịu không nổi, chết ngay sau đó. Mười

mấy năm sau, nhớ về thời kỳ này, mẹ bảo lúc ấy bao tử con người mỏng như một tờ giấy, không có chút mỡ nào bên trong. Người lớn bị phù thũng, trẻ con lớp một như chúng tôi thì bụng to như cái trống nhưng da bụng lại trong suốt, những khúc ruột non ruột già bên trong có thể thấy được hết. Đang tuổi ăn tuổi lớn, những đứa trẻ sáu bảy tuổi như chúng tôi lúc ấy có thể uống một lúc đến sáu bảy bát canh toàn rau.

Cuộc sống sau đó có tốt lên một chút, có thể nói là nửa năm ăn cám nửa năm ăn cơm. Chú tôi đã mua được một bao bánh hạt bông ép bằng cách gõ cửa sau nhà người khác, vất trong góc nhà, mỗi lần thức giấc nửa đêm để tiểu tiện, tôi vẫn không quên lén nhón một mẩu đem về đến tận ổ ngủ và nhai từ từ trong đêm, ngon quá!

Tất cả gia súc trong đội lần lượt chết vì đói, đội sản xuất bèn đặt một chiếc nồi thật lớn trong trụ sở đội và rửa ráy qua loa chuẩn bị bỏ chúng vào nồi ninh nhừ. Một đám trẻ con ngửi thấy mùi động vật chết nên đã tề tựu chung quanh chiếc nồi. Có một thằng có biệt danh là “Vận Thầu” cầm đầu chúng tôi hát vang:

*Chửi thằng Lưu Biểu đầu quá to,
Bố mày mười lăm, mẹ mày mười sáu,
Cả đời chưa có lấy một bữa no,
Chỉ giữ xương trâu gặm bo bo.*

Đội trưởng sản xuất vùng gậy đuổi chúng tôi chạy tứ tán, nhưng làm sao đuổi chúng tôi được khi mùi thịt động vật chết hấp dẫn đến như vậy. Dưới mắt đội trưởng, chúng tôi chỉ là một đàn nhặng không hơn không kém.

Thừa lúc đội trưởng đội sản xuất đi vào nhà xí, chúng tôi nhào tới. Anh hai tôi khoắng được một chiếc chân ngựa vôi vàng vác chạy về nhà, chẳng khác nào ôm một đồng tài sản trong lòng. Đốt một đồng lửa nhỏ lên để thui lông trên chân ngựa, bỏ ra rồi bỏ vào nồi ninh. Nước ninh chân ngựa thơm lừng, đến nay vẫn chưa thể quên.

Trong thời kỳ Cách mạng văn hóa, cái đói vẫn theo đuổi chúng tôi, tôi thường ra những thửa ruộng ngô của đội sản xuất để đào mầm ngô, nấu chín, bỏ ít muối, thêm vài tép tỏi. Mùi vị thơm lừng, ngon không thể tả. Sau đó có người báo rằng, thịt cóc ngon hơn thịt lợn nhiều lần nhưng mẹ tôi sợ bị trúng độc, không cho chúng tôi bắt cóc.

Cuộc sống dần dần tốt lên, khoai cũng đã có thể ăn no. Lúc này đã là thời kỳ cuối của Cách mạng văn hóa. Có một năm, vào dịp thanh toán cuối năm, nhà tôi được nhận 290 nhân dân tệ. Đây là số tiền đủ làm mọi người chung quanh phải giật mình kinh sợ, bởi vì tôi vẫn nhớ là bà thím thứ sáu của mình đã đánh cho đứa con gái đến độ thừa sống thiếu chết vì nó đã đánh mất một xu. Được nhận số tiền khổng lồ ấy, bố tôi quyết định mua năm cân thịt lợn, nấu nhừ, mỗi người trong nhà được chia một bát. Chỉ cần vài lần cúi người xuống, bát thịt của tôi đã sạch veo. Vì thương con, mẹ san một phần thịt của mình vào bát của tôi. Ăn no, dạ dày chịu đựng không nổi, những cơn ớn lạnh liên tục trào lên trong cổ họng, những cơn đau dữ dội nổi lên trong bụng tôi chẳng khác nào bị những con dao chọc vào. Đó là cảm giác đau đớn đầu tiên khi được ăn thịt trong cuộc đời tôi.

Tôi trở nên nổi tiếng vì tật thèm ăn. Chỉ cần trong nhà có gì có thể ăn được là tôi dùng trăm phương nghìn kế để

đưa vào miệng cho kỳ được, có khi không thể khống chế được mình, ăn no rồi nhưng vẫn cố nhét vào cho kỳ hết, do vậy mà thường bị chửi. Ông bà nội tôi sống ở nhà chú thím, mẹ thường bảo tôi đem thức ăn đến cho ông bà, những lần ấy, tôi thường mở nắp hộp đựng thức ăn và ăn vụng, do vậy mà mẹ tôi chịu rất nhiều tai tiếng oan uổng, những chuyện này cho đến bây giờ vẫn làm tôi ân hận mãi. Vì sao tôi lại thèm ăn đến độ như vậy? Có lẽ chuyện này không hoàn toàn là do cái đói mang đến, một phần có lẽ là do phẩm chất con người đem lại. Một thằng người mà thèm ăn đến độ như thế nhất định phải là thằng ý chí vô cùng bạc nhược, ý thức tự kiềm chế những dục vọng cá nhân hầu như không có. Chính tôi là một thằng người như vậy!

Trong thập niên bảy mươi, khi làm công nhân thủy lợi, nhà bếp của đội sản xuất dùng bột mì để làm bánh bao, cứ mỗi ký bột khô nặn thành bốn chiếc. Kỳ lục ăn của tôi và cũng là của toàn công trường là mỗi bữa tôi ăn bốn chiếc bánh bao, đột xuất cũng có khi có thể ăn đến sáu bảy chiếc.

Năm 1976, tôi nhập ngũ, kể từ đó con đường đói khát của tôi rẽ sang một hướng khác. Từ tiểu đoàn tân binh, tôi được bổ nhiệm về đơn vị mới, tôi ăn một lúc đến tám chiếc bánh bao mà trong bụng vẫn còn cảm thấy trống không. Đầu bếp nói với cấp dưỡng viên: "Hồng rồi, đơn vị ta đã có một chiếc thùng tô nô vừa mới đến!". Cấp dưỡng viên cười nói: "Sau một tháng, ăn không nổi nữa đâu!". Quả nhiên, sau một tháng, tôi chỉ có thể ăn được hai chiếc bánh bao to bằng nắm tay mỗi bữa ăn, còn bây giờ, chỉ cần một chiếc là đủ.

Cho dù, những năm tháng ấy không còn đói nữa, trong bụng cũng đã bắt đầu có dầu mỡ, có chất tanh, nhưng mỗi

lần dự tiệc là trong lòng tôi luôn luôn có một nỗi sợ mơ hồ là mình sẽ ăn không đủ no nên tôi ăn uống một cách vội vàng, không hề quan tâm đến người chung quanh đang nhìn mình như thế nào. Nhưng có điều, sau mỗi lần ăn no là tôi lại hối hận: Vì sao mình lại không ăn từ từ được nhỉ? Vì sao tôi lại không thể gây được thiện cảm cho mọi người là mình xuất thân cao quý, nho nhã được nhỉ? Bởi vì trong xã hội văn minh này, ăn nhiều là biểu hiện của một sự vô giáo dục, bao nhiêu người đã công kích vì sức ăn quá kinh khủng, ăn cầm cúi vô tư đến độ quên mình của tôi. Tôi cảm nhận rằng, lòng tự tôn của mình đã bị tổn hại quá lâu rồi, bèn hạ quyết tâm lần ăn sau sẽ tỏ ra nhã nhặn một tí, nhưng rồi rất nhiều lần sau đó, tôi vẫn bị những người nhã nhặn công kích là tôi ăn quá nhiều, ăn quá nhanh, chẳng khác nào một con sói đói. Từ đó, lòng tự tôn của tôi càng bị xúc phạm nghiêm trọng. Lại trong một lần ăn cơm khác, tôi tự dặn lòng: Ăn ít, ăn chậm, không được đến trước mặt người khác gấp thức ăn, khi ăn không được để cho những âm thanh chóp chép vang ra ngoài, ánh mắt đừng liếc ngang liếc dọc, đũa không được gấp nhiều mà chỉ được phép gấp một cọng rau hay một miếng thịt hay một miếng đậu phụ thôi. Ăn phải giống như chim, như bướm bướm... Nhưng cuối cùng, người ta vẫn cứ chê cười tôi ăn quá nhanh. Tôi thất vọng vô cùng. Bởi vì trong khi tôi cố tình ăn uống một cách nhã nhặn từ tốn, ánh mắt tôi vẫn không ngừng quan sát những công tử quý tộc, những quý bà quý ông, những tiểu thư công nương chung quanh mình. Họ đều ăn như hà mã, chỉ đến khi ăn no căng cả bụng, họ mới bắt đầu chú ý đến sự nhã nhặn từ tốn. Thế là lửa giận ùn ùn bốc lên trong đầu, trong một lần đi dự tiệc không phải trả tiền, khi người phục vụ vừa mang đến một đĩa hải sâm lung tung gì

đó, tôi chộp lấy, bẻ lên và đổ hơn một nửa vào bát mình, rồi không quan tâm đến chuyện thức ăn nóng sẽ làm miệng lưỡi mình bị bỏng, tôi nhai nhai nuốt nuốt một cách vội vàng. Tất cả quan khách đáng kính đều bảo tôi có dáng ăn quá hùng hổ. Nghe xong nhận xét này, tôi đứng dậy bẻ nốt phần còn lại trong đĩa ăn hết, lạ thay tất cả mọi người đều cười vang một cách thân thiện.

Hồi tưởng chuyện ăn của mình cách đây ba mươi năm trước, tôi cảm thấy mình chẳng khác một con lợn, một con chó chỉ biết cắm đầu cắm cổ mà nhai mà nuốt, cốt sao lấp đầy cái thùng không đáy trong bụng mình. Vì chuyện ăn mà tôi đã đánh mất không biết bao nhiêu là trí tuệ, bao nhiêu là cơ hội, đến bây giờ mặc dù chuyện ăn về cơ bản là không thành vấn đề nữa nhưng trí óc của tôi thì vẫn cứ thế, không còn mình mẫn lên được nữa.

Tháng 6 – 1992

3. Vẫn không quên được chuyện ăn

Mấy năm trước, tôi đã từng có mấy bài viết nhỏ về chuyện ăn, trong đó có bài “Dáng ăn hùng hổ”, một bài nữa là “Nỗi nhục về chuyện ăn”, chẳng qua là một cách trả nợ cho bạn bè khi họ đặt hàng cho tôi viết “tùy bút” thôi, không ngờ sau khi đăng tải lại được mấy anh bạn tài tử Giang Nam bốc lên đến tận mây xanh khiến tôi cảm thấy choáng váng. Không phân biệt chân giả thiết hơn, sau khi trở về tôi bèn phát huy tinh thần “xe nhỏ chưa đổ thì cứ thế mà đẩy”, tiếp tục chuyện ăn, chuẩn bị ăn đến khi đầy dạ dày thì thôi. Tôi cũng tự ý thức được rằng, chuyện ăn chẳng qua là chuyện vụn vặt, chuyện cà kê dê ngỗng chẳng đáng phải bàn, trong thâm tâm tôi vẫn muốn viết về những điều cao thượng và nhã nhặn một tí; tôi cũng muốn văn chương của mình có khí vị quý tộc và mang nội dung tư tưởng tiến bộ một tí, nhưng qua đen làm sao có thể kêu được tiếng của phượng hoàng, chim ưng trọc

đầu sao có thể nhảy theo điệu của tiên hạc? Thế thì, mong các bậc chính nhân quân tử hãy tha thứ cho, mong những người đồng chí hướng với tôi vui lòng mà đọc bài viết này. Tôi bắt đầu tiếp tục “ăn” đây!

Chiết tự của chữ 吃 - “ngật” (tức “ăn”, “ăn uống”), bao gồm chữ 口 - “khẩu” (cái miệng) và chữ 乞 - “khất” (xin, cầu xin). Đúng là một kiểu tạo chữ vô cùng tinh tế! Tôi vốn nghĩ rằng chữ “ngật” là giản thể của chữ 喫 - “khiết”, tra trong “Từ hải” mới biết 喫 (khiết) là cách viết khác của 吃 (ngật). “Sự khẩn cầu của cái miệng”, “miệng đang cầu xin”, rõ ràng trong chữ “ngật” đã bộc lộ sự thèm thuồng, đã bộc lộ sự đói khát. Nghĩ đến người tạo ra chữ “ngật” độc đáo này nhất định phải là người vừa nghèo vừa đói, nếu để cho Lâm Đại Ngọc hoặc Lưu Văn Thái tạo ra chữ này, nhất định là nó không có tự dạng như ngày nay, bởi vì ngày nào cũng thế, từ sáng đến tối bụng họ lúc nào cũng đầy đến độ chịu không nổi, những loại thức ăn lúc nào cũng cầu xin cái miệng của họ: “Tiểu thư ơi! Lão gia ơi! Chúng tôi van mọi người, mọi người hãy ăn chúng tôi đi!”. Do vậy mà xem, ngôn ngữ văn tự rõ ràng có tính giai cấp mà không hề đơn thuần là những ký hiệu trừu tượng - Bỗng nhiên sức nhớ có một người nào đó có viết chúc từ cho một tờ báo nào đó nhân ngày kỷ niệm thành lập đã gọi tờ báo ấy bằng đại từ “nễ” - 妳 - “bà” mà không gọi “nễ” - 你 - “ông”. Té ra báo chí mà cũng phân chia “ông” và “bà”, quả là cực kỳ tinh diệu!

Quay về với chính truyện vậy. Sau khi Cách mạng văn hóa kết thúc, các vị lãnh đạo cơ quan có truyền đạt nhiều văn kiện. Nội dung của văn kiện thường là một bài phát biểu của một lãnh đạo trung ương nào đó, nội dung chủ yếu của

lời phát biểu lại là vấn đề ăn của quốc dân. Thủ trưởng bảo, mọi người ai cũng có một cái miệng, há miệng ra là một cái hang động, một tí con người đang há miệng, tưởng tượng mà xem, một tí cái hang động gộp lại lớn biết chừng nào, đại khái là còn lớn hơn quảng trường Thiên An Môn đến mấy lần, anh bảo thế có đáng sợ không chứ! Lãnh đạo của chúng ta phát huy: Nếu nói tất cả những cái miệng của nhân dân đều bé bằng hạt anh đào, chỉ cần đổ vào khoảng một ít nước cháo gạo là đã đầy thì vấn đề không quá đồi nghiêm trọng, nhưng khổ nỗi, hàng tỉ chiếc mồm ấy lại to hơn cả mồm Lỗ Trí Thâm, Trư Bát Giới, ba bát cháo to như cái đầu đổ vào chỉ mới lưng một nửa, cho nên, lãnh đạo của chúng ta nói: Từ nay về sau, trong một khoảng thời gian dài đối với người Trung Quốc mà nói, no hay đói trở thành vấn đề lớn nhất.

Lúc này nó còn là vấn đề không?

Tương lai nó sẽ còn là vấn đề không?

Những gì tôi viết lung tung ở trên chỉ là một sự “khơi mào”, vào chính truyện vẫn phải còn viết về lịch sử chữ “ngật”. Lấy tôi ra mà nói, tôi đã từng làm cho mọi người chán ngấy, chán thì cứ chán, tôi không có cách nào khác. Tôi thích ăn bánh mì trắng, tôi thêm ăn trứng Sơn Dực. Trứng Sơn Dực quả là một món ăn ngon, nhả tục hỗn tạp, hoàng đế thích ăn, bách tính cũng thích ăn; chiên cũng ngon mà luộc cũng ngon. Trứng Sơn Dực ới! Cái tên của người thật mỹ miều! Ôi, trứng Sơn Dực ới! Bao nhiêu chuyện giả chuyện chân xoay quanh cái tên của người rồi, điều đó cho thấy người không hề là một củ khoai! Nói đến đây, thôi thì vứt quách cái củ khoai ấy đi để nói về tôi vậy: Cho đến lúc này, tôi đã sống đủ 42 năm, nói cách khác, tôi đã được ăn 42 năm. Cho

dù tôi cũng có chút năng khiếu để dùng “bút công” viết văn chương, nhưng nếu trình bày hết toàn bộ những gì tôi đã nhét vào dạ dày trong 42 năm qua, e rằng tôi uống thuốc chuột chết cho xong, do vậy mà tôi chỉ chọn những gì chủ yếu để mà nhớ và ghi lại thôi.

Khổng Phu Tử có nói một câu đại ý là: Ham ăn uống và sắc đẹp là bản tính con người vậy! Câu nói này của ngài chắc là chỉ cho người lớn, đối với trẻ con mà nói, “sắc” chưa trở thành vấn đề. Đối với kiểu người như tôi, trước hai mươi tuổi, “sắc” chưa hề trở thành vấn đề quan trọng, bởi vì kể từ khi tôi bắt đầu có trí nhớ thì cái đói đã trở thành triền miên. Nói như thế này rất có thể tôi sẽ bị nhiều bậc anh hùng hảo hán chửi bới, chup cho tôi cái mũ dâm lộng ngôn “bôi đen chủ nghĩa xã hội” mất. Nhưng sự thật là như thế, cái đói nào có gì là quang vinh, nào có gì là tốt đẹp, việc gì phải đem đặt thêm bớt? Nhưng tôi có ý khoe khoang những “khổ nạn” không? Có, đích thực là có, đó là điều tôi học được từ các anh.

Tôi sinh năm 1955. Đây chính là thời kỳ hoàng kim đầu tiên của đất nước Trung Quốc mới. Theo lời người già kể lại, lúc ấy vẫn còn có cái để nhét cho no bụng, nhưng cảnh đẹp chẳng tồn tại lâu dài, rất nhanh sau đó là thời kỳ “đại nhảy vọt”. “Đại nhảy vọt” vừa bắt đầu thì đã đói. Sự kiện đầu tiên in vào trong trí óc non dại của tôi thời ấy là theo mẹ đến ăn cơm ở nhà ăn công cộng. Ôm đĩa cầm bát trên tay, mấy chục người nông dân đứng sắp hàng ngay ngắn để chờ nhận được một bát cháo gạo ít rau nhiều, rất hiếm khi chúng tôi được ăn cơm. Tôi còn nhớ một thằng bé bên cạnh nhà tôi khi nhìn thấy trong bát của mình chỉ có cháo đã vắt bát cháo xuống đất, cháo bò lênh láng, còn mẹ nó vừa đánh con vừa ôm mặt

khóc. Thằng bé gào lên thảm thiết: Mẹ ơi! Đừng đánh con nữa, con ăn ngay đây! Nó nín khóc, bò trên đất rồi đưa lưỡi ra liếm sạch những hạt cháo nằm trên đất, vừa liếm vừa nói: Mẹ ơi, ăn đi, liếm đi! Liếm được một tí thì có lại một tí đấy! Mẹ nó đứng lặng rồi nghe lời nó, quỳ xuống đất học cách liếm của con. Những người có mặt lúc ấy đều khen thằng bé thông minh và ai cũng dự đoán tiền đồ của thằng bé này không hề tầm thường. Quả nhiên nhân quan của mọi người như thần, thằng bé năm ấy lúc này là người giàu có nhất quê tôi. Nó dựa vào việc nuôi các loài côn trùng như bò cạp, như sâu dậu... và bán với giá rất cao cho các khách sạn và các chiêu đãi sở của các cấp chính quyền mà làm giàu. Nó đã nhìn ra được rằng, miệng của các ông quan lớn và những người có tiền ngày càng nhỏ, khẩu vị của các vị cũng ngày càng quái dị, họ từ chối cá lớn thịt to, họ như những con chim nhỏ chỉ thích thú với những loại thức ăn nhỏ bé, càng kỳ dị gồm ghê càng thích. Đứng đôi mắt của thằng này nhìn chỗ nào cũng thấy tiền thấy vàng, nó còn bảo nó đang chuẩn bị dạy cho quý ông quý bà có tiền có quyền một món ăn độc đáo là sâu chuồng chuyên ăn trái bom!

Sau khi những chiếc bếp ăn công cộng sụp đổ, những ngày đen tối nhất đã đến. Lúc ấy, không chỉ không có cơm để ăn, ngay cả nồi để nấu cơm cũng không có nốt. Rất nhiều gia đình dùng nồi đất để nấu rau. Nhà tôi vẫn còn đỡ hơn, bởi trong thời kỳ tất cả sắt thép đều dành cho công cuộc “đại luyện kim”, tôi đã trộm được một chiếc mũ sắt của lính Nhật Bản vắt lại trong một đồng phế liệu với mục đích là để chơi, chơi chán rồi thì vắt vào trong xô nhà. Mẹ tôi đã dùng chiếc mũ sắt này làm nồi. Nồi đất không chịu nổi lửa, do vậy mấy

ngày thì vỡ ngay trên bếp làm tro bụi bay lên mù mịt và tất nhiên là lửa tắt ngấm, tình cảnh thảm hết chỗ nói. Cái “nồi” của nhà tôi được đúc bằng sắt tinh chất, không sợ bị đập vỡ, cũng không ngại gì lửa đốt, đúng là một bảo bối! Mẹ tôi dùng nó để luộc rau dại, nấu rễ cỏ, hết nồi này sang nồi khác, đồ ra trông giống với thức ăn dành cho lợn để nuôi sống anh chị em chúng tôi cho qua ngày đoạn tháng.

Đã có rất nhiều bài viết về ba năm kinh hoàng này, hầu hết đều xem nó tối đen như mực, không có chút sinh khí, không có chút lạc thú nào. Điều này không hoàn toàn chính xác, chỉ ít là đối với bọn nhóc chúng tôi, thời kỳ này vẫn đem lại nhiều hoan lạc. Đối với kẻ đói, tất cả những gì gọi là hoan lạc đều có liên quan đến chuyện ăn. Lúc ấy, trẻ con là những “tinh linh” kiếm thức ăn, chúng tôi chẳng khác nào Thần Nông trong truyền thuyết đã thưởng thức đủ mùi vị của các loại côn trùng và cống hiến không nhỏ vào trong phổ hệ thực phẩm của nhân loại. Những đứa trẻ lúc ấy hầu hết vác cái bụng tròn vo và chiếc đầu to một cách lạ lùng trên đôi chân khẳng khiu như que củi, tôi là một trong những đứa trẻ con ấy. Chúng tôi kết bè kết nhóm đi kiếm ăn từ đầu thôn đến cuối thôn, từ thôn trong đến thôn ngoài. Ngoài rìa làng của chúng tôi là một vùng đầm trũng không nhìn thấy bờ bên kia, nước giữa đầm sâu bao nhiêu chúng tôi không thể biết, chỉ thấy cỏ hoang ngút ngàn chung quanh. Vùng cỏ hoang này chính là kho thực phẩm, đồng thời cũng là nơi chơi đùa hoan lạc của chúng tôi. Ở đó chúng tôi có thể nhổ cỏ lên mà ăn rễ non, vừa nhổ cỏ vừa ca hát, vừa nhai vừa ca hát, bộ dạng vừa giống như bò dê vừa giống như ca sĩ. Chúng tôi là những ca sĩ bò dê của thời đại! Tôi không thể quên được những con châu

chấu mập ú đến độ toàn thân láng bóng ở nơi ấy, nướng chín thì có màu đỏ sậm, rắc thêm vào một ít muối thì mùi vị không chê vào đâu được, chất dinh dưỡng lại càng không kém bất cứ một loại thực phẩm nào khác. Năm ấy châu chấu cực nhiều, có thể xem đó là nguồn thực phẩm trời ban cho chúng tôi. Tất cả mọi người trong làng - từ ông già bà cả cho đến nam phụ lão ấu - đều xách giỏ ra đây để bắt châu chấu, tôi là tay quán quân trong chuyện này, mỗi buổi sáng có thể bắt đầy cả một giỏ. Tôi có một bí quyết rất đơn giản: Trước khi bắt châu chấu cần phải hái một nắm cỏ non thơm và nát rồi xoa thật kỹ đôi bàn tay. Con châu chấu bị bắt trong lòng bàn tay rồi nhưng chỉ cần sơ ý là nó sẽ bay vù. Tôi đoán nó có thể ngửi thấy thịt người trong tay mình, do vậy dùng cỏ thoa tay là để tiêu diệt mùi da thịt đi. Sức bật của châu chấu là rất lớn, mỗi cú nhảy của nó có thể đến năm bảy mét, nhưng khi tôi dùng cỏ xoa tay, tôi có mở lòng bàn tay ra chúng cũng không thềm nhảy nữa. Để được nhận thưởng của bà nội, tôi không truyền thụ kinh nghiệm này cho ai, ngay cả ông bà nội tôi cũng giấu nhem. Trong những ngày ấy, bà nội đã biết dùng vật chất để kích lệ tinh thần mọi người, tôi bắt được nhiều nên phần ăn của tôi cũng nhiều hơn tất cả mọi người trong gia đình. Châu chấu tuy là món ngon nhưng dùng nó để thay cơm là hoàn toàn không thể. Cho đến bây giờ nghĩ đến chuyện ăn châu chấu tôi vẫn cảm thấy cái ớn trào lên trên cổ họng.

Ăn hết mùa châu chấu thì mùa hè cũng đã đến. Mùa hè là mùa mà cái ăn có nhiều nhất, là những ngày vinh quang nhất của chúng tôi trong một năm. Những năm sáu mươi mưa rất nhiều, hoa màu phần lớn đều ngập úng mà chết, trong đầm nước mênh mông, các loài cá như rơi từ

trên trời xuống, rất nhiều chủng loại, có loại mà ngay cả những ông bà già gần trăm tuổi vẫn chưa hề nhìn thấy lần nào. Tôi đã từng bắt được một con cá có hình dáng rất kỳ quái. Toàn thân nó ánh lên một màu xanh lục, đuôi đỏ rực, đẹp vô cùng. Nếu con cá này còn tồn tại đến bây giờ để cho vào trong bể nuôi mà ngắm, nhất định nó lại là loài cá cảnh thượng phẩm, nhưng khi nấu để cho vào miệng thì nó lại tanh kinh khủng, nuốt không xuống. Cá trong đầm tuy nhiều nhưng lượng người đòi lại nhiều hơn, vả lại ngày ấy không có những công cụ bắt cá hiện đại như bây giờ nên để bắt được vài con cá trên mặt đầm mênh mông không hề là chuyện dễ dàng. Bắt không được cá nhưng không vì thế mà chúng tôi chết đói.

Mùa thu là thời kỳ thu hoạch khá nhiều cá tôm, ngoài ra còn có cua. Gió thu se sắt, lá đậu đã vàng, những đôi chân cua đã bắt đầu thấy ngứa ngáy, cua kết thành từng đàn men theo bờ sông mà đi. Ông nội tôi bảo rằng, cua muốn đi ra biển để đẻ trứng, tôi thì lại nghĩ rằng chúng đang rủ rê nhau để mở một cuộc liên hoan nào đó. Tuy có hình dáng hết sức thô thiển nhưng khi bơi lội trong nước, tốc độ của cua không hề chậm tí nào, nhanh như điện xẹt, như ánh chớp, khó lòng nhận ra hướng vận động của chúng, muốn bắt được cua không phải là chuyện dễ dàng. Thời gian bắt cua tốt nhất là vào ban đêm, khoác áo tối, đội nón lá, một tay cầm đuốc hoặc đèn bão, bước thật êm, cấm nói năng. Tôi đã từng theo chú Sáu đi bắt cua một lần, đúng là không khí rất thân mật, thú vị lắm. Buổi chiều, chú Sáu lần dò quan sát địa hình rồi dùng thân cây cao lương kết lại thành một chiếc rọ nhỏ, chừa lại một lỗ hổng rồi gắn vào đó một chiếc hom. Không

khí đặc quánh trong những làn mưa thu nhỏ, toàn thân cuộn chặt trong chiếc áo tôi, tai lắng nghe những âm thanh rào rào, trong ánh sáng vàng vọt nhìn những con cua men theo thành rọ và chui vào trong... Những điều tận mắt chứng kiến thật khó có thể quên được. Cua rất ngon nhưng không nở ăn. Dùng dây mềm buộc chúng lại thành xâu khiến chúng phun bọt trắng ra ngoài, mang ra chợ, cứ ba xu một con bán cho những cán bộ lãnh đạo công xã, được ít tiền mua một ít gạo cao lương, bánh hạt bông rồi nghiền thành bột, thêm vào một vài loài rau dại, với nông dân chúng tôi, thế đã là hạnh phúc nhất trần đời. Chúng tôi chịu khổ đã thành nếp, quyết không để cho cái miệng lúc nào cũng thèm ăn của mình đụng đến những thứ thức ăn xa xỉ, cần phải có ý thức xác lập những giới hạn cho cái miệng của mình để hạn chế những đau khổ trong ngày mai!

Mùa thu, hạt cỏ đã chín. Loại hạt cỏ ngon nhất là hạt bo bo nước. Chà thật mạnh, vỏ của chúng sẽ bong ra, xay nhỏ và làm bánh hấp lên, nhai trong miệng nghe tí tách cũng rất thú vị.

Côn trùng mùa thu ăn cũng rất ngon, ngoài những con châu chấu thường mùa nào cũng có, còn có dế. Dế đến thâm thu thì đen bóng đến độ phát ra màu đỏ, trong bụng toàn trứng, rang giòn lên có mùi vị rất đặc biệt. Bắt dế khó hơn bắt châu chấu nhiều, loại này không những chạy nhanh mà còn biết chui vào hang. Ngoài ra còn có một loài côn trùng khác, đến bây giờ tôi mới biết tên nó là bọ rùa vàng, vốn là ấu trùng của loài bọ dừa, to bằng hạt hạnh, toàn thân màu đen, láng bóng, ban đêm thường nhắm vào những ngọn đèn mà lao vào nên người quê tôi gọi là “bọ đuôi”. Loài côn trùng này

thường kết thành đàn bám trên cành cây hoặc cọng cỏ thành từng chùm trông chẳng khác một chùm nho. Lợi dụng bóng đêm, chúng tôi cứ nhấm những cành cây cọng cỏ mà nuốt, mỗi đêm có khi được cả túi. “Bọ dui” được rang chín bóc lên mùi vị khác hẳn với châu chấu và dế. Còn phải kể đến loài sâu đậu, sau tết Trung thu thì nhả hết chất bẩn trong bụng. Sau khi nhả chất bẩn, bụng sâu đậu chỉ còn toàn mỡ màu trắng, là một chất protein cao cấp!

Mùa đông là thời kỳ ảm đạm nhất của chúng tôi. Ba mùa xuân hạ thu, chúng tôi có thể bằng cách này cách khác kiếm vỏ cây rẻ củ và côn trùng cho vào miệng; mùa đông cây cỏ điêu linh, băng dày cả thước, cho dù dưới mặt đất có côn trùng nhưng làm sao phá vỡ nổi băng dày, cá dưới đầm dưới sông cũng không thể nổi trên mặt băng. Nhưng trí tuệ của con người là vô cùng vô hạn, đặc biệt là trong lĩnh vực tìm cái ăn. Mọi người nhanh chóng phát hiện, những vùng đất đã từng bị ngập nước trong đầm lúc này đã có một lớp rêu xanh dày xuất hiện, cong veo và bóc lên từng mảng như bánh khô, ngâm trong nước một thời gian ngắn, rồi lại bỏ vào trong nồi hong cho khô sẽ giòn như cơm cháy. Ăn hết rêu trên đầm thì quay sang bóc vỏ cây. Vỏ cây bóc về dùng chày đập cho giập nát ra, bỏ vào nồi ngâm rồi dùng đũa thật to khuấy thật lâu cho đến khi đông kết lại như hồ, nấu lên là có thể ăn. Những công đoạn đầu tiên cho việc ăn rẻ cây giống như những công đoạn của việc làm giấy. Từ góc độ ăn mà nói, vỏ cây du được xem là thượng phẩm, kế đến là vỏ cây liễu, vỏ cây hòe... Rất nhanh, tất cả những cây có thể ăn được ở thôn trong thôn ngoài nhanh chóng bị lột sạch vỏ, trần truồng run rẩy trong những cơn gió rét mùa đông trông thật thê thảm. Trong lúc

nguy ngập ấy, không biết Chính phủ điều từ đâu về một số lương thực cứu đói. Gọi là lương thực cứu đói nhưng tìm mãi vẫn không thấy hạt gạo sợi miến nào, chỉ thấy toàn một vật trông như lá củ cải ép lại thành từng kiện. Loại này ngày nay đem cho lợn, lợn cũng chẳng màng liếc mắt nhưng với chúng tôi ngày ấy, nó quý giá vô ngần. Khi nhận phân phối, mắt ai cũng đỏ kè trùng trùng nhìn vào chiếc cân, cán cân nhích lên một tí, hạ xuống một tí là không chịu được, so bì huyên náo. Khổ nỗi, vật này cũng không thể có mãi, chỉ đến khi mọi người đói đến độ không chịu thở nữa mới đem ra cứu tế, do đó mà biết, Nhà nước cũng khó khăn lắm, chẳng sung túc gì. Khi tiếng chiêng báo hiệu phát lương thực cứu tế vang lên, ngay cả những người đã chui vào quan tài cũng nhảy dựng dậy, đương nhiên nói như thế là hơi cường điệu, vì ngày ấy người chết quá nhiều, lấy đâu ra quan tài. Người chết à, ban ngày lôi ra ngoài đồng đào đất vùi qua loa, tối bị chó lôi lên ăn, mặc kệ. Những năm ấy là thời kỳ hoàng kim tột đỉnh của loài chó, ăn thịt người chết đã thành quen, trông thấy người còn đang sống chúng cũng nhào đến. Có thể có ai đó sẽ nói: Tại sao các vị không giết chó mà ăn? Thịt chó có rất nhiều dinh dưỡng, lại ngon vô cùng? Anh hỏi rất hay. Suy nghĩ của anh đã từng được chúng tôi nghĩ đến từ rất sớm, nhưng chân giò của tất cả chúng tôi đều đã bị phù thũng, sưng to lên như chân voi và mọng nước, đi hai bước đã thở phì phò, do vậy mà nói chúng tôi không phải là đối thủ của chó. Cho nên bảo chúng tôi giết chó, chỉ bằng bảo chúng tôi đến trước mắt chúng để tăng thêm khẩu phần cho chúng. Nếu có một khẩu súng, có lẽ sẽ có người còn chút sức cuối sùng để vác súng lên vai, còn chút sức để ngoéo cò. Nhưng trong tình hình ấy, trong tay bách tính chúng tôi mà có khẩu súng, chuyện gì mà

chúng tôi chẳng dám làm, bắn chó làm quái gì? Bí thư công xã và công an viên công xã trong tay có súng, nhưng bụng họ đâu có đói, bắn chó để làm gì. Họ chề chó mà ăn thịt người chết là bắn, xách súng đi bắn thả hoang, bắn nhận, bắn vẹt trời... còn thú vị hơn nhiều.

Có lẽ đó là một ngày tết âm lịch năm 1961, chính quyền phân phối cho mỗi gia đình nửa cân bánh đậu để ăn tết. Không khí ở nơi nhận quà phân phối hoan hỉ đến tột cùng. Có người dùng áo để gói bánh, vừa chạy về nhà vừa đưa bánh lên miệng cắn cắn nhai nhai. Hàng xóm của tôi - ông Tôn người chưa về đến nhà mà nửa cân bánh đậu đã hết veo, vừa bước chân vào nhà thì đã bị vợ và con cái vây lấy, vừa khóc vừa chửi. Khóc thì cứ khóc, chửi thì cứ chửi nhưng bánh thì đã hết, chỉ còn nước mổ bụng ông Tôn ra mà lấy thôi, cho thấy tình yêu thương trong lúc nhân quần đang đói phải chiết khẩu đi phần lớn. Ông Tôn nằm trên đất, sắc mặt xám như tro tàn, nước mắt lưng tròng, một tiếng kêu cũng không hề có, chịu đựng những cú đá cú đánh của vợ con, ngay trong đêm ấy không từ biệt mà chết. Ông ta ăn bánh đậu quá nhiều nên khát nước, uống hết một thùng nước, bánh đậu nở ra, bụng trương phềnh lên mà chết. Thời ấy, dạ dày của chúng tôi mỏng như tờ giấy, chỉ cần nong to lên một tí là bục ngay. Ông Tôn chết nhưng vợ con ông ta chẳng sa một giọt nước mắt. Rất nhiều năm sau nhắc lại chuyện này, bà Tôn vẫn nghiêng rằng ken két, chửi lão già chết tiệt chỉ biết hưởng phúc một mình, không thêm để ý đến nhân tình, chết không đáng tiếc! Lần phát bánh đậu này đã hại chết mười bảy người trong thôn, những bài học về chuyện này là vô cùng sâu sắc cho những người còn sống như chúng tôi. Về sau, tôi

làm việc trong trại chăn nuôi của đại đội sản xuất chuyên cho trâu ăn, khi ăn lên những bánh đậu dành cho trâu tôi luôn luôn tự chế ngự cái tính thèm ăn của mình vì cái gương của ông Tôn và mười mấy người nữa vẫn còn nhãn tiền.

Trong những năm ấy, mẹ tôi thường kể cho anh em tôi nghe về một giấc mơ của bà. Mẹ kể rằng trong mơ khi đứng trước phần mộ của ông ngoại, mẹ đã trông thấy ông ngoại. Ông ngoại bảo, ông chưa chết, ông chỉ đang tạm trú trong phần mộ mà thôi. Mẹ hỏi ông ngoại ăn gì, ông bảo: Ăn áo bông, sợi bông trong áo bông. Nuốt vào rồi lại lòi ra thành từng xâu, rửa sạch rồi lại ăn tiếp, lại lòi ra, rửa sạch... Kể xong, mẹ có vẻ nghi ngờ hỏi chúng tôi: Có lẽ nào bông lại có thể ăn được?

Vượt qua những năm đầu tiên của thập niên sáu mươi, những năm tiếp theo vẫn cứ khổ, nhưng so ra đã đỡ hơn rất nhiều. Trong những tháng năm của Cách mạng văn hóa, trong thôn thường tổ chức những cuộc vận động “nhớ về những ngày khổ ải để cảm thụ những ngày sung sướng”, mỗi khi nhớ về những ngày khổ ải, không ai bảo ai mà mọi người đều nhớ về năm 1960. Chỉ cần nhắc đến năm ấy, cán bộ lãnh đạo đã nhảy dựng lên trên ghế hô khẩu hiệu, một là đá đảo Liên Xô, hai là đá đảo Lưu Đặng. Cán bộ lãnh đạo nói, năm sáu mươi chúng ta khổ là do Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình cấu kết với Liên Xô để siết cổ nhân dân Trung Quốc. Chúng tôi vẫn biết thừa đó là nói láo, nhưng có ai dám bày tỏ lòng không tin tưởng?

Đến những năm giữa của thập niên bảy mươi, chúng tôi vẫn chưa thể được ăn no, nhưng nếu so với năm 1960 thì đã tốt gấp bội. Từ nhỏ, sức ăn của tôi đã làm nhiều người kinh

ngạc, miệng tôi là một cửa động không đáy, do vậy tôi đã trở thành một món nợ lớn của gia đình. Không những tôi ăn nhiều mà còn rất tham ăn, mỗi bữa ăn sau khi vội vàng ngốn xong phần mình, tôi nhìn phần còn lại trong bát của người khác mà gào khóc. Mẹ thường san phần trong bát mình cho tôi, tôi ăn xong vẫn cứ khóc, vừa khóc vừa ngang nhiên cướp phần ăn của cô em gái con ông chú. Những ngày ấy, chúng tôi là một đại gia đình, chưa hề phân ra ở riêng, tính hết lớn nhỏ trong nhà phải đến hơn ba mươi miệng ăn. Trong một đại gia đình như thế, mẹ tôi là con dâu trưởng, chỉ biết cúi đầu nhận trách nhiệm cai quản gia đình, cuộc sống đã khốn khó lại thêm tôi quá vô lại khiến cuộc sống của mẹ chẳng có lấy một ngày vui. Cướp thức ăn của em gái mà ăn, đúng là quá dối lưu manh, mặt tím tôi trông thật khó coi, mỗi câu nói của tím như một bát thuốc độc hắt vào mặt mẹ tôi. Mẹ tôi chỉ biết chửi con mình và xin lỗi tím. Đây là hành vi tồi tệ nhất trong cuộc đời tôi cho đến lúc này, tôi không bao giờ tha thứ cho mình. Sau khi lớn lên, tôi có nhắc lại chuyện này với cô em gái, nó cười rất bình thản và nói là đã quên từ lâu rồi.

Mẹ thường phê bình tôi rằng, tôi là thằng không có chí khí, tôi cũng đã từng nhiều lần hạ quyết tâm là mình phải trở thành một con người có chí khí, nhưng chỉ cần trông thấy cái ăn thì mọi chí khí đều hóa thành bong bóng xà phòng. Không kể đạo lý, không có lương tâm, không biết sĩ nhục, đúng là một con chó không hơn không kém. Trên đường có ai bán thịt chó là tôi vươn tay chụp lấy, suýt tí nữa là đã bị con dao của người đứng bán thịt tiện ngọt một cánh tay. Cán bộ thôn đang chặt thịt một con chồn hương, tôi thò tay bốc một nắm, bị cán bộ cho một đá chúi mũi vào đồng thịt, mỡ huyết dính

bết trên đầu trên tóc. Trong những năm ấy, cái miệng của tôi đã làm cho con người tôi trở nên đáng ghét với tất cả mọi người, dưới mắt họ tôi không bằng một đồng cứt chó! Khi no bụng, tôi vẫn nhủ lòng cần phải thay đổi chính mình, nhưng chỉ cần nhìn thấy món gì ngon, lập tức tôi đã quay về với nguyên dạng của mình. Khi lớn lên, tôi trông thấy trên truyền hình hình ảnh xấu xí đến độ đáng ghét của những con cá sấu vừa ăn vừa chảy nước mắt, tôi liền tưởng ngay đến mình. Tôi có khác nào cá sấu, cũng vừa rơi lệ vừa ngốn thức ăn. Trong nhà đã như vậy, ra đường cũng chẳng khác. Tôi lên nhờ củ cải nhà người, bị bắt, đứng trước mấy trăm người, hướng mặt về ảnh Mao Chủ tịch nhận tội. Tôi còn lên đến những khoảnh đất tía đậu lạc của đại đội, dùng tay bới đất lên tìm những hạt đậu vừa mới gieo xuống để ăn, trúng phải đậu đã tẩm qua thuốc độc chống sâu bọ và kiến, suýt nữa vong mạng. Còn chuyện trộm dưa hái bí là bình thường, có lúc cũng bị bắt, có lúc người ta phát hiện ra nhưng không bắt được tôi. Bị bắt tất nhiên là nhận đòn, không bị bắt là thắng lợi. Có một lần tôi vạt trộm dưa nhà hàng xóm, bị người ta phát hiện, chủ dưa đốt một quả pháo, tiếng nổ kinh thiên động địa vạt sạch một vạt ngô, tôi sợ đến độ bò lăn trên đất, cứt đái tuôn ra ngoài. Muốn chạy nhưng chân nhấc không lên, bị người ta tóm gọn trời lại và điệu đến trường học, trở thành một tin thời sự nóng hổi cho cả làng. Những chuyện xấu có liên quan đến ăn của tôi có dẫn hết trúc trong rừng cũng không ghi hết được. Mấy năm nay rời xa quê hương, thi thoảng vẫn có thể vênh váo với người đời, nhưng mỗi lần bước chân về đến đầu làng, ngay lập tức tôi biến thành một con chó bị đánh đau, kẹp đuôi khấp chân vì sợ mình vênh đuôi lên sẽ nhận lấy những cái nhìn phản cảm của bà con và chắc chắn họ sẽ lôi hết những

chuyện xấu thời trẻ con ra mà nhìn nhận tôi khi tôi đã làm người lớn.

Có người hùng hồn tuyên bố rằng tôi chẳng có cảm tình gì với quân đội, chuyện này tôi không thể chấp nhận được. Những tình cảm đeo trên miệng thường chỉ là thứ tình cảm giả, tàng trong tim mới là thứ tình cảm thật. Sau ngày nhập ngũ, cái bụng của tôi mới thực sự có những bữa no, con người tôi cũng có vẻ tôn nghiêm lên một tí trước mắt mọi người. Chỉ riêng hai điểm này thôi, tôi đã không thể không có cảm tình với quân đội. Trước ngày lên đường nhập ngũ, một vài anh bộ đội phục viên trong làng đã dạy cho tôi những kinh nghiệm quý báu mà họ tích lũy được trong quá trình tại ngũ. Họ bảo: Nếu là ăn miến thì bát đầu tiên chỉ nên múc nửa bát, miến nguội nhanh do vậy mà ăn cũng nhanh. Ăn xong nửa bát ấy thì múc lấy một bát thật đầy, đây có ngon càng tốt, từ từ mà ăn. Nếu bát thứ nhất mà anh múc quá đầy, ăn xong và muốn múc bát khác, anh chỉ có thể múc được những thìa nước trong vắt dưới đáy nồi. Nếu ăn cơm thì chớ có nhai, lính phương Bắc mà nhai cơm sẽ bị lính phương Nam cười vào mũi. Khi vào quân ngũ, tôi mới biết những lời của các anh bộ đội phục viên làng tôi chỉ là nói phét. Khi còn đang huấn luyện thì cuộc sống có khó khăn một tí, nhưng khi được điều động về các đơn vị thì chẳng khác tìm về với thiên đường. Đơn vị tôi chỉ có mười mấy người mà canh tác hơn mười mẫu đất, mỗi năm thu hai vụ, một vụ tiểu mạch, một vụ ngô. Tiểu mạch mài thành tinh bột (chúng tôi chỉ ăn tinh bột), ngô để nuôi lợn. Cứ thế mà anh tưởng tượng ra điều kiện sinh hoạt ở đơn vị tôi. Bố mẹ của anh em đến thăm con, ở lại đơn vị tôi ăn vài ngày đều than thở khôn cùng rằng: Thế nào là Cộng sản chủ nghĩa? Ở đây chính là Cộng sản chủ nghĩa! Ngày mới

từ đơn vị huấn luyện về, bữa ăn đầu tiên tôi ăn tí tí tám chiếc bánh bao, tự cảm thấy xấu hổ, càng sợ hơn nữa là mình tạo ấn tượng không tốt cho cán bộ lãnh đạo, ảnh hưởng đến sự tiến bộ bản thân, mặc dù vẫn còn thòm thèm nhưng tôi cương quyết ngậm miệng lại. Chuyện này lại làm cho nhân viên cấp dưỡng phải một phen giật mình, trong buổi hội ý giao ban ngay sau đó đã báo cáo với lãnh đạo đơn vị rằng: Lãnh đạo ơi, đại sự hỏng rồi! Lãnh đạo hỏi, có chuyện gì mà đến nỗi đại sự bị hỏng, lẽ nào quý lại mò vào làng? Cấp dưỡng nói, quý không hề mò vào làng, nhưng những tân binh vừa mới đến đều là những chiếc thùng không đáy, trong đó có một cậu ăn rất ít cũng đã hết tám chiếc bánh bao! Lãnh đạo nói: Tôi chỉ sợ các cậu ấy không ăn được, lính mà ăn được là lính biết làm việc, không ăn được là không biết làm việc, lương thực của chúng ta đủ để cho anh em ăn. Ngày mai hãy mổ cho tôi một con lợn để cho mấy cậu nhóc này có chút mỡ trong bụng! Ngày hôm sau quả nhiên một con lợn béo nung núc đã bị xẻ thịt, thái thành cục to bằng nắm tay, lèn chặt nửa chảo mà ninh. Bánh bao mới hấp, trắng chẳng khác hoa tuyết, thịt lợn như đến độ bỏ vào miệng là tự tan. Thế nào thì được gọi là hạnh phúc? Thế nào thì được gọi là cảm kích đến độ rơi nước mắt? Chính là đây! Bữa ăn ngon lành nhất từ khi được sinh ra đến giờ đã xong. Những tân binh chúng tôi lẽ những bước chân có vẻ nặng nề và thậm chí có chút lảo đảo xiêu vẹo trên đường về doanh trại. Hóa ra ăn thịt lợn cũng say! Cảm giác riêng của tôi là bụng mình quá nặng, hình như có một chú lợn con đang tồn tại bên trong bụng. Đúng là một bữa ăn “đã nghiện” đúng nghĩa! Hai mươi năm nay tôi mới nhận ra cái ăn có ý nghĩa như thế nào, được như thế này mà nhắm mắt chết cũng chẳng oan uống tí nào. Nhưng hậu quả của bữa ăn ngon

quá sức kinh hoàng, đêm đó tôi ngồi lý trong nhà vệ sinh để tổng khứ tất cả những gì mình ăn buổi trưa ra ngoài, từng luồng từng luồng những thứ tạp nham vừa tanh hôi vừa trơn tuột tuôn ra khỏi cuống họng tôi như những con rắn, cổ họng đau như bị dao cắt thịt. Ngày hôm sau vẫn là bánh bao trắng thịt lợn đỏ nhưng tất cả tân binh chúng tôi đều ăn cầm chừng, đảo qua đảo lại đĩa thịt để tìm những chút nạc bỏ vào mồm, quả thực mùi vị của nó không còn hấp dẫn lắm. Cấp dưỡng viên nổi đóa chứ: Những tướng người ta điều đến đây những hảo hán Lương Sơn, thật ra chỉ là một bọn trứng thối!

Lại trải qua mấy mươi năm nữa, sau khi tôi đã trở thành cái gọi là “tác gia”, trong một vài buổi yến tiệc, tôi lại ăn châu chấu, dế, sâu đậu... đủ các loại côn trùng, lại được ăn những thứ cỏ dại, rau dại mà ngày xưa tôi đã nhai đến tợn quai hàm; gà vịt thịt cá đầy bàn nhưng chẳng ai động đũa. Người giàu nhất thôn lại là người chuyên nuôi côn trùng. Tôi nghĩ, thảo nào triết nhân ngày xưa đã từng nói “lưỡng cực tương thông”, cực đói và cực no đều quay về với việc ăn thảo mộc côn trùng, chuyện này cũng giống như Bắc cực và Nam cực đều có băng tuyết phủ đầy.

8 - 7 - 1997

Tắm nước nóng

Trước khi nhập ngũ, tôi sống ở nông thôn trọn hai mươi năm nhưng chưa bao giờ được tắm nước nóng lấy một lần. Thời ấy, chúng tôi chỉ biết tắm trên sông, thời ấy mùa hè nóng hơn bây giờ rất nhiều, ăn xong cơm trưa thì toàn thân đã đầm đìa mồ hôi, không thềm quan tâm đến mọi thứ, vắt bát xuống là chạy ngay ra bờ đê, chúi đầu xuống dòng nước mát lạnh vẫy vùng thỏa thích đến mấy tiếng đồng hồ. Hành vi này người ta gọi là bơi lội, nhưng chúng tôi thì gọi là tắm. Vẫy vùng cả một buổi trưa trên sông, chờ cho người lớn ngủ trưa dậy, chúng tôi mới lưu luyến trèo lên bờ đê để đến trường hoặc đi chăn trâu. Mùa hè nào cũng thế, ít nhất cũng có một vài đứa trẻ chết trên dòng sông này, nhưng chuyện đó không hề ngăn cản chúng tôi tắm sông, người lớn cũng chẳng thềm quản lý chúng tôi nữa. Chúng tôi sinh ra là đã làm quen với sông nước, không được ai dạy bơi,

tất cả là do chúng tôi tự tập tành lấy, do vậy mà cũng có thiên hình vạn trạng kiểu bơi. Thời ấy, mỗi khi mùa hè đến, những thằng con trai mười tuổi trở xuống thường là không có mảnh vải nào trên người, giày cũng không có nốt, toàn thân đầy bùn đất, đen nhem chẳng khác gì một con cá ba. Thi thoảng cũng có vài đứa con gái to gan theo đuôi bọn con trai xuống sông vào buổi trưa, nhưng bọn chúng lúc nào cũng mặc quần áo chỉnh tề nên khi khoát nước vọc bùn không hề thuận tiện tí nào.

Thời gian tắm sông của chúng tôi thường bắt đầu từ ngày lễ Lao động 1 - 5 và kết thúc vào khoảng trước sau ngày Quốc khánh. Cá biệt có những thằng quá ham thích dòng nước nên cho đến những ngày cuối thu, sương đã bắt đầu rơi mà vẫn vừa run vừa nhảy xuống sông. Lúc ấy chúng tôi vẫn chưa hề nghĩ là đến mùa đông sẽ tắm như thế nào, chỉ biết là nếu không ngâm mình trong dòng nước thì chắc chắn toàn thân chúng tôi sẽ rất ngứa ngáy khó chịu. Nước sông đóng thành một lớp băng dày, chúng tôi chẳng còn cách nào để tắm được nữa. Trải qua một mùa đông dằng dặc, trên thân thể chúng tôi, cái ghét đã đóng một lớp dày như đồng xu. Lúc ấy chúng tôi vẫn không hề biết rằng, ở thành phố người ta tắm nước nóng trong mùa đông.

Lần đầu tiên được tắm nước nóng của tôi chính là sau khi nhận lệnh gọi nhập ngũ, tôi lên huyện để nhận quân trang. Lúc ấy tôi đã tròn hai mươi tuổi. Mùa đông năm ấy, huyện tuyển mộ đến mấy trăm tân binh, tất cả đều tập trung về huyện lỵ, nhận xong quân trang, người ta lừa chúng tôi như lừa vịt về hai nhà tắm. Thân nhân đưa tiễn chúng tôi đều đứng đợi bên ngoài nhà tắm để nhận lại quần áo cũ. Lúc ấy,

thị trấn huyện có hai nhà tắm, một là nhà tắm công cộng và một là của xưởng sản xuất keo dán. Nhà tắm công cộng có tên là Bể tắm Nhân dân, là nơi để nhân dân thị trấn tắm tập thể, nghe đâu bên trong có một bể nước rất lớn được ốp và lát đá rất bằng phẳng. Nhà tắm của xưởng sản xuất keo chỉ dành riêng cho công nhân của xưởng, vừa nhỏ vừa trang bị rất đơn giản. Bất hạnh thay, tôi lại bị phân về đây. Bể tắm này thực chất là một cái hố được đào trên một khoảnh đất bằng phẳng, chung quanh được trét một lớp xi măng, trong đó có gắn mấy vòi nước nóng, chắc là được chảy ra từ mấy cái lò đang bốc lửa ngùn ngụt ở chung quanh. Vách hồ, đáy hồ đều đóng một lớp mùn nhờn nhợt đen đen, trông bẩn đến phát khiếp, có lẽ chúng được gột ra từ thân thể công nhân xưởng keo. Toàn bộ khu bể tắm một mùi hôi thối xông lên nghẹt mũi, so với những mùi hôi ở nông thôn thì ở đây khó ngửi đến mấy lần, rất nhiều tân binh vừa bị mũi vừa chạy nhào nhào, mồm thì hét lên: Không tắm, thối quá, không tắm đâu! Nhưng cán bộ đơn vị vũ trang đã bảo: Các cậu đều là là quân nhân. Quân lệnh như sơn! Bảo các cậu tắm, các cậu phải tắm, không tắm là không chấp hành kỷ luật quân đội! Do vậy mà anh em tân binh lóng ngóng cởi quần áo. Ba trăm thanh niên trần truồng đứng ngây như phỗng. Một tiếng khẩu lệnh hô vang, tất cả cuống cuống chạy thẳng đến bể, bổ nhào xuống, trông chẳng khác người ta lùa bánh sủi vào nồi nước sôi để luộc. Nước trong bể lập tức bị thân thể con người lèn cứng, đúng là một chảo thịt người! Nước trong bể cũng dâng lên chảy tràn lan trên đất, chảy ra đến tận bên ngoài và thấm ướt cả quần áo cũ vừa cởi ra của chúng tôi. Đây gọi là lần tắm nước nóng đầu tiên của tôi, nhưng nói đúng hơn là dùng nước nóng cho thấm vào người, thậm chí những người không khỏe mạnh thì

không chen xuống được dưới nước nên thân thể không hề bị ướt. Nhưng cũng từ đó trở về sau, tôi biết rằng trong những ngày đông lạnh lẽo, người ở thành phố đã từng chen chúc nhau để tắm nước nóng là như thế này đây.

Sau khi nhập ngũ, chúng tôi đóng quân ở một vùng nông thôn xa tít tắp, chung quanh không hề có một dòng sông con suối nào để có thể tắm được. Cả ngày chúng tôi lăn lê bò toài, lại còn phải nuôi lợn trồng rau, bắn đến độ trông chẳng khác những con khỉ giỡn bùn, thân thể bốc mùi chua loét. Mỗi khi gặp những ngày lễ trọng đại, lãnh đạo đơn vị đã sai người đến huyện để liên hệ bể tắm từ rất sớm. Liên hệ được rồi thì nhét chúng tôi lên những chiếc xe tải hạng nặng chuyển đi. Những ngày ấy, bể tắm là của bộ đội, nhân dân cấm tiết không được vào, do vậy mà chúng tôi được tắm một cách thỏa thích. Địa phương đóng quân của chúng tôi vốn là một căn cứ địa cách mạng ngày xưa, thái độ của nhân dân đối với bộ đội là rất thân thiện; những nhân viên phục vụ trong nhà tắm rất chu đáo, cho uống trà miễn phí, sử dụng xà phòng thơm miễn phí khiến chúng tôi cảm động vô cùng. Vị lãnh đạo cao nhất trong nhà tắm nói với chúng tôi: Các đồng chí thân mến, cứ tắm cho thật kỹ, tắm cho thật sạch, tắm không sạch, không thỏa thích là có lỗi với sự quan tâm của nhân dân thành phố đối với các đồng chí! Có lẽ chúng tôi đã ngụp lặn trong bể tắm đến sáu tiếng đồng hồ, chín giờ sáng bước vào và ba giờ chiều bước ra. Dưới sự dẫn dắt của những cựu binh, đầu tiên là chúng tôi ngâm mình trong bể nước có độ nóng vừa phải, ngâm chán, bò lên, cứ hai người thành một đôi cọ lưng cọ nách cho nhau, cọ đến lúc toàn thân đỏ rực, có cảm giác chúng tôi đã lột một lớp da cho nhau, và quả thật là

chúng tôi đã mất đi một lớp da. Kỳ cọ xong, chúng tôi lại tiếp tục ngâm một lát nữa, lại trèo lên kỳ cọ. Lần này thì kỳ cọ ở những chỗ hiểm nhất, ngay cả cấu ghét trong những kẽ chân cũng bị chúng tôi cọ cho kỳ hết. Đồng chí cự binh đứng trên thành bể lớn tiếng gọi: Nếu ai không biết sợ nóng, biết hưởng phúc thì hãy theo tôi đến bể nhỏ! Thế là chúng tôi ùn ùn kéo nhau theo chân đồng chí ấy. Nhiệt độ nước ở đây ít nhất cũng phải sáu mươi độ, trong vắt, hơi nước bốc lên ngùn ngụt. Một cậu tân binh đưa tay nhúng vào nước, kêu lên một tiếng “oái” rồi rút phắt tay lên. Đồng chí cự binh nhìn cậu ta một cách khinh thường, bảo: Cậu bị làm sao thế? Có gì đâu mà phải kêu lên như vậy? Nói xong, như muốn biểu diễn với lớp đàn em, anh ta hít một hơi thật sâu, hai tay chống lên thành bể, mắt nhắm tít rồi thân thể anh ta từ từ hạ xuống và dần dần chìm trong nước, mấy phút sau vẫn không thấy anh ta ngoi lên khỏi mặt nước, chúng tôi cứ nghĩ là anh ta đã hy sinh nhưng không dám kêu gào. Rất lâu sau đó, anh ta mới ngoi lên và nhìn chúng tôi cười một cách sáng khoái. Dưới sự dẫn dắt của đồng chí cự binh lão luyện nhưng rất hiền lành ấy, chúng tôi sắp hàng đứng trên thành bể, dùng tay khoát nước lên người để cho da thịt thích ứng dần dần, tiếp theo là từ từ nhúng chân xuống nước. Đồng chí cự binh nói, cho dù có nóng một tí, nhưng hễ nhúng vào nước rồi là không muốn lên nữa. Nghe lời hướng dẫn của anh ta, tôi cắn răng nhả mặt nhúng chân ngập sâu đến bẹn. Lúc ấy tôi cảm thấy hình như có ngàn vạn mũi kim đang châm vào da thịt mình, mắt nổ đom đóm, hai tai bùng bùng. Anh nhất định phải cắn chặt răng, ngàn vạn lần chớ có dao động, hễ mà dao động là mọi chuyện coi như chấm hết. Anh cảm thấy mồ hôi như những loài côn trùng bò ra từ những lỗ chân lông. Dưới sự cổ vũ

của đồng chí cựu binh, anh nhắm mắt lại, cắn chặt răng, với lòng quyết tâm cao độ như đang bước vào con đường chết, anh từ từ thả người ngập hẳn trong nước. Trong khoảnh khắc ấy, hàng trăm cảm xúc sẽ ập đến, tuyệt đại bộ phận là chịu không nổi và ngay lập tức vọt lên khỏi mặt nước. Đồng chí cựu binh nói, ý chí của ai kiên định hay không kiên định, nhìn vào đây có thể đánh giá được ngay. Nếu anh vọt lên khỏi mặt nước lúc này, khác nào kiếm củi ba năm mà đốt một giờ, cả quãng đời còn lại không còn có cơ hội để tắm nước nóng chân chính được nữa đâu! Lúc ấy, vô luận là thế nào anh cũng phải hạ quyết tâm: Thà tôi chết dưới đáy bể nước này còn hơn là phải bò lên! Lúc ấy, anh có thể cảm thấy có muôn vạn mũi kim nhọn sắc đang chích vào cơ thể mình, nhịp tim anh đập nhanh hơn cả nhịp tim chim sẻ, máu của anh có khác nào nước sôi đang tuồn hoàn trong cơ thể mình, mồ hôi của anh sẽ túa ra như thác đổ, những gì nhớ nhất trong thân thể anh sẽ theo mồ hôi mà ra. Qua khỏi giai đoạn này, anh cảm thấy thân thể mình như biến đi đâu mất, cơ bản anh không còn là anh nữa. Anh chỉ có thể cảm nhận được trí óc của anh là còn tồn tại, anh chỉ có thể chi phối được một bộ phận khí quản duy nhất là mí mắt - nếu xem mí mắt là khí quản, nhưng ngay cả mí mắt cũng không muốn mở ra nữa. Lúc này, anh có thể kê đầu vào thành bể mà ngủ một giấc ngon lành, cho dù có đi vào cõi chết, anh cũng sẽ rất hạnh phúc, đúng không? Sau khi được nước nóng ôm ấp khoảng một tiếng đồng hồ, trong mơ mơ hồ hồ của ý thức, anh tự nói với chính mình: Được rồi, nên lên rồi, nếu không lên anh sẽ bị nấu chín mất thôi! Anh cố gắng tìm lại thân xác của chính mình, hai tay bám chặt lấy thành bể, từ từ nhấc mình lên, anh có muốn lên thật nhanh cũng không thể được. Nhưng cuối cùng thì anh cũng đã bò

lên được thành bể, cúi người nhìn xuống, thân thể anh đỏ như một con tôm bị luộc chín, một mùi vị tươi mát tỏa ra. Cho dù nhiệt độ trong nhà tắm là rất cao nhưng anh vẫn có cảm giác những cơn gió lạnh đang thổi tới. Anh trông thấy một chiếc ghế băng và anh nằm xuống. Nếu không có ghế băng, anh có thể tùy ý nằm xuống bất cứ chỗ nào. Anh nhận ra trên khắp người, một cảm giác lạ lùng, đau đớn không ra đau đớn, tê dại không ra tê dại, khó có thể khẳng định nó là cảm giác hạnh phúc hay đau khổ, do vậy cả quãng đời còn lại anh không bao giờ quên được nó. Nằm trên chiếc băng dầm dấp nước, anh cảm thấy trời đất đảo lộn quay cuồng, thân thể anh nhẹ tênh như sẵn sàng bay lên bất cứ lúc nào. Sau nửa tiếng đồng hồ, anh bò dậy, lại tiếp tục ngâm mình trong nước nóng khoảng mười phút nữa và đến bên dưới vòi hoa sen xối thêm vài phút. Thực ra thì không cần thiết phải đứng dưới vòi sen nữa vì trong thời kỳ ấy, chúng tôi cũng chưa có những nhận thức rõ ràng về vệ sinh hay không vệ sinh. Sau lần tắm nước nóng ấy, tất cả chúng tôi đều có cảm giác mình đã biến thành một người hoàn toàn khác, tinh thần thoải mái vô cùng và hình như ai cũng đẹp lên một tí.

Mười mấy năm sau, tôi đến Bắc Kinh học tập, làm việc. Tuy sống ở Thủ đô nhưng muốn đi tắm một bữa đã đời lại không dễ chút nào. Chẳng hạn, trong thời gian học tập ở học viện Nghệ thuật Quân đội, mỗi tuần bể tắm mở cửa một lần. Để đảm bảo vệ sinh, người ta thường xuyên thay nước trong bể nên không mở cửa liên tục được. Toàn học viện có mấy trăm người, do vậy có người tắm tất nhiên sẽ có người ngồi chờ, nước cũng không được nóng nên chúng tôi thường bị rét run, do vậy chúng tôi thường bỏ tắm giữa chừng, co ro đập

trên lối đi đầy xỉ than để về ký túc xá, hầu như không tìm thấy một cảm giác thoải mái nào sau khi tắm xong trong suốt quãng thời gian tôi ở đây. Lúc ấy tôi đã từng nghĩ: Sau này nếu có tiền hoặc có quyền, công việc đầu tiên tôi phải làm là sẽ xây cho mình hai bể tắm trong nhà, một lớn một nhỏ, mỗi ngày hai bốn tiếng đồng hồ đều có nước nóng đầy ăm ắp, ở bể lớn nước nóng vừa vừa, ở bể nhỏ nước thật nóng. Nghe đâu rằng có rất nhiều đảng viên là cán bộ lãnh đạo cấp cao thường thích ngồi trên bờ để điều hành công việc, riêng tôi, nếu trở thành cán bộ lãnh đạo, nhất định tôi sẽ dầm mình trong nước nóng để làm việc, bàn làm việc để nổi phập phều trên mặt nước. Hội họp gì cũng được tiến hành trong bể tắm, mọi người vừa kỳ lưng cho nhau, vừa thảo luận. Nếu thế, mọi công việc sẽ được giải quyết dễ dàng hơn khi phải áo mũ xênh xang. Có mấy lần tôi gặp gỡ phóng viên, họ hỏi tôi: Lý tưởng cao nhất của anh là gì? Tôi không hề suy nghĩ gì, trả lời: Xây một bể bơi trong nhà để ngày ngày đều được dầm mình trong nước nóng.

Lại gần mười năm nữa trôi qua, nhà tôi đã lắp được bình nước nóng, về cơ bản là đã giải quyết được việc tắm nước nóng, nhưng rõ ràng chuyện này quá xa rời lý tưởng của tôi. Đứng dưới vòi nước nóng tắm xong, tôi có cảm giác mình chỉ mới rửa ráy qua loa, chỉ sạch được ngoài da mà không hề có cảm giác mình được thay da đổi thịt. Tôi vẫn hoài niệm nhà tắm công cộng ở thị trấn huyện, ở đó có bể nước nóng và siêu nóng. Nếu xây một bể tắm to như vậy và ngày nào cũng duy trì nước nóng liên tục, e rằng tôi không đủ tiền, quyền của tôi lại càng không đủ. Người như tôi, có phần dẫu cả đời cũng chẳng được làm quan, do vậy mà ý tưởng lợi dụng chức

quyền để xây một bể tắm trong nhà hầu như chưa bao giờ tồn tại trong đầu óc tôi, chỉ ký gởi hy vọng vào việc mình có thể viết được một bộ sách vĩ đại nào đó, bán được mấy triệu cuốn, thu nhập được hàng tỉ nhân dân tệ, lúc ấy mơ ước của tôi mới có thể trở thành hiện thực. Lúc ấy, cửa nhà tôi sẽ rộng mở để đón chào quý khách khắp nơi đến nhà tôi tắm nước nóng. Chúng ta vừa ngâm mình trong nước vừa bàn luận chuyện văn chuyện đời. Ôi! Cuộc sống sao mà hạnh phúc!

Mười hai bài tập cảm

1. Tiêu sái như một dịch cúm

Theo “Từ hải”, “tiêu sái” được hiểu là “cởi mở, khoáng đạt, hào hoa, không gò bó gì”. Nhưng trong thực tế cuộc sống, chúng ta hiểu “tiêu sái” nếu so với cách giải thích của “Từ hải” rộng hơn rất nhiều. Sau khi bài hát chủ đề “Sao không tiêu sái ra đi” trong bộ phim truyền hình nhiều tập của Đài Loan “Bốn công tử kinh thành” được truyền tụng khắp Giang Nam, Giang Bắc thì “tiêu sái” trở thành từ ngữ treo ở cửa miệng mọi người, đặc biệt là với những người phát được một ít tài lộc, hoặc leo lên được một chức quan nho nhỏ, hoặc chộp đầu đó được một em thơm tho thì càng hồ hào hào hoa khoáng đạt; ăn cũng khoáng đạt, hát cũng hào hoa, say cũng hào hoa khoáng đạt, tình cũng hào hoa khoáng đạt. Trong một thời gian dài, người ta hào hoa khoáng đạt đến

độ nghiêm trọng, chẳng khác nào một trận dịch cảm cúm. Nhưng rồi bất kỳ trào lưu nào cũng phải đến kỳ lụi tàn, mấy năm trở lại đây, người ta đã dần dần quên hào hoa khoáng đạt, ai ai cũng cố tạo gương mặt nghiêm trang đến độ trầm trọng. Điều đó cho thấy, những cái gì mà người ta gọi là hào hoa khoáng đạt vốn không phải là một thứ hào hoa khoáng đạt một cách đích thực.

Tôi nghĩ, hào hoa khoáng đạt kỳ thực cũng chỉ là một trạng thái tâm lý, một thái độ ứng xử trong cuộc sống, một phương thức giảm thiểu áp lực, ở một ý nghĩa nào đó có thể nói là một kiểu tinh thần AQ, có thể có một sự hào hoa khoáng đạt thật, nhưng không phải là nhiều. Thông qua bồi dưỡng hoặc bất chước, dùng một phương thức nào đó để điều tiết cuộc sống tinh thần và vật chất của chính mình cũng có thể được xem là hào hoa khoáng đạt, cho dù nó không hề xuất phát từ bản thân ta nhưng vẫn có lợi cho cá nhân và xã hội. Từ đó mà suy, cho dù là nguy trang nhưng kiểu hào hoa khoáng đạt ấy vẫn có chỗ hay, rất đáng phát huy. Đương nhiên cũng có rất nhiều điều đáng bàn nhưng kiểu hào hoa khoáng đạt nguy trang này cũng có giá trị văn hóa nhất định, cũng là một cảnh giới tinh thần cần thiết. Không phải nhất thiết phải có tiền mới hòa hoa khoáng đạt hoặc chỉ cần có tiền là đã có sự hào hoa khoáng đạt, một số người không có đồng xu dính túi vẫn cứ là bậc thầy của sự hào hoa.

Được sự chỉ dẫn của một người bạn, tôi đã từng tiếp kiến một vị được mệnh danh là “người tiêu sái nhất kinh thành”. Nghiệp tích “tiêu sái” huy hoàng nhất của vị này là thi đấu đập vỡ những chai rượu ngoại đắt tiền với một người ngoại quốc trong nhà hàng ăn uống sang trọng - tất nhiên là

loại rượu phải tính bằng hàng nghìn nhân dân tệ mỗi chai - từ tầng một lên đến tầng ba, cứ bước một bước thì đập một chai - đúng là “nhất bộ thiên kim”! Nghe đâu là tay người ngoại quốc kia lên đến tầng hai thì gơ tay đầu hàng. Đây có thể được xem là thắng lợi của cả một dân tộc, nhưng sau khi tiếp kiến với con người nổi danh “chơi đẹp” này, tôi chỉ thấy một cảm giác nhàm chán đến vô vị. Tục tằn, thô lỗ; ngay cả một chút “tiêu sái” nguy trang cũng không hề có, cuối cùng cũng chỉ là một dạng tiểu nhân đắc chí! Nhưng những kẻ hâu hạ bên cạnh hắn ta thì cứ bô bô: Mạc tiên sinh à, hãy viết một bài thật hay về ông chủ chúng tôi đi. Ông ấy là người hào hoa, là người “tiêu sái” nhất thiên hạ đấy!

Có loại người “tiêu sái” chân chính không? Bây giờ thì không có nhiều đâu; thời cổ có nhiều nhưng hầu như là một sự “tiêu sái” triệt để. Thử đơn cử một vài minh chứng. Thời Tam Quốc, Đại đô đốc Đông Ngô là Chu Du vốn được xem là rất “tiêu sái”. Anh xem, lúc ông ta thiết kế để lừa Tưởng Cán trong Quân anh hội, đúng là cười cười nói nói như không, khoáng đạt tự nhiên, tửu hứng dâng trào cuồng ca vi vút, tuyệt đối “tiêu sái”. Sự tiêu sái của Chu Du rất phù hợp với phong độ của ông ta: Nghi dung đường đường, văn võ kiêm toàn, tinh thông âm luật. “Khúc hữu ngộ, Chu Lang cố - Khúc nhạc lệch âm, Chu Du ngoái đầu” vốn để ca tụng những con người tinh thông âm nhạc xưa nay. Chu Du vốn là loại hình “tiêu sái” kinh điển. Nhưng ông ta chỉ vì một Kinh Châu mà bao lần thổ huyết, xem ra đó không phải là con người tiêu sái chân chính. Chu có một người bạn vô cùng trung hậu là Lỗ Túc, đúng là một kẻ khảng khái đại độ. Chu Du mượn lương thực của Lỗ Túc, trong nhà chỉ còn hai cút, nhưng ông chẳng

hề do dự chỉ vào một cốt nói: Cốt này thuộc về ông! Sự “tiêu sái” của Lỗ Túc về bản chất mà nói đó là kiểu “đại trí nhược ngu” của bậc trí giả, một kiểu “tiêu sái ngốc nghếch”, người bình thường khó lòng bắt chước được. Nhưng Lỗ Túc cũng bao phen đi đòi lại Kinh Châu trông rất đáng thương vì bị Gia Cát Lượng bày trò khỉ, xem ra Lỗ Túc cũng không phải là kẻ “tiêu sái” triệt để. Gia Cát Lượng đầu đội luân cân, tay phe phẩy quạt lông cùng với tiếng đàn du dương thánh thót, trông ra rất khoáng đạt, nhưng sự “tiêu sái” của bậc đại trí này xem ra chỉ là hình thức, biểu diễn là chính và có tính chất yêu ma quỷ quái. Cho nên Gia Cát Lượng không hề là con người cởi mở khoáng đạt. Lúc ẩn dật thì ngày ngày nghiền cứu thế lớn trong thiên hạ để chuẩn bị cho ngày rời khỏi Ngọa Long Cương, bắt Lưu Huyền Đức “tam cố thảo lư”, theo tôi chỉ là một trò ma mãnh. Sau khi theo Lưu thì cục cung tận tụy, trung thành, chuyện lớn chuyện nhỏ đều phải qua tay, người khác làm thì Gia Cát không yên tâm, cuối cùng thì gục chết. Kiểu “tiêu sái” như thế là không đáng, cũng không nhất thiết phải như thế.

Ngay cả những con người trứ danh như Chu Du, Lỗ Túc, Gia Cát Lượng mà vẫn không “tiêu sái” triệt để, thế thì còn có ai xứng đáng được nhận danh hiệu này? Chuyện này hạ hồi phân giải.

2. Kẻ ăn xin tiêu sái rước thần cùng khổ

Thế thì như thế nào mới đáng được gọi là “tiêu sái” một cách chân chính? Lần trước vẫn chưa nói được rõ ràng, bây giờ tiếp tục bàn thêm. Đại khái mà nói, “tiêu sái” chân chính là phải có cái nhìn bao quát thể thái nhân tình; phải biết là trái đất rất nhỏ mà vũ trụ thì bao la; cần nhận ra đời người là tạm bợ và ngắn ngủi chẳng khác nào giọt sương buổi sớm đọng trên ngọn cỏ; mắt phải nhìn, tai phải nghe, phải tự thân kinh lịch qua tất thấy... Nhưng phải nhớ rằng, tất cả đều là tạm bợ và ngắn ngủi hơn cả làn khói vút qua trước mắt. Đương nhiên, nếu đạt được cảnh giới ấy lại là một điều rất đáng sợ. Nếu là như vậy, lịch sử sẽ không hề phát triển, xã hội sẽ không thể tiến bộ, cuộc sống không có mục tiêu, con người kéo nhau xuất gia làm hòa thượng, ni cô... tất thấy. Nhưng làm hòa thượng ni cô cũng chưa hoàn toàn triệt để, bởi loại người này cũng cần phải có cái ăn. Nếu tất cả mọi người đều

biến thành hòa thượng và ni cô, thế thì đành phải để cho họ kết hôn với nhau vậy, nếu không thì nhân chủng sẽ bị tuyệt diệt, thế thì còn gì để mà bàn về “tiêu sái” nữa! Do vậy, cho dù tôi đang nói về “chân tiêu sái” cũng chỉ là nói một cách tương đối, vừa phải mà thôi.

Muốn trở thành “tiêu sái tương đối” cũng không phải là chuyện dễ, nhưng cũng chẳng “khó hơn đường lên trời”. Dưới những tấm gương kiểu mẫu, chúng ta có thể tiến thêm một bước về phía trạng thái “tiêu sái”.

Tôi muốn đề cập đến hai tấm gương kiểu mẫu về “tiêu sái”, một là đại thi nhân đời Đường - Lý Bạch, một là đại văn nhân đời Tấn - Nguyễn Tịch. Những giai thoại về Lý Bạch thì ai cũng có thể kể được vài chuyện, cũng giống như ai cũng có thể đọc ra mấy câu thơ của ông vậy. Ban đầu, Lý Bạch chẳng có chút “tiêu sái” nào hết. Thời thanh niên, Lý Bạch ham mê con đường sĩ hoạn, nói hơi khó nghe một chút là rất thích làm quan. Mà con người một khi đã ham mê quan chức thì nhất định là không thể “tiêu sái” được nữa. Người muốn làm quan tất nhiên không cần mặt mũi, tất nhiên là phải vất đi lòng tự tôn và nhân cách, cũng giống như Lý Bạch nói: *“Cớ gì phải cau mày khom lưng phụng sự bọn quyền quý, Khiến ta không thể nở được mặt mày tươi tỉnh”*. Ông muốn nở mặt mày tươi tỉnh thì đừng có nghĩ đến chuyện làm quan, chuyện này như một lẽ tất nhiên, chẳng cần phải bàn luận gì thêm. Lý Bạch đã từng *“cau mày khom lưng phụng sự quyền quý”*, viết những câu thơ hạng bét đầy nhục thể kiểu như *“Mây ngũ là xiêm y, hoa ngũ là dung nhan”*, vỗ đùi vỗ đít Quý phi của Hoàng đế hòng kiếm được một chức quan. Tiếc thay, Hoàng đế không màng những lời tâng bốc của ông mà chỉ phong cho một chức Hàn

lâm cung phụng không quyền không lực, chẳng khác nào một kẻ lộng thần kiểu Đông Phương Sóc! Việc này đã đi quá xa với những gì mà tiên sinh họ Lý ôm ấp trong lòng, khiến Lý “không thể nở được mặt mày tươi”, do vậy mà tâm phiền ý loạn để ngập ngụa trong rượu ở tất cả các tửu quán Trường An. Ban đầu chỉ là mượn rượu giải sầu, thứ nữa là giả điên giả ngốc, nhưng dần dần sa đà vào trong rượu và biến thành “tửu quỷ” không hề chiết khấu! Ban đầu thì bán chân bán giả nhưng sau đó thì biến giả thành chân, thành con sâu rượu, ngày nào không có rượu thì ngày ấy thê lương, thời gian say nhiều hơn thời gian tỉnh, từ đó mà nhập thần vào trạng thái “tiêu sái”, những bài thơ vĩ đại và bất hủ từ đó nên vãn. Đương nhiên Lý Bạch cũng không say đến nỗi quên cả thế sự, quên cả đất trời. Đỗ Phủ có vẽ khoa trương khi tán tụng Lý Bạch: “*Vua gọi đến thuyền không chịu tới, Tự xưng: Thần là tiên rượu đấy!*”, kỳ thực là Lý Bạch không dám cuồng ngạo đến độ như thế. Nếu là thiên tử gọi thật, Lý Bạch không dám không xuống thuyền, trừ phi ông say đến độ đánh mất ý thức. Người đời nay chưa được ăn nho mà đã bảo nho chua, chỉ cần một tí thăng hoa là bảo mình đã cực kỳ khoáng đạt; quả là Lý Bạch cao vời hơn loại người này rất nhiều lần, bởi ông là một thiên tài.

Chuyện uống rượu giả điên giả dại thì Nguyễn Tịch còn xứng đáng là bậc thầy của Lý Bạch. Thời Ngụy Tấn, nền chính trị còn hắc ám hơn thời Thịnh Đường, do vậy mà trình độ cay độc trong những lời nói của Nguyễn Tịch lúc say hoặc giả say cay độc hơn Lý Bạch nhiều. Lỗ Tấn tiên sinh trong danh tác “Quan hệ giữa phong độ Ngụy Tấn với văn chương, rượu và thuốc độc” đã miêu tả một cách vô cùng tinh tế hành

vi của Nguyễn Tịch, chẳng hạn một lần say là ba tháng không tỉnh, chẳng hạn mẫu thân chết mà mặt không hề biến sắc, cứ thế mà ăn thịt uống rượu nhưng đến khi những người phúng viếng về hết thì khóc lớn mấy tiếng, máu ộc ra cả đầu. Đường nhiên nói ba tháng không tỉnh nhưng kỳ thực là rất tỉnh, nói mặt không biến sắc nhưng trong lòng kỳ thực là rất đau, cho nên những cử chỉ “tiêu sái” ở đây chẳng qua là được nguy trang cả thôi, nếu không như vậy đầu của tiên sinh sẽ bị tiện ngọt bất cứ lúc nào. Trong tình hình ấy, bảo vệ sinh mệnh trở thành yêu cầu cao nhất, do vậy mà Nguyễn Tịch tiên sinh không thèm theo đuổi hư vinh, cũng chẳng lao theo danh lợi. Từ góc độ này mà xét, “tiêu sái” cũng là do tình huống bức bách mà ra cả thôi.

Tôi nhớ lúc còn nhỏ đã từng nghe chuyện đêm giao thừa rước thần cùng khổ vào nhà. Đúng thời điểm ấy, tất cả mọi người đều mở cửa rước thần tài, nhưng lại có một người tên là Hoa Tử lại đón thần cùng khổ về nhà ăn tết. Anh ta nghĩ, mình đã nghèo đến độ đi ăn xin lang thang trên khắp ngã đường, “nghèo đến độ không có ăn thì không còn gì để gọi là nghèo nữa”, mọi người lo đón tiếp thần tài, để thần cùng khổ cô đơn tội nghiệp, thôi thì mình mời ông ta về ăn tết vậy. Nghĩ thế, bèn công khai đón tiếp thần cùng khổ về khiến người ta phải trợn mắt lên mà nhìn. Cũng chính từ đó, Hoa Tử đã bước vào cảnh giới “tiêu sái”. Cho nên, cũng có thể nói, mỗi một con người khi gặp phải một tình huống tận cùng nào đó trong cuộc đời thì cũng giống như có quá nhiều rạn trong người thì không còn cảm thấy ngứa ngáy nữa, từ đó anh ta chỉ còn cách cảnh giới “tiêu sái” nửa bước chân.

3. Hai chân đạp hết hoa thành phố

Trong bài đầu tiên, tôi đã nêu tôn chỉ là: “Tiêu sái” là một trạng thái tinh thần, là một kiểu giác ngộ đối với nhân sinh và tự nhiên. Bài thứ hai tôi muốn nói rõ điều này: Có những kiểu “tiêu sái” là do bị bức bách mà ra, lúc này “tiêu sái” là chuyện không thể khác hơn được. Chúng ta có thể nêu lên rất nhiều minh chứng cổ kim về chuyện này. Nhưng liệu có một loại “tiêu sái bẩm sinh” không? Có!

Những năm đầu Dân Quốc, ngay ở làng tôi đã xuất hiện một nhân vật đúng loại “tiêu sái bẩm sinh” này. Ông ta lại là người bà con xa với tôi, xuất thân trong một gia đình nông dân thuần túy, không biết lấy một chữ đại tự, nhưng ông ta lại có một tâm thế yên tĩnh và một trí tuệ siêu việt - không bẩm sinh. Ông nội tôi rất thân thiết với con người này cho nên những gì mà tôi biết về ông ta cũng như những câu chuyện có liên quan đến sự “tiêu sái” của ông ta, tôi đều

nghe từ miệng ông nội tôi kể lại. Ông nội nói: Vương Đại Hóa không phải là người. Không phải là người thì là cái gì? Là thần! Ông nội kể, có một lần Vương Đại Hóa đi chợ, mua một chiếc chậu rất to vác trên lưng. Đi đến chiếc cầu cách nhà không xa, có một thằng nhỏ tính nghịch không biết vô tình hay cố ý đục đầu vào chiếc chậu. Một tiếng cộp khô giòn, chiếc chậu rơi xuống cầu đá và vỡ thành trăm mảnh. Mọi người cảm thấy bất bình thay cho Vương Đại Hóa, đồng loạt kêu lớn đòi bắt thằng nhỏ lại đánh cho một trận khiến nó sợ hãi, mặt xanh như tàu lá. Nhưng riêng Vương Đại Hóa thì vẫn cứ đi như chẳng có gì xảy ra, ngay cả không thèm ngoái đầu nhìn lại, hình như chẳng có chuyện gì đang xảy ra sau lưng. Có người gọi: Vương Đại Hóa! Chiếc chậu của ông vỡ rồi! Ông ta vẫn không ngoái đầu. Ông nội nói, sau khi chuyện ấy xảy ra, có người hỏi Vương Đại Hóa rằng ông ta có biết chiếc chậu sau lưng đã rơi xuống và vỡ tan tành không, ông ta trả lời là có biết. Người ấy có vẻ lạ lùng hỏi: Biết mà sao không quay đầu nhìn? Vương Đại Hóa nói: Biết là vỡ rồi thì nhìn để làm gì?

Còn có một nhân vật “tiêu sái” khác nữa, cũng là người thời Dân Quốc sơ kỳ. Ông ta tên là Vương Tứ Phạm, tên tự là Kiếm Tam, người đương thời xưng là Kiếm Tam tiên sinh. Người này cũng có chút quan hệ dây mơ rễ má với nhà tôi, ông nội tôi gọi ông ta vào hàng chú họ. Anh trai ông nội tôi lên mười chín tuổi đã từng ở nhà Kiếm Tam tiên sinh làm chuyện lật vật nên đã từng chứng kiến tận mắt những chuyện có liên quan đến sự khoáng đạt của ông ta. Những chuyện do anh trai ông nội tôi kể lại đều được tôi nhớ như in trong đầu, thành tài sản của riêng tôi. Tôi đã từng dùng hình mẫu Kiếm

Tam tiên sinh để viết nên truyện “Thần điểm” đăng tải trên tạp chí “Liên hợp Văn học” ở Đài Loan.

Chuyện kể rằng, tết năm ấy, Kiếm Tam tiên sinh vốn lâu nay không hề quan tâm đến nữ sắc bỗng nhiên rung động lòng phàm nên đã sai thuộc hạ đi tìm gái giang hồ. Bọn thuộc hạ hỏi là cần tìm mấy cô, Kiếm Tam tiên sinh bèn bảo có bao nhiêu gái làng chơi trong thành phố đều dẫn hết về nhà cho ông. Bọn thuộc hạ nhìn thân thể gầy gò nhu nhược của Kiếm Tam tiên sinh bấm bụng cười thầm. Rồi chúng nhào nhào tỏa về các hang cùng ngõ hẻm, tìm đến tất cả những nơi buôn phấn bán hương, không kể già trẻ xấu đẹp, đưa hai mươi tám cô gái làng chơi toàn thành phố lên xe kéo về đến tận nhà. Đang lúc toàn thành phố đang hương đèn nghi ngút cúng bái ông bà tổ tiên thì trong phòng khách của Kiếm Tam tiên sinh, hơn mười cây nến đỏ to bằng bắp tay được đốt lên sáng hơn cả ban ngày, nền gạch của phòng khách được phủ thảm đỏ, bốn góc phòng đặt bốn lò sưởi bằng than đỏ rực, căn phòng ấm áp vô cùng. Tất cả các cô đều đã được ăn no uống say, trang điểm điểm lệ ngồi chờ để phục vụ Kiếm Tam tiên sinh. Bọn thuộc hạ thì đang đóng tai trợn mắt chờ xem Kiếm Tam tiên sinh hành lạc, trong lòng mỗi người, ai cũng có những phỏng đoán riêng, liệu tiên sinh dùng phương thức nào để “yêu” cùng một lúc hai tám cô gái? Kiếm Tam tiên sinh đang uống rượu ngâm thơ trong thư phòng, hình như đã quên phất chuyện ấy. Đêm đã về khuya, những tiếng pháo đón giao thừa đã lác đác vang lên trong thành phố, các cô gái đã ngáp ngáp ngáp dài, bọn thuộc hạ cũng không còn hào hứng gì nữa. Có một thuộc hạ đến thư phòng hỏi Kiếm Tam tiên sinh giải quyết hai tám cô gái như thế nào, tiên sinh bảo,

cứ bảo bọn họ cởi quần áo ra mà chờ. Tất cả các cô gái đều cười vang lên, rất vui vẻ rồi lần lượt trút bỏ toàn bộ y phục trên người. Hai mươi tám thân hình lồ lộ nằm la liệt thành một dãy trong phòng khách. Đúng lúc ấy, Kiếm Tam tiên sinh cầm một cốc rượu cực to, xiêu xiêu đi từ nhà trong ra. Ông cởi giày và trên đôi bàn chân không, ông ta dẫm trên bụng hai mươi tám cô gái và đi một vòng. Xong bảo thuộc hạ: Cho mỗi đứa mấy đồng tiền Đại Dương rồi đưa họ về!

Đây là một trong những phương thức đối đãi với phụ nữ rất Trung Quốc, rất điển hình, có khí độ khoáng đạt của bậc tiên phong đạo cốt, nhưng tất nhiên cũng sẽ còn có những cách giải thích và đánh giá khác nhau.

4. Áo rộng vùng tay tự phong lưu

Nghĩ một cách thô thiển, “tiêu sái” vốn là một khái niệm chuyên dụng của nam giới, còn đối với phụ nữ, những từ ngữ để xưng tụng thường phải là: đẹp, dịu dàng, tình cảm... Lại nghĩ, từ “tiêu sái” lại có liên quan mật thiết với cách ăn mặc. Một gã đàn ông cho dù là cường tráng, đẹp trai... như thế nào mà cứ trần truồng dưới bể tắm thì cũng rất khó phát hiện ra sự hào hoa khoáng đạt của anh ta như thế nào. Lại nghĩ, “tiêu sái” với những bộ veston của người Tây hình như rất khó phù hợp. Veston cứng cáp, thẳng đuột, chỉ có thể mang lại ấn tượng chín chu, nghiêm túc; từ “khoáng đạt” hình như không có chỗ đứng bên cạnh những bộ quần áo Tây này. “Tiêu sái” và “phiêu dạt - hoạt bát phóng khoáng” và “khoan tủng - thư thái” có quan hệ mật thiết với nhau. “Tiêu sái” có thể là cây liễu nhưng quyết không thể là cây tùng. Phóng khoáng và thư thái lại có quan hệ rất mật thiết

với chiếc áo dài đàn ông Trung Quốc. Do vậy mà tôi chợt nghĩ đến những con người thời kỳ Ngũ Tứ như Uất Đạt Phu, Dời Vọng Thư... cho dù họ cũng đã từng mặc qua Âu phục. Ngoài ra, có lẽ “tiêu sái” còn gợi đến một thân hình cao nhâ, một gương mặt thanh tú; một người đàn ông với chiếc bụng tròn trịa khó có thể gọi là “tiêu sái” được. Trong xã hội hiện đại, những người đàn ông đáng được gọi là phóng khoáng thanh cao càng ngày càng ít đi, điều này liệu có liên quan gì đến việc thay đổi cách ăn mặc hay không?

Thời kỳ Mãn Thanh, rất khó tìm thấy những người đàn ông phóng khoáng hoạt bát. Anh cứ xem quan phục của họ, chiếc áo vốn đã chằng rộng gì nhưng bên ngoài lại có thêm một chiếc áo khoác bó chèn, ống tay áo lại hình móng ngựa, trên đầu lại là một chiếc mũ úp xuống, trên mũ lại có một nhúm lông gà vểnh lên phất phơ, đúng là một cách trang điểm của những con rối diễn hình. Bó thân trong những bộ quan phục như vậy, cho dù có những linh hồn khoáng đạt đến mấy cũng bị cầm tù thôi, chỉ có thể cúi đầu khom lưng để biểu hiện dáng vẻ nô tài, ngay cả Lâm Tắc Từ cũng khó lòng biểu lộ vẻ khoáng đạt ra bên ngoài.

Phục trang đời Minh có lẽ hào hoa khoáng đạt hơn so với đời Thanh, do vậy mà xuất hiện nhiều nhân vật phóng khoáng hào hoa hơn. Người phóng khoáng hào hoa đầu tiên phải kể đến là Chu Nguyên Chương - Hoàng đế khai quốc của nhà Minh. Những bài thơ do ông ta làm phá bỏ những thường quy, không câu không thúc, có thể xem là thiên hạ đệ nhất: “*Một phiến hai phiến ba bốn phiến, Năm phiến sáu phiến bảy tám phiến. Trời đất mang mang một phiến to, Phong tuyết mai hoa đều bất kiến*”. Trong công cuộc khai

quốc vĩ đại, ông ta đã từng nói với những công thần: Các người hãy nhớ, ta vốn là một kẻ thừa gió bẻ măng, không ngờ chuyện đùa chơi mà hóa ra thật! Nhân cao hứng mà ông ta ngâm sang sáng bài thơ trên và kết quả là đem tính nghiêm túc của thơ ca triệt tiêu hoàn toàn; chỉ tùy tiện buột miệng nói chơi mà đã đem sự nghiệp đế vương thần thánh phủ định hoàn toàn. Đường Bá Hổ cũng là người được xem rất phóng khoáng hào hoa dưới thời Minh. Ông này thích họa đàn bà đẹp và những người đàn bà xuất hiện dưới ngòi bút ông ta đều rất đầy đặn mỡ màng. Đây là quan niệm thẩm mỹ thời Thịnh Đường lưu lại. Ông ta trốn tại hốc núi Đào Hoa để vẽ đàn bà đẹp nhưng hầu như không bao giờ thưởng thức một chút da thịt thơm nức của đàn bà. Nếu nhục thân Đường Bá Hổ thưởng thức đàn bà giống như trong ý thức nghệ thuật, ngay lập tức ông ta sẽ biến thành phàm phu tục tử thôi.

Trong lịch sử, thời đại được xem là phóng khoáng hào hoa nhất phải kể đến thời Ngụy Tấn. Thời ấy, quần áo rộng rãi lắm, mọi người chỉ cần khoác một mảnh áo bào, bên trong không mặc bất kỳ nội y nào hết, khi đi ngủ cũng chẳng cần cởi ra. Căn cứ cách nói của Lỗ Tấn tiên sinh, người thời Ngụy Tấn thích mặc quần áo thênh thang là vì họ uống rất nhiều thuốc tiên có nhiệt lượng rất lớn khiến cho da thịt lúc nào cũng nóng hầm hập và phát ngứa ngáy, quần áo mà chật một tí thì mỗi lần ngứa là khó gãi vô cùng. Lại nữa, do quần áo không bao giờ được giặt giũ nên sinh chấy rận, mà quần áo đã có chấy rận thì người bị hút máu và mất ngủ, do vậy mà thường gầy, mà gầy thì hợp với khoáng đạt hào hoa! Đương nhiên, chuyện khoáng đạt hào hoa của văn

nhân thi sĩ thời Ngụy Tấn có liên quan đến nền chính trị vô cùng hắc ám thời ấy nhưng không thể phủ nhận rằng, nó có liên quan với chuyện mặc quần áo.

Thời Xuân Thu - Chiến Quốc, khoáng đạt hào hoa nhất vẫn là người nước Sở. Anh cứ nhìn vào những di chỉ khảo cổ về các bức tượng đàn ông nước Sở, đúng là áo rộng thất lưng mỏng, ống tay áo lại căng phồng lên như một chiếc buồm no gió. Mặc những bộ quần áo này, đàn ông như muốn phiêu diêu lên cõi tiên, bất kỳ lúc nào cũng có thể hóa thành một cánh chim bay thẳng lên đầu non Quỳnh Ngọc mà đánh một giấc ngon lành. Khuất Nguyên còn cho rằng, quần áo như thế vẫn chưa đủ để gọi là phóng khoáng hào hoa mà cho rằng, quần áo phóng khoáng hào hoa phải là: *"Hái sen súng cắt mạnh áo đẹp, Cắt phù dung may nếp xiêm dài."*, không những rộng rãi mà còn hào phóng; không những mát mẻ mà còn thơm tho. Mặc quần áo có cốt cách thần tiên như thế, anh không muốn phóng khoáng hào hoa cũng buộc phải phóng khoáng hào hoa.

Đương nhiên, "tiêu sái" cũng cần phải có khí chất nội tại. Cứ buộc một kẻ bụng gà lòng chó mặc bộ quần áo của Khuất Nguyên liệu anh ta có phóng khoáng hào hoa nổi không? Nhưng tôi tin tưởng rằng, khi anh ta mặc bộ quần áo của Khuất Nguyên vào, nhất định anh ta sẽ hào hoa phóng khoáng hơn một tí nếu so với lúc anh ta mặc bộ quần áo bó chặt trong người. Tôi phát hiện một điều, phạm là những ai thích phóng khoáng tự nhiên thường không bao giờ mặc quần áo bó sát người mà hầu hết đều mặc quần áo rộng rãi, đơn sơ. Nhục thể vĩ đại của họ cũng giống như linh hồn vĩ đại của họ vậy, không bao giờ tự nguyện chấp

nhận sự gò bó trời buộc nào. Giống như Einstein mặc áo ngủ đi giữa đường phố, Mao Trạch Đông cũng đã từng mặc chiếc áo bông to sụ, vừa lật chéo áo lên để bắt rận vừa bàn luận chuyện thế lớn trong thiên hạ với những phóng viên người Mỹ.

5. Dáng anh hùng ăn như hùm sói

Ăn là chuyện cực kỳ bản năng và cũng cực kỳ thấp hèn trong thế giới loài người. Để được ăn, con người phải lao tâm khổ tứ, nỗ lực làm việc; cũng vì cái ăn, kẻ nô lệ mới dần lòng cam chịu những ngọn roi vút xuống thân xác mình. Trong quá trình duy trì cái sinh mệnh bé nhỏ của mình, chuyện ăn và hào hoa khoáng đạt hầu như không có liên hệ gì. Muốn đạt đến phong độ ăn một cách hào hoa phóng khoáng, trước tiên là bụng anh cơ bản không đói - ngoại trừ anh hùng. Con người hiện đại, đặc biệt con người sống trong những xã hội phát triển, tương đối giàu có, chuyện ăn của họ không phải là nhằm giải quyết cái đói mà là một thói quen, đồng thời cũng là một phương thức giao thiệp. Ý nghĩa của việc uống rượu đầu phải là ở rượu, ý nghĩa của việc ăn cơm đầu phải là ở cơm, do vậy mà những bữa cơm của các quý ông quý bà hiện đại phần nhiều đượm sắc thái biểu diễn và sắc thái kinh doanh.

Có hai kiểu ăn phóng khoáng hào hoa, một là ăn kiểu võ, hai là ăn kiểu văn. Ăn kiểu võ thì phóng khoáng hào hoa theo kiểu võ; ăn kiểu văn thì phóng khoáng hào hoa theo kiểu văn.

Trước tiên là nói về ăn kiểu võ. Thời Tây Hán, Tư Mã Thiên tiên sinh trong danh tác “Sử ký” của mình đã viết: Hạng Vũ thiết tiệc Hồng Môn, muốn nhân cơ hội này mà giết Lưu Bang. Đang trong lúc nguy cấp, Phàn Khoái xách kiếm mang thuẫn tiến thẳng vào cửa, vừa vào đến nơi đã trừng mắt nhìn Hạng Vũ, tóc tai dựng đứng, mi mắt tóc máu. Hạng Vũ chống kiếm thẳng lưng dậy, thất kinh hỏi: Người đang giữ chức gì vậy? Trương Lương nói: Anh ta là Tham tướng của Bái Công, họ Phàn tên Khoái. Hạng Vũ nói: Tráng sĩ! Thường cho một nậm rượu! Thủ hạ của Hạng Vũ mang đến một nậm rượu thật to, nghĩ nhân cơ hội này mà dẫn mất anh ta. Phàn Khoái cúi người tạ ơn Hạng Vũ, một tay cầm lấy nậm rượu, ngửa cổ uống cạn một hơi. Hạng Vũ bảo cho anh ta một chiếc đùi lợn, bọn thuộc hạ lại cố tình chọn một đùi lợn còn chưa chín hẳn đem đến trước mặt Phàn Khoái. Anh ta đặt chiếc thuẫn xuống đất, đón lấy chiếc đùi lợn đặt lên trên, dùng kiếm xẻo thịt mà ăn như hùm như sói. Trong nháy mắt, chiếc đùi lợn chỉ còn trơ lại xương. Thoạt nhìn Phàn Khoái như chăm chú vào việc ăn thịt, nhưng thực ra chỉ là cố ý mượn việc ăn thịt để thị uy. Lưu Bang có thể bảo toàn được sinh mệnh ở bữa tiệc Hồng Môn phần lớn dựa vào bữa ăn thịt như lang như hổ của Phàn Khoái.

Hào hán Võ Tòng trong “Thủy hử” trước khi đến Cảnh Dương Càng đã hổ đã ăn hết ba góc thịt bò, uống mười tám bát rượu Thấu Bình Hương. Nếu không có bữa ăn bữa uống

kinh hoàng ấy, e rằng anh ta đã bị hổ ăn thịt mất. Võ Tòng cùng với những anh em đồng bọn như Lỗ Trí Thâm, Lý Quỳ... đều là hình mẫu của ăn kiểu võ. Lỗ Trí Thâm đại náo sơn môn, một mình ăn hết nửa con chó. Lý Quỳ càng man rợ hơn, chỉ một lần ăn đã ngốn hết hai chân của gà Lý Quỳ giả. Loại người này ăn theo kiểu thô lỗ cục cằn, ăn như lang như hổ không để ý gì đến lịch sự văn minh, chỉ cần động vào việc ăn của họ là ngay lập tức họ đập bàn đánh người. Nhưng tại sao chúng ta lại không ghét bỏ họ, thậm chí lại yêu thích họ nữa? Đáp án rất đơn giản: bởi vì họ là những anh hùng. Ăn thịt uống rượu là một trong những biểu hiện quan trọng cái khí độ anh hùng của họ, không có nó, họ mất đi một phần bản sắc anh hùng. Người thường mà ăn uống như vậy thì bị xem là hạ lưu, anh hùng ăn uống như vậy thì được xem là "tiêu sái".

Lại nói về ăn kiểu văn. Hành vi ăn kiểu văn chủ yếu phát sinh ở những quý bà quý tiểu thư danh gia vọng tộc. Như Lâm Đại Ngọc trong "Hồng lâu mộng", mỗi bữa chỉ ăn một chiếc cang cua, lại thêm một cọng giá đậu đã no. Đương nhiên Lâm Đại Ngọc là nhân vật của tiểu thuyết, không phải là nhân vật thật ngoài đời nhưng chúng ta tin tưởng rằng trong cuộc sống cũng có không ít những kiều nữ theo "kiểu Lâm Đại Ngọc" như vậy. Lại như một nhà văn có tiếng tăm Trung Quốc khác, tự tuyên bố rằng mình mỗi ngày chỉ ăn mấy hạt từng, uống vài ngụm nước suối, thế thì chuyện ăn của vị này có khác gì chim sẻ? Lâm Đại Ngọc là đại diện cho phái nữ trong việc ăn kiểu văn, vị tác gia này là đại diện cho phái nữ trong việc ăn kiểu văn. Các vương tôn công tử mà ăn như thế thì được gọi là "tiêu sái", còn con nhà bình dân

nghèo rớt mỏng tới mà ăn như vậy thì bị cho là nguy trang, làm điệu.

Lại còn một kiểu ăn nửa vắn nửa võ nữa. Chẳng hạn nhà đại thư pháp đời Tấn - Vương Hy Chi, những người anh em của ông đều muốn được Tể tướng đương triều tuyển làm rể nên đều trang điểm đến độ lòe loẹt, người thì xem sách, người thì viết chữ... Riêng Vương Hy Chi nằm khểnh trên giường ở phía đông mà ăn bánh nướng. Đôi mắt Tể tướng quả là thần thông, chỉ vừa nhìn thấy Vương Hy Chi là đã biết chắc đây là một thiên tài.

6. Đêm mưa đồng sàng với tiểu hồ ly

Trong cuộc sống của mỗi người, một nửa thời gian trôi qua trong những giấc ngủ. Có người ngủ nhiều một chút, cũng có người ngủ ít đi một tí, nhưng nói chung, ngủ cũng như ăn là vấn đề, là nội dung quan trọng trong đời sống con người. Có thể ngủ đạt đến độ “tiêu sái” là hạnh phúc tột cùng của mỗi người, mất ngủ là nỗi đau khổ lớn nhất của mỗi người. Nói ngủ đạt đến độ “tiêu sái” tức là ngủ thật say, ngủ thật ngon, ngủ thật sâu, cho dù có bom rền sấm giạt vẫn không tỉnh.

Con người muốn ngủ say, ngon và sâu, thứ nhất là đầu óc phải đơn giản và thanh thản. Anh xem, những đứa bé mới sinh ăn no xong là lăn ra ngủ, ngủ dậy lại ăn, ăn no xong lại ngủ, tại sao lại được như vậy? Bởi trong đầu óc chúng không hề vương vấn những chuyện loạn xạ bát nháo của cuộc đời. Lúc nhỏ, chúng ta đều như thế cả, đều đã

được tận hưởng những tháng ngày “tiêu sái” trong khi ngủ. Nhưng rồi chúng ta đã trưởng thành, nếu như một đứa bé không thêm suy nghĩ gì hết, hóa ra chúng ta lại là kẻ thiếu năng. Không suy nghĩ là không thể được nhưng để có những giấc ngủ ngon, chúng ta hãy cố gắng bớt đi những nghĩ suy trước khi đi ngủ.

Muốn ngủ say, ngon và sâu, điều cần thiết thứ hai là đừng làm những chuyện trái với lương tâm. Tục ngữ nói rất hay: Trong lòng không chuyện phiền, không sợ quỷ gõ cửa. Ở đây, “chuyện phiền” tức là những chuyện trái với lương tâm. Câu tục ngữ này chắc chẳng tác dụng gì đến những kẻ như cường đạo, lưu manh, gian thương... Bọn này được Thượng đế phái xuống trần gian để làm chuyện xấu, do vậy mà “chức nghiệp” của chúng là phá hoại xã hội, điểm xuyết cho xã hội, hình thành một lực lượng đối sánh với người tốt, cũng giống như trong “Thủy hử truyện”, Thiên sát tinh Lý Quỳ là được Thượng đế phái xuống để giết người vậy. Nếu bọn người này mà mất ngủ, lý do mất ngủ của chúng chắc chắn không phải vì làm chuyện xấu mà có lẽ là vì chúng đã làm một việc tốt nào đó. Mao Trạch Đông có một đoạn “Ngũ lục” rất nổi tiếng: “Một người làm được một việc tốt là không khó, khó là ở chỗ cả đời làm việc tốt mà không bao giờ làm việc xấu”. Câu này nếu nói ngược lại hình như vẫn có ý nghĩa: Một người làm một việc xấu là không khó, khó là ở chỗ cả đời làm việc xấu mà không bao giờ làm việc tốt. Người tốt thì thoảng làm việc xấu, chỉ cần đó không phải là cố ý, chỉ cần cố ý sửa đổi thì không nhất thiết phải cứ tâm tâm niệm niệm về chuyện xấu ấy mà không rút ra được, ảnh hưởng đến giấc ngủ ngon của mình.

Muốn ngủ một cách “tiêu sái”, thứ ba là phải đỡ sức lực, đỡ mỏi hôi. Rất ít nghe nói những người phu kéo xe bị mất ngủ, rất ít nghe nói những công nhân khai thác mỏ mất ngủ, cũng rất ít nghe nói những nông dân ban ngày vung mồ hôi như mưa trên đồng lại không ngủ được vào ban đêm. Tôi chưa bao giờ làm phu kéo xe thành phố nhưng đã rất nhiều năm tôi là một nông dân đúng nghĩa ở quê nhà, biết rất rõ rằng sau một ngày cật lực trên đồng, trời vừa sập tối là đã lăn lên giường ngáy khò khò. Thế nào là trước khi ngủ phải rửa chân, đánh răng..., trong từ điển của nông dân hầu như không có những khái niệm này. Thế nào là muối, thế nào là chấy rận... nào có để ý gì. Vắt bát xuống đất, mò lên giường, chỉ vừa nhắm mắt là đã chìm vào giấc ngủ mật ngọt, ngay cả một giấc mộng cũng không có. Người ở thành phố bây giờ ít khi có cơ hội đỡ mỏi hôi, nhưng lao lực nhiều lên một tí cũng rất có lợi cho giấc ngủ.

Thứ tư là phải có chút tinh thần của AQ, nói cách khác là hãy cố gắng học tập AQ. Lão AQ mỗi lần nhận phải những điều uất ức ở bên ngoài, quay về đến Thổ Cốc trăn qua trở lại không dễ được giấc ngủ thì dang tay tát thẳng vào mặt mình. Nếu bị người khác đánh thì bảo đó là con đánh cha; nếu bị kẻ giàu có làm nhục thì tự nhủ tổ tiên nhà tao giàu gấp mấy nhà mày..., sau đó thì thu được những thắng lợi về mặt tinh thần và thế là lão chìm trong giấc ngủ rất ngon. Phép thắng lợi tinh thần này hầu như không có tác dụng với những ai hiền đạt, nhưng với những người thấp cổ bé họng chúng ta cũng là một loại pháp bảo bất khả ly thân.

Ngoài bốn cách như đã trình bày ở trên, nhất định sẽ còn rất nhiều cách để dỗ con người ta vào giấc ngủ. Chính trị

gia chủ yếu dựa vào thuốc an thần, văn nhân thường dựa vào rượu ngon, nghe đâu là những người phụ nữ cô độc thường dựa vào việc tự an ủi... Trong mắt tôi, hoàn cảnh đẹp nhất để có giấc ngủ ngon là: đêm khuya thanh vắng, mưa thu se sắt hay mưa xuân rào rào đập vào cành lá cành hoa bên khung cửa sổ. Gần thì tiếng mưa rả rích ngoài khung cửa, xa hơn thì có tiếng chó sủa vắng vắng mông lung, trên giường chăn chiếu vừa mới phơi thoang thoang mùi nắng, trên bàn có một ngọn nến lung linh mờ tỏ soi rọi cuốn sách để mở. Lúc vừa cảm thấy mệt mỏi, thân thể và tâm hồn đang phiêu diêu thì một hồ ly tinh phả ra mùi hương sức nước dâng lên một bình Hoàng tửu Thiệu Hưng, lại thêm một đĩa lạc rang và một đĩa đậu phụ. Sau khi thưởng thức cái đẹp mắt sáng rực trong từ hồ ly tinh, trong trạng thái vô tri vô giác uống cạn bình rượu, men nồng ngất ngây vin vào hồ ly tinh leo lên giường, trong cái se lạnh của mùa thu cùng giúp nhau thoát y và sau đó là một trận điên loạn đảo phượng, mưa móc chan hòa... Cuối cùng hai thân thể ép sát vào nhau và giấc ngủ sẽ đến trong trạng thái rã rời thân xác.

Chuyện này chỉ có thể có trong “Liêu Trai chí dị” và tôi cũng đã đọc từ trong ấy mà chép ra. Nhưng trong cuộc đời này nếu có hạnh ngộ như thế thì cũng không tiếc là đã sống được cả một đời người!

7. Trạng chửi Phan Kim Liên

Con người vì sao phải chửi người khác? Vấn đề này thoạt nhìn thì không thành vấn đề, nhưng để trả lời một cách chính xác thì thật không dễ dàng gì, nhưng nếu trả lời một cách đại khái thì có thể được. Theo tôi, sở dĩ người ta thường thích chửi người khác không ngoài việc trong lòng đang giận dữ, hoặc trong đầu óc oán hận đang tích tụ, không nồn ra được thì không chịu nổi. Chửi người khác là một cách phát tiết, là một cách tự vệ, là một phương thức làm giảm bớt áp lực tâm lý, như là một hoạt động bản năng. Trẻ con học nói, những câu nghiêm túc đứng đắn thường có một quá trình rất dài lâu mới nhập tâm, nhưng những câu chửi thì chúng học rất nhanh, không ai dạy mà tự biết, đúng là “không thầy chúng mày đều nên”. Chửi người không phải là chuyện hay ho gì, nhưng trong cả một đời người, vô luận là thánh hiền hay hào kiệt, có ai chưa từng chửi người, chưa từng nói một câu bẩn không? Chắc

là không! Khổng Phu Tử có chửi người không, tôi không có cách gì để khảo sát được, nhưng những điều mà học trò ngài ghi chép có liên quan đến ngôn ngữ và hành vi của ngài trong sách vở, chúng ta biết là tính khí của ngài cũng chẳng dịu dàng gì, thường hay nổi giận trước những việc làm và lời nói sai trái của học trò, nhưng lúc ấy khó lòng kìm giữ những lời chửi phát ra. Do vậy tôi nghĩ, thánh nhân như Khổng Phu Tử cũng đã từng chửi người khác. Cổ nhân chửi người bằng những phương pháp gì, chúng ta cũng có thể nhận ra. Khổng Phu Tử đã từng “chửi” một học trò của ngài là “cây mục không thể chạm khắc, tường phân không thể trét vôi”, cách “chửi” của ngài là dùng phương thức “tỉ” cũng có thể là “hứng” của thơ ca, tuyệt đối không liên quan tới sinh thực khí hoặc những hoạt động tính dục. Trong “Sử ký”, Tư Mã Thiên tiên sinh cũng không hề ghi chép câu nào có ý nghĩa chửi người như con người thời hiện đại. Phạm Tăng bị Hạng Vũ làm cho tức giận đến hôn mê bất tỉnh cũng chỉ phát tiết uất ức bằng câu: “Thằng nhãi này không đủ mưu trí!”. Cách gọi “thằng nhãi” hay là “tiểu tử” trên cái nhìn hiện đại không phải là chửi, thậm chí nó còn bao hàm một ý nghĩa thân thiết nào đó. Nhưng căn cứ vào khẩu khí và hoàn cảnh của Phạm Tăng lúc ấy, đó có thể là một câu chửi rất nặng nề trong thời kỳ ấy. Trong đời sống Trung Quốc hiện đại, những câu chửi nặng nề nhất nhìn chung đều có liên quan đến sinh thực khí, cho nên tôi dám ra nghi ngờ rằng “thằng nhãi” hay “tiểu tử” liệu có cách giải nghĩa nào khác hay không?

Thời Tam Quốc, chửi là một cách thể hiện khí độ của người quân tử. Nể Chính Bình cởi quần áo chửi Tào Tháo với

hàng ngàn câu độc địa khiến Tào Tháo tiên sinh toát mồ hôi đầy sống lưng, nhưng tuyệt đối không có câu nào liên quan đến sinh thực khí và hoạt động tính dục. Câu ác nhất cũng chỉ nói thuộc hạ của Tào “bị thịt”, “thùng rượu”, “túi cơm”... cho nên cũng không hề là những câu chửi “chân chính”. Bị Gia Cát Lượng chửi, Vương Lãng uất ức mà chết nhưng về cơ bản, những câu chửi của Gia Cát Lượng đều nhằm vào vấn đề chính trị. Đây chỉ là những lời của nhà tiểu thuyết, không phải là lịch sử. Thiết nghĩ, Gia Cát Lượng và Vương Lãng đều là những chính trị gia, trong hoàn cảnh xã hội hỗn loạn lúc ấy họ không thể không ý thức được cái đạo lý thành ắt là vương hầu, bại ắt là đạo tặc. Thiên hạ nhà Hán của người, há không phải là giành từ tay người khác về sao? Dùng những câu nói thừa thãi ấy, sao lại có thể làm cho Vương Lãng chết được? Nếu trong lịch sử mà có chuyện ấy thật, tôi đoán là Vương Lãng đáng chết, không cần chửi ông ta cũng chết; hay là Gia Cát Lượng dùng những lời chửi của con người hiện đại như “Đ. mẹ mày”, “Đ. mẹ tổ tông nhà mày”...? Nhưng con người nho nhã phong lưu như Gia Cát, nhất định sẽ không dùng những câu chửi tục tĩu ấy, do vậy chuyện này chắc là La Quán Trung ngụy tạo ra mà thôi. Nhưng kể gì chân giả, “Tam Quốc diễn nghĩa” đã cung cấp cho chúng ta những cách chửi rất “tiêu sái” của người xưa. Kỳ thực, hai trận chửi nổi tiếng của Nễ Chính Bình và Gia Cát Lượng đối với ngày nay mà nói, nó chẳng khác nào chuyện chúng ta tổ chức cho học sinh sinh viên tranh luận trên đài truyền hình, hai bên đều dùng những lời lẽ đắt nhất để giành phần thắng về mình, cho dù trong thâm tâm chưa chắc họ đã tự đồng ý với những lý lẽ mà họ đưa ra.

Xét trên phương diện sách vở mà nói, cách chửi người gần gũi nhất với thời hiện đại có thể thấy được từ thời “Kim Bình Mai”. Có thể phong cho Phan Kim Liên làm Trạng chửi. Cô nàng này chẳng khách khí gì với anh đâu, hễ mở miệng là đi ngay vào cái vật dưới đũng quần con người. Những lời này rõ ràng là chẳng hay ho gì nhưng nếu không có chúng thì không thể hiện được bản lĩnh Phan Kim Liên, đương nhiên cô nàng này cũng chưa phải là cao thủ lão luyện nhất trong những chiêu thức này. Khi còn đang lao động ở quê nhà, tôi thích nhất là được nghe mấy người đàn bà bên cạnh nhà đánh nhau. Nói là đánh nhau nhưng ít khi thấy họ động chân động tay, chủ yếu là đánh theo kiểu “văn”, tức là chửi nhau. Ngày ấy, nhà nào cũng có một khoảnh mái bằng để phơi lương thực. Những người đàn bà thường đứng trên cái sân khấu rất cao ấy, trong ánh sáng rực rỡ của hoàng hôn và đấu khẩu với nhau, nội dung của những câu chửi đương nhiên cũng xoay quanh sinh thực khí. Thiên tài ở chỗ, họ đứng đó và chửi nhau liên tục cả tiếng đồng hồ mà không hề có câu nào trùng lặp. Nếu ai đó lỡ miệng nói lại câu đã chửi, kẻ ấy cam chịu thất bại. Lúc ấy tôi mới hiểu rằng, té ra trong Hán ngữ cũng có rất nhiều từ dùng để tu sức cho sinh thực khí của con người.

Đến Bắc Kinh, tôi vẫn nghĩ đây là kinh đô văn hóa, con người ở đây lịch sự, không biết chửi người. Nhưng ngay lập tức tôi thấy mình đã hoàn toàn nhầm lẫn. Không ít người Bắc Kinh vừa mở miệng ra đã “con c.”, “đ. mẹ”... Khi chửi nhau, mấy từ ấy cứ lặp đi lặp lại, bắn thiu, mất vệ sinh vô cùng và tất nhiên là không có một chút văn hóa nào; nói thậm tệ một tí, họ còn thua xa những người đàn bà ít học ở quê tôi về mặt phẩm hạnh, tất nhiên cũng không bằng Phan Kim Liên.

Tự nhiên thành thói quen, nghe mãi những lời nhớ bản của người Bắc Kinh rồi cuối cùng cũng chẳng thấy nó bản nữa; cũng giống như chính những người phát ngôn ra những lời ấy, họ đâu có cảm thấy bản mồm.

Đem chuyện tính giao với những người đàn bà là trưởng bối của kẻ bị chửi ra mà nói là một cách sỉ nhục đau đớn nhất. Nghe đâu rằng đây chính là đặc sắc trong văn hóa chửi của người Trung Quốc, người nước ngoài có chuyện này không, tôi không thể khảo sát được. Chuyện này thoạt nghe thì có vẻ đơn giản nhưng kỳ thực là rất phức tạp vì nó có liên quan đến đạo đức và văn hóa, có liên quan đến lịch sử và cũng liên quan đến hiện thực, quan hệ đến tâm lý nhưng cũng quan hệ đến sinh lý. Thiết nghĩ, đến lúc nào đó người ta không còn đem chuyện tính giao với trưởng bối ra làm vũ khí để làm nhục người khác nữa, lúc đó xã hội chúng ta đã có một bước tiến bộ rất dài.

8. Để nở nụ cười, thế nhân khó gặp

Cả một đời người, ai có thể không cười nào? Ngay cả những người bị bệnh DAO cũng có điệu cười ngô nghê; ngay cả những kẻ ngu xuẩn cũng có cái cười ngốc nghếch; ngay cả gian tặc cũng có điệu cười gian xảo; ngay cả kỹ nữ cũng có nụ cười lẳng lơ... Ngoài ra còn đủ các kiểu cười: cười to, cười nhỏ, cười khở, cười dâm, cười nửa miệng, da cười mà thịt không cười... Nụ cười đáng giá ngàn vàng, cười một cái trẻ đến mười tuổi, lại có kiểu bên ngoài cười vui nhưng bên trong hiểm ác, dao sắc ẩn trong nụ cười. Nụ cười luôn nở trên mặt Phật Di Lặc. Đại anh hùng tiểu ngạo giang hồ, đại văn hào cười cười nói nói trở thành văn chương... Không có nụ cười là không có cuộc sống, không có nụ cười cũng không có văn học.

Khi nhỏ xem sách “Thuyết Đường”, biết được rằng Trình Giảo Kim cười to ba tiếng mà chết, cũng là một chuyện thú vị.

Độc "Tam Quốc diễn nghĩa", Tào Tháo đại bại nơi Xích Bích, dẫn tàn binh bại tướng chạy đến rừng Ô Lâm, thấy cây cối um tùm, vách núi cheo leo bèn ngựa mặt cả cười, quân sĩ không biết cớ gì. Tháo nói: Ta không cười ai khác, chỉ cười Chu Du vô mưu, Gia Cát Lượng kém trí. Nếu là ta, nhất định ta sẽ cho một đạo quân mai phục nơi đây, thì sẽ ra sao nhỉ? Lời chưa dứt thì một tiếng pháo đã nổ đùng, một đạo nhân mã xông ra, đi đầu chính là Thường Sơn Triệu Tử Long. Một trận chém giết toi bời, Tháo bỏ chạy thực mạng. Tiếp tục chạy về trước một đoạn nữa, Tào Tháo lại ngựa mặt cười lớn. Các tướng hỏi: Thừa tướng lại cười gì nữa thế? Tháo nói: Ta cười Gia Cát Lượng, Chu Du mưu trí kém cỏi. Nếu ta dùng binh, ta sẽ phục sẵn một đạo quân ở chỗ này, lấy nhàn nhả chờ mọt mồi, tính mạng của chúng ta có giữ được nhất định cũng phải bị trọng thương. Bọn họ không tính được nước này nên ta cười đó thôi! Lời chưa kịp dứt thì đột nhiên khói lửa nổi lên mù trời, một đội người ngựa đứng chắn giữa đường, đứng đầu là một viên đại tướng, chính là Trương Dực Đức nước Yên. Lại một trận chém giết toi bời, Tháo té ngựa chạy thoát. Chạy đến đường Hoa Dung, Tháo lại cười lớn lên một lần nữa, chư tướng bảo Thừa tướng chớ có cười nữa, Tháo bảo: Nếu là ta dùng binh, phục sẵn ở đây một đạo nhân mã, chúng ta hết đường sống! Một tiếng pháo nổ vang, Quan Vân Trường đã đến!

Ba lần cười của Tào Tháo, đúng là những tiếng cười của một anh hùng chân chính. Ông ta đã xem chiến tranh như là một thứ nghệ thuật. Tuy ông ta đã thua, nhưng vẫn tiếc nuối vì những chỗ chưa được hoàn mỹ của đối thủ, cho đến khi

ba lần cười là ba lần bị truy sát, bấy giờ ông ta mới thôi tiếc nuối. Thất bại trong quân sự và chính trị nhưng Tào Tháo đã kịp thưởng thức tác phẩm hoàn mỹ của địch, nếu không phải là anh hùng thì không thể có những biểu hiện tinh tế đến độ “tiêu sái” như thế.

Những năm cuối cùng của thập niên bảy mươi, văn hóa đại lục bắt đầu mở cửa, bộ phim “Ba lần cười” của Hồng Kông được chiếu rộng rãi. Bộ phim nói về chuyện Đường Bá Hổ và Thu Hương khiến tôi say đến độ mê muội, xem đi xem lại đến ba lần, ngay cả những lời thoại trong phim tôi cũng đã thuộc lòng. Ba lần cười của Thu Hương đúng là quá sức tuyệt vời khiến người ta mê muội. Những nụ cười ấy lưu lại dấu ấn sâu đậm trong lòng tôi đến nay chưa phai. Té ra nụ cười của đàn bà lại làm người ta mê muội, lại đẹp đến độ mê hồn như thế sao?

Nụ cười tiếp theo phải kể đến “Anh Ninh” của Bồ Tùng Linh đời Thanh. Cô tiểu yêu tinh này nghiện cười, động một tí là cười đến độ cong người, không thể kềm chế được. Nàng cười mà không cần phải có căn nguyên, không cần phải cố tình làm vẻ; một tấm thiên chân, thuần khiết vô cùng. Những nụ cười với âm thanh trong vắt của nàng lúc nào cũng ẩn hiện trước mắt tôi. Suy cho cùng, Anh Ninh cười cái gì? Cười những điều đáng cười của thế nhân, cười những con người đáng cười của thế nhân?

Mao Trạch Đông nói: “Để nở nụ cười, thế nhân khó gặp. Ra biên cương tôi anh đều giương cung”.

Lý Bạch nói: “Ngửa mặt cả cười ra khỏi cửa. Cả đời ta há phải sống nơi lều tranh”.

Cười nói chuyện trò vui vẻ là phong thái của cổ nhân. Sau khi bước vào giai đoạn hiện đại, mỗi ngày người ta bận bịu với bao nhiêu lo toan đời thường, những nụ cười càng ngày càng ít đi trên mặt. Những nụ cười phát xuất từ tâm hồn, những nụ cười thiên chân vô tà, những nụ cười khoáng đạt phong lưu dần dần đã bị thay thế bởi những nụ cười méo xệch, giả tạo, khô khốc và chua chát. Đàn ông không nên cười một cách tùy tiện, đàn bà cười đừng bao giờ hở răng là một thứ chuẩn mực mới. Ngoài ra, nụ cười còn có thể đem ra trao đổi mua bán. Ánh sáng phát ra từ kim tiền đã che lấp ánh sáng của nụ cười. Thiết nghĩ, không cần phải nhiều tiền đến như thế, không cần phải cứ đấu tranh mãi với nhau như thế, không nhất thiết phải có nhiều quy định như thế, không cần phải thiết phải theo đuổi khoa học mãi như thế, không cần phải quá nhiều văn minh, cứ để cho mọi người khôi phục nụ cười, để mọi người cười một cách thỏa thuê, cười cho khoái trá, không bị cấm kỵ gì mà cười, cười một cách chân thành, cười thật sự phóng khoáng,... thế giới này nhất định sẽ thay đổi và so với bây giờ, đẹp hơn rất nhiều.

9. Khoái lạc rửa chân

Trong bộ phim nổi tiếng “Đền lồng đỏ treo cao”, Trương Nghệ Mưu đã làm một áng văn bất hủ cùng với Cung Lợi. Chắc người xem còn nhớ, những người đàn bà được điểm phúc hầu hạ lão gia qua đêm, trước tiên là đều được hưởng thụ xoa bóp bàn chân. Những công việc có liên quan đến bàn chân như thế, không nghi ngờ gì nữa, là một bước chuẩn bị cho người đàn bà trước khi làm chuyện gối chăn với đàn ông. Trong bộ phim này, đôi bàn chân được xây dựng thành một hình ảnh có tính tượng trưng.

Trong danh tác “Thủy hử truyện” của văn học cổ điển, hai tên sai nha Đồng Siêu và Tiết Bá áp giải Lâm Xung đi Thương Châu đã nhận tiền hối lộ của kẻ khác nên trên đường đi đã hành hạ Lâm Xung đủ điều, trong đó hành vi độc ác nhất là dùng nước sôi rửa chân cho Lâm Xung, nóng đến độ

Lâm Xung ngửa mặt lên trời kêu khổ, bàn chân phồng rộp lên, mọng nước. Sáng hôm sau, chúng lại cố ý bắt Lâm Xung mang đôi giày cỏ mới làm cho những chỗ bong vỡ toét ra, máu chảy đầm đề. Rửa chân kiểu này chính là một trong những khổ nạn đau đớn nhất.

Trong nhật ký của đại văn hào Lỗ Tấn có những ghi chép có liên quan đến chuyện rửa chân như “rửa chân buổi trưa” hoặc “rửa chân buổi tối”... Những chuyên gia chuyên nghiên cứu về Lỗ Tấn, có ai là không đặt vấn đề nghi vấn về chỗ này. Trong suy nghĩ của họ, rửa chân là rửa chân, chẳng có ý nghĩa gì khác. Nhà phê bình rất thận trọng là Lý Khánh Tư lại từ điểm này mà phát hiện ra điều kỳ lạ. Nhật ký của Lỗ Tấn tiên sinh đâu phải là sổ ghi chép cơ động, những việc quan trọng hơn rửa chân nhiều tại sao tiên sinh không ghi mà lại ghi về một chuyện không đâu vào đâu như thế này? Mà nếu đã ghi thì phải ghi mỗi ngày chứ, cứ gì cứ cách mười ngày nửa tháng mới ghi một lần? Lẽ nào nửa tháng tiên sinh mới rửa chân một lần? Tại sao nghỉ trưa cũng cần phải rửa chân? Khi nghiên cứu đến cuộc sống đời thường của tiên sinh, Lý Khánh Tư mới phát hiện một điều lý thú rằng, trong nhật ký tiên sinh ghi “rửa chân” là một cách nói ẩn ngữ của hoạt động tình dục!

Trước đây không lâu, tôi đến Trường Xuân để tham gia hội chợ sách toàn quốc. Hội chợ đây người khiến tôi choáng, mắt tôi hoa, uống mấy viên thuốc giảm đau mà vẫn không giảm, nằm vật vã trên giường, ngay cả cơm tối cũng bỏ nốt.

Sau khi ăn tối, một người bạn bảo: Đi rửa chân. Rửa chân xong, đầu cậu sẽ hết đau ngay, tôi bảo đảm.

Một đoàn bốn người, chúng tôi vẫy một chiếc taxi, bảo lái xe là chở chúng tôi đến một địa điểm rửa chân nào đó. Lái xe cười một cách tinh quái: Các sắp cứ yên tâm!

Thái độ của lái xe khiến tôi lo lắng. Với cái mặt chưa hề nghĩ đến hai chữ thể diện là gì của tôi đây, lúc nào cũng nghĩ đến chuyện vui vẻ, nhưng chỉ nghĩ thôi và tán dóc với bạn bè thôi, đến lúc làm thật thì lại không đủ can đảm. Lái xe đưa chúng tôi đến một con hẻm, trên cao trời mưa lất phất, dưới thấp đất bùn sền sệt, bánh xe làm bùn văng tung tóe. Ở thành phố này, lái xe taxi chạy ẩu kinh khủng, chiếc xe phóng như một con chuột mù, lúc ngoặt sang đông lúc đánh sang tây. Lái xe không có thái độ gì song những người ngồi trên xe thì được một phen thất kinh hồn vía. Đêm tối như thế, con hẻm như thế, ngồi chiếc taxi như thế, con người không ai không nghĩ đến những chuyện lung tung?

Trước một căn nhà tối tăm, lái xe nói: Đến rồi, đây là chỗ tốt nhất trong thành phố này! Chúng tôi lúi rúi kéo nhau đi vào. Trong một hành lang ánh đèn mờ mờ tỏ tỏ, chúng tôi được một người đàn bà đồ sộ, đen nhẻm từ trong bóng tối hiện ra chẳng khác nào một con báo đen đón tiếp. Bà ta nói: Các ông chủ, chúng em sẵn sàng phục vụ các ông chủ!

Đây là lời nói đưa đẩy, nhưng chúng tôi chẳng lấy thế làm vui lòng hay sinh ác cảm gì. Tiếp theo, bà ta hỏi chúng tôi cần phục vụ món gì, chúng tôi bảo rửa chân. Người đàn bà đưa chúng tôi vào một gian phòng nhỏ, bảo chúng tôi nằm lên giường. Tiếp theo có bốn cô gái gầy có béo có đen có trắng có tiến vào phòng và mỗi cô tiến về mỗi người chúng tôi và bắt đầu đấm bóp. Xong, hỏi có thoải mái dễ chịu không, đáp không. Đúng là biểu hiện một cách chính xác thế giới nữ

quyển, các cô gái đè sấp chúng tôi ra giường rồi đứng hằn lên lưng giẫm một hồi. Giẫm xong lại bảo chúng tôi ngồi dậy thò hai chân vào trong chậu nước có màu tương ớt, các cô gái bảo trong nước đã pha mười mấy loại thuốc quý. Ngâm đến mười mấy phút, các cô bảo, được rồi, lại bảo chúng tôi nằm xuống và dùng khăn lau khô, bắt đầu xoa bóp bàn chân. Khó có thể nói chính xác cảm giác của tôi là đau hay nhột hay tê dại, chỉ biết rằng khi rời khỏi cửa, dáng đi của cả bốn đều xiêu xiêu, ảo lá trông chẳng khác gì những nàng thiên kim tiểu thư của ngày xưa.

Đầu tôi quả nhiên đã hết đau!

10. Uống rượu ngon như ngắm người đẹp

Mấy năm trước, để viết cuốn tiểu thuyết “Tửu quốc”, tôi đã dày công nghiên cứu những cuốn sách viết về nghề nấu rượu và nghệ thuật uống rượu mới hay rằng té ra rượu không hề giản đơn tí nào, ngược lại nó còn là một biển trời kiến thức vô cùng thâm uyên, nếu bỏ công sức của cả một đời người để nghiên cứu về nó, chưa hẳn đã nhận thức được tường tận.

Khi chưa viết “Tửu quốc”, tôi uống rượu chẳng khác nào những tên thổ phỉ, chén to ly nhỏ nào có để ý gì, cứ việc dốc vào dạ dày là xong chuyện để tìm thấy những cảm giác sáng khoái giả tạo, để tỏ rõ hào khí là mình cũng là kẻ biết say. Sau khi đọc những cuốn sách chuyên nghiên cứu về rượu mới hay rằng, cách uống như thế đã từng bị những con người nho nhã ngày xưa gọi một cách miệt thị là “lợn rượu”, đúng là so với lợn say thì chẳng có khác biệt gì. Bậc đại sư trong chuyện uống rượu trước tiên là phải chọn lựa công cụ, hoàn cảnh; sau

đó là chọn bạn rượu, đương nhiên cũng phải chọn loại rượu nào phù hợp nhất với hoàn cảnh. Chúng ta là những kẻ dung tục, khó lòng bì kịp với phong cách uống rượu đầy văn hóa và “tiêu sái” của người xưa, chỉ có thể tâm tâm niệm niệm là cố gắng bắt chước được một tí văn hóa, một chút “tiêu sái” là đã thỏa mãn lắm rồi. Chúng ta không thể và cũng không nhất thiết phải quá coi trọng chuyện này. Cốc uống rượu à, thôi thì cốc thủy tinh là quá đẹp rồi, không có cốc thủy tinh thì dùng cốc sứ Thanh Hoa cũng được. Quan trọng nhất vẫn là rượu, nếu không thì sẽ trở thành chuyện “không bột mà gột nên hồ” mất. Rượu ngon đã có, cốc đẹp đã chờ, tất nhiên việc tiếp theo là uống thôi. Đương nhiên, nếu anh có nhu cầu để cho tiệc rượu được hoàn thiện thêm, tốt nhất là có một giai nhân mặt hoa da phấn tâm đầu ý hợp ở bên cạnh anh để lộ đôi cổ tay ngọc, trên đó có những vòng ngọc lạnh lạnh, miệng nói những lời thêu hoa dệt gấm, thay anh hoặc thay tôi cầm cốc rượu đưa đến tận môi. Trên chiếu rượu cũng không nên thiếu những người giống như công tử Tiết Bàn trong “Hong lâu mộng”, thiếu loại bảo bối này tiệc rượu sẽ mất đi rất nhiều ý nghĩa. Đương nhiên chúng ta không phải là Giả Bảo Ngọc, cũng không phải là Liễu Tương Liên, cũng không thể mạo muội tự nhận, như thế sẽ bị Tào Tuyết Cần tiên sinh cười vào mũi cho. Được rồi, bây giờ thì mọi thứ đã đầu vào đó, bắt đầu uống thôi! Tửu hứng đã có, phải có những trò chơi trong chiếu rượu nữa nhé, nhưng chẳng qua trò hay nhất thì Giả Bảo Ngọc đã chơi mất rồi, những lời nghịch ngợm kiểu “động phòng xuất hiện chú khỉ ngựa” đã bị Tiết Bàn công tử nói mất rồi. Bí quá, thôi thì đành phải nhờ đến karaoke của Nhật Bản vậy. Uống cho đến khi lú cá lú, giật lấy micro rống lên vài câu, lúc ấy có ai hơi sức đâu mà nghĩ đó là quý khóc hay hồ

gắm. Nếu không thì cứ tìm mấy câu gì đó hay hay tiểu tiểu vốn rất thịnh hành trong những chiếu rượu, thậm chí có thể tự lời những gì xấu xa của nhau ra mà trào tiếu cũng là một cách đùa vui. Những tiệc rượu của những quan gia lúc này đại khái đều là như vậy.

Những con người hiểu biết về rượu một cách chân chính thường không cùng uống với người khác, cũng giống như người đẹp trong tay mình thì không thể cùng chia sẻ hạnh phúc với ai cả. Đương nhiên, nếu ngược dòng thời gian một tí, chuyện đem người yêu đầu của mình làm lễ vật để tặng bạn bè cũng không phải là ít. Hình như Lý Bạch đã từng tặng cho Đỗ Phủ một cô ca kỹ rất tâm đắc của mình, nhưng vì cuộc sống sinh nhai quá khó khăn, Đỗ Phủ đã đem bán mất cô này. Lý Bạch chính là khuôn mẫu của kẻ uống rượu hào phóng, Đỗ Phủ lại là điển hình cho kẻ uống rượu cùng cực. Cả hai đều là đại thi nhân, nhưng trên phương diện uống rượu mà nói không thể xem là cao thủ. Một cao thủ uống rượu chân chính khi thưởng thức rượu, trong mắt thường không có rượu. Trong mắt những người này, rượu là đàn bà, mỹ tửu chính là mỹ nhân. Khi chưa mở nắp bình, đại sư sẽ thưởng thức nhan sắc của rượu giống như đang ve vuốt thân thể ngọc ngà của mỹ nhân; sau khi mở nắp, đại sư sẽ tận hưởng mùi hương của rượu giống như đang ôm ấp thân thể nồng nàn của mỹ nhân. Giọt rượu thứ nhất lan trong miệng như đang mê trong làn môi thơm ngọt của mỹ nhân... Rồi từ đó, đại sư sẽ tiến thêm vào thế giới của cái đẹp, cho nên mới nói “rượu không làm say người mà người tự say”, như tắm trong gió xuân, gội đầu trong mưa xuân. Đạt đến cảnh giới ấy, quá trình uống rượu sẽ biến thành quá trình hòa điệu với mỹ nhân. Có sự hòa điệu về

tâm hồn, cũng có sự hòa điệu về nhục thể, đương nhiên quan trọng hơn vẫn là sự hòa điệu về tâm hồn.

Tôi có một người bạn vong niên rất đáng kính, là một giáo sư chuyên về các loại men ở trường đại học X, đã từng lấy bằng tiến sĩ về Men học ở Đại học California vào cuối thập niên ba mươi. Ông ấy chính là một đại sư xem rượu là vợ, lấy rượu làm bạn. Trong mắt ông ta - cũng có thể nói là trong tâm hồn ông ta - bất kỳ một chai rượu nào cũng đều có một sinh mệnh độc lập. Ông ta đã từng nói với tôi: Mỗi một giọt rượu đều có một vẻ tôn nghiêm riêng. Anh chỉ có thể tôn trọng nó, không được coi thường nó; anh chỉ có thể thưởng thức nó, không thể khinh mạn nó. Dưới ánh đèn mờ tỏ, anh nâng chiếc cốc thủy tinh cao chân, trong đó chứa thứ rượu màu đỏ sậm và để cho nó sóng sánh nhẹ nhàng, nó sẽ phát ra một thứ ánh sáng như ngọc thạch, như hổ phách, khác nào một mỹ nhân xiêm y rực rỡ đường hoàng bước ra từ trong cốc rượu, lúc ấy tâm hồn anh bỗng chốc trở nên trong vắt như bầu trời không một gợn mây, linh hồn anh bỗng nhiên thánh thiện như một vị thánh. Anh nên cảm tạ Thượng đế, tôi cũng nên cảm tạ Thượng đế bởi vì người đã tặng cho chúng ta một loại chất lỏng cực kỳ cao quý như người đã từng nặn ra đàn bà để tặng cho đàn ông.

11. Thế gian này, mùi vị nào thơm nhất?

Từ góc độ khoa học mà nói, mùi vị cũng là một dạng vật chất. Mùi vị là phân tử của vật chất - có lẽ nhỏ hơn so với phân tử - tán mạn trong không khí rồi chui vào mũi người, kích thích những tế bào khứu giác, thông qua đầu mút dây thần kinh dẫn đến thần kinh não, rồi thông qua bộ phận phụ trách phân tích mùi vị ở đại não mà con người cảm nhận được mùi vị mà mình ngửi được là thối hay thơm hoặc mùi gì khác nữa. Quá trình vô cùng phức tạp ấy lại diễn ra trong một khoảng thời gian rất ngắn. Đối với bất kỳ một tác gia nào, ký ức của vị giác còn quan trọng hơn ký ức về thị giác, ký ức về thính giác, ký ức về xúc giác rất nhiều lần. Danh tác “Truy tìm năm tháng như nước chảy” của văn học hiện đại Pháp bắt đầu bằng mùi vị của một chiếc bánh mỏng. Khi mùi vị đặc biệt của chiếc bánh tan dần trong miệng, những ký ức về cuộc đời đã qua như những bức họa lần lượt hiện về trong tâm hồn và trí óc của nhà văn.

Những năm đầu thập niên tám mươi, trên văn đàn Đức xuất hiện bộ tiểu thuyết nổi tiếng “Nước hoa”. Bộ tiểu thuyết này tạo nên một làn sóng chấn động bầu trời văn học phương Tây. Cuốn tiểu thuyết này viết về một người có khứu giác cực kỳ mẫn cảm, là một thiên tài trong việc chế xuất ra những loại nước hoa nhờ vào khứu giác của chính mình. Cho dù là loại nước hoa cực quý với bao nhiêu hương liệu ẩn tàng trong đó, chỉ cần đặt bên mũi là ông ta đã có thể phân biệt được đó là những loại hương liệu gì, kể cả hàm lượng của từng loại là bao nhiêu. Ông ta dùng tất cả tinh lực của cả một đời để điều chế ra một loại nước hoa đặc biệt. Ông ta có nói một câu cực hay: Trên thế giới này, ai nắm vững được mùi vị, người ấy cũng nắm bắt được tâm hồn con người; ai không chế được khứu giác con người, người ấy cũng có thể không chế cả thế giới. Ông ta chuyên tâm nghiên cứu cái tiến công nghệ điều chế tinh dầu thơm từ hương thơm của các loài hoa và dầu mỡ động vật của Pháp để điều chế ra những loại nước hoa mới làm chấn động thế giới mỹ phẩm. Nếu so với những loại nước hoa mà ông ta sản xuất ra, những loại nước hoa thời thượng và đắt tiền của các xí nghiệp Pháp không đáng giá một xu! Ông ta đã mang lại cho ông chủ của mình một món lợi nhuận khổng lồ, nhưng đồng thời cũng vì ông chủ mà ông ta đã đánh mất sinh mệnh của chính mình. Sau đó, ông ta trốn vào một hang động nơi thâm sơn cùng cốc, không ăn không uống và biến mình gần như trở thành một xác chết khô, kéo dài cho đến bảy năm. Rồi, hình như có một tiếng gọi siêu nhiên nào đó khiến ông ta hạ sơn. Một đêm nọ, một mùi thơm lạ lùng dường như có mà cũng dường như không đã hấp dẫn ông ta, tìm ông ta như ngừng đập. Mùi vị mà ông ta thầm cầu mong trong những cơn mộng mị đã xuất hiện. Như có ma dẫn lối

quý đưa đường, ông ta nhắm mắt lần theo mùi vị như một con chó. Bước chân ông ta đã đi qua bao nhiêu đường phố, bao nhiêu con hẻm và trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê, ông ta dừng lại trong một hoa viên và ở đây, cuối cùng ông ta đã phát hiện ra ngọn nguồn của mùi hương: Chính là đứa con gái mười ba tuổi của ông chủ mảnh hoa viên này. Mũi ông ta phồng lên, đôi mắt vẫn nhắm, từng bước từng bước tiến về phía con mồi. Khi ông ta đã đứng trước giường của cô thiếu nữ, đôi mắt như mắt cá chết của ông ta đầy nước mắt. Sau đó, ông ta bỏ ra đến hai năm chuyên tâm nghiên cứu kỹ thuật phân chất bằng phương pháp hòa tan mùi vị trên thân thể con người. Sau đó, ông ta lợi dụng cái thân thể không hề có mùi vị gì của mình, giết chết cô gái có mùi thơm vô cùng cao quý ấy rồi hấp thụ toàn bộ mùi hương của cô ta vào cơ thể mình (trước khi chuyện này xảy ra, ông ta đã từng giết chết hai mươi bốn cô gái khác để làm điều tương tự). Ông ta dùng mùi vị của hai mươi bốn cô gái để điều chế ra một loại nước hoa có mùi vị kỳ dị nhất trên thế giới, vô luận là ai, chỉ cần ngửi thấy mùi nước hoa ấy, dục tính sẽ như nước thủy triều dâng lên ngùn ngụt, lan tràn...

Những điều vừa nói ở trên, cho dù là được kể bởi nhà tiểu thuyết nhưng rõ ràng chúng vẫn có những điều có thể chứng thực được. Căn cứ vào kết luận của khoa học, tự nhiên giới có đến bốn mươi vạn loại mùi vị khác nhau, mùi thơm lẫn mùi không thơm phân biệt với nhau mỗi loại chiếm một nửa. Trong hai mươi vạn mùi thơm ấy, cao quý nhất, khó tổ hợp lại nhất vẫn là mùi vị của thiếu nữ thanh xuân. Đây là một loại mùi tươi non như hoa nhưng lại có sức sống vô cùng dữ dội; là một thứ mùi mang đầy đủ vẻ thanh xuân của sinh

mệnh; là một thứ mùi tượng trưng cho thế giới trong tương lai. Theo đà phát triển của hóa học và vật lý học, nhân loại hầu như đã điều chế ra tất cả các loại mùi vị, nhưng nhân loại vẫn không thể nào chiết xuất ra được mùi vị thanh xuân của thiếu nữ.

Thiếu nữ chính là những nụ hoa chớm hé. Rồi sẽ có một ngày, thiếu nữ sẽ trở thành người lớn, lại giống như hoa tươi nở rộ. Hoa tươi nở rộ lúc nào cũng tiết ra mùi hương nồng nàn nhưng đồng thời cũng đang ẩn tàng trong đó mùi vị của sự tàn rữa.

12. Người đẹp không phải là người

Người như thế nào thì được gọi là mỹ nhân? Mỗi thời đại đều có những tiêu chuẩn thẩm mỹ riêng, mỗi dân tộc cũng đều có tiêu chuẩn thẩm mỹ riêng của mình. “Trong mắt người đang yêu em bỗng hóa Tây Thi”, điều này chứng minh ngay cả mỗi người cũng có những tiêu chuẩn thẩm mỹ riêng. Thơ “Thục nhân” trong “Kinh Thi” viết: “Thủ như nhu để, phu nhược ngưng chi. Lãn như tù tề, Xỉ nhược hồ tề, Tần thủ nga mi - Ngón tay như những mầm lá mới nhú tươi non, làn da nõn nà mượt mà như mỡ đông, chiếc cổ dài và trắng như ấu trùng sâu thiên nga, hàm răng trắng đều như hạt bầu, lông mày đen dài như mày tằm”. Tiếp theo còn viết: “Xảo tiểu sảnh hể, Mỹ mục phán hể - Nét cười duyên dáng, mắt nhìn long lanh”. Đúng là có phong thái sinh động. Đại khái, đây là cách miêu tả mỹ nhân cực kỳ kinh điển, mỗi hình tượng so sánh đều tuyệt vời, kết hợp tất cả lại sẽ trở thành một mỹ nhân bằng xương bằng thịt

xuất hiện trước mặt chúng ta. Ngay trong buổi bình minh của văn học mà người bình dân đã viết những câu miêu tả đẹp đến mê hồn như thế nên Tống Ngọc, cho dù là tài cao tám đầu, khi miêu tả mỹ nhân cũng chỉ có thể nói được thế này: *"Tăng thêm một phần thì quá dài, Giảm đi một tí thì quá ngắn. Thoa son ắt quá đỏ, đánh phấn tất quá trắng"*. Đúng là những lời hàm hồ, mông lung; hình dáng và làn da của mỹ nhân thế nào đổ có ai hình dung ra! Dân ca Nhạc phủ cũng bắt chước cách miêu tả của Tống Ngọc để miêu tả sắc đẹp của La Phu: *"Người đi đường trông thấy La Phu, Quẳng gánh ngồi thần thờ vượt râu. Người cày quên phất chuyện cày bừa, Người cuốc ruộng buông rơi cả cuốc"*. Suy cho cùng, hình dạng của La Phu như thế nào? Không biết, anh cứ tự tưởng tượng vậy. Trong tiểu thuyết xưa, tả dung mạo mỹ nhân quanh đi quẩn lại cũng toàn những câu đại loại như "chim sa cá lặn", "nguyệt thẹn hoa nhường", đúng là khoa trương đến cao độ, nhưng cuối cùng thì mỹ nhân chẳng qua cũng chỉ là mờ mờ nhân ảnh, là ảo ảnh trừu tượng. Đến thời đại của "Kim Bình Mai", "Hong lâu mộng" mới có một vài nét cụ thể khiến chúng ta nhận ra Lâm Đại Ngọc rất gầy, Tiết Bảo Thoa rất đầy đặn. Từ khi có máy ảnh, có phim, có ti vi xuất hiện, chúng ta mới có thể đem hết sắc đẹp của mỹ nhân trời nam đất bắc đưa vào trong tầm ngắm, mới có thể hình thành nhận thức cảm tính về họ.

Người như thế nào mới xứng đáng được gọi là mỹ nhân? Tuy mỗi người đều có những tiêu chuẩn thẩm mỹ riêng, nhưng cảm quan về những nét thẩm mỹ cộng đồng nhất định phải tồn tại. Thân hình của người đẹp có thể cao có thể thấp, thể thái có thể mập có thể gầy, nhưng nhìn chung là phải hài hòa cân xứng. Một số bộ lạc ở châu Phi xăm mình,

mũi đeo vòng khuyên được xem là đẹp chỉ là trường hợp đặc thù. Gương mặt mỹ nhân có thể tròn cũng có thể nhọn, mắt có thể to có thể nhỏ, mũi có thể cao có thể thấp, miệng có thể rộng có thể hẹp, đầu tóc có thể vàng có thể đen, nhưng nói chung là phải hài hòa. Nói hài hòa cũng có nghĩa là nhìn thuận nhãn, chỉ ít cũng phải tương đối thuận nhãn.

Thuận nhãn là tiêu chuẩn thấp nhất khi định giá mỹ nhân, bởi những người như thế có thể thấy nhan nhân ở khắp mọi nơi. Đặc biệt là trong đời sống vật chất đang lên ngôi, nghệ thuật hóa trang đã tiến bộ bội phần, tuyệt đại đa số đàn bà đều có thể vận dụng những kiến thức hóa trang để biến mình thành “thuận nhãn” trước mọi người. Nếu trong hàng ngũ đông đảo ấy tuyển chọn một vài mỹ nhân siêu cấp, tức là loại quốc sắc thiên hương thì tiêu chuẩn không còn dừng lại ở chỗ hài hòa và thuận nhãn nữa. Ngược lại, có khi tiêu chuẩn tuyển chọn lại là không hài hòa, nói một cách chính xác là muốn tuyển chọn một người đàn bà có những đặc điểm riêng để tôn vinh là mỹ nhân. Điểm đặc biệt này tất nhiên không phải là biểu hiện của sự chưa hoàn bị về mặt sinh lý. Mọi người đều đã biết, Củng Lợi đã từng có hàm răng không được chuẩn, Sophia Loren với chiếc mũi to và cặp môi dày... đều là những điểm khiến người ta khó quên. Mỹ nhân trong “Đăng Đồ tử hiếu sắc phú” của Tống Ngọc được miêu tả như là một sự chuẩn mực, kỳ thực không thể được gọi là mỹ nhân, chỉ ít cũng không được xem là mỹ nhân trong thẩm mỹ quan hiện đại.

Cũng là do chức nghiệp quy định, tôi cũng có thể được xem là người đọc trung thành của văn học, đọc qua rất nhiều tác phẩm nhưng hình tượng mỹ nhân khiến tôi khó quên

không phải Điều Thuyền cũng chẳng phải Tây Thi, mà là những hồ ly tinh dưới ngòi bút của Bồ Tùng Linh tiên sinh người Sơn Đông chúng tôi. Những cô hồ ly tinh này, người thì thích cười, người thích làm huyền ảo... nhưng cô nào cũng có cá tính, đều siêu phàm thoát tục, không giả tạo, không ngụy tác, không chấp nhận sự ước thúc của lễ giáo, không nề hà nhân gian sóng gió. Chung quanh họ có một luồng yêu khí là là. Anh xem, những cô siêu mẫu trên sàn diễn thời trang chiếu trên ti vi, đôi mắt của các cô mới đẹp nhưng kỳ lạ và lạnh lẽo làm sao, có giống mắt người không? Không giống! Thế giống gì? Giống hồ ly, giống yêu tinh! Cho nên tôi nói, những mỹ nhân chân chính trên toàn thế giới này không có bao nhiêu. Họ không biết vào nhà bếp, cũng chẳng biết thuê thuyền may vá. Tôi cho rằng sắc đẹp của Dương Lệ Bình, cô diễn viên múa balê có thể được đem ra để so sánh với những cô tiểu hồ ly của Bồ Tùng Linh. Khi cô ta múa trên sân khấu, toàn thân cô ta tỏa ra một làn yêu khí, tiên khí nhưng hoàn toàn không có nhân khí. Do vậy không ai có thể bắt chước, không ai có thể vượt được Dương Lệ Bình.

Tháng 12 - 1997

Giấc mơ đại học của tôi

Những năm đầu thập niên sáu mươi, khi tôi mới bước chân vào tiểu học thì anh cả tôi đã thi đỗ vào Trường Đại học Sư phạm Hoa Đông với điểm số rất cao, trở thành cậu sinh viên đầu tiên của vùng Đông Bắc Cao Mật. Việc anh đỗ vào đại học đã mang lại vinh dự lớn lao cho gia đình, cũng kích thích giấc mơ đại học của tôi. Nhưng ngay sau đó, “Đại Cách mạng văn hóa” bộc phát, tôi lại vì chuyện viết báo cho một tờ báo nhỏ “Quả tật lê tạo phản” nên đã đắc tội với thầy hiệu trưởng, do vậy mà tôi bị đuổi khỏi trường khi đang còn học dở lớp năm.

Tờ “Quả tật lê tạo phản” chỉ ra mắt được một kỳ thì đã bị các thầy buộc phải đình bản. Tôi nhớ trên tờ báo có “bài thơ” - tác phẩm đầu tay của tôi, đại khái là: Tạo phản tạo phản cần tạo phản, Mao Chủ tịch hiệu triệu tạo phản! Đập nát đập nát đập nát hết. Đập nát nền giáo dục tư bản! Kỳ thực thì

thầy hiệu trưởng đương quyền đã tạo phản, ông ấy cũng đập phá cả, nhưng quan điểm của ông ấy với tôi không hoàn toàn giống nhau, do vậy mà tôi đã đắc tội với ông ấy.

Sau khi mất học, tôi mới thấm thía được nỗi thống khổ theo kiểu của Cao Ngọc Bảo. Sau khi các trường mở cửa trở lại, tuyệt đại bộ phận bạn cùng lớp của tôi đều chuyển đến học ở trường trung học Nông nghiệp ngay trước mặt nhà tôi. Cho dù chuyện đi học lúc ấy được xem như một trò đùa, nhưng dù sao đi học vẫn cứ là đi học. Mỗi lần dắt dê dắt trâu, lưng đeo sọt cỏ đi ngang qua con đường nhỏ trước cửa lớp học, nghe thấy tiếng ồn ào của những bạn học ngày xưa, lòng tôi xốn xang vô cùng. Không chỉ mộng đại học đã bị tắt ngấm, ngay cả tấm bằng trung học cũng lấy không xong. Thành phần gia đình phú nông, tham gia bộ đội cũng không phải là chuyện dễ, làm công nhân cũng chẳng có chút hy vọng gì, xem ra cả đời tôi phải bán mặt cho đất bán lưng cho trời mất thôi. Trong cơn tuyệt vọng, tôi lục lại những quyển sách giảng văn của anh cả khi còn đang học trung học ra, đọc đi đọc lại một cách say mê đến khi thuộc thì thôi, đầu tiên là đọc những truyện ngắn và những đoạn trích tiểu thuyết trong ấy rồi đến tản văn, ngay cả những bài viết của Trần Bá Đạt, Mao Trạch Đông tôi cũng thuộc lòng. Ồ.

Mấy năm trôi qua, một nhân vật danh tiếng là Trương Thiết Sinh đã xuất hiện. Cho dù con người này chẳng tốt lành gì, nhưng những cách thức của anh ta đã gợi ý cho tôi và từ trong tăm tối, tôi đã nhìn thấy một luồng ánh sáng. Té ra chỉ cần dựa vào một phong thư mà đã đường đường chính chính bước vào cánh cổng đại học! Tôi học theo cách thức của Trương Thiết Sinh viết một phong thư gửi cho Bộ trưởng Bộ

Giáo dục Quốc gia lúc ấy là Chu Vinh Kim, biểu đạt nguyện vọng được học đại học một cách điên cuồng của tôi. Thư đi được nửa tháng, đêm ấy tôi đang giúp mẹ đốt lò, bố tôi có việc đi ra ngoài quay trở về, trên tay ông có một phong thư màu xám. Như có một tiếng nổ lớn vang lên bên tai, linh cảm mách bảo rằng, đó là hồi âm cho lá thư của tôi. Tôi vừa kích động vừa lo lắng, không biết là phúc hay họa đang chờ mình. Bố tôi giở phong thư lên, tay ông cũng đang run nhưng cũng không vội vàng gì đưa nó cho tôi, đôi mắt ông nhìn tôi dài dại, buồn buồn - cái nhìn mà đến nay tôi vẫn chưa quên. Cuối cùng thì ông cũng nói được một câu: Con nghĩ như thế nào? Hỏi xong thì đưa phong thư cho tôi. Tờ giấy bên trong màu hồng, có mười mấy dòng chữ viết bằng bút chì, nội dung đại khái là: Tôi đã nhận được thư của anh. Nguyên vọng muốn học đại học của anh là rất tốt, hy vọng anh tiếp tục phấn đấu lao động, chờ đợi sự tiến cử của bản hạ trung nông. Đúng là lời lẽ của quan chức, nhưng lúc ấy tôi cảm động đến độ muốn phát khóc. Đây chính là thư hồi âm của Bộ trưởng Bộ Giáo dục

Quốc gia! Đêm ấy, tôi nghe bố mẹ thì thầm với nhau, bố nói: Thằng nhỏ này ra đời nếu mà hanh thông thì biết đâu sẽ làm nên chuyện, không may thì gieo họa cho tổ tông thôi! Mẹ thở dài nói: Cũng uống phí cho con lắm, có đầu óc như vậy mà ngày nào cũng quanh quẩn với con trâu con dê!

Hồi âm của Bộ trưởng khiến cho mộng đại học của tôi ngày càng trở nên điên cuồng hơn. Nhưng tôi vẫn đủ tỉnh táo để biết rằng, nếu tôi có khổ hơn cả một con trâu cũng chẳng trông chờ gì vào sự tiến cử của bản hạ trung nông để vào đại học. Lúc ấy, chuyện cử tuyển theo đề nghị của bản hạ trung

nông chẳng qua là những lời nói suông, mỗi năm được phân cho mấy chỉ tiêu phân phối thì làm sao lọt qua tay của con em cán bộ lãnh đạo công xã, hạnh phúc ấy căn bản chẳng đến phận của con em nông dân, đừng nói là kẻ như tôi vốn xuất thân từ tầng lớp phú nông, ngay cả tiểu học mà không tốt nghiệp nổi nữa là. Do vậy mà tôi nghĩ đến chuyện đi bộ đội. Trong quân đội, chỉ cần làm việc cho thật tốt là có thể được cử tuyển vào đại học. Cho dù không vào được đại học, làm một cán bộ quản lý cũng là một con đường tươi sáng vô cùng.

Sau bốn năm liên tục nỗ lực, khi tròn 21 tuổi tôi được gọi nhập ngũ. Đó là một ngày tháng 2 năm 1976. Trong quân ngũ, tôi làm việc cật lực đến độ không thiết gì đến bản thân. Dọn cầu tiêu, đào phân lợn, “phản kích hữu khuynh”. Có một lần tôi được điều động đến nông trường tham gia gặt lúa, khối lượng công việc hoàn thành của mình tôi so với tất cả anh em còn lại có khi còn nhiều hơn. Với những thành tích ấy, tôi giành được sự tán thưởng và cảm tình của toàn đơn vị từ cao xuống thấp. Khi viết đơn xin nhập ngũ, hầu như ai cũng khai thấp tuổi xuống và khai năng trình độ văn hóa, đương nhiên tôi cũng không phải là một ngoại lệ - vì chuyện đó mà tôi cảm thấy lo lắng trong một thời gian rất dài - Tuy chưa hề tốt nghiệp tiểu học nhưng tôi lại cả gan khai là đã học hết lớp mười! Cuối năm 1977, lãnh đạo đơn vị bảo tôi hãy lo ôn tập bài vở, chuẩn bị mùa hè năm sau đến Bắc Kinh dự thi, nơi đăng ký dự thi là Học viện Kỹ thuật công trình vốn do quân đội quản lý. Tôi vừa phấn khởi vừa sợ hãi. Phấn khởi vì cơ hội cuối cùng cũng đã đến, sợ là vì một chút kiến thức về toán lý hóa cũng không hề có, ngay cả việc cộng trừ nhân chia còn không nắm chắc. Mấy ngày liền tôi nuốt không nổi

cơm, không chợ được mắt, muốn tìm đến thủ trưởng để thú nhận chân tình nhưng lại sợ mắc vào cái tội khai man lý lịch để lừa tổ chức. Sau đó tôi nghiêng rằng quyết định: Được rồi, liều chết, cố thôi! Viết thư nhờ người nhà gửi tất cả những sách vở của anh cả đến rồi dưới sự phụ đạo của một anh bạn trong đơn vị, bắt đầu quá trình tự học gian khổ kinh hoàng. Trong vòng nửa năm, trong một gian kho cất giữ công cụ lao động, tôi đã thức trắng những đêm dài, liên tục từ đêm này sang đêm khác đánh vật với những phân số, phức số..., một cuốn hóa học, hai cuốn vật lý. Kỳ thi sắp đến, trong lòng tôi càng lo sợ phập phồng. Ai ai trông thấy tôi cần mẫn như vậy đều nói tôi nhất định sẽ đỗ, nhưng tự tôi nhìn nhận mình một cách rõ ràng nhất, trong vòng nửa năm, tôi chỉ có thể học thuộc lòng một số công thức, định lý, còn vận dụng nó để giải toán thì tất nhiên là chẳng ra gì, nhất định tôi không thể đỗ được. Trong lúc nguy cấp nhất, cấp trên lại gọi điện đến báo, danh sách dự thi không có tên tôi, do vậy tôi không cần phải đến Bắc Kinh nữa. Nghe được tin này, tảng đá nghìn cân như được cởi bỏ nhưng trong lòng tôi lại vừa vui vừa buồn.

Qua một phen lao đao, mộng đại học của tôi về cơ bản đã tan vỡ. Không lâu sau, tôi được điều động về một đơn vị mới, đảm nhiệm chức vụ giáo viên chính trị kiêm nhân viên quản lý thư viện. Để có thể lên lớp, tôi cúi mũi vào đọc những cuốn sách về lý luận chính trị, lại lợi dụng chức danh, đọc ngốn ngấu rất nhiều sách văn học nghệ thuật. Những năm đầu thập niên 80, trong những lúc nhàn rỗi, tôi bắt đầu tập tành sáng tác. Trong lúc mộng đại học không còn thấp thoáng trong đầu nữa thì cánh cổng đại học đột nhiên lại mở toang trước mắt tôi. Đó là một ngày hè vô cùng nóng bức,

tôi nghe loáng thoáng rằng Khoa Văn học của Học viện Nghệ thuật Quân đội thông báo chiêu sinh. Lúc ấy, việc đăng ký dự thi đã kết thúc nhưng có lẽ là do mệnh vận xui khiến và chỉ đạo, tôi vác tác phẩm của mình xông thẳng vào cổng học viện. Ân sư Từ Hoài Trung tiên sinh đọc xong tác phẩm của tôi bèn nói với chuyên viên Lưu Nghị Nhiên trong khoa: Cậu học sinh này, nếu thi văn hóa mà không đạt điểm đỗ thì chúng ta cũng sẽ đặc cách cho đỗ! Lại là một sự dẫn dắt nữa của mệnh vận, điểm thi văn hóa của tôi lại rất cao. Ngày 1 tháng 9 năm 1984, tôi vác ba lô rời đơn vị để đến với giảng đường đại học.

Tháng 10 - 1997

Tôi và âm nhạc

Âm nhạc, xét trên mặt chữ, đại khái có thể lý giải là “khoái lạc âm thanh” hoặc “âm thanh đem lại khoái lạc cho con người”. Trên góc độ danh từ mà lý giải thì có lẽ phức tạp hơn nhiều, không thể bằng mấy câu mà nói cho tường tận được. Tôi nghĩ, cội nguồn xa xưa nhất của âm nhạc là do con người dùng khí quản của mình bắt chước âm thanh của đại tự nhiên. Chẳng hạn như muốn bắt thú hoang phải bắt chước tiếng kêu của thú hoang, không những dụ được thú hoang mà còn nghe rất hay, do vậy mà không ngừng lặp đi lặp lại, không những thế lại còn kêu lên cho đồng bọn nghe. Đó chính là vừa sáng tác lại vừa biểu diễn vậy. Khi không cần bắt thú hoang, dùng âm thanh ấy để réo gọi đồng loại thì ngựa cổ ngẩng đầu, những tiếng hú liên tục được phát ra. Có tiếng kêu hay, có tiếng kêu không hay; kêu hay chính

là hát vậy. Trong thế giới tự nhiên có loại âm thanh hay, có loại âm thanh không hay, hay thì làm con người vui vẻ khoái lạc, không hay làm con người không cảm thấy khoái lạc. Âm thanh có thể làm cho con người vui vẻ khoái lạc chính là hình thức âm nhạc sớm nhất trong lịch sử âm nhạc. Dần dần, chỉ dựa vào cuống họng để phát xuất ra âm thanh không đủ thỏa mãn nhu cầu, do vậy mà bắt đầu dùng lá cây, ống trúc hoặc bất kỳ một vật nào khác để hỗ trợ cho việc phát âm. Những thứ ấy chính là những loại nhạc khí sớm nhất trong lịch sử âm nhạc.

Thuở nhỏ tôi chăn trâu trên đồng, cười trên lưng trâu, đang cảm thấy cô đơn tĩnh lặng quá đôi thì đột nhiên có những tiếng chim kêu trên đầu, tiếng kêu sao mà thê lương. Tôi ngẩng đầu lên nhìn trời cao một cách vô thức. Trời xanh như mặt nước biển, xanh đến độ buồn thảm. Tâm hồn non trẻ của tôi bỗng nhiên tỉnh tế hẳn lên, mềm oặt như sợi tơ tầm nhưng cũng ẩn chứa một đầu mũi kim. Một cảm xúc không thể nói rõ như thế nào dâng lên trong lòng tôi, lúc thì như một đàn cá đang tung tăng bơi lội, lúc thì như chẳng có gì cả, trống không hoang vắng. Cho nên, những âm thanh hay không nhất định đem đến cho người nghe sự khoái lạc. Do vậy, trên thực tế âm nhạc có thể khơi dậy trong tâm hồn con người bao nhiêu là sắc thái tình cảm, có thể mềm yếu, có thể mạnh mẽ, có thể hùng tráng, có thể bi thương. Âm nhạc chính là những âm thanh có thể làm cho tâm hồn con người trở thành một mặt hồ mênh mông với những đợt sóng đang lăn tăn.

Ngoài những âm thanh của chim chóc, trên đồng còn có tiếng của bò, tiếng những con trâu nái gọi con, tiếng trâu nghe oe oe gọi mẹ; tiếng kêu của chúng càng làm cho tâm tư

tôi thêm nặng nề. Còn có tiếng gió, tiếng mưa xuân, tiếng ếch nhái kêu nửa đêm trong tháng ba... Tất cả đều như dao cứa vào gỗ, khắc sâu trong những hồi ức của tôi. Vất chúng qua một bên, tôi đi tìm những cảm giác âm thanh mới ở trong loại ca kịch Miêu Xoang của địa phương. Nam thanh nữ điệu, bi bi thiết thiết, hình như con người ở đây từ xưa đến nay đắm chìm triền miên trong bể khổ không bằng.

Đầu năm 1977, tôi nhập ngũ tại huyện Hoàng, đạp xe theo cán bộ huấn luyện đi từ chỉ huy sở về đơn vị. Đã hoàng hôn, tuyết lấp đầy trên mặt đất, yên lặng đến lạ lùng, không có lấy một âm thanh nào khác ngoài tiếng bánh xe đạp lao xào trên tuyết. Đột nhiên, từ trên loa phóng thanh của chỉ huy sở vang lên bài hát "Hong hồ xích vệ đội". Những ca từ rất nổi tiếng: *Nước hồ Hồng a, sóng a, sóng đuổi sóng. Bờ bên kia hồ Hồng là quê hương...* Chúng tôi dừng xe lắng tai nghe, cảm giác toàn thân đang được bảo bọc trong một dòng nước ấm áp diệu kỳ. Trong mơ mơ hồ hồ tôi nhận ra, mùa đông lạnh lẽo đã trôi qua, một thời đại mới tràn trề tình yêu đang đến. Lời ca đưa tôi quay về với thời niên thiếu. *Nhị Lăng sơn cao cao, cao hàng vạn trượng...* Những ngày hè nóng bức thuở thiếu niên, trong đồng cỏ quê hương, trên lưng trâu, nghe tiếng chuồn chuồn đập cánh, nghe được cả tiếng của những tia nắng chiếu xuống mặt đất. Cúi người thật thấp trên thành giếng, dùng cọng hành làm ống hút, hút nước giếng lên mà uống, những chú nhái nhảy tung người lên cao rồi chúi thẳng xuống đáy giếng. Nước uống đã no, lại dùng cọng hành làm kèn, những âm thanh trầm thấp, đó chính là âm nhạc.

Thời gian thấm thoát, tôi đã đổ vào Học viện Nghệ thuật Quân đội. Những tiết học âm nhạc với nhạc sĩ tài ba Lý

Đức Luân, thầy giảng đến bao nhiêu tiết, lang thang từ Tân Thủy Hoàng đến Hán Vũ Đế, đến Cách mạng Tân Hợi mà không hề nhắc qua hai tiếng “âm nhạc”, chúng tôi thất vọng vô cùng. Tôi nói, thưa thầy, thầy đừng giảng nữa, có thể cho chúng em nghe một vài băng ghi âm được không? Thầy có vẻ không vui, nói: Tôi có thể chỉ huy cả một dàn nhạc giao hưởng, nhưng tôi không thể điều khiển được máy ghi âm. Mọi người đều cười tôi nông cạn. Nghĩ lại, tôi thấy mình quả là hồ đồ. Người ta là đại sư trong việc chỉ huy dàn nhạc, sao tôi lại có thể yêu cầu thầy điều khiển máy ghi âm?

Tôi đã viết một truyện dài có nhan đề là “Âm nhạc dân gian”. Đọc truyện này, nhiều người cứ cho rằng kiến thức về âm nhạc của tôi rất khá, kỳ thực, những từ ngữ mà tôi đưa vào trong truyện là do tôi sao chép từ cuốn “Sổ tay thường thức âm nhạc” mà ra.

Trong làng tôi có một người kéo đàn nhị rất hay mặc dù ông ta không hề biết lấy một chữ đại tự. Nói chung là miệng ông ta có thể phát ra những âm thanh gì thì chiếc đàn trong tay ông ta có thể phát ra âm thanh ấy. Mắt nhắm tít, tay ông ta kéo đàn, còn miệng ông ta thì cứ nhóp nhép như đang nhâm nhi một viên kẹo thơm ngon. Tôi cũng đã từng học kéo đàn nhị, cũng bắt chước điệu bộ của người kéo đàn nhị hay nhất trong làng, mắt nhắm tít, miệng nhóp nhép như đang ngậm một viên kẹo thơm ngon. Chóc chách chóc chách, chóc chóc chách chách... Mẹ tôi bảo: Con trai à, nghỉ chút đi, không cần phải xay lúa nữa, bữa nay như thế là đủ ăn rồi! Tôi nói, không phải là xay lúa mà con đang bật dây cung. Chúng tôi không hiểu nhạc lý, cho nên chỉ học mò, cái miệng nhóp nhép theo tiếng đàn một cách vô thức. Khi tôi đã mò ra được

bài “Đông phương hồng” thì chiếc đàn nhị bị hỏng, muốn sửa nhưng lấy đâu ra tiền nên lịch sử học đàn của tôi cũng chấm dứt luôn. Thuở ấy có một chàng trai mù thường đến làng tôi hát rong, anh ta kéo đàn nhị rất hay. Một chàng trai có nước da thật trắng, giọng hát và kéo đàn nhị quá hay khiến một cô gái rất yêu âm nhạc và ca hát trong làng động xuân tình và đã bỏ trốn theo chàng ta. Cô gái này tên Thúy Kiều, được xem là “chiếc nắp ấm trà”, đẹp nhất làng. Cô gái đẹp nhất làng lại bị một anh chàng mù mê hoặc, đó chính là ma lực của âm nhạc, cũng là nỗi sỉ nhục lớn nhất của thanh niên trai tráng trong làng. Từ đó trong làng dấy lên cao trào học kéo đàn nhị, nhưng học được đàn không có mấy người, trình độ cũng kém xa anh chàng mù nọ. Thế mới thấy rằng, chỉ có nhiệt tình không thôi là chưa đủ, phải có một chút bẩm sinh.

Xóm giềng của tôi có mấy cô gái có thể xem là thiên tài âm nhạc, vô luận là những khúc điệu mới lạ và khó đến mức nào nhưng chỉ cần nghe qua một lần là họ đã bắt chước hát theo. Hát theo vài lần là họ đã có thể thuộc lòng. Nhưng bọn họ không bằng lòng với việc hát theo nguyên điệu, do vậy mà vừa hát vừa sáng tạo thêm. Những sáng tạo của họ khiến cho những khúc nhạc lúc cao lúc thấp, lúc nhỏ lúc to, lúc thô lúc tinh, luyến bên này láy bên kia, khó lòng nhận ra khúc hát ban đầu nữa. Tôi nghĩ, hình như các cô đang sáng tác thì đúng hơn. Rất tiếc bố mẹ của các cô đều là những người căm ghét về âm nhạc, nhà lại quá nghèo nên những “thiên tài” này đành phải chịu mai một với thời gian.

Mỗi khi nghe thấy bản hợp tấu “Lương chúc” là tôi như bị nhập mê. Khúc nhạc này triền miên diu dặt, dễ đưa con người vào trong cõi mơ mơ màng màng. Sau này tôi còn

nghe được nhạc Beethoven, Mozart,... Tuy không hiểu hết được những gì trong đó, chỉ có thể cảm nhận được một phần những gì mà ngôn ngữ giao tiếp không thể nói được, lúc thì hình như là thà chết chứ không khuất phục, lúc thì như sự vật vã về sinh mệnh, lúc thì như tiếng đàn bà thở than. Có lúc như mê mê tỉnh tỉnh đi vào những thảo nguyên mênh mông hoang dã, vào rừng sâu, lúc như đang đứng bên Hoàng Hà gầm gào cuộn sóng... Có lẽ đó là những hình tượng âm nhạc? Ai mà biết được!

Khó có thể nói tôi là người nghiện âm nhạc, bởi nghe cũng được mà không nghe cũng xong, cũng không hề chọn lựa, kinh kịch cũng nghe, nhạc giao hưởng cũng thưởng thức. Có một khoảng thời gian tôi đã từng vừa đeo tai nghe nhạc vừa viết văn, viết đến đoạn nhập thần thì hầu như bên tai không còn tiếng nhạc nữa, chỉ có thể cảm thấy có một sức mạnh nào đó đẩy ngòi bút tôi đi theo một con đường không có điểm dừng. Chỉ tiếc là, băng đĩa nhạc không phải là một con đường đi đến vô cùng, lúc nó dừng lại thì tôi cũng đánh mất trạng thái “vong ngã” để quay về với “chính ngã”, đúng là đáng ghét.

Tôi đã đọc một cuốn tiểu thuyết Liên Xô cũ, hình như có tên là “Con người chân chính”, trong đó có một phi công vừa lái thử xong một loại máy bay mới, mở buồng lái bước xuống, cực kỳ hưng phấn nói: Quá hay, quá đẹp, như một chiếc đàn violon! Khi tôi viết đến độ say sưa nhất, đôi khi cũng có cảm giác là bên tai mình luôn vang vọng một khúc nhạc giao hưởng. Có khi trong không gian của những bản giao hưởng ấy, tôi thường dùng ngón tay vạch xuống bàn những ký hiệu kỳ lạ, nếu không có bàn thì tôi lại vạch trong

không gian, hình như đó là những gì tôi thấy được từ những nốt nhạc. Tôi không hề biết khiêu vũ, nhưng khi có một mình trong phòng, tôi cũng dậm chân hoa tay theo những tiết tấu mà tôi nghe được và có cảm giác là trong thân thể mình có một khả năng nhảy những khúc điệu của loài dã thú đang ẩn tàng.

Tôi cũng khẳng định là mình không hề có những kiến thức về âm nhạc, nhưng mỗi khi được thưởng thức âm nhạc thì tôi cảm thấy sáng khoái vô cùng. Sáng khoái được hiểu như một từ đồng nghĩa với phát tiết, cộng hưởng. Nói chung, tuyệt đại bộ phận âm nhạc không đem đến cho con người sự cười đùa vui vẻ, nếu có loại âm nhạc để mà cười đùa vui vẻ thì đó là thứ âm nhạc tương đối thô thiển. Về cơ bản, tôi biết loại hình nghệ thuật này là cái gì, nhưng bảo tôi nói ra bằng lời nó là cái gì thì tôi không thể. Nói không được, nhưng có thể cảm thụ được, tôi nghĩ đó mới là nghệ thuật chân chính.

Tôi còn muốn nói thêm là, âm thanh trong thế giới này còn phong phú gấp nhiều lần so với âm nhạc. Âm thanh là hình thức tồn tại của thế giới, là ngoại xác để cho linh hồn nhân loại trú ngụ. Âm thanh cũng là một hình thức tương thông giữa con người và Thượng đế, có bao nhiêu người đã từng dựa vào âm thanh để mà bay lên thiên quốc, bay lên cõi tương đối vĩnh hằng.

Tháng 9 -1997

Những con cừu và... tôi

Họ nhà dê có rất nhiều chủng loại, hình dáng cũng khác nhau, nhưng để lại ấn tượng sâu nhất cho tôi vẫn là con cừu.

Hai mươi năm trước, tôi có hai con cừu làm bạn, hình bóng của chúng cho đến bây giờ vẫn còn lưu lại trong ký ức của tôi. Lúc ấy, bộ dạng của tôi thế nào khó mà có thể khảo chứng một cách rõ ràng, bởi lúc ấy ở quê tôi chuyện chụp ảnh là rất hi hữu; một thằng nhóc năm sáu tuổi lại càng không thể biết đến chuyện này. Theo lời mẹ kể, thuở nhỏ tôi rất xấu, khuôn mặt dài ngoẵng và loang lổ trông như mặt chó mặt mèo, lúc nào cũng thò lò mũi xanh, người trong làng gọi là “hai chiếc râu rồng”. Mẹ còn bảo, lúc nhỏ tôi ăn rất dữ, chẳng khác nào quỳ đống đầu thai. Tết năm ngoái tôi về thăm nhà, mẹ

tôi lại bắt đầu kể về những chuyện cũ. Bà bảo, tôi vốn là một mầm cây rất tốt, nhưng khi đang sức lớn sức ăn thì bị cái đói làm cho què quặt, kết quả là trở thành một kẻ cong cong vẹo vẹo như bây giờ. Vừa nói, mẹ vừa chảy nước mắt. Tôi không chịu nổi những giọt nước mắt thương tâm của mẹ, phải đánh trống lảng, hỏi mẹ về chuyện hai con cừu.

Vẫn còn nhớ, đó là một buổi chiều mùa xuân, một ông già ăn mặc rất tươm tất đến nhà tôi. Tôi nấp sau cánh cửa hiếu kỳ nhìn ông ta, nghe ông ta dùng một thứ ngôn ngữ địa phương khác nói chuyện với ông nội. Ông ta lôi từ trong túi áo ra hai miếng bánh khô đưa cho tôi. Bánh rất ngọt, nhai trong miệng nghe giòn tan. Mùi vị ngon ngọt của hai chiếc bánh ấy đến bây giờ tôi vẫn nhớ như in. Ông nội bảo tôi gọi ông ấy bằng ông Hai. Sau đó tôi mới biết ông Hai là anh em kết nghĩa của ông nội, trên đường vận chuyển lương thực cho Giải phóng quân trong chiến dịch Hoài Hải, hai người đã gặp nhau, có thể gọi đó là “hoạn nạn chi giao”. Ông Hai hỏi tôi: Cháu Ba, có thích chăn cừu không? Tôi sốt sắng: Cháu rất thích! Ông Hai bảo: Thế thì tốt, chờ đến chợ phiên gia súc sang năm, ông sẽ mang cừu đến tặng cho cháu!

Ông Hai đi rồi, ngày nào tôi cũng trông chờ đến ngày chợ phiên, lân la bên cạnh ông nội để xem ông dùng sợi dây bện một chiếc roi mềm. Cuối cùng thì chợ phiên mà tôi trông đợi cũng đã đến. Quả nhiên ông Hai mang hai chú cừu con đến thật. Chúng được nhốt trong một chiếc giỏ, lông trắng như tuyết, xoắn tít; đôi mắt màu xanh lục, trong như hai viên thủy tinh. Khi mới về, chúng kêu la liên tục, chẳng khác nào hai đứa trẻ con lạc mẹ. Nghe thấy tiếng kêu của chúng, tôi thường mỉm cười, nhiều khi sa nước mắt. Ông Hai bảo, hai chú

cừu non này mới chỉ có hai tháng tuổi, đáng ra còn phải được bú sữa, nhưng mẹ chúng không may đã chết. Nhưng cũng rất may là đã đến mùa xuân, cỏ non rất nhiều, chỉ cần chăm sóc một cách chu đáo thì bọn chúng không thể chết được.

Lúc ấy là đầu những năm 60, cuộc sống rất khó khăn, đồng tiền mất giá nên bất kỳ thứ gì ngoài chợ cũng đắt đỏ vô cùng, cừu càng đắt. Tuy ông nội và ông Hai là bạn vào sinh ra tử với nhau nhưng ông nội vẫn mang một ít tiền ra đưa cho ông ấy. Ông Hai tức đến độ râu tóc dựng ngược lên, quát lớn: Đại ca! Đại ca nhìn thẳng em không ra cái gì hết. Hai con cừu này là tôi tặng cho cháu Ba! Ông nội nói: Nhị đệ à, đây không phải là tiền mua cừu, là đại ca đây giúp nhị đệ một chút lộ phí thôi! Vợ của ông Hai vừa mới chết đói, ông ta chỉ sống một mình, gia sản lại không có gì nên ông vất bỏ tất cả định chạy đến vùng Đông Bắc để tìm một người đàn bà. Ông Hai run rẩy cầm số tiền ông nội đưa cho, nước mắt lưng tròng nói: Đại ca, thẳng em này ghi nhận tấm lòng của đại ca...

Đôi cừu này một đực một cái, chị cả tôi lúc bấy giờ đang học trung học đặt cho chúng hai cái tên, con đực tên "Kaliosa", con cái tên "Kalinia". Lúc bấy giờ quan hệ Trung - Xô rất tốt đẹp, trong trường học nào cũng có môn Nga văn, chị cả tôi là một trong những học sinh giỏi Nga văn nhất lớp.

Làng tôi nằm ngay vị trí giao tiếp giữa ba huyện. Rời khỏi thôn đi về phía đông khoảng vài cây số là một cánh đồng cỏ mênh mông bát ngát. Mùa xuân vừa đến, điểm trên những thảm cỏ xanh rì mênh mông là hàng hà sa số các loài hoa trông như một tấm thảm hoa văn rực rỡ. Tôi và hai con cừu của mình đã tìm thấy "lạc viên" cho riêng mình. Hình

như bọn chúng đã quên hết những nỗi sầu khổ, ăn đầy một bụng cỏ non là bắt đầu chạy nhảy tung tăng, tôi cũng nằm trên thảm cỏ mà hưởng thụ những phút giây yên bình. Thi thoảng, những loài chim làm tổ trên cỏ bị chúng tôi làm cho hoảng sợ, như một mũi tên bay thẳng lên bầu trời.

Kaliosa và Kalinia lớn rất nhanh, lại rất mập; riêng tôi vẫn cứ lùn và vẫn cứ gầy. Những người trong nhà đều san sẻ phần cơm cho tôi nhưng lúc nào tôi cũng vẫn cảm thấy mình không bao giờ được ăn no. Mỗi lần tôi nhìn hai chiếc mồm xinh xắn và sinh động gặm cỏ non của chúng là tôi cảm thấy thèm muốn vô cùng. Có lúc, tôi bắt chước chúng bứt một nắm cỏ non bỏ vào miệng nhai, nhưng suy cho cùng tôi không phải là loài dê cừu, nên những gì trông rất ngon lành ấy lại chán ngấy trong miệng, không thể nuốt nổi.

Rồi có một ngày, tôi vô tình phát hiện ra trên đầu Kaliosa xuất hiện hai chấm tròn màu hồng hồng. Tôi cảm thấy kinh dị vô cùng, vội vàng chạy về nhà để hỏi ông. Ông nội bảo, cừu sắp mọc sừng. Tôi rất phản cảm với việc Kaliosa mọc sừng, bởi trên đầu nó mà có hai chiếc sừng, có lẽ trông rất khó coi.

Xuân qua thu về, con Kaliosa đã trông rất to lớn và đường bệ, bốn chân thẳng và rất cứng cáp, hai chiếc sừng trên đầu to, thô và cong veo đâm thẳng lên trời. Nó đã hoàn toàn mất đi vẻ đẹp của tuổi thiếu niên, đi lại ngông nghênh với một vẻ tự cao tự đại, sao mà giống với những cán bộ công xã đã thoát ly khỏi kiếp lao động đọa đày. Tôi vẫn thường nắm chắc lấy hai chiếc sừng, dùng chút sức lực nhỏ bé của mình ấn đầu nó cúi thấp xuống một tí với mong muốn nó hãy dẹp bớt đi cái vẻ kiêu ngạo, khiêm tốn hơn một tí. Hình như việc

làm của tôi khiến nó bất mãn, nó lắc đầu một cái là tôi đã ngã chổng vó. Kalinia cũng đã lớn, trông nó rất mon mồn, lại rất nhu mì hết một cô gái đài các. Nó cũng có sừng, có điều rất nhỏ.

Hai con cừu của tôi nổi tiếng khắp làng. Mỗi khi tôi thả chúng trên đồng cỏ, thường thì có một bầy trẻ con bao vây lấy chúng tôi, đứng xa xa ngắm nhìn cặp sừng trên đầu Kaliosa và thách đố nhau: Đứa nào dám sờ cặp sừng trên đầu Kaliosa, mọi người sẽ hái đầy cho đứa ấy một sọt rau dại. Có một đứa to gan tên là Trình Anh Hùng rón rén tiếp cận, nhưng không chờ thẳng này động thủ, Kaliosa đã lắc đầu húc cho một cú ngã ngửa. Tất nhiên tôi không hề sợ Kaliosa, chỉ cần tôi không ấn đầu nó xuống, lúc nào nó cũng nghe lời và đối đãi tốt với tôi. Tôi có thể cưỡi lên lưng Kaliosa để nó đưa tôi đi một đoạn khá xa.

Có người nhiều chuyện khuyên ông nội hãy bán hai con cừu này, bảo mỗi con có thể đáng giá 300 đồng. Nghe tin này, tôi hoảng sợ và cảm hận vô cùng. Đêm đó tôi không về nhà, muốn cùng đôi cừu yêu quý của mình ngủ trên đồng cỏ. Ông nội đi tìm chúng tôi, bảo: Yên tâm đi, các con. Ông không bán đâu. Cháu rất khổ công để nuôi chúng lớn lên, ông nỡ lòng nào bán chúng.

Ngoài tôi cùng với Kaliosa và Kalinia còn có một đàn cừu của nông trường quốc doanh cũng thường được thả trên đồng. Trong số đó có một con, nghe đầu là loài cừu Tân Cương. Có lẽ nó đã sáu bảy tuổi gì đó, xác to hơn Kaliosa chút ít. Toàn thân con cừu này được phủ bởi một lớp lông vô cùng bần thũ màu vàng đất, hai chiếc sừng xanh xanh cong vẹo trên đầu như hai thanh thép. Nó rất thích liếc xéo nhìn người

ta, bộ dạng trông thật đáng sợ. Xưa nay, tôi ghét và tránh xa đàn cừ này. Không ngờ có một ngày, Kaliosa và Kalinia lại dám vi phạm những điều cấm đoán của tôi, chủ động tiếp cận với đàn cừ ấy. Người chăn dắt đàn cừ này là một thanh niên khoảng hai bảy hai tám tuổi, mặc bộ quần áo học sinh màu lam, khuôn mặt trắng nhợt trông như người bị đói muối. Anh ta rất nhiệt tình nói với tôi: Cậu em à, cậu chăn hai con cừ này quả thật không tồi tí nào! Tôi ngẩng cao đầu kiêu ngạo. Anh ta lại nói: Đáng tiếc chúng không phải là giống cừ tốt. Nếu con cừ cái của cậu mà cho giao phối với con cừ gốc Tân Cương của anh đây, nhất định con do nó sinh ra sẽ rất tuyệt vời! Vừa nói, anh vừa chỉ vào con cừ xấu xí đang gặm cỏ trước mặt tôi. Tôi vội vội vàng vàng định dắt Kaliosa và Kalinia quay về, nhưng đã muộn mất rồi. Con cừ già xấu xí ấy đã trông thấy Kalinia, điên cuồng nhảy xộc đến, cái mõm bản thủ gớm ghiếc ngửi khắp người Kalinia, vừa ngửi vừa chun mũi, nhe răng nhìn lên trời, bộ dạng vô cùng lưu manh. Kalinia kẹp đuôi trốn tránh nhưng con cừ khốn kiếp ấy vẫn lẳng nhặng bám theo đuôi không rời. Tôi điên tiết vung chiếc roi lên quất cho mấy roi, nhưng nó vẫn không thèm để ý. Lúc ấy Kaliosa cũng cảm xông đến. Con cừ già kia vốn là tay đấu sừng có hạng, đứng yên trên cỏ, đôi mắt khinh miệt chờ Kaliosa, bộ dạng đúng là một kẻ lưu manh chính hiệu. Hiệp đấu thứ nhất mở màn, con cừ già dùng miếng “dĩ hư tị thực”, chỉ cần bước tránh sang một bên là Kaliosa đã ngã lăn ra đất. Tuy thất thế nhưng Kaliosa không hề tỏ ra sợ hãi, đứng dậy rất nhanh, tiếp tục một đợt tấn công dùng mảnh mõm. Đôi mắt nó phát ra ánh sáng đỏ rực, mũi căng phồng lên, thở phì phò, trông chẳng khác nào một con chó sói trong trí tưởng tượng của tôi. Lão cừ già không dám khinh địch nữa, giơ

cặp sừng ra sẵn sàng nghênh chiến. Mấy tiếng cộp cộp vang lên, bốn chiếc sừng quấn chặt lấy nhau, hình như có những tia lửa tóe sáng. Một trận ác đấu thật sự, tiếng va của sừng cồm cộp như tiếng gõ của trái bóng bàn lên mặt bàn vang lên liên tục, một mảng cỏ xanh bị bốn chiếc chân xéo nát. Cuối cùng thì cả hai đã đuối sức, bọt mép trắng xóa rơi cả xuống cỏ, mồ hôi túa ra ướt cả lớp lông dày. Cuộc chiến đã đi vào giai đoạn quyết định, bốn chiếc sừng lại quện chặt lấy nhau. Kaliosa tiến ba bước, lão cừu già thối lui ba bước; lão cừu già tiến ba bước, Kaliosa thối lui ba bước. Tôi lo lắng quá, khóc và chửi bới lão cừu già om sòm nhưng lão nào có để ý gì đến tôi. Tôi chửi người chăn cừu, người chăn cừu cũng chẳng thèm để ý. Hình như anh ta chẳng nghe thấy tiếng chửi của tôi mà đang cúi đầu chăm chú vẽ vẽ cái gì đó trên một tấm bảng. Đúng là đồ trứng thối! Tôi xông đến, vung roi quất liên tục xuống mõng lão cừu già. Người chăn cừu nhào đến lôi tôi rời xa, lắp bắp: Người anh em, tôi xin cậu, để cho tôi vẽ xong bức vẽ đấu cừu này... Tôi trông thấy một tờ giấy trắng nằm trên tấm bảng, trên tờ giấy là Kaliosa và lão cừu già trông như thật, chỉ có điều phần sau của lão cừu già vẫn chưa vẽ xong. Đến lúc ấy, tôi mới biết rằng những con vật sống trên thế gian này có thể sống được trên trang giấy. Không ngờ anh chàng trông như kẻ thiếu muối này lại có bản lĩnh dường ấy.

Rất tự nhiên, tôi sùng bái anh chàng chăn cừu từ ngày ấy và chúng tôi đã trở thành đôi bạn thân, ngày nào chúng tôi cũng gặp nhau trên đồng cỏ. Anh ta đã khiến tôi biết được nhiều chuyện ly kỳ cổ quái, tôi cũng cho anh ta biết những chuyện bí mật trong làng tôi. Anh ta đã đem bức họa cừu đánh nhau tặng cho tôi, lại còn đề tên, nét chữ đẹp như rồng

bay phượng múa. Nàng niu như một bảo bối, bằng cả hai tay tôi mang bức họa về nhà, ai cũng trầm trồ thán phục. Tôi dùng một củ thực địa dán bức họa lên tường.

Chủ nhật, chị tôi từ trường quay về để lấy lương thực, trông thấy bức họa thì kêu lên rằng, đây là một họa sĩ nổi tiếng trong toàn tỉnh, không may là bị quy vào phái hữu. Ngay buổi chiều hôm ấy, tôi giới thiệu chị tôi làm quen với anh chàng họa sĩ chân cừ.

Sau đó, lão cừ già và Kaliosa còn đấu với nhau mấy lần nữa, bất phân thắng bại và không hiểu vì sao, bỗng dưng cả hai lại tỏ ra vô cùng thân thiện với nhau.

Năm sau, Kalinia sinh được hai cừ con, lông rất dài, chiếc đuôi phết đất, đúng là loại cừ không hề tầm thường. Lúc ấy, cừ không còn đắt giá nữa, bốn con cừ không đáng một trăm đồng. Tôi biết ông nội có chút hối hận nhưng ông vẫn không nói lấy một lời về chuyện này.

Thấm thoát mà đã hai mươi năm, ông nội cũng đã gần chín mươi, tôi nhập ngũ cũng đã đến mấy năm. Năm ngoái tôi quay về thăm gia đình, ông nội bảo: Tắm da cừ ấy đã bị côn trùng cắn nát rồi... Ông Hai của cháu có lẽ cũng không còn sống nữa...

Ông nội nhắc đến tắm da cừ, đó chính là da của Kaliosa. Năm ấy, sau khi đấu một trận chí tử với lão cừ già, tính cách của Kaliosa bỗng nhiên biến đổi, động một cái là húc người. Húc không được người, nó bèn húc vào tường. Tường của chuồng cừ đã bị nó húc vỡ một mảng to tướng. Có một lần, ông nội đi đổ nước cho nó uống, đồ súc sinh ấy chẳng biết nhận mặt người thân, húc ông nội

đến suýt chết. Ông nói: Đồ súc sinh này không để lại được nữa. Nhân một ngày không có tôi ở nhà, ông nội bảo chú Tư giết chết nó. Tôi trở về chỉ còn trông thấy Kaliosa oai phong lẫm lẫm ngày xưa đã chui vào trong nồi, thịt đang nhào lên lộn xuống. Mười mấy đứa trẻ trong gia tộc đang ngồi châu chung quanh chiếc nồi chờ đợi được ăn thịt. Nước mắt tôi trào ra. Khi mẹ đưa một bát thịt đầy ú đến trước mặt tôi, cho dù không thấy ngon chút nào nhưng tôi cũng lùa vội vàng tất cả vào dạ dày.

Kalinia và hai đứa con của nó cũng bị ông nội dắt đến chợ phiên gia súc bán luôn.

Tiếp theo sau đó, chị tôi cùng chàng họa sĩ chần cừu bỏ trốn, bức họa cừu đánh nhau bị chị bóc mang đi hay bị mẹ dùng làm vật mỗi lửa, tôi không thể nào nhớ được nữa.

Bảo Định, tháng 5 - 1981

Tôi và rượu

Hơn ba mươi năm trước, bố tôi rất khảng khái dùng mười cân khoai đỏ khô đổi về hai cân rượu trắng để chuẩn bị chiêu đãi một vị khách quý đến nhà trị bệnh cho ông nội. Bố bảo, vị khách quý này tính tình cổ quái, tuy y thuật rất cao minh nhưng không chuyên tâm hành nghề thầy thuốc, nghe đâu rằng ông ta có thể viết chữ bằng cả hai tay cùng một lúc - một tay viết chữ Triệu Mai Hoa, một tay viết chữ Lê - lại rất thích uống rượu, lại thông kiếm thuật. Rượu say thì ca, ca từ rất thê lương nhưng giọng ca thì trầm hùng làm rung gạch lay ngói. Ca xong thì múa kiếm, đẹp nhất là múa kiếm dưới trăng, chỉ thấy một vòng ngân quang lấp lánh mà không thấy người ở đâu. Nhân vật theo kiểu hiệp khách này hình như là thuộc gia tộc bà ngoại của ông nội tôi, không những thế hệ chúng tôi chưa hề gặp bao giờ mà kể cả thế hệ bố tôi cũng không hề nghe tiếng. Ông nội bị bệnh sỏi bàng quang - người

đương thời cho rằng ông đã tiểu vào tổ kiến - cầu thần khấn Phật đều đã thử hết nhưng chẳng tốt lên được tí nào. Khi cơn đau nổi lên, ông nội đập đầu vào tường kêu binh binh khiến cả nhà chúng tôi kinh tâm động phách. Anh của ông nội - ông nội lớn của chúng tôi - là thầy lang, xem qua bệnh của em kêu lên: Không có cách nào khác, chỉ còn cách đi mời "đại nhân cần người" thôi, chẳng dễ gì mời được ông, nhưng nhà ta là chỗ họ hàng, có thể ông sẽ đến. Ông nội lớn còn bảo rằng, "đại nhân cần người" này rất thích binh khí, ông nội nên đem thanh đơn đao cực kỳ quý của gia tộc truyền cho khi phân nhà ra để làm lễ bái kiến. Không còn cách nào khác, ông nội đành phải nghe lời, bảo bố leo lên xà nhà lấy thanh bảo đao xuống. Bố mở đếm mười mấy lớp giấy dầu thì chiếc vỏ da xù xì hiện ra. Ông nội lớn rút thanh đao ra khỏi vỏ, quả nhiên là những luồng ánh sáng xanh lạnh phát ra loang loáng. Nghe đâu rằng, thanh bảo đao này là vật truyền đời của một vị tướng lĩnh thời quân Thái Bình, đã cho uống no máu người nên vĩnh viễn không bao giờ han rỉ, nhưng còn chuyện nó có thể kêu lên từ trong vỏ, tôi không hề tin. Ông nội lớn giấu thanh bảo đao vào người rất cẩn thận rồi cười lên lưng la, mang theo một ít lương thực đến nhà "đại nhân cần người". Như đã nói, vị "đại nhân cần người" này là một hiệp khách, hai tay đồng thời viết hai thứ chữ khác nhau, có thể múa kiếm dưới trăng mà không để lộ thân ảnh. Bố đem hai cân rượu để dưới bệ cửa sổ, chờ đợi vị hiệp khách kỳ lạ ấy. Chúng tôi càng hiếu kỳ hơn, đêm nào cũng ngắm trời sao, ngắm trăng mà trông chờ ông đến.

Chờ đợi mãi mà vẫn không thấy bóng dáng của con người kỳ lạ ấy, ngay cả ông nội lớn cũng chẳng hề thấy bóng

dáng. Bệnh của ông nội ngày càng nặng thêm, chẳng còn cách nào khác, đành phải bỏ lên xe đưa đến bệnh viện nhân dân để mổ, lấy ra một viên sỏi to bằng hạt đào, tính mệnh đã được cứu thoát. Chờ cho sức khỏe ông nội hồi phục có thể xuống sông bắt cá, ông nội lớn mới quay về. Con la cũng đã mất, nghe đâu là bị bọn cường đạo cướp mất, trên người ông là bộ quần áo rách tả tơi trông như một tấm lưới, may mắn làm sao là thanh bảo đao vẫn không mất, nghe đâu là ông nội lớn đã dùng thanh đao này quần thảo với bọn cường đạo, trên lưới bị sứt mẻ khá nhiều có thể là một minh chứng cho chuyện này. Tất nhiên không thể mời được vị khách quý kỳ lạ ấy. Ông nội lớn của chúng tôi cũng từng là một hiệp khách lãng mạn, tương truyền rằng ông đã từng đột nhập vào doanh trại quân Nhật ăn trộm một con ngựa cao to như một ngọn núi. Ông định dùng con ngựa ấy để lai giống với giống ngựa địa phương để cho ra những con ngựa tốt hơn. Ông còn biết lên đồng viết chữ, cho những câu đại loại như “gió đông nghỉ, sóng lớn nổi”, không thể giải thích thế nào cho thông. Ông cũng uống rượu rất ghê, đã từng cùng bạn bè đem rượu ra nghĩa địa uống trọn một đêm hết hai mươi cân rượu trắng, say đến ba ngày ba đêm mới tỉnh.

“Đại nhân cần người” không đến, bệnh của ông nội cũng đã chữa xong, chai rượu dưới bệ cửa sổ trông có vẻ cô đơn lặng lẽ làm sao. Chai thủy tinh màu trắng, nút chai được dùng keo dán lên kín, kín đến nỗi không khí cũng không thể chui lọt vào. Tôi thường lặng lẽ quan sát loại nước trong veo ở bên trong chai, tưởng tượng ra mùi thơm của nó. Có lúc, tôi cầm chai rượu lên, một tay nắm chắc cổ chai, một tay áp dưới đáy chai và lắc một cách điên cuồng rồi đặt xuống, quan sát

những hạt bột li ti sủi lên trong chai. Sau khi bị lắc một cách điên cuồng như thế, hình như có một làn hương tử trong chai rượu xông ra khiến nước bọt của tôi chảy cả ra ngoài. Nhưng rõ ràng là tôi không dám uống vụng, bởi ông nội và bố không nỡ uống, nếu họ phát hiện ra chai rượu đã bị xâm phạm tất nhiên sẽ dùng gia pháp cực kỳ nghiêm khắc mà phạt tôi chẳng chút lưu tình. .

Cuối cùng rồi cũng có một ngày, khi tôi đang xem đến đoạn hảo hán Võ Tòng uống liền một lúc mười tám bát rượu Thấu bình hương, tay cầm gậy lão đảo bước trên Ngõa Dương Cang đánh nhau với hổ trong sách “Thủy hử” thì một trạng thái hưng phấn đã kích lệ tinh thần tôi. Đang lúc trong nhà vắng tanh, tôi bèn dùng răng cạy nắp, ôm lấy chai rượu, ban đầu là nhấp một ngụm nhỏ để thử - đúng là mùi vị ngon vô cùng, tiếp theo là một ngụm to - hình như có một luồng lửa màu xanh đang cháy rần rần trong bụng tôi, cảnh vật trước mắt quay cuồng, đất dưới chân tôi chao đảo. Tôi đẩy nắp chai lại, chạy ra khỏi cổng, đầu nặng chân nhẹ, dang vãn giá vũ lướt thẳng ra bờ đê. Tôi kêu lên những tiếng quái dị, niềm hưng phấn trong lòng trào lên khó mà hình dung nổi. Cứ thế, tôi vừa chạy vừa hét trên bờ đê. Ngẩng đầu lên trời, tôi trông thấy những cánh phượng hoàng trong truyền thuyết; cúi đầu nhìn đất, kỳ lân đang chạy chung quanh tôi; nghếch đầu nhìn sông, giữa dòng bỗng nổi lên một đám sen hồng. Trên những đóa sen hồng rất to, rất nhiều những cậu bé bụng tròn vo đang ôm trong lòng những con cá chép vây vàng đuôi đỏ...

Từ đó, chỉ cần có cơ hội là tôi uống vụng rượu trong chai. Để phòng ngừa bị ông nội và bố phát hiện, mỗi khi uống xong là tôi múc nước trong vại đổ vào chai cho đầy trở

lại. Mấy tháng sau, trong chai là nước lã hay là rượu tôi cũng không biết nữa. Mười mấy năm sau, nhắc lại chai rượu này, anh hai tôi cười hi hí và thừa nhận, uống vụng chai rượu ấy không chỉ có tôi mà còn có cả anh ấy, đương nhiên sau khi uống xong, anh ấy cũng chêm nước lã vào.

Cuộc đời uống rượu của tôi bắt đầu một cách vụng trộm như vậy. Lúc ấy là tôi thèm rượu thật sự, đầu thôn Đông có một quán rượu nhỏ, tôi ở đầu thôn Tây mà cũng có thể ngửi thấy mùi. Có một lần, tôi ăn trộm cồn sát trùng của ông chú vốn làm nghề thú y để uống khiến đầu choáng mắt hoa rất lâu nhưng vẫn không dám nói với mọi người. Đến khoảng bảy tám tuổi, tôi có nhiều lần được đi ăn cưới trong làng, là do mẹ cố tình bảo tôi đi, phải chăng là mẹ muốn tôi có một bữa ăn no hay là có được một bữa uống cho say, mẹ không hề nói ra mà chỉ bảo tôi đi. Kỳ thực là anh hai tôi có đủ tư cách để đi hơn tôi rất nhiều, có lẽ đó là sự ưu ái của bố mẹ dành cho con nhỏ vốn rất phổ biến trong thế gian này. Có một lần tôi uống đến độ say mềm, lò dò về đến nhà là nằm vật ra giường, lúc ấy mẹ tôi đang kéo miến bên cạnh giường, tôi hực lên một tiếng rồi nôn thốc nôn tháo xuống tấm ván kéo miến của mẹ. Mẹ không hề mắng chửi, lẳng lặng dọn dẹp mọi thứ rồi rót nửa bát giấm do mẹ tự chế mang đến bảo tôi uống. Tôi đã từng bắt gặp rất nhiều người đàn bà làm ồn ào vang nhà vang cửa khi chồng họ say rượu, do vậy mà tôi biết đàn bà ghét nhất là đàn ông say rượu. Nhưng tôi chưa hề nghe qua một tiếng chửi của mẹ khi thấy các con mình say rượu quay về. Hay là mẹ xem chuyện con trai uống rượu say như là một biểu hiện để làm người lớn? Sau này, khi tham gia quân đội, cơ hội được uống rượu nhiều vô cùng, nhưng

quân lệnh nghiêm cấm, chỉ uống qua loa đại khái, không dám uống đến độ tận hứng. Thời kỳ uống rượu cao điểm nhất của tôi là sau khi viết được vài truyện ngắn, vài cuốn tiểu thuyết thành công, tức là vào khoảng năm 1986 đến năm 1989. Lúc ấy, đời sống của mọi người đã được cải thiện và nâng cao khá nhiều, chuyện uống rượu trong chốn quan trường không còn bị xem là chuyện hủ bại nữa. Mỗi lần về quê, tôi không còn đủ thời gian để đi dự tiệc nữa. Hầu như lần nào đến tham dự tiệc rượu do các quan chức chiêu đãi, tôi cũng được người ta dìu về cả. Lúc ấy, mẹ tôi bắt đầu lo lắng và khuyên tôi không nên uống rượu nữa. Nhưng tôi nào có chịu nghe những lời khuyên ấy, lúc nào cũng nghĩ là người ta mời uống rượu là tôn trọng mình, không uống là có lỗi với người ta. Vả lại, cứ vài ba chén rượu trôi vào đến dạ dày là tâm tình trở nên hào phóng, bao la vạn tượng, quên phắt những lời khuyên của mẹ và cả những nỗi thống khổ sau những lần say. “*Lý Bạch một đấu rượu là trăm bài thơ*”, “*Nhân sinh có được mấy lần say*”..., những câu thơ đầy hào khí ấy lúc nào cũng vang vọng bên tai, cho nên, chỉ cần một tiếng mời là cạn, không mời cũng cạn, cứ thế mà cạn cho đến khi người chẳng ra người, ngợm chẳng ra ngợm nữa.

Một đêm mùa thu năm 1988, tôi cùng với một số anh em trên huyện uống rượu, uống liền một lúc 42 cốc rượu trắng, lại còn chêm mười mấy chai bia gọi là “chữa lửa”. Sáng sớm hôm sau đi tham quan xưởng sản xuất rượu, lại uống thêm gần nửa lít rượu vừa mới ra lò chưa kịp xử lý, nóng hôi hổi. Bữa trưa lại hầu một tay phóng viên đến mười mấy cốc. Ngay buổi chiều hôm ấy, mọi người buộc lòng phải đưa tôi vào bệnh viện huyện, châm chích, rửa ruột lung tung đến cả

nửa ngày trời. Lẫn say rượu ấy ảnh hưởng đến sức khỏe của tôi vô cùng. Trong một thời gian rất dài sau đó, chỉ cần ngửi thấy mùi rượu là tôi cảm thấy ghê tởm. Từ đó trở về sau, tôi uống rượu thận trọng hơn, nhưng mỗi khi vài chén vào bụng thì lại ngứa quen đường cũ, uống đến say mềm, tuy không đến nỗi phải vào bệnh viện súc ruột như lần ấy. Lúc còn nhỏ, trong khi uống vụng rượu trong lòng tôi vẫn thường mơ ước: Đến bao giờ thì được uống rượu thỏa thuê một lần? Nhưng từ giữa những năm 80 trở về sau, tôi không còn thèm rượu đến điên cuồng như thế nữa, tuy uống thì vẫn uống. Đến những năm 90, bệnh dạ dày phát tác khiến tôi không dám uống quá chén nữa. Có một khoảng thời gian tôi không uống giọt nào, cho dù bạn bè có nài ép, khuyên bảo, chê bai cho đến mấy tôi cũng không uống. Tất nhiên, chuyện tôi cai rượu không chỉ làm nhiều người thất vọng mà ngay cả lòng tự tôn của chính tôi cũng bị thương tổn nghiêm trọng, nhưng suy cho cùng, tính mệnh vẫn đáng quý hơn bất kỳ một thứ gì khác. Không uống rượu cũng có nghĩa là rời khỏi trung tâm của những tiệc rượu, biến mình thành người quan sát, lúc ấy mới phát hiện được rằng trong bàn tiệc toàn những người vốn được xem là đức cao vọng trọng. Trên một ý nghĩa nào đó, bàn rượu là nơi để cho cán bộ Nhà nước hưởng thụ, là nơi để họ cấu kết hoặc độ sức trong chuyện làm ăn. Uống rượu cũng có nghệ thuật, mời rượu cũng phải đúng kiểu cách. Có những câu mời rượu khiến anh biến thành kẻ dửng dưng cảm đến độ quên mình, đến nỗi biết trong rượu có thuốc diệt chuột nhưng vẫn ngửa cổ nốc ngon lành. Trong bàn rượu, có rất nhiều người liên thủ với nhau để phục cho một người say và cho đó là chuyện vui, nghiêm nhiên tự cho mình là kẻ thắng. Những tay uống rượu đã lão luyện có nhiều kinh nghiệm không nhất định

phải có tửu lượng thật cao nhưng vẫn giữ mình không say trong khi chung quanh anh ta, người ta đã bò lê bò càng. Muốn được như vậy thì phải có kỹ thuật uống. Gọi là kỹ thuật cho sang trọng nhưng thực chất chỉ là những trò bịp bợm quỷ quái. Có khi anh trông thấy anh ta cầm cốc rượu dốc ngược vào cổ, đáy ly vổng lên trời nhưng thực ra một giọt rượu cũng không hề chảy vào dạ dày anh ta. Những trò bịp bợm về chuyện uống rượu nhiều lắm, không thể không có người chuyên môn nghiên cứu chuyện này. Dần dần thì tôi đã nhận ra, những bàn rượu của người Trung Quốc chính là căn nguyên của mọi tội ác, chuyện uống rượu trở thành một kiểu sống trụ lạc công nhiên của tuyệt đại đa số người Trung Quốc, đặc biệt là những tiệc rượu của tầng lớp quan chức hao phí không biết là bao nhiêu mồ hôi nước mắt của nhân dân, xét về độ xa xỉ cũng chẳng khác nào quan lại trong thời kỳ phong kiến mạt kỳ ngày trước, lãng phí đến vô cùng. Trong bàn tiệc thì bao nhiêu lời lẽ cục súc, bao nhiêu là hành vi đồi bại bên cạnh những lời mật ngọt, bên trong những cốc rượu đang giơ cao kia hình như chỉ chứa toàn máu người đổ lòm. Có bao nhiêu người đồng cảm với tôi trong vấn đề này? Những nỗi niềm, những phẫn nộ của bách tính có ai quan tâm không? Những xưởng rượu mọc lên như măng sau trận mưa xuân, khắp nơi quảng cáo về rượu lóa mắt. Chi phí quảng cáo cho rượu lớn như thế nào, bàn dân thiên hạ mà biết được e rằng sẽ đứng tim mà chết. Tiền ở đâu ra? Lại chui về đâu? Lại còn có cả rượu giả, rượu độc, rượu thuốc mê. Rượu! Rượu! Rượu! Tên của người đáng ra phải là "hủ bại", phẩm cách của người đáng ra phải được xem là "tà ác". Người với ma túy khó mà phân biệt được cái nào tà ác hơn.

Tôi đã từng viết cuốn tiểu thuyết dài “Tửu quốc”, với ý định là vạch trần tội ác của rượu, kêu gọi những con người hãy tỉnh lại nhưng tôi đã nhận ra rằng tôi đang nằm mơ, chỉ là một kiểu gãi ngứa ở ngoài da. Rượu đã trở thành vật không thể thiếu được ở chốn quan trường, nếu không giải quyết vấn đề từ gốc, có lẽ đất nước này sẽ hóa thành “tửu quốc” một cách chân chính thôi? Có trời mới biết được.

Gần đây tôi đã uống rượu trở lại, thậm chí còn xem nó như là một loại thuốc bởi tôi đã ngâm rất nhiều loại thuốc đông y vào trong rượu, mỗi ngày một cốc nhỏ, không uống mà chỉ nhâm nhi. Tôi không muốn xuất hiện ở những bữa tiệc quan để thể hiện bản chất anh hùng nữa. Đây có thể xem là một sự tiến bộ vượt bậc của tôi khi mình đã bước vào tuổi “bất hoặc”.

Tháng 2 - 1997

Chuyện cũ quê hương

Tôi sinh ra tại thôn Bình An, xã Đại Lan, huyện Cao Mật, tỉnh Sơn Đông, đến năm 20 tuổi mới rời khỏi gia đình. Cố hương với những ấn tượng sâu sắc chính là mạch nguồn và cũng là động lực sáng tác của tôi. Quan hệ của tôi với nông thôn cũng giống như quan hệ giữa cá với nước, như quan hệ giữa đất với cây; đương nhiên, nhìn từ một góc độ khác, còn là quan hệ giữa chim và lồng chim, là quan hệ giữa nô dịch và bị nô dịch. Tuy đã rời xa nông thôn mười mấy năm nay để lên thành phố nhưng về cơ bản, tôi vẫn hướng tình cảm của mình về với nông thôn, vẫn cho rằng tất cả những gì ở nông thôn cũng đều tốt đẹp. Nhưng nếu bảo tôi quay về nông thôn để làm một nông dân thì rõ ràng tôi không hề tự nguyện. Cho nên, có lúc tôi chửi bới thành phố nhưng không có nghĩa là tôi muốn xa rời thành phố; có lúc tán tụng nông thôn nhưng không có nghĩa là tôi quay về với nông thôn. Con

người thường “khẩu thực tâm phi”, nói một đường nghĩ một nẻo, tất nhiên không ngoại trừ một số trường hợp cá biệt “tâm khẩu như nhất”.

Những ấn tượng về nông thôn là hồn, là phách trong các sáng tác của tôi. Đất, sông, hoa trái, cây cỏ, chim bay, thú chạy, thần thoại, truyền thuyết, quỷ ma, yêu tinh, ân nhân, cừu nhân... của cố hương là nội dung chính trong các tiểu thuyết của tôi. Nếu đem quan hệ giữa tôi với nông thôn lý giải một cách thật rõ ràng thì quả thật là không hề dễ, do vậy ở đây tôi muốn đem vài chuyện rất khó quên nhưng chưa được đưa vào tiểu thuyết nào để hầu độc giả.

1. Dòng sông nóng bỏng

Suốt cả cuộc đời, chuyện khó quên nhất là tôi rơi vào hố phân suýt chết. Chuyện này xảy ra lúc tôi khoảng hai tuổi. Trong ký ức của tôi, đó là những ngày hè mưa rất lớn, mặt trời nóng như lửa. Chiếc hố phân lộ thiên của gia đình xây bằng gạch đầy ăm ắp nước, trên mặt nước những là tro đốt từ các loài cây cỏ, những con nòng nọc đang quẫy những chiếc đuôi dài trong tro. Tôi còn nhớ, sát bên bờ hố có cắm một chiếc cọc gỗ, là vật để giúp đỡ bà tôi đã già, chân tay yếu ớt và lưng cuống. Tôi rất thích nắm chắc lấy cây cọc, ngửa đầu thật mạnh ra phía sau, vừa đại tiện vừa ngắm nhìn trời nghĩ ngợi lung tung. Vì chiếc cọc cắm đã quá lâu trong phân trong nước nên đã mục và gãy ngang. Thân hình tôi ngã ngửa về phía sau và rơi thẳng xuống hố, uống đầy một bụng nước bẩn, may mà có anh trai tôi phát hiện được nên mới cứu tôi lên. Anh cá bỏ vào túi một cục xà phòng thơm rồi lôi tôi ra sông tắm. Tôi vẫn nhớ, đó là lúc giữa trưa, ánh nắng đặc

biệt gay gắt, nước sông loá loá chiếu thẳng vào mắt khiến tôi không dám mở mắt. Người tắm đầy trên sông, người lớn thì bơi, trẻ con thì đùa nghịch té nước vào nhau. Anh cả thả tôi xuống mép sông, nước sông cũng nóng hằm hạp, tôi khóc ré lên, ôm chặt lấy cổ anh, hai chân đạp mạnh làm nước bắn lên tung tóe. Anh cả bực mình đè tôi xuống nước, tôi lại khóc và giãy đạp. Tôi còn nhớ anh cả nói với tôi thế này: Mày cả người dính cứt, một đầu nòng nọc, không tắm cho sạch là chết liền đó! Tôi vẫn còn nhớ có mấy người đàn ông đang bơi chung quanh, chỉ có chiếc đầu ló lên khỏi mặt nước, nheo nheo đôi mắt hỏi: Mô Hiền, có chuyện gì vậy? Tuy nhỏ nhưng tôi vẫn nhận ra thái độ rất tôn kính của những người này khi gọi tên đi học của anh cả tôi. Anh cả lúc ấy đang học trung học ở dưới thị trấn Hạ Trang, là người duy nhất trong toàn thôn đang học đến trung học nên được mọi người trong thôn kính trọng. Anh cả nói: Rơi vào hố phân, suýt chút nữa thì chết! Những người đàn ông ấy cười hi hi hỏi tôi: Phân có mùi gì? Có ngon không? Anh cả xoa rất nhiều xà phòng lên đầu tôi, bọt xà phòng cay sè khiến tôi không thể mở mắt ra được. Tôi ngửi thấy mùi xà phòng có thoang thoang mùi canh cá, cũng ngửi thấy mùi phân.

Tôi cho rằng, ba mươi mấy năm trước, mặt trời nóng hơn bây giờ nhiều nên mới có thể đốt nóng nước sông. Tôi chưa hề gặp lại dòng nước nào nóng đến như vậy trong đời. Mười mấy năm nay, những con sông ở quê tôi hầu hết đều cạn đến độ đáy sông ngửa mặt lên trời. Người ở quê tôi trồng hoa màu dưới đáy sông, lại dựng sân khấu diễn kịch dưới lòng sông nữa. Về chuyện dựng sân khấu diễn kịch dưới đáy sông, tôi đã có kể qua trong truyện vừa “Bạo tặc” của mình.

2. Cây cổ thụ thành tinh

Trong thời kỳ đại nhảy vọt, đại luyện kim, ăn cơm nhà ăn công cộng, tôi đã được ba tuổi. Ký ức đầu tiên của tôi về thời kỳ này là cây liễu cổ thụ đến mấy người ôm đứng bên cạnh vườn rau nhà tôi đã bị chặt kéo về lò luyện kim để làm chất đốt. Khi người ta chặt cây, tôi bấu vào váy áo chị gái đứng từ xa nhìn mà trong lòng cảm thấy căm tức vô cùng. Nông thôn cùng bước vào thời kỳ xây dựng “cộng sản chủ nghĩa”, chẳng cần tiền làm gì, nhưng cảm tình với cây cổ thụ của gia đình chúng tôi là rất lớn, nó bị chặt chúng tôi đau lòng lắm. Có đến mười mấy người tham gia vào việc giết cây này, người rìu người búa, người cưa, người cầm rựa, kẻ cầm dao, chan chất roèn roẹt. Từ lúc mặt trời bắt đầu lên cho đến lặn về phía tây, chung quanh gốc cây đã có một lớp dăm trắng mà cây vẫn đứng vững, không chịu ngã. Người hàng xóm Tôn Nhị cầm rìu đi quanh gốc cây một vòng, nói: Đáng

ra là phải đổ rồi, sao vẫn còn đứng được nhỉ? Những bà già tò mò đứng xem chung quanh bắt đầu thì thầm bàn luận, nói cây đại thụ này đã sống đến mấy trăm năm, đã thành tinh rồi, không dễ gì giết chết nó được đâu. Họ còn nói rằng năm ấy có một người dùng móc lõi một cành khô xuống để làm củi đun, về nhà lăn dùng ra ồm thập tử nhất sinh, hướng hồ muốn giết chết nó. Sở dĩ tra rìu vào mà nó không chảy máu là vì tinh cây đã che mắt mọi người đó thôi. Nghe những người đàn bà bàn tán những lời ấy, cánh đàn ông bắt đầu sợ hãi và có người đã liú riu lùi ra xa gốc cây đã chịu hàng ngàn nhát rìu mà vẫn không đổ ấy, đứng nép bên cạnh bức tường thấp lạng lẽ hút thuốc. Mặt trời xuống càng thấp càng đỏ phóng ra những tia sáng đỏ rực như máu chiếu thẳng vào thân cây khiến nó thêm bi tráng huy hoàng. Những người chỉ đứng xem chặt cây cũng đã cảm thấy sợ, chẳng có ai dám đến gần nữa. Đúng lúc ấy, đội trưởng đại đội sản xuất Trương Bình Đoàn đi đến. Lão trứng đôi mắt vốn đã ngầy ngầy đại đại, trên lưng lão là một khẩu súng săn rất dài, bộ quân phục trên người vừa rách vừa bẩn, chiếc thắt lưng da trâu đen sì to bản, nút nịt bằng đồng lấp lánh. Nghe nói rằng lão thường dùng chiếc thắt lưng này để đánh vợ, nhưng điều này thì tôi không thể chứng kiến tận mắt. Tôi đã nhiều lần trông thấy lão đánh vợ, nhưng những lần ấy lão không dùng chiếc thắt lưng này mà thường dùng chiếc que thông nòng súng hoặc gậy hoặc thước gỗ. Lần nào cũng thế, lão đánh cho đến khi trên thân thể còm nhom của vợ lão máu thịt bê bết mới thôi, người bình thường thì e là đã chết nhưng kỳ lạ là bà vợ của lão vẫn sống. Không những thế, với ba ngày một trận đòn nhẹ, năm ngày một trận đòn nặng mà bà ta vẫn dễ dàng đều đều, một đàn trẻ con đầu tròn lóc cao thấp khó phân, thu đông đều đặn trăn trưỡng

như nhộng, đều có đôi mắt dài dài ngầy ngầy, chỉ thoát nhìn thì nhận ra ngay là giống của đại đội trưởng. Lúc này đại đội trưởng ngẩng cao đầu, trợn đôi mắt, trông giống hệt Na Tra, hùng hùng hổ hổ bước thẳng đến đám người chặt cây, ngoác mồm chửi:

- Đồ ăn hại! Muốn đình công à? Mười mấy lao động chính trong một ngày mà chặt không đổ một cây, thế thì cần chúng mày làm quái gì? Mau kéo hết lại đây, chặt!

Tôn Nhị cúi khom người liú riu đi tới, lắp bắp nói:

- Đại đội trưởng, không phải chúng tôi lãn công đình công gì cả, cây này đã thành tinh, chặt không đổ đâu! - Lão ta đưa tay chỉ vào gốc cây lúc này đã bị chặt gần đứt và những mảnh dăm nằm một lớp chung quanh gốc cây, giọng nói càng tỏ ra sợ hãi - Đã như thế này rồi mà nó vẫn không chịu đổ.

- Mày đánh rắm đấy à? - Đại đội trưởng chửi - Nghe nói có hồ ly thành tinh, chưa hề nghe nói cây liễu thành tinh bao giờ. Không đổ à, nó dựa vào cái gì mà không đổ, nó dám không đổ sao? Tao sẽ bắn một phát súng để đuổi tà khí cho mọi người!

Nói xong, lão lấy khẩu súng bắn chim trên lưng xuống cầm trong tay, quát lớn:

- Mấy đứa trẻ con mau tránh ra xa! - Quát xong, đưa súng lên ngang mắt ngắm ngắm. Một luồng khói vàng vàng từ trong nòng súng phun ra, kèm theo là một luồng lửa và một tiếng nổ kinh thiên động địa. Thân cây bị mấy chục viên đạn ria găm vào thành một chùm lớn hơn bàn tay. Hình như cây liễu có rung nhẹ nhưng vẫn đứng yên. Như một con mèo, đại đội trưởng đến sát bên gốc cây, đi quanh một vòng, nói:

- Đứt rồi, nhưng vì cây này ở trên quá nặng nên dè xuống, không đổ được. Tim dây thừng buộc vào cành cây mà kéo, nhất định sẽ đổ!

Những người chặt cây mắt tròn mắt dẹt nhìn nhau, không ai muốn làm. Đại đội trưởng trừng mắt, cao giọng gắt:

- Không muốn ăn cơm tối nay à? Tôn Nhị, mày chạy nhanh đến kho mang dây thừng về đây!

Tôn Nhị dăm dẳng nói:

- Đại đội trưởng à, trời tối rồi. Tối tăm không thấy gì đâu, cây đổ dè phải người thì không phải chuyện chơi đâu!

- Nói bậy! - Đại đội trưởng quát - Để nó đứng thế này một đêm mà được sao? Đừng có lằng nhằng nữa, đi nhanh lên!

Tôn Nhị xiêu xiêu vẹo vẹo chạy đi tìm dây thừng. Đại đội trưởng nhân thời gian chờ đợi lớn tiếng giáo huấn đám người chặt cây. Mọi người yên lặng cúi đầu hút thuốc, không có một lời cự nự. Đại đội trưởng mất hứng, nhổ một bãi nước bọt, hai tay chống nạnh hướng về phía nhà kho chờ đợi Tôn Nhị.

Tôn Nhị vác một vòng dây nặng chạy từ phía nhà kho đến. Trông lão như một con chó bị lôi ruột, ị ạch mãi mới chạy đến nơi.

Đại đội trưởng lệnh cho một người leo lên cây để buộc dây. Trương Tam bảo chân lão bị đau, Lý Tứ bảo hông lão bị vẹo, Vương Nhất nói mắt lão bị quáng gà, không thấy gì... Nói chung không ai tự nguyện leo lên cây cả, dùng sào móc

cũng không xong, đại đội trưởng bất lực đứng nhìn cây, nhìn mọi người. Cuối cùng lão cũng đã nghĩ ra cách hay là buộc một hòn đá vào đầu dây rồi ném. Một lần, hai lần, ba lần, cuối cùng cũng thành công. Nắm chặt dây, đại đội trưởng hô: Một hai ba, kéo. Nói thì chậm nhưng việc diễn ra thì nhanh, cây liễu kêu lên mấy tiếng răng rắc rồi bắt đầu nghiêng. Có người nào đó gào lên: Không xong rồi! Mọi người vất dây thừng co giò chạy, nhưng chạy nào có kịp. Như một đám mây đen, tán cây từ trên cao ụp xuống còn nhanh hơn cả gió. Rầm! Tán lá run rẩy một lát rồi nằm im như một ngọn núi nhỏ, bờ tường thấp bị đập cho tan tành, gạch đất văng đến tận giữa vườn rau, ba gian nhà tranh của nhà họ Tôn sập mất một gian rưỡi. Mười mấy người chặt cây không kịp chạy thoát lấy một người, đều bị tán cây đè lên, không thoát ra được, tiếng kêu la vang lên. Đại đội trưởng lúc ấy đứng bên cạnh hô một hai ba, thấy sự việc chẳng lành nên đã nhanh chân vọt ra khỏi vùng nguy hiểm. Suy cho cùng, qua mấy năm tham gia quân tình nguyện nên lão ta phản ứng cũng khá nhanh, chân tay cũng lanh lẹ vô cùng.

Ban đầu là tiếng kêu thét của những người dân bà đứng xem, tiếp theo là tiếng kêu gào của đại đội trưởng chạy dọc theo con đường làng: Cứu người! Cứu... người! Cứu... người! Những công nhân đang đốt lò ở lò luyện gang gần nhất nhào nhào chạy tới, miệng hỏi dồn dập: Người ở đâu? Cứu ai?

Sau đó thì người ta hè nhau kéo tán cây. Làm sao mà kéo nổi? Một ông già nói:

Đừng kéo nữa! Kéo là cành cây sẽ đè nặng hơn, người vốn không chết nhưng kéo nữa là đè chết người đấy! - Nghe rất có lý nên mọi người thôi không kéo nữa, nhưng chẳng ai

có cách gì. Ông già nói tiếp: Mau đi tìm thật nhiều cửa và rìu lại đây, chặt hết cành cây thật nhanh.

Ai đó đã mang đến những chiếc cửa cực lớn cho hai người kéo, lại đốt mấy chiếc đèn măng sông, bắt đầu cửa cành. Đại đội trưởng không còn quát tháo nữa, khẩu súng cũng đã vát đầu mất, khuôn mặt tái nhợt, tay xách một chiếc đèn măng sông soi cho những người đang cửa.

Thân nhân những người đang bị đè dưới tán cây đã nhận được tin khóc la om sòm như người thân của họ đã chết rồi không bằng. Nằm bên dưới tán cây, có người còn nói được đôi lời với người nhà, khuyên họ không cần phải khóc; những người bị thương nặng hơn thì đang kêu rên đau đớn; cũng có người im thít, người thân kêu réo tên mà vẫn không có tiếng trả lời, nếu không chết thì cũng đã hôn mê.

Tán cây dần dần quang, mấy tiếng đồng hồ sau đã có thể trông thấy mặt đất, người sống người chết đều đã được lôi ra đưa hết trạm xá đại đội. Mặt đất đầy máu. Khi người ta đã giải tán gần hết, đại đội trưởng vẫn xách chiếc đèn măng sông đứng đó, cứng đờ như một chiếc cọc gỗ.

Quê tôi mấy chục năm nay chưa hề có một sự cố nghiêm trọng đến như thế. Năm người chết, trong đó có Tôn Nhị, còn lại tất cả đều bị thương, nặng nhất là Vương Tứ Hải, gãy một chân và tám chiếc xương sườn.

Ông nội tôi ban đầu là cảm hận chuyện chặt cây, trong tiếng chan chất dẫn cây ông chửi rủa không ngừng. Sự việc xảy ra, ông ngồi lặng lẽ rít thuốc không ngừng, gương mặt xanh lét, không nói câu nào.

3. Chuyện về ông nội

Trên thực tế, tôi muốn viết một vài truyện có liên quan tới ông nội, không hề hư cấu, trong đầu đề có hai chữ “cố sự”, rõ ràng là chẳng có ý thức ngụy tạo. Từ khi cuốn “Gia tộc hồng cao lương” của tôi xuất hiện, có một số độc giả viết thư hỏi tôi: Ông nội anh có phải là nguyên hình của tay thổ phỉ Từ Chiếm Ngao? Không phải đâu, ông nội tôi với tư lệnh thổ phỉ Từ Chiếm Ngao chẳng có quan hệ gì hết. Ông là một nông dân chân chính và ưu tú, đáng người bình thường, rất gầy, là một nông dân có tay nghề, lại là một thợ mộc khéo tay. Lúc đã già, lưng ông cong vẹo như một chiếc lưỡi câu, là hậu quả của việc lao động quá sức của thời niên thiếu.

Thở nhỏ, xương chân ông bị hoại thư, nghe đâu rằng bệnh tình vô cùng nguy hiểm, khó lòng giữ được đôi chân. Hết phương cứu chữa mới tìm đến một danh y nổi tiếng trong huyện có biệt danh là “đại nhân cần người”. Y thuật của

người này vô cùng cao diệu, đặc biệt là đối với những chứng bệnh thuộc về ung bướu, hoại thư. Nhưng khổ nỗi, người này tính tình cổ quái, không mang xe ngựa đàn hoàng đến rước thì không rời khỏi nhà, ăn toàn thịt cá cao cấp, uống rượu ngon, tiền công lại rất cao, do vậy mà mới có tên “đại nhân cần người”. Thuê một chiếc xe đưa được vị này đến cũng nhờ có họ hàng dây mơ rễ má với nhau. Do vậy mà “đại nhân cần người” không cần người nữa, cho ba thang thuốc, quả quyết rằng sau mỗi thang là bệnh tình sẽ có chuyển biến. Ông nội Tử - anh của ông nội tôi cũng là một thầy thuốc đông y - vốn không hề phục vị “đại nhân cần người” này bao giờ, do vậy mà chứng kiến tận mắt bệnh tình của ông nội dần dần chuyển biến tốt như dự báo của “đại nhân cần người”, lúc bấy giờ mới tâm phục khẩu phục. Ông nội bảo, sau khi uống xong ba thang thuốc, chân của ông bắt đầu sưng lên như một quả dưa chín mọng, gắn vào đó mười mấy cọng cỏ rồng ruột, máu huyết theo đó chảy ra đến hàng lít, bệnh của ông nội khỏi hẳn. Nghe đâu là “đại nhân cần người” còn có thể cho thuốc để chuyển những mụn nhọt lở loét trên đầu xuống dưới mông hoặc bất kỳ chỗ nào khác trên cơ thể, tuy đối với người khác có thể cho là huyền hoặc nhưng tôi thì tin. Trong rất nhiều những thầy thuốc đông y có nhiều người nửa tiên nửa tục như thế.

Trong kỷ ức của tôi, mùa thu hoạch lúa mạch hàng năm là thời gian vui nhất. Lúc ấy, màu vàng bao phủ mặt đất. Để tranh thủ thời gian, cánh đàn ông thường ra đồng từ khi sao trời còn đang lấp lánh, cốm sáng thường phải mang ra tới tận ngoài đồng. Nhà nào cũng mang tất cả lúa mạch còn lại của năm trước xay hết để làm bánh bao thật nhiều để khao mọi

người. Năm mười ba tuổi, tôi rời khỏi đội nhi đồng thu nhặt những bông lúa rơi vãi để cầm liềm chính thức gia nhập vào đội gặt của đội sản xuất. Chiếc liềm của tôi được chính ông nội mài, sắc bén vô cùng, chỉ cần cứa nhẹ là thân lúa đứt gọn. Tinh thần cực kỳ phấn khởi, tôi cầm liềm theo chân người lớn ra đồng dưới bầu trời đầy sao để đến với những khoảnh lúa mạch đang tỏa hương thơm nồng, có lẽ sự hưng phấn của tôi có thể so sánh với những chiến sĩ lần đầu tiên được tham gia vào một trận đánh lớn.

Quê tôi đồng ruộng mênh mông, hoa màu thường được gieo trồng tập trung, những khoảnh ruộng cho dù là cao lương hay tiểu mạch đều ngút ngàn tầm mắt. Khoảnh ruộng buổi sáng đầu tiên tôi tham gia vào đội gặt được xem là ngắn nhất nhưng cũng kéo dài đến tận cây số. Mỗi người đảm nhận cắt hai hàng lúa, dàn thành hàng ngang, đội trưởng đứng ở đầu hàng, tôi đứng ở cuối hàng. Cắt được khoảng một tiếng đồng hồ, ngẩng đầu lên thì những người bên cạnh tôi đã biến đi đâu mất không còn bóng dáng. Lúc này, màu đỏ mới bắt đầu xuất hiện ở tít tắp chân trời, những đám mây ở bên ấy cũng biến thành mây đỏ. Những chú chim dậy sớm bắt đầu cất tiếng hót líu lo trên bầu trời xam xám, không khí ẩm thấp có mùi vị của bã rượu. Tôi uốn thẳng cái lưng mới như chăm chú nhìn những luống lúa đã được cắt nằm rất chỉnh tề trên ruộng, những người lớn đang đứng trên bờ dề xa xa chờ cơm sáng. Thì ra tôi mới chỉ đi được nửa quãng đường mà người ta đã phân công cho mình.

Đội trưởng cùng với vài người nữa giúp tôi gặt xong hai luống lúa. Tôi xách liềm, cảm thấy hồ thẹn vô cùng bước lên bờ dề. Vừa định cầm bát để múc một ít cháo gạo trộn

đậu xanh miễn phí, một người đàn ông dáng người nhỏ thó nhưng thành phần xuất thân rất tốt và thường ăn nói rất ngang ngạnh đã giắt chiếc bát trên tay tôi vắt xuống đất, nói một cách thâm độc: Còn mặt mũi mà ăn cháo nữa à? Mày nhìn hai hàng lúa mà mày đã gặt xem, chừa gốc rạ lại quá cao, bông lúa lại rơi vãi quá nhiều, hao phí quá. Đáng ra phải trừ vào phần lương thực được nhận của nhà mày! Đúng là lời của ông ta quá nặng nề, tôi ghen lời không nói được câu nào, nước mắt trào ra, uất ức.

Đội trưởng nói: Thôi, cậu quay trở về đội nhặt bông lúa rơi vãi vậy, lớn thêm vài tuổi nữa, lúc ấy sẽ là chủ lực của đội gặt.

Ngay buổi trưa hôm ấy, ông nội đã biết chuyện này, giận lắm. Ăn cơm trưa xong, ông cầm một chiếc liềm ra thẳng ngoài ruộng. Ông nội vốn không muốn vào hợp tác xã nhưng ông không thể chống đối với tư tưởng tiến bộ của bố tôi. Sau khi vào hợp tác xã, ông thể là không thêm ăn lương thực của hợp tác xã, ông ra đồng cắt cỏ để bán, khi không có cỏ thì đi làm thợ mộc. Do vậy mà việc ông xuất hiện trong ruộng lúa của hợp tác xã khiến mọi người lấy làm lạ. Đội trưởng rất lịch sự chào hỏi, ông nội không nói lấy một lời, chọn một luống tiểu mạch rất tốt, bông lúa nặng trĩu ngã rạp xuống đất, khom người xuống và bắt đầu vun liềm. Roạt roạt roạt... Một bó to tiểu mạch được cột một cách gọn gàng, hai đầu xòe rộng được quăng xuống trước mặt mọi người. Những động tác gặt lúa của ông vô cùng thành thục, đẹp mắt và nhanh nhẹn, khó có ai có thể đọ được. Mặt người đã mắng té tát vào mặt tôi đỏ rần lên. Ông nội nói: Các người đã cắt được mấy mẫu tiểu mạch? Việc gì mà mặt mũi lấm lem bẩn thỉu thế kia? Mấy

chục năm trước tôi đi gặt thuê cho địa chủ, mặc quần dài trắng, một tay vung liềm, một tay xách lồng họa mi, gặt lúa cả ngày, chiếc quần của tôi vẫn trắng tinh.

Lời ông nội quả thật có chút cường điệu, nhưng kỹ thuật gặt lúa của ông thì đúng là không chê vào đâu được, nhìn những khuôn mặt ngây độn của họ khi nhìn ông tôi cắt lúa thì biết. Ông nội nói xong, ai nấy đều len lén thở hắt ra.

Ông nội tôi biết đan lưới, biết đan lồng chim, biết bắt cá, bắt cua, lại bắn chim rất tài. Ông là một nông dân có nhiều tài vật. Sau này, công xã tiến lên giai đoạn ăn tập thể, xem xã viên như các loài gia súc vục đầu vào chung một máng, mọi người vật vã trong cuộc sống bán **quần** sự hóa, muốn ra chợ cũng phải báo cáo với lãnh đạo công xã, con người không còn làm chủ thời gian sinh hoạt của chính mình nên những nông dân tài hoa như ông nội tôi cũng không còn xuất hiện nữa. Mấy năm gần đây, đất đai đã được phân đến tận tay các hộ nông dân, cuộc sống của họ khá lên rất nhiều so với thời tôi còn ở nông thôn. Tuy cuộc sống vẫn còn khổ lắm nhưng cá nhân con người đã được khôi phục sự tự do tương đối, trí tuệ của người nông dân có cơ hội được phát huy. Nếu ông nội tôi còn sống đến lúc này, nhất định ông sẽ cảm thấy hạnh phúc vô cùng.

Trên thực tế, ai cũng biết chuyện xây dựng công xã nhân dân là không thể thành công nhưng không ai dám nói ra. Thượng cấp thay đổi chính sách, ngay lập tức đã giải quyết được chuyện ăn no, mặc ấm, nhà cửa cũng đã được xây cất đàng hoàng hơn. Nằm trong tay một vùng đất phì nhiêu như vậy mà lại đói trong một thời gian dài, chuyện này không biết là nên oán hận ai. Ngày ấy, ông tôi chửi công xã nhân dân chỉ

là một cái đuôi thỏ, không bao giờ có thể dài ra bị xem là một tội lớn, bây giờ mới thấy nó quá đúng.

Nói về quê hương, về nông thôn quả thực là có rất nhiều vấn đề để nói, chẳng hạn như những nhận thức về chính trị của nông dân, vấn đề gia tộc, về thời vụ, về thời tiết, về hoa màu cây cối, đất đai sông ngòi, gia cầm gia súc, ruồi muỗi chấy rận, phong tục tập quán, lũ lụt hạn hán, chuyện lạ người kỳ... Tất cả đều có thể trở thành những đề tài để viết thành những bộ tiểu thuyết dài. Chỉ tiếc là số trang có hạn, đành lòng phải kết thúc bài viết chẳng ra ngô cũng chẳng ra khoai này ở đây, mong độc giả hạ cố ghé mắt nhìn qua.

Tháng 6 - 1990

Chuyện đọc thuở ấu thơ

Thuở ấu thơ, quả thật là tôi rất mê đọc sách. Thời ấy không hề có phim, cũng chẳng có tivi, ngay cả một chiếc máy thu thanh cũng không có. Mỗi năm trước và sau tết, những người trong thôn mới tổ chức diễn kịch, đại loại những vở kịch thời ấy đều xoay quanh việc tố khổ như “Huyết hải thâm cừ”, “Tam thế cừ”... Trong hoàn cảnh văn hóa ấy, xem các loại “nhàn thư”, tức sách giải trí, sách tiêu khiển trở thành lạc thú lớn nhất đối với tôi. Sức khỏe của tôi vốn rất kém, gan lại nhỏ, không dám cùng với cánh trẻ con trong xóm chơi những trò trò cây lộn sông nên chỉ biết chúi đầu vào những “nhàn thư”. Bố tôi rất phản đối chuyện tôi đọc “nhàn thư”, đại khái cũng là do ông sợ tôi trúng phải những chất kịch độc ẩn tàng trong những cuốn sách ấy mà biến thành kẻ xấu, nhưng điều ông lo sợ hơn là tôi quá ham đọc sách mà sinh ra trễ nải chuyện chăn dê cắt cỏ. Do vậy mà mỗi khi muốn đọc sách,

tôi phải lén lén lút lút chẳng khác nào những người hoạt động cách mạng bí mật ngày xưa. Sau đó, khi giáo viên chủ nhiệm đến nhà thăm, có khuyên bố mẹ tôi rằng nên để cho tôi được tự do và một thời gian hợp lý để tôi đọc sách, mọi chuyện mới sáng sủa lên đôi chút, nhưng cách thức đọc “nhàn thư” của tôi vẫn cứ không được thoải mái như chuyện tôi đọc sách giáo khoa và mang sọt cỏ trên lưng. Dưới mắt bố mẹ, chuyện tôi dắt trâu lừa dê đi chăn thả còn thuận mắt hơn chuyện tôi đọc “nhàn thư” nhiều. Nhưng con người là một động vật kỳ lạ, không cho nó đọc cái gì, làm cái gì thì nó lại càng đâm ra nghiện cái ấy; chuyện hái trộm quả của nhà người ăn thấy ngon hơn quả của nhà mình có lẽ cũng thuộc về đạo lý này.

Cuốn “nhàn thư” mà tôi đọc một cách lén lút đầu tiên - trong đó có rất nhiều tranh ảnh đẹp - chính là “Phong thần diễn nghĩa”. Cuốn sách này là đồ gia bảo của một cậu bạn cùng lớp, không cho ai mượn một cách dễ dàng. Tôi đẩy cối xay cho mẹ cậu ta trộn một buổi sáng mới có thể lôi cuốn sách này trong gầm tủ nhà cậu ta ra. Quyền lợi được hưởng của tôi là, buổi chiều hôm đó tôi được nằm trong nhà cậu ta đọc cuốn sách này, tất nhiên là dưới sự giám sát chặt chẽ của người nhà và của cậu ta, làm như hễ tôi mang được sách ra khỏi cửa nhà cậu ta là tôi đã biến thành kẻ trộm đạo ngay lập tức. Thời gian ngắn ngủi để đọc cuốn sách được đổi bằng mồ hôi này để lại ấn tượng vô cùng sâu đậm trong trí óc tôi. Thật không dễ gì quên được những Thân Công Báo có thể cười trên lưng hổ, Trịnh Luân có thể phun ánh sáng bằng lỗ mũi, Thổ Hành Tôn có thể độn thổ, Dương Nhiệm có tay trên mắt và có mắt trên tay... Do vậy mà cách đây mấy năm, xem bộ phim truyền hình nhiều tập “Phong thần diễn nghĩa” trên tivi, tôi

đã bất bình thay cho người xưa. Một danh tác như thế mà bị các nhà làm phim làm cho không còn ra hình thù gì nữa. Kỳ thực, những tác phẩm kiểu “Phong thần diễn nghĩa” không thể chuyển thể thành kịch bản phim, nếu muốn làm phim, tôi nghĩ, cũng chỉ có thể dựng thành phim hoạt hình như “Đại náo thiên cung”, “Vịt đường chuột gạo”... đại loại như thế.

Từ đó về sau, bằng rất nhiều phương pháp, thậm chí là thủ đoạn, tôi đã đọc kỳ hết những cuốn “nhàn thư” như “Tam Quốc diễn nghĩa”, “Thủy hử truyện”, “Nho lâm ngoại sử”... trong tủ sách của mọi nhà ở trong làng. Ngày ấy, trí nhớ của tôi cực tốt, cầm cuốn sách trên tay và đọc qua một lần bằng tốc độ của máy bay phản lực nhưng tất cả tên tuổi nhân vật tôi đã thuộc lâu lâu, những tình tiết chủ yếu tôi nắm trong lòng bàn tay, thậm chí là những đoạn miêu tả ái tình lâm ly dãi dằng dặc tôi cũng nhớ không sai một chữ, bây giờ tất nhiên là hoàn toàn không thể. Không chỉ có “nhàn thư”, trước khi Cách mạng văn hóa bộc phát, tôi đã đọc được mười mấy bộ tiểu thuyết hiện đại. Còn nhớ, tôi mượn được từ một người thầy bộ tiểu thuyết nổi tiếng “Bài ca thanh xuân” đã là buổi chiều, vẫn biết là nếu không đi cắt cỏ, nhất định bụng tôi tối nay sẽ trống rỗng, nhưng cầm lòng không đành trước sức hấp dẫn của cuốn sách nên đã chúi đầu vào trong đồng cỏ sau nhà mà đọc. Chỉ một buổi chiều mà tôi đã đọc xong cuốn sách dày cộp, toàn thân bị kiến và muỗi đốt đến nổi cục khắp nơi. Đầu choáng mắt hoa rời khỏi đồng cỏ thì mặt trời đã lặn ở phía tây, tiếng dè kêu be be trong chuồng. Đói quá, trong lòng lại cảm thấy bất an, sẵn sàng chờ một trận đòn nên thân, ít ra cũng một trận chửi ra hồn. Nhưng khi mẹ trông thấy bộ dạng thảm hại của tôi, bà chỉ than lên một tiếng đầy

khoan dung, không đánh cũng không chửi, chỉ bắt tôi mau mau kiếm ít cỏ cho dê ăn. Tôi phóng vù ra khỏi sân, tâm tình khoan khoái không thể tả, lúc ấy tôi cảm thấy cuộc sống sao mà hạnh phúc!

Anh hai tôi cũng là một tay mê sách. Anh ấy lớn hơn tôi năm tuổi, việc mượn sách của anh cũng dễ dàng hơn tôi rất nhiều, thường mượn được những cuốn mà tôi không thể mượn được. Nhưng anh ấy lại không bao giờ cho tôi đọc nhờ những cuốn anh ấy mượn về. Khi anh ấy đọc sách, tôi như bị thôi miên, như những vụn sắt bị nam châm hút, lẳng lẳng mò ra sau lưng anh, ban đầu đứng từ xa liếc mắt nhìn, cổ vươn ra rất dài chẳng khác nào một con ngỗng đang uống nước, dần dà quên phắt là cần phải giữ khoảng cách nên lân la đến gần. Anh hai biết tôi đang nấp sau lưng nên cố tình đọc và lật trang sách thật nhanh, tôi đành phải đọc một lúc đến mười hàng chữ mới mong đuổi kịp anh ấy. Cuối cùng thì anh ấy đã cảm thấy mình bị quấy rầy, bèn gấp sách lại và đẩy tôi tránh ra một bên thật xa. Nhưng chỉ chờ anh hai mở sách ra là tôi đã sà đến. Anh hai còn sợ thừa lúc anh ấy không có nhà tôi có thể đọc vụng nên thường giấu sách vào một nơi bí mật giống như nhân vật đảng viên Lý Ngọc Hòa trong vở kịch "Hong đăng ký" giấu điện đài dưới lòng đất. Nhưng tôi thông minh hơn tay đội trưởng hiến binh Nhật trong vở kịch ấy nhiều, lúc nào tôi cũng có thể tìm ra được chỗ giấu sách mà anh hai tôi đã hao phí không biết bao nhiêu tâm lực để giấu sách. Tìm được sách là tôi không còn để ý gì đến chung quanh nữa, chỉ hận là mình không thể nuốt cuốn sách vào bụng mà thôi. Có một lần anh ấy mượn về cuốn "Phá hiểu ký" giấu trên mái lá

chuông lợn, khi tôi lục lạo tìm, đầu tôi đụng vào một tổ ong treo lủng lẳng trong chuông. Một tiếng vỡ òa, mấy chục con ong đã bầu đầy mặt, đau đến suýt ngất. Nhưng không quan tâm gì đến chuyện bị ong đốt, tôi vẫn tranh thủ đọc, đọc đến khi mắt không thể mở ra được nữa. Mắt tôi sưng tròn như quả bầu, đôi mắt híp lại. Anh hai tôi trở về, trông thấy bộ dạng của tôi thì hết hồn, nhưng công việc trước tiên là anh ấy giật cuốn sách từ trên tay tôi đem giấu ở một chỗ bí mật khác rồi quay lại, bắt đầu trị tôi. Một bạt tai của anh suýt chút nữa đã khiến toàn bộ thân hình tôi bay vèo vào trong chuông lợn. Xong, anh ấy nói: Đáng đời cho mày! Nổi oán hận cùng với nỗi đau đớn hòa lẫn khiến tôi khóc rống lên. Anh ấy nghĩ ngợi một lúc, có lẽ là sợ mẹ về sẽ bị chửi một trận nên nói: Chỉ cần mày nói là mày vào nhà xí, không cần thận nên đừng phải tổ ong, tao sẽ cho mày đọc xong cuốn “Phá hiểu ký”. Tôi khoan khoái vô cùng, đồng ý ngay. Nhưng đến ngày hôm sau, mắt tôi đỡ sưng, có thể mở mắt được, đến tìm anh ấy đòi sách, anh ấy đã chối phắt chuyện đã hứa. Tôi thề rằng từ đó trở về sau nếu mượn được cuốn sách nào không bao giờ cho anh ấy đọc nữa, nhưng chỉ cần tôi mượn về được cuốn nào mà anh ấy chưa đọc, ngay lập tức anh ấy sử dụng bạo lực để cướp lấy đọc trước. Có một lần, khó khăn lắm tôi mới mượn được của bạn cùng lớp cuốn “Tam gia hạng”, trở về nhà tôi vui đầu vào trong đồng rơm cạnh chuồng trâu, đọc đến đoạn “nhập mê” thì anh ấy mò đến, giật cuốn sách trên tay tôi mà chẳng gặp khó khăn gì, nói: Cuốn sách này vô cùng độc hại, tao phải xem trước, giúp mày phê bình! Nói xong thì nhét cuốn sách vào bụng bỏ chạy. Tôi điên tiết vô cùng, nhưng đuổi theo cũng không thể đuổi kịp, nếu có đuổi kịp đánh cũng không

lại anh ấy, chỉ biết đứng bên chuồng trâu nhảy từng tưng mà chửi rủa. Mấy ngày sau, anh ấy vất cuốn sách cho tôi, nói: Mau đem đi trả đi! Cuốn sách này cực kỳ lưu manh! Tất nhiên tôi chẳng đại gì mà nghe lời anh ấy, ôm ấp mối hận lòng và nỗi bi thương đọc “Tam gia hạng”, chìm đắm trong những cuộc tình ngây thơ của các cô gái trong từng trang sách. Những âm thanh từ thành phố Quảng Châu đầy nước ngày xưa như văng vẳng réo rắt bên tai, từng nhân vật như hiện ra bằng xương bằng thịt ngay trước mặt. Khi đọc đến đoạn Khu Đào đang đi dạo trên bãi cát thì bị lựu đạn nổ mà chết, tôi nằm úp mặt xuống đồng rơm mà khóc thút thít. Tôi đau lòng lắm, một nỗi đau chỉ có thể tự ngấm mà không thể nào dùng ngôn ngữ nói ra được. Lúc ấy hình như tôi chỉ mới chín tuổi. Sáu tuổi đi học và biết đọc, thì ra tôi đã đọc sách được ba năm. Trong một thời gian rất dài sau khi đọc “Tam gia hạng”, tôi như người mất hồn, không còn tâm trí đâu để mà học nữa, trước mắt lúc nào cũng có hình bóng xinh đẹp của Khu Đào ẩn ẩn hiện hiện, bàn tay cầm bút cứ vẽ một cách vô thức hình bóng Khu Đào theo trí tưởng tượng và kể cả viết tên Khu Đào đầy trên các cuốn vở. Cán bộ lớp đã phát hiện ra chuyện này, không những lên tiếng cười nhạo, chửi tôi là đồ lưu manh mà còn báo cáo với thầy giáo chủ nhiệm. Thầy phê bình tôi tư tưởng không lành mạnh, bảo tôi đã trúng phải thuốc độc tư tưởng của giai cấp tư sản. Mấy chục năm sau, lần đầu tiên đến Quảng Châu, tôi chui vào tất cả hang cùng ngõ hẻm để tìm hình bóng Khu Đào nhưng ngay cả một Hồ Hạnh cũng không hề gặp mặt. Tôi hỏi những người bạn Quảng Châu rằng, Khu Đào đã đi đâu? Bạn bè nói: Ban ngày, những người như Khu Đào ngủ vùi, ban đêm mới bắt đầu làm ăn.

Không lâu sau khi đọc xong “Tam gia hạng”, tôi mượn được từ một người thầy rất tâm đắc với tôi cuốn “Thép đã tôi thế đấy”. Anh chàng thợ đốt lò với cô quân nhân, mối tình đầu giữa họ bao nhiêu năm qua vẫn ám ảnh tâm trí tôi. Paven câu cá bên sông, Donia ngồi trên một cành cây bên sông đọc sách... Donia vì sao lại thích anh chàng đầu tóc rối bù, toàn thân đầy than đá như thế nhỉ? Nàng ngồi trên cành cây dung đưa đôi chân đọc sách... Lúc ấy Paven có tâm trí để mà câu cá không? Nếu là tôi, nhất định là không có tâm trí đâu mà câu cá cả. Từ khi Donia xin lỗi Paven, cánh cửa thời niên thiếu đã đóng để cho cánh cửa người lớn mở toang ra. Mối tình rất đẹp và làm cho người ta tiếc nuối này đã bắt đầu. Tôi nghĩ, nếu Donia không xin lỗi Paven, nếu nàng dùng lời lẽ của tiểu thư quý tộc để nhiếc mắng Paven thì có lẽ không có thép đã tôi thành như thế nữa. Một con người cao quý nhưng không ý thức về cái cao quý của mình mới thực sự cao quý. Một con người nhân vì những sơ suất của mình mà xin lỗi những người thấp hơn mình, đó là điều vô cùng đáng quý. Tôi và Paven giống nhau, cũng sẽ yêu Donia ngay sau khi nàng ngỏ lời xin lỗi. Có lẽ nói yêu là có phần hơi sớm, nhưng ít nhất là những cảm tình đã bắt đầu nhen nhóm trong lòng, bức tường giai cấp đã bị phá đổ. Tình yêu làm cho người ta quên đi than đá; kỷ luật lao động lúc nào cũng mâu thuẫn với tình yêu, cổ kim đều như thế. Họ đuổi bắt nhau, cô tiểu thư thiên kim chạy trước, anh chàng thợ đốt lò đuổi theo sau... Thời khắc kích động tâm tình con người nhất đã đến: làm như vô tình lại vừa như cố ý, thân thể thơm lừng của Donia tựa vào ngực Paven... Đọc đến đoạn này, những giọt nước mắt hạnh phúc trào ra khỏi hốc mắt thẳng bé con ngu ngốc nhất vùng Đông Bắc Cao Mật. Tiếp theo là Paven cắt tóc đến thăm nhà

Donia... Hơn ba mươi năm trước, tôi đọc cuốn sách này, từ đó đến nay không hề lặt lại, có thể có nhớ, có thể có quên nhưng những gì tôi kể vừa rồi nhất định không thể quên. Những ngày trong quân ngũ, tôi có dịp xem bộ phim chuyển thể từ cuốn sách này, nhưng Donia mà tôi thấy trên phim không hề giống với Donia trong sách. Paven và Donia cuối cùng thì chia tay. Ngày ấy đọc đến đoạn này tôi không thể nói ra được những suy tư của mình... Nếu tôi là Paven, nhưng tiếc thay tôi lại không phải là Paven... Không phải là Paven nhưng tôi lại không quên được cái đêm chia tay ngọt ngào ấy... Con chó hung dữ nhà Donia, làn da nõn nà của Donia, bà mẹ hiền từ toàn thân toát ra mùi sữa bò và bánh bao của Donia... Sau này trên công trường làm đường họ còn gặp lại nhau, nhưng lúc này bức tường giai cấp đen sì đã được dựng lên, đấu tranh giai cấp, đáng sợ quá. Nếu Donia có được làm vợ Paven, nhất định họ cũng không thể hạnh phúc, bởi những khác biệt giữa họ là quá lớn. Sau này Paven yêu Rita, một cô gái trong hàng ngũ đoàn thanh niên cộng sản của mình. Đó là tình yêu cách mạng, tuy cũng có chỗ cảm động thật nhưng nếu so với mối tình đầu, nó thiếu hẳn sự đam mê thuần khiết. Cuối cùng thì anh chàng bất hạnh Paven lại kết hôn với một cô gái khác, mối tình thứ ba này chẳng có chút ý vị lãng mạn nào. Khi xem đến đây, hình tượng Paven thuở thiếu thời đã biến mất khỏi tâm trí của tôi.

Đọc xong “Thép đã tôi thế đấy”, Đại Cách mạng văn hóa cũng bùng phát, đương nhiên chuyện đọc sách thuở ấu thơ của tôi cũng đã kết thúc.

Tháng 3 - 1997

Mộng dài văn chương

Người đầu tiên phát hiện tôi có chút tài mọn về văn chương là thầy giáo Trương, một người có thân hình rất cao lớn. Đó là năm tôi học lớp ba tại trường tiểu học trong thôn. Bởi năng lực tự điều tiết sinh hoạt rất kém, thêm nữa là tôi lại được đi học sớm trước tuổi nên mẹ may cho tôi một chiếc quần không có đáy, chính vì vậy mà tôi thường bị bạn bè trêu chọc. Có một đứa con gái tên là Quách Lan Hoa rất thích nhìn thấy cảnh mấy thằng con trai thò tay vào đũng quần tôi nắm lấy cái của ấy. Nó không tự mình động thủ được nên thường khích lệ bọn con trai làm chuyện ấy. Nhìn thấy cảnh bọn con trai hành hạ tôi, nó cười đến chảy nước mắt, cong gập cả lưng, mặt đỏ lựng như mào gà trống. Sau đó thì thầy Trương, vừa tốt nghiệp trường sư phạm, trẻ trung khỏe mạnh, quần áo chỉnh tề, thân thể lúc nào cũng toát ra mùi xà phòng thơm đã đến. Thầy nghiêm cấm bọn con trai thò

tay vào trong túi quần tôi, thầy gọi đó là hành vi của kẻ lưu manh còn đồ, không thể tái diễn trong nhà trường. Thầy dạy chúng tôi môn ngữ văn, lại là chủ nhiệm lớp tôi. Mặt thầy vẫn còn đầy lông tơ, đôi mắt rất to, cổ cao và tính tình cũng rất dữ, chỉ cần thầy trợn mắt là tôi đã vãi dãi ra quần. Có một lần giữa lớp, thầy gọi tên tôi đứng lên trả lời những câu hỏi của thầy, tôi đã dãi đầy ra phòng. Thầy rất tức giận, chửi: Thằng nhãi này, sao mày lại tùy tiện dãi trong lớp thế? Tôi khóc: Thưa thầy, em không cố tình... Lần khác, thầy gọi tôi lên bảng đọc một bài văn, đại khái là miêu tả về trúc ở Tỉnh Cang Sơn, khi đọc đến đoạn những mầm măng đâm sức sống phá vỡ mặt đất nhô lên, trong lớp bỗng vang lên những tiếng cười khúc khích, ban đầu là những đứa con gái cúi đầu cố nén tiếng cười, tiếp theo là bọn con trai với những tràng cười không hề có ý định nén lại. Triệu Ngọc Anh, lúc ấy mười bảy tuổi, sau này sẽ là vợ của một người anh họ của tôi - tức là chị dâu tôi là người cười to nhất, nghe đâu là vãi dãi ra quần. Ban đầu thầy Trương vẫn chưa hiểu chuyện gì đang xảy ra, ngơ ngác hỏi cả lớp: Các em cười cái gì vậy? Nhưng sau khi cúi người quan sát tôi thì thầy cũng chẳng nhận được cười, bảo: Thôi, đừng đọc nữa, về chỗ đi! Tôi nói: Thưa thầy, em vẫn chưa đọc xong mà! Bởi tôi là người đọc bài hay nhất trong lớp, rất ít cơ hội để xuất đầu lộ diện trước mặt mọi người nên không đành lòng bỏ dở. Thầy Trương không nói mà đẩy tôi về chỗ ngồi. Chị dâu Triệu Ngọc Anh sau này vẫn thường cười trêu tôi, giả giọng đọc của tôi: Gió xuân tưới những mầm xanh cho đất trời, những tia nắng ấm áp chiếu xuống mặt đất, những mầm măng nhọn từ từ vươn lên khỏi mặt đất...

Thầy Trương đến thăm nhà tôi, kiến nghị với mẹ tôi là nên may dây quần lại cho tôi. Mẹ tôi cực chẳng đã phải nghe lời thầy giáo. Sau khi dây quần được may kín lại, nhiều khi chiếc nút thắt của dải lụa buộc lưng trở thành vật trở ngại lớn nhất đối với tôi và chính vì vậy tôi cũng không ít lần bị trêu chọc. Sau này anh cả cho tôi một chiếc thắt lưng da theo kiểu Tây, tôi bị trêu chọc càng thường xuyên hơn. Nhân ngày lễ thiếu nhi 1 - 6, tôi đứng trước toàn trường đọc một bài văn, đột nhiên chiếc quần của tôi tuột xuống đến tận đầu gối, toàn trường được một trận cười vỡ bụng; rồi tôi đến phòng giáo viên tìm thầy Trương nộp bài tập về nhà, cô giáo họ Thượng đang ngồi nói chuyện với thầy Trương yêu cầu tôi đánh bóng bàn với cô, tôi bảo tôi không biết đánh, cô bảo cô sẽ dạy tôi đánh, thầy giáo Trương cũng bảo tôi phải học đánh, tôi không thể không nghe lời. Vừa mới nhẩy bước đầu tiên, chiếc quần đã tuột xuống dưới đất. Cô Thượng ngả người về phía sau mà cười, nói thầy Trương ơi là thầy Trương, cậu học trò yêu của thầy sao lại như thế!

Trong những ngày được đi học ngắn ngủi ấy, đối với tôi dây quần và thắt lưng là hai thứ làm tôi gặp nhiều phiền não nhất. Đại khái là khi lên lớp bốn, tôi có viết một bài về ngày Quốc tế lao động 1-5 khi trường tôi tổ chức đại hội thể dục thể thao. Bài viết được thầy Trương khen ngợi hết lời. Sau đó tôi còn viết rất nhiều bài luận, tất cả đều được thầy Trương đọc trước lớp, có lúc lại được dán lên bản tin của nhà trường, thậm chí có bài được các trường trung học lân cận lấy làm bài văn mẫu. Nhờ có những thành tích ấy mà chuyện về cái dây quần và chiếc thắt lưng lại biến thành những chuyện rất đáng yêu.

Sau đó tôi tham gia quân đội, thi thoảng về thăm nhà, tôi lôi những bài văn viết thời lớp ba lớp bốn từ trong rương ra và đọc lại. Bài nào cũng có bút tích của thầy Trương phê khiến tôi bồi hồi cảm động, bởi trong Cách mạng văn hóa, tôi và thầy giáo Trương đành phải chia tay. Tôi bị đuổi học, mỗi lần gặp thầy Trương tôi chỉ còn biết cúi đầu đi qua, lòng đầy giá băng. Đọc lại những lời phê của thầy, dâng lên một niềm cảm khái, hận là Cách mạng văn hóa đã cắt đứt con đường như hoa như gấm của tôi. Những bài văn này đã bị dùng làm giấy lau dĩa cho cháu tôi, nếu còn giữ được đến ngày nay, biết đâu rằng còn có chỗ dùng?

Mất học và trở thành trẻ chăn trâu, tôi thường hồi ức lại những bài văn và những ngày tháng huy hoàng đã qua. Trong làng có một người bị quy là “phái hữu” và đuổi về quê tham gia lao động. Chú ấy là sinh viên tốt nghiệp Học viện Sư phạm Sơn Đông, đã từng là thầy giáo dạy ngữ văn cấp trung học. Chúng tôi ở cùng một đội sản xuất, thường hay làm việc bên nhau. Chú ấy đã cung cấp cho tôi rất nhiều kiến thức về tác giả và tác phẩm. Nào là những bài văn thời học trung học cơ sở của thần đồng Lưu Thiệu Đường được tuyển chọn thành bài văn mẫu cho cấp trung học phổ thông, nào là Lưu Thiệu Đường thời học phổ thông đã từng nhận nhuận bút đến ba vạn đồng, nào là chuyện có một tác gia mặt đỏ đang ngồi trên tàu lửa trông thấy một cô gái đang đi bộ bên đường thì quên cả nguy hiểm nhảy xuống, cuối cùng là bị gãy một chân... Đúng là chú ấy đã đan dệt giấc mộng văn chương của tôi. Tôi hỏi: Chú ơi, chỉ cần viết được một cuốn sách là không còn phải đi chăn trâu nữa phải không ạ? Chú ấy nói: Đâu chỉ dừng lại ở chỗ khỏi phải chăn trâu! Sau đó chú ấy còn kể cho

tôi nghe nội dung một cuốn sách của Đinh Linh, kể về những nhà văn danh tiếng một ngày ăn ba bữa sủi cảo... Đại khái là bắt đầu từ đó, mộng văn chương của tôi đã hình thành. Việc khác không bàn, chỉ cần mỗi ngày ba bữa được ăn sủi cảo đã là hạnh phúc nhất đời tôi!

Năm 1973, tôi theo đoàn dân công của làng đi đào sông Giảo Lai ở huyện Xương Ấp. Đất trời đầy băng tuyết, mấy chục vạn dân công của ba huyện tập trung vào một chỗ, người đông như kiến, cờ đỏ rợp trời, chiếc loa phóng thanh từ sở chỉ huy công trường gấm gào bài dân ca Hồ Nam "Lưu Dương hà". Tình ấy cảnh ấy khiến sóng trong lòng tôi trào dâng thúc giục, nằm trong lán mà nghĩ đến việc viết truyện. Đào sông xong quay trở về, da mặt bóc một lớp dày, tự cảm thấy mình đã thay da đổi thịt. Xin mẹ năm đồng ra cửa hàng cung tiêu của hợp tác xã mua một lọ mực, một cuốn vở, nằm sắp trên giường và bắt đầu viết, cuốn truyện đầu tay "Bên dòng Giảo Hà" hình thành như thế với đề từ "Thủy lợi là sinh mệnh của nông nghiệp". Chương thứ nhất có hai câu khai mào: *Tết nguyên tiêu, chi bộ mở hội nghị, Địa chủ già mù chặt chân ngựa non*. Câu chuyện bắt đầu bằng việc buổi sáng tết nguyên tiêu, đội trưởng dân quân Triệu Hồng Vệ ăn xong hai củ khoai, húp hai bát cháo gạo rồi vội vội vàng vàng đến khai mạc đại hội để bàn về việc đào Giảo Hà. Ông ta đứng bên cạnh tượng Mao Chủ tịch, thì thầm niệm: Mao Chủ tịch ơi, Người là vầng thái dương đỏ soi đường cho bản hạ trung nông... Niệm xong mới nghĩ, mặt trời mà đỏ thì không hề nóng, mặt trời buổi trưa không đỏ nhưng nóng nhất. Đang nghĩ lung tung như vậy thì những người tham gia hội nghị đã đến, vị bí thư già tuyên bố khai mạc hội nghị, bắt đầu từ

việc học “Mao Chủ tịch ngữ lục”, sau đó là truyền đạt nội dung quyết định đào Giáo Hà của Ủy ban cách mạng công xã. Cao Hồng Anh, chủ nhiệm phụ nữ, có biệt danh “Người đàn bà thép” muốn tranh cãi, bí thư chi bộ không cho phép, Cao Hồng Anh tuyên bố là sẽ đi tìm bí thư đảng ủy công xã. Cao Hồng Anh và Triệu Hồng Vệ đang yêu nhau, gia đình hai bên đang thúc họ cưới nhau nhưng vì đào Giáo Hà, họ quyết định lùi lễ cưới lại ba năm. Lúc hội nghị đang diễn ra thì có một nhóm phá hoại đang tiến hành những âm mưu chống phá, một lão địa chủ mài dao sắc muốn chặt chân con ngựa màu tía của đội sản xuất, phá hoại công cuộc đào sông, phá hoại sản xuất xã hội chủ nghĩa... Truyện viết chưa xong một chương đã bị vứt qua một bên, nguyên nhân vì đâu tôi cũng không nhớ nữa. Tôi vẫn thường nghĩ cuốn truyện này của tôi như một cô gái vĩnh viễn trinh tiết. Sau đó tôi vào quân ngũ, ăn đã no, mặc đã ấm nên mộng văn chương càng ngày càng thúc giục. Năm 1978, tôi ở huyện Hoàng viết truyện “Chuyện về một người mẹ”, viết về con gái của một địa chủ đem lòng yêu một đội trưởng vũ trang thuộc Bát lộ quân, bỏ nhà theo người yêu, cuối cùng dẫn đội quay về giết chết người bố Hán gian của mình. Nhưng rồi trong Cách mạng văn hóa, do thành phần xuất thân không tốt nên bị đấu tố và cuối cùng phải nhận lấy cái chết thê thảm. Truyện này tôi gửi cho tạp chí “Văn nghệ Giải phóng quân” và trong khi tôi đang mong ngóng tiền nhuận bút để mua một chiếc đồng hồ đeo tay thì bản thảo lại bị trả về. Sau đó tôi còn viết kịch bản “Ly hôn”, nội dung viết về cuộc đấu tranh với “Tứ nhân bang”. Lại gửi cho “Văn nghệ Giải phóng quân”, lại chờ nhuận bút để mua đồng hồ và lại nhận bản thảo quay về. Nhưng lần này thì Ban biên tập của tờ tạp chí đã viết cho tôi một lá thư, những con

chữ đẹp như rồng bay phượng múa trong lá thư đến lúc này vẫn nhẩy múa trong đầu tôi. Đại ý của lá thư như sau: Do số trang của tạp chí có hạn, kịch bản đồ sộ này không thể đăng tải hết được, nếu có thể thì cứ gửi cho nhà xuất bản nào đó hoặc là những đoàn kịch nói. Cuối thư còn có con dấu đỏ chói. Tôi đem bức thư khoe với cán bộ huấn luyện, anh ta vỗ vào vai tôi, nói: Khá lắm, anh bạn. Vấn đề lớn đến độ ngay cả tạp chí văn nghệ của quân đội mà cũng chẳng dám đăng! Cho đến lúc này tôi vẫn không thể hiểu là anh ta đang tán dương hay đang trêu chọc tôi. Sau đó tôi được điều động về Bảo Định và cũng nhờ chính sách đề bạt cán bộ mà tôi trở thành giáo viên chính trị. Bởi những kiến thức cơ bản về chính trị quá thấp nên ngày ngày phải đọc thuộc lòng những bài giảng chính trị, giấc mộng văn chương tạm thời gác qua một bên. Sau một năm, tôi đã thuộc lòng toàn bộ các giáo trình tài liệu, khi lên lớp chẳng cần phải nhìn giáo án nữa thì giấc mộng văn chương lại phục hồi, tôi lại viết như điên cuồng và gửi cho hầu hết các tờ báo địa phương cũng như trung ương. Cuối cùng thì mùa thu năm 1981, truyện "Mưa đêm xuân bay bay" của tôi đã được đăng trên tạp chí "Liên Tri" của thành phố Bảo Định.

Tháng 6 - 1994

Ba bài bút ký về chuyện đọc sách

1. Sở Bá Vương và chiến tranh

Điều vĩ đại nhất của Tư Mã Thiên trong “Sử ký” là nhà sử học đã triệt để đả phá mô thức tư duy “thành công thì trở thành vương hầu, thất bại thì biến thành đạo tặc” rất thịnh hành trong xã hội loạn lạc ngày xưa. Trong hoàn cảnh xã hội lúc ấy, đây là một nhãn quan độc đáo đầy tính nhân đạo, tất nhiên phải cần có dũng khí không sợ bị chặt đầu. Căn nguyên của cái nhìn nhân đạo và dũng khí này có liên quan mật thiết đến chuyện Tư Mã tiên sinh chịu nhục hình. Trong xã hội ấy, nhục hình và chặt đầu xem ra cũng chẳng khác gì nhau. Có rất nhiều người không thể chịu nổi nhục hình mà sẵn sàng chấp nhận bị chặt đầu, nhưng vì trong lòng còn ôm ấp “Sử ký” đang dở dang nên Tư Mã Thiên đã can

rằng chịu nhục; cũng có thể chính vì do Tư Mã Thiên bị nhục hình mà mới có “Sử ký” vĩ đại truyền lại cho đời nay. Một lệnh truyền của Hán Vũ Đế đã dứt bỏ toàn bộ những tư tâm tạp niệm của Tư Mã Thiên nhưng đồng thời cũng tạo dựng nên chân dung một anh hùng chân chính. Phàm là con người đang trong lúc đặc ý thì chỉ nhìn đời từ phía chính diện, dùng quan điểm của giai cấp thống trị để nhìn nhận thế giới; nhưng khi thân lâm vào nghịch cảnh thì con người mới có thể thay đổi cách nhìn đời ở một góc độ khác, thậm chí là từ mặt trái. Điều này có những nguyên nhân vật chất lẫn tinh thần, nhưng nguyên nhân nào cũng quan trọng như nhau. Vô luận là dùng quan điểm văn học hay quan điểm sử học để đọc “Sử ký” đều có thể nhận ra ý nghĩa trọng đại trong việc thay đổi góc nhìn này. Kết quả của việc thay đổi góc nhìn về thế giới là xóa bỏ được những thiên kiến và chấp nê để từ đó dễ dàng nhận ra bản chất của cuộc đời. Những người hiểu ra được điều này thường không thể không rơi vào trạng thái bi thương, cô đơn lạnh lẽ nhưng cũng là tâm thế không ham không muốn, siêu nhiên bên ngoài sự vật. Tôi đã chịu được nhục hình vốn đáng sợ hơn cái chết, tôi giãy giụa để thoát ra từ con đường chết thì còn gì có thể trở thành kỳ hủ đối với tôi? Có tinh thần “không kiêng dè gì nữa” làm tiền đề mới có thể bóc trần những quan điểm chính thống, hoàng quyền; đứng ở góc nhìn mới để vẽ lên một phương diện khác của “đạo tặc” - Bản sắc anh hùng của một người anh hùng thất bại. Thực tiễn của Thái sử công vẫn là một bài học, một sự gợi ý cho những tác gia hiện đại.

Thường nghe thầy giáo của tôi giảng rằng, Tư Mã Thiên sống trong một thời đại rất lãng mạn. Thời đại lãng mạn mới

có thể sản sinh một đại tính cách lãng mạn. Quay về với thời Hán - Sở tranh hùng, nhân vật đại biểu của tinh thần thời đại, đây ắp khí chất lãng mạn và được xem là anh hùng nhất, ngoài Hạng Vũ ra thì không ai xứng đáng hơn. Tinh thần của Hạng Vũ đã cộng hưởng với Tư Mã Thiên. Một thiên “Hạng Vũ bản kỷ”, từng chữ từng chữ đều gói trọn thâm tình của Thái sử công để từ đó chúng ta nhận ra bản sắc anh hùng vô song của con người thất bại Hạng Vũ. Thuở thiếu thời Hạng Vũ đọc sách không thành, chuyển sang học kiếm thuật; học kiếm thuật không thành chuyển sang đọc binh thư; đọc binh thư không mong hiểu được một cách thấu đáo. Có thể xem đó là điều hay, bởi mọi tri thức quá cụ thể dễ dàng biến thành sự trói buộc, là sợi dây cương đối với con thiên mã tự do này. Minh cao tám thước, sức mạnh cừu địch chính là khí độ anh hùng thiên bẩm. Lâm nguy không biến sắc, anh dũng quyết đoán là thiên bẩm của một chiến sĩ. Thuở nhỏ tôi sống ở Cao Mật, đã từng nghe qua rất nhiều truyền thuyết và tất nhiên trong đó có nhiều truyền thuyết có liên quan đến Tây Sở Bá Vương Hạng Vũ.

Ông nội tôi nói: Sở Bá Vương do rồng sinh ra, uống sữa hổ mà lớn lên. Khi Tần Thủy Hoàng đi tuần du về phía Đông, đã từng giao hợp với con gái Đông Hải Long vương trong mơ. Hành sự xong, Tần Thủy Hoàng chia tay người đẹp mà không hề có tí lưu luyến nào, nhưng cô Long nữ thì đã hoài thai và sau đó thì sinh ra một thằng bé đen sì và mập mạp. Có thể Long nữ đã nghĩ thằng con này không hợp đạo lý, danh bất chính ngôn bất thuận, tin tức mà lọt ra ngoài làm ô uế thanh danh của Long cung nên đã đem bỏ vào rừng sâu. Vì thằng bé là giống rồng đúng nghĩa nên không thể để cho nó chết đơn giản như vậy nên một con hổ đã đến cho nó bú,

lớn lên chính là Hạng Vũ. Ngoài chuyện thuyết minh nguồn gốc cao quý và giải thích sức mạnh như thần của Hạng Vũ, truyền thuyết này còn có những ý nghĩa thâm vi khác. Đó là, nếu Hạng Vũ đoạt lấy giang sơn của nhà Tần và lên làm vua có nghĩa là đã kế thừa vương nghiệp của cha ông một cách danh chính ngôn thuận. Do đó mà suy, nguồn gốc của truyền thuyết này có lẽ là những điều đơm đặt từ miệng bọn thủ hạ của Hạng Vũ, cũng giống như chuyện Trần Thắng và Ngô Quảng khi phát động khởi nghĩa nông dân đã sai thuộc hạ viết câu “Đại Sở hưng, Trần Thắng vương” đem nhét vào bụng cá để lừa mọi người vậy thôi. Kiểu mị dân này thời nào cũng có, nhất là khi chuẩn bị lập quốc khai triều. Ông nội tôi bảo, Sở Bá Vương có thể “khí xuy thiên ngã”. Chính là khi Hạng Vũ đứng ở dưới mái hiên, hơi thở của ông ta mạnh đến độ làm cho mái ngói ở trên rơi xuống. Chuyện này quá hoang đường, nhưng hoang đường hơn cả là chuyện sau đây. Ông nội tôi nói, ngoài chuyện có thể thở làm rơi ngói bên thêm, Hạng Vũ còn có “quá đỉnh chi lực”. Đó là, Hạng Vũ có thể dùng tay tự nắm lấy đầu tóc của mình rồi nhấc lên, toàn thân ông ta sẽ nhấc khỏi mặt đất, nếu chuyện này mà có thật thì Sở Bá Vương là người duy nhất trong lịch sử loài người có khả năng tự nâng mình lên khỏi mặt đất. Thần lực này đích xác là siêu việt khác thường. Đến khi đọc “Sử ký - Hạng Vũ bản kỷ” mới đoán rằng, “quá đỉnh chi lực” mà ông nội tôi nói có thể là một cách biến tấu khả năng dùng sức mạnh nhấc đỉnh nặng của Hạng Vũ. Có lẽ bách tính không đủ khả năng để lý giải cụm từ lực năng giang đỉnh 力能扛鼎 nên đã hiểu thành “lực năng quá đỉnh 力能過頂” để biến Hạng Vũ trở thành người tự nhấc mình lên khỏi mặt đất một cách thần thánh như thế.

Tôi nghĩ, hình tượng Hạng Vũ trong dân gian không hề là loạn thần tặc tử mà là một anh hùng cái thế nhất định có ảnh hưởng đến ngòi bút của Tư Mã Thiên để ông viết lên kiệt tác "Hạng Vũ bản kỷ". Một đao "cung hình" của Hán Vũ Đế đã tạo nên một cái nhìn mới, một cây bút lớn, nói không quá đáng là đã sản sinh cho lịch sử văn minh nhân loại một anh tài và một kiệt tác. Không ít những bậc thức giả đương đại, chỉ cần gặp phải một chút oan khuất là cứ nhắc đi nhắc lại, nhưng so với Tư Mã Thiên quả thật không thể bằng. Đương nhiên, không phải là để cho những bậc thức giả đương đại có những tác phẩm tốt mà cố tình giáng oan khuất vào đầu họ, bởi nếu như vậy họ chỉ có thể trở thành một Lý Liên Anh hay là Tiểu Đức Trương mà không thể nào là một Tư Mã Thiên.

Đọc bản kỷ của Hạng Vũ, tôi có cảm giác con người này hình như không để tâm lắm đến việc đánh nhau. Hạng Vũ đánh nhau cũng giống như chuyện du hí vui vẻ. Đây chính là sự hoạt bát, là anh nhiên, là "đồng tâm - bản tính con trẻ", là "đồng thú - thú vui con trẻ" của một người anh hùng. Ông ta "đập nổi dim thuyền" thể hiện quyết tâm, đốt nhà... chính là những biểu hiện sự phá hoại theo ý thức "đồng tâm" điển hình. Mỗi lần giao chiến, Hạng Vũ dẫn đầu sĩ tốt, trông ông ta chẳng ra vẻ gì của một vị thống soái mà lại là một tên lính tiên phong, không xung phong không la hét không chém giết là cảm thấy chân tay ngứa ngáy và trong lòng không vui. Hạng Vũ chỉ biết đấu dũng đấu lực mà không thèm đấu trí, bảo ông ta sắp đặt một mưu kế nào đó là ngay lập tức cảm thấy đấu thống tâm phiền. Đến những thời khắc cuối cùng, Hạng Vũ vẫn cùng mỹ nhân và tuấn mã ca vang; thảm bại đến mức chỉ còn 28 kỵ binh bên mình mà ông ta vẫn còn cá

cực với thuộc hạ, vẫn muốn chứng minh thần lực của mình. Cuối cùng, một mình ông ta đứng bên bờ Ô Giang mà vẫn đem tuần mã tặng cho hảo hán, đem đầu lâu tặng cho người quen cũ. Ông ta không muốn qua Giang Đông không phải vì không đủ can đảm để gặp mặt Giang Đông phụ lão mà vì cảm thấy đánh nhau như thế đã đủ, đã phiền, không muốn đánh nữa. Không muốn đánh nữa thì dùng dao cửa cổ, thế thôi. Kỳ thực, Hạng Vũ chưa hề nghĩ đến chuyện soán đoạt giang sơn lên làm Hoàng đế, tất cả đều do bọn Phạm Tăng ép ông ta phải làm, những say mê của ông ta không phải ở chuyện soán đoạt giang sơn để lên làm Hoàng đế này. Nếu để ông ta làm Hoàng đế, đó chính là “vượt đội mũ người”. Khi tự phong làm Tây Sở Bá vương, phân vương cho nhiều người khác, vai trò của ông ta chẳng khác nào Hoàng đế, nhưng rõ ràng vai trò này không hợp nên ông ta làm tất cả trở nên hồ đồ. Thử nghe cái tên hiệu của ông ta: Tây Sở Bá vương - đúng là rất trẻ con. Giống như tâm thế của một đấu sĩ dùng nắm đấm để tạo dựng uy phong, ông ta sinh ra là để đánh nhau, đánh nhau một cách dũng cảm chính là cảnh giới cao nhất, là lạc thú lớn nhất của ông ta. Nếu chọn một vị thần chiến tranh cho Trung Quốc, Hạng Vũ phải là ứng viên đầu tiên. Đừng tiếc nuôi gì cho ông ta cả, đã có đến mấy trăm người làm Hoàng đế nhưng chỉ có một Hạng Vũ trong lịch sử Trung Quốc. Đương nhiên, chúng ta cần phải cảm ơn Lưu Bang. Trong vũ đài chiến tranh giữa Hán và Sở, Lưu Bang đã trở thành một trợ thủ đắc lực để làm phong độ hùng tráng oai phong của Hạng Vũ bộc lộ rõ ràng hơn, từ đó làm cho cục diện lịch sử trở nên phong phú hơn, đáng xem hơn. Giả sử cuộc chiến này có hai Hạng Vũ hoặc hai Lưu Bang đánh nhau thì lịch sử thời kỳ ấy chẳng có gì đáng bàn cả.

Nhìn ở góc độ chính trị, Lưu Bang đã thắng, Hạng Vũ đã thất bại; nhìn từ góc độ nhân sinh, cả hai đều đã thành công. Cả hai đều đã làm được những điều mà họ muốn làm, hơn nữa còn làm rất tốt. Lưu Bang thành công ở kết quả, Hạng Vũ thành công ở quá trình. Thiên “Hạng Vũ bản kỷ” dưới ngòi bút của Thái sử công, giá trị đầu tiên phải kể tới là mặt văn học, kể đến mới là sử học, là một áng văn chương thể hiện đầy đủ cái nhìn khách quan đồng thời cũng thể hiện cái nhìn chủ quan về sử học.

Ngẫm lại, chiến tranh - cho dù không phải là toàn bộ thì cũng là huy hoàng nhất, bộ phận hợp thành tráng lệ nhất trong lịch sử nhân loại. Chiến tranh sản sinh ra những nhân tài ưu tú nhất, tập trung trí tuệ cao nhất của mỗi thời đại, là sân khấu để con người biểu diễn sự thông minh tài trí của mình một cách tập trung nhất. Do vậy, trên một ý nghĩa nhất định nào đó, lịch sử chính là lịch sử chiến tranh, văn học cũng chính là văn học chiến tranh. Nhà tiểu thuyết quan sát những góc độ của chiến tranh, nghiên cứu những phương thức chiến tranh. Thái sử công là đại gia miêu tả chiến tranh, đương nhiên cũng là ông tổ của văn học chiến tranh. Ông ta cũng viết về quá trình phát triển của chiến tranh, nhưng quan trọng hơn cả là xây dựng những tính cách cực kỳ sinh động trong chiến tranh. Chúng ta đều đã biết viết như thế nào về chiến tranh cho hay, nhưng khi cầm lấy bút thì chúng ta quên mất văn học, quên văn học bởi chúng ta không quên được chính trị. Miêu tả những thảm họa của chiến tranh cũng như những số phận bi thảm của con người trong chiến tranh được xem là một hướng khai thác đúng đắn, nhưng thói đời vẫn là “*Lý Đỗ thi thiên vạn khẩu truyền, Chí kim dĩ giác bất tân tiên* - Thơ Lý

Bạch Đỗ Phủ truyền qua hàng vạn miệng, đến nay mới hiểu là chẳng có gì mới”. Viết chiến tranh như thế nào, tôi đã nhiều lần muốn thử, nhưng có quá nhiều vấn đề nghĩ chưa thông suốt nên không dám động bút một cách dễ dãi. Trong đầu tôi đang ẩn tàng mấy câu chuyện chiến tranh rất hay, rồi sẽ có một ngày tôi sẽ đủ can đảm mà động bút thôi.

Anh hùng - trong bất kỳ ý nghĩa nào mà nói, đều phải vượt ra khỏi những phép tắc đã mặc định, tất nhiên không phải vượt qua toàn bộ mà một bộ phận nào đó, do vậy mà anh hùng một cách triệt để là không hề tồn tại. Hạng Vũ có chỗ chưa triệt để của Hạng Vũ, Tư Mã Thiên cũng có chỗ chưa triệt để của Tư Mã Thiên. Những người bình thường thường vướng víu những sợi dây trời buộc, do vậy mà có thể coi thường một vài phép tắc nào đó là anh ta đã đặt một chân lên con đường dẫn đến anh hùng. Tính cách đáng quý nhất của Hạng Vũ là thủy chung, ông ta vẫn giữ được cái “đồng tâm - tâm tình con trẻ”. Điểm này có chỗ tương thông với Tư Mã Thiên. Trong “Hạng Vũ bản kỷ”, Tư Mã Thiên biểu lộ sự đồng tình sâu sắc với Hạng Vũ, đồng thời có những phê phán đối với ông vua khai quốc của vương triều nhà Hán. Điều này nhất định có liên quan đến việc ông chịu nhục hình. Nếu như vậy, vấn đề đã nảy sinh: Hạng Vũ dưới ngòi bút của Tư Mã Thiên có đúng là một Hạng Vũ trong cuộc đời thực hay không? Tương tự, có phải Lưu Bang trong sách của Tư Mã Thiên là trùng khít với Lưu Bang trong cuộc đời thực? Tôi chạnh nghĩ tới câu nói của Hồ Thích: “Lịch sử là một cô gái nhỏ được con người đánh phấn thoa son cho”. Thiết nghĩ, câu nói này cũng có phần hợp lý.

2. Trên đỉnh cái kỳ viết bản thảo

Trên một ý nghĩa nào đó, lịch sử luôn có tính chất truyền kỳ. Đây là cảm tưởng khi đọc lịch sử của tôi, cũng là kết luận đúc kết những kinh nghiệm cá nhân của tôi. Những năm tôi lao động ở quê hương, tôi thường nghỉ giải lao cùng với những người lớn tuổi trên một phần mộ hoang giữa đồng, có lẽ đây là phần mộ mai táng một người anh hùng thảo dã nào đó. Trên chiếc cầu chòng chành xiêu vẹo xa xa kia có lẽ đã từng phát sinh một câu chuyện lãng mạn kinh tâm động phách. Phía sau con đê cao cao kia có lẽ đã từng có thiên binh vạn mã mai phục. Những người già ngồi bên cạnh tôi hút thuốc đây có lẽ là những người đã tận mắt chứng kiến câu chuyện ấy? Biết đâu trong số họ lại có người trực tiếp tham gia? Họ đang xúc cảnh sinh tình mà kể lại cho tôi nghe câu chuyện có thể là họ nghe kể lại, cũng có thể là chính mắt họ trông thấy. Tôi phát hiện ra rằng, cùng

kể về một câu chuyện nhưng mỗi người lại kể mỗi khác; cùng một câu chuyện và cùng một người kể nhưng mỗi lần kể lại khác nhau. Cho dù câu chuyện cũng chỉ mới diễn ra mấy chục năm trước, nhưng trong những lời kể của họ nó đã biến thành thiên hình vạn trạng, dị bản quá nhiều, trừ sự kiện chủ yếu là có chỗ thống nhất ra, những tình tiết chung quanh cái sườn sự kiện ấy lại phong phú vô cùng, khó mà phân biệt là giả hay chân. Tôi phát hiện ra rằng, trong khi kể lại những điều ấy, người kể không ngừng tra dầu thêm mỡ, không ngừng nhuận sắc thêm tùy theo sự thăng hoa về cảm hứng. Anh hùng được thêu dệt cho thêm anh hùng, kỳ nhân được điểm xuyết cho thêm kỳ. Không có người kể nào không tra dầu thêm mỡ vào trong chuyện kể của mình; cũng không có nhà sử học nào dám khẳng định mình chỉ ghi chép lịch sử một cách khách quan. Bởi con người luôn luôn có đời sống tình cảm, có thiện có ác nên muốn khách quan cũng không thể khách quan nổi. Hãy xem “Sử ký” của Tư Mã Thiên, chúng ta dễ dàng phát hiện ông vô cùng phần uất với ngai vàng của họ Lưu. Phàm là những ai bị họ Lưu bức hại hoặc đè nén, Tư Mã Thiên luôn luôn có một sự đồng tình không hề giấu giếm, khi miêu tả những nghiệp tích của họ, ông thường có những lời tán dương rất nhiệt thành, thậm chí tán dương đến độ khoa trương. Chẳng hạn khi viết về Đại tướng quân Hàn Tín, Phi tướng quân Lý Quảng, Tây Sở Bá vương Hạng Vũ... Tư Mã Thiên dám liệt Hạng Vũ vào hàng “bản kỷ” để cho người anh hùng này thụ hưởng sự đối đãi ngang hàng đế vương. Khi viết “liệt truyện” về Hàn Tín và Lý Quảng, sự kính trọng của ông thể hiện ở chỗ ông không gọi tên hai người mà xưng hô là Hoài Âm hầu và Lý Tướng quân. Chỉ cần nhìn vào tiêu đề đã

thấy tấm lòng kính trọng của Thái sử công đối với những người này. Xét đến ngọn nguồn của những nguyên nhân, có lẽ không ngoài một nhát dao vô tình của Hán Vũ Đế khiến ông chịu một nỗi nhục lớn nhất trong đời một kẻ sĩ. Thế thì làm sao mà khách quan cho được? Do vậy mà suy, những gì trong lịch sử mà hôm nay chúng ta đọc được đều đã bị các nhà sử học, nhà văn kể cả bách tính thêm dầu bớt mỡ, biến chúng thành những sản phẩm của sự yêu thương, căm giận hết cả rồi. Với những sự thật đó, chúng ta đọc lịch sử có khác nào chúng ta đang đọc truyền kỳ; chúng ta đọc “Sử ký” có khác nào chúng ta đang đọc một cuốn sử tâm linh của Tư Mã Thiên?

Đặc điểm lớn nhất trong cuộc đời Tư Mã Thiên là “hiếu kỳ” - tức rất ưa thích điều kỳ lạ. Ưa thích điều kỳ lạ là bản tính tự nhiên của nhân loại. Bản tính tự nhiên của con người dễ dàng biểu lộ trong thời niên thiếu, cho nên trẻ con “hiếu kỳ” nhất. Tư Mã Thiên đã già nhưng vẫn “hiếu kỳ”, do vậy mới nói ông là một nhà văn luôn mang tình “đồng tâm” - tâm hồn con trẻ. “Đồng tâm” của Tư Mã Thiên biểu hiện trong văn chương, “đồng tâm” của Hạng Vũ biểu hiện trong chiến tranh.

Dương Hùng đời Hán là người phát hiện ra Tư Mã Thiên “hiếu kỳ” sớm nhất. Tô Triệt đời Tống cũng nói: “Thái sử công đi khắp thiên hạ, du lãm tứ hải danh sơn, giao du với những kẻ hào kiệt ở vùng Yên Triệu, do vậy mà văn của ông thông suốt, có khí vị thần kỳ”.

“Hiếu kỳ” chính là hạt nhân tinh thần lãng mạn của Tư Mã Thiên.

Khoảng 20 tuổi, Tư Mã Thiên đã “phía Nam đến vùng Giang, Hoài; lên Hội Kê khảo sát mộ vua Vũ; qua Cửu Nghi, du lãm Hoàn, Tương; phía Bắc đến tận Văn Thủy, Tứ Châu, đến đất Nghiệp, kinh đô hai đời Tề Lỗ; xem di phong Khổng Tử; đến đất Trâu, Dịch; bị khốn ở đất Phàn, Tiết, Bành Thành; qua Lương Sở rồi quay về”. Tinh thần “hiếu kỳ” dẫn dắt ông du lãm sơn lâm, truy tìm nguồn cội để làm cho tầm nhìn của mình rộng mở, tăng thêm kinh nghiệm thực tiễn. Tất cả những điều ấy làm cho văn của ông dồi dào sinh lực, kỳ lạ siêu nhiên, biến hóa khôn lường.

Điểm “hiếu kỳ” đặc biệt nhất là cái kỳ bên trong con người. Cái kỳ bên trong con người cũng gọi là cái tài, tức kỳ tài.

Dưới ngòi bút của ông, những nhân vật thành công trong cuộc đời đều có những chỗ “kỳ”, đều có những hành vi kỳ quái vượt qua bình thường. Mà tất cả những kỳ nhân kỳ tài dưới ngòi bút của Tư Mã Thiên đều là những “gà trống độc hành”, là “ngựa trời giữa mây”. Cái kỳ của Hạng Vũ là đọc sách không thành, học kiếm không thông, đọc binh pháp không hiểu, cuối cùng là không học mà có thuật riêng, kỳ ở chỗ là ông ta chiến đấu một cách tự nhiên thiên thành. Cái kỳ của Hàn Tín là lấy cái tâm hùng vĩ để khuất phục chịu nhục, sau khi thành đại tướng thì sử dụng kỳ mưu kỳ kế; kỳ ở chỗ chịu chết một cách mơ mơ hồ hồ; kỳ ở chỗ là người giết Hàn Tín cũng chính là người tiến cử Hàn Tín. Đó chính là “thành cũng do Tiêu Hà, bại cũng do Tiêu Hà”. Cái kỳ của Lý Quảng chính là sức khỏe hơn người, xạ tiễn xuyên qua cả đá cứng, thân lập kỳ công mà lại chịu kỳ oan... Kỳ không kể hết được. Cho nên mới nói,

một bộ “Sử ký” chính là nơi Thái sử công thi triển cái “kỳ học”, chuyển tải cái “kỳ khí”, gửi gắm cái “kỳ oan”, thể hiện cuộc đời của một “kỳ nhân”, để lại cho thiên thu vạn cổ một “kỳ thư”.

Thường thức cái kỳ tài, thích nghe kỳ nhân kỳ sự chính là sự biểu hiện cái bản tính “hiếu kỳ” rất tự nhiên của nhân loại. Trong thời đại đạo đức hiện nay, người ta thụ lập nên không biết bao nhiêu là bia, dựng nên không biết bao nhiêu là tường... mục đích cuối cùng là rất đơn giản: phòng ngừa mọi người “hiếu kỳ”. Cho nên, đứng ở một ý nghĩa nào đó mà nói, bất kỳ xã hội nào cũng đều là xiềng xích đối với bản tính hiếu kỳ tự nhiên của con người. Đương nhiên chuyện đó không thể nào khác hơn được.

Chỉ có “hiếu kỳ”, con người mới có những tư tưởng diệu kỳ, mới có thể có những cái mới. Có những cái mới về tư tưởng mới có thể có những sáng tạo mới trong nghệ thuật. Từ một ý nghĩa nào đó mà nói, sự sáng tạo cái mới trong nghệ thuật chính là những tiến bộ của đời sống xã hội.

Những người “hiếu kỳ” thường không được người ta ưa thích, mặc dù người ta luôn “hiếu kỳ”.

“Hiếu kỳ” và bảo thủ vốn là một cặp mâu thuẫn.

Kẻ “hiếu kỳ” luôn luôn gặp phải những kết cục kỳ dị.

Cả một đời “hiếu kỳ”, Kim Thánh Thán đã vì “hiếu kỳ” mà gặp đại họa, khi sắp bị hành hình, nói: “Chặt đầu đau lắm, tịch biên gia sản thăm lắm, nhưng Thánh Thán này lại không tự nguyện mà lại được. Đại kỳ!”.

Thì ra “hiếu kỳ” cũng có cái giá của nó!

Đối với một tiểu thuyết gia, “hiếu kỳ” còn quan trọng hơn chuyện học tập nhiều. Học tập chỉ là một trong những biểu hiện của “hiếu kỳ”.

Nếu không có người kỳ việc kỳ, thế giới này chẳng khác một vũng nước ao tù.

Cứ “hiếu kỳ” đi, nhưng không nhất định phải làm một “kỳ nhân”.

3. Ánh trăng như nước chiếu áo đen

Lỗ Tấn tiên sinh trong “Đức kiếm” đã xây dựng nên hai nhân vật có khí chất anh hùng, đó là Mi Gian Xích và người hiệp sĩ áo đen. Mi Gian Xích vì báo thù cho cha mà khăng khái vùng kiếm cắt đầu mình giao cho hiệp sĩ áo đen. Hiệp sĩ áo đen đã vì cậu báo thù xong, trong thời khắc quyết định nhất cũng tuân thủ những kế hoạch đã định sẵn, vùng kiếm lên tự chặt đầu mình. Kiểu anh hùng “nhất ngôn ký xuất”, lấy đầu lâu để phó thác và cũng lấy đầu lâu để làm vật hứa là phong độ của những hiệp khách xưa, nay đọc lại cũng khiến chúng ta bồi hồi.

Mi Gian Xích vẫn còn là một đứa trẻ con, tính khí vẫn còn bông bột nhưng rất quyết đoán và cũng đầy thiện lương. Cậu bé thậm chí còn thương cả con chuột “chìm trong nước, chỉ có chiếc mũi hồng hồng là còn lộ lên khỏi mặt nước”; cứu con chuột lên, lại cảm thấy nó đáng ghét; muốn đập chết nó, lại cảm thấy nó đáng thương. Kiểu tâm lý này đích thực là

mô hình tâm lý của nhà nghệ thuật, điều cốt yếu là tình yêu nóng bỏng đối với sinh mệnh, là sự mãnh cảm, là tính thiện, là sự dao động. Kiểu tâm lý này chỉ thích hợp với việc viết tiểu thuyết, không phù hợp với chuyện báo cừu.

Nhưng đã có những đột biến phát sinh. Khi biết phụ thân vì đức kiếm cho Sở vương mà bị Sở vương giết hại, thời niên thiếu thuần khiết của cậu như có một thanh kiếm thật sắc chặt đứt, chỉ cần một bước nhỏ là cậu đã biến thành người lớn, “toàn thân như có một ngọn lửa thiêu đốt, cảm thấy mỗi sợi lông trên thân thể mình như phát ra những đốm lửa, đôi nắm đấm phát ra những tiếng kêu răng rắc trong bóng tối”. Những lời của mẹ làm cho cậu ta nhận ra rằng, là một nam tử Hán, mục đích duy nhất của cả một đời là báo thù. Trong khi ngọn lửa phục thù đang âm ỉ cháy trong lòng, cậu ta đã cầm thanh hùng kiếm “làm cho ánh trăng bên ngoài cửa sổ và ngọn lửa từng trong nhà mất hẳn ánh sáng”, “cậu cảm thấy tính tình yếu mềm của mình đã biến đổi; cậu quyết tâm cần phải như người không hề có tâm sự buồn phiền gì trong lòng, vui đầu vào gối ngủ say, sáng sớm tỉnh dậy, không hề có một chút thay đổi nhỏ trên gương mặt, ung dung đi tìm kẻ thù không đội trời chung”. Nhưng những vẻ điêu luyện về tâm tình như thế là quá phần ấu trĩ, những quyết tâm thâm kín của cậu ta chẳng khác nào những đứa trẻ lúc đánh nhau cắn răng phát hận. Khi cậu ta đem kế hoạch báo thù thực hiện thì những quyết tâm của cậu ta bắt đầu dao động. Trên đường, “một đứa bé đột nhiên chạy tới, suýt chút nữa thì va phải thanh bảo kiếm đeo trên lưng khiến cậu sợ toát mồ hôi”. Khi xông vào xe ngựa của Sở vương, “chỉ bước được năm sáu bước rồi ngã chổng vó”, lại bị một thằng bé mặt đầy tàn

nhang ôm lấy chặt cứng. Xem ra, việc báo thù cha chỉ có quyết tâm không thôi mà không có bản lĩnh lâm nguy không biến sắc và những kỹ thuật vượt người thường thì không xong rồi. Đang lúc Mi Gian Xích bị thằng bé mặt dày tàn nhang ôm chặt cứng thì người mặc áo đen “râu đen mắt đen, gầy như một thanh thép” xuất hiện, ông ta nhìn Mi Gian Xích “cười một cách lạnh lẽo”, “giơ tay lên phất vào mông thằng bé nọ mấy cái, đồng thời cũng nhìn thẳng vào mặt nó”. Thằng bé “bất giác nói lỏng tay, phóng chạy mất”. Đôi mắt ông ta hình như có “hai đốm lửa lân tinh”. Đó là một hình tượng báo cừu tàn khốc điển hình. Ông ta không muốn Mi Gian Xích gọi mình là “nghĩa sĩ”, cho mình là “đồng tình với quả phụ con côi”. Ông ta có vẻ phật ý nói: “Ôi, cậu bé, cậu đừng nói đến những cái danh xưng ô nhục đó”. Ông ta nói thật nghiêm trang: “Trượng nghĩa, đồng tình, những chuyện ấy người xưa đều đã thực hiện rồi, lúc này đều đã trở thành những khoản nợ với ma quỷ thôi. Trong lòng ta về cơ bản không có những điều như cậu vừa nói. Ta chỉ muốn báo thù cho cậu thôi”.

Ý thức “ta chỉ muốn báo thù cho cậu thôi” đã biểu hiện niềm ưu tư phần uất trong lòng, một nỗi niềm gần như tuyệt vọng. Những kích động của ông ta đã thông qua sự rèn luyện đầy gian khổ, giống như quá trình đúc kiếm, đã đạt đến trình độ “thoạt nhìn hình như không có gì cả”. Đây là hình tượng một chiến sĩ chân chính: rèn luyện đã đến mức thượng thừa nên linh khí và tinh khí đã lặn vào bên trong. Trên con người ông ta tìm không ra một biểu hiện nào của “quyết tâm”, “dũng khí” thô thiển như Mi Gian Xích, như ông ta từng nói: “Trong linh hồn của ta có rất nhiều người đã từng bị ta sát hại, ta đã từng căm ghét chính ta”.

Một người từng căm ghét mình như vậy đương nhiên sẽ không bao giờ đem quyết tâm và dũng khí treo trên miệng như một đứa trẻ. Ông ta chỉ theo đuổi cách thức hành động. Những trò quỷ thuật kỳ dị trong truyện chính là sự miêu tả một cách sinh động nghệ thuật báo thù của ông ta.

Tất cả những bạo chúa đều ưa thích sự chém giết. Biết được điều đó, người áo đen đã dùng cái đầu của Mi Gian Xích để dẫn dụ bạo chúa, ông ta đã đúng. Cái đầu của kẻ rất thích xem đầu người chính là một tình tiết tối quan trọng trong quy trình báo thù, một tình tiết rất có ý nghĩa.

Tôi đọc truyện này trong sách trích giảng ngữ văn trung học khi mười mấy tuổi, mười mấy năm sau vẫn không thể quên truyện ngắn này đã kích động tinh thần của tôi như thế nào. Cho dù lúc ấy, không thể nói là tôi đã hiểu truyện ngắn này một cách đầy đủ nhưng có thể nói, tôi cũng đã cảm thụ được nội hàm thâm sâu cũng như những hình tượng tượng trưng phong phú và mị lực trong nghệ thuật viết của nó.

Những chiếc đầu lâu rời khỏi thân thể lại vẫn có thể ca hát vang trời, vẫn tiếp tục đấu chọi với kẻ thù, đúng là một cách miêu tả đầy mị lực. Ai cũng hiểu là trong chuyện này có nhiều yếu tố tượng trưng nhưng nào có ai giải thích một cách thấu đáo. Đầu lâu tượng trưng cho cái gì? Thanh kiếm màu xanh tượng trưng cho cái gì, hiệp sĩ áo đen tượng trưng cho ai? Tất cả là đầu lâu mà không phải đầu lâu, là kiếm mà cũng không phải là kiếm, là người nhưng cũng không phải là người. Đây là một dạng tinh thần đen đến độ phát sáng, cũng giống như nhân vật Grigori trông thấy một vầng thái dương

màu đen; là một kiểu rét đến độ nóng bức, nóng nực đến độ rét căm. Tất cả những điều đó hoàn toàn phù hợp với tính thần Lỗ Tấn.

Mỗi lần đọc “Đức kiếm” tôi đều có cảm giác nhân vật áo đen chính là hóa thân của Lỗ Tấn. Phong cách của Lỗ Tấn giống hoàn toàn với nhân vật áo đen này. Những năm cuối đời, ngòi bút trong tay Lỗ Tấn chẳng khác nào thanh hùng kiếm trong tay người áo đen, hữu hình nhưng vô hình, thô mà rất sắc, giết người không thấy máu, chém người không để lại dấu vết. Những suy tính trong quá trình báo thù của người áo đen chính là những phương pháp mà Lỗ Tấn đã sử dụng để đấu tranh với kẻ thù.

Gần đây tôi có đọc một số tiểu thuyết kiếm hiệp và tôi cũng có những suy nghĩ của riêng mình nhưng cũng tiếc rằng tính cường điệu khoa trương của chúng quá lớn khiến cho tính ngụ ngôn và tính tượng trưng của tiểu thuyết mất đi khá nhiều. Văn tự và ngôn ngữ sẽ mất sức sống và giá trị thẩm mỹ nếu người viết không biết sử dụng nghệ thuật khoa trương thế nào cho vừa phải, do vậy tiểu thuyết chỉ còn có thể dựa vào sự ly kỳ của cốt truyện để hấp dẫn độc giả mà thôi. Đề tài của “Đức kiếm” có từ tiểu thuyết truyền kỳ nhưng do Lỗ Tấn gửi gắm rất nhiều tình cảm vào trong đó nên có thể xem đó là một sáng tác mới mà không phải là “Chuyện cũ viết lại”. Lúc nào tôi cũng nghĩ đến vấn đề những tiểu thuyết nghiêm túc có thể học được những gì từ tiểu thuyết kiếm hiệp, làm thế nào để tiếp thu những điểm mạnh khiến người đọc bị hấp dẫn, từ đó hể cầm sách lên là đọc một mạch cho đến hết. Có lẽ đây chính là con đường rất thoáng cho tiểu thuyết hiện đại.

Mi Gian Xích chỉ cần nghe những yêu cầu của người áo đen là đã quả cảm vùng kiếm lên cắt đầu mình. Hành động này khiến tôi kinh sợ. Thằng bé này sao lại tin tưởng một cách lạ lùng vào con người mới quen biết này thế nhỉ? Kỳ thực, nhất kiếm này của Mi Gian Xích còn khó thực hiện hơn với việc tự tay cầm kiếm đi báo thù rất nhiều lần. Lòng tin người khác của cậu ta khiến đất trời cũng phải nức nở. Những tâm hồn phi thường vốn được khoác bên ngoài một vẻ đần độn.

Xét ở nhiều góc độ, những phấn đấu, đau khổ, thành công, thất bại trong cuộc đời của một con người cũng chỉ là mây bay ngang mắt. Người áo đen anh hùng, Lỗ Tấn trong chừng mực nhất định nào đó cũng là anh hùng. Chỉ có như vậy mới xem chuyện sống chết như là lông hồng, nhìn những đổi thay lớn lao của cuộc đời mà không hề nhú mảy mảy mắt.

“Đức kiếm” sơ dĩ gây được những xúc động cho người, mấu chốt là ở chỗ nó có một khoảng cách khá xa với hiện thực. Tiểu thuyết không nhất thiết phải giúp người nông dân giải quyết vấn đề ăn mặc, càng không thể giải quyết được chuyện thất nghiệp của công nhân. Điều mà tiểu thuyết muốn nói chính là một thứ tinh thần siêu việt cái bình thường, đương nhiên đó cũng chỉ là loại tiểu thuyết theo sự ưa thích của cá nhân tôi.

Những truyện khác trong “Chuyện cũ viết lại” còn thể hiện nhiều điều khác ở Lỗ Tấn. Tiên sinh thường đem những điều oán hận thay hình đổi dạng đưa vào truyện của mình. Như trong truyện “Lý thủy”, những trang viết về Cố Hiệt Cường theo tôi có thể xem là “bại bút”. Nhưng vô luận là thế

nào, “Chuyện cũ viết lại” vẫn xứng đáng là một bộ “kỳ thư”. Cuốn sách này có lẽ đã mang đáng đáp của những trào lưu tiểu thuyết hiện đại, ngay cả những trang bị tôi xem là “bại bút” cũng được người đương đại ca tụng hết lời. Ranh giới giữa sáng láng và tối tăm chỉ là một tờ giấy mỏng.

Đến hôm nay tôi vẫn còn nghĩ rằng, “Đức kiếm” là tác phẩm hay nhất của Lỗ Tấn, cũng là tác phẩm hay nhất trên văn đàn Trung Quốc.

Tháng 6 - 1990

Bàn về Faulkner

Năm nay là đúng 100 năm ngày sinh của Faulkner, tôi nghĩ là nên viết vài dòng để kỷ niệm ông.

Mười mấy năm trước tôi mua được cuốn “Âm thanh và cuồng nộ”, từ đó tôi bắt đầu làm quen với ông lão người Mỹ hay ngậm tẩu thuốc này.

Trước tiên là tôi đọc lời giới thiệu cuốn sách dài đến hai vạn chữ của dịch giả Lý Văn Tuấn tiên sinh. Đọc xong bài viết này, tôi nghĩ đọc hay không đọc “Âm thanh và cuồng nộ” không còn là chuyện quan trọng nữa. Trong lời giới thiệu, Lý tiên sinh nói, Faulkner viết không mỗi mẹt về mảnh đất quê hương to bằng con tem thư, cuối cùng cũng sáng tạo nên một khoảng đất trời riêng cho mình. Ngay lập tức tôi đã nhận được một sự động viên cổ vũ vô cùng to lớn, chỉ hận một điều là không thể nhanh chóng sáng tạo ra được một khoảng đất trời cho riêng mình.

Vì lòng tôn trọng đối với Faulkner, tôi chậm rãi lật những trang sách “Âm thanh và cuồng nộ”. Đọc đến hai dòng cuối của trang bốn: “Tôi đã không còn cảm thấy cái lạnh của cánh cổng bằng sắt nữa, nhưng tôi vẫn còn có thể nghe thấy mùi vị lạnh lẽo đến lóa mắt”. Tôi gấp sách lại, hình như ông già Faulkner đang ôm lấy vai tôi và nói: Được rồi, anh bạn, không cần phải đọc nữa.

Ngay lập tức tôi đã nhận ra rằng mình phải giương cao ngọn cờ “huyện Đông Bắc Cao Mật”, đem tất cả những đất đai, sông ngòi, cây cỏ, hoa màu, hoa lá, chim muông, côn trùng, cá mú, trai diên nữ cuồng, thổ phỉ lưu manh, điều dân dân phụ, anh hùng hảo hán... trên mảnh đất ấy vào trong tiểu thuyết của mình, khai sinh ra một nước cộng hòa trong văn học. Đương nhiên tôi sẽ là hoàng đế trong nước cộng hòa ấy, ở đó tôi là chúa tể của tất cả. Để khai sinh ra nước cộng hòa văn học ấy đương nhiên là phải dùng bút, dùng ngôn ngữ, dùng một thứ trí tuệ siêu việt, đương nhiên cũng phải dựa vào vận may. Vận may nhiều khi còn quan trọng hơn cả thiên tài.

Trong tiểu thuyết của mình, Faulkner để cho nhân vật của mình “nghe thấy khí vị lạnh lẽo đến lóa mắt”. Cái lạnh không những có “mùi vị” mà còn “lóa mắt”. Té ra trên đời này lại có một thứ cảm giác đến kỳ diệu như thế sao? Ngẫm nghĩ cho thật kỹ mới vỡ lẽ rằng, thế giới này vốn là như vậy. Nhiều năm về trước, trên những con đường kết đầy băng vào những buổi sáng tinh mơ, tôi đã không cảm nhận được mùi vị của băng đến lóa mắt hay sao? Trước khi đọc Faulkner, tôi đã viết cuốn “Củ cà rốt trong suốt”, trong đó có một cậu bé có thể nghe được tiếng rơi của một sợi tóc xuống đất. Khi viết

xong những lời phá cách như vậy, tôi trần trở bất an, loảng thoảng đầu đó tôi nghe thấy những lời khích lệ của Faulkner: Anh bạn, cứ thế mà làm. Hãy để cho thế giới cũ như hoa đào trôi theo dòng nước và biến mất, hãy để cho vầng thái dương tươi nguyên chiếu rọi toàn cầu!

Từ đó trở về sau, tôi vui đầu vào công việc “kiến quốc”, tạm thời rời xa Faulkner. Nhưng tôi với ông già người Mỹ này đã thiết lập được một mối quan hệ cá nhân tương đối thân thiết. Tôi thường nghĩ về ông ta trong những đêm thanh vắng và để biểu hiện sự tôn kính của mình, mỗi lần trông thấy sách của ông ấy là bằng mọi cách tôi phải mua cho kỳ được.

Thời gian gần đây, tôi tiếp tục đọc những trang sách của Faulkner. Những gì ông viết trong sách quả thật là không còn quan trọng lắm đối với tôi nữa. Từ trước đến nay tôi chưa hề đọc cuốn sách nào của ông ta từ đầu đến cuối. Tôi đọc sách của Faulkner chẳng khác nào tán chuyện gẫu với những ông già ở quê tôi, đồng một lời tây một câu, trời nam đất bắc không có bến có bờ, nhưng có điều tôi có thể tìm thấy được những điều bổ ích trong quá trình giao lưu lãng đãng ấy.

Trong thời kỳ tôi bị những cuốn “tiểu thuyết hồng” làm cho đầu choáng mắt hoa, Faulkner thường nói với tôi: Anh bạn, cần xác định vĩnh viễn một mục tiêu cao hơn so với năng lực của chính mình, không nên chỉ là vượt qua người đồng thời với mình hoặc tiền nhân mà hao phí sức lực mà hãy tận lực siêu việt chính mình.

Khi tôi trông thấy sự thành đạt hoặc phát tài của người khác mà trong lòng cảm thấy chua xót, Faulkner nói với tôi: Anh bạn, một nhà văn tốt vốn không bao giờ nghĩ đến

chuyện sáng tác để kiếm tiền. Anh ta chỉ nghĩ đến sáng tác, không quan tâm bất cứ chuyện gì khác. Nếu anh ta không phải là nhà văn của một thời, anh ta sẽ nói: Không có tự do về thời gian và kinh tế. Kỳ thực, cảm hứng nghệ thuật có thể bắt nguồn từ một tay trộm vặt, một lão chủ quán rượu hoặc một người đánh xe ngựa. Nếu chỉ chú tâm phát hiện những con người này có thể chịu đựng được gian khổ và khốn cùng đến mức độ nào thôi sẽ khiến người ta cảm thấy sợ hãi. Tôi nói cho anh bạn hay, cho dù như thế nào cũng đừng bao giờ tiêu diệt thiên tính của một tác gia, điều duy nhất có thể hủy diệt thiên tính của một tác gia chỉ có cái chết. Một nhà văn tốt không có thời gian để chú tâm vào chuyện thành đạt hay phát tài.

Sau một thời gian dài tương giao với Faulkner, tôi cũng phát hiện ra một số điểm yếu rất đáng yêu của ông già này, chẳng hạn như thích nói dốt. Chưa hề là một người lính không quân nhưng ông ta lại bảo mình đã từng lái máy bay tham gia vào những trận không chiến, trong đầu vẫn còn giữ một mảnh đạn. Hơn thế nữa, Faulkner còn vỗ ngực tuyên dương mình mà không hề có trách nhiệm gì về lời nói của mình, chẳng hạn như nói một nhà văn vì sáng tác mà có thể đến cướp bóc ngay cả nhà của mẹ mình. Quan hệ giữa Faulkner và Hemingway giống như quan hệ giữa hai đứa trẻ con, đánh nhau rất dữ dội nhưng xem ra chẳng có chất lượng gì. Cho dù là như vậy, càng ngày tôi càng thích Faulkner, có lẽ là vì từ những khuyết điểm này của ông ta khiến tôi không thể nào quên.

Mấy năm trước, tôi đã từng đến Đại học Bắc Kinh để tham dự một hội nghị khoa học quốc tế về Faulkner. Trong

hội nghị tôi đã làm quen với rất nhiều vị giáo sư danh tiếng đến từ quê hương của Faulkner. Trở về nước, một trong số các vị ấy đã gửi tặng tôi một cuốn sách bằng tranh và ảnh về cuộc sống của Faulkner, trong đó có một tấm ảnh Faulkner mang đôi giày da cũ rách, khoác chiếc áo rách tươm, đầu tóc rối bời như tổ quạ, tay cầm xẻng đứng bên cạnh chuồng bò. Rất nhiều lần tôi lật tấm ảnh này ra xem, cảm thấy giữa mình và Faulkner có nhiều điểm tương đồng.

Tháng 10 - 1993

Suy đoán về Mishima Yukio

Suy đoán 1: Có lẽ Mishima Yukio là một con người có đời sống nội tâm vô cùng mềm yếu. Khuôn mặt cương nghị, đôi lông mày rậm và thô, đôi mắt lạnh lẽo chẳng qua là do ông cố tình tạo ra như thế, là sự nguy trang. Việc hình thành tính cách mềm yếu của Mishima Yukio có liên quan mật thiết với cuộc sống thời niên thiếu của ông. Bà nội ông, một con người cứng rắn đã dùng một thứ tình yêu bá đạo đầy bệnh tật phủ lên linh hồn một đứa bé đáng thương. Nhưng nếu không có một bà nội quái ác như vậy, rất có thể là sẽ không có những tác phẩm văn học quái dị mà đẹp đẽ như một bông hồng đen nở trên một xác thối trương phềnh của Mishima Yukio, đương nhiên trên văn đàn Nhật Bản sẽ không có một “quỷ tài” Mishima Yukio. Cho dù trên miệng của Mishima lúc nào cũng nói đến cái chết, hể mở miệng ra là nói đến

chuyện thêm máu tươi, muốn giết người... cuối cùng lại chọn cách tự sát để kết liễu đời mình, nhưng tôi lại cho rằng chính ông ta là người sợ chết nhất trên thế gian này, chỉ ít là ông ta cũng quý trọng sinh mệnh của mình ngang hàng với những kẻ phạm phu tục tử. Mishima đã từng khai mình mang trọng bệnh để khỏi phải nhập ngũ là một minh chứng cho việc ông ta rất lưu luyến thế gian này.

Suy đoán 2: Có lẽ trong vấn đề giới tính, Mishima Yukio chịu rất nhiều áp lực. Ông yêu đàn bà đến độ điên cuồng, thậm chí gặp cô nào là yêu ngay cô ấy. Ông tuyệt đối không phải là người có vấn đề về giới tính, lại càng không phải là kẻ thêm khát thân xác đầy mỡ hôi của những nam công nhân vệ sinh. Tôi nghĩ ông có một mối ác cảm đối với thân thể đàn ông, tuyệt đối không phải là kẻ đồng tính. Mishima có rất nhiều câu nói nhằm đánh lừa mọi người. Tôi đọc tác phẩm của Mishima chưa nhiều lắm, nhưng nếu một số truyện có liên quan đến chuyện đồng tính mở lối cho ông bước chân vào văn đàn đều là những truyện viết trước năm ba mươi tuổi, nếu sau bốn mươi tuổi ông không viết về vấn đề này nữa, thế thì tôi có thể khẳng định rằng, ông tuyên bố như yêu đàn ông hoặc đại loại như thế về thực chất là một hành vi kích động để mọi người chú ý đến mình một cách lập dị mà thôi. Tôi nghĩ, ở Nhật Bản lúc ấy không có nhà văn nào mắc bệnh đồng tính cả. Mishima Yukio gây ra vụ nhiệt não này quả đúng là hấp dẫn, đầy mị lực, do vậy đã khiến nhiều độc giả cảm thấy hứng thú với tác phẩm của ông. Trong tâm can của Mishima, cái cơ thể đàn ông cường tráng của ông là của chính ông, tình yêu của ông chính là ông dành cho cơ thể ông, lại còn ảo tưởng là dùng cơ thể ấy để chinh phục đàn bà. Rõ ràng

Mishima tự tin đến mức cuồng ngạo trước đàn bà. Cuộc đời Mishima Yukio có rất nhiều khoảng thời gian cô độc, thực ra là ông hy sinh cho những sáng tác của mình. Bi kịch của vấn đề là ở chỗ: Những nhà bình luận và những nhà chép truyện ký lúc nào cũng quá tin tưởng vào những phát biểu của nhà văn mà không hề để ý rằng, phần lớn những phát biểu của họ đều là không thật, không thật nhiều nhất chính là tự truyện của chính nhà văn. Muốn biết chân diện mục của nhà văn nên chú tâm tìm kiếm trong tiểu thuyết của anh ta. Do vậy nhân vật đạo sĩ trong “Kim các tự” kỳ thực cũng không hoàn toàn là đạo sĩ.

Suy đoán 3: Tính cách nhu nhược của Mishima Yukio biểu hiện đầy đủ nhất là lúc ông tiếp xúc với đàn bà. Ông có sự mẫn cảm vượt bình thường, đa tình vượt bình thường. Ông là một con người đa tình đến độ bệnh hoạn, tuy dung mạo cũng tầm thường thường nhưng linh hồn thì cao quý và yếu ớt, trông chẳng khác nào một con ve vừa thoát xác. Nhân vật thiếu niên quý tộc trong “Xuân tuyết” chính là sự thể hiện mẫu hình lý tưởng, cũng là sự thể nghiệm tâm lý tuổi thanh xuân một cách hình tượng hóa của ông. Tôi nghĩ Mishima Yukio khi còn đang đi học thì gặp cô bé nọ trên xe buýt, ngồi bên cạnh nhau, đầu gối chạm vào nhau, bởi bị kích động nên toàn thân Mishima phát rét run, răng đánh vào nhau lập cập. Rất khó nói đó là tình yêu, vả lại cô thiếu nữ ấy chưa hẳn đã là đẹp. Đối với thiên tính của Mishima Yukio, ái tình chỉ có thể là một kiểu phản ứng bệnh lý. Tôi nghĩ trong thời gian ấy, Mishima chưa hề có năng lực tính giao, ông không thể hoàn thành những hoạt động tính giao đối với người con gái mà ông theo đuổi, đó có thể chỉ là một kiểu luyến ái về mặt

tinh thần trong trạng thái không bình thường. Đối với một thiếu niên như thế, có thể khiến cho anh ta trở thành một người đàn ông chân chính, có lẽ phải cần đến một mẹ đàn bà từng trải hơn là một cô thiếu nữ xinh đẹp yêu kiều. Tôi nghĩ, chính vì sự bất lực đối với đàn bà trong thời niên thiếu nên ông mới đem “cơ thể dâm dấp mồ hôi của đàn ông” ra mà nói, thứ nhất là để tự an ủi, thứ hai là để làm cho mình tự mới lạ. Do vậy, chuyện “luyện ái tinh thần đồng tính” của Mishima Yukio, về cơ bản có thể lý giải là một hành vi thuần túy văn học. Người như Mishima không phải là nhiều nhưng ở những nghệ thuật gia trác việt nói chung đều có những diễn biến tâm lý tương tự. Tôi nghĩ, trước khi chính thức kết hôn, Mishima đã từng có những hành vi tính giao khá mỹ mãn với đàn bà, do vậy mà “luyện ái tinh thần đồng tính” của ông càng ngày càng thuyên giảm. Kết hôn chính là một cái mốc đánh dấu sự chuyển biến lớn lao trong cuộc đời cũng như trong sáng tác của Mishima Yukio, những sinh hoạt vợ chồng hằng ngày đã gạt bỏ những mặc cảm tự ti về giới tính của ông, về sau ông dường dường chính chính miêu tả những quan hệ nam nữ rất bình thường mà tác phẩm “Sống loạn” chính là một minh chứng.

Suy đoán 4: Trong “Kim các tự”, Mishima Yukio không giải thích một cách rõ ràng khái niệm “kim các - lầu vàng” tượng trưng cho cái gì. Tôi cho rằng “Kim các tự” đơn giản chỉ là một tự truyện tình yêu của chính ông. Những diễn biến tâm lý thấp hèn ở nhân vật đạo sĩ nọ có thể được xem là những thể nghiệm được của Mishima trước khi kết hôn. Tôi cho rằng, cứ cứng nhắc bảo rằng “kim các” là một hình tượng tượng trưng, thế thì tôi đoán đó là hình tượng tượng trưng

của một cô thiếu nữ xuất thân đài các, có thể ngấm mà không thể với tay tới được. Nhưng Mishima là người không thể cũng với kiểu đàn bà ấy hoàn thành những hoạt động tính giao, cũng giống như những thiếu niên nhu nhược tinh thần lẫn thể xác cứ hoài vọng về một hình bóng yêu kiều nào đó, bất đồ đến một lúc nào đó, người đàn bà mà anh ta hoài vọng lại trần trỗng hiện ra trước mắt cùng anh ta ân ái, nhưng khổ nỗi anh ta lại không có năng lực ấy. Cái đẹp luôn luôn có sức mạnh làm cho người ta phải chấn động, phải sợ hãi, tôi nghĩ Mishima trước khi kết hôn đã trải nghiệm và nhận ra được điều này. Khi người đẹp tủi tủi hận hận mặc quần áo và bỏ đi, chắc chắn nỗi thống khổ trong lòng Mishima thâm sâu và bao la như biển trời. Ông càng mê đắm đàn bà và cứ liên tục nghĩ đến chuyện cùng người đẹp làm tình, cũng giống như đạo sĩ nọ lúc nào cũng tưởng tượng ra hình dạng của “lầu vàng” trong ngọn lửa ngất trời. “Lầu vàng” đang chao đảo và phát ra những tiếng nổ âm ì trong ngọn lửa chính là những cơn quần quai và những tiếng rên rỉ của đàn bà lúc dục tình đã đến đoạn cao trào trong tâm lý của Mishima. Cho nên khi có một bạn văn báo rằng không cần thiết phải viết chương mười miêu tả cảnh lầu vàng bị lửa thiêu, như thế sẽ tốt hơn; Mishima đã trả lời: “Nhưng, cắt đứt giữa chừng một cuộc giao hoan là rất có hại cho sức khỏe!”. Tuyệt đối đây không phải là một câu đùa, cho nên người bạn văn này mới nói: “Mishima Yukio thiết kế lửa thiêu Kim các tự rất có thể là trước đó ông ấy đã cảm nhận được một kiểu phát tiết tình dục mang tính chức năng của giác quan. Mishima đã đem lầu vàng làm đối tượng miêu tả tình dục của ông ấy”. Khi chưa có được một người đàn bà, một thiếu niên điên cuồng vì tình dục có thể nghĩ đến cái chết để thay thế cho những

dục cảm hoan lạc của ái tình, nhưng đến ngày anh ta được thỏa nguyện, những suy nghĩ về cái chết sẽ tan theo mây theo khói. Do vậy mà sau khi đốt cháy lều vàng, đạo sĩ nọ đã vắt con dao cũng như những viên thuốc ngủ vốn để cho anh ta tự sát xuống đáy bể rồi đốt một liều thuốc, vừa rít thuốc vừa nghĩ: “Hay là phải sống thôi!”. Đúng thế, những mỹ nhân sáng nhớ chiều thương cuối cùng cũng chỉ là như thế, phải tiếp tục sống thôi!

Suy đoán 5: Sau khi viết xong “Kim các tự”, những lời ca tụng mặc sức tuôn ra, tiếng tăm nổi như cồn, trong nhà đã có vợ khôn con quý, đời sống vật chất và tinh thần đầy đủ..., Mishima Yukio dễ dàng rơi vào một cuộc sống bình thường dung dị. Ông ta đã có tất cả, đã công thành danh toại, gia đình viên mãn. Những mặc cảm tự ti ẩn tàng trong con người ông đã được trị liệu thông qua cuộc sống gia đình êm ấm, phù hợp với đạo đức truyền thống và ngọn lửa hỏa thiêu Kim các tự. Mishima Yukio cũng không còn “mê đắm cơ thể của những công nhân vệ sinh” để tự khinh mình và khinh người nữa. Nhưng Mishima Yukio quyết tâm không sa đà vào trong cuộc sống bình bình thường thường, những ham mê văn học là không hề có điểm dừng, cũng giống như đàn ông mê gái đẹp là không bao giờ có điểm dừng. Khi một nhà văn hoàn thành tác phẩm tiêu biểu của mình, hình thành nên cái gọi là “phong cách” riêng, muốn đột phá nó là vô cùng khó khăn. Những nhà văn chưa được gọi là có phong cách thì vẫn có thể thay đổi dễ tài và không ngừng cho ra đời những sáng tác mới, còn những nhà văn đã có phong cách đại khái chỉ có thể dựa vào một sự thay đổi lớn trong quan niệm để thay đổi diện mạo tác phẩm của mình. Do vậy có thể nói, khi một nhà văn

hồ vang khẩu hiệu, lấy những phát biểu như thế này, những tuyên ngôn như thế kia để thay thế cho sáng tác cũng chính là sức sáng tạo của chính anh ta đã suy thoái hoặc chỉ ít là đã có những biểu hiện của nguy cơ suy thoái. Một nhà văn nếu quả thật có cho ra đời một quan niệm sáng tác mới thì tiền đồ sáng tác của anh ta nhất định sẽ rất huy hoàng. Nhưng để một nhà văn đã từng có một tác phẩm đỉnh cao phải thay da đổi thịt quả thật là không dễ dàng gì, tất nhiên trong đó có cả tài năng kỳ lạ Mishima Yukio. Ông chỉ có thể giương cao ngọn cờ võ sĩ đạo - đương nhiên đã thông qua cái biến - để đấu tranh với chính mình. Ông ta nhận thức một cách rõ ràng nguy cơ ẩn tàng sau cái gọi là công thành danh toại, ông không chờ một phương sách nào để giãy giụa để thoát ra khỏi vũng lầy ấy, nhưng để làm ra những giá trị mới quả là phải trả một cái giá vô cùng nặng nề. Cái giá thứ nhất là từ đó, tác phẩm của Mishima Yukio vốn là một thứ văn học thuần chân cao quý đã biến thành một thứ văn học sặc mùi chính trị; cái giá thứ hai là những tư duy lý tính đã giết chết năng lực tư duy hình tượng của chính ông. Nhưng Mishima không còn cách lựa chọn nào khác. Những nhà văn đồng thời với Mishima cũng chẳng có ai có những lựa chọn tốt hơn. Một thời gian rất dài sau khi viết xong "Kim các tự", Mishima vẫn là một nhân vật trung tâm của văn đàn Nhật Bản, lúc thì làm đạo diễn, lúc thì sắm vai diễn viên, lúc thì biến thành nhà biên kịch; đôi khi lại phát biểu những bài chính luận, lúc lao vào việc tổ chức các đoàn thể xã hội... Có thể nói ông xuất kích trên tất cả các mặt trận. Những hoạt động này một mặt thể hiện sự đa tài nhưng đồng thời cũng duy trì thanh danh cho Mishima. Nhưng làm gì thì làm, chúng ta đừng quên ông là một tiểu thuyết gia, đối với tiểu thuyết ông vẫn chung tình, vẫn trân trọng, tôi nghĩ,

trong những ngày hoạt động không biết mệt mỏi này, trong những thống khổ và mâu thuẫn, Mishima đã cực lực tuyên dương tinh thần “tân võ sĩ đạo”. Tất nhiên tinh thần này có thể sẽ không là tín ngưỡng chân chính của ông, nó chẳng qua là một cái cây được trồng trong lúc khốn quẫn, chẳng qua là Mishima tự cứu mình, nó cũng giống như một khúc gỗ mục trôi nổi trên đại dương mênh mông. Mishima đủ tỉnh táo để mà biết rằng, danh tiếng của ông đã mất thiên hạ, nhưng ông vẫn chưa có một tác phẩm lớn được liệt vào hàng kinh điển để mặc định vị trí của mình trên văn đàn; những công việc mà ông đã làm khiến người ta bình luận một cách rầm rộ kia, chẳng qua là bước chuẩn bị tài liệu cho một cuốn tiểu thuyết dài của ông mà thôi. Về thực chất, Mishima Yukio xem tiểu thuyết “Biển cả phi nhiêu” của ông còn quan trọng hơn cả Thiên hoàng. Khi viết xong danh tác đồ sộ này, ông cũng nên chết là vừa. Mishima đã cười lên lưng cọp, nếu ông không chết thì sẽ rơi xuống khỏi lưng và bị chê cười.

Suy đoán 6: Tôi nghĩ Mishima Yukio cũng là một người rất coi trọng danh lợi. Ông ta không hề có tâm cảnh đạm bạc như văn nhân Trung Quốc xưa (tuyệt đại bộ phận sự đạm bạc của văn nhân Trung Quốc là do hoàn cảnh mà ra, không thể nào khác được). Mishima cũng là người rất quan tâm đến chuyện các bình luận gia đánh giá tốt xấu về mình như thế nào. Sau khi viết xong “Xuân tuyết”, “Vó ngựa”, lòng ông cảm thấy bất an, đến khi được những lời khen ngợi của Kawabata Yasunary và những người khác, tảng đá nghìn cân trên người ông mới được bỏ xuống. Sau khi viết xong “Hiếu tự”, giới bình luận bỗng dưng im hơi lặng tiếng, Mishima có vẻ bất mãn lắm, bèn than phiền với những bạn tri âm ở nước

ngoài. Do vậy có thể thấy, Mishima không phải là một người tự tin, những lời tán tụng của giới phê bình có thể làm ông đắc ý dương dương và quên mất mình là ai, sự im lặng của giới phê bình có thể khiến ông lo lắng, thậm chí là phẫn nộ. Rõ ràng, Mishima không hề tin tưởng vào tài năng của chính mình. Lòng tin vào chính mình của ông thậm chí không thể so đo với các nhà văn trẻ trên văn đàn Trung Quốc đương đại, đương nhiên những nhà văn trẻ mà tôi muốn nói ở đây là những người đi đêm, để lẩn át nỗi sợ hãi nên họ phải cố gào lên thật to với những lời cực kỳ hào mai sảng khoái - thực chất là những kẻ to gan, còn khi chất thì lại cực kỳ nhu nhược. Tôi nghĩ, Mishima cũng chưa hẳn đã có nhiều cảm hứng sáng tác, không phải vung bút thành văn, cũng có lúc nào đó ông không viết được chữ nào. Khi không có cảm hứng sáng tác, ông dẫn một bầy học sinh đến thụ huấn tại một đội tự vệ quân. Suy cho cùng, chuyện này cũng là vì văn học, vẫn là vì sáng tác mà không phải là thể hiện lòng trung thành đối với Thiên hoàng. Mishima đã cố gắng hóa trang mình thành một con người đầy dũng khí, có lý tưởng chính trị cao vời và một tâm hồn cao thượng, về thực chất là dựa vào đó để thu hút cái nhìn của giới phê bình nông cạn, là một cách quảng cáo cho những sáng tác của ông. Hành động mổ bụng tự sát cũng là một cách quảng cáo - một trò quảng cáo cực kỳ thành công. Ngay khi chiếc đầu của ông gục xuống đất, một dòng máu đã chiếu sáng rực lên toàn bộ tác phẩm của ông khiến chúng trở nên bất hủ. Việc Mishima thân cận với chính trị chính là một thủ đoạn văn học của ông, là ông đóng kịch, nhưng vai diễn rất kỳ công nên cũng đã nhập vai, cảm tình với vai diễn cũng đã có ít nhiều, do vậy mà cũng có ý nghĩa biến giả thành chân. Nếu thực sự vì quốc gia, vì Thiên hoàng, không nhất

thiết Mishima phải chờ viết xong “Thiên nhân ngũ suy” mới mổ bụng? Quốc gia và Thiên hoàng phải quan trọng hơn một bộ tiểu thuyết chứ? Nhưng điều hơn người của Mishima là ông đã diễn vở kịch này quá hay, biến giả thành chân. Đại đa số những nhà văn hay hô khẩu hiệu, sau khi đã đạt được mục đích thì lập tức chuyển hướng, do vậy mà suy, Mishima vẫn là một nhà văn đáng nhận được sự kính nể.

Tôi nghĩ, trước khi mổ bụng tự tử, Mishima rất do dự. Ông không muốn chết, ông rất yêu thế giới này, nhưng vì khẩu hiệu đã hô quá vang, không chết thì không còn mặt mũi nào mà nhìn thế nhân nữa. Cho nên, Mishima thật ra vẫn là một con người có lương tâm. Ông không tự mổ bụng thì có ai làm gì được ông nào?

Suy đoán 7: Tôi cho rằng, Mishima rất ân hận về chuyện không thể chứng kiến những gì diễn ra sau khi chết. Trước khi chết, nhất định ông ấy đã tưởng tượng rất nhiều về những chấn động trên văn đàn do cái chết của ông đem lại; tưởng tượng ra cảnh sau khi ông chết, văn đàn thế giới sẽ quan tâm đến những sáng tác của ông như thế nào. Ông thường bị những tưởng tượng ấy làm cho kích động đến chảy nước mắt. Nhưng nước mắt đã chảy nhiều thì nỗi nuối tiếc càng lớn, thật khó mà vịn cả đôi bề. Cho nên trước khi chết, ông đã an bài mọi chuyện đến độ hoàn hảo, viết di ngôn lại cho vợ, đem chiếc đồng hồ đắt tiền tặng cho người thân. Nếu đúng là vì Thiên hoàng mà hiến thân thì đeo đồng hồ mà chết cũng được thôi, việc gì mà phải chấp nhận những chuyện tiểu tiết đến như thế.

Mishima Yukio để lại rất nhiều sáng tác cho đời, cũng làm được nhiều việc ngoài văn chương, cuối cùng lại chọn lấy

một cách kết thúc cuộc đời cực đoan như vậy, thoạt trông thì có vẻ rất phức tạp nhưng kỳ thực là rất đơn giản. Ông sinh ra là vì văn chương, cũng vì văn chương mà chết. Mục đích hoạt động chính trị của ông cũng là nhằm phục vụ cho văn chương. Nghiên cứu về Mishima Yukio tất yếu phải từ góc độ văn học, dùng quan điểm văn học và phương pháp văn học, bất kỳ những phương pháp phi văn học nào đều không thể lý giải Mishima Yukio.

Mishima Yukio là một phạm nhân có đầy đủ thất tình lục dục, nhưng một nhát dao cuối cùng biến ông trở thành thần thánh.

Mishima Yukio vốn không khó hiểu, nhưng cũng do nhát dao cuối cùng mà ông trở thành thần bí. Nhưng mấy mươi năm sau, người ta vẫn quan tâm đến ông, nghiên cứu về ông, những điều thần bí sẽ được làm sáng tỏ. Đây chính là điều mà ông cần nhất.

Mishima Yukio là nhà văn kiệt xuất, nhà văn kiệt xuất cũng không phải chỉ có mỗi Mishima Yukio, nhưng nhà văn kiệt xuất dám dùng dao rạch bụng thì chỉ có mỗi Mishima Yukio.

Một linh hồn như thế liệu có được an nghỉ không?

Tháng 12 - 1995

Người tỉnh nói chuyện mộng du

Tập cảm về Dư Hoa

Năm 1987, có một nhà tiểu thuyết vừa cổ quái vừa tàn khốc với mấy bộ tiểu thuyết đầy máu đã làm chấn động văn đàn. Trong một khoảng thời gian dài, ánh mắt của hầu hết các nhà phê bình nghiên cứu đều tập trung vào anh ta. Người ấy họ Dư tên Hoa, người huyện Hải Diêm tỉnh Chiết Giang. Sau đó, tôi có may mắn là được ở chung với anh ta, cùng nhau trải qua những tháng ngày học tập và dần dần tôi cũng đã hiểu được đôi chút về một tâm hồn cổ quái này. Anh ta nói cà lăm nhưng đôi mắt thì như có lửa, không nói được những lời thuận nhân tình và những lời hay ý đẹp, đặc biệt là không hề sùng bái “nhân vật nổi tiếng”. Nghe

đâu rằng anh ta đã từng làm nha sĩ năm năm, tôi không tưởng tượng ra những cực hình mà bệnh nhân phải chịu đựng dưới bàn tay sắt của anh chàng nha sĩ điên cuồng này. Đương nhiên Dư Hoa cũng có những điểm giống với mọi người nói chung, dưới góc nhìn của văn học thì rất thô tục và bình thường. Nhưng điều mà tôi thường thức ở anh ta là cái vẻ độc đáo khiến người ta không mấy thích thú này: “Những người chân chính” nói chung đều cất cao giọng hát ở trong phòng tắm thì Dư Hoa lại gào rú ở giữa quảng trường, trước mặt đông người. Về cơ bản là anh ta không quan tâm đến người khác có phản ứng như thế nào khi anh ta biểu hiện sự hoan lạc điên cuồng của mình một cách tương đối thoải mái. Hoan lạc cuồng điên là biểu hiện rõ nhất của “đồng tâm - tâm hồn con trẻ”, là sự thể nghiệm đầy đủ nhất của tinh thần lãng mạn. Nếu xét ở góc độ nào đó, anh chàng này là một gã “ngoan đồng - đứa trẻ bướng bỉnh”, ở góc độ khác lại là một kẻ già nua cũ kỹ đến độ đáng sợ. Với những gì hiểu biết về con người thúc giục tôi quan tâm đến tiểu thuyết của anh ta, định nói vài điều về phương diện nghệ thuật, cho dù tôi biết có nói cũng bằng thừa. Bất kỳ một con người có những suy nghĩ kỳ dị đều là những cạm bẫy khó lường, đều là một cuốn kinh khó đọc, đều là một mái tóc khó cắt..., do vậy mà đem anh ta ra phân tích, chú thích là một công việc không hề dễ dàng tí nào. Ở đây chỉ xin làm theo tôn chỉ của Khổng Phu Tử “biết thì nói là biết, không biết thì nói là không biết, ấy là biết vậy” mà thôi.

Công việc đầu tiên của tôi là xin được thu hẹp phạm vi, đặt cái tính cách cực kỳ phức tạp ấy sang một bên, phát

biểu một vài điều đơn giản về anh ta trên cơ sở dựa vào tư tưởng và năng lực cảm thụ văn học của chính mình.

Trước tiên, đây là một con người có năng lực tư duy lý tính rất mạnh mẽ. Tư duy lý tính đã giúp anh ta chuyển hoá từ ngữ một cách có logic, có thứ tự, khúc chiết. Thứ đến, anh ta có tài tung hoành mù trong tiểu thuyết của mình, trong đám hoành mù ấy xây dựng những ảo ảnh nửa quỷ nửa người rất siêu đẳng.

Hai điểm vừa đề cập ở trên kết hợp lại chính là sự thống nhất của những mâu thuẫn trong tiểu thuyết của anh ta - tiểu thuyết mộng du.

Do vậy, Dư Hoa trở thành “người tỉnh nói chuyện mộng du” đầu tiên trên văn đàn Trung Quốc đương đại.

Tôi cho rằng loại hình tiểu thuyết này không phải bắt đầu có từ Dư Hoa. Trong những tác phẩm của nhà văn Cộng hòa Czech Franz Kafka chỗ nào chúng ta cũng có thể bắt gặp những giấc mơ, những cảnh mộng, điển hình nhất là trong “Thầy thuốc nông thôn”, từ đầu chí cuối là những ghi chép về cảnh mộng. Có lẽ là Kafka ghi chép một giấc mộng có thực, cũng có thể là một cảnh mộng do ông ta tưởng tượng ra, nhưng điều này không hề quan trọng. Dư Hoa đã từng thẳng thắn thừa nhận là anh ta đã được gợi ý từ Kafka như thế nào. Trước anh ta đã có một nhà văn Pháp sau khi đọc xong “Hóa thân” của Kafka, như sự tỉnh khỏi giấc mơ, chửi đổng: Mẹ nó chứ! Té ra có thể viết tiểu thuyết như thế này sao?

Đây chính là một sự đốn ngộ đối với tiểu thuyết. Có thể nói, đây là cách xử lý cuộc sống hoặc thế giới độc đáo trong

sáng tác của Kafka, một kiểu cảm thụ cuộc sống một cách siêu việt. Cứ cách một khoảng thời gian thì xuất hiện một vài thiên tài có tuệ căn, từ trong sáng tác của Kafka sẽ có một vài người nhận được khải thị, từ đó mọc lông cánh thành tiên. Dư Hoa chính là người gặp được đại hạnh ấy.

Không còn nghi ngờ gì nữa, đây là một anh chàng khiến nhiều người không vừa lòng lắm, là một “thiên tài tàn khốc”. Có lẽ cuộc sống sinh nhai với tư cách là một nha sĩ đã bồi dưỡng và hun đúc nên cái thiên tính này, thúc đẩy anh ta bài trừ toàn bộ những ý nghĩ có tính xác định bao hàm trong những sự vật khách quan cũng giống như công việc nhổ răng vậy thôi. Nghe đâu khi còn làm một nha sĩ, anh ta đã từng làm như thế này: Nhổ sạch răng người ta, kể cả răng đau lẫn răng không đau. Đây là một nha sĩ rất triệt để, sau khi chuyển nghề lại biến thành một tiểu thuyết gia triệt để. Do vậy, trong những tác phẩm của anh ta chỉ còn để lại những chiếc ghế nhổ răng máu huyết bầy nhầy hướng về phía con người gào to lên rằng: Đã từng có ảo ảnh của những chiếc răng tồn tại. Do vậy mà suy, có thể đưa ra một phán đoán: Nếu bảo anh ta vẽ một cái cây, anh ta chỉ có thể vẽ được ảnh ngược của cái cây mà thôi.

Dương nhiên, cái mà tôi nắm bắt được cũng chỉ là ảo ảnh của anh ta.

Nguyên nhân nào đưa đẩy Dư Hoa trở thành một nhà văn như thế? Đây là nhiệm vụ của những người viết truyện ký. Bây giờ tôi sẽ mở những trang sách “Ra đi từ tuổi mười tám” của anh ta. Tôi không đủ sức để đọc hết những trang sách dày cộp này, và lại tôi cũng cho rằng, đối với một nhà

văn không nhất thiết phải đọc cho kỹ hết những tác phẩm của đồng nghiệp, cho dù tác phẩm của họ có ưu tú đến mức độ nào.

Tôi sẽ phân tích những thành phần của giấc mộng trong cuốn sách này:

Anh ta viết: *Con đường rải nhựa nhấp nhô lên xuống. Hình như nó đang nổi giữa lòng đại dương đang nổi sóng. Tôi đang đi trên con đường chạy qua núi, tôi như một con thuyền.*

Mở đầu cuốn tiểu thuyết cũng giống như mở đầu cho một giấc mộng. Một giấc mộng đến một cách đột ngột, một lũ khách phiêu lưu theo những làn sóng biển nhấp nhô xuất hiện. Đương nhiên đây cũng là cảnh mộng đã được cắt xén. Trung tâm của cảnh mộng này là sự lo nghĩ và mong đợi, vì mong đợi mà sinh ra lo nghĩ, càng lo nghĩ thì càng mong đợi cũng giống như đứa bé trong mộng buồn đái vôi vàng đi tìm nhà vệ sinh. Nhưng tôi muốn đem sự lo lắng trong việc tìm lũ quán của nhân vật chính xem thành nỗi lo lắng trong việc tìm kiếm một điều mới mẻ về tinh thần. Hoàng hôn đã buông xuống càng làm cho nỗi lo lắng thêm nặng nề, do vậy mà yếu tố mộng lại được đặc tả hơn:

Con đường nhấp nhô lên xuống, ở trên cao nó đang mê hoặc tôi, mê hoặc đến độ tôi chạy lên để tìm quán trọ, nhưng mỗi lần chạy lên tôi chỉ thấy con đường cao cao, chính giữa là một độ cong khiến người ta ử rừ.

Cảm giác được miêu tả ở đây là cảm giác bị ức chế của một bộ phận thần kinh, là một cảm giác bị cưỡng bức không thể trốn thoát, cũng chính là một cách tiếp biến câu chuyện đời núi trong thần thoại Hy Lạp. Con người lúc nào

cũng rơi vào trạng thái theo đuổi một điều gì đó rất hoang liêu không có điểm dừng cho đến tận những giây phút cuối đời. Ở đây bao hàm cả một công thức, những quy luật không thể thoát được mà trong đời sống vẫn thường thấy, con người vĩnh viễn cũng chỉ là những tài liệu chứng minh cho quy luật mà thôi, thánh hiền hào kiệt cũng không hề là một ngoại lệ.

Cho dù là như vậy, tôi vẫn tiếp tục chạy lên cao, hết lần này đến lần khác, và lần nào cũng vậy, tôi đều chạy một cách thực mạng. Lần này thì tôi trông thấy rồi, nhưng cái mà tôi trông thấy không phải là quán trọ mà là chiếc xe hơi. Chiếc xe đột ngột xuất hiện trước mặt “tôi”, lại còn không có lý do gì mà lại nhắm thẳng vào “tôi” mà chạy tới, không có nhân trước quả sau gì cả. Đúng là đặc trưng của một giấc mơ! Chiếc xe là xác định, nhưng sự xuất hiện của nó là không xác định, nó có thể xuất hiện một cách không thể lý giải được và cũng biến mất một cách không thể lý giải được. Cũng giống như chiếc đầu ngựa màu đỏ chói đột ngột xuất hiện trong khung cửa sổ trong “Thầy thuốc nông thôn” vậy thôi. Ngựa đến từ đâu vậy? Đừng hỏi, hỏi nữa là quan tâm đến những chuyện không đâu. Nhưng rõ ràng là có một chiếc đầu ngựa trong khung cửa sổ, đó là chuyện hoàn toàn xác thực.

Tôi trèo lên xe, chiếc xe dừng lại.

Đây có thể là quỹ kế của gã lái xe, cũng có thể là chiếc xe dừng lại một cách chính đáng.

Sau đó, một đám người đồng hương nhẩy ào lên xe vác những bao táo chạy đi. “Tôi” bảo vệ cho những bao táo này nên bị đánh cho “hoa nở đầy mặt”.

Nét mặt gã lái xe trước sau vẫn điểm một nét cười (nụ cười là có thật, còn vì sao lại cười, cười cái gì? Không biết!), lại còn cướp lấy cặp sách của "tôi" rồi tắt máy, dương dương bỏ đi.

Chỗ tuyệt vời của cuốn tiểu thuyết này là: Quan hệ giữa lái xe và những người đồng hương cướp tảo kia được giữ kín, hoàn toàn là một câu đố. Có lẽ là do Dư Hoa khi kết cấu truyện đã tung ra một quả hỏa mù. Nếu xem đây là một phương trình thì đây phải là một phương trình bất định, chí ít nó cũng có đến hai ẩn số, tồn tại vô số tính khả năng. Điều xác định được chỉ là quá trình của sự kiện. Bởi tồn tại rất nhiều khả năng cho nên ý nghĩa của sự kiện gần như đã bị triệt tiêu. Sự kiện là phi logic nhưng lại vô cùng chuẩn xác. Tại sao? Có quý thần biết! Việc thăm dò xác định ý nghĩa của truyện này là một việc làm ngu xuẩn không thể nghi ngờ. Khi tôi đưa ra rất nhiều đáp án để hỏi ý kiến Dư Hoa, anh ta chỉ nói: Tôi không biết! Tôi tin câu trả lời của anh là thật tâm.

Đúng vậy, anh ta cũng không hề biết gì cả. Mộng không hề có ý nghĩa xác định, mộng chỉ là quá trình kết nối hàng loạt các sự kiện, nó chỉ có khả năng tồn tại với tư cách là một giấc mộng. Lý giải loại tiểu thuyết này cũng như việc cố gắng sắp xếp giấc mộng thành một câu chuyện hoàn chỉnh vậy, chẳng qua là một việc làm hồ đồ khiên cưỡng mà thôi. Liệu anh có sắp xếp được không?

"Ra đi từ tuổi mười tám" là một tác phẩm tinh hoa của tiểu thuyết đương đại Trung Quốc. Điểm kỳ diệu chân chính của nó là ở chỗ, nó đã sử dụng mọi tính khả năng để lý giải ý nghĩa của cốt truyện khiến cho độc giả cảm thụ được vẻ đẹp giống như mộng được sản sinh từ sự kết hợp thống nhất

giữa quan hệ phi logic với những sự kiện rõ ràng chuẩn xác một cách vô lý.

Cũng nên nói thêm một điều là: Sau khi ý nghĩa của câu chuyện bị triệt bỏ thì một phương thức nắm bắt thế giới, nắm bắt nhân sinh mới đã được sản sinh. Đây chính là vấn đề Dư Hoa đã trình bày trong “Những tác phẩm hư ngụy”: sự thô thiển tự thân của nhân loại đến từ những nông cạn của kinh nghiệm cũng như sự sơ sài trong nhận thức về bản chất tinh thần. Chỉ có thoát ly những thường thức, vứt bỏ những logic và trật tự của hiện trạng thế giới mới có thể tự do tiếp cận với sự chân thực.

Kỳ thực, những đột phá trong văn đàn đương đại Trung Quốc không chỉ là những đột phá về mặt hình thức mà từ những đột phá về mặt triết học. Dư Hoa đã có thể dùng tư duy cực kỳ tỉnh táo để tự biện và thiết kế cho mình một hướng đi mới, điều này thật đáng khâm phục, tôi tự thấy mình chỉ là người hít bụi phía sau anh ta mà thôi.

Chàng thanh niên mười tám tuổi ấy cuối cùng vẫn không tìm ra quán trọ, chuyện này cũng giống như đứa trẻ cuối cùng vẫn không tìm ra nhà vệ sinh. Nhưng có điều khiến người ta vui vẻ là, cuối cùng cậu bé vẫn chưa tè ra trên giường.

Tháng 12 – 1989

Siêu việt cố hương

1. Đề giải

Khi sự ngông cuồng của một nhà tiểu thuyết đem những sáng tác thực tiễn của anh ta “thăng hoa” thành những lý luận chỉ đạo thực tiễn sáng tác; khi một nhà tiểu thuyết ngông cuồng trừu tượng hóa từ trong những tác phẩm của mình thành những vấn đề lý luận về tiểu thuyết, nhất định anh ta sẽ rơi vào tình huống lúng túng khó xử. Đương nhiên cũng không loại trừ những nhà tiểu thuyết cá biệt có thể viết ra những trang lý luận thâm uyên. Nói chung là, lý luận càng thâm uyên thì càng tách rời chân lý, nhưng đối với tuyệt đại bộ phận các nhà tiểu thuyết mà nói, lý luận về tiểu thuyết chính là cạm bẫy của tiểu thuyết. Trên cân cân của cuộc đời, hoặc anh là quả cân, hoặc anh là vật cần được cân; trong lò

luyện thép, hoặc anh là miếng thép, hoặc anh là chiếc búa. Hai ví dụ mang tính chém đinh chặt sắt này kỳ thực cũng chưa hoàn toàn xác thực. Dơi trông thấy chuột bèn nói: Tớ là đồng loại của cậu; đến khi trông thấy chim én, dơi lại nói: Tớ cũng là loài chim biết bay. Nhưng cuối cùng, dơi cũng bị các nhà sinh vật học quy vào loại thú, suy cho cũng nó không phải là chim. Nhưng suy cho cùng thì dơi cũng có thể bay trong hoàng hôn, thậm chí là trong bóng tối như các loài chim; lại nhân vì cái tên mà được người Trung Quốc xem là vật tượng trưng cho sự cát tường (*). Trong những lúc bất đắc dĩ, nó vẫn cứ cho mình là giống chim. Đây chính là thái độ của tôi - một nhà tiểu thuyết đối với lý luận.

(*) 蝠 (fú) - con dơi - đồng âm với 福 (fú) - phúc (ND).

2. Sự lúng túng của lý luận tiểu thuyết

Không còn nghi ngờ gì nữa, lý luận tiểu thuyết là sản phẩm sau của thực tiễn sáng tác tiểu thuyết. Trong lúc chưa có lý luận, tiểu thuyết đã có những thành tựu đáng kể. Lý luận về tiểu thuyết sớm nhất có lẽ là từ cha con.

Kim Thánh Thán, Mao Tôn Cương với những lời bình điểm cho những bộ tiểu thuyết. Căn cứ vào những kinh nghiệm đọc của tôi, những lời phê bình này với sự phô diễn những tuyệt kỹ của nghệ thuật đọc cũng giống như khiên cưỡng ghép cho tiểu thuyết những câu thơ bài từ gây cản trở không ít cho việc đọc, nên từ trước đến nay tôi không liếc mắt đến những đoạn bình điểm này. Nhưng rõ ràng trong lời bình điểm của hai nhà Kim Mao có những điểm rất thú vị, những nhà lý luận tiểu thuyết đời sau vẫn phát hiện ra từ đây những ý kiến đầu tiên về lý luận tiểu thuyết và mỹ học tiểu thuyết. Do vậy mới

nói, sự bắt đầu của lý luận tiểu thuyết với thực tiễn sáng tác hầu như không có quan hệ gì, cũng chẳng liên quan gì đến tuyệt đại đa số độc giả. Kim Thánh Thán và những người thời ấy khi phê bình tiểu thuyết đều bắt đầu với tư cách là một độc giả đọc tác phẩm đến độ nhập mê, tâm đắc thực sự với nó, cảm lòng không dặng mối phê phê điểm điểm. Hành vi này có thể được xem là một sự “tự vui” thuần túy, nhưng khi đã điểm vào sách thì bỗng chốc hóa thành “vui người”, có chức năng hướng dẫn cho người đọc cảm thụ và thưởng thức tác phẩm; hoặc có một ai đó trong số những độc giả tiếp thu những gợi ý của họ, hoành bút viết tiểu thuyết, hóa ra những lời bình điểm của họ lại trở thành lý luận chỉ đạo sáng tác! Cho nên, lý luận tiểu thuyết sản sinh từ việc đọc, thực tiễn của lý luận tiểu thuyết chính là sáng tác, là tác phẩm. Lý luận tiểu thuyết thuần túy nhất chỉ mang hai chức năng: chỉ đạo cách đọc và chỉ đạo sáng tác. Nhưng kiểu phê bình hiện đại hoặc hậu hiện đại đã biến thành một sân đua ngựa nháo nhào từ rất sớm để các nhà phê bình trưng bày kỹ thuật, phô diễn kỹ xảo, khoe vốn từ vựng mới mẻ đến độ lạ lẫm của mình. Kiểu phê bình này đã cách ly quá xa với ý nghĩa nguyên sơ của nó. Trào lưu phê bình tiểu thuyết mới hoành hành bá đạo lâu nay đã sớm cắt đứt mối quan hệ giữa phê bình và thực tiễn sáng tác, dần dần biến sáng tác thành chất phụ dung của phê bình. Mối quan hệ cùng dựa vào nhau giữa tiểu thuyết và phê bình tiểu thuyết bị điên đảo khiến cho thực tiễn sáng tác và lý luận sáng tác cơ hồ biến thành hai sự việc chẳng có liên quan gì đến nhau. Tiểu thuyết biến thành một thứ đạo cụ cần thiết để các nhà phê bình tán trào lưu phô diễn kỹ xảo. Kiểu phê

bình theo lối biểu diễn những ham muốn của cái tôi cá nhân của nhà phê bình, cùng với những khát vọng được biểu diễn của các nhà tiểu thuyết như thế này đã khiến tuyệt đại bộ phận các nhà tiểu thuyết phải quỳ như một người vợ hiền nâng khăn sửa túi trước mặt nhà phê bình, để mong chờ nhận được sự phê bình. Quá được yêu chiều nịnh nọt nên kiểu phê bình tiểu thuyết thời thượng này rồi sẽ rất nhanh chóng bộc lộ hết những mặt trái của nó và sẽ lui tàn; còn kiểu phê bình truyền thống vì sự trong sáng chân thực mà sẽ vĩnh viễn tồn tại.

Thao tác cơ bản của trào lưu phê bình mới là: Dem cái đơn giản biến thành phức tạp; dem cái rõ ràng biến thành mơ hồ; từ chỗ không có ý nghĩa tượng trưng tìm ra cái tượng trưng; từ chỗ không có gì ma quái biến thành ma quái; dem một nhà tiểu thuyết vốn bình thường dung dị bôi vẽ cho đến độ thâm uyên không thể dò.

Thao tác cơ bản của trào lưu phê bình truyền thống là: Dem cái tưởng như vô cùng phức tạp nhưng thực ra là rất đơn giản trở về với đơn giản; dem cái khô cứng trở về với sự rõ ràng minh bạch; bài trừ những gì tượng trưng lộ liễu; mở khóa những trò quỷ thuật.

Tôi thiên về cách phê bình truyền thống, bởi nó là một kiểu phê bình mộc mạc giản dị, vừa có trách nhiệm với nhà tiểu thuyết và sáng tác của anh ta, có trách nhiệm với độc giả đồng thời nhà phê bình cũng có trách nhiệm với chính nhà phê bình, cho dù phải đối mặt với kiểu phê bình mới, cũng phải đối mặt với kiểu văn phong phù hoa diễm lệ đang trở thành thời thượng trên văn đàn đương đại.

3. Suy cho cùng, tiểu thuyết là cái gì?

Có nhiều quan niệm về tiểu thuyết. Có ý kiến cho rằng, tiểu thuyết là mặt sử của một dân tộc; lại có người nói tiểu thuyết là tổng hợp cao nhất của tinh thần nhân loại; riêng Marcel Proust lại quan niệm tiểu thuyết là công cụ để tìm về với thời gian quá khứ... Và chính ông đã đích xác dùng công cụ này để “đi tìm thời gian đã mất”, đồng thời đã “vật hóa” thời gian trong đại dương từ ngữ, “vật hóa” thời gian trong những dòng miêu tả vô cùng tỉ mỉ về cuộc sống trong thời kỳ quá vãng. Tôi cũng đã từng ngông cuồng buông nhiều lời định nghĩa về tiểu thuyết. Năm 1984, tôi từng nói tiểu thuyết là sự ghi chép những tưởng tượng điên cuồng của nhà tiểu thuyết; năm 1985, tôi từng nói tiểu thuyết là sự kết hợp giữa mộng cảnh và thực cảnh; năm 1986, tôi từng nói tiểu thuyết là khúc ai điệu buồn bã cho một thời thanh xuân đã bị chôn vùi; năm 1987, tôi từng nói tiểu thuyết là vật chứa những tâm tình của nhân loại; năm 1988, tôi từng nói tiểu thuyết là

hùng tâm truy tầm sự mất phương hướng về tinh thần của nhân loại; năm 1989, tôi từng nói tiểu thuyết là một miếng cắt có tính sinh lý về đời sống tinh thần của nhà văn; năm 1990, tôi từng nói tiểu thuyết là một vầng lửa cuộn tới cuộn lui, là một dòng nước chảy tới chảy lui, là một cánh chim huy hoàng bay tới bay lui... Rối rắm lại càng rối rắm, có bao nhiêu nhà tiểu thuyết thì cũng có bấy nhiêu cách định nghĩa về tiểu thuyết. Những định nghĩa này luôn luôn bao hàm những sắc thái tình cảm khác nhau, đều có tính mơ hồ do vậy mà cũng có tính đại khái theo lối hình nhi thượng, khó có thể nhận diện một cách thấu đáo và không nhất thiết phải nhận thức một cách thấu đáo. Những nhà tiểu thuyết thuộc đẳng cấp cao thường thích trêu chọc độc giả, đặc biệt thích chọc ghẹo những nhà phê bình thích đem cái giản đơn biến thành phức tạp. Khi những nhà phê bình đang cau mày nhăn nhó trước một từ ngữ cổ quái hoặc một chi tiết không thể lý giải, nhà tiểu thuyết đang đứng sau lưng anh ta mà cười thầm. Faulkner đang cười thầm, Marquez cũng đang cười thầm.

Tôi không hề có ý viết một bài lý luận thâm uyên nào cả, có giết chết tôi, tôi cũng chẳng viết được một bài lý luận cho ra hồn. Tôi không được trang bị những kiến thức lý luận uyên bác, trong đầu không có thuật ngữ lý luận, mà thuật ngữ lý luận cũng giống như con dao sắc trong tay đồ tể, không có nó thì chẳng làm được việc gì hết. Bài viết của tôi chủ yếu hướng về những người yêu thích văn học, thuận tòng nguyên tắc thực dụng chủ nghĩa, có lẽ có một ít chỗ dùng được đối với những người yêu văn học ở những nơi thôn dã quê mùa, còn đối với những ai ở phố phường hoa lệ thì nó chẳng có chút giá trị nào cả đâu.

Lột bỏ toàn bộ những cái vỏ hào nhoáng bên ngoài mà các nhà sáng tác và các nhà phê bình khoác lên cho nó, tiểu thuyết hiện ra trước mắt tôi đã biến thành những yếu tố vô cùng đơn giản: ngôn ngữ, cốt truyện, kết cấu. Ngôn ngữ thì do từ vựng và ngữ pháp cấu thành, cốt truyện thì do hoạt động của nhân vật và quan hệ giữa nhân vật với nhau cấu thành, kết cấu về cơ bản là một kỹ thuật. Cho dù một nhà văn cao minh như thế nào cũng không thể vượt ra khỏi ba yếu tố ấy, cho dù một tiểu thuyết vĩ đại đến mức độ nào đều do những yếu tố ấy tạo thành. Cái gọi là phong cách của nhà văn chính là ở thao tác điều động ba yếu tố ấy, nói chính xác hơn là ba yếu tố cơ bản ấy - chủ yếu nhất vẫn là biểu hiện thông qua ngôn ngữ và cốt truyện, không chỉ biểu hiện được phong cách tác phẩm mà còn biểu hiện được đặc trưng cá tính của nhà văn.

Vì sao tôi lại dùng kiểu ngôn ngữ như thế này để thuật lại một câu chuyện như thế này? Bởi vì những sáng tác của tôi đang tìm lại những gì đã mất về quê hương, bởi vì thời niên thiếu của tôi gắn liền với nông thôn. Quê hương của nhà văn không chỉ là nơi sinh sống của bố mẹ, mà là nơi anh đã trải qua thời kỳ niên thiếu. Gabriel Garcia Marquez đã từng nói rằng, một nhà văn khi đã quá tuổi ba mươi cũng như một con vẹt già, không thể học nói được nữa, đại khái cũng ám chỉ về quan hệ giữa nhà văn với quê hương. Tác gia không phải do học mà thành, tài năng viết lách như một hạt giống ngủ đông trong tâm linh, chỉ cần có điều kiện ngoại cảnh thích hợp là có thể đâm hoa kết quả. Quá trình học tập về thực chất mà nói là quá trình đi tìm hạt giống ấy, không có gì cả thì làm sao tìm ra được cái gì. Cho nên những học viện văn học bồi dưỡng ra

rất nhiều người hiểu như thế nào là sáng tác nhưng không hề biết sáng tác. Ai ai cũng có quê hương, nhưng tại sao không phải bất kỳ ai cũng là nhà văn? Hãy để cho Thượng đế trả lời vấn đề này.

Thượng đế đã cho anh một tâm linh có thể linh hội được những diễn biến tình cảm của con người, quê hương cung cấp cho anh cốt truyện và ngôn ngữ, còn lại tất cả là chuyện của anh, không ai có thể giúp đỡ được anh trong chuyện này.

Suy cho cùng, tôi cũng đã tiếp cận với vấn đề có tính khai tâm: quan hệ giữa nhà tiểu thuyết với quê hương. Nói một cách chuẩn xác hơn là: quan hệ giữa tiểu thuyết với quê hương của nhà tiểu thuyết.

4. Chế ước của cố hương

Mười tám năm trước, khi tôi còn là một nông dân cần cù đổ mồ hôi trên những mảnh đất nghèo nàn ở vùng Đông Bắc Cao Mật, lòng tôi đã từng sản sinh một nỗi oán hận khắc cốt ghi tâm đối với mảnh đất này. Nó đã bòn rút mồ hôi và máu của tổ tiên tôi, lại tiếp tục gặm nhấm cuộc sống của tôi. Suốt ngày chúng tôi bán mặt cho đất bán lưng cho trời, so với trâu ngựa, mồ hôi của chúng tôi đổ ra còn nhiều hơn gấp bội nhưng những thứ mà chúng tôi có được là một cuộc sống thê thảm, áo chẳng che được thân, ăn không được đầy bụng. Chúng tôi trần trụi qua những mùa hè nóng bức, run rẩy qua những mùa đông giá lạnh. Tất cả đều trở nên ghê lạnh, tháng ngày cứ ngầy ngầy độn độn như thế mà trôi. Những căn nhà lá thấp tè rách rưới, những nhánh sông cạn khô trơ đáy, người quen như những tượng đất tượng gỗ, những cán bộ thôn hung ác gian tà, những con em cán bộ ngu dốt mà kiêu ngạo... Lúc ấy tôi đã từng

vọng tưởng, nếu có một ngày nào đó hạnh vận sẽ đến, có cơ hội trốn chạy khỏi mảnh đất kinh hoàng ấy, tôi sẽ không bao giờ quay đầu trở lại. Cho nên, khi bò lên chiếc xe tải chở tân binh vào ngày 16 tháng 2 năm 1976, trong khi những người trai trẻ cùng đi nước mắt ngấn dài từ biệt quê hương và người thân tống hành thì tôi, ngay cả việc ngoái đầu nhìn lại lấy một lần cũng không hề có. Tôi cảm thấy mình đã là một con chim đã thoát khỏi cái lồng chật hẹp, tôi cảm thấy ở trong chiếc lồng ấy chẳng có gì đáng để cho tôi phải luyến lưu. Tôi cầu mong cho chiếc xe tải hãy chạy cho thật nhanh, chạy đến chỗ nào càng xa càng tốt, tốt nhất là hãy chạy đến tận chân trời góc biển. Khi chiếc xe dừng lại trước một doanh trại cách Đông Bắc Cao Mật khoảng hơn trăm cây số, người nhận quân bảo rằng đã đến nơi, tôi cảm thấy vô cùng thất vọng. Tiếc mỗi một điều rằng, đây là lần xa quê đầu tiên mà không được đi cho đã nghiệm, quê hương như một bóng tối vẫn cứ ám ảnh, bao phủ lên tôi. Nhưng hai năm sau, khi tôi lại đặt chân lên mảnh đất quê hương, tâm tình của tôi lại bị kích động mạnh mẽ. Trông thấy mẹ tôi toàn thân đầy bùn đất, đầu tóc rối bù vương đầy cỏ rơm, đôi mắt sưng đỏ nhức nhắc đôi chân khẳng khiu chạy từ sân đập lúa ra đón mình, một luồng hơi ứ nghẹn chẹn ngang lấy cổ họng tôi, nước mắt tự nhiên túa ra từ trong hốc mắt - Những điều này sau đó được tôi miêu tả trong truyện “Nổ tung” - Vì sao tôi khóc? Bởi vì tôi yêu quê hương, trong đó có mẹ tôi đến độ thâm trầm mà tôi không hề để tâm. Lúc ấy, tôi đã mơ mơ hồ hồ nhận ra rằng, quê hương có một sự chế ước nào đó đối với mỗi con người. Đối với mảnh đất đã sinh ra anh, chôn vùi thân xác của tổ tiên anh, anh có thể yêu nó nhưng cũng có thể hận nó nhưng anh không thể

trốn chạy khỏi nó. Do vậy mới có những bài từ bất hủ “Gió lớn nổi hể, mây bay bay. Biển trời mênh mông hể, quy cố hương”, do vậy mà “Ta muốn vượt sông không có cầu. Nguyên hóa hoàn diếu về cố hương. Về cố hương, vào nhà xưa. Bồi hồi cố hương”. Công thành danh tụy tất gắn liền với cố hương: “Phú quý không về quê, Khúc nào áo gấm đi đêm”. Lúc gặp phải chuyện không vừa lòng cũng nhớ về quê hương: “Chim lồng nhớ rừng xưa, Cá ao nhớ biển rộng”. Khi về già cũng nhớ về quê hương: “Cáo chết quay đầu về núi, Cố hương sao thể quên”... Lật từng trang lịch sử văn học, ngót nghét 5000 năm, anh hùng hào kiệt, lãng tử tao nhân mặc khách đã từng lưu lại không biết bao nhiêu là thơ từ, cố hương trước sau vẫn cứ là một chủ đề, một sợi dây bi thương mà ngọt ngào, một chỗ để quay về khi sắp sửa “tri mệnh”, một vũ đài để thể hiện khát vọng. Lưu Bang có thể xem là một người thành công trong cuộc đời nhưng không thành công trong một lần biểu diễn cuối cùng - bị những người đồng quê bóc trần chất lưu manh thành thị. Hạng Vũ là một kẻ thất bại, không còn mặt mũi để về gặp Giang Đông phụ lão, thà chết chứ không chịu quay lại Giang Đông. Thực ra, tình yêu quê hương kiểu nhi nữ tình trường như thế này trên một ý nghĩa nào đó là nguyên nhân chủ yếu hủy diệt sự nghiệp đế vương của Hạng Vũ. Anh hùng hào kiệt cũng khó lòng cắt đứt gốc rễ của mình, hướng hồ làm phạm nhân tặc tử chúng ta? Bốn phía là những bài ca nước Sở, con em Giang Đông bỏ trốn cả chính là tình cảm quê hương đang tác oai tác quái. Tình quê hương của anh hùng hào kiệt đúc kết thành lịch sử, tình cảm quê hương ở tao nhân mặc khách đúc kết thành thơ ca, thiên thu vạn đại, khó lòng dứt được sợi dây thiêng liêng này.

Năm 1978, trong cuộc sống khô khan tại doanh trại, tôi cầm lấy cây bút, vốn muốn viết một truyện ngắn về cuộc sống quân ngũ, lấy hải đảo và doanh trại làm bối cảnh, nhưng cảm hứng tràn ngập trong đầu tôi không phải là ở đó mà là quê hương. Đất quê, sông quê, cây cỏ hoa màu - những đậu, những bông, những cao lương..., có màu đỏ, có màu trắng, có màu vàng... từng phiến từng mảnh xuất hiện trước mặt tôi như tầng tầng con sóng của đại dương. Phương ngôn thổ ngữ quê hương như vẳng đến từ trong sâu thẳm của lòng đại dương dập dờn bên tai tôi. Lúc ấy tôi đã cố gắng kìm chế sự mê hoặc của những tiếng chó sủa, tiếng ngựa hí từ quê hương để chuyển tâm viết về tiếng sóng biển, về vách đá, về doanh trại... Tuy tôi đã phát biểu vài truyện về những chuyện này, nhưng thoát nhìn thì đã nhận ra ngay đó là đồ giả, bởi vì những gì tôi miêu tả trong ấy chẳng có liên hệ gì với những niềm yêu thích của tôi. Tôi không yêu cũng chẳng hận những gì tôi đã viết, nhưng sau đó một thời gian khá dài, tôi cố gắng dùng cách thức cực đoan này để trấn áp những tình cảm của tôi dành cho quê hương lúc nào cũng thường trực trong tâm hồn. Để cho sáng tác của mình có những phẩm chất đạo đức chính trị cao thượng, tôi thường cho nhân vật chính của mình tay cầm "Lenin tuyển tập"; để cho sáng tác của mình mang hơi hướng quý tộc, tôi buộc nhân vật của mình ngày nào cũng dạo ba trăm khúc dương cầm... Viết loạn xạ bát nháo, cố làm cho ra vẻ phong nhã để được ăn một lát bánh mì theo kiểu Tây, học cách đánh rắm theo kiểu Tây... Như con gái ngư dân thường có bàn chân như chiếc quạt bồ đoàn, con trai mục dân chân thường khuỳnh theo hình chữ bát, hai mươi tuổi tôi mới rời khỏi những mảnh đất cằn của vùng Đông Bắc Cao Mật, cho dù

tôi có hóa trang như thế nào cũng không thể rùng mình biến thành một chàng công tử thành phố hào hoa phong nhã được, truyện của tôi cho dù có được điểm trang không biết cơ man nào là vòng hoa, chúng cũng chỉ là những truyện củ khoai. Kỳ thực, đồng thời với việc tôi cố sức ly khai quê hương, tôi đã từng bước từng bước, không hề tự giác dựa hẳn vào quê hương. Đến mùa thu năm 1984, trong cuốn tiểu thuyết “Bạch cầu thu thiên giá”, tôi đã run run phất lên ngọn cờ Đông Bắc Cao Mật, bắt đầu từ đó mở ra con đường sinh nhai theo kiểu vào nhà cướp của bằng văn học. “Vốn chỉ muốn nhân lửa mà hôi của, không ngờ là biến giả thành chân”. Tôi trở thành hoàng đế khai thiên lập địa trên lĩnh vực văn học về huyện Đông Bắc Cao Mật, phát hiệu mệnh lệnh, khí thế núi lở băng tan, bảo ai chết người ấy phải chết, cho ai sống người ấy tất sống, hưởng thụ được tất thấy những lạc thú của cuộc đời. Nào là dương cầm, nào là bánh mì, nào là bom nguyên tử, nào là giường mát xa, nào là lưu manh côn đồ, nào là hoàng thân quốc thích, nào là Tây giả quý quái, nào là giáo sĩ chân truyền... tất cả đều bị lôi về vùng đất trồng cao lương của mình. Có một nhà văn đã nói: “Tiểu thuyết của Mạc Ngôn đều xuất phát từ chiếc bao gai Đông Bắc Cao Mật rách tả tơi”. Bản ý của nhà văn này là châm chọc nhưng tôi lại xem câu châm chọc này là một phần thưởng cao nhất cho cuộc đời cầm bút của mình. Chiếc bao gai rách nát ấy lại là một bảo bối vô giá, chỉ cần sục sạo trong ấy kỹ một tí là đã có truyện dài, nhẹ một tí là đã có truyện vừa, đưa một ngón tay vào là đã lôi ra một truyện ngắn - Phải nói những lời này: Tôi cho rằng văn học là một sự nghiệp nói phét nhưng không hề là một sự nghiệp tăng bốc, chửi một nhà văn là vua nói phét có khác nào đang tăng bốc anh ta.

Từ đó trở về sau, tôi cảm nhận được một kiểu cảm xúc có thể gọi là “linh cảm” luôn luôn thường trực trong tâm hồn tôi, thường là khi tôi đang bắt tay viết một tiểu thuyết nào đó thì đồng thời lại có một cấu tứ mới xuất hiện. Lúc ấy mới tôi nhận ra được rằng, cuộc sống hai mươi năm ở nông thôn với những gì hắc ám nhất, khổ đau nhất chính là đặc ân mà Thượng đế đã ban phát cho tôi. Tuy thân xác tôi đang gửi tại đô thị phồn hoa nhưng tâm hồn tôi đang ở quê nhà, linh hồn tôi đang trú ngụ trong những hồi ức về quê hương, thời gian đã mất với những hình hài đầy đủ thanh sắc luôn luôn xuất hiện trước mắt tôi. Lúc ấy tôi mới có thể hiểu được vì sao Marcel Proust lại “đi tìm thời gian đã mất”.

Nhìn vào lịch sử văn học, phàm là những nhà văn có phong cách độc đáo đều có một “nước cộng hòa” riêng. Faulkner có vùng Rawanoak, Marquez có làng Macondo, Lỗ Tấn có vùng Lỗ Trán, Thẩm Tùng Văn có “Biên thành”... Vẫn còn rất nhiều, có rất nhiều tác giả tuy không hạn chế tác phẩm của mình ở một vùng đất văn học cố định nào nhưng đọc những gì mà họ miêu tả trong tác phẩm của mình người ta vẫn hình dung được nhà văn đang dựa vào một mảnh đất nào đó. Dòng sông Đông trong “Sông Đông êm đềm” của Solokhov chắc chắn là dòng sông đã nuôi nấng tuổi ấu thơ của nhà văn, nếu không làm sao Solokhov lại kêu hay như thế này: “Ồi chao, sông Đông êm đềm, Người là bố đẻ của chúng tôi!”.

Những ví dụ như thế này không thể liệt kê hết được.

Vì sao lại như vậy nhỉ?

5. Cố hương là huyết địa

Trong phần 3 của bài viết này, tôi đã từng cường điệu một cách đặc biệt: Quê hương của nhà văn không chỉ là nơi bố mẹ anh ta sinh sống, mà là nơi anh ta đã từng trải qua thời kỳ niên thiếu. Mảnh đất ấy có máu của mẹ khi sinh ra anh, mảnh đất ấy đã lấp vùi thân xác của tổ tiên anh, mảnh đất ấy chính là “máu” của anh. Mấy năm trước tôi có tiếp một phóng viên đến phỏng vấn, tôi đã phát biểu một vài lời không hợp thời về vấn đề “những nhà văn trí thức trẻ” viết về đề tài nông thôn, đại khái ý tứ của tôi như thế này, nhà văn trí thức về nông thôn hầu hết đều là những người trẻ tuổi, phương thức tư duy đã định hình, cho nên dù họ có tận mắt chứng kiến những gì ngu xuẩn nhất, lạc hậu nhất; trải nghiệm cuộc sống vật chất vô cùng gian khó cũng như đời sống lao động khổ ải ở đó nhưng họ chẳng bao giờ lý giải nổi những kiểu tư duy của người nông dân. Những lời này của tôi đã gặp phải những phản ứng rất dữ dội. Những tác giả trẻ viết về đề tài

nông thôn như Trịnh Nghĩa, Lý Huệ, Sử Thiết Sinh... cực lực lên án quan điểm của tôi. Ba nhà văn tôi vừa kể trên đều là những người tài mà tôi rất kính trọng, họ có nhiều tác phẩm kiệt xuất viết về nông thôn, nhưng suy cho cùng họ đều là những thanh niên trí thức viết về nông thôn nên vẫn ít nhiều bộc lộ thái độ bàng quan. Rất khó nói ra được những khiếm khuyết trong những tác phẩm này (xin khẳng định là những khuyết điểm này không hề ảnh hưởng đến giá trị nghệ thuật của tác phẩm), nguyên nhân cơ bản là những vùng đất ấy không có dấu chân thời niên thiếu của họ, không có thứ tình cảm “huyết nhục tương liên” với chúng. Cho nên, “nhà văn trí thức trẻ” đều có thể sáng tác bằng cả hai tay, một tay viết về nông thôn, một tay viết về thành thị; những sáng tác về thành thị của họ lại có tình cảm hơn, có cảm xúc hơn và đều là những tác phẩm để đời. Chẳng hạn cuốn “Địa Đàn của tôi” của Sử Thiết Sinh. Cuốn “Eo biển thanh bình xa xôi của tôi” cũng của Sử Thiết Sinh cũng rất xuất sắc nhưng nếu so với “Địa Đàn của tôi” rõ ràng có kém một tí. Trong “Địa Đàn của tôi” có tôn giáo, có Thượng đế, nhưng quan trọng hơn vẫn là: có người mẹ, có thiếu niên. Ở đây hình như có một nhầm lẫn: “Địa Đàn của tôi” chủ yếu viết chuyện tác giả vì bị bệnh mà quay lại sống ở thành phố mà không phải là viết về thời niên thiếu. Tôi xin giải thích là: “Huyết địa” của Sử Thiết Sinh là Bắc Kinh. Anh ấy đã từng theo mẹ chuyển nhà liên tục nhưng chung quy cũng chỉ quanh quẩn với “Địa Đàn”, thậm chí càng chuyển càng gần với nó. Anh ấy là đứa trẻ hít thở những gì mà “Địa Đàn” tỏa ra để lớn lên. “Địa Đàn” là một phần lớn “huyết địa” của anh ấy. Tôi thực sự không có gan phân tích những tác phẩm đồng đại, tấm lòng của anh Sử Thiết Sinh đại lượng như Phật như biển, chắc là anh ấy sẽ tha thứ cho tôi.

Đã từng có rất nhiều bài viết về quan hệ giữa tác gia với thời niên thiếu. Khi đề xuất thuyết “Đồng tâm - tâm hồn con trẻ”, Lý Trác Ngô (1527-1602) đã cho rằng: “Người có “đồng tâm” thì dứt bỏ sự giả tạo, tôn sùng cái chân thực, đó là cái bản tính sơ khai nhất của con người”. Có được “bản tính sơ khai nhất của con người” thì mới nhìn thế giới một cách chân thực được. Có một nhà thơ nước ngoài đã nói: “Sự lý giải của chúng ta đối với những ý thơ trong cuộc sống cũng như tất cả những gì chung quanh là sự dâng tặng vô cùng quý giá của thời niên thiếu cho chúng ta, từ đó chúng ta sẽ trở thành nhà thơ nhà văn”. Hemingway cũng đã từng có một danh ngôn: “Thời niên thiếu bất hạnh là cái nôi của nhà văn”. Đương nhiên cũng có những nhà văn trải qua thời kỳ niên thiếu trong hạnh phúc, mà kinh nghiệm về thời niên thiếu hạnh phúc cũng là một tài sản quý giá của nhà văn. Từ góc độ sinh lý học mà nói, thời niên thiếu thường yếu ớt, cần phải được bảo hộ, cứu trợ; từ góc độ tâm lý học mà nói, thời niên thiếu là những ảo mộng, là đáng sợ, là khát vọng được yêu thương vỗ về; từ góc độ nhận thức luận mà nói, thời niên thiếu là ấu trĩ, là thiên chân, là phiến diện. Tất cả những cảm nhận thế giới trong thời kỳ này đều nông cạn nhưng cũng đều thâm sâu; những kinh nghiệm thu được trong thời kỳ này đầy ắp tính nghệ thuật mà thiếu hẳn tính thực dụng; những ký ức về thời kỳ này là khắc sâu trong tâm khảm, còn những ký ức sau khi thành niên thì lưu ở ngoài da. Kết quả trực tiếp nhất của một thời kỳ niên thiếu bất hạnh chính là một tâm linh cong vẹo, một cảm giác dị dạng. Tất cả sẽ dẫn đến những mộng cảnh kỳ hình dị tượng và một cách nhìn sợ hãi đối với thế tục. Đó chính là bản ý trong thuyết “tâm hồn con trẻ” của Lý Trác Ngô và thuyết “cái nôi” của Hemingway. Căn bản của vấn

đề là: Tất cả những điều này đều phát sinh tại cố hương; nội hàm khái niệm cố hương của tôi giới hạn trong kinh nghiệm thời niên thiếu. Nếu thừa nhận sự dựa dẫm của nhà văn vào những kinh nghiệm thời niên thiếu cũng có nghĩa là đã thừa nhận sự dựa dẫm của họ vào cố hương.

Có một vài nhà phê bình đã đem tôi ra làm ví dụ, đã từng phân tích mối quan hệ giữa sáng tác và thời niên thiếu của tôi, trong số ấy có Trình Đức Bồi tiên sinh người Thượng Hải viết rất tiếp cận sự thực trong bài “Thế giới bị ký ức vây bọc - Góc nhìn trẻ thơ trong sáng tác Mạc Ngôn”. Trình tiên sinh nói: “Đây là một tinh linh du đãng có mối liên hệ bền chặt với quá khứ xa xăm, là một sự quay về mặt tinh thần do vô số những cảm giác hổ tương xung đột mà hình thành nên, là một người bị những ký ức vây bọc”; “Tác giả thường dùng cặp mắt hiện tại để phản ánh cuộc sống nông thôn trong quá khứ. Trong những hình ảnh trùng trùng điệp điệp được tâm linh hóa, tác giả đã khôi phục lại những hoan lạc và thống khổ của chính mình trong thời kỳ niên thiếu”. Trình tiên sinh đã trực tiếp viện dẫn một đoạn của tôi trong truyện “Gió lớn”: “Thời kỳ niên thiếu cũng giống như một cơn cát bị vùi lấp vì cỏ hoang trên con đê ven sông, ông nội dùng đôi tay cứng cáp của mình đẩy vào nhục thân của tôi, dùng những lời ca của ông đã thúc đẩy linh hồn tôi, rằng hãy đi thẳng về phía trước”. Trình tiên sinh nói: “Tác phẩm của Mạc Ngôn thường viết về cái đói và sự hủy diệt, điều này hoàn toàn không ngẫu nhiên. Đối với ký ức con người, không nghi ngờ gì nữa, đây chính là những ám ảnh thời niên thiếu lưu lại, đến một lúc nào đó những ám ảnh này được biểu hiện trong tác phẩm, nó lại trở thành một hoàn cảnh, một sắc điệu

không thể thiếu được". Trình tiên sinh còn nói: "Trước những thiếu thốn về sự nuông chiều cũng như những thiếu thốn về cuộc sống vật chất, những gì rực rỡ nhất của thời niên thiếu sẽ âm đạm và mất hẳn sắc màu. Từ đó, ánh sáng cũng trở nên yếu ớt trong cuộc sống hiện tại, trong trí tưởng tượng nó hóa thành những cảm giác và ảo giác. Những tia sáng yếu ớt còn lại vừa là sự đấu tranh của tâm linh đối với những gì hắc ám, đồng thời cũng là một cách bổ sung. Thời niên thiếu mất càng nhiều thì sự đấu tranh và bổ sung càng trở nên mạnh mẽ". Nếu tôi còn đắn đo thêm nữa thì e là trở thành kẻ ăn cắp văn người khác, nhưng tôi không thể không trích ý kiến của Quý Hồng Trân: "Rất khó để một nhà văn đã từng có thời niên thiếu trải qua xã hội hương thôn xưa không lấy nó làm góc nhìn thẩm định thế giới hiện tại. Những kinh nghiệm thời niên thiếu thường là những rung động thẩm mỹ chủ yếu của nhà văn, đặc biệt là những sáng tác đầu tay của anh ta. Điều khiến người ta quan tâm đầu tiên trong tiểu thuyết của Mạc Ngôn hiển nhiên là những tác phẩm lấy đề tài từ xã hội hương thôn ngày xưa. Góc nhìn cơ bản của xã hội hương thôn và những hạn chế trong góc nhìn niên thiếu xếp chồng lên nhau trở thành cá tính sáng tác nhưng đồng thời cũng biểu hiện được tâm hồn yêu mến lẫn oán hận đối với quê hương trong những sáng tác của Mạc Ngôn".

Như những bó đuốc, lời bình luận của những nhà phê bình đã chiếu sáng thời niên thiếu của tôi, rất nhiều chuyện cũ như hiển hiện trước mắt tôi, tôi không thể không dẫn lời của vị hoàng đế lưu manh Chu Nguyên Chương nói với mưu sĩ Lưu Cơ: Vốn chỉ muốn thừa gió bẻ măng, không ngờ lại biến giả thành chân!

Năm 1955, tôi sinh ra trong một ngôi làng nhỏ nghèo nàn lạc hậu ở vùng Đông Bắc Cao Mật. Căn nhà nơi tôi sinh ra vừa thấp vừa rách nát, bốn bề lộng gió, mái dột, tường nhà và tất cả vật dụng trong nhà bị khói bụi lâu năm làm cho đen sì. Căn cứ vào tập tục nghìn đời của quê tôi, khi sản phụ lâm bồn, người ta sẽ lót dưới lưng sản phụ một lớp bụi đất dày quét trên đường về để đứa trẻ lọt khỏi lòng mẹ là đã tiếp xúc với đất. Không có ai giải thích ý nghĩa của tập tục này cho tôi nghe, nhưng tôi đoán rằng đó chính là sự thể hiện thực tiễn của niềm tin “mọi vật được sinh ra từ đất”. Đương nhiên tôi cũng rơi vào lớp đất bụi trộn lẫn với phân bò phân dê và cỏ rác mà bố tôi đã hốt trên con đường in hàng vạt dấu chân người về. Có lẽ đó là nguyên nhân để cuối cùng tôi đã trở thành nhà văn của nông thôn mà không hề là nhà văn của thành phố chăng? Gia đình tôi rất đông thành viên, có ông nội, bà nội, bố, mẹ, chú, thím, anh, chị; sau đó thím tôi lại sinh được mấy đứa con trai con gái đều nhỏ hơn tôi. Lúc bấy giờ, nhà tôi là đông nhất làng. Người lớn chỉ lo kiếm sống, không ai cai quản chúng tôi, tôi cứ lớn lên một cách lạng lẽ. Thuở nhỏ tôi có thể đứng cả ngày bên một tổ kiến để xem những sinh vật bé nhỏ ấy bận rộn chui ra chui vào, trong đầu xuất hiện không biết bao nhiêu là những suy nghĩ kỳ dị. Tôi còn nhớ một sự kiện có lẽ là sớm nhất trong đời là bị rơi vào trong hố phân rất đầy, uống đầy một bụng nước phân. Anh cả đã cứu tôi lên khỏi hố phân rồi vác chạy ra bờ sông tắm rửa cho tôi. Dòng sông lấp lóa, nước sông rất nóng, rất nhiều những tấm lưng trần đen thui của đàn ông đang ở trên sông, người thì bơi, người thì bắt cá. Đúng như suy đoán của Trình Đức Bồi, những ấn tượng sâu sắc nhất về cuộc đời niên thiếu của tôi là nước lớn và đói khát. Con sông ấy bất kể mùa nào

nước cũng chảy cuộn cuộn, sóng đánh ầm ào. Ngồi trong nhà, tôi cũng có thể thấy được mực nước sông cao hơn nóc nhà. Người lớn thường trực hộ đê, những bà già thấp hương khăn vái. Truyền thuyết kể rằng, có một con ba ba thành tinh thường quẫy đập dữ dội để làm cho dòng sông nổi sóng. Đêm đêm, chung quanh tôi tiếng ếch nhái râm ran, lúc ấy Đồng Bắc Cao Mật đã thực sự biến thành lạc viên của các loài thủy tộc, cóc nhái có thể làm thay đổi cả màu sắc của một chiếc ao lớn, trên đường đi cóc nhái bò lổn ngổn một cách dần dộn, có những con to bằng cả bàn chân ngựa khiến người ta trông thấy phải rùng mình. Ngày ấy khí hậu rất nóng, ngày ấy đám trẻ con chúng tôi không hề mặc quần áo suốt cả mùa hè. Khi vào lớp một tôi vẫn còn chưa mặc quần, không biết thế nào là giày là dép, người thầy đầu tiên của tôi là cô giáo Kỷ, một người khác huyện, khẩu âm rất khó nghe, vừa vào lớp đã trông thấy một bầy khỉ chẳng mặc quần áo gì cả, sợ đến độ quay lưng chạy biến. Ngày ấy, mùa đông lạnh lắm, ban đêm đưa tay trước mặt không hề nhìn thấy năm ngón tay, ngoài đồng những đám lửa xanh lè cứ ẩn ẩn hiện hiện, thường có những quả cầu xanh rất lớn chạy tới chạy lui trong đêm tối. Ngày ấy người chết rất nhiều, mỗi năm đến mùa xuân thường có đến mấy chục người chết đói. Ngày ấy trẻ con chúng tôi đứa nào bụng cũng to, gân xanh nổi đầy bụng, da bụng mỏng đến độ có thể thấy tất cả những gì bên trong, ruột non ruột già cứ nhào lộn xuống... Tất cả đều xuất hiện trước mắt như đang diễn ra trong hiện tại. Do vậy, lần đầu tiên tôi đọc "Trăm năm cô đơn" của Marquez, tôi có những đồng cảm vô cùng lớn lao với nhà văn này, đồng thời cũng vô cùng tiếc nuối. Những cảnh tượng kỳ dị ấy chỉ có thể dùng cách khác để viết mà không thể dùng cách viết ma quỷ để biểu

hiện được. Bởi tướng mạo tôi rất khó coi, lại luôn luôn đắm trên giường, miệng lại thêm ăn nên tôi không được mọi người trong gia tộc yêu mến cho lắm; lại gặp phải cuộc sống đói nghèo, bị o ép về chính trị nên tâm tình của những bậc trưởng bối luôn rơi vào trạng thái nặng nề. Do vậy mà thời niên thiếu của tôi tôi tâm một cách đáng sợ, cái đói và nỗi sợ chết đói theo tôi lớn dần lên. Có lẽ đó là nguyên nhân chính để tôi trở thành một người cầm bút. Thời niên thiếu như thế đương nhiên cũng tạo được một quan hệ máu thịt đối với quê hương. Những núi những sông, những động thực vật... đã thấm nhuần trong những ký ức non trẻ của tôi và đều mang trong lòng nó những sắc thái tình cảm. Những người bạn thời niên thiếu đã bị tôi quên đi khá nhiều nhưng những gì về quê hương thì tôi không thể quên được. Những vòm lá cao lương ngả nghiêng trong gió, những đàn châu chấu bay vù vù trong không trung, mùi của trâu của ngựa thường xông vào trong giấc mơ của tôi... Trong làn sương đêm dày đặc bỗng vang lên tiếng kêu của loài chồn cáo, dưới tán cây ngô đồng, một con cóc to bằng chiếc cối xay, ở bên ngôi miếu đầu thôn có con dơi to bằng chiếc nón lá đang bay dật dờ... Thực hay mơ? Nói tóm lại, cho đến lúc này mà nói, những tác phẩm của tôi đầy ắp những cảm giác thời niên thiếu và sự nghiệp viết văn của tôi được bắt đầu từ ngày đi học đầu tiên - lớp học đầu trần truồng như nhau.

6. Cố hương là những trải nghiệm

Nhà văn tài hoa mệnh bạc người Mỹ Thomas Wolfe đã từng khẳng định: “Mọi tác phẩm nghiêm túc suy cho cùng tất nhiên đều mang tính chất tự truyện, vả lại ai đó muốn sáng tạo một cái gì đó có giá trị chân thực, anh ta phải sử dụng những chất liệu đã trải nghiệm từ trong cuộc sống của chính mình” (Bài giảng về “Câu chuyện về một bộ tiểu thuyết”). Lời của Wolfe tuy có phần tuyệt đối hóa, nhưng rõ ràng có cái lý riêng của ông. Bất cứ một nhà văn nào - nhà văn chân chính - đều cũng phải lợi dụng những trải nghiệm tự thân để tổ chức cốt truyện, mà những trải nghiệm trong đời sống tình cảm là quan trọng hơn rất nhiều nếu so với những trải nghiệm về thể xác. Trong khi sử dụng những trải nghiệm tự thân, nhà văn lúc nào cũng đem mình giấu đi, lúc nào cũng thay hình đổi dạng cho chúng nhưng những nhà phê bình sáng suốt thường chop được “chiếc đuôi hồ ly” ấy một cách dễ dàng.

Trong kiệt tác “Hãy nhìn về quê hương, hồi thiên thần” của mình, gần như Wolfe bê nguyên xi quê hương của ông vào trong tác phẩm, sau khi cuốn tiểu thuyết ra mắt, những người thân thích ở quê ông đã phẫn nộ vô cùng khiến ông không dám về quê đến mấy năm. Chuyện của Wolfe chỉ là một trong muôn vàn ví dụ có tính cực đoan, còn việc sử dụng những tài liệu có liên quan đến trải nghiệm ở quê hương mà đụng chạm đến pháp luật thì cũng không phải là không có.

Khái niệm “trải nghiệm” đại khái là chỉ một cá nhân nào đó trong một khoảng thời gian nhất định, trong một hoàn cảnh nhất định trải qua một việc nào đó, làm một việc nào đó, đồng thời có quan hệ thể này hay thể khác với một số người nào đó. Nói chung, các nhà văn thường vận dụng những trải nghiệm của mình một cách linh hoạt và hầu như không có ai có thể từ bỏ những trải nghiệm mà mình đã thu được trong cuộc đời khi bắt tay vào sáng tác.

Nếu đứng ở phương diện này mà nói thì mối quan hệ giữa nhà văn và cố hương hầu như không quan trọng lắm, bởi đã từng có rất nhiều người, sau khi rời bỏ quê hương đã trải nghiệm được những chuyện có thể khiến người ta kinh tâm động phách. Nhưng đối với cá nhân tôi mà nói, sau khi tôi từ bỏ quê hương, mọi việc tôi gặp trong đời đều chẳng có gì lý kỳ, do vậy tôi đặc biệt trọng thị những gì mà tôi trải nghiệm trong khi còn ở nông thôn.

Trong sáng tác của tôi, trực tiếp sử dụng những trải nghiệm có từ thời ở nông thôn rõ nhất là truyện ngắn “Sông khô” và truyện vừa “Củ cà rốt trong suốt”.

Trong thời kỳ Cách mạng văn hóa, vào một mùa thu năm tôi hai mươi tuổi, tôi làm phụ công trên một công trình làm cầu, ban đầu là vác đá, sau đó thì kéo ống thổi lò cho những người thợ sắt. Vào một buổi trưa nắng gay gắt, những người thợ đá và thợ sắt đang trốn vào những bóng râm nghỉ ngơi, bởi vì cái đói đang réo ầm ầm trong bụng cho nên tôi lên ra ruộng trồng cà rốt của đội sản xuất, nhổ một củ cà rốt nhai lấy nhai để. Trong lúc tôi đang nhai củ cà rốt một cách ngon lành thì bị một người thuộc tầng lớp bản hạ trung nông chộp được. Ông ta đánh cho tôi một trận rồi lôi đến giao cho ban chỉ huy công trường. Tôi vùng vẫy không chịu đi, ông ta rất thông minh lột đôi giày hãy còn mới lấm trong chân tôi rồi đưa đến cho lãnh đạo công trường. Làm mãi đến tận chiều tối, tôi sợ mất đôi giày nên phải đi xin lại, mà muốn xin lại thì buộc lòng phải đi tìm lãnh đạo công trường. Vị lãnh đạo công trường trông chẳng khác nào một con khỉ, ông ta tập hợp toàn công nhân có mặt trên công trường lại và buộc tôi phải thú tội trước Mao Chủ tịch. Hai trăm người đứng im lặng như tờ ở mảnh đất trống ngay trên công trường. Mặt trời đang chìm xuống ở phía chân trời, một nửa bầu trời rực rỡ một màu đỏ khiến tôi có cảm giác như mình đang tồn tại trong cảnh mộng. Vị lãnh đạo họ treo ảnh Mao Chủ tịch lên và bảo tôi bắt đầu nhận tội.

Tôi khóc và quỳ trước ảnh Mao Chủ tịch nói trong thốn thức:

- Thưa Mao Chủ tịch... cháu đã ăn trộm một củ cà rốt... Cháu đã phạm tội... tội cháu đáng chết...

Tất cả công nhân cúi đầu, không một tiếng xì xào.

- Nhận thức như thế là rất thành khẩn. Tha cho cậu ấy! -
Lãnh đạo nói.

Rồi lãnh đạo đưa đôi giày cho tôi.

Trong lòng nơm nớp lo sợ, tôi trở về nhà. Về nhà lại bị một trận đòn thừa sống thiếu chết. Trong “Sông khô” có một đoạn miêu tả như thế này:

Anh cả đẩy nó thẳng vào trong sân rồi nhắm thẳng vào mông nó đập một cú thật mạnh, quất lớn: “Đừng dậy, mày là thằng chuyên đem tai họa về cho gia đình”. Nó nằm trên đất không động dậy, anh cả đá liên tục vào mông nó, vừa đá vừa hét: “Dậy ngay! Mày đã gây nên tội mà còn nằm đây ăn vạ nữa à?”.

Như một phép màu, nó đứng dậy (trước đó nó đã bị bí thư chi bộ thôn đánh cho sống dở chết dở), nhưng chỉ đi được vài bước là nó đã đổ sụp xuống, chúi đầu vào chân tường. Định thần lại, nó kinh sợ đưa mắt nhìn thân thể cao gầy của anh cả.

Anh cả giận dữ nói với mẹ: “Đánh chết nó đi là xong, để nó lại nó sẽ tiếp tục gây họa nữa. Năm nay tôi đã có thể nhập ngũ, nhưng lần này thì hết phương cứu vãn rồi!”.

Nó đưa ánh mắt thâm trầm nhìn mẹ. Xưa nay mẹ chưa hề đánh nó bao giờ. Mẹ khóc, bước đến. Nó uất ức chỉ kêu được một tiếng “Mẹ!”.

... Mẹ đưa bàn tay gầy và cứng như que củi giáng vào mặt nó một cú tát thật mạnh. Nó kêu lên thâm trầm... Mẹ nhặt từ trong đồng cỏ khô lên một cành cây dâu, vụt liên tục vào người nó.

Bố chậm chậm bước đến. Ánh tà dương chiếu trên gương mặt buồn bã của ông... Tay trái bố thộp vào cổ nó, tay phải cầm một chiếc giày... Chiếc đế giày dày cộp đầu tiên là giáng xuống đầu nó. Nó có cảm giác đầu nó đã lún xuống dưới cổ. Chiếc giày bắt đầu giáng xuống lưng nó, lúc khoan lúc nhặt,

hình như để giầy mỗi lúc một mỏng hơn, từng lớp từng lớp bùn văng tung tóe...

Sao lục đoạn văn này, lòng tôi chẳng thư thái tí nào. Những người đã từng xem “Sông khô” chắc còn nhớ đứa bé tên Tiểu Hồ ấy cuối cùng đã bị những người thân của mình đánh chết, còn tình hình thực tế của tôi là thế này: Khi bố tôi dùng những sợi thừng đã thấm muối đánh tôi thì ông nội đã kịp thời can thiệp và cứu tôi. Ông nội tức giận nói: “Một củ cà rốt thì có đáng gì! Có đáng để chúng mày đánh nó như thế không?”. Ông nội với những tay thỏ phỉ trong tiểu thuyết của tôi hầu như không có quan hệ gì, ông chỉ là một người nông dân cần cù lương thiện nhưng lại có cách nhìn riêng về công xã nhân dân. Ông vẫn luyện lưu với cuộc sống của người tiểu nông hai mươi mẩu ruộng và một con trâu. Ông vẫn thường nói: “Công xã nhân dân như một chiếc đuôi thỏ, lớn không nổi đâu!”. Không ngờ lời ông đến nay lại hoàn toàn linh nghiệm. Bố mẹ tôi vốn hiền lành thương con, việc họ đánh tôi có nguyên nhân khác, đó là tôi đã quỳ trước tượng Mao Trạch Đông thú tội trước sự chứng kiến của rất nhiều người làm cho lòng tự tôn của bố mẹ bị tổn thương. Thử nữa, gia đình tôi xuất thân trung nông, cần phải sống cho thật thành khẩn mới may ra được yên thân. Truyện ngắn “Sông khô” của tôi được xem như một hịch văn theo con đường cực tả, trong một xã hội không bình thường thì không có tình yêu, hoàn cảnh làm cho con người ta trở nên tàn bạo và vô tình.

Dương nhiên, không phải ai đã từng bị đánh mới có thể viết văn chương, nhưng rõ ràng không có những trải nghiệm với quê hương, tôi không thể viết được “Sông khô”, đương

nhiên tôi cũng không thể viết nổi truyện vừa khiến tôi thành danh - “Củ cà rốt trong suốt”.

“Củ cà rốt trong suốt” được tôi viết trước “Sông khô”. Truyện này nhờ viết theo “điểm nhìn trẻ thơ” thuần túy mà được giới phê bình đánh giá cao, đem lại vinh dự cho tôi. Nhưng tất cả những gì trong ấy là do tôi vô ý viết ra, khi chấp bút tôi chẳng hề ý thức là mình đang đứng ở điểm nhìn nào, chỉ nghĩ đến việc tôi đã sống qua sáu mươi ngày đêm trong lò rèn mà viết. Những ý tưởng thần kỳ, những cảm giác cổ quái trong cuốn sách này vốn sản sinh trong thời gian trải nghiệm này. Tâm linh dị dạng tất nhiên sẽ làm cho cuộc sống bị méo mó, do vậy trong cuốn sách này, củ cà rốt trở nên trong suốt, chiếc tàu lửa là một con quái vật nằm phủ phục, những sợi tóc rơi xuống đất gây nên tiếng động, khăn choàng của cô gái có những đốm lửa cháy rực...

Đưa những ví dụ trải nghiệm về quê hương vào trong tiểu thuyết ở đâu cũng có: Kawabata với “Xứ tuyết”, Faulkner với “Con gấu”, Lawrence với “Mẹ và tình nhân”... Trong những tác phẩm này, hình bóng của tác giả luôn luôn thấp thoáng ở đâu đó.

Một nhà văn khó thoát khỏi ám ảnh của những trải nghiệm, trong đó khó nhất là những trải nghiệm về quê hương. Có lúc, cho dù có những trải nghiệm tuy không phải về quê hương nhưng chúng cũng dễ dàng hóa thân thành trải nghiệm về quê hương.

7. Phong cảnh cố hương

Miêu tả phong cảnh - hoàn cảnh địa lý, tự nhiên phong quang, thuần phong mỹ tục, ẩm thực, nhà cửa... và những điều đại loại như vậy là một bộ phận rất quan trọng trong tiểu thuyết hiện đại. Ngay cả trong tiểu thuyết “Sơn dược dân” của Triệu Thụ Lý - ông tổ của việc kế thừa cách viết tiểu thuyết truyền thống cũng có rất nhiều đoạn miêu tả phong cảnh. Khi anh đang cấu tứ cho một câu chuyện, thuận tiện nhất là anh hãy đem hoàn cảnh xảy ra câu chuyện ấy đặt ở quê hương anh. Tôn Lê thì ở đầm Hà Hoa, Lão Xá thì ở ngõ Tiểu Dương, Thẩm Tông Văn thì ở thành Phượng Hoàng, Marquez thì có làng Macondo... còn tôi thì đương nhiên là vùng Đông Bắc Cao Mật.

Trong tiểu thuyết hiện đại, cái gọi là không gian là do phong cảnh được cảm giác hóa, chủ quan hóa mà ra - là hoàn cảnh được miêu tả trong tác phẩm. Lý thuyết về “tấm gương phản chiếu” của chủ nghĩa hiện thực hầu như đã bị các nhà văn đương đại vứt sang một bên. Dưới ngòi bút của họ, đại tự

nhiên là có linh hồn, tất cả đều có một linh hồn tương thông với con người, mà cái nhìn vạn vật tương thông về linh hồn này hình thành và phát triển tốt nhất là thời kỳ niên thiếu ngay tại quê hương của nhà văn. Có thể dùng cách nói phổ biến nhất để diễn đạt là: miêu tả những gì quen thuộc nhất của anh.

Tôi không thể đem nhân vật của tôi vất vào một khu rừng heo hút mà chỉ có thể đặt họ trên những mảnh ruộng cao lương, bởi tôi đã từng trải nghiệm toàn bộ quá trình từ khi gieo giống đến khi thu hoạch của cao lương. Nhắm mắt lại tôi vẫn có thể thấy cánh cao lương lớn lên từng ngày như thế nào. Tôi không chỉ biết mùi vị của cao lương mà còn có thể hiểu những điều thầm kín trong lòng thân cây. Marquez là nhà văn lớn nhưng ông không thể tả được cây cao lương, ông chỉ có thể tả khu rừng ở vùng Macondo của mình, bởi vì đất trồng cao lương là bộ phận quan trọng nhất trong vương quốc văn học Đông Bắc Cao Mật của riêng tôi. Vương quốc ấy phản kháng mọi sự xâm lược và mọi kẻ xâm lược, như ngày ấy đã từng phản kháng sự xâm lược của người Nhật Bản. Tương tự như vậy, tôi tuyệt đối không dám viết về những cánh rừng mưa nhiệt đới ở châu Mỹ Latinh, đó không phải là cố hương của tôi.

Trở về với cố hương là tôi như cá gặp nước; rời khỏi cố hương, bước đi của tôi mỗi bước mỗi gian nan.

Trong "Sông khô" tôi đã viết về con sông ở quê tôi; trong "Củ cà rốt trong suốt" tôi đã viết về vòm cầu và những mảnh đất trồng đay; trong "Hoan lạc" tôi đã viết về trường học nông thôn và những bờ ao; trong "Bông trắng" tôi đã viết về những khoảnh ruộng trồng bông và xưởng gia công

bông; trong “Ánh chớp hình cầu” tôi đã viết về những thảm cỏ và lau lách; trong “Bùng nổ” tôi đã viết về trạm xá và sân đập lúa, trong “Đứa bé tóc vàng” tôi đã viết về con đường và quán rượu; trong “Khẩu súng cũ” tôi đã viết về vườn cây và đất trũng; trong “Bạch cầu thiên giá” tôi viết về bạch cầu; trong “Bài ca ngồng tỏi thiên đường” tôi viết về cây tỏi và cây hèo. Tất cả đều tồn tại ở quê hương tôi, tuy “Bài ca ngồng tỏi thiên đường” có liên quan ít nhiều đến sự kiện “ngồng tỏi Thương Sơn” chấn động toàn quốc nhưng tôi vẫn cố tình chuyển nó về quê tôi, bởi trong đầu óc tôi phải có một thôn xóm hoàn chỉnh mới có thể chi phối những nhân vật của tôi một cách muốn sao được vậy.

Phong cảnh quê hương có linh hồn và mị lực như thế đối với tôi, nguyên nhân chủ yếu là nó bảo bọc lấy thời niên thiếu của tôi. Trong “Củ cà rốt trong suốt”, tôi viết về một mái vòm cầu sao mà cao, sao mà thần kỳ; nhưng khi tôi đưa máy nhà nhiếp ảnh về quê hương để chụp ảnh nó, không những các nhà nhiếp ảnh thất vọng mà ngay cả tôi cũng cảm thấy kinh ngạc. Không nghĩ ngờ gì, chiếc vòm cầu trước mặt vẫn là chiếc vòm cầu ngày xưa, nhưng sự hùng vĩ và thậm chí là vẻ trang nghiêm động trong trí nhớ của tôi đã bay đi đâu mất. Vòm cầu trước mặt vừa thấp vừa bé, chỉ cần vươn tay là có thể đụng tới đỉnh vòm. Thực ra chiếc cầu này vẫn không hề thay hình đổi dạng, nhưng tôi thì đã thay đổi quá nhiều. Đây chính là một chứng minh hùng hồn về việc tôi đã dùng điểm nhìn trẻ thơ để sáng tác “Củ cà rốt trong suốt”. Trong truyện này, cảnh vật là những ấn tượng thời niên thiếu cho nên nó có thể biến hình, dễ dàng đồng thoại hóa, từ đó sắc thái đồng thoại trong tiểu thuyết hình thành.

8. Nhân vật cố hương

Một buổi sáng mùa xuân năm 1988, tôi đang giam mình trong một căn nhà kho ở Đông Bắc Cao Mật say sưa viết thì một ông già trông rất lam lũ bước vào. Tên ông ta là Vương Văn Nghĩa, căn cứ theo vai vế thì tôi phải gọi bằng chú. Tôi hoang mang đứng dậy, mời ngồi rồi đem thuốc lá ra mời. Chú Vương hút thuốc, hỏi với giọng không vui:

- Nghe nói anh đã đem tôi viết vào sách, đúng không?

Tôi vội vàng giải thích, nhận lỗi rằng mình nhất thời hồ đồ, bây giờ đã thay rồi v.v... Chú Vương hút xong điếu thuốc, đứng dậy ra về. Tôi ngồi trước bàn trầm tư giây lâu. Đúng là tôi đã xây dựng nhân vật Vương Văn Nghĩa trong truyện "Cao lương đỏ", đương nhiên cũng đã có thay đổi ít nhiều. Vương Văn Nghĩa đã từng tham gia Bát lộ quân, trong một trận chiến đấu, vành tai bị thương, ông ta vết khâu súng,

ôm lấy đầu chạy đến, vừa chạy vừa khóc om sòm: “Đội trưởng, đội trưởng! Đầu tôi không còn nữa...”. Đội trưởng đá ông ta một cú, nói: “Đồ trứng thối, không còn đầu mà còn nói được à? Súng của ông đâu?”. Vương Văn Nghĩa nói: “Vất dưới chiến hào rồi!”. Đội trưởng chửi mấy câu rồi vọt lên dưới làn mưa đạn, xách khẩu súng chạy về. Đây chẳng qua là một truyện khôi hài mà người quê tôi kháo nhau cười cho vui, Vương Văn Nghĩa cũng đã từng cho là chẳng có gì xấu hổ, khi người ta cười chê ông ta nhát gan, ông ta cũng chỉ cười trừ.

Khi tôi viết “Cao lương đỏ”, tự nhiên tôi lại nghĩ đến Vương Văn Nghĩa, nghĩ đến bộ dạng, giọng nói, nét mặt của ông ta cũng như những gì ông ta đã từng trải qua trong chiến đấu như hiện ra trước mắt tôi. Tôi đã từng có ý định đặt tên khác cho ông ta, có thể là Vương Tam hay Vương Tứ gì đó, nhưng sau khi đổi tên, cái hình hài có thanh có sắc ấy bỗng biến đi đâu mất. Điều đó cho thấy, trong một hoàn cảnh nào đó, cái tên không chỉ là một ký hiệu mà là một bộ phận hợp thành của một sinh mệnh.

Tôi chưa bao giờ cảm thấy mình thiếu đề tài để viết. Chỉ cần nghĩ đến quê nhà thì những người thân quen lại chen lấn hiện lên trong đầu óc tôi, mỗi người đều có những điểm đặc sắc riêng, hình dạng riêng, thú vị riêng. Mỗi người đều mang trong mình một cốt truyện hoàn chỉnh, đều có thể trở thành những nhân vật điển hình. Tôi đã viết đến mấy trăm vạn chữ nhưng chỉ mới viết được một góc nhỏ của quê hương. Còn có những nhân vật văn học phi thường đang đứng ở nơi ấy chờ tôi. Quê hương trở thành nguồn mạch sáng tác không bao giờ cạn của tôi bởi theo sự trưởng thành về tuổi tác, trải nghiệm

của tôi, quê hương sẽ tiếp tục sinh ra những nhân vật mới, hoàn cảnh mới. Điều này có nghĩa là, trong cuộc đời sáng tác của một nhà văn, anh ta có thể hấp thu toàn bộ những nguồn tài nguyên không bao giờ vơi trong cuộc đời niên thiếu của anh ta.

9. Truyền thuyết cổ hương

Thực ra, tôi nghĩ, tuyệt đại bộ phận con người đều đang nghe những câu chuyện kể mà lớn lên, đồng thời đều có thể biến thành những người kể chuyện. Điểm phân biệt giữa nhà văn và người kể chuyện nói chung là nhà văn dùng văn tự để viết lại truyện kể, biến nó thành văn bản. Xưa nay, thường là một vùng đất càng lạc hậu bần cùng thì càng có nhiều chuyện kể xuất hiện, một bộ phận lớn trong đó là những chuyện yêu ma quỷ quái, một bộ phận là chuyện về những người lạ việc kỳ. Đối với nhà văn mà nói, đây chính là một tài sản khổng lồ, là sự ban tặng đầy ân tình của quê nhà cho chính nhà văn. Truyền thuyết và chuyện kể thuộc phạm trù văn hóa, loại văn hóa phi điển tịch này chính là chiếc nôi chứa đựng những khí chất đặc thù của một dân tộc, cũng là nhân tố quan trọng hình thành nên cá tính của nhà văn. Nếu Marquez không nghe được bao nhiêu truyền thuyết từ trong lời kể của bà ngoại, tuyệt đối không thể viết được tiểu

thuyết trữ danh “Trăm năm cô đơn”. Cuốn tiểu thuyết này được Fuentes Carlos gọi là “Kinh thánh của châu Mỹ Latinh”, nguyên nhân chủ yếu là bởi “truyền thuyết là rường cột quán thông lịch sử và văn học”.

Quê tôi cách quê của Bồ Tùng Linh ba trăm dặm, những chuyện về yêu ma quỷ quái ở quê tôi đặc biệt nhiều, trong đó có rất nhiều chuyện xem ra không khác lắm với truyện “Liêu Trai”. Tôi không biết là người quê tôi sau khi xem “Liêu Trai” xong thì kể lại cho nhau nghe hay là những chuyện ở quê tôi có trước “Liêu Trai”, nhưng trong lòng tôi vẫn mong những câu chuyện yêu ma hồ ly ở quê tôi là có trước. Tôi nghĩ năm ấy, khi Bồ tiên sinh đặt một bàn trà thuốc dưới gốc cây cổ thụ trước cổng nhà và mời người đi đường thưởng trà và kể chuyện, một người nào đó ở quê tôi đã từng thưởng thức trà và đem những câu chuyện ở quê tôi kể cho tiên sinh nghe.

Trong sáng tác của mình, tôi kể không nhiều lắm về ma quỷ thần thánh. Trong “Hương giày cỏ” tôi có kể một ít, “Tổ tiên có màng chân” cũng có đề cập loáng thoáng. Nhưng tôi phải thừa nhận một điều là, những câu chuyện yêu ma quỷ quái nghe được từ thuở niên thiếu này đã ảnh hưởng đến tôi không ít, nó hun đúc nên lòng kính sợ đối với tự nhiên vũ trụ, thậm chí còn ảnh hưởng đến phương thức cảm thụ thế giới của tôi. Thời niên thiếu của tôi trôi qua trong những cảm giác sợ hãi vây bọc. Khi tôi đứng một mình trong những thửa ruộng cao lương, nghe thấy tiếng gió thổi qua và lá cao lương rung lên xào xạc là toàn thân tôi tự nhiên lạnh toát, đầu tóc dựng đứng, những cây cao lương xanh um như một sinh linh đang nhe nanh múa

vuốt và bỏ nhào về phía tôi, tôi ôm lấy mặt kêu rú lên và bỏ chạy. Một con sông, một cây cổ thụ, một phần mộ đều khiến tôi sợ hãi, nhưng suy cho cùng tôi sợ cái gì, tự tôi không thể lý giải được. Nhưng có điều, tôi chỉ sợ cảnh vật tự nhiên ở quê tôi, cảnh vật ở những vùng khác, cho dù là hùng vĩ bí mật đến mức nào cũng không hề gây được cảm giác sợ hãi cho tôi.

Những truyền thuyết ở quê tôi liên quan nhiều nhất đến những người lạ chuyện kỳ. Trong một bài viết nhỏ, tôi đã từng nói rằng: Trên một ý nghĩa nào đó, lịch sử là tập hợp rất nhiều những câu chuyện truyền kỳ, sự kiện lịch sử càng xa xưa thì khoảng cách với sự chân thực lịch sử càng lớn nhưng khoảng cách với văn học càng gần. Do vậy mà “Sử ký” của Tư Mã Thiên về căn bản không thể xem là một tác phẩm sử học chân chính. Trong quá trình lưu truyền theo hình thức truyền khẩu, nhân vật và sự kiện lịch sử đã được truyền kỳ hóa. Khi kể chuyện lịch sử, để hấp dẫn người nghe của mình, người kể chuyện thường tra dầu thêm mỡ một cách không tự giác, từ đó mà sau này, chim sẻ dễ dàng biến thành phượng hoàng, thỏ hoang cũng dần dần biến thành kỳ lân. Lịch sử là do con người viết nên, anh hùng là do con người tạo ra. Con người không bằng lòng với hiện thực thì hoài niệm quá khứ; con người không bằng lòng với mình thì hoài niệm tổ tiên. Tiểu thuyết “Gia tộc cao lương đồ” của tôi đại khái thuộc vào loại này. Nói một cách thành thật, tổ tiên của chúng tôi cũng chẳng khác gì chúng tôi, những ngày huy hoàng và vinh quang ở trong ấy phần nhiều thuộc về lý tưởng, ước mơ. Lý tưởng hóa, truyền kỳ hóa những con người và sự kiện gắn liền với quá khứ để trở thành suối

nguồn vô tận cho cảm hứng sáng tác của nhà văn là một điều rất bình thường. Điều này có nghĩa là nhà văn đang lợi dụng quê hương, những mặt khác, chính nhà văn lại bị quê hương lợi dụng. Truyền thuyết của quê hương chính là chất liệu để nhà văn sáng tác, đến lượt mình, nhà văn lại là một tạo vật của những truyền thuyết của quê hương.

10. Siêu việt cố hương

Vẫn là Thomas Wolfe đã từng phát biểu: “Tôi đã phát hiện ra rằng, cách thức để nhận chân ra diện mạo của quê hương chính là phải rời xa nó; cách thức để tìm về quê hương là hãy tìm nó trong tâm hồn của chính mình, trong đầu óc của chính mình, trong ký ức của chính mình, trong tinh thần của chính mình và cuối cùng là đến một vùng quê khác để tìm quê hương” (Thomas Wolfe - “Câu chuyện về một cuốn tiểu thuyết”).

Tôi rất đồng tình với lời của Wolfe. Khi thân xác tôi còn đang ở tại quê hương, những gì trước mắt tôi cũng chỉ là những cảnh hoang tàn, chẳng hề biểu lộ một chút giá trị nào, xem ra quê hương chẳng bằng so với những vùng đất khác. Nhưng khi tôi đã rời xa quê hương, khi tôi cầm cây bút lên và tập tành sáng tác, tôi đã cảm nhận được nỗi thống khổ không nhà mà về, một nỗi khao khát cháy bỏng về mặt tinh

thần không thể nào ức chế được đối với quê hương. Lúc nào tôi cũng đem linh hồn của mình gửi trọn về miền quê ấy và nó đã trở thành nơi ký thác, nơi tị nạn cuối cùng của một nhà văn đồng quê phải tạm gửi thân vào chốn phồn hoa đô hội. Solokhov và Faulkner càng tỏ ra triệt để hơn - dứt khoát quay trở về quê hương an nghỉ vào cuối đời - Có lẽ trong tương lai không xa nữa, tôi cũng sẽ quay về Đông Bắc Cao Mật, rất tiếc là ở đó bây giờ đã thay hình đổi dạng quá nhiều, cố hương trong hiện thực và cố hương trong ký ức không còn là một nữa. Nó đã thay đổi phong phú và phức tạp hơn nhiều so với trí tưởng tượng của tôi. Cố hương của nhà văn phần nhiều là cảnh mộng tồn tại trong hồi ức, nó lấy diện mạo chân thực của một giai đoạn lịch sử nào đó làm căn cứ nhưng trang điểm thêm vô số hoa lá cỏ cây và cũng giống như những người kể chuyện ngày xưa, nhà văn thêu dệt chung quanh cố hương trong mộng không biết bao nhiêu là câu hoa lá để tăng tính hấp dẫn đối với độc giả. Kiểu mộng ảo hóa cố hương, tình cảm hóa cố hương này thể hiện khả năng hy vọng siêu việt cố hương của nhà văn.

Những nhà văn gương cao ngạo cỡ “văn học nông thôn” về đại thể có thể phân làm hai loại. Loại thứ nhất là trung thành với hướng sáng tác đã chọn, tức là trung thành với những lời ca tụng cố hương, tiêu chuẩn về giá trị đạo đức của nhà văn cũng chính là tiêu chuẩn giá trị đạo đức của cố hương. Họ chỉ có việc ghi chép lại, không sáng tạo, không thêm bớt gì. Những người này có thể trở thành nhà văn mang sắc thái địa phương, nhưng những sắc thái địa phương này không phải là một phong cách sáng tác đúng nghĩa. Gọi là phong cách văn học, không chỉ dừng lại ở chỗ sử dụng

phương ngôn thổ ngữ, miêu tả phong vật địa phương mà phải là một kiểu tư duy độc lập, một phong thái độc đáo trên cơ sở một cách nhìn thế giới độc đáo, một tư tưởng độc đáo; từ ngôn ngữ nghệ thuật đến cốt truyện nghệ thuật, từ nhân vật đến kết cấu nghệ thuật... đều phải có những nét độc đáo riêng, có thể phân biệt được với người khác. Muốn hình thành được phong cách như vậy, nhà văn buộc lòng phải rời khỏi cổ hương để có thể hình thành những cảm thụ đa dạng hơn và từ những hệ tham chiếu khác nhau mới có thể phát hiện ra những chỗ độc đáo của cổ hương, có thể là tiên tiến, cũng có thể là lạc hậu; mới có thể phát hiện từ trong những nét độc đáo đã bao hàm tính phổ biến, mà tính phổ biến có chất đặc thù này là tấm giấy thông hành để văn học thoát ra khỏi địa phương tính và vươn ra thế giới. Đây chính là điều mà tác giả cuốn “Văn học Mỹ và ngôn ngữ Mỹ” muốn đề cập đến: “Bất kỳ một nhà văn nào trở thành đại biểu của một thời đại trong tiến trình phát triển của văn học dân tộc cần phải có đầy đủ hai đặc trưng: biểu hiện một cách đột phá sắc thái địa phương và ý nghĩa phổ biến trong tác phẩm... Chẳng hạn như trong một thời gian tương đối dài, sự ái mộ của người nước ngoài đối với một nhà văn thường không biến đổi lớn, điều này chứng minh nhà văn này đã kết hợp được tính địa phương và tính phổ biến biểu hiện một cách sắc sảo trong tác phẩm của mình”. Thẩm Tông Văn, Marquez, Lỗ Tấn... chính là kiểu tác giả sau khi rời khỏi quê hương đã biến quê hương trở thành chỗ dựa về tinh thần, ca tụng nó, phê phán nó, làm cho nó phong phú lên, làm cho nó phát triển lên, cuối cùng biểu hiện được tính phổ biến có chất đặc thù và họ đã trở thành nhà văn mang tầm thế giới là vì vậy.

Trong quãng thời gian ngắn ngủi cuối cùng của cuộc đời, Thomas Wolfe ý thức được rằng ông phải vượt qua chính mình, phải vượt qua được cái mảnh đất nhỏ hẹp của quê hương để lý giải thế giới rộng lớn hơn, dùng quan niệm mới để quan sát sự phong phú của cuộc sống và đưa vào trong tác phẩm. Đáng tiếc, ông chưa kịp hoàn thành tâm nguyện thì đã qua đời.

Trong “Faulkner bình luận tập” của công trình “Tư liệu nghiên cứu văn học nước ngoài” có trích dẫn một ý kiến rất tinh tế so sánh sáng tác của Faulkner với Hemingway và nhiều người khác của một nhà nghiên cứu Xô viết như sau: “Thuở ấy Faulkner đi riêng một con đường. Ông đối diện với thời đại để tìm một cái gì đó nối kết với quá khứ, một sợi dây nối liền những giá trị không bao giờ đứt của nhân loại, đồng thời phát hiện sợi dây ấy vốn bắt nguồn từ mảnh đất quê hương ông bên dòng Mississippi. Ở đó ông phát hiện ra vũ trụ, phát hiện ra một sợi dây không thể chặt đứt và không bao giờ làm cho người ta thất vọng. Ông mở sợi dây đó ra và ông hiểu được cuộc sống của chính mình. Hemingway và nhiều người khác đem những vấn đề sóng gió của xã hội đương đại từ chỗ lẫn lộn chung quanh mình truyền bá ra thế giới bên ngoài và đây là nguyên nhân khiến họ đã trở thành những nhà văn nổi tiếng. Còn Faulkner là một nhà văn dân tộc - điều này thì không thể tranh cãi - thậm chí là một nghệ thuật gia khu vực. Tác phẩm của Faulkner rất từ tốn, rất gian nan biểu hiện mối quan hệ mật thiết giữa chính nhà văn và thế giới, thể hiện tính trọng yếu của đức tính cơ bản của con người, từ đó biến mình trở thành một nhà văn mang tính toàn cầu”.

Điều mà Thomas Wolfe giác ngộ được cũng chính là những trải nghiệm thực tiễn của Faulkner. Wolfe ghi chép những gì diễn ra trên quê hương ông một cách chân thực, còn Faulkner trên cơ sở những gì diễn ra một cách chân thực trên quê hương đã sáng tạo nên một loại văn học quê hương phong phú, thoáng đãng hơn cả quê hương chân thực của ông. Khi Faulkner sáng tạo nên loại văn học quê hương này, ông đã sử dụng tài liệu trên toàn thế giới, tuy nhiên trong số tài liệu ấy, quan trọng nhất vẫn là tư tưởng của nhà văn - Quan niệm về không gian và thời gian, quan niệm về đạo đức chính là hai chiếc trụ đỡ quan trọng nhất trong lâu đài văn học của ông. Ông học được những thứ này có lẽ là trong thời kỳ ông ở trong trường hàng không, cũng có thể là học được từ trong bốn tấm của những khách sạn.

Faulkner là tấm gương sáng rực của chúng ta - ít nhất là của tôi. Ông ta đã cung cấp cho tôi những kinh nghiệm để thành công, nhưng cũng đồng thời bố trí những cạm bẫy dành cho tôi. Anh không thể vượt qua độ cao mà Faulkner đã đạt đến, anh chỉ có thể đứng trên một đỉnh núi khác mà anh tự sáng tạo ra bên cạnh ông. Faulkner còn là người thầy tinh thần của Marquez. Marquez học tập phương pháp của Faulkner, cũng xây dựng lên cho mình một quê hương, nhưng nổi cô độc là chiếc cột trọng yếu nhất trong cung điện văn học của ông. Chúng ta không thể có khả năng phát hiện ra một phương pháp mới, điều duy nhất có thể làm là - học tập Marquez để phát hiện ra chiếc cột tinh thần của mình.

Trải nghiệm về quê hương, phong cảnh cổ hương, truyền thuyết cổ hương là cảnh mộng mà bất kỳ nhà văn nào cũng không thể thoát khỏi, nhưng để biến những cảnh mộng

ấy thành tiểu thuyết tất yếu phải dùng tư tưởng. Trình độ tư tưởng có cao có thấp quyết định anh sẽ đạt đến độ cao nào. Ở đây không có sự phân biệt tiến bộ hay lạc hậu, chỉ có phân biệt thô thiển và sâu sắc. Siêu việt cố hương trước tiên phải vượt qua về mặt tư tưởng, cũng có thể nói là sự siêu việt về mặt triết học. Ánh sáng linh thiêng của triết học không biết rồi sẽ chiếu rọi vào con người may mắn nào, tôi và những bạn bè của tôi đang chờ đợi, hy vọng có thể trở thành con người may mắn ấy.

Tháng 5 - 1992

"*Gia tộc cao lương đỏ*" *bị vong lục*

Trong tạp chí "Điện ảnh đại chúng" số 11 - 87 có bài viết rất thú vị của Tân Gia Pha "Gia tộc cao lương đỏ bị vong lục", trong đó có nhắc đến tên tôi khiến tôi phấn khởi vô cùng. Lại may là cũng vừa xem xong bộ phim "Cao lương đỏ", Tổng biên tập tạp chí "Điện ảnh Đại Tây Bắc" lại yêu cầu tôi viết một bài, tôi tùy hứng viết những điều nông cạn dưới đây, cũng chẳng biết lấy đầu đề là gì, thôi thì dùng nguyên xi đầu đề bài viết của Tân Gia Pha vậy.

1. Làm quen Trương Nghệ Mưu

Tháng tám năm ngoái (1986), Trương Nghệ Mưu đến trường Nghệ thuật Quân đội tìm tôi. Anh ấy đang đứng trong hành lang của tòa nhà cao tầng và réo gọi tên tôi, tôi mở cửa phòng và đưa anh ấy về ký túc xá. Trước mắt tôi là một Trương Nghệ Mưu với một chiếc áo sơ mi đã cũ, một chiếc quần vải bố dành cho người lao động và hai bàn chân xỏ trong một đôi dép cắt từ lớp bánh xe cao su - loại dép mà

đa số nông dân thời ấy vẫn thường mang, một chiếc đầu tóc rất dày và trơn bóng, đôi mắt buồn buồn, gương mặt tiêu tụy, đôi vành tai dựng đứng và trông rất cứng khiến tôi nghĩ là được một tấm thép cắt đầu dó dán vào. Vừa trông thấy anh ấy, tôi có cảm giác là gặp được người quen, bởi Trương Nghệ Mưu trông chẳng khác một nông dân ở quê tôi là bao nhiêu. Trong cái vỏ bọc ngoài càng ngày càng giống với những con thỏ nuôi linh lung xinh đẹp, nhưng không hề đáng yêu của dân thành phố lúc này, gặp được một con người thân thương như thế quả thật là vô cùng đáng quý. Căn phòng tôi đang ở rất ẩm thấp và tối tăm, chuột kéo thành đàn tổ chức những cuộc thi viết dã, lại còn ăn trộm mì ăn liền, ỉa trong chậu rửa mặt của tôi. Thậm chí một ngày nọ có một con rắn da đen có lốm đốm những bông hoa màu trắng chui vào theo lỗ hổng dưới chân tường bò thẳng vào giữa phòng. Tôi không đánh con rắn ấy, nghe đâu loại rắn rồng này thường dự báo một điềm cát tường, cũng là do người quê tôi chưa bao giờ làm tổn thương đến loài rắn, cho dù là rắn gì. Tôi chờ mong con rắn rồng này sẽ mang lại cho tôi một điều may nào đó, dựa vào vận may ấy, biết đâu rằng tôi sẽ hòa mình vào trong dòng đời hỗn trọc này ăn ăn uống uống, vung tay chỉ trở vào giang sơn, gạn đục khơi trong văn tự, dương dương tự đắc lấy vài ngày cho đỡ nghiện. Đúng lúc ấy, Trương Nghệ Mưu đã đến.

Chúng tôi bàn về chuyện chuyển thể “Cao lương đỏ” thành kịch bản điện ảnh, chuyện trọng đại ấy cũng chỉ diễn ra trong vòng mười phút không hơn. Tôi nói: “Trương Nghệ Mưu, tôi tin tưởng vào anh”, nói xong thì bắt tay từ biệt nhau.

Lúc ấy, Trương Nghệ Mưu vẫn đang thủ một vai trong bộ phim "Giếng cổ" của đạo diễn Ngô Thiên Minh. Sau khi bộ phim ra mắt, Trương Nghệ Mưu được chương trình bình luận phim Đông Kinh bầu là "diễn viên chính hay nhất". Đây cũng là chuyện không thể khác, bởi lòng đố kỵ nhiều khi không thể che mờ được sự thật, ăn nho chua cũng chẳng được tích sự gì, bất phục thì cứ diễn một vai vượt mặt Trương Nghệ Mưu là cách làm thuyết phục nhất. Chuyện này cũng giống như chuyện sáng tác tiểu thuyết thôi, đố kỵ càng không che mờ được sự thật, có chửi có đe cũng chẳng được tích sự gì, có nhờ vào những lời bình phẩm tán tụng của những "bình luận gia" cũng chẳng qua là thêm vào đó một "miếng đậu phụ khô" mà thôi, nhưng độc giả đâu phải là người ngốc nghếch để đến độ bị lừa! Văn học cũng được mà điện ảnh cũng xong, cuối cùng cũng đều biến thành thương phẩm; nhưng trở thành một thương nhân văn học thì không được, thương nhân điện ảnh thì có thể. Mấy năm gần đây trên văn đàn tôi đã gặp nhiều hổ báo sói lang, nếu không kịp đề phòng sẽ dễ dàng bị cắn cho một miếng chí mạng, cho nên phát ngôn lúc nào cũng phải cẩn thận dè chừng. Do vậy mà gặp được những anh hào trên văn đàn hay phim đàn chẳng có chút phong độ thương nhân, không thềm điểm trang để biểu diễn mà lại hồn hậu như "cây cao lương đỏ trên cánh đồng phương bắc" như Trương Nghệ Mưu, từ trong đáy lòng tôi đã hình thành nên một niềm tôn kính.

Trong cuộc "hội đàm" chóng vánh ấy, tôi nói với Trương Nghệ Mưu: Nghệ thuật gia (tôi cao giọng thanh minh rằng, tôi chẳng phải là nghệ thuật gia gì cả, nhưng tôi cho rằng tiền đồ của Trương Nghệ Mưu là vô cùng xán lạn, đến trên tuổi ba mươi lăm - tức độ tuổi trung niên - anh ấy sẽ là một nghệ

thuật gia chân chính trong lĩnh vực điện ảnh) đều là những người chủ quan đến độ cực đoan. Trong đầu có những suy nghĩ chủ quan, có những theo đuổi xác định, cho dù có bị chửi bị phê vẫn phải đi trên con đường riêng của mình. Do vậy, truyện của tôi mà chuyển thể thành kịch bản phim, đối với tôi mà nói, nó chỉ có ý nghĩa trên phương diện trả tiền nhuận bút, anh hoàn toàn có thể đập một chiếc lò khác cho riêng mình. Anh muốn cho “ông tôi”, “bà tôi” thử bom nguyên tử trên mảnh đất trồng cao lương cũng không sao, không quan hệ gì đến tôi, không những không quan hệ mà tôi còn vỗ tay hoan hô dũng khí của anh. Quay xong phim mà thành công, vinh quang thuộc về phần Trương Nghệ Mưu anh, không thành công thì cũng chỉ là nỗi hổ thẹn của riêng Trương Nghệ Mưu anh. Trương Nghệ Mưu đã nói là, anh ấy rất khoái cái chất lãng mạn khoáng đạt, không câu nệ tiểu tiết, dám giận dám yêu dám giết người đốt nhà dám chửi... nói chung là dám đủ thứ của những nhân vật trong truyện của tôi. Anh ấy cho rằng, chúng ta không thể giống như những con người chỉ biết “ngồi nghe bà nội kể chuyện bí tráng anh hùng của những con người cách mạng”, không khóc nổi nhưng vẫn đưa tay chùi nước mắt quệt mũi như xưa nay nữa. Anh ấy còn nói là sẽ khai thác cho kỳ được “cái thần” của cây cao lương...

Trương Nghệ Mưu ra về, tôi đưa anh ấy ra đến cổng. Như bước ra khỏi một chiếc hang chuột, ánh nắng tháng tám chan hòa đến nhức mắt. Đứng nhìn theo Trương Nghệ Mưu, tôi thấy chân anh ấy hơi khập khiễng, sau này đọc những bài viết của Tân Gia Pha, tôi mới biết là chân anh ấy được dùng đinh nẹp lại, nghe đầu thi thoảng vẫn còn những dòng máu màu lam rỉ ra.

2. Trên mảnh đất cao lương Đông Bắc Cao Mật

Tháng sáu tháng bảy năm nay, Trương Nghệ Mưu gửi đến cho tôi một tờ điện báo, hy vọng tôi trở về Cao Mật để giúp anh ấy tìm gặp những lãnh đạo địa phương nhờ họ giúp đỡ. Nói thật lòng, ban đầu Trương Nghệ Mưu chọn ngoại cảnh là vùng Đông Bắc Cao Mật, tôi bày tỏ thái độ phản đối đối với quyết định này. Thứ nhất, cảnh vật Đông Bắc Cao Mật đã thay đổi quá nhiều, mảnh đất trồng cao lương mà tôi miêu tả trong “Cao lương đỏ” lại là cảnh vật tồn tại từ thời thanh niên của ông nội tôi, tôi chưa hề trông thấy bao giờ, những cây cao lương đỏ như lửa trắng như lau chính là do tôi tưởng tượng ra, là cảnh trong mộng, là phần mộ huy hoàng của linh hồn tôi. Họ không cần phải đến Đông Bắc Cao Mật để quay cảnh cao lương, quay cái gì ở đấy nữa? Đương nhiên là vẫn có thể trồng. Thứ hai, trong truyện tôi đã viết như thế này: Đông Bắc Cao Mật là vùng đất anh hùng nhất, hảo hán nhất, ngu ngốc nhất. Mấy năm gần đây, theo đà phát triển không thể ngăn trở, kinh tế hàng hóa đã xâm nhập vào đời sống nông

thôn, cái chất thuần phác đôn hậu, yêu chuộng nghĩa khí, hào hiệp của tổ tiên đã giống như một xu tiền đồng lưu hành lâu ngày đã mất đi vẻ sáng loáng ban đầu, mà thay vào đó là một thứ màu đen xỉn hoặc xanh xanh của đồng gỉ. Tất cả đều phải có tiền, liệu các anh có bao nhiêu tiền?

Ngoài ra, nhân vì để phản đối sự tự do hóa của giai cấp tư sản mới, mùa xuân năm nay tôi đã viết bài “Ánh sáng Cao Mật” đắc tội với một số người. Những con người đáng yêu ấy lại đặt chuyện rằng, tôi bị giam vào nhà tù, ngày nào cũng ngồi trên ghế điện, bị ngâm trong tương ớt... Bố mẹ tôi vốn bé gan, lại ngại chuyện phiền phức, nghe những tin ấy sợ đến độ nuốt không nổi cơm, ngủ không yên giấc. Bố tôi ngày ngày ngồi ôm chiếc radio để nghe chương trình phát thanh của Đài phát thanh Trung ương nhưng trong lòng vẫn nơm nớp lo sợ rằng một ngày nào đó sẽ nghe được tin tôi bị lôi ra Ngọ môn chém đầu răn chúng (đúng là bố tôi quá hồ đồ, lấy thủ cấp một thằng tiểu tử như tôi sao lại khiến cho Đài phát thanh Trung ương quan tâm được chứ!). Trong tình hình này, tôi về Đông Bắc Cao Mật thì liệu có giúp được gì cho đoàn làm phim và cho Trương Nghệ Mưu?

Sau đó tôi lại nghe nói rằng, Công ty điện ảnh của huyện Cao Mật lại muốn duyệt kịch bản phim của chúng tôi, nghe xong mà tôi dở khóc dở cười nhưng cũng mừng thầm là mình cũng xem thấu được bộ mặt thật của thể thái nhân tình. Tôi không muốn nói những lời không hay về quê hương, bởi vì bất cứ địa phương nào cũng đều như thế cả mà thôi. Cũng chính vì lúc ấy đang đúng mùa gặt rất bận rộn ở quê nhà, ở đấy đang cần nhân lực lao động, tôi đắn đo một thời gian nhưng cuối cùng cũng khăn gói trở về Cao Mật.

Trong thời điểm ấy, vùng Đông Bắc Cao Mật đang gặp đại hạn hán, mấy tháng liền chẳng có lấy một giọt mưa, ngay cả những cây cổ thụ cũng đứng gục đầu ủ rũ trong cái nắng như thiêu như đốt, những chiếc lá úa vàng đóng một lớp bụi dày, hướng hồ là cây cao lương. Những hương thân phụ lão bị cái nắng hành hạ đến độ mặt mày đỏ sạm, ai ai cũng cau mày nhú mắt, ai ai cũng trở nên chậm chạp và lụ khụ, hình như não tủy của họ cũng đã bị khô kiệt cả rồi.

Người trong gia đình trông thấy tôi vẫn sống và quay về thì vui mừng khôn xiết, những tin tức về tôi ngồi ghế điện, bị ngâm trong nước ớt tự nhiên cũng không cánh mà bay đi đâu mất. Bố buồn phiền và lo lắng khuyên tôi "giải giáp quy điền" bởi vì ông cho rằng "ngọc nát chẳng bằng ngói lành". Ông bảo buôn bán hàng nghìn hàng vạn chẳng bằng bám vào mảnh đất quê hương. Tôi hoàn toàn tin rằng, lời bố rất có lý có tình, nhưng tôi lại không hề muốn ôm lấy một mảnh đất khô, cuộc sống điền viên tươi đẹp chẳng qua chỉ tồn tại trong tưởng tượng của những vương tôn công tử ăn thịt uống rượu no say mà thôi, thực ra thì cuộc sống ở nông thôn tàn khốc đến độ không tưởng tượng được, thân phận của một kẻ làm nông dân như thế nào thì những vương tôn công tử kia không thể nào tưởng tượng ra được. Đương nhiên cũng có những người hiện đại có nhả hứng thực sự với cảnh điền viên nhưng số lượng những con người chân chính này quá ít; còn lại chỉ toàn là những kẻ "ăn được miếng thịt cừu tươi bèn ước ao mình trở thành nông dân" xốc nổi nhất thời chiếm tuyệt đại đa số. Cũng giống như những quý tộc chân chính trên đời này không nhiều, phần lớn chỉ là ngụy quý tộc, chuẩn hóa quý tộc, học đòi quý tộc... Những kẻ này

xét về phong độ có khi còn tỏ ra cao quý hơn nhiều so với những quý tộc chân chính, nhưng chẳng qua đó cũng chỉ là một sự tráit phẩn tô son, đến một lúc quan trọng nào đó thì bản chất của một tiểu thị dân - lưu manh và vô lại - mới thò ra. Đây chính là những kẻ phá hoại thanh danh thực sự của những quý tộc chân chính.

Tôi đã đi quá xa vấn đề rồi. Về đến nhà thì đã nghe rằng những người trong xưởng làm phim Tây An cũng đã đến. Diễn viên Khương Văn đã từng là diễn viên chính trong các bộ phim nổi tiếng như “Thị trấn Phù Dung”, “Hoàng đế cuối cùng” cũng đã đến nhưng Trương Nghệ Mưu và nữ diễn viên chính Cung Lợi và nhiều người khác vẫn chưa có mặt.

Không biết vội vàng vì điều gì, tôi vọt lên xe đạp cầm đầu cầm cổ đạp thẳng đến Tôn Gia Khẩu cách làng chúng tôi khoảng mười dặm Trung Quốc. Đúng là trên mảnh đất Tôn Gia Khẩu này năm ấy đã diễn ra một trận phục kích kinh thiên động địa. Trương Nghệ Mưu đã bỏ ra đến gần một vạn nhân dân tệ để thuê bà con ở đây trồng mấy mẫu cao lương từ trước.

Vừa đặt chân lên trên chiếc cầu đá nhô tôi đã muốn khóc. Toàn bộ cao lương đang sống dở chết dở, cây cao lắm cũng chỉ khoảng một mét, cây thấp chỉ độ vài gang tay, lá cao lương cuộn lại cong queo, trên mặt lá bám đầy những loài sâu ăn lá, ngay cả bọ sâu bọ này cũng đã chết gần hết, số còn lại thì đang sống dở chết dở. Xác những con đã chết rơi xuống đầy bàn chân khi tôi bước ngang qua. Không xong rồi, đại ca Trương Nghệ Mưu lần đầu tiên làm đạo diễn đã không may, gặp phải vận đen rồi.

Sáng hôm sau thì Trương Nghệ Mưu và mọi người đã đến đông đủ. Tôi vội vàng vàng chạy đến nhà khách huyện để gặp họ. Những câu nói đầu tiên là bàn về những mảnh ruộng cao lương gặp hạn, bàn về một tác giả văn học như tôi đã đem đến cho họ những điều không vui và không may. Nhưng Trương Nghệ Mưu lại khuyên giải tôi, nói: Họ đã có những chuẩn bị sẵn sàng cho việc khắc phục khó khăn, họ không sợ khó sợ khổ. Họ cần gặp huyện ủy, họ cần phân bón, họ cần nước... Họ đã sẵn sàng chai mặt để van nài các quý ông quý bà ở đây giúp đỡ.

Ngày hôm sau nữa, mây đen đầy trời. Trương Nghệ Mưu nói anh ấy đã tìm được đồng chí lãnh đạo cao nhất huyện, vị này đã phê chuẩn xuất năm tấn phân bón. Vị này còn triệu tập một cuộc họp khẩn cấp những lãnh đạo các làng các xã có tham gia trồng cao lương, yêu cầu họ đưa việc chăm sóc những mẫu cao lương này trở thành “nhiệm vụ chính trị trung tâm” trong công tác trước mắt, điều này cho thấy vị lãnh đạo này rất nể trọng đoàn làm phim và cá nhân Trương Nghệ Mưu. Tôi đã bị cảm động bởi việc làm chí công vô tư này của vị lãnh đạo huyện ủy nọ nên hùng hồn tuyên bố, nếu kinh phí của đoàn làm phim quá căng thẳng, tôi tự nguyện dùng số tiền nhuận bút của mình để mua phân bón cho đoàn. Nghe thấy tôi nói thế, Trương Nghệ Mưu đã cười.

Ngay buổi sáng hôm ấy, trời bắt đầu mưa lất phất. Tôi lẩm rầm trong miệng: Ông trời đáng kính đáng thương! Mưa đi, mưa cho lớn vào... Tôi mượn chiếc xe đạp của một cố nhân đạp thẳng đến Tôn Gia Khẩu, tìm đến tận nhà bí thư chi bộ thôn nói cho một hồi, đại ý là muốn bà con ở đây hãy tích cực giúp đỡ đoàn làm phim rải phân lên ruộng cao

lương, đừng để cho những người ở nơi khác đến đánh giá là nông dân Đông Bắc Cao Mật chúng ta bụng dạ hẹp hòi, chỉ biết đến cái lợi nhỏ mà không nghĩ đến cái lợi cao hơn. Lúc ấy mưa đã bắt đầu nặng hạt, chúng tôi cho xe chở phân dừng lại trên cầu, đứng trên cầu nhìn xuống tôi có cảm giác là cây cao lương hình như đã bắt đầu phục hồi sinh khí. Tiếng mưa đập vào lá cao lương khô quắt khiến chúng vang lên những âm thanh xào xạc dễ làm lòng người sinh cảm giác thê lương.

Tôi quay về đến nhà thì trời đã xế chiều. Mẹ tôi chiên hai quả trứng để tôi và bố nhấm rượu. Tôi nhận ra mùi vị của rượu có gì đó là lạ, không giống như rượu bà con vẫn thường nấu mà có lẽ là cồn công nghiệp pha chế. Tôi nói với bố về cảm nhận của mình, ông bảo chai rượu này là ông mua từ cửa hàng Nhà nước về, lẽ nào người Nhà nước và cửa hàng Nhà nước lại đi lừa nhân dân? Tôi không muốn nói thêm về chuyện này nữa, có lẽ là tôi cố tình để cho thánh địa của lòng trung thành đối với Nhà nước, đối với Đảng so ra còn nặng hơn cả vô số đảng viên cộng sản của bố tôi còn có lý do mà tồn tại nhưng trong lòng tôi thì đang léo nhéo: Đừng nói là những cửa hàng ở Đông Bắc Cao Mật này mà ngay cả trên sạp hàng của những cửa hàng quốc doanh ở Bắc Kinh có mấy mặt hàng không phải là đồ giả mạo?

Tôi và bố uống rượu và ngắm bầu trời trong cơn mưa mỗi ngày mỗi to, nước trên mái nhà chảy xuống ào ào, trong sân nước lên cả tấc. Hoan hô ông trời! Bố tôi cũng rất hưng phấn khi nhìn thấy trời mưa nên trên mặt lại có thêm mấy nếp nhăn nữa. Tôi và bố cứ ngồi như thế giây lâu, không ai muốn nói câu nào vì sợ phá vỡ phút giây đón mưa tuyệt vời này.

- Tốt quá! Không phải nằm trong lò lửa nữa rồi! Ông trời quả có mắt! - Cuối cùng thì bố tôi cũng lên tiếng.

- Tốt quá! Trương Nghệ Mưu! Đúng là anh có phúc khí!
- Đây là lời của tôi. Nói xong tôi quay sang bố hỏi: - Bố, liệu những đám cao lương có phục hồi lại kịp không?

- Gặp trời mưa thế này mà lại bón kịp phân, cao lương sẽ nhỏ gốc lớn lên cho mà xem!

- Con không tin là chúng có thể lớn nhanh để kịp quay phim!

- Hoa màu cũng có những thời kỳ phát triển kỳ dị. Hạn hán lâu ngày lại được gặp mưa, sức tăng trưởng của nó tăng gấp đôi! Ông nội anh đã từng nói, ban đêm đứng trong ruộng cao lương có thể nghe thấy những âm thanh sinh trưởng của chúng, ào ào, tí tách...

- Mưa đi, mưa thêm một đêm nữa!

- Nói bậy! Mưa thêm một đêm nữa thì lụt mất!

Mấy tháng hạn hán nhưng chỉ hai ngày mưa là úng lụt, đây chính là khổ nạn truyền đời, cũng là đặc điểm của vùng Đông Bắc Cao Mật. Tổ tiên chúng tôi vì sao lại chọn vùng đất khắc nghiệt này mà định cư? Tại sao chúng tôi lại không di cư? Vì sao lại có không biết bao nhiêu người lại bôn ba về đến tận Quan Đông sinh sống nhưng khi sắp chết lại quay về đây, chọn lấy một nắm đất trên ruộng cao lương hai bên bờ Giảo Hà mà vùi nắm xương tàn? Tại sao tôi đã ném trái không biết bao nhiêu là khổ nhục ở trên mảnh đất này, nhưng lại hy vọng mình lại được vùi xác trên ruộng cao lương sau khi chết bên cạnh ông cố bà cố, ông nội bà nội, ông nội ba

bà nội ba, chú Tam chú Tứ, những đứa cháu đã mất của tôi? Trên những phần mộ của chúng tôi cỏ dại sẽ mọc đầy, đất cao lương đang chờ đợi chúng tôi... Lúc này tuy không còn cao lương nữa, nhưng mấy mươi năm trước, những cây cao lương nhô đầu lên khỏi mặt nước lũ, con người lẫn trâu bò ngựa dê tụ tập trên mặt đê ngắm vọng mặt nước mênh mông, và tất cả những cảnh tượng bị ánh nắng tà chiều rọi thành một màu đỏ... Tất cả đều hiển hiện trong đầu tôi như những cảnh mộng...

Đến chiều tối thì cơn mưa đã dứt. Tôi vội vàng chạy đến hợp tác xã cung tiêu gọi điện đến nhà khách huyện gặp Trương Nghệ Mưu. Tôi gào trong máy: Nghệ Mưu! Chúc mừng cơn mưa, chúc mừng anh! Trương Nghệ Mưu cũng hét: Chúc mừng! Tôi nói: Bố tôi bảo, chỉ còn bốn phân đầy đủ, chỉ mười mấy ngày sau là cây cao lương sẽ cao quá đầu người! Mỗi ngày đi qua chúng sẽ lớn với tốc độ nhân đôi! Trương Nghệ Mưu nói: Thế à?

Tôi có cảm giác cuộc điện thoại của mình trở nên thừa nhưng trong lòng tôi vẫn hưng phấn đến độ phát run.

Sau đó thì tôi quay lại nhà khách huyện. Trương Nghệ Mưu đưa kịch bản phim cho tôi đọc. Tôi xem xong, có cảm giác là kịch bản tình giản rất nhiều so với truyện của tôi, nhưng điều làm tôi bất phục nhất vẫn là Trương Nghệ Mưu đã giải thích những quan hệ vô cùng phức tạp của gia tộc chúng tôi trong "Gia tộc cao lương đỏ" một cách tường tận - Đây là một vấn đề khó mà trong truyện của mình tôi mới giải quyết được một nửa, nửa còn lại Trương Nghệ Mưu đã giải quyết. Trương Nghệ Mưu còn yêu cầu tôi đọc kỹ kịch

bản, có chỗ nào không vừa ý thì sửa vẫn còn kịp. Tôi đọc đi đọc lại đến bốn năm lần nhưng chỉ đề nghị sửa đổi mấy câu ca từ và trong một vài trường đoạn có gộp một vài ý kiến nhỏ.

Trên thực tế, một đạo diễn tài ba về căn bản không cần phải có biên kịch. Nói cách khác, biên kịch chỉ có thể cung cấp cho nhà đạo diễn tài ba một số những tài liệu có liên quan mà thôi, đương nhiên nói như thế không có nghĩa là tôi hạ thấp vai trò của nhà biên kịch.

Lúc này thì mọi chuẩn bị đã đâu vào đó, chỉ còn chờ bấm máy. Trong lúc nhàn rỗi, tôi mời một số đồng chí trong đoàn về nhà tôi thăm chơi mặc dù trong lòng tôi rất muốn mời toàn bộ đoàn làm phim đến nhà. Khi tôi đem chuyện này thông báo cho người nhà, tất cả mọi người đều rất phấn khởi nhưng bố tôi thì không tỏ thái độ gì, lẳng lặng vác cuốc ra đồng, tới mịt mới trở về. Lúc nào bố cũng khuyên tôi cẩn thận, không nên quá xúc nổi, nếu không sẽ gặp tai họa trong đời. Tôi đang cố gắng làm theo lời khuyên của bố. Buổi sáng hôm sau, thím tôi bận bịu với việc làm loại bánh cuốn đặc sản của địa phương, vợ tôi thì từ mờ sáng đã đi chợ mua sắm. Mười giờ rưỡi, một chiếc xe đỗ lại trên sân phơi thóc nhà tôi, Trương Nghệ Mưu, phó đạo diễn Tiểu Dương, "bà tôi" Cung Lợi, "ông tôi" Khương Văn, quay phim Tiểu Cố và một số người nữa bước xuống xe, một đám đông bà con làng xóm vây lấy đoàn người mặc áo vải thô và trọc đầu này. Sau này anh hai tôi bảo trông thấy bộ dạng chân đất của đoàn người này, anh ấy cũng có thể làm diễn viên. Tôi bảo anh có thể sắm vai quần chúng hoặc anh lính Ất lính Giáp cũng được.

Tôi sẽ giới thiệu một tí về loại bánh biện - tức bánh cuốn của quê hương tôi: Bột mì trắng nhào cho nhuyễn rồi dùng một vật tròn (như chai rượu) cán ra thật mỏng, bỏ vào chảo rán chín, sau đó dùng trứng gà luộc chín làm nhân, cho một ít muối, hành rồi cuốn lại thành những cuốn riêng là có thể ăn được. Đây là loại lương thực chủ yếu của những tay thổ phỉ trong xã hội cũ, muốn ăn được nó cần phải có đôi hàm răng thật chắc khỏe, hơi khó tiêu gây cảm giác no lâu. Anh em trong đoàn rất tự nhiên như người trong làng, cứ ngồi bệt xuống sàn nhà mà ăn bánh cuốn. Khương Văn ăn nhiều nhất, lại còn bê cả tô canh ớt cay xè lên húp soàn soạt. “Bà nội” Cung Lợi ăn mà chẳng có vẻ hào hứng gì, cô ấy nói hai đầu của bánh cuốn không có trứng nên không ngon. Ngày ấy Cung Lợi mặc một chiếc quần vải thô buộc ống lại bằng một sợi dây, mang dép lê. Mẹ tôi than thở: Một cô gái đẹp như vậy tại sao lại hóa trang chẳng thành bộ dạng gì cả thế này, các người chỉ là một lũ trứng rùa!

Cung Lợi muốn mang về cho Đậu Quan một ít bánh cuốn. Khi cô ấy đang cuốn bánh thì Khương Văn đứng dậy đi vào nhà trong, quỳnh quáng thế nào mà đá phải phích nước sôi. Chỉ nghe một tiếng “bụp”, phích nước vỡ tan, mảnh thủy tinh bắn đến tận chỗ Cung Lợi đang ngồi cuốn bánh và rơi vào chiếc bánh cô ấy đang cuốn trong tay. Khương Văn không bị bỏng là may nhưng trông anh ấy có vẻ khó xử, tôi nói: Đây là điềm lành, chắc chắn là bộ phim của chúng ta sẽ là một tiếng bom nổ giòn giã trong đời sống điện ảnh tương lai!

Chiếc bánh trên tay Cung Lợi không thể dùng được bởi tôi sợ mảnh thủy tinh sẽ chui vào bụng của Đậu Quan - “bố

tôi”. Tôi chợt nghĩ đến nhân vật thuộc giai cấp phản cách mạng Tiền Thủ Duy đã lén lút trộn mảnh thủy tinh vào trong bánh bao để cho Phương Hải Trân ăn vào bụng suốt nguy đến tính mạng trong vở kịch cách mạng “Hải cảng” - Sau này cuốn bánh này đã bị bố tôi ăn nhưng tuyệt đối không phải bố tôi là người keo kiệt bủn xỉn đâu - “Bà tôi” đã cuốn cho “bố tôi” một cuốn khác.

Mấy hôm trước, Trương Nghệ Mưu đã ghé thăm nhà và chụp cho mẹ tôi vài kiểu ảnh. Mẹ tôi nói, thằng bé này thật tốt, không hề phân biệt là nhà nghệ thuật với nông dân. Tôi nghĩ lời bình giá này của mẹ tôi rất có giá trị và thành thật chia vui cùng Trương Nghệ Mưu.

Tôi chụp ảnh chung với “ông tôi” và “bà tôi”. Vì trong tác phẩm, ông nội tôi thường cưỡi trần thân trên nên “ông tôi” Khương Văn và tôi cùng cưỡi áo, tôi phát hiện thân thể Khương Văn thật cường tráng, bắp thịt săn chắc, còn tôi mỡ ơì là mỡ. Khương Văn và Cung Lợi mỗi người ôm một bên vai tôi. Sau khi in ảnh ra, đồng chí phụ trách việc in ảnh cười trêu tôi: Cứ nghĩ là “bức trường thành bằng thép” không bao giờ nghiêng chứ nhỉ? Thì ra trong ảnh, tôi đứng hơi nghiêng người về phía Cung Lợi, cười đến độ răng chìa cả ra ngoài, trông khó coi vô cùng. Lúc ấy tôi chỉ biết chống chế: Cung Lợi bám quá chặt khiến vai tôi bị tê dại, tôi không phải do tôi! Tấm ảnh ấy đã bị thất lạc, lâu nay tôi vẫn có ý đi tìm, cho dù phải bỏ ra mấy đồng để mua lại từ ai đó tôi cũng cam lòng, mua để mà đốt!

Ngày bấm máy quay vào trung tuần tháng tám, bà con khắp nơi ăn mặc chỉnh tề xanh xanh đỏ đỏ đổ về trường quay tò mò xem người ta đóng phim. Tôi công con gái trên vai đứng từ xa quan sát, trông thấy Khương Văn cúi đầu ủ rũ ngồi im

trên cầu, còn Cung Lợi thì sắc mặt trắng nhợt đang bấu vào một cây cao lương. Bà con đứng xem thăm thì với nhau: Nóng bức thế này mà bắt con gái người ta mặc áo bông quần bông. E rằng cô gái xinh đẹp kia sẽ chết mất thôi! Đúng là làm chuyện gì cũng chẳng dễ dàng chút nào. Cũng có người nói oang oang: Thằng Mạc Ngôn chả ra làm sao cả. Ngay cả ông bà nội nó cũng bị nó làm nhục kia kia! Tôi không bức mình, chẳng phải là năm nay trong cao trào “phản đối tự do hóa” đã có một số người được xem là “nhà nghệ thuật” trong những đoàn văn công nổi tiếng ở Bắc Kinh đã từng tuyên bố: Hấn ta tự nguyện lột sạch quần áo của bà nội mình để cho người Nhật Bản hiếp dâm... đó sao? Những kẻ ngu ngốc văng ra những lời thối hơn cứt chó như vậy mà tôi không hề nổi giận, huống hồ là với những lời bình luận vô tư của những người thân của tôi vốn không phải là “nghệ thuật gia” gì cả!

3. Lò nấu rượu trong mộng

Cao lương đỏ của vùng Đông Bắc Cao Mật làm thế nào để trở thành một thứ rượu cao lương thơm lừng? Đúng là tôi không thể biết được, nhưng tôi được một số người già đã từng làm việc trong những lò nấu rượu giải thích sơ bộ cho, cũng tham khảo một số tư liệu có liên quan (tôi đã photo những tài liệu này tặng cho Trương Nghệ Mưu), do vậy mà tôi cũng có chút ít kiến thức về nó.

Sau khi từ Cao Mật quay trở lại Bắc Kinh, tôi được biết Trương Nghệ Mưu đã dẫn đội quay phim đến Ninh Hạ quay cảnh nấu rượu. Có một đêm, trong mộng tôi thấy mình gặp Trương Nghệ Mưu trong lò nấu rượu. Mấy hôm nay xem xong bộ phim mới thấy cảnh tượng trong lò nấu rượu sao mà giống với cảnh trong mộng của tôi! Thành thật chúc mừng những nhà quay phim tài ba!

4. Những cảm tưởng linh loạn

Tôi cho rằng, giữa tiểu thuyết và điện ảnh vẫn có một mối liên hệ nội tại, do vậy mà khả năng chuyển thể từ tiểu thuyết sang kịch bản điện ảnh là rất lớn. Kịch bản điện ảnh mà trung thành tuyệt đối với nguyên tác là rất khó, nhưng lấy nguyên tác làm cơ sở rồi thông qua những kỹ thuật riêng của nghệ thuật điện ảnh để khơi gợi ở người xem một khoái cảm thẩm mỹ mới là điều hoàn toàn có khả năng. Một bộ tiểu thuyết hay luôn luôn mang tính đa nghĩa, do vậy mà khi đặt vào tay những đạo diễn khác nhau sẽ có những bộ phim khác nhau; cũng giống như cùng sử dụng một chiếc dương cầm độc tấu cùng một khúc nhạc, nhưng dưới ngón tay của những người chơi đàn khác nhau sẽ có những khúc nhạc khác nhau là không nghi ngờ gì nữa. Lời nói mà, không nên nghi ngờ gì nữa, chẳng qua cũng chỉ là những lời thừa, càng ít nói càng hay.

Tôi đã từng phong cho mình cái tư cách của một khán giả bình thường để xem “Cao lương đỏ” của Trương Nghệ Mưu, cố gắng tránh chuyện đem bộ phim ra so sánh với truyện của mình, tất nhiên là rất khó khăn.

Không nghi ngờ gì nữa, bộ phim “Cao lương đỏ” chính là một thành công rực rỡ của Trương Nghệ Mưu, có thể nói là một thành công rực rỡ của điện ảnh hiện đại Trung Quốc. Tôi hoàn toàn tin tưởng người xem sẽ tán thưởng bộ phim này.

Nếu đứng ở lập trường của tác giả nguyên tác mà xét, đem cao lương đỏ như một biển máu của tôi biến thành cao lương xanh là một điều thực sự đáng tiếc, nhưng nếu đứng ở góc độ người xem mà nói, màu xanh bạt ngàn của cao lương như một biển sóng dâng trào, đầy sức sống, đầy huyền diệu và có một chút bí mật có thể khơi gợi ở tôi bao nhiêu là liên tưởng vượt ra ngoài hình hài thực tế, do vậy tôi chỉ có thể ca tụng cao lương xanh mà thôi.

Mùa hè ở Cao Mật, tôi cưỡi xe đạp chạy ra ngoài đồng, trên địa bàn thuộc huyện Giáo, tôi phát hiện ra một khoảnh cao lương xanh đang ngậm đồng. Khoảnh cao lương này rộng đến vài trăm mẫu, bằng phẳng như một tấm thảm xanh. Tôi đứng trên bờ đê, đúng lúc ấy, gió Tây Bắc nhẹ nhàng thổi tới, sau lưng tôi lại là bờ sông lau lách um tùm, tiếng ếch nhái râm ran trong mùa nước nổi, chim bay lượn vòng trên không trung hót vang. Thảm cao lương bạt ngàn trước mắt tôi rừng rừng đuổi theo nhau dưới những làn gió nhẹ, có khi đứng lại và múa những điệu luân vũ mềm mại đến tuyệt vời. Những làn sóng xanh uốn lượn chạy dần về phía tôi và chạy thẳng vào tâm hồn tôi. Cao lương đang

múa, cao lương đang hát những lời ca nỉ non khiến tôi ngỡ là chúng đang chia sẻ nỗi buồn trong tâm hồn tôi. Tôi cho rằng cao lương đang giao lưu với tôi, không bằng ngôn ngữ thông thường mà bằng ngôn ngữ của tâm hồn. Tôi cảm nhận được những cái vuốt ve vô cùng mềm mại của những cành lá cao lương lên linh hồn tôi. Đứng trên bờ đê, tôi chỉ muốn khóc, nhưng tiếng khóc không thể nào bật ra được - Đúng lúc ấy, chính là lúc chiều tà, khi ánh mặt trời đỏ như lửa ôm trùm lấy thảm cao lương xanh, khiến cho nó thêm vẻ thần thánh và tráng lệ thì Trương Nghệ Mưu cùng với những cộng sự đang loay hoay tìm cảnh quay trên một mảnh cao lương ở Tôn Gia Khẩu. Tôi nghĩ, mai này nếu trong phim tôi có thể tìm thấy được cảm giác như tôi đã có được trên chính mảnh đất này, thì đó là một thành công đáng nể của Trương Nghệ Mưu. Vì chính anh ấy đã không làm tôi thất vọng.

Lúc nào tôi cũng nghĩ, cao lương trong truyện của tôi là một linh hồn bất khuất, tôi hy vọng phim của Trương Nghệ Mưu sẽ có được những hình tượng cao lương tượng trưng, có linh hồn và có sinh mệnh khiến cho mệnh vận của "ông tôi", "bà tôi" cùng với chúng quện chặt lại với nhau. Điều này về cơ bản Trương Nghệ Mưu đã thành công. Nhà quay phim Cố Trường Vệ đã cống hiến một cách xuất sắc trong những thành công của Trương Nghệ Mưu, đồng thời Cố Trường Vệ cũng đã nhân đó mà mang lại vinh quang cho mình - nhất định sẽ là như vậy.

Có mấy cảnh khiến người ta không thể quên được trong phim:

1. Chiếc kiệu chồng chành

Trong rất nhiều bộ phim, cảnh khiêng kiệu xuất hiện khá nhiều, khá phổ biến nhưng để quay được cảnh khiêng kiệu đầy ý vị và nhiều sắc thái tình cảm như trong phim “Cao lương đỏ” thì không nhiều lắm. Con đường gập ghềnh, bụi vàng mù mịt, tiếng kèn đồng thê lương, những điệu nhảy điên cuồng... suy cho cùng có ý nghĩa gì? Đoạn này rất dài nhưng người xem không hề thấy chán, thấy đủ chính là vì nó biểu hiện được cuộc đời không hề bình thường của “bà tôi”.

2. Hợp hôn trên đồng nội

Khi “ông tôi” cướp “bà tôi” chạy vào cánh đồng cao lương, ném “bà tôi” lên chiếc “giường cưới” lót lá cao lương thì “bà tôi” nhìn thẳng lên bầu trời xanh thăm thẳm trong khi trên thân hình bà là một bộ quần áo cô dâu màu đỏ, thân thể bà nằm theo hình chữ “đại” (大). Cây cao lương che phủ chiếc giường tân hôn, biến nó thành một chiếc đàn tế thần thánh. “Ông tôi” từ từ quỳ xuống trước đàn tế ấy... Cao lương xanh đen nhảy múa quay cuồng chẳng khác nào hàng vạn tinh linh đang hướng lên trời xanh kêu gào. Âm nhạc thê lương, tráng lệ... Trường đoạn này càng làm tăng thêm tính thần bí nhưng nồng nàn, dễ dàng kích động nhân tâm khiến cảnh ái ân giữa “ông tôi” và “bà tôi” trở nên cao thượng vô ngần. Trường đoạn này có màu sắc bi kịch, còn âm nhạc thì như những chiếc chùy thúc thẳng vào trái tim con người.

Có một người bạn cùng xem bộ phim với tôi nói là nên để cho “ông tôi” cởi áo của “bà tôi”, nên để lộ nửa bầu ngực của “bà tôi” thì hay hơn. Tôi bảo: Kiểu cởi áo và để cho nửa

bầu vú thoáng hiện là rất thông thường, tôi còn muốn “ông tôi” lột sạch quần áo của “bà tôi” để cho nhục thân đẹp đẽ, thuần khiết ấy đối diện với muôn ngàn đôi mắt của đất trời! Anh bạn kêu lên: Không được! Tôi nói: Đúng là không được, nhưng có ai đó trông thấy “bà tôi” không còn mảnh vải che thân, nằm trên đài tế thần mà có suy nghĩ lung tung đầy chất nhục dục, thì kẻ đó chính là loài súc sinh!

Quả là đáng tiếc!

Quan hệ tính giao của con người có khi lại là quan hệ về mặt tâm hồn, là hướng về Thượng đế mà sám hối, nhưng nhiều khi lại không phải như thế.

Những lời khác không tiện nói ra đây.

3. Tế Thần Rượu và tế thần La Hán

Hai trường đoạn này có cách tạo hình khá tương tự nhưng hàm nghĩa không hoàn toàn giống nhau, đoạn trước khôi hài, đoạn sau bi phẫn. Sức sống cuộn cuộn cũng như tình thần hy sinh giởi “kêu lớn lần cuối cùng” của dân tộc Trung Hoa có thể thấy ở những đoạn này.

Đã lâu lắm rồi, Trương Nghệ Mưu đã viết thư cho một vài anh em biên kịch chúng tôi, nói anh ấy đang đọc cuốn “Sức sống của bi kịch” và rất khâm phục cái tinh thần “thần rượu” trong cuốn sách ấy. Điều này cho thấy Trương Nghệ Mưu chịu ảnh hưởng rất lớn từ cuốn “Sức sống của bi kịch”.

Nói tóm lại, bộ phim này vừa có tinh thần lãng mạn vừa có sắc thái truyền kỳ, dã man và nhu mì thống nhất, hoạt kê và cao thượng thống nhất, khôi hài và nghiêm túc thống nhất. Nếu phải tìm chỗ chưa đạt thì tôi có thể nói: cần phải có

cánh lột da người mới đỡ nghiệm; cần phải có một cánh đồng cao lương hàng vạn mẫu, để Trương Nghệ Mưu và đội quay phim ngồi trên máy bay mà quay mới đỡ nghiệm.

Xin chân thành chúc mừng thành công của đoàn làm phim “Cao lương đỏ”. Thái độ hoạt động nghệ thuật nghiêm túc, tinh thần hy sinh chịu đựng gian khổ của các anh vĩnh viễn thức giục tôi. Tài hoa của các anh khiến tôi có một chút đố kỵ nhưng chủ yếu vẫn là khâm phục.

27-11-1987

Đầu trâu mặt ngựa

Linh tinh về Khương Văn

Để lý giải một con người, tôi viết bài viết nhỏ này. Nhưng qua thực tế đã chứng minh rằng, để lý giải một con người một cách cặn kẽ thì so với việc tự nắm tóc rồi nhấc thân thể mình lên khỏi mặt đất còn khó hơn gấp nhiều lần. Con người lúc nào cũng đứng ở một góc độ riêng, dùng tư tưởng, cách nhìn riêng để suy đoán tâm lý của người khác, từ đó mà rút ra những kết luận, tất nhiên những kết luận này cũng chỉ mang màu sắc cá nhân. Cũng có thể có những người cá biệt trong một hoàn cảnh cá biệt lý giải một cách chuẩn xác những hoạt động tinh thần của người khác trong một thời kỳ nhất định nào đó. Hoàn cảnh cá biệt này có được chăng qua là do

Thượng đế ân sủng mà ban cho, ngàn năm có một.

Tôi khó có thể nhận được sự ân sủng của Thượng đế, đặc biệt là khi đối diện với một con người đã từng nhận được sự ân sủng của Thượng đế.

Cách biểu thị sự ân sủng của Thượng đế đối với con người này thoát trông thì không bình thường nhưng cũng lại rất bình thường. Có lúc Thượng đế giơ cao đôi giày da nện vào tinh thần anh ta; cũng có khi Thượng đế ban cho vài gói kẹo để an ủi linh hồn anh ta. Yêu và hận giao thoa, ân tình và uy quyền đồng hành, quát mắng và khuyên nhủ, tàn khốc và mềm mỏng... hai thái cực của sự đối lập dung nhập thành một thể thống nhất trông chẳng khác nào một đồng xu kẽm trong con người anh ta.

Chúng tôi chỉ có thể dựa vào những suy đoán của mình để biết được khuôn mặt thời niên thiếu của một ngôi sao điện ảnh, mà thanh danh của anh ta đang làm chấn động thế giới điện ảnh không chỉ trong phạm vi Trung Quốc, mà cả nước ngoài. Trong những năm sáu mươi, thời của cái đối triền miên bám đuổi con người, khuôn mặt của những đứa trẻ sơ sinh tuyệt đại bộ phận đều giống mặt những con mèo rách, trên cái mặt vừa gầy vừa dài ấy lại cắm một đôi vành tai to tướng... Đại khái đó là những nét phác họa về khuôn mặt thời niên thiếu của ngôi sao điện ảnh đương đại. Tôi chưa hề có cuộc gặp gỡ chính thức nào với Khương Văn, thậm chí cũng không biết một cách chính xác là anh ta sinh năm sáu ba hay sáu tư, chỉ nhớ một cách mang máng rằng anh ta đã từng nói có ông bố là một quân nhân. Anh ta sinh ra ở Đường Sơn, sau đó thì theo bố bốn ba trên khắp các

vùng nam bắc. Tôi cũng không biết ông bố của con người này cũng giống như những ông bố của những thiên tài khác, đã dùng hết tâm lực và học vấn của mình để hướng đạo cho con đi theo con đường xán lạn huy hoàng hay không nữa, chỉ nghe nói rằng mẹ anh ta là một người phụ nữ vô cùng mẫn tiệp, nhìn đời nhìn người rất sắc sảo và sâu sắc. Con trai thường học được ở mẹ nhiều điều, không còn nghi ngờ gì nữa, anh ta đã kế thừa được ở mẹ sự mẫn cảm và năng động, nhưng không hề kế thừa cảm giác về sự bé nhỏ của thân phận. Về cơ bản, cảm giác về mọi thứ của anh ta là rất hùng tráng, hào phóng và đầy màu sắc. Con người này già trước tuổi, khi những đứa con trai cùng thời với anh ta vẫn còn đang ngồi run rẩy trong những lời quát mắng của các cô bảo mẫu trong nhà mẫu giáo, thì anh ta đã dựa vào mấy chữ đại tự cứng đơ và thô như que củi đường hoàng bước chân qua ngưỡng cửa tiểu học để vào lớp một. Đó là năm chữ đại tự đã và đang thường xuyên thoát ra từ miệng của một dân tộc đông dân nhất trên thế giới: Mao Chủ tịch vạn tuế! Đến nay anh ta vẫn còn giữ được tấm ảnh mà anh ta cho là quý giá nhất trong đoạn đời đã qua của mình. Lúc ấy anh ta đang ở Đường Sơn, sau đó thì về Bắc Kinh, tiếp theo là đến Quý Châu rồi còn đi đâu nữa thì tôi không thể biết được. Anh ta tự nhận rằng khi đang mài đũng quần trên ghế của trường trung học, anh ta là đại biểu ưu tú nhất của lớp trong môn Anh văn, bây giờ cái vốn Anh văn bập bẹ của anh ta phần lớn là học được từ thuở ấy. Không cần phải tìm hiểu làm gì về khả năng diễn xuất của anh ta, bởi nó đã hình thành từ thời niên thiếu. Nói chung, đa số những con người sinh ra trong thời ấy đều có ít nhiều biểu diễn tiết mục này tiết mục nọ trên sân khấu tiểu học trung học, đương nhiên

anh ta càng không phải là một ngoại lệ. Khả năng đọc thuộc lòng có quan hệ mật thiết với chuyện anh ta đi học trước tuổi, nếu không như thế làm sao tồn tại và cạnh tranh được khi mà anh ta luôn luôn và lúc nào cũng là học sinh nhỏ người nhỏ tuổi nhất lớp, ngay cả cho đến bây giờ thì anh ta vẫn tỏ ra lão luyện, một sự lão luyện không tương xứng lắm với tuổi tác. Sau đó thì anh ta thi đỗ vào Học viện Kịch nghệ Trung ương, trong kỳ thi tốt nghiệp, anh ta cùng với một số bạn trong lớp hợp sức xây dựng một vở kịch nói. Tôi chỉ nhớ là anh ta đã nói là có tạp chí đăng ảnh của anh ta, lại còn giữ được bằng ghi hình trong lúc ấy nhưng tôi chưa hề xem qua. Tôi vẫn tin tưởng rằng rồi sẽ có một ngày có ai đó quan tâm điều tra một cách nghiêm túc về thời kỳ niên thiếu của anh ta, lúc ấy ắt sẽ có những chuyện ly kỳ hấp dẫn, ắt sẽ có những tình tiết có ý nghĩa tượng trưng được trình bày trong truyện ký về anh ta hoặc tự truyện của anh ta, có lẽ đến lúc ấy tôi cũng có thể xem được.

Lần đầu tiên tôi biết đến gương mặt "nghiêm trang như một pháp quan" của Khương Văn là ở ngay trên quê hương tôi - nhà khách của Ủy ban chính quyền huyện Cao Mật. Đó là mùa hè năm 1987, Trương Nghệ Mưu dẫn đoàn làm phim về đây để đóng bộ phim "Cửu cửu thanh sát khẩu" (sau này đổi tên thành "Cao lương đỏ").

Hình như chúng tôi đã có bắt tay nhau trong hành lang, một cái bắt tay không mấy nhiệt tình. Sau đó mấy ngày thì Trương Nghệ Mưu, Khương Văn, Cung Lợi cùng mấy người nữa về thăm nhà tôi ở Đông Bắc. Ngày ấy Khương Văn mặc áo cộc tay, một chiếc quần rộng thùng thình, một chiếc thắt lưng màu đỏ và một đôi giày rách đến thảm hại, còn đầu tóc

tất nhiên là trọc lóc, da đen nhẻm. Hình ảnh này hoàn toàn khác với một Khương Văn trong “Thị trấn Phù Dung”: mái tóc rẽ ngôi rất thẳng, tay cầm gậy chỉ huy dàn đồng ca... trong bữa ăn trưa thì bỏ rất nhiều trứng vào bánh cuốn. Sức ăn của Khương Văn rất tốt, trông chẳng khác nào Phan Khoái trong Hồng môn yến.

Em họ tôi trông thấy hỏi thăm:

- Anh à, phiếu lương thực hàng tháng đủ cho anh ta ăn không nhỉ?

Ăn cơm xong, anh ta lại đá vớ phích đựng nước sôi, mảnh thủy tinh bắn đầy lên quần áo anh ta. Tôi cho đó là điềm lành nên nói:

- Quá tốt! Đó là báo hiệu phim của chúng ta sẽ là một quả bom nổ tung trong đời sống điện ảnh tương lai.

Anh ta ra sân bậm môi trộn mắt phủi những mảnh thủy tinh vương trên áo quần.

Tôi không kể chuyện cái phích nước nữa, bây giờ tôi nói về chuyện “trả nợ”.

Sau đó mấy năm, tôi gặp lại Khương Văn. Lúc này anh ta không còn là Khương Văn của thời kỳ ăn bánh cuốn nữa, không nói về sự biến đổi ngoại hình, tôi chỉ quan tâm đến sự rộng rãi của một con người sau khi đã thành danh, cũng như sự tự tin vào tài năng của chính mình ở anh ta. Qua mấy lần ăn uống cùng nhau nhưng anh ta không hề cho tôi có cơ hội thanh toán khiến tôi thầm nề phục vì sự hào phóng, và qua đó chúng tôi trở nên thân thiết hơn. Không thể nói là tôi đã hiểu anh ta hoàn toàn nhưng tôi cũng cảm nhận được sự tuyệt vời

ở anh ta, đương nhiên tuyệt vời nhất vẫn là những vai diễn. Khương Văn trong cuộc đời như thế nào không phải là quan trọng lắm đối với người xem, vấn đề quan trọng là anh ta diễn như thế nào trong phim và trên sân khấu.

1. Cho dù Khương Văn rất thành công trong những vai diễn của mình trên sân khấu kịch nói Trung ương hay trong những bộ phim với một phong cách rất riêng, nhưng căn cứ vào truyền thống kịch nói Trung Quốc, chúng ta có thể thấy vai diễn của Khương Văn trên sân khấu có đôi chút khoa trương, có thể nói là “quá máu lửa”. Và anh ta đã đưa cách diễn ấy vào trong điện ảnh khiến người xem có cảm giác là không được hài hòa cho lắm.

2. Chọn Khương Văn đóng vai Phổ Nghi trong “Hoàng hậu cuối cùng” là một chọn lựa rất sáng suốt của đạo diễn. Có lẽ ngoại hình của Khương Văn rất giống Phổ Nghi là nguyên nhân đầu tiên để đạo diễn chú ý đến Khương Văn, nhưng chắc chắn đó không phải là nguyên nhân chủ yếu. Tên của bộ phim này khiến người ta nghĩ nó chủ yếu nói về nữ giới, nhưng sự thật là sau khi xem phim, do Khương Văn diễn quá xuất sắc nên chúng ta có cảm giác là nó chẳng thiên về nữ giới mà cũng chẳng ngã về nam giới, cân cân giữa hai lực lượng này là thăng bằng. Khương Văn đã diễn rất thành công vai vị hoàng đế cuối cùng - trang điểm lòe loẹt trông chẳng khác nào một con khỉ làm trò trên sân khấu cuộc đời. Sự thật lịch sử khẳng định, Phổ Nghi không phải là con người như trong vai diễn của Khương Văn, nhưng đừng quá quan tâm về chuyện ấy. Nếu có ai đó đã từng gặp mặt Phổ Nghi, đã từng biết Phổ Nghi sinh hoạt như thế nào trong cuộc sống đời thường, xem qua vai diễn của Khương Văn mà nhận ra đó là

một góc của Phố Nghi đã là một thành công. Tất nhiên đây chỉ là vai diễn mô phỏng mà chưa phải là sáng tạo, nhưng mô phỏng cũng là một cảnh giới nghệ thuật. Nghe đâu rằng, diện mạo của diễn viên đã đóng vai Lenin trong thời kỳ Liên bang Xô viết không giống Lenin, nhưng khi ông ta chống nạnh và ngẩng cao đầu đi trong hành lang của xưởng phim Matxcova thì đạo diễn vỗ tay nói: Đây chính là Lenin! Tinh thần của Lenin đã xuyên thấu những bức tường và hiển hiện ở khắp đường phố Matxcova. Như vậy, vai diễn này chủ yếu khai thác nhân vật về mặt tinh thần. Điều này không thể không khiến tôi cảm thấy tiếc nuối, trong những bộ phim đồ sộ của Trung Quốc những năm gần đây, diễn viên chúng ta đã quá lãng phí để chạy đua theo dung mạo và trang sức vẻ ngoài mà quên biểu hiện tinh thần của nhân vật, cũng quên mất dùng tình cảm và khí chất của mình để làm chủ vai diễn trong phim. Đường nhiên chuyện này cũng gặp không ít khó khăn. Giống hay không giống là cách nhìn nhận riêng của người xem, nhưng nhìn chung một diễn viên tài năng có thể làm cho cách nhìn nhận của người xem thay đổi. Chúng ta đã xem quá nhiều những vai diễn như những ngẫu tượng, diễn viên lúc nào cũng khoác cho mình bộ mặt của vĩ nhân nhưng tứ chi thì cứng đơ, thừa thãi. Đó là sự coi thường cười cợt người xem, cũng chính là sự thiếu tôn trọng đối với những vĩ nhân. Chẳng hạn, một diễn viên sắm vai Mao Trạch Đông, dung mạo chỉ cần na ná là được, điều cốt yếu là phải biểu hiện cho được khí chất anh hùng, tinh thần lãng mạn trong con người ông, đặc biệt là phải không còn dấu vết của bối cảnh phim mà phải tự nhiên như khi ông đang đi dạo phố. Thông qua hóa trang, Khương Văn cũng có thể sắm vai Mao Trạch Đông, tôi tin tưởng rằng đây sẽ là một Mao Trạch

Đồng bằng xương bằng thịt. Khương Văn và con người vĩ đại đang yên nghỉ trong chiếc quan tài bằng kính ấy có chỗ giống nhưng cũng có chỗ khác nhau, nhưng tôi tin rằng anh ta sẽ để lại ấn tượng chưa từng có đối với độc giả về hình tượng Mao Trạch Đông. Tôi đã ba lần viết về những suy nghĩ dưới đây của mình, đây là lần thứ tư: Giả sử tôi là đạo diễn, tôi sẽ đưa sự kiện Mao Trạch Đông vừa cởi áo bông bắt rận vừa bàn chuyện thế giới với phóng viên Mỹ ở trong hang động Diên An năm ấy lên phim. Đây chính là bản sắc của một đại anh hùng, là phong độ của một đại danh sĩ. Nếu Mao Trạch Đông mà giống như trên màn ảnh hiện đại thì vô vị quá. Tôi nghĩ, rồi sẽ có một ngày ai đó sẽ tái hiện tinh tiết hết sức thú vị này trong phim.

Tôi đã từng bàn với Khương Văn về vai diễn Hạng Vũ và Hán Cao Tổ Lưu Bang, Khương Văn bảo anh ta có thể diễn cả hai vai này, anh ta sẽ dùng tinh thần để diễn Hạng Vũ và dùng kỹ xảo để diễn Lưu Bang. Thật tuyệt vời! Sự tự tin của Khương Văn khiến tôi phấn chấn vô cùng. Đương nhiên, sắm vai Hạng Vũ hay Lưu Bang đơn giản hơn nhiều so với vai Mao Trạch Đông, nhưng vấn đề “dùng tinh thần để diễn” cũng là điều đáng để mọi diễn viên suy nghĩ và tham khảo.

Quá thật, trong “Hoàng hậu cuối cùng”, vai diễn của Khương Văn chính là biểu hiện kiểu diễn tinh thần áp chế ngoại hình. Nên có hàng nghìn Phổ Nghi; Phổ Nghi của Khương Văn chính là một vị Hoàng đế dùng tinh thần của Khương Văn để thống trị. Vì đây là một trong những vai diễn đầu tiên nên vị Hoàng đế này vẫn thấp thoáng chút ít tinh thần Khương Văn. Cảnh Phổ Nghi mặc quân phục làm ra vẻ oai vệ đi giữa hai hàng lính khiến tôi liên tưởng đến một tiểu

tướng Hồng vệ binh thời Cách mạng văn hóa dương dương tự đắc đi giữa phố phường. Khi Phổ Nghi hành hạ Uyển Dung, tôi cũng liên tưởng đến cảnh Hồng vệ binh tổ chức phê đấu những kẻ theo đòi tư sản. Tôi cho rằng trong bộ phim này, Khương Văn đã dựa rất nhiều vào những trải nghiệm trong thời niên thiếu, những trải nghiệm này thuộc về cá nhân anh ta, đương nhiên nó rất mới mẻ. Những thể nghiệm mới mẻ có sắc thái cá nhân này như một dòng máu nóng ào ạt chảy vào trong vai diễn, dung hòa vào tư tưởng của vai diễn vốn bị giới hạn bởi kịch bản, như vẽ rồng điểm mắt, vai diễn trở nên có hồn hơn, chân thực hơn. Nhưng chỉ đơn thuần dựa vào những trải nghiệm cá nhân là vẫn chưa đủ - Đây chính là chỗ khiếm khuyết nhất của những diễn viên hạng hai.

3. Tạ Tấn tiên sinh đã chọn Khương Văn đóng vai gã điên họ Tần trong “Thị trấn Phù Dung” là một thành công nhưng đồng thời cũng là một thất bại. Những biểu hiện đột xuất của Khương Văn trong “Thị trấn Phù Dung” là nhân tố quan trọng nhất làm thành những thành công nhưng cũng chính những biểu hiện quá đột xuất của anh ta lại tạo nên sự không hài hòa trong toàn bộ bộ phim. Đâu đó trong bộ phim có cảm giác cười cợt cuộc đời, lại pha chút tự trào. Cảm giác này là của các bộ phim có nội dung hiện đại, không hoàn toàn phù hợp với phim cổ điển, truyền thống theo chủ nghĩa hiện thực nghiêm khắc. “Nữ quân nhân đỏ”, “Truyện kỳ núi Thiên Vân”, “Vòng hoa dưới chân núi Cao Sơn”... không có kiểu cảm giác này. Trong những bộ phim này chỉ có thù hận và tình yêu, tất cả diễn viên đều tuân phục những yêu cầu của đạo diễn họ Tạ để điều tiết tình cảm của mình, trước tiên là nghiêng răng mỉm cười, sau là nước mắt lưng tròng. Nghiến

rằng mí mắt lợi và nước mắt lưng tròng là sản phẩm của tình cảm bị xao động, đều là những biểu hiện của sự không bình tĩnh, mà sự không bình tĩnh là kẻ địch đáng sợ nhất của tư tưởng. Tôi không cho rằng tình cảm bị xao động là không nghệ thuật, là không hiện đại; nhưng tình cảm bị xao động không thể trở thành tiêu chuẩn duy nhất và cuối cùng để bình giá nghệ thuật. Trong giới văn học cũng có nhiều bậc đại gia phạm phải sai lầm này. Trong rất nhiều cuộc thảo luận về văn học tôi đã từng nghe rất nhiều bậc đại gia nói rằng, tác phẩm này cực tốt, bởi khi tôi đọc nó thì nước mắt tôi rơi là chỗ! Khiến người ta chảy nước mắt có nhất định phải là một tác phẩm tốt hay không? Không nhất định phải như vậy. Thấy chuyện bất bình thì nghiêng rằng mí mắt lợi, vì đồng tình mà rơi nước mắt là sự phản ánh những tình cảm bình thường, nhà nghệ thuật có cần biểu hiện tình cảm cao cấp hơn một tí hay không? Tôi cảm thấy đó là điều rất cần thiết.

Khương Văn không hề biến gã điên họ Tần thành một thứ dẫu Vạn Kim trong mắt của người xem nhưng anh ta đã thể hiện một gã điên vô cùng tuyệt vời trong phim. Chỉ cần trường đoạn gã điên quét đường phố là Khương Văn đã thể hiện được tính cách cơ bản của nhân vật này - những động tác quét như múa của gã điên hô ứng với những điệu múa trong phần đầu bộ phim - khi chỉ huy dàn đồng ca, hình như chủ đề được lặp lại nhưng có biến tấu. Một vài chi tiết nữa cũng rất đáng để ý: gởi đơn xin kết hôn, nện mình vào hắc bang. Đương nhiên, những chi tiết này có thể có căn cứ từ trong nguyên tác, nhưng giả sử không có Khương Văn biểu hiện một cách vô cùng sinh động, những tình tiết ấy chỉ có thể truyền cho người xem một cảm giác nặng nề và ngưng trệ

mà thôi. Những cảm xúc rất thanh thoát trong “Thị trấn Phù Dung” phần lớn dựa vào tài năng của Khương Văn.

Nếu bảo rằng nghệ thuật biểu hiện của Khương Văn trong “Hoàng hậu cuối cùng” phần lớn là dựa vào những cảm thụ tự thân từ thuở thanh thiếu niên thì trong “Thị trấn Phù Dung”, Khương Văn đã nhập thân vào vai diễn gã điên họ Tần không chỉ từ những cảm thụ tự thân đơn giản ấy mà tiếp thu từ nhiều nguồn mạch khác nhau. Đây là một sự nhảy vọt trong nghệ thuật diễn xuất của anh ta. Mỗi người có một năng lực chiếm lĩnh cảm giác của người khác và rõ ràng Khương Văn là một cao thủ trong vấn đề này. Anh ta rất nhanh chóng đem huyết dịch của người khác biến thành huyết dịch của chính mình, lấy cảm giác của người khác biến thành cảm giác của chính mình. Quá trình chuyển hóa này dựa vào sự lý giải của anh ta về con người và cuộc sống. Năng lực này thì ai ai cũng có, nhưng trình độ tất nhiên không đều. Đây chính là sự khu biệt giữa một diễn viên thiên tài và một diễn viên bình thường, đương nhiên cũng là điểm khu biệt giữa một nghệ thuật gia ưu tú và một nghệ thuật gia bình thường.

Có một điểm rất thú vị nữa là, đến cuối bộ phim, khi gã điên họ Tần đi lao động cải tạo về đến bến đò thì tương ngộ với Lý Quốc Hương. Khương Văn diễn xuất đoạn này có vẻ rất hồn hậu khoan dung. Lúc ấy, những cảm giác trẻ thơ đã mất, chú chim sẻ nhanh nhẹn đã biến thành một con chim ưng gãy cánh. Sức mạnh tiềm tàng trong cơ thể anh ta, cho dù anh ta không hề hé răng nói lấy nửa lời, im lặng như trái đất, trên mặt đất không thấy gì cả nhưng trong lòng đất vẫn có những dòng nham thạch đang âm thầm chuyển lưu.

“Thị trấn Phù Dung” tiết kiệm khá nhiều nước mắt nhưng lại lãng phí không biết bao nhiêu là não tủy của người xem. Đây chính là một thành công ngoài dự kiến của Tạ tiên sinh.

4. Cho dù những người có quyền chức có thừa nhận hay không thì “Cao lương đỏ” vẫn cứ là một cột mốc huy hoàng đánh dấu sự phát triển của lịch sử điện ảnh Trung Quốc. Nó là sự tổng kết những nỗ lực của thế hệ đạo diễn điện ảnh thứ năm và cũng là của một thế hệ diễn viên mới, là thành quả của một bộ phận trong đội ngũ những người làm phim đông đảo bắt đầu ly khai con đường làm phim truyền thống để tiếp cận với điện ảnh thế giới. Việc nhận được giải thưởng quốc tế tuy không hoàn toàn chứng minh được rằng, “Cao lương đỏ” đã đạt đến đẳng cấp quốc tế, nhưng chỉ ít nó cũng là một sự chứng minh cho con đường hội nhập của điện ảnh Trung Quốc vào tiến trình chung của điện ảnh quốc tế. Trong đội xung kích do Trương Nghệ Mưu xuất lĩnh ấy, đương nhiên Khương Văn là đại tướng tiên phong. Từ xưa đến nay ở Trung Quốc chưa có bộ phim nào nhận được sự tán dương cũng như những lời bình luận đủ sắc màu như “Cao lương đỏ”. Việc đã qua mấy năm, nhìn lại mới thấy rằng những lời tán dương và phê bình ấy có phần hơi quá lời, là sản phẩm của một kiểu phê bình thiếu bình tĩnh của một thời.

Lời phê bình của những người này là rất thiếu thuyết phục. Họ vẫn tiếp tục đi theo con đường phê bình “vũ huấn”, lời lời có dẫn chứng, có chứng minh trông rất tiếp cận chân lý - nhưng thực tế là kiểu *vạch lá tìm sâu, vạch áo bắt rận* mà thôi. Do vậy mà thoạt trông thì “Cao lương đỏ” dường như gây được làn sóng phê bình rất mạnh mẽ nhưng về thực chất thì không hề có chút nghiêm túc nào, không

xuất phát từ điểm nhìn nghệ thuật thuần túy nào. Nó có thể có tác dụng thực tế trong việc doanh thu của “Cao lương đỏ” nhưng không có giá trị gì nhiều về mặt học thuật cũng như nghệ thuật. Đương nhiên, chúng ta rất hy vọng làn sóng tranh luận phê bình này nên duy trì đối với mỗi bộ phim để cho những người đang làm công tác nghệ thuật này có điều kiện đứng dậy, nhưng rồi cơ hội này là “nhất khứ bất phục phản”. Do vậy mà tất cả những lời chửi bới khiến người ta không thích thú lắm của giới phê bình cuối cùng cũng chỉ còn là những tiếng muỗi vo ve bên tai của giới điện ảnh thôi...

Trên thực tế, trước “Cao lương đỏ”, một số chủ tướng hình thành nên “thế hệ đạo diễn thứ năm” đã thông qua những bộ phim như “Đất vàng”, “Một người và tám người”, “Trộm ngựa”, “Rời khỏi cuộc săn”... để tuyên bố một cách hùng hồn rằng một lớp đạo diễn điện ảnh mới đã từ bỏ con đường chính thống theo kiểu cần răng chảy nước mắt truyền thống. Nhưng con đường này là chưa hoàn toàn triệt để. Những hiệu quả mới khiến người ta phải chú ý trong những bộ phim của họ chủ yếu là dựa vào sự cách tân về quan niệm và kỹ thuật điện ảnh, cho nên chúng dựa chủ yếu vào kỹ thuật của người quay phim chứ không phải là sự đổi mới của diễn viên, cốt truyện của người quay phim lớn hơn cốt truyện của diễn viên nhiều. Hiện tượng này có lẽ là một hoàn tiết trong quá trình tiến bộ của điện ảnh, không nên phê phán, nhưng vấn đề tôi muốn nói đến là sự khu biệt giữa “Cao lương đỏ” và những bộ phim này. Xuất thân từ một nhà quay phim, Trương Nghệ Mưu không muốn vất bỏ sở trường khiến anh thành danh, quay phim Cố Trường Vệ cũng thế

hiện những kỹ năng xuất sắc của mình. Đơn cử cách tạo hình, “Cao lương đỏ” với những bộ phim đã đề cập rõ ràng có nhiều chỗ tương đồng, nhưng nếu chỉ dựa vào điểm này thôi thì “Cao lương đỏ” không thể đạt giải thưởng quốc tế Tây Berlin, cũng không thể khiến người xem hứng thú đến như vậy. “Cao lương đỏ” so với những bộ phim của “thế hệ đạo diễn thứ năm” khác nhau chỗ nào? Ở chỗ lý giải con người, ở chỗ sự thể hiện tình cảm gắn với chủ nghĩa lãng mạn cổ điển, ở chỗ “con người phải sống như thế nào”, “con người vốn có thể sống như thế”, “con người đã từng sống như vậy”. Để thể hiện được những vấn đề này mà chỉ dựa vào tài năng của nhà quay phim thì hoàn toàn không thể, mà phải dựa vào diễn viên. Từ góc độ tiên phong mà xét, “Cao lương đỏ” dường như là một bước lùi so với những bộ phim kể trên, nhưng sự thật chứng minh, bước lùi này lại biến thành một kiểu “khai thiên phách địa” trong nghệ thuật điện ảnh, cũng giống như lùi một bước trong cỏ gai um tùm rồi vùng vười cắt lên xông thẳng vào cỏ gai ngút ngàn mà mở một con đường mới vậy thôi.

Vừa diễn xong vai một ông hoàng quá dị và một văn nhân lạc phách giang hồ, Khương Văn lại nhập vào vai tên thổ phỉ hung tàn Từ Chiếm Ngao. Trong giai đoạn đầu, diễn viên và vai diễn thường là đối thủ của nhau, cả hai thường đi dạo một vòng bên ngoài trường diễn và kịch bản, đấu trí tuệ, tìm cơ hội, tìm nhược điểm của đối thủ rồi vùng quyền lên đâm loạn xạ vào nhau, tất nhiên sẽ có một trong hai sẽ bị đánh ngã ra đất, nhưng đó không phải là diễn viên đánh ngã vai diễn mà là vai diễn đánh ngã diễn viên. Vai diễn đánh ngã diễn viên, thế thì vai diễn sẽ diễn diễn viên, diễn

viên đánh ngã vai diễn thì diễn viên diễn vai diễn. Đúng là phiền phức đến chết mất thôi! Điều này dễ dàng rơi vào một vấn đề cũ rích: “bản sắc diễn viên” và “tính cách diễn viên”. Ý của tôi là: Một diễn viên giỏi thì có thể diễn vai hoàng đế lẫn vai lưu manh; một diễn viên giỏi đương nhiên là diễn hoàng đế thì giống hoàng đế, diễn lưu manh thì giống lưu manh. Diễn viên giỏi không phải như một viên kẹo trong ruột thì giống nhau nhưng được gói bởi những vỏ kẹo khác nhau, những diễn viên đánh bại được vai diễn đương nhiên không phải vĩnh viễn chỉ có một mùi vị như viên kẹo được, phiền phức quá! Ý của tôi là: Một diễn viên giỏi sau khi đánh bại được vai diễn thì nên dùng tinh thần của mình, cá tính của mình dung nhập vào vai diễn, dung hợp vào tinh thần của vai diễn mà kịch bản đã chế định. Như thế, hoàng đế hay lưu manh mà anh diễn mới có thể trở thành một diễn hình với cá tính sinh động và mới mẻ mà không phải là một hình tượng mang tính loại hình. Đặc trưng cá tính diễn viên với đặc trưng cá tính vai diễn mà kịch bản đã chế định thông qua đấu tranh mà dung hợp với nhau là con đường để người ta không thể quên hình tượng được tái hiện trên màn bạc, ai sẽ là chủ đạo trong hình tượng tinh thần này? Nói cách khác, ai sẽ chỉ huy ai đây? Đương nhiên là cá tính diễn viên sẽ chỉ huy cá tính vai diễn. Viết đến đây, một câu nói sáng rực hiện ra trong tâm trí tôi: Nguyên tắc của chúng ta là, Đảng chỉ huy súng, tuyệt đối không có chuyện súng chỉ huy Đảng.

Trong trận quyết đấu giữa Khương Văn và Từ Chiếm Ngao, Khương Văn đã thắng nhưng là một chiến thắng vô cùng gian nan. Chỉ cần một quyền, Khương Văn đã đánh bại

vị hoàng đế cuối cùng Phổ Nghi, hai quyền đã đánh gục một quan chức văn hóa là gã điên họ Tần, nhưng ba quyền vẫn chưa thể hạ nổi người anh hùng thảo dã Từ Chiếm Ngao. Từ Chiếm Ngao là loại người nào vậy? Từ nhỏ đã giết người hời của, đốt nhà phá cửa, cay độc nham hiểm, cuồng phóng tự do, thất lưng đeo lựu đạn, mở miệng là tuôn những lời của thổ phỉ, dễ gì đánh gục được bằng ba quyền? Nhưng cuối cùng hẳn ta cũng đã quy phục Khương Văn. Khương Văn không phải vung quyền đánh nhau một cách đường đường chính chính, anh ta dùng cách đánh nhau của kẻ lưu manh. Trong lịch sử phong kiến mấy nghìn năm của Trung Quốc, suy cho cùng phần nhiều là những tập đoàn lưu manh đã bại những lực lượng đường đường chính chính để khoác hoàng bào ngồi trên ngai hoàng đế. Thắng lợi của Khương Văn một lần nữa chứng minh cái đạo lý ấy. Với tư cách là tác giả của nguyên tác, đương nhiên tôi biết đặc trưng tính cách của Từ Chiếm Ngao. Con người ông ta có cốt cách của một tay lưu manh, đương nhiên ông ta cũng rất thích những trò đùa dai, nhưng về cơ bản ông ta vẫn là một tên thổ phỉ nghiêm túc. Khương Văn lại xử lý nhân vật này đầy cá tính, anh ta đã phóng đại thành phần thích trò đùa dai trong cá tính của Từ Chiếm Ngao, khiến cho nhân vật này có sự khu biệt rõ ràng với những nhân vật lưu manh hắc đạo trên màn ảnh trước đó. Đây là một thổ phỉ rất đáng yêu nhưng vẫn cứ là một thổ phỉ. Ông ta hung bạo, ông ta đầy âm mưu, ông ta cường gian... đều không thua kém bất kỳ một tay thổ phỉ nào, nhưng ông ta vẫn cứ đáng yêu mà không hề đáng sợ. Đây chính là những cống hiến của Khương Văn. Đây cũng là nguyên nhân để nửa đầu "Cao lương đỏ" hấp dẫn mọi người. Nhưng ở nửa sau của "Cao lương đỏ", chúng ta không

còn thấy cái “khí chất khỉ” trên con người Từ Chiếm Ngao nữa mà “khí chất hổ”, “khí chất sói” được gia tăng, bộ phim trở nên nặng nề hơn. Nhưng tôi tự nguyện đem thất bại này gán cho kịch bản, là khuyết điểm của người biên kịch, nói một cách khoan dung hơn, phần sau của “Cao lương đỏ” cũng không hề tồi nhưng nếu so với phần đầu, người xem vẫn có cảm giác là đã bước ra khỏi không khí truyền thuyết để quay về với thế giới hiện thực.

5. Sau “Cao lương đỏ”, Khương Văn và Lưu Hiểu Khánh hợp diễn trong “Xuân Đào”, “Lý Liên Anh”. Đây là lần thứ hai, thứ ba Khương Văn hợp tác với người bạn diễn trẻ trung này. Lần hợp tác thứ nhất giữa hai người là trong cung điện đế vương quý khí trầm trầm và những con phố vắng Bắc Kinh tường cao ngói vờ. Cuộc sống cá nhân của hai ngôi sao điện ảnh Trung Quốc này vốn là đề tài sinh động cho không biết bao nhiêu người đàm tiếu, nhưng cuối cùng họ vẫn vượt qua những ngọn roi đàm tiếu, để sống một cách thanh thản, phấn đấu trong công việc để cống hiến cho đời “Xuân Đào” rồi đến “Lý Liên Anh”. Đây là hai con người dũng cảm, nếu trong tình cảm nam nữ mà cho phép dùng đại tự để viết thì tôi cho rằng giữa Khương - Lưu có mối quan hệ cao thượng, là một kiểu quan hệ trong sáng và bao la như bầu trời tháng mười. Kỳ thực, để có được sự quan tâm nghị luận của nghìn triệu người yêu thích điện ảnh cũng là một sự ưu ái, hy vọng hai người cũng nhận được sự ưu ái thế này.

Mang theo phong độ oai hùng của người anh hùng thảo dã Từ Chiếm Ngao, Khương Văn tiến vào những con ngõ hẹp của Bắc Kinh. Sau những trận gió bão toí bởi vẫn thường có những cơn gió hiu hiu và những làn mưa nhẹ,

từ “Cao lương đỏ” đến “Xuân Đào” là một sự chuyển hoán tương tự. Tôi không có ý định phủ nhận bộ phim này, nhưng thành thật mà nói tôi vẫn nghĩ đây không phải là bộ phim mà Khương Văn dồn tất cả tâm trí, vai diễn nam chính đối với Khương Văn là quá nhẹ nhàng, do vậy mà Khương Văn cũng diễn quá nhẹ nhàng. Anh ta sống một cách thỏa mãn an nhàn trong một gia đình thường thường bậc trung và hình như những lớp mỡ trong người anh ta cũng dày thêm nửa tấc, cho dù là sắm vai chính nhưng Khương Văn chỉ dùng da thịt của chính mình. Đây không phải do Khương Văn sai. Giống như ngày xưa, Belinxki bình luận Tolstoi rằng: Một người hát bè cao dùng tiếng hát của mình lấn át tiếng hát của người hát bè trầm trong dàn hợp xướng, tố chất của bè cao sẽ tự nhiên biểu hiện ra. Trong “Xuân Đào”, Khương Văn dùng da thịt để diễn, nhưng cốt cách “dùng tinh thần để diễn” vẫn tùy lúc mà biểu hiện ra, mỗi lần nó biểu hiện thì lưu lại ấn tượng sâu sắc cho khán giả. Chẳng hạn, cảnh Khương Văn giơ tay về phía Xuân Đào trong đêm tối, cảnh đôi mắt Khương Văn vọng về bức tường thành cũ nát có vẽ hình một người đàn bà quảng cáo cho thuốc lá thơm...

Qua những cơn gió nhẹ và những làn mưa lất phất, bầu trời đột nhiên trở nên đen kịt, hơi quý âm u nhập xâm vào da thịt, đại thái giám Lý Liên Anh đầu tóc bạc rối bởi từ phần mộ chui lên. Lần thứ ba Khương Văn và Lưu Hiểu Khánh hợp tác, chỉ có “Lý Liên Anh” mới đáng gọi là “Tân Tấn chi duyên”. Tôi cho rằng trong “Thị trấn Phù Dung”, những gì Khương Văn thể hiện đã lấn át hào quang của Lưu Hiểu Khánh; trong “Xuân Đào” sự hợp tác của Lưu Hiểu

Khánh với người chống pháp định dứt gánh giữa đường khiến Khương Văn thể hiện cũng bình bình thường thường. Nguyên nhân nào đã áp chế Khương Văn biểu hiện cá tính khiến anh ta từ một ngọn lửa phừng phừng biến thành những đốm ma trơi lập lập lờ lờ? Bởi Lý Liên Anh đã bị mất sinh thực khí! Trong trận quyết đấu giữa vai diễn và diễn viên này, vai diễn Lý Liên Anh và diễn viên Khương Văn bất phân thắng bại. Chính cuộc quyết đấu ngang ngửa này đã quyết định thành công của bộ phim. Lưu Hiểu Khánh - Từ Hy uy nghi đã trấn áp một Khương Văn Lý - Liên Anh tàn tồn ý thức nam tính, hình thành cục diện “hai xe cùng tiến” (hai hình tượng Từ Hy thấp thoáng trong tấm kính trên lưng Lý Liên Anh có ý nghĩa tượng trưng sâu sắc). Do vậy vai diễn nam nữ và diễn viên nam nữ đã đánh bật phù hiệu phân biệt giới tính trong “Lý Liên Anh”; việc kêu gào khẩu hiệu “nam nữ bình đẳng” mấy nghìn năm nay đã được thực hiện trong “Lý Liên Anh”; những người theo đuổi chủ nghĩa nữ quyền, vận động giải phóng phụ nữ có thể nhận được những gợi ý từ “Lý Liên Anh”?

6. Trong “Bản mệnh niên”, Khương Văn thủ vai một thanh niên có nhiều ác tích nhưng lương tâm không tồi. Đây là một câu chuyện kêu gọi sự đồng tình và lý giải, cũng là một câu chuyện vô cùng thông thường trong cuộc đời thực. Nếu ra đời sớm hơn khoảng năm năm, bộ phim này rất có thể sẽ gây nên một tiếng nổ kinh thiên động địa, nhưng điều khiến người ta tiếc nuối là người xem đã thường thức no nê kiểu phim Vương Sóc nên đối với kiểu người Bắc Kinh biến thái như thế này có đôi chút chán ngán. Do vậy, cho dù biên kịch, đạo diễn, diễn viên đều rất ưu tú nhưng bộ phim này

vẫn không nhận được sự tán thưởng của mọi người. Thiết nghĩ, điện ảnh Trung Quốc đang kêu gào phải có những điều mới lạ không chỉ ở đạo diễn và diễn viên mà còn ở nhà biên kịch phải có những ý tưởng mới, thậm chí, tiếng kêu gào dành cho những kịch tác gia còn bức thiết hơn so với tất cả các thành phần còn lại.

Không nghi ngờ gì nữa, trong “Bản mệnh niên”, Khương Văn thủ vai không đến nỗi tồi. Anh ta diễn loại nhân vật này phải nói là rất linh hoạt, muốn sao được vậy. Nhưng trong mơ mơ hồ hồ, tôi vẫn có cảm giác rằng đằng sau vẻ thanh thần linh hoạt ấy ẩn tàng một khát vọng muốn vượt lên cái tầm thường, một ý thức công kích vào những lỗ cốt bảo thủ của Khương Văn.

Tôi không thể không nhấn mạnh điều này: Biên đạo, đạo diễn, diễn viên của “Bản mệnh niên” trước mắt đều là những nhân vật ưu tú nhất của làng điện ảnh Trung Quốc, bộ phim cũng đã được thừa nhận là một trong những bộ phim ưu tú nhất trong những năm gần đây. Những điều tôi vừa nói chẳng qua là xuất phát từ chỗ không biết làm thế nào khác hơn được, cũng giống như tôi không thể không nói ra nguyên nhân ở đây. Khi “Bản mệnh niên” kết thúc thì người xem đã đứng dậy bỏ về gần hết, nhân vật nam chính thân thể đầy máu nằm giữa những chiếc ghế. Kiểu kết thúc này không hiểu vì sao lại khiến tôi liên tưởng đến hiện trạng của điện ảnh Trung Quốc và một cảm giác ưu thương không thể ngăn cản dâng lên trong lòng. Sau mười mấy năm lật đổ “Tứ nhân bang”, rất nhiều nghệ thuật gia như một mũi tên đã dũng cảm xung phong xông thẳng vào những kịch viện,

những rạp chiếu phim nhưng chỉ có thể trông thấy những hàng ghế trống không được chiếu bởi những ngọn đèn điện mờ mờ tỏ tỏ. Hoa đã khô quắt, tiếng bàn luận đã tan, người xem đã về nhà ngủ, người phụ nữ mà nam diễn viên chính theo đuổi một cách khổ sở đã kẹp tay một kẻ lưng giắt theo hàng vạn quan tiền đi mất, nam diễn viên ngã vật ra giữa những hàng ghế!

Nhưng tôi vẫn tin tưởng rằng, đây chẳng qua là một sự lạnh nhạt tạm thời, hoa tươi vẫn sẽ ngậm sương kiều diễm, những tiếng hoan hô rồi sẽ nổi cuộn như sóng đại dương, người xem sau khi ngủ say rồi cũng sẽ quay lại, người phụ nữ đã bỏ đi rồi cũng sẽ quay về. Quan trọng hơn là, máu trên bụng của nam diễn viên chính chỉ là do những người hóa trang đổ mực đỏ lên mà thôi. Khương Văn cùng với những người đồng diễn của anh ta sẽ tiếp tục chạy nhảy với một khí thế mới vô cùng bùng nổ...

Nhắm về một ngọn núi cao hơn mà leo. Trong mắt Khương Văn, ngọn núi cao ấy là cái gì? Nói cách khác, sau khi một loạt vai diễn thành công hay không thành công, thông qua điều chỉnh, bổ sung, suy nghĩ, anh ta muốn sắm những vai diễn nào trong tương lai?

Anh ta nói: Mười mấy năm nay, chúng ta vấy qua vùng lại nhưng thực tế là chúng ta vẫn chưa thoát khỏi mô thức của điện ảnh Liên Xô: người tốt vẫn có những suy nghĩ hắc ám, kẻ xấu cũng có những lúc thiện lương, tất cả đều trung dung, đều hài hòa, đều không cực đoan... Bây giờ tôi rất muốn đi theo con đường cực đoan, muốn diễn một thằng khốn kiếp, một thằng lưu manh chân chính; một kẻ bại hoại vượt lên trên

cả quy luật, bại hoại một cách vô lý; muốn diễn tình cảm của những người phi thường, vừa mới bắt đầu đã nhập vào một trạng thái tinh thần đặc biệt...

Tôi nghĩ, những vai diễn như thế là đầu trâu mặt ngựa. Theo giải thích của từ điển, đầu trâu mặt ngựa là chỉ những quỷ thần có kỳ hình dị tướng. Nhưng thế giới này không có quỷ thần, quỷ thần chẳng qua là người trần thế kỳ hình dị tướng, mà sự quái dị hóa, cực đoan hóa lại là sự biểu hiện tập trung một cách cực đoan một phương diện nào đó của bản chất con người. Có thể biểu hiện được những trạng thái ấy, có thể để cho con người xem được đầu trâu mặt ngựa mới có thể khiến con người nhận thức được chính mình, từ đó phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm để trở nên hoàn thiện hơn.

Tháng 3-1991

Nàng tiên mê hoặc

Tán dương Cung Lợi

Chúng ta không thể không thừa nhận một sự thật này: Trong mắt của tuyệt đại đa số những người mê điện ảnh, tên tuổi của Cung Lợi và Trương Nghệ Mưu gắn liền với nhau. Nếu bài viết này tránh né chuyện ấy sẽ làm cho độc giả không bằng lòng với người viết ra nó, nhưng quan trọng hơn là, nếu né tránh chuyện này, bài viết này sẽ đánh mất phẩm chất thẳng thắn khi đối diện với cuộc đời và nghệ thuật. Ngôi sao điện ảnh và những giai thoại cũng giống như một con người với cái bóng của chính anh ta lúc nào cũng dính liền với nhau, nước ngoài đã như vậy thì Trung Quốc cũng như vậy thôi. Trung Quốc trong những năm qua cũng

đã từng sản sinh ra một số ngôi sao có cuộc sống vô cùng nghiêm túc, hoàn mỹ đến độ khó tìm ra được khuyết điểm nào, nhưng hầu hết người xem đều dùng đôi mắt hoài nghi hướng về những mô phạm đạo đức này. Người xem đối diện với “ngôi sao đạo đức” thì sẽ đặt ra nghi vấn: Có thể như thế thật sao? Do vậy mà thấy, người xem cần ngôi sao điện ảnh nhưng đồng thời cũng cần những câu chuyện thêu dệt chung quanh họ để làm phong phú thêm cho những cuộc trà dư tửu hậu trong cuộc sống vốn chẳng có nhiều mùi vị này. Nếu những ngôi sao màn bạc trên toàn thế giới đều không có “chiếc bóng” của chính mình, rõ ràng cuộc sống của con người tẻ nhạt rất nhiều, và tất nhiên cũng khiến cho những tờ báo ăn theo vì mục đích kiếm tiền phải đình bản mất thôi.

Kỳ thực, hiện tượng thêu dệt và tuyên truyền những câu chuyện chung quanh các ngôi sao lâu nay vẫn ở giai đoạn cao trào, không có nhiều ý nghĩa trong việc bình xét tư cách đạo đức, chỉ là một thú vui khi mà cuộc sống đã giải quyết được chuyện ăn no mặc ấm. Một mặt, những ngôi sao sống dưới ánh sáng của những ngọn đèn cao áp nên nhất cử nhất động của họ đều khiến người ta để ý; mặt khác, quần chúng đã ăn no mặc ấm, xã hội an định, chuyện bàn luận về chuyện riêng những người chung quanh trở thành một nhu cầu, mà ngôi sao điện ảnh là người của công cộng, thoạt trông thì rất gần nhưng thực tế khoảng cách lại rất xa. Bình luận về họ dễ dàng nhận được sự đồng thuận của mọi người, lại không phải lo lắng gì về chuyện bị thù oán. Do vậy mà chuyện riêng tư của các ngôi sao vĩnh viễn vẫn là điểm nóng của một xã hội nhàn nhả. Nếu ngôi sao không có chuyện riêng tư để bàn luận, xã hội nhất định sẽ có ít nhiều chuyện phiền phức xảy

ra. Ngôi sao càng đỏ thì càng được quan tâm chú ý; chuyện riêng càng lửa thì ngôi sao càng đỏ. Đây là hai phương diện của một vấn đề. Ngôi sao điện ảnh chân chính không nhất thiết phải cảm thấy phiền phức về chuyện này, càng không cần lãng phí tinh thần vào đây mà ảnh hưởng đến công việc của mình; thậm chí có thể nói khi mà những chuyện riêng tư của anh ta không còn được ai quan tâm nữa cũng có nghĩa là con đường nghệ thuật của anh ta đã đến hồi kết thúc.

Quan hệ giữa Cung Lợi và Trương Nghệ Mưu e rằng không đơn giản chỉ là chuyện gió trăng một thoáng. Người ta không hề trông chờ hai người sẽ chung thân giai ngẫu, mà họ có thành đôi thành lứa với nhau hay không chỉ có Thượng đế biết và chính họ biết. Lúc này điều mà tôi biết chỉ là: Hai người họ tay trong tay đi nhau đi qua một quãng thời gian khó khăn của cuộc sống, và cùng nhau khám phá một con đường mới, cùng nhau trải qua những niềm vui thành công cũng như nỗi buồn thất bại. Chúng ta không có quyền tò mò về thực chất quan hệ của họ như thế nào, cũng không nhất thiết phải chúc mừng họ về chuyện gì, nhưng qua những lần gặp gỡ, rất nhiều lần tôi nghe được rằng cả hai đều tỏ ra rất tôn trọng và khâm phục tài năng của nhau, sự thân thiết thể hiện qua những lời trao đổi giữa hai người. Sự hợp tác của họ như là một định mệnh, trước tiên là Trương Nghệ Mưu với cặp mắt lão luyện và một lá gan khá to đã dám sử dụng cô sinh viên năm thứ hai của Học viện Kịch nghệ vô danh - Cung Lợi, sau đó mới đến lượt Cung Lợi một lần, hai lần, ba lần làm tăng thêm sự thành công cho những bộ phim của Trương Nghệ Mưu. Sự hợp tác giữa hai người đã cung cấp cho những người thích tò mò chuyện của người khác những

đề tài hấp dẫn, đồng thời cũng cống hiến cho người xem trên toàn thế giới những thành quả lao động huy hoàng. Xét về ý nghĩa, một đạo diễn tài năng và một diễn viên kiệt xuất là vưu vật quốc gia; từ góc độ nghệ thuật mà xét, Trương Nghệ Mưu và Cung Lợi nhận được những danh dự mang tính quốc tế thì những thành quả lao động của họ là thuộc về toàn nhân loại.

Trên thế giới đã từng có một họa sĩ vĩ đại từ bỏ gia đình êm ấm ở Paris để đến một quần đảo ở Thái Bình Dương, trải qua cuộc sống nguyên thủy lạc hậu với thổ dân ở đấy và đã sáng tác được rất nhiều bức tranh vô giá cho hội họa thế giới. Hành vi của ông ta như một sự quay lưng với tiêu chuẩn đạo đức của xã hội Pháp đương thời, và đã nhận không biết bao nhiêu là lời chỉ trích. Một trăm năm đã qua, những người chỉ trích ông đều đã hóa thành tro bụi, đạo đức cũng đã biến hình, nhưng những kiệt tác của họa sĩ thì vẫn treo mãi cùng mặt trời mặt trăng.

Nếu sự hợp tác giữa một người đàn ông và một người đàn bà mà có thể sáng tạo ra những gì có lợi cho nhân loại...

1. Ngày 31 tháng 12 năm 1965, khi tiếng chuông đón chào năm mới chuẩn bị vang lên, trong một bệnh viện ở thành phố Thẩm Dương, một người phụ nữ trí thức tuổi gần bốn mươi đã sinh hạ một đứa bé gái còm nhom. Đứa bé gái ấy chính là Cung Lợi. Lúc ấy, bố và cậu Cung Lợi đang chờ đợi một cách sốt ruột ở bên ngoài phòng hộ sinh, cô hộ lý thò đầu ra khỏi cửa thông báo giới tính của đứa bé. Nét mặt của người bố biểu lộ vẻ vui mừng khôn xiết, riêng người cậu thì thờ dãi đánh sụt. Người bố nói với cậu của con gái mình: Xin lỗi anh, chúng ta đã có ước định từ trước!

Mặt mày hết sức tươi tỉnh, ngôi sao điện ảnh Cung Lợi nói với phóng viên:

- Tôi là một con cá lọt lưới. Mẹ tôi đã triệt sản mấy năm nhưng không hiểu vì sao lại mang thai tôi, ban đầu bà vẫn nghĩ là mình mắc chứng bệnh gì đó. Đến bác sĩ kiểm tra, bác sĩ nói: Mang thai rồi! Mẹ tôi nói: Tôi triệt sản rồi! Chuyện gì đang xảy ra? Bác sĩ nói: Có trời mới biết là chuyện gì xảy ra đối với các người. Mẹ tôi đã có ba con trai

và một con gái, không muốn có thêm con nữa - nếu không như thế thì đã không triệt sản - Bác sĩ lại bảo: Dù sao thì cũng đã có thai rồi, không dễ gì bỏ được đâu, sinh thôi! Thuở ấy vấn đề sinh đẻ có kế hoạch vẫn chưa nặng nề lắm, bố và cậu tôi ước hẹn với nhau: Nếu là con trai thì nó thuộc về cậu, còn nếu sinh con gái thì bố mẹ tôi không nỡ lòng đưa cho cậu.

Bố mẹ Cung Lợi không thể tưởng tượng được rằng, đứa con gái được sinh ra ngoài dự liệu ấy hai mươi năm sau lại mang về cho họ bao nhiêu là vinh dự, đương nhiên cũng không ít phiền toái. Bởi Cung Lợi từ thuở nhỏ không hề biểu hiện những tố chất khác biệt gì với người bình thường như những thiên tài trong lịch sử nhân loại. Năm lên một tuổi, cô theo gia đình di cư đến Tế Nam. Trên vùng đất mùa hè thì nắng như đổ lửa mùa đông thì rét đến còng người này, cô cũng giống như bao đứa trẻ bình thường khác: vào nhà trẻ - học tiểu học - học trung học, tuổi thơ cô đi qua một cách yên bình, thiếu màu sắc. Sau khi tốt nghiệp trung học, Cung Lợi không đỗ đại học nên phải qua một thời gian tìm việc. Sau một thời gian, Cung Lợi trở thành nhân viên tư liệu trong Nhà xuất bản Văn nghệ Sơn Đông, rồi tiếp tục làm cô bảo mẫu trong nhà trẻ trường Đại học Sơn Đông. Những ngày làm nhân viên tư liệu không lưu ấn tượng gì lại trong tâm hồn cô nhưng những ngày làm bảo mẫu thì cô còn nhớ rất rõ ràng. Cung Lợi dạy cho các cháu hát múa, những khuôn mặt thơ ngây và tươi tắn như hoa lúc nào cũng tồn tại trong tâm trí cô. Nửa đùa nửa thật, Cung Lợi nói: Khi tôi làm bảo mẫu, những phụ huynh của các cháu đều ngại tôi nên thường muốn lấy lòng, sợ tôi cho con cháu

họ “đi giày chật”! Cô ngôi sao điện ảnh hiện đại hể mỗi lần nói tới trẻ con là bộc lộ tình cảm rất chân thành. Cô nói, trong “Cao lương đỏ” có Đậu Quan, “Cúc Đậu” cũng có một đứa trẻ, “Chuyện của Thu Cúc” có cô em gái và cô đã có sợi dây liên lạc về tình cảm rất sâu đậm với những đứa trẻ ấy. Mẹ của đứa trẻ sắm vai Đậu Quan trong “Cao lương đỏ” đã từng hiểu nhầm Cung Lợi, nói với con trai: Cô ta (Cung Lợi) là giả, còn mẹ là thật. Cô ta chỉ diễn kịch với con, còn mẹ thì cho con ăn, giặt quần áo cho con. Còn khi nói với đứa con gái trong “Chuyện của Thu Cúc” thì đôi mắt Cung Lợi đỏ hoe, đưa bức thư mà cô bé viết cho phóng viên xem, mở miệng là “em gái tôi”, chứng tỏ Cung Lợi có chân tình thực cảm với cô bé này.

Bố mẹ Cung Lợi cũng chẳng đặt nhiều kỳ vọng vào con gái của mình nên khi Cung Lợi báo tin là đã đăng ký dự thi vào Học viện Nghệ thuật họ cũng chẳng quan tâm lắm. Cung Lợi kể lại rằng, lúc ấy mẹ cô chỉ nói: Thứ mũi thấp, mắt nhỏ miệng nhỏ như con, ngoài việc có chất giọng nghe cũng được thì còn có khả năng gì nữa nào? Bố mẹ không phát hiện ra ở con mình những điểm đặc biệt gì nên họ cũng xem chuyện Cung Lợi mấy lần thất bại cũng là chuyện bình thường.

Thất bại trong việc thi vào Học viện Kịch nghệ Quân đội và Học viện Nghệ thuật Thượng Hải, Cung Lợi gần như tuyệt vọng. Đúng lúc ấy, có một người đã tốt nghiệp Học viện Kịch nghệ Quân đội đã hướng dẫn cho cô một số kiến thức về nghệ thuật biểu diễn. Ngay sau đó Cung Lợi đăng ký dự thi vào Học viện Kịch nghệ Trung ương và lần này thì cô đã toại nguyện.

Cũng Lợi kể rằng, khi cô mặc chiếc quần bò, đeo ba lô bước chân vào khu thánh địa trong mơ ước của không biết bao nhiêu nam thanh nữ tú để làm thủ tục nhập học, thì Học viện đã khai giảng được ba ngày. Lúc ấy, tất cả học sinh đều đang luyện tập trên thao trường, cô đi theo một thầy giáo ngây ngô bước chân vào thao trường. Thầy giáo nói: Các em học sinh, đây là bạn Cũng Lợi từ Sơn Đông đến. Những con người cũng không kém phần may mắn ấy lặng lẽ quan sát và đánh giá cô sinh viên nhập học muộn. Vóc người Cũng Lợi cao ráo nhưng gầy còm, đầu lại rất nhỏ, ngũ quan đều đặn, đôi môi dày mỏng nhưng hàm răng lại chẳng chỉnh tề chút nào, nghe đầu lại có cả một chiếc răng hổ rất to nằm ở vị trí dễ thấy nhất (chiếc răng này đã bị nhổ). Đúng là Cũng Lợi không phải là một mỹ nhân da trắng như tuyết tóc đen như mun, cũng chẳng mày thanh mắt tú gì cả. Toàn thân cô toát nên vẻ dân dã quê mùa nhưng cũng có vẻ gì đó hung bạo hoang dã, nhìn cô dễ liên tưởng đến một loại động vật ăn thịt nguyên thủy nhỏ lông xù, răng trắng và nhọn, miệng mồm nhanh nhạy, đương nhiên đôi mắt đen thường phát xuất những cái nhìn cảnh giác, khiến tất cả các bạn cùng học cảm thấy hiếu kỳ vô cùng.

Kẻ viết bài này cũng đã từng lăn lộn trong một vài lớp học nghệ thuật nên cũng biết đôi điều về những quan hệ rất khó nói một cách rõ ràng, nhưng đích xác là có chút đổ kỵ trong những lớp học này. Tôi cũng đã từng đổ kỵ người khác, người khác cũng đã từng đổ kỵ tôi. Nhưng riêng Cũng Lợi thì bảo quan hệ giữa cô ấy với bạn học là rất tốt, quá khứ đã tốt và hiện tại càng tốt hơn. Một con người gạt hái những thành công huy hoàng trong sự nghiệp dễ dàng nhìn ra những ưu

điểm của đồng nghiệp, thậm chí cô còn thể hiện sự đồng tình sâu sắc đối với những người bạn không mấy thành công của mình, muốn dùng tay mình mà kéo họ theo, chỉ cần có cơ hội chắc chắn là cô sẽ kéo họ theo thôi.

Hai năm học ở Học viện Kịch nghệ Trung ương, Củng Lợi đã thể hiện được khả năng tiềm ẩn của mình. Cô là người đầu tiên của lớp học được chọn lựa cho một vai diễn trong một bộ phim truyền hình, khi cô cùng đoàn làm phim đến nơi quay phim thì Trương Nghệ Mưu - lúc bấy giờ đã nổi danh với những bộ phim mang tính tiên phong như “Đất màu vàng”, “Một người và tám người” - lại đưa mấy người nữa đến Học viện Kịch nghệ Trung ương để tìm diễn viên chính cho bộ phim “Cao lương đỏ”. Lúc ấy, Củng Lợi đang ở Giang Nam chơi đùa với những chú ngựa non trên đồng cỏ, không biết tí gì về vận may đang chờ mình ở trường.

Những giai thoại về Trương Nghệ Mưu tuyển chọn Củng Lợi nhiều không thể kể hết được. Một trong những câu chuyện có sức nặng nhất là, đầu tiên Trương Nghệ Mưu đã chọn được một bạn học của Củng Lợi, cô này sau này cũng thành công tương đối trên phim trường nhưng trong lòng Trương Nghệ Mưu vẫn cảm thấy thiếu thiếu cái gì đó. Đúng lúc ấy thì Củng Lợi quay về. Cái cốt cách tự nhiên, lúc thì như một con thú nhỏ nhe nanh múa vuốt, lúc thì như một chú chim nhỏ xù lông nhắm mắt của Củng Lợi đã đánh gục Trương Nghệ Mưu ngay tức khắc. Nhưng cô gái lọt vào mắt Trương Nghệ Mưu trước khi Củng Lợi xuất hiện so ra cũng chẳng kém cạnh gì, bên tám lạng người nửa cân khiến Trương Nghệ Mưu phân vân do dự, cuối cùng thì chỉ biết dùng trò chơi may rủi là tung đồng xu, căn cứ mặt phải hay

mặt trái của đồng xu khi nằm yên trên đất để quyết định cho một sự chọn lựa muôn vàn khó khăn. Cuối cùng thì Cung Lợi đã gặp may.

Câu chuyện này có đáng tin hay không thực ra cũng chẳng quan hệ gì đến dụng ý của tôi khi viết bài này. Điều tôi muốn nói là, tính ngẫu nhiên của chuyện này cũng giống như vô số những chuyện ngẫu nhiên khác đã làm thay đổi bộ mặt thế giới, một khi rơi vào ai đó lại biến thành vận mệnh của chính người ấy. Tính ngẫu nhiên trên một ý nghĩa nào đó đã phá vỡ những thường quy, nếu tất cả đều thuận từng quy luật chuẩn tắc thì trong đời sống tình cảm vốn mệnh mông hơn cả đại dương của con người e chẳng còn chỗ cho Thượng đế nữa. Sự bắt đầu của Cung Lợi chính là sản phẩm của tính ngẫu nhiên; tính ngẫu nhiên đã chiếu cố cho cô. Đương nhiên, tính tất nhiên mới là yếu tố quyết định sự thành công của cô trong hiện tại. Không biết vị bác sĩ năm ấy đã khuyên bà mẹ Cung Lợi hãy sinh đứa con gái này ra đã từng nói điều này không: Đứa bé này của bà sẽ vang danh thiên hạ?

2. Trong một ngày hè nóng bức năm 1978, một đám đàn ông đầu trọc, lưng trần, eo lưng thắt những chiếc ống diều lè những bước chân nặng nhọc trên con đường chính của vùng Đông Bắc Cao Mật. Không gian đã bị bụi đất và những tia nắng mặt trời như thiêu như đốt hành hạ nên nhuốm một mùi tử khí nặng nề. Dáng vẻ nhếch nhác và những kiểu cách trông có vẻ rất phóng túng của đoàn người đã khiến những người dân Đông Bắc Cao Mật chú ý, và thấp thoáng đâu đó có những tia nhìn bất mãn. Té ra diễn viên điện ảnh là như vậy đấy! Những gì bí mật và sùng bái đối với giới điện ảnh bỗng thành mây khói trong lòng người Đông Bắc Cao Mật. Nhưng lúc ấy, chỉ có Cung Lợi - cô gái vừa rời khỏi lều tranh - là còn để lại ấn tượng tương đối sâu đậm cho dân làng. Cung Lợi thường gánh hai thùng nước chạy lui chạy tới trong sân của nhà khách huyện, trên người chẳng có trang sức nào cho ra hồn, gương mặt lúc nào cũng tỏ ra đăm chiêu suy nghĩ. Lần đầu tiên tôi trông thấy bộ dạng Cung Lợi như vậy, trong lòng

không khỏi có những mối nghi ngờ. Nói thật lòng, Củng Lợi và hình tượng “bà tôi” trong mắt tôi là cách nhau một trời một vực. Trong mắt tôi, “bà tôi” là một viên ngọc long lanh, là một đóa hồng tươi tắn nhưng đầy gai, còn Củng Lợi chỉ là một cô học sinh mới chập chững những bước đầu tiên đến với đời - thực tế thì cô đúng là một nữ sinh. Do vậy mà tôi nghi ngờ đôi mắt nhìn người của Trương Nghệ Mưu, do vậy mà tôi nghĩ là bộ phim này sẽ tan tành dưới tay Củng Lợi mà thôi.

Cho dù tôi không tin tưởng vào Củng Lợi nhưng tôi vẫn tích cực giúp đoàn làm phim một số việc. Tôi tìm được lãnh đạo Huyện ủy, tranh thủ tìm cho đoàn được năm tấn phân để giúp cho cánh đồng cao lương lớn nhanh. Tôi còn phóng xe đến nhà bí thư chi bộ thôn, thổi phồng trình độ của đoàn làm phim từ đạo diễn, biên kịch, quay phim cho đến diễn viên; quảng cáo ý nghĩa vô cùng to lớn của bộ phim, nếu được quay xong thì chắc chắn sẽ giành giải thưởng quốc tế... với hy vọng là ông ta sẽ hô hào nông dân chăm sóc cho cánh đồng cao lương. Bí thư chi bộ nói “Quan trọng nhất là có mưa, bằng không bón phân cũng chẳng được gì!”. Đúng là đoàn làm phim gặp vận may, một trận mưa lớn đổ xuống, cao lương diên cuồng sinh trưởng. Ngày bắt đầu bấm máy, người đến xem đông như kiến, so với chợ phiên còn náo nhiệt hơn nhiều. Tôi ôm con gái đứng xem một lúc rồi về nhà.

Cuối năm 1978, một trong những biên kịch của “Cao lương đỏ” là Chu Vi gọi điện mời tôi đến xem phim. Tôi đạp xe đến Trung tâm Tư liệu Điện ảnh Tiểu Tây Thiên. Vừa đặt chân lên những bậc tam cấp tôi đã đụng phải Củng Lợi - đội mũ nhung, mặc áo lông, chân mang đôi giày cao cổ theo kiểu những cô gái du mục. Cô ấy nhiệt tình chào hỏi

tôi nhưng rồi biến mất rất nhanh chẳng khác một vì sao xẹt. So với hồi mùa hè, Cung Lợi có vẻ trắng và mập ra nhiều, toàn thân cũng toát lên khí vị của thanh niên đô thị hiện đại, những nét đằm chiêu lo lắng ngày nào không còn trên mặt nữa. Tôi nghĩ, điều gì đã khiến Cung Lợi thay đổi nhanh đến như vậy?

Hai tiếng đồng hồ sau, tôi mang theo nỗi trầm tư về kết cục của bộ phim và những tiếng phềng la khiến người ta phải rùng mình bước chân ra khỏi cổng lớn của Trung tâm Tư liệu. Đúng là lúc ấy tôi đã có dự cảm rằng, “Cao lương đỏ” sẽ trở thành tâm điểm của đời sống điện ảnh hiện đại, nhưng thực tế là mọi việc lại diễn ra vượt quá sức tưởng tượng của tôi: Theo sau sự kiện “Cao lương đỏ” nhận được giải thưởng Tây Berlin, “Em gái can đảm đi về phía trước” cũng khiến dư luận như sóng biển trào lên khắp trong nam ngoài bắc, đến nay vẫn chưa hoàn toàn bình yên trở lại.

Ngay trong đêm xem xong “Cao lương đỏ”, tôi nhận lời đặt hàng của tạp chí “Điện ảnh Đại Tây Bắc”, thức suốt đêm viết một bài dài đến tám nghìn chữ. Còn nhớ, trong bài viết này tôi đã dùng một mục để phân tích những vai diễn của diễn viên, trong đó không ngần ngại dùng những từ rất kêu rất đẹp, đáng tiếc là bài viết này tôi không thể tìm lại được, nếu không sẽ trích ra đây vài câu. Thế cũng hay, lúc ấy tôi bị kích động bởi những gì mà bộ phim mang lại nên tôi chẳng ngần ngại gì khi dùng những từ rất kêu rất sáo, những suy nghĩ bình tĩnh hầu như là rất ít. Việc đã qua mấy năm, tất cả đã thành mây bay ngang mắt, quay đầu lại để nghĩ một tí về Cung Lợi và “Cao lương đỏ” chắc là sẽ khách quan hơn.

Không nghi ngờ gì nữa, “Cao lương đỏ” là một bộ phim thể hiện một phong cách mới. Cái cảm giác mới mẻ khiến nhiệt huyết của người xem như muốn trào lên là kết quả của tập thể đoàn làm phim. Cũng Lợi dựa vào tư chất và sự mẫn cảm của mình đã thể hiện trọn vẹn hình tượng “bà tôi”. Cô đã thể hiện một cách tự nhiên và chuẩn xác một hình tượng đầy sắc thái lãng mạn. Để thể hiện được hình tượng một con người sống trước mình đến ba mươi năm, cô sinh viên năm thứ hai chắc chắn đã trải qua không ít để hoàn thành vai diễn.

Diderot Denis đã từng nói trong cuốn “Nghịch lý về một diễn viên” rằng, một diễn viên xuất sắc gặp phải bạn diễn là một người bình thường, anh ta đành phải vứt bỏ những kỹ thuật diễn xuất tuyệt vời của mình để cố gắng bằng vai phải lứa với bạn diễn, do vậy mà anh ta không nhất thiết phải nghiền ngẫm tìm tòi và phán đoán chính xác. Trong lúc hai người cùng nhau tản bộ hoặc đang ngồi quanh lò sưởi bàn chuyện phiếm cũng có thể có tình hình này xảy ra một cách bản năng: Giọng nói của người này sẽ khiến người kia hạ thấp giọng xuống, nếu anh không hy vọng gì có sự phối hợp của người kia thì những kỹ thuật của anh chẳng còn mảnh đất dụng võ nào đâu.

Tôi hoàn toàn ủng hộ những kiến giải thâm thúy của Diderot, do vậy mà tôi càng cho rằng, cô gái vừa rời khỏi lều tranh Cũng Lợi bước chân vào phim trường mà gặp được Khương Văn là một đại hạnh của cô. Đương nhiên nếu không có sự thông minh mẫn tiệp, nếu không có sự thích ứng rất nhanh với Khương Văn của Cũng Lợi thì Khương Văn đành phải dẹp bỏ những kinh nghiệm và kỹ thuật diễn

xuất của mình để ngang bằng với bạn diễn. Nếu như vậy thì Cung Lợi đã chết từ sớm mà “Cao lương đỏ” cũng chẳng ra hồn gì.

Điện ảnh là một loại hình nghệ thuật không bao giờ được tự bằng lòng. Cách đây không lâu, Cung Lợi nói với phóng viên: Nếu để cho tôi diễn lại “Cao lương đỏ”, tôi khẳng định sẽ diễn hay hơn lúc ấy. Ngày ấy, tôi không có cách gì để thể nghiệm được những trạng thái tâm lý phức tạp của người phụ nữ phản nghịch ấy, do vậy tôi chỉ có thể dựa vào hình thể và những biểu hiện bên ngoài mà không thể dùng cảm tình để diễn xuất.

Do vậy mà trong “Cao lương đỏ”, “bà tôi” mới có “nụ cười rạng rỡ” trông rất chương dành cho tay đại thổ phỉ tư lệnh Từ Chiếm Ngao; do vậy mà Cung Lợi biểu diễn không được tự tin lắm khi “bà tôi” tiếp quản lò nấu rượu. Tuy sự chuyển hoá từ một cô gái thành một người quản lý lò nấu rượu đầy quyết đoán chưa thực sự hợp lý, nhưng tôi tin rằng Cung Lợi của ngày hôm nay có thể dễ dàng phá bỏ sự bất hợp lý ấy.

Trong lịch sử điện ảnh thường xuất hiện hiện tượng này: Sự thành công của một bộ phim có khi không hoàn toàn dựa vào những biểu hiện đột xuất của diễn viên - đương nhiên chuyện một bộ phim thành công là nhờ vào diễn viên không phải là không có - mà thường là dựa vào chủ đề của phim nhằm vào việc tuyên dương hoặc phê phán một vấn đề nào đó có ý nghĩa xã hội, biểu lộ một khía cạnh nào đó về bản chất con người khiến người xem đồng tình hoặc từ đó ngộ ra điều gì về nhân sinh. Về cơ bản, “Cao lương đỏ” thuộc vào loại phim này. Nó không hề là một bộ phim “biểu hiện

những vết sẹo của người Trung Quốc” như một số nhà phê bình đã lên tiếng mà là nhằm tuyên dương sức sống mãnh liệt bất khuất của dân tộc Trung Hoa. Cung Lợi và Khương Văn giường cao ngọn cờ phê phán phong kiến và đề cao nhân tính. Khi Cung Lợi thay mặt cho “bà tôi” nằm ngược mặt lên trời trên chiếc giường do “ông tôi” dùng kiếm đắp nên, sự thần thánh và sự trang nghiêm đã xuất hiện. Lúc ấy, quan hệ tính dục đã có ý nghĩa hiến tế linh hồn mang tính tôn giáo. Đương nhiên, ý nghĩa cao quý này không phải bất cứ nhà phê bình nào cũng có thể cảm thụ được.

3. Sau “Cao lương đỏ”, Cung Lợi tiếp tục tham gia với tư cách là diễn viên chính trong bộ phim có tính thương nghiệp “Báo châu Mỹ hành động” cũng do Trương Nghệ Mưu đạo diễn. Bộ phim này ra đời từ mục đích kiếm tiền - nhưng hình như chẳng kiếm được tiền - lại còn bị phê bình rất dữ dội. Sau này, mỗi khi nhắc đến bộ phim này, Trương Nghệ Mưu và Cung Lợi đều cười trừ. Không lâu sau đó, Cung Lợi lại tham gia bộ phim “Lưỡng cung hoàng thái hậu” của đạo diễn Hongkong Lý Hàn Tường, diễn cũng bình bình thường thường, chỉ là dựa vào dư âm của giải thưởng Gấu vàng nên người xem mới dành cho cô và bộ phim cái nhìn tương đối đặc biệt.

Tiếp sau đó, cô và Trương Nghệ Mưu cùng nhau diễn trong phim “Tượng đời Tần”. Đây là bộ phim quán thông lịch sử ba nghìn năm, những người làm phim đều xem đây là một phi vụ làm ăn lớn nên phối cảnh phim cực kỳ hùng tráng, chỉ có điều do cốt truyện cũng bình thường, vả lại khoảng cách giữa truyện phim và người xem phim quá lớn

nên có thể xem đây lại là một thất bại. Trong bộ phim này, Cung Lợi diễn không hay không tệ, cho dù cô cũng đang mang lại ít nhiều hào quang cho bộ phim nhưng hào quang này không đến từ những kỹ năng diễn xuất mà đến từ chỗ cô và Trương Nghệ Mưu liên thủ một vài hành động có tính chất khiêu chiến. Tôi đã xem một cuốn băng ghi hình do một người Hongkong tên là Cam Quốc Lương nắm giữ, từ trong cuốn băng ghi hình ấy có thể hiểu được những chuyện bên ngoài bộ phim. Tôi xem đến chỗ Trương Nghệ Mưu bị xe hơi đụng phải chân, Cam Quốc Lương lên quay đôi mắt của Cung Lợi lúc ấy, đôi mắt thất thần, lo lắng, buồn bực. Cũng trong cuộn băng này, Cung Lợi bảo là cô ấy thích rắn; thích màu đỏ, màu đen và màu trắng. Không lâu trước đây, Cung Lợi lại nói là cô ấy rất yêu thiên nga. Nếu nói rằng tôi có chút sợ hãi khi nghe cô ấy nói là rất thích rắn, thế thì khi nghe cô ấy nói là yêu thiên nga, tôi cảm thấy sự thay đổi ở người đàn bà thích rắn này là dễ lý giải vô cùng. Rắn là sự mềm mại, có cảm giác như nước chảy; còn thiên nga thì ngược chiếc cổ dài như rắn bơi lội trong nước chảy. Một nữ diễn viên giỏi nên có sự mềm mại linh hoạt của loài rắn và sự cao ngạo nhàn nhã của loài thiên nga. Nói gọn một câu, cô ấy cần phải phức tạp, phức tạp chính là trưởng thành. Dựa vào ý thức này, tôi cảm nhận được những ngày làm phim “Tượng đời Tần” của Cung Lợi là rất gian nan. Trương Nghệ Mưu bất hạnh bị thương khiến Cung Lợi thống khổ ngộ ra một điều: Con người không thể làm chủ rất nhiều chuyện trên cuộc đời này. Trên cuộc đời này không làm dùi sắt thì làm chùy sắt, sinh mệnh là đoản tạm còn nghệ thuật là vĩnh hằng.

4. Sau những chuyện mà tôi đã kể trên, Cung Lợi đã tích lũy được trải nghiệm thống khổ và sâu sắc về quan hệ nam nữ - một vấn đề xưa như trái đất nhưng vẫn luôn luôn mới để bước vào giai đoạn hai trong cuộc đời làm nghệ thuật của cô. Từ “Cúc Đậu” đến “Đèn lồng đỏ treo cao”, con đường nghệ thuật của cô vẫn gắn liền với Trương Nghệ Mưu.

Từ “Cao lương đỏ” đến “Cúc Đậu”, nói là phong cách nghệ thuật của Trương Nghệ Mưu đã có sự thay đổi, không bằng nói là thái độ đối với cuộc sống của anh đã thay đổi. “Cao lương đỏ” của Trương Nghệ Mưu thấm đẫm tinh thần vui vẻ hoan lạc, thô ráp, hoang dã, cuồng nhiệt, trong sáng; những nhân vật trong phim dừng cảm hành động, dừng cảm cảm thụ thế giới, có một ý thức cải tạo thế giới hừng hực và bùng nổ, có một sức sống không thể hủy diệt. Nói cách khác, “Cao lương đỏ” thể hiện một cuộc sống hoan lạc đến điên cuồng, vượt ra khỏi những thường quy, trái với những chuẩn mực đạo đức. Quan trọng nhất là, những điều trái với những chuẩn mực đạo đức ấy lại rất thành công khi sáng lập nên

một chuẩn tắc mới cho cuộc sống, còn những trật tự và chuẩn tắc cũ như một con bệnh hủi đã bị giết chết và dìm xác xuống đáy đầm lầy. Khoảng cách giữa “Cao lương đỏ” và “Cúc Đậu” là hai năm, nhưng những thay đổi của chúng đã khiến người ta phải trở mắt: “Cúc Đậu” tuy vẫn có chút ý vị của “Cao lương đỏ” nhưng sắc thái hoan lạc điên cuồng đã hoàn toàn biến mất mà thay vào đó là những nỗi tuyệt vọng và sự sợ hãi đối với vấn đề giới tính. Trong “Cúc Đậu”, Trương Nghệ Mưu đã cường điệu hóa quan niệm về số mệnh trong nguyên tác của Lưu Hằng. Kiểu cường điệu này như muốn cảnh báo: Đối diện với vận mệnh, bất kỳ sự giãy giụa nào rồi cũng đến hồi hủy diệt và cáo chung.

Những thay đổi sâu sắc trong chủ đề phim của Trương Nghệ Mưu có những nội dung xã hội sâu sắc mà tôi không thể phân tích được. Tôi chỉ muốn nói là: Những thay đổi của Trương Nghệ Mưu khiến Cung Lợi phải một phen lao tâm khổ tứ. Cửu Nhi trong “Cao lương đỏ” và Cúc Đậu trong “Cúc Đậu” đều có tính cách phản nghịch nhưng tâm lý của họ lại không hoàn toàn giống nhau. Nếu nói rằng Cung Lợi đã dùng hình thể và nghệ thuật diễn xuất để diễn thành công vai Cửu Nhi, thế thì đối mặt với hình tượng Cúc Đậu đầy phức tạp, những kinh nghiệm ở trên là không đủ. Cửu Nhi chỉ là một con thiên nga, Cúc Đậu lại là một con rắn. Đóng vai rắn khó hơn nhiều. Vai Cúc Đậu cần phải có một người đàn bà có những trải nghiệm trong xã hội hắc ám nhưng không phải ai cũng có những trải nghiệm đáng sợ nhiều như Cúc Đậu. Điều này cần phải có một thiên tài trong sáng tạo mới có thể tự mình trải nghiệm một cuộc sống, mà không có cách nào để trải nghiệm thực tế được.

Mang trong lòng không biết bao nhiêu câu hỏi, tôi tìm Củng Lợi để hỏi cô dựa vào cái gì để lý giải nội tâm vô cùng phong phú và phức tạp của Cúc Đậu. Củng Lợi bảo rằng, cô không biết, nhưng cô lại có thể biểu hiện được. Và Củng Lợi đã thể hiện được nỗi đau khổ và mỗi mệt về nhục thể của Cúc Đậu sau khi bị Dương Kim Sơn hành hạ; Củng Lợi đã diễn rất xuất sắc những khát vọng thầm kín của Cúc Đậu đối với sức trẻ của Dương Thiên Thanh cũng như nỗi sợ hãi của Cúc Đậu đối với luân thường đạo lý; Củng Lợi đã biểu hiện một cách thành công kiêu khiêu khích và quyến rũ của Cúc Đậu đối với người cháu này trên cơ sở những cừu hận đối với Dương Kim Sơn và một tâm thế điên cuồng muốn tung hô tất cả; Củng Lợi đã diễn xuất rất đạt đoạn Cúc Đậu lần đầu tiên chìm trong những cảm xúc nhục dục mê mẩn vừa hoan lạc vừa đau đớn; Củng Lợi đã rất thành công khi thể hiện một tâm lý hoan lạc một cách tà ác có pha chút khinh miệt của Cúc Đậu đối với Dương Kim Sơn khi trong bụng đang mang giọt máu của Dương Thiên Thanh; Củng Lợi đã rất nhập vai khi thể hiện sự thù hận của Cúc Đậu đối với âm mưu giết con của Dương Kim Sơn; Củng Lợi đã diễn rất xuất thần nỗi sợ hãi của Cúc Đậu đứng trước linh sàng Dương Kim Sơn nghĩ về tương lai; Củng Lợi đã tinh tế vô cùng khi biểu hiện nỗi lo lắng sợ hãi của Cúc Đậu khi nhìn thấy con mỗi ngày mỗi lớn cũng như nỗi lo về mệnh vận của chính mình...

Nếu nói rằng mệnh vận của Củng Lợi quá đỏ, thế thì, từ khi Củng Lợi đi ra từ ngọn lửa phừng phừng nuốt phăng Cúc Đậu, chúng ta đã thực sự đối diện với một thiên tài nghệ thuật.

5. Trong bộ phim “Đèn lồng đỏ treo cao” vốn chuyển thể từ tiểu thuyết “Thê thiếp thành quần” của Tô Đồng, Cung Lợi thủ vai bà Tứ - một học sinh xuất thân. Tính mới mẻ của chủ đề bộ phim này rõ ràng là rất đột xuất trong hàng ngũ những nhà đạo diễn thế hệ thứ năm, nó trực tiếp phê phán chế độ phu quyền phong kiến, kêu gào giải phóng phụ nữ, tố cáo xã hội cũ chà đạp lên mệnh vận của người phụ nữ. Bộ phim này cũng thể hiện lòng yêu thích đặc thù của Trương Nghệ Mưu: Anh thích tìm ý nghĩa tượng trưng trong những chỗ không có tượng trưng. Trước tiên là có cây cao lương, sau đó là có phường nhuộm. Do ý đồ sáng tác quá rõ ràng cho nên bộ phim đã bộc lộ một vài chỗ hơi khiên cưỡng và có tính nhân vi, không được tự nhiên lắm. Xem lướt qua có cảm nhận bộ phim rất tuyệt vời, dùng lý trí xem kỹ vài lần cũng có thể phát hiện vài chỗ chưa vừa ý, nhưng cho dù là thế, “Đèn lồng đỏ treo cao” vẫn cứ là một bộ phim có những ý tưởng kỳ diệu, thiếu chút nữa là giât giải Osca có thể chứng minh điều này.

So sánh về mặt ý nghĩa, “Đền lồng đỏ treo cao” có thể đơn giản hơn so với “Cúc Đậu”, so về tính cách, bà Tử đơn thuần hơn so với Cúc Đậu. Đây chỉ là câu chuyện cũ rích: Mấy bà thiếp tranh nhau, liên kết đấu đá nhau, kết cục là có người chết người điên, cuối cùng là có một bà thiếp mới đến thay thế cho bọn họ. Viết về chuyện thê thiếp tranh giành nhau, tiểu thuyết “Kim Bình Mai” đã từng là một tuyệt phẩm, chẳng ai dám nghĩ là sẽ tìm được những gì mới trong chuyện này, cũng chẳng ai dám nghĩ sẽ sáng tạo được một hình tượng Phan Kim Liên đa đoan thứ hai trong văn học nữa. Cống hiến của Tô Đồng là truyện được viết ra bởi một giọng văn mượt mà tú lệ và một phương thức tự sự vô cùng ung dung nhàn tản; cống hiến của Trương Nghệ Mưu trong phim là anh đã cấu tứ nên những cảnh phim đầy tính tượng trưng trong cuộc sống thường nhật; cống hiến của Cửng Lợi là cô đã dựa vào kỹ năng biểu diễn đã chín muồi và những cảm thụ mãnh liệt để thực hiện những ý đồ nghệ thuật của Trương Nghệ Mưu.

Nói tóm lại, những sáng tạo của Cửng Lợi trong “Đền lồng đỏ treo cao” chính là cô đã dùng một kiểu diễn xuất tương đồng về mặt trình độ với “Cúc Đậu” để thể hiện vai diễn, không thua kém và cũng không vượt lên. Đương nhiên, không phải dễ dàng gì để làm được điều này.

6. Chúng ta đang chờ đợi "Chuyện kể về Thu Cúc", cũng là một bộ phim chuyển thể từ tiểu thuyết. Nghe Trương Nghệ Mưu nói, lần này anh cũng thay đổi phong cách một cách triệt để, không có dựng cảnh cũng không có tượng trưng, hầu như mọi cảnh đều quay lén, quay tự nhiên, do vậy mà sau khi hoàn thành, bộ phim sẽ có phong cách ghi chép người thực cảnh thực. Chuyện phim kể về một người phụ nữ nông dân dẫn em gái vào thành phố để đưa cáo trạng. Trong phim, Củng Lợi sẽ ăn mặc rách rưới, học được một vài câu phương ngôn chính gốc Thiểm Tây, chen chúc trong rừng người đi hỏi giá từng sạp hàng khiến cho những người chủ quầy hàng nổi giận. Từ đó mà suy, nhất định Củng Lợi sẽ thủ vai rất thành công, nhất định sẽ khiến Thu Cúc rất khác với những nhân vật mà cô đã diễn.

7. Lúc này Cung Lợi đang đở rục ở nửa bầu trời. Báo “Thanh niên Bắc Kinh” đã từng giật những hàng chữ to như quả hạnh: Đài Loan, Hongkong tuyệt mỹ nhưng khó lòng thắng nổi Cung Lợi! Nhất cố khuyñh Hongkong, tái cố khuyñh Nhật Bản! Lúc này Cung Lợi bận rộn lắm. Vừa diễn xong “Chuyện của Thu Cúc”, Cung Lợi đã đầu quân cho Trần Khải Ca trong phim “Hạng Vũ biệt Cơ”, đến Mỹ để nhận giải Osca, lại nhận lời với một đạo diễn sắm vai Giang Thanh... Lúc này giá trị Cung Lợi tăng lên hàng trăm lần, là diễn viên mà các nhà đạo diễn danh tiếng sẵn đón chờ với những món tiền khổng lồ. Lúc này Cung Lợi vẫn đương chức ở Kịch viện Trung ương, “cướp” một căn phòng làm nơi trú thân khi về Bắc Kinh. Lúc này Cung Lợi vẫn thích mặc quần bò. Cung Lợi luôn miệng nói ước gì cô được ngủ một vài ngày mà không bị ai quấy rầy. Lúc này Cung Lợi nói, khi có người hỏi cô về quan hệ với Trương Nghệ Mưu, cô sẽ nói: Kết hôn từ sớm rồi, anh đúng là đồ hủ nút! Lúc này Cung Lợi tràn trề tự tin nhưng vẫn cười rất tươi khi nghe kẻ bàng môn tả đạo như tôi bình phẩm về những vai diễn của cô. Tôi nói: Cung Lợi, cô cần phải diễn một thanh niên hai ba mươi tuổi nhưng trí tuệ chỉ như đứa trẻ lên ba; lúc này Cung Lợi cười nói: Thế không phải là kẻ ngốc nghếch hay sao? Lúc này

Cũng Lợi không đồng ý với những ý kiến lý luận của Diderot về chuyện diễn viên không được xúc động tình cảm trong khi diễn xuất. Cô cho rằng những quan điểm của Diderot có thể thích nghi với những vai diễn trên sân khấu: Người xem chỉ có thể thấy hình thể của diễn viên. Nó không thích hợp với điện ảnh. Một cảnh đặc tả đôi mắt anh, không thể thấy trái tim anh, còn đôi mắt thì trống không vô hồn, thế coi sao được? Lúc này Cũng Lợi đang nghe người viết nói rằng, một nữ diễn viên phải là một nàng tiên mê hoặc lòng người thì cười phá lên mà nói rằng, không biết có phải như thế hay không? Lúc này quả thực là Cũng Lợi đang chịu quá nhiều áp lực.

Có một câu nói vô cùng thích hợp tôi tặng cho Cũng Lợi lúc này: Em gái, em cứ dũng cảm lao về phía trước!

Ghi chép bổ sung: Bài này viết xong vào năm 1991, nhưng sau đó thì tôi để nó ngủ yên trong ngăn kéo, bởi vì những lời lẽ của kẻ bàng môn tả đạo này nếu đưa lên mặt báo, e là chỉ nhận được những cái nhìn thương hại của các bậc trưởng thượng thôi. Nhưng suy cho cùng, đã viết rồi thì cứ phát biểu thôi, cho dù tiền nhuận bút có thấp đi chăng nữa thì cũng là một kỷ niệm về “Cao lương đồ”. Sau khi viết xong thì được xem “Chuyện của Thu Cúc”, tôi đồng ý với cách nghĩ của nhiều người: Vai diễn Thu Cúc của Cũng Lợi thành công ngoài mong đợi. Sau đó thì tôi chưa có cơ hội xem “Phan Ngọc Lương”, “Tây Sở Bá vương”, “Phải sống”, không dám lạm bàn. Bài viết về Cũng Lợi phủ khắp đất trời, cô ấy vẫn cứ là một điểm nóng trong làng điện ảnh. Trong mười năm cuối cùng của thế kỷ này, nhờ có Cũng Lợi mà cuộc sống của con người thêm một chút màu sắc. Chúc cho Cũng Lợi trong thế kỷ sau càng thu được những thành tựu nghệ thuật huy hoàng hơn!

MỤC LỤC

<i>Vì sao tôi in tuyển tập này</i>	5
<i>Ghi chép tản mạn ở nước Nga</i>	9
<i>Tạp cảm về chó</i>	35
<i>Vó ngựa</i>	63
<i>Chó, chim và ngựa</i>	77
<i>Ngưỡng vọng trời sao</i>	97
<i>Tường hát</i>	115
<i>Ba bài tạp cảm về chuyện ăn</i>	131
<i>Tắm nước nóng</i>	165
<i>Mười hai bài tạp cảm</i>	175
<i>Giấc mơ đại học của tôi</i>	227
<i>Tôi và âm nhạc</i>	233
<i>Những con cừu và... tôi</i>	240

<i>Tôi và rượu</i>	251
<i>Chuyện cũ quê hương</i>	261
<i>Chuyện đọc thuở ấu thơ</i>	277
<i>Mộng dài văn chương</i>	285
<i>Ba bài bút ký về chuyện đọc sách</i>	293
<i>Bàn về Faulkner</i>	315
<i>Suy đoán về Mishima Yukio</i>	321
<i>Người tỉnh nói chuyện mộng du</i>	333
<i>Siêu việt cổ hương</i>	341
<i>"Gia tộc Cao lương đỏ" bị vong lục</i>	389
<i>Đầu trâu mặt ngựa</i>	413
<i>Nàng tiên mê hoặc</i>	435

Mạc NGÔN

*Người tỉnh,
nói chuyện mộng du*

tuyển tập tản văn
TRẦN TRUNG HỖ dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản: **Nguyễn Cừ**
Biên tập: **Triệu Xuân**

Bìa và trình bày: **Đặng Thiên Thư**
Sửa bản in: **Chi nhánh**

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
18 Nguyễn Trường Tộ - Hà Nội
ĐT: (84.4) 829 4685 * Fax: (84.4) 829 4781
E-Mail: nxbvanhoc@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH TP HỒ CHÍ MINH
290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP.HCM
ĐT: (84.8) 848 3481; 846 9858 * Fax: (84.8) 848 3481
E-Mail: xuantrieuwriter@gmail.com

In 1.000 cuốn, khổ 13 x 21cm, tại Xí nghiệp In Công ty Văn hóa Phương Nam.
Số đăng ký KHXB: 68-2008/CXB/197-08/VH.
Quyết định số 02/QĐ-VH do NXB Văn học cấp ngày 14.01.2008.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 2 năm 2008.

... Thế tại sao lại có cuốn sách này?

Bởi tôi nghĩ rằng, đang trong lúc trăm loài hoa quý đua nở thì cũng nên để cho một bông hoa đuôi chó ăn theo nở cùng; đang trong lúc muôn chim đang hát thì cứ để cho con quạ đen cất tiếng hòa vào tiếng hát của muôn chim. Cũng giống như chuyện xuất hiện và tồn tại của tôi bao lâu nay trên văn đàn khiến cho tất cả nam tác gia Trung Quốc đều trở thành Phan An, tập "tản văn tùy bút" này của tôi ra mắt tất nhiên sẽ làm cho tất cả những tập tản văn tùy bút chính hiệu vốn đã thâm sâu lại càng trở nên thâm sâu hơn, vốn đã cao thượng càng trở nên cao thượng hơn, vốn đã tốt đẹp càng trở nên tốt đẹp hơn, vốn đã uyên bác lại càng trở nên uyên bác hơn.

Nhưng chẳng qua tất cả đều là mộng tưởng của tôi...



ĐƠN VỊ LIÊN DOANH



CÔNG TY VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

940 Đường Ba tháng Hai, P.15, Q.11, TP.HCM

ĐT: (08) 8663447 - 8663448. Fax: (84.8) 8663449



Phuong Nam Book



Người tính nơi chuyên...



Giá: 54.000Đ